

Ngô Không Phí Ngọc Hùng



Một Chút Dối Già

Tập Năm

Tủ Sách T. Vấn & Bạn Hữu
2020

*Ngô Không
Phí Ngọc Hùng*



Về gốc gác và cơ ngơi thổ quán của người viết, lượm lặt qua truyện ngắn *Cây gậy tre rút đất* thì Phí lão là người quên cả họ và tên, quan tước, làng mạc, hồ đồ mình không biết mình là ai nữa. Phí lão làm quan nhỏ ba mươi tư năm, nay lui về đất Hiu Tân mà ở ẩn. Nhà ba phòng, chôn tây viên có ao sen, nhăm bụi trúc.

Tuổi mới chớm già, chưa đến nổi lắm cảm. Người không có tướng lại có tính, tính thích rượu, văn phú. Ngoài sự đó, đem lòng mộ đạo Bụt vì rằng: *Như Bụt đã dạy, người ta say vì...uống rượu*. Mượn cơ sự ấy, Phí lão nhấc vò rót rượu, uống vài chén cho say tít cù lý. Say rồi lại tỉnh, tỉnh rồi lại viết, viết rồi lại uống, uống rồi lại say, say với viết cứ lẫn thân mà theo nhau. Bởi thế mà coi cuộc đời như giấc mộng, coi phú quý như đám mây bay, chớp mắt trăm năm, lúc nào cũng li bì mờ mịt, không biết cái già nó đã theo đến. Phí lão tuổi Giáp Thân, nay bảy mươi, râu đã bạc, đầu hói nửa mảng, răng khuyết bốn chiếc, mà cái vui từu lượng vẫn chưa suy.

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

**Một Chút
Dối Già**

Tập Năm



Ấn Bản Điện Tử

do

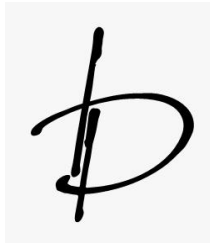
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

Thực hiện 2020

Hình Bìa: Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Trình Bày: T.Vấn

Tập Năm



**Ngô Không Phí Ngọc Hùng
Thạch trúc gia trang**

Mục lục

Đôi lời bệc bệc

001

Nhật ký tình ảo của một ông già 010

Đoàn 76 tù binh 041

Thằng bạn mà y tao 070

Sư sở cuồng và người kỹ nữ 081

Theo bước chân phù lãng nhân 106

Theo khói thuốc 134

Sư tâm đệ tử nan 158

Vong gia thất thổ 186

Hà tất thành sàu đối cỏ cây 213

Mạt lộ, ta ngồi chốn hạ phiên 233

Mắt nhắm, mắt mở 267

Ốc mượn hồn	299
Cõi đời thiên hạ giấc u minh	323
Đảo chìm biên niên ký sự	349
Yếm thắm hương xưa	378
Hải bất dương ba	403
Cái nôi ngời trên cái cốc	437
Bà Đoàn Thị Điểm truyền kỳ tân phả	462
Xuân, hạ, thu, đông	495
Cam đàm khoát luận	519
Trồng cây trên đá	549
Sử quan	575
Vương nghiệp	606

Đôi lời bộc bạch

Trước 75, ở miền Nam không có tập tục văn hoá “Ra mắt sách”. Qua đất tạm dung, một sớm một chiều có thêm văn chương lão hoá, kéo theo một số nhà văn hải ngoại rơi rụng dần, với tre già măng mọc...mọc lên một nữ nhà văn trẻ măng xuất thân,...xuất thân từ trường phái “Văn chương ai điều”. Bạn văn nghiệp dư bộc bạch: “...tôi làm liều viết chơi một bài điệu văn” qua bài phẩm *Một chón để về* và đầu trở xuống cuống trở lên thề này đây...

(...) Mấy năm trước khi tôi còn là tay mơ chưa quen biết ai thì nhờ vào cáo phó mà biết một vì sao vừa chột tất. Một lúc nào đó *tôi làm liều viết chơi một bài điệu văn*, không ngờ rất được thưởng thức. Kể từ đó, dần dần người lạ mách người quen mà tôi được nhờ viết điệu văn dài dài, bi zi nét ngày một khá. Ai không quen biết tôi tra tiểu sử liệt kê tất cả mọi chi tiết thành đạt của người ấy, tất cả những lời khen đã từng được trao ra. Với người tôi thích hay có quen biết thì tôi đổi giọng nỉ non ngậm ngùi thương tiếc.(...) Bây giờ tôi xông cả vào lãnh vực giới thiệu văn thơ. Kinh nghiệm điệu văn giúp tôi viết được cả năm bảy trang giấy mà không cần rõ

2 | Một Chút Đối Già V

nghĩa, bởi tôi cũng đâu thực biết văn chương là gì. Tôi rất hài lòng về thành tích của mình, bởi viết lách mà được nhiều mối như vậy thì rõ ràng là chữ nghĩa của tôi phải rất có chiều sâu và trọng lượng. Tôi cũng nghĩ mình rất quan trọng, bởi một tên tuổi mát đi mà thiếu sự tiếc thương cần mẫn thì nó eo sèo nhân thế lắm, thế giới chữ nghĩa này làm sao có thể thiếu được tôi (...).

Nếu như ra mắt sách sinh sau đẻ muộn thì văn chương ai điều, theo ngọ chữ tôi tầm chương trích cú xuất hiện từ thời Tân Đà, khi cụ về trời bán văn, ông Nguyễn Tuân đã viết *Chén rượu vĩnh biệt* để tiễn biệt cụ. Đến nay văn phái ai điều đông như quân Nguyên qua một số người chỉ đợi nhà văn, nhà thơ nào có danh phận, họ làm đám ma khô (vì chết ở xa) mâm cao cỗ đầy với ơn bằng cái đĩa, nghĩa bằng con ruồi và họ làm văn tế ruồi đại loại như...phở:

(...) Nhà thơ Hà Thượng Nhân viết bài khen bài *Bát phở đầu đời* của Nguyễn Tử Đóa như sau: “Chỉ với bài thơ nhỏ tôi dám nghĩ rằng Nguyễn Tử Đóa có cái phong cách của Bạch Cư Dị lẫn Đỗ Phủ. Bạch trong sáng và Đỗ thâm sâu”. (...)

Vì ông Bạch, ông Đỗ soi phở nên hai cụ Nguyễn Tuân, Vũ Bằng chạy te. Nên văn phái ai điều không thiếu những hí, nộ, ái, ố vì một người mới hai tám ngón bốn tám dài, chưa kịp cái quan định luận đã có người dựng quan tài dậy gỗ...gỗ như Trang Tử...gỗ bôn. Thêm chuyện khi sinh tiền người làm thơ và người viết phiếm chửi người vắng như vắng người

chết, nhưng khi người viết phiếm về với cõi thì người làm thơ... làm thơ ô hô ai tai như cha chết mẹ chết.

Áy là trong chốn trường văn trận bút, văn chương ai điều có chuyện mà ngộ chữ tôi không đủ chữ nghĩa để dàn trải những ngậm ngùi bên bờ tử sinh với sinh lão tử bệnh...

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, trong đoạn văn viết về Nguyễn Tất Nhiên nhân cái chết của nhà thơ năm 1992, đã mở đầu như sau : “Sống trong sự quên lãng và chết dưới những vòng hoa, chuyện đó vẫn diễn ra thường ngày. Ở đâu có con người, ở đó có sự quên lãng. Và, tất nhiên có cả những vòng hoa. . . “. Gặp buổi mưa chiều gió sớm một môn sinh gặp lại ông thầy cũ Nguyễn Xuân Hoàng khi ông đang bên bờ tử sinh và ông sẽ không rơi vào quên lãng. Vì với người môn sinh ngoài tình nghĩa giáo khoa thư. Còn cái tình chữ nghĩa, người môn sinh biết rằng mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi qua một kiếp phù sinh nên đang trần trờ cho... một ngày.

Bạn đọc bối rối nhìn trời nhìn đất và bơ bãi làm nhà văn có khó khăn lắm chăng?

Ừ thì đề là nhà văn không khó lắm. Tất nhiên nhà văn phải biết cách...châm câu. (Phùng Nguyễn). Nếu *chữ* là yếu tố của *câu*. Câu ngắn câu dài, hay chữ đẹp, chữ đắt. Câu, chữ, quánh, nén, tạo ra một thế giới đơn giản, rất ít lời, lại nhiều việc. Hơi chữ bốc lên hăng hăng và cay không kém gì mùi ớt

4 | Một Chút Đối Già V

(hiếm).thì những câu mới tạo nên một bài văn có văn phong.

(...) Văn phong của Du Tử Lê và Mai Thảo có nét chung là câu kỳ, trau chuốt. Cái khác nhau là trong lúc Du Tử Lê tiết chế, chọn lọc thì Mai Thảo phóng túng. Những con chữ óng chuốt, mượt mà được Mai Thảo thả rong trên trang giấy. Đọc Mai Thảo, tôi tưởng như chữ đẩy mình trôi, trôi mãi trôi hoài, không biết sẽ đến đâu. (...) – (Trần Doãn Nho)

Theo Mai Thảo: “Nhà văn nên biết chút ít chữ Hán. Nếu viết văn không có chữ Hán giống như ngồi ghé không có cái dựa lưng”. Ngộ chữ tôi với bất khả ngôn truyền, nôm là *không nói ra được* bấy lâu nay...Nay với Mai Thảo, dậu đỏ bìm leo qua cuộc phỏng vấn giữa hai nhà văn

(...) *Trong truyện có những câu: "tốt số hơn bố giàu" hay "bắc bếp nấu ăn, nằm lãn đánh bạc". Có phải nhà văn Lê Minh Hà ảnh hưởng tiếng ru ca dao tục ngữ của mẹ và bà?*

- Bà nội tôi không biết chữ, nhưng nói mười câu là phải ba bốn câu ca dao tục ngữ. Và những bà lão nhà quê mà tôi có dịp hóng chuyện. Họ là một kho từ ngữ ca dao đầy biến ảo.

- *Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như ngõi, ngẫng ngẫng, to hó, nhảo, nhuôm nhuôm, chửn chu. Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả không?*

- Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những ngõi,

nhảo, nhuôm nhuôm, tôi học từ các bà, các chị ở quê tôi. To hó, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài trước năm 45. Ngẫn ngẫn tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. Chín chu thì có trong tự điển. Và nói chung, nhiều chữ tôi dùng hiện vẫn được sử dụng hàng ngày ở VN. Vậy thì đâu có cần chú thích. Vì đó là ngôn ngữ văn học không phải là ngôn ngữ thông kê học.

Nếu người đọc không nắm bắt được thì có thể là tôi đã không chọn từ đúng rồi. (...)

Từ hai nhà văn Hà Nội trên, ngộ chữ học mót chữ của ông Tô Hoài...

(...) Ông rất chú ý học chữ và chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì học được. Ông phân biệt cò nhà chùa thì phải gọi là cò “điều” chứ không phải là cò đờ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quân đen thì phải gọi quân “thâm”. (...) – (Nguyễn Đăng Mạnh)

Mượn lược thầy tu thì nhà văn phải biết chơi chữ như các cụ ta xưa chơi câu đối, thả thơ (chọn chữ). Với ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu nôm là *chữ dùng không làm thiên hạ giạt mình thì chết không...nhắm mắt*. Nhà văn tìm được chữ “cấu” vào hồn thì lạc bất khả ngôn, là *suồng tê người không nói được*. Như nhà văn Võ Phiến “lực đực” dưới đây, thưa bạn đọc...

6 | Một Chút Đối Già V

(...) Tôi đang xun xoe khám phá ra địa phương tính trong cái mới thì chợt nghe bên tai một tiếng cười nghịch ngợm, ngang tàng, của Trần Dần. Bài *Thằng thịt* của ông viết năm 1962:

*Vũm vũm, đưa đẩy
Một cột thịt lực đực vọt đứng
thồn thồn ao thịt*

Vũm vũm, lực đực, thồn thồn, e khó bề gặp được trong tự điển. Lời giải đáp chưa thấy, nhưng hiểu đại khái, cảm xúc mơ hồ. Không hiểu. Nhưng nghe thấy hay hay *lực đực*....

Xưa nay, trong quá trình tiến hóa vẫn có cái được giữ lại, lại có những cái bị đào thải, dần dần mất dạng. Đến nay đã có bao nhiêu thứ tiếng nói xấu số tàn rụi, chết đi, rồi mất tích? Từ ngữ la liệt. Ngôn ngữ vẫn còn táo bạo, vẫn còn sức sống. Mang trên đầu mấy nghìn tuổi thọ mà vẫn sinh động, vẫn mẫn con tới tấp những *thồn thồn* kháu khỉnh...*vũm vũm!* Thích nhá! (...)

Nằm gác đầu lên gói sách bấy lâu, vắt tay lên trán tự thấy mình nhuốm màu mực tàu giấy bản qua nhân sinh đầy rẫy những cửa tiên công xây đắp đỉnh chung với những bèo trôi xóc nổi. Một chiều ngộ chữ tôi...ngộ ra *vèo trông lá rụng đầy sân, công danh phù thế có ngân ấy thôi* nên cảm khái công danh phù thế chẳng qua là hư ảo của thế tục, chỉ là giấc mộng đầu hôm cuối bãi...nên ngộ chữ tôi viết

cho nhân sinh quý thích chí, cứ ngay đơ là viết để đối già...

Một ngày bạn hỏi viết văn hả? Nghiệp rồi! Từ ngày ấy ngộ ra hai chữ: Vương nghiệp.

Thế nhưng “chữ” không ngon soi như nhà văn Trần Doãn Nho vật lộn với chữ nghĩa...

(...) Sau này, nghiệm văn, tôi sa đà với chữ. Không từng con chữ một, mà là từng loạt chữ, nói cho văn hoa là ...sáng tác. Lúc đầu, tôi cố cố để chữ, chế chữ, vắn vẹo câu kéo với mục đích chuyên chở chữ nghĩa. Mà chở nặng quá, chữ không bay được lên trời, không bơi được ra biển lớn. Không...văn chương. Thôi thì hãy đùa chơi với chữ. Nghiệm lại, những áng văn hay thường bịa nhiều hơn thực. Cái *hay* khó tách lìa khỏi cái *bịa*! Nói bịa, nghe bôi bác.

Xin nói lại: Hư cấu.

Hư cấu chẳng là bịa sao, nhưng nghe đã hơn nhiều! Vì sao? Có lẽ vì chúng là...chữ.

Chữ đuổi bắt nhau, vật lộn nhau ngay trước mắt nhưng ta không hề *thấy*. Ngược lại, ta *nghe*, ta *ngửi*. Y như những con chữ có thể bốc lên, tỏa ra. Nghe có hơi. Tôi gọi là hơi chữ (...)

Ấy vậy mà vẫn không thoát nợ với chữ, với nhà văn Phùng Nguyễn...

(...) Chữ không là những *cái xác nằm bẹp đi trên trang sách*, như chúng vốn nằm trong các cuốn từ điển, mà chúng trở thành *những sinh vật biết ngo nguậy hay biết nhảy múa*. (...)

Áy đẩy khởi đầu ngộ nguậy viết thư tình, viết truyện tình. Đến cái tuổi quy khứ lai từ, những người tình lần lượt rủ rê nhau trốn vào quá vãng. Thất tình, ngộ chữ tôi tỏ tình với chữ nghĩa. Bây giờ ngộ chữ tôi chỉ còn “người tình chữ nghĩa”. Trăm tội ở nhà văn Henry Lewis Mencken súi đại: “Viết văn cũng như làm tình”. Bởi lý do thồn thồn áy vào một ngày mây đơ đơ nắng ong ong, ngộ chữ tôi làm một đám cưới rất thương tâm với...*người tình chữ nghĩa*.

(...) Tôi mê muội chữ nghĩa đến độ nhìn cái gì tôi cũng thấy ra hình chữ. Ngay cả vợ tôi cũng xuất hiện dưới mắt tôi như một con chữ ngộ nguậy. Con chữ áy nói chuyện với tôi, cơm nước cho tôi, săn sóc tôi, vuốt ve tôi, hờn giận tôi. Con chữ áy quần quai và lâu lâu lại rên lên khe khẽ dưới bụng tôi. Đến khi con chữ áy bỏ tôi ra đi, ngồi một mình trong căn nhà lặng ngắt, tôi mới thấy, thấp thoáng từ xa, thật xa, hình ảnh thật, bằng xương bằng thịt...

Lần đầu, tôi làm tình với chữ nghĩa. (...)

Ngày tháng như quạ bay *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, chợt hãi hùng hoàng hôn trở tới*: Ngộ chữ tôi hoá thân thành...lão. Đến niệm khúc cuối đây, lão mang nỗi ám ảnh khôn nguôi: *Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực*.(Nguyễn Hưng Quốc). Cho đến ngày vợ lão vào chùa quy y ăn chay niệm Bụt, nhằm vào lão hong hanh ở cái tuổi bóng ngả đường chiều. Lão mới ngộ chứng ra: Nhà văn là gì. Nhà văn là “làm sương cho

sáo”, nôm là *làm sao cho sướng*, bằng cách *thủ dâm với chữ nghĩa*. (James Joyce).

Từ ngày hoá thân thành lão...Lão nhập hồn nhập vía cùng ngày trời tháng Bụt, khi trưa phơi sách khi chiều tưới cây, trong cối mụ mị lão gõ chữ như mõ sớm chuông chiều từng dấu phẩy, dấu chấm, để cho ngòi bút đầy đưa như bèo dạt nổi trôi về...một bến cô liêu.

Lão mừng tượng mười năm sau, chiều đến, cũng ở chỗ ngồi cũ, tay điều thuốc, tay ly rượu, lão ngồi rì mọ đọc lại dăm trang sách cũ vàng ó có tựa đề *Một chút dối già* để tìm thời gian đánh mắt. Cho đến lúc bóng ngả đường chiều phủ lên vườn nhà, nắng quái chiều hôm chụp xuống cái tuổi lá xanh lá vàng. Lão nhẹ dần theo mây khói với ngày qua tháng lại, không còn biết mình đang ngồi đây hay mây đang bay trên trời cao trong những ngày nhạt nắng...

Nay xin thưa.

Thạch trúc gia trang



Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Nhật ký tình ảo của một ông già...

Vào một ngày...ngày qua tháng lại với nắng trưa mưa tối...

Từ vườn nhà vào phòng trong, ông bước những bước chân chậm rãi, chẳng qua là ông muốn níu kéo ngày trời tháng Bụt sao cho ngắn lại. Vì cứ theo ông đi lụi đụi quá, thời gian được thể ngừng ngoẵng trôi nhanh theo. Một ngày như mọi ngày, ông dài người nằm đo giường đo chiếu nhìn trần nhà và thở ra những tiếng thở dài.

Thao thức không ngủ được, ông loáy ngoáy tự hỏi có sự gì ông lại...thở dài.

Hôm nay ông không thở ra nữa vì vừa động não động tình...bật ra ý đồ viết nhật ký không ngày tháng về *chuyện người tình cuối sông*. Nói cho ngay, ông chưa từng xoay xỏa với nhật ký sao cho nề nếp, nên đành bắt đầu lại từ đầu với hai tuần vừa qua. Và ông lồm cồm ngồi dậy, giấy bút đây, hãy trang trải với: *Hỡi người tình đâu đó - Một lần gặp trong đời - Mắt môi đã biểu tỏ - Nói chi, dấu một lời!*. Ông đây đưa đến một ngày nào đấy, *người tình đâu đó* đọc được với những ngở ngàng chẳng thể tránh. Rồi gặp

nhau giữa phố chợ, người tình cuối sông nhìn ông và ngó...lơ, thì cũng đành tạ lỗi thôi và chẳng biết làm sao hơn. Vì là nhật ký phải thu vén cho đầy đặn, cho trọn vẹn như cái tình của ông, rõ ra hơn một lần, ông đã vắng xa, xa vắng với người: *Này người tình cuối sông - Nước rong đầy rồi đó - Hãy giương buồm thong dong - Đùng vì ta neo ụ.*

Thôi thì cũng đành một lần...neo ụ qua những trang nhật ký dưới đây.

ngày...tháng...năm...

Hoang vắng giữa trưa, ông để hồn đi hoang về một nơi chốn chỉ có...cái giường. Nếu ông nhớ không lầm nhà văn Hery Miller đã cho rằng: “Cái giường không phải để ngủ. Mà là để nói chuyện. Vì ở trên giường, người ta dễ thành thật với nhau nhất”. Lúc này đây, ông mừng tượng *người* đang nằm cạnh ông. Trên giường. Người tình cuối sông gối đầu lên cánh tay ông...và cứ ngủ, không cần nghe ông thì thầm, thầm thì...

Rằng ông đến với người không vội vã, chẳng hấp tấp. Làm gì phải nháo nhào đâm xăm vào nhau khi trời đất còn nhá nhem chưa đỏ đèn, khi ông chưa một lần chạm mặt với người tình cuối sông đang ở cùng một thành phố. Cũng như ông, người như sợ bị lửa...tam muội cào cấu qua điện thư mới hôm nào đây: “...Nửa muốn trốn chạy, nửa muốn tới gần, lai

thêm lạnh căng vì càng gần càng sợ bị lửa...tam muội đốt cháy. Chừ đọc thư với những lời mật ngọt đúng điệu xứ Bắc, em vừa vui vừa...thất kinh. Không cách chi chạy lui được nữa rồi, khi ông nhìn em như thấu suốt hết tâm can. Em đang run đây ông, nghĩ tới một ngày nào đó thấy ông trước mặt..., thật không biết làm sao!...”.

Vậy là người bạn văn chương có mặt trong chốn trường văn trận bút đây rồi, vì là trên giấy mực nên cũng chẳng có gì thúc giục hay nhón nháo. Có gì mà vội vã ở cái tuổi nắng quái chiều hôm này. Ông nhàn tản đến với người, nghe ngóng những âm vọng của những ngày mới lớn. Giống bất cứ ai khác, là ông, hay người tình cuối sông cùng ngu ngơ tình đầu của một thời một thưở. Họ đến với nhau vì khuôn mặt, giọng nói, vì nét ngây thơ trong trắng quyến rũ. Sau đấy họ lấy nhau, sinh con, tạo sự nghiệp...là xong một đời người. Là hết. Giống như cái dầu chám than nghiêng ngả vậy!

Ấy là chuyện của quá khứ, mây vẫn bay, ngày vẫn qua đi. Bây giờ lặn lội hơn nửa đời người, ông tìm đến với người tình cuối sông...Nhu đã bèo bọt ở trên, bằng những bước chân lạng lẽ cùng những đản đo, ngại ngần. Không nói nhưng người hiểu dùm ông chẳng còn trẻ nữa, hiểu theo nghĩa là ông không còn lộng cọng như những ngày mới lớn. Nhiều sự này, ai mà chẳng hay, nên chữ nghĩa cũng bằng thừa...

Nhí nhoáy với chữ nghĩa ông chẳng quên chuyện cũ ngày nào năm ấy với...*một người khác* nữa cũng trước là...*bạn văn*, sau là...*bạn tình* và chót chét là...*người tình đầu bãi*. Chuyện là cũng qua một bài viết rồi quen nhau, gần gũi nhau. Người tình đầu bãi đã có chồng, rất nhạy cảm trước mọi hoàn cảnh và mơ mộng trong tình yêu đã thủ thi với ông: “Có khi chung thủy cũng là một cố gắng tuyệt vọng”. Người tình đầu bãi là một người đàn bà có tâm hồn và biết liệu lĩnh như nhà văn nữ Trần Thị NgH., lại biết...ngoại tình nên rừ rì tiếp: “Ngoại tình là yêu một lần nữa mà không cần phải cố gắng”. Rồi nhỏ to: “Nếu gian díu với đàn ông có vợ là tội lỗi thì đó là một thứ tội lỗi rất quyến rũ”. Sau vài năm mặn nồng, vào một ngày không mưa thì nắng, cũng không cần cố gắng lắm, người tình đầu bãi bỏ đi, để ông trong hoang lạnh qua mấy mùa thu chết.

Thế nên hậu sự với người bạn chữ nghĩa hôm nay, Ông bước chậm chạp và âm thầm đến với người. Mỗi bước đi là là một nỗi đau, nghe thì đau đau văn vẻ, văn chương đây, nhưng thực ra là ông bị...đau chân. Có sự này, chữ nghĩa gọi là...bệnh già ấy mà. Hiểu theo nghĩa là ông chẳng còn nằm ở cái tuổi hoa niên nữa.

ngày...tháng...năm...

Người tình cuối sông hãy ngủ ngoan, trước khi vào chuyện, hãy để ông hôn nhẹ lên trán một nụ hôn chan chứa những ân cần. Người vẫn thiêm thiếp ngủ... Ông nhắm chừng một nhẽ người đang nhủ thầm chuyện gì sau những “thì thầm, thầm thì” tiếp nối. Rõ ra chỉ là chuyện con đường tình ta đi về một nơi chốn không một bóng người.

Nhưng có một chiếc giường và chúng mình hai đứa.

Ừ thì hãy trở lại từ đầu bằng vào những ngày đêm thả rong qua điện thư, điện thoại... Khởi đầu người tình vẫn chương đến với ông là cái tình chữ nghĩa, sau đó cả hai lậm dần vào nhau. Một lần người âm u: “...Nhưng cũng cảm ơn gã đã gửi bài “Cái Bóng” vừa rồi, một cách tự giới thiệu mình. Cho dù cái “gã thiên giả” dở dở ương ương này có hù dọa người ta, thì bên trong cái ngộ ngộ đó là trí tưởng tượng phong phú. Huống chi “gã” lại còn...thiên đủ thứ, coi mọi sự như qua thì gã là người...vô hại. Có phải “gã” nhìn mọi sự như nước chảy mây trôi? Nghi ngờ lắm! Có lẽ “gã” và Phạm Thiên Thư cùng...một trường phái Thiên, công thiếu nữ qua sông, bỏ xuống nhưng không thể phơi phơi phát áo ra đi. Hoa mai vẫn mãi mãi hồng thắm, như động hoa vàng mãi mãi vàng hoa. Thì ít ra cũng còn chút gì để làm nguồn cảm hứng, để làm hoa góp mặt cho đời có những áng văn, để...ngân ngơ ngơ ngân ngơ ra vẻ...thiên chứ!...”

Ông đang như Từ Thức về trần...ngẩn ngơ với hoa mai vẫn mãi mãi hồng thắm, như động *hoa vàng* mãi mãi *vàng hoa*. Ấy là người bạn văn chương ần tuổi ông vậy vò

chuyên chở với chữ nghĩa, đang mon men làm quen với ông: “Đây cũng là chút chút chất...(chiu) thứ thiệt của ông tặng tổ tổ tổ Ngộ Không đây. Và hình dung cũng "cổ quái" tương tự...lão khộm đã gánh dùm phiến đá trên vai thầy thiên để thầy chột ngộ. Khi cái mới chớm già thì gọi là gì? Khi khộm? Có lẽ chỉ vậy thôi. Nếu có bản lai diện mục đặt tên, chắc gã sư ông sẽ phán là "Ngộ Tất". Cái gì cũng ngộ tất tần tất nên mọi thứ đều...không giống ai cả. Nhưng đây...sẽ không mò đến ngôi cạnh, kéo đầu gã sư ông xuống tìm chấy rận đâu nha. Tìm gì?! Chỉ có trời mới biết...

Mà làm sao mon men lại gần (?) để khều khều "như muốn làm quen" được!”.

Ừ thì mấy ai chịu hiểu tha nhân sa đà với một mảng văn chương đều là kẻ lạc đường. Bởi vì chỉ những con đường lạc mới dẫn đến chỗ hẹn hò. Có ai đọc văn chương để thấy chữ đâu! Để thấy cái không thấy đằng sau chữ nghĩa. Cái không thấy đó, có thể mỗi người bắt gặp, cũng chỉ thấy cái đó là thực, là...*không* mà ...*có*, chữ nghĩa là...*có* mà...*không*. Riêng ông, trong cái không ông tìm thấy cái có: Ông vừa tìm thấy sau một mảng văn chương là một chuyện tình đầu sông cuối bãi. Vậy là ông đã gặp người tình cuối sông bấy lâu nay ần núp sau chữ

nghĩa. Đường đời muôn vạn nẻo, ông đang là kẻ lạc đường thì đúng hơn. Đôi khi ông chẳng biết mình sẽ đi về đâu. Nhưng với người ấy, dường như với người tình cuối sông thì... thuyền vừa nhỏ neo, cứ để mọi sự đẩy đưa với nước chảy theo dòng.

Ông quay sang ngắm người tình cuối sông trong giấc miên trường: *Hãy đi, như đã trú - Ngõ hẹp, phố tối tàn - Không đèn, xe ngựa chạy - Ai đoái hoài dung nhan.* Dung nhan người tình cuối sông gửi ông sinh động hơn nhìn qua ảnh chụp trên mạng lưới. Ấy là khuôn mặt vừa có những nét trần tục, vừa mang nét...không trần thế. Giờ đây, người đang nằm nghiêng, khuôn mặt người tình cuối sông hướng về ông. Tí toáy với chữ nghĩa thì đáng đáp ấy không gọi dục mà gọi cảm, mặc dù chưa một lần va chạm đến thân xác người tình. Ở cái tuổi tan hoang, ông chẳng dại gì chui đầu vào cái thòng lọng “8X, 9X” trong tình ảo đang mọc như nấm sau cơn mưa...trên mạng lưới.

Ấy vậy mà cái tình sau cơn mưa cuối mùa lảo nháo đến với ông chẳng thiếu vắng những giao động, những thấp thỏm, những đợi chờ. Dòm ra vườn nhìn trời ngắm mây. Ông lẩn mẩn đi tìm cái đích thực ông muốn đến ở người. Cái mũi ngay trước mặt đôi khi không thấy. Hóa ra nào có khác gì những ông già bà cả, cuối đời đi chùa dần túi cái vé đi tắt lên niết bàn mãi ở đâu đâu. Riêng con đường tình ta đi với người tình cuối sông trải rộng, thênh

thang những vô định, vô ưu. Chẳng là như nhà Phật đã dạy, niết bàn nào tìm đâu xa hay phải đợi hai tám, bốn tám vàng tâm mới thấy. Thôi thì cũng đành thì thâm với người rằng...niết bàn đang nằm trên giường đây với ông đây.

Một ngày ông đưa người tình cuối sông vào hạ:
*Này người tình dưới phố - Đại lộ đã lên đèn - Hãy
thoa son đánh phấn - Đứng vì ta cài then - Hãy đi,
như đã ở.* Người i ôi ngay: “....Á à, ông nói oan
cho em quá nhe. Em chỉ làm bộ mời ông ăn phở,
xem ông ra sao thôi mờ ! Ai lại xúi đại ông bỏ cái
truyền thống tốt đẹp ăn cơm từ ngàn xưa (cho đến
ngàn sau) mà ăn cái món phở tuy ngon, đẹp mắt
nhưng không thể ăn ngày hai bữa năm này qua tháng
nọ...”

A! Truyện ngắn *Tình gác chân mây* mà ông...lỡ gửi đến người với ẩn dụ tình cho không
biểu không nào đó cũng...xuýt hay. Cái hay là
người tình chữ nghĩa đã nắm bắt tuốt tuột được
gia cang nhà ông: “...Nếu có chuyện ấy xảy ra, thế
nào bà nhà cũng ngựa mặt lên trời mà nã nuốt than
rằng: *Trời sinh cơm sao còn sinh phở.* Ông mà ở
trong trường hợp này, tự nhiên em thấy...xấu hổ.
Hông biết sao mà càng nghe ông dặn đừng lạnh
cẳng lạnh chân, em càng hồn phi phách tán, hồn bất
phụ thể, thể càng lung lay, lay hoài tim muôn rụng.
Để em bám chân vào đất cho vững...”

Thế là ông được thể loáy nhoáy về...Freud. Rằng chẳng hẳn là bấy lâu nay ông...ăn phở mẻ bát thiên hạ mà từ những ngày còn tằm bé. Rõ ra những ám ức qua những mối quan hệ vô thức của ông qua tiến trình tuổi tác, từ những ngày còn bé tí, ông xấn xấn với phở trộn cơm nguội rõ ra khoái ti hơn nhiều. Hay nói khác đi, phở và cơm nguội đã...có sẵn trong ông từ những ngày còn mặc quần thụng đít kia mà.

ngày...tháng...năm...

Người cựa mình, tóc lùa ra khỏi bờ vai, một mảng da ngập hơi hương của một người đàn bà chín muối. Nếu người có hỏi ông chín muối là gì, ông chẳng biết trả lời sao cho thỏa. Và chỉ biết rằng người đây như trái mọng trên cây. Trong khi ông ở dưới trông lên, chẳng biết khi nào trái chín rơi rụng vào tay. *Cây dài bóng xế ngắn ngo, hôn em đã chín mấy mùa thương đau?* Thôi thì người tình cuối sông cứ ngủ với mộng bình thường, quên đi những năm dài: *Một dòng sông cạn khô - Hôn đau đâu tằm mát - Một cõi đời quanh cô - Hãy đi, như đã ngu.* Người hãy bỏ lại đằng sau những trái sầu rụng rơi để ông hôn nơi có khoảng da mọng như trái chín.

Mới sáng sớm, ông vật vờ với người tình cuối sông vì người mời gọi: "...Sáng sớm đã có người nhắc nhở mình dậy, sướng thiệt. Em đang có cà phê đây, ông có muốn nhấp ...chung với em không hí. Để em ọ qua ọ lại cho khoan khoái con người cái

đã, viết gì tính sau hí.Ồ, mà có thật ông khoác áo nâu sòng không đấy? Tiếc nhỉ ! Nghe em xúi khôn cởi áo ra đi. Thiên tại tâm mà! Mong lắm thay!...”.

Người tình cuối sông nhắc nhở ông: “...Ông nhớ làm đúng những điều đã viết trong thư nhé, nhưng đừng bắt nạt, đe nẹt, ăn hiếp em nghe. Ăn, thì được. “Hiếp”, xin ...đừng hí. Vì ông vừa...cởi áo nâu sòng. Em tin và yêu ông, ông yêu của em...”

Ở một cái tuổi nào đó...ông mù mẫm rằng người ta đến với nhau vì hụt hẫng, thiếu vắng. Thì ông đến với người vì những con chữ ngúc ngắc đầy nhục cảm, ngập nhiều loạn. *Thi trung hữu quỷ*, tạm hiểu là trong chữ nghĩa có...ma. Ma đưa lối quỷ dẫn đường người tình văn chương đến với ông. Ông kể lể với người về những...buông thả đã qua. Những gì hiện ra trong đầu ông là hình ảnh những người đàn bà trong ký ức với những phóng đảng, phóng túng của họ. Những gì ông vung vãi, rơi rớt trên họ. Rất may, chỉ một vài lần nắng không ám đầu, mưa không ướt đất là trôi tuột hết. Ấy vậy mà những hỗn loạn, hỗn mang của người tình cuối sông lúc này lại không dễ gì tổng khứ ra được, cứ bám cứng không rời. Người tình cuối sông khác hẳn họ mà ông đã từng.

Ấy là người tình cuối sông là gái Huế mà ông lọng cọng với “mô, tê, răng, rứa”. Huế có dòng sông Hương. Ông bị cuốn hút mùi hương từ người thật lạ

lắm. Mà cũng lạ như một lần người eo xèo: “Bây giờ thì em ôm chầm lấy ông, không cho ông bận gì cả, được không? Ông ngủ đi, ngủ ngon đi nhé. Cứ tiếc với em một cái hôn hoài hà!”. Đê ông rôi trí với chữ “*bận*” của người tình chữ nghĩa. Nào có bận gì đâu, vì ông đang thông dong với ngày trời tháng Bụt mà. Đường như tâm tư người đang bị nhiễu thì phải.

ngày...tháng...năm...

Ông thì thăm sau nụ hôn vội...Người hãy nằm ngủ ngoan như gà ấp bóng, người không nói. Nhưng làm như thể muốn nói với ông qua điện thư hôm qua: “...Giờ này em vẫn chưa ngủ được! Chả là vì có nhiều đêm mất ngủ, nên lâu lâu cơ thể đòi bù đắp chỗ...thiếu hụt... Hãy nắm lấy tay em. Tối nay em cứ trần trọc. Khi thì vui, lúc lại buồn theo những tản bút của ông. Bây giờ em có thể ngủ ngoan được rồi, như con mèo ngái ngủ trong tay ông, thỉnh thoảng khẽ cựa quậy để nhắc nhở ông ôm em sát vào lòng hơn một chút. Hôn ông nhé, em yên tâm nằm ép sát vào người ông...”

Thêm nữa, người lang thang với chữ nghĩa rằng người đến với ông vì nghiệp duyên. Đê ông cứ lách thêch với “*có*” và “*không*” của duyên nghiệp với thân xác ở đâu tới? Tính ở đâu thành? Tính không có thì đâu có thân xác? Thân xác và tính không có thì nghiệp duyên từ đâu mà có? Với chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ của ông thì tính và thân xác là một. Ấy vậy

mà thân xác ông chưa hề thấy. Nhưng tính người thì lộ lộ...

Mà đã là duyên nghiệp cũng là lẽ thường tình của đất trời. Hình như cuộc sống đến một lúc nào đó phải chấp nhận những gì... "*thường tình*" và hãy coi nó như bình thường của đời thường. Ông lọ mọ thêm: Hãy chấp nhận những gì *đang có* hay *sẽ có*. Hoạc *không*. Để làm sao biết tìm nơi trú ẩn dưới cơn mưa tình tự. Người tình cuối sông nhắm mắt làm như...ngó lơ, nhú mày ra điều không...chịu hiểu. Ừ thì cũng chỉ là chuyện bình thường thôi và ông nghĩ thế.

Người tình cuối sông đang trong giấc nồng. Ông bắt gặp môi cười mỉm chỉ như thể nghe được tiếng rừ rừ của ông. Nhưng người đâu có hay rằng: *Này người tình đầu núi - Cỏ đã mọc đời vương - Đầu cành khô sườn ẩm - Cho cuộc tình trăm năm*. Vì vậy ông đã phải cất công ngồi ở quán vắng chiều hôm đúng 28 năm hay 10220 ngày mới gặp được người tình trăm năm. Hay nói một cách khác theo xác suất của một nhà toán học, nếu ông ngồi ở trạm Métro và đếm đến 1 triệu 700 ngàn người...lẽ 1 mới bắt gặp người tình trăm năm trong đám đông, giữa đám đông và người có nhìn thấy ông không. Ừ nhỉ, khi con người đi hết cái vòng đời một trăm năm thì có khác gì được sinh ra một lần thứ hai để bắt đầu một vòng đời mới.

Ông lắc đầu, rằng có hơi trẻ tràn với *Nhật ký tình ảo của một ông già*. Ông ngán ngẩm vì đời sống điện toán quá vội vã, ông đuổi theo tình ảo trên mạng lưới muốn hụt hơi. Vì thế cho nên đã mấy ngày trôi qua, ông vẫn lụi đụi chạy theo sau thời gian...

Và khởi đầu bằng vào một vòng đời mới. Nếu on trên cho ông sống đến cái tuổi trần thế bách niên cùng mãn khai, mãn tính. Ông sẽ bám víu vào người tình cuối sông đến mãn đời, mãn kiếp như cây tầm gửi. Ấy là chưa tính: Ừ thì với cái tuổi già, không có chuyện làm cho qua ngày hay để dựa dẫm theo năm tháng thì...càng ngày càng già đi. Vì vậy ông cần có một cái gì để bám chử. Và rằng, mọi người quá sai lầm khi cho là đã già thì không còn yêu được nữa, nhưng họ không hề biết chính vì ngừng yêu nên họ mới già đi! Với tâm trạng lắt phất của một người đã đi hết chử không phải tận hưởng hết cuộc đời. Cứ theo ý nghĩ bèo giạt nổi trôi của ông thì không bao giờ được nói hai chử...chán đời, mà phải sống làm sao cho đời...chán mình. Lại nữa, ai chẳng biết đời là bể khô, vượt qua được...bể khô là cũng vừa đúng lúc...qua đời đầy thôi.

Qua triết lý cây tầm gửi với đời là bể khô vừa khai thông, khai ngộ, cũng vừa lúc ông tìm được người tình đầu tiên và cuối cùng (hay cuối đời) của mình. Với người tình trăm năm qua câu thơ *trần thế bách niên khai nhãn mộng*, hiểu theo nghĩa là cõi

trần thế trăm năm chỉ là giấc mơ. Váng vất với giấc mơ của đời người, ông tan trọn vẹn vào đêm giữa ban ngày và đang chơi vui, ông đang cỏ hoa lạc lối đây. Và rồi một ngày nắng không âm đầu, mưa không ướt đất, chợt để hồn trốn mây nắp gió với giấc mơ hoang tình ở mãi đâu đâu không hẹn mà đến. Vì chẳng bao giờ cạn yêu, ấy vậy mà ông vừa gặp người tình trăm năm, ông đã lao đao, choáng ngợp mỗi khi hình dung đến khuôn mặt đầy cảm tình nhưng...không trần thế của người tình cuối sông.

Nói cho ngay, nằm ở cái tuổi tóc muối tiêu mà muối nhiều hơn tiêu ai chẳng cần có những dựa dẫm này kia, kia nọ. Ông đang chòng chành trên bến nước trong một ngày ít nắng nhiều mây. Ông đang đợi người tình cuối sông đưa cái sào để bám víu. Trở lại với người tình trăm năm và ông. Ừ thì cứ cho một vòng đời là một trăm năm, thì một ở đầu, một ở cuối thế kỷ. Là cây sào dài để nhảy từ bờ cõi tử sang bờ cõi sinh. Năm ngón tay ông như sinh trưởng và...dài ra. Khúc cuối của bài thơ *Này người tình* của người thơ Đạm Thạch lại hiện về ám chường ông: *Hỡi người tình muôn nơi - Đừng vì ta bận bịu - Hỡi vì ta, dứt áo - Nói thêm, ta ghen lời!* Và chúng, năm ngón tay bị câu thơ *hỡi vì ta, dứt áo* xúi bẩy nên chúng mượn dịp mây mờ...một nút áo ngực...hai nút áo...ba nút...

Và thoáng như có tiếng chuông chùa vọng lại từ một nơi xa vọng về...

ngày...tháng...năm...

Mắt ông vương mắc vào nghiệp chướng sờ cuồng...cái cúc áo nằm lệch lạc trên ngực người tình cuối sông. Cái cúc áo ngực được nhẹ nhàng tháo ra...Và thoáng như có tiếng chuông chùa từ đâu xa vang vọng. Nói cho đúng ra âm hưởng vọng về qua một bài viết cũ *Cái Bóng* mà mới đây ông gửi cho người đề dọ dẫm, thăm dò:

“...Tiếng “..u..u..u...” bên vành tai lão cất tiếng thì thầm: “Ồi lão ơi. Nói chuyện được không? Ngó lão...thiền sư quá”. Lão sững người. Âm vọng rừ rì tiếp: “Tôi nghiệp thiền sư. Đang tuổi yêu lại khóac áo nhà chùa tập đời chay tịnh”. Cái bóng nheo mắt có đuôi hấp háy: “Tôi gì không đề tóc. Ăn mặn. Làm người trần cho sướng cái thân”. Qua ánh đèn mù u cái bóng thoát đẹp. Thoát man dại. Diễn tả thế nào cho đúng đây. Lão chỉ thấy cái bóng rất...”ma”. Lão lắp bắp hỏi: “Tên...tên...gì...”. Có tiếng cười khúc khích: “Cứ gọi ông cái tên nào mà thiền sư thích”. Bụt chỉ là cái tên. Lão nhai văn nhá chữ với một chuyện người đi tìm Bụt. Hóa ra Bụt ngay ở ngay trước cửa nhà. Mở cửa là gặp nào tìm đâu xa. Mãi hậu kiếp lão mới đốn ngộ. Chợt cái bóng giọng chùng thấp, âm vọng dư thừa đam mê bí ẩn: “Phúc bất tận hưởng. Thiền sư chọn điếm. Tôi chọn giờ...”

Tất cả chỉ là một truyện ngắn của ông đi tìm một người tình không tưởng về tự trăm năm mươi năm trước. Bây giờ ông mới gặp và người tình về tự trăm năm hiện đang cận kề bên ông. Mà đã hư cấu, hoang tưởng thì với thực thể, thực tế, ông có những nghi hoặc rằng người tình cuối sông đang nằm đây như không...có thật.

Có hay không chuyện đâu vẫn còn đó, có đó. Ừ thì người tình cuối sông cứ nằm đấy. Bất động. Người trong giấc đông miên hay giả vờ ngủ, đôi mắt khép nhẹ, hững hờ, chung quanh bao la là mây trời. Mọi người mấp máy như...Nói cho đúng ra sau khi bài viết được gửi đi. Lúc này, mọi người động đậy như muốn nói với ông: "...Ông là của em rồi đấy, mà vẫn còn nguyên cảm giác xao động êm ả mỗi khi nghĩ tới ông. Vẫn cảm giác xa xôi mà gần gũi, để mỗi khi nghĩ tới ông, em lại mỉm cười vì thấy thật ngộ, không tìm mà "gặp" được ông. Không còn sự trống vắng mơ hồ nữa, mà là nỗi nhớ ngậy ngát cõi lòng và rung động thân thể. Sau một ngày xa vắng, giờ này em lại quay cuồng bên ông đây .Hãy mở chăn ra, nằm nghiêng qua và ôm em vào lòng...Ông có nghe em thì thâm...

Ô, hãy khoan cúi xuống gần mặt em, để em cảm thấy làn sóng rung động lan tỏa khắp người, để em nửa muốn nhắm mắt lại khi ông sát gần em hơn, nửa muốn đẩy ông ra một chút vì...vì..như thế có vội vàng quá không nhỉ !? ..

Thôi đừng nghĩ thêm nữa, hình như...muốn....muốn....”.

Ngón tay người động đậy, môi người vừa mấp máy. Mặc dù lời câm, nhưng mắt nói vô cùng, mặc dù người tình cuối sông đang thiếp ngủ. Chỉ thiếu...cái gạt đầu, để ông hiểu ngầm là đã đến lúc người cho phép ông táy máy đến cái cúc áo. Cái cúc rời khỏi khuy. Dường như ông đang tìm lại được những ảo ảnh của thời hoa niên, của sinh lực, của cuộc phiêu lãng quên mình lãng du, ắt hẳn là cuối cùng. Trong khi ấy, người mộng lung rằng người đang nằm cạnh một người đàn ông xa lạ. Xa mà gần. Giống như ông...Người cũng có những e chùng người đang nằm bên người đàn ông của định mệnh đã sắp sẵn, mà dám như..."giống như ngủ với một ông Bụt vô hình" lắm ạ.

Không nói gì, không nghe gì. Nhưng người lại nói lên mọi điều, nghe được mọi điều, trước một người đàn ông ẩn mình sau ông Bụt còn đủ sức lực làm chuyện đàn ông với đàn bà. Chỉ khác một nhẽ, lòng ham muốn tình dục như bất cứ ai, rộng vô hạn và sâu vô chùng. Thế rồi, chung quanh những ngày nắng quái chiều hôm, những cô gái trẻ đẹp không ngừng ra đời đỏ da thắm thịt. Những bóng xế chiều hôm ấy, niềm khao khát khôn nguôi về giấc mộng không thành. Những huyệt hẫng cùng năm tháng chưa sống mà đã qua đi. Như người hé lộ mới đây: "...Đêm nay, em lên giường một mình, em quán

mền thật chặt cho khỏi trống trải, nhất định phải đọc cả trăm lần A Di Đà Phật để tên ai, hình bóng ai khỏi len vào đầu làm em chảy nước. Thôi không nghĩ đến nữa...Không nghĩ đến nữa nhưng lại muốn hé lộ: Chỉ còn một chỗ duy nhất để chứa cái quý nhất, mà ...hình như đã có người chiếm giữ! Nếu vậy...nếu vậy...ông ơi, em vừa... lạnh căng mà cũng vừa nóng cả người lên nè. Em muốn xách dép chạy ù tới bên ông, để thấy ông bằng xương bằng thịt...Thôi ngưng lại, lại lùi thủ đi về đường xa vắng, vì...đâu là Trúc gia trang? Nói chi nữa...có nói cũng khôn cùng...”

ngày...tháng...năm...

Cái cúc áo thứ hai được buông thả bằng những ngón tay. Ông đang khai phá trên thân thể người tình. Và tay nói thay cho người, vì tay có ngôn ngữ riêng của nó, người chẳng phải nói. Vẫn có một khoảng cách mệnh mang vời vợi. Hai thân thể gần nhau nồng nàn, mà khoảng cách hai thân xác là vải vóc cọ vào nhau xột xoạt. Khuôn mặt người tình cuối sông mộng lung xa vắng, da thịt người đầy hoang tưởng vắng xa. Chũ là nghĩa. Bên tai, ông thì thầm : Chũ nghĩa của người...vô ngôn. Bỗng người tình cuối sông thở hắt ra như muốn nói: “Đừng trải phơi ra như vậy. Mất đi chất thiền sư”...”. Cái đầu ông chắt bóp rằng cũng có thể ông là một thiền sư cũng nên. Hoặc giả ông là một gã thiền...giả bên cạnh một nữ thí chủ đang lâm nạn. Là ai cũng được,

giả hay thật, nhưng không phải là người đàn ông đang đối khát tình. Một khi tình yêu ngủ yên thì tình yêu lại thức. Tình yêu thực ra là anh em sinh đôi của tình dục. Vậy đó, thế đấy.

Ừ thì như đã nói: "...Và rằng, mọi người quá sai lầm khi cho là đã già thì không còn yêu được nữa, mà không hề biết chính vì ngừng yêu nên họ mới già đi...". Nhưng ai đấy đâu có hay mà chính ông cũng không biết... Ông cứ ngỡ là ở cái tuổi vắng gió đìu hiu thì chẳng còn thể yêu thêm hay yêu lại được nữa. Vì tuổi trẻ đã phung phí, vương vãi tí tì ở đằng sau, đã khuất nẻo trên những lối mòn xưa cũ. Ấy vậy mà một ngày không có mây sao có mưa, người đây bắt ngờ xuất hiện trên mạng lưới. Người con gái Huế ẩn hiện qua cây sấu đông, để ông hoài cảm từ người tình cuối sông với *hồng bay mấy lá năm hồ hết, thơ thần kìa ai vẫn đứng trông*. Trông ai chưa biết, để rồi thời gian như quạ bay, ông có mặt trong cuộc tình ảo đúng lúc với *mơ khách đường xa, khách đường xa*. Qua hình ảnh, người tình cuối sông đã mang tình yêu mờ nhạt ảo đến với ông. Ở tuổi này, ông không nghĩ là ông chao đảo đến không ngờ, và bộc phá như chưa từng. Cái tình ảo cuối mùa bất chợt tới với ông cùng những bản thân...

Ừ thì biết diễn tả thế nào đây khi ngàng ngẵng với bản thân là trạng thái của mê muội. Thì cũng giống như khi...tự đá vào chân mình vậy, mọi

người cho là...mát. Nhưng chỉ có bản thân mình thấy...ấm.

Bởi vì hơn một lần người làm nũng đến thiu cả thịt da ông: "...Em nhắm mắt lại..., thỉnh thoảng khẽ cựa mình để ông biết em vẫn thức cùng ông. Ông mõi cánh tay không? Vì được ngủ trong vòng tay ông êm ấm quá, được ông vuốt tóc, nâng niu, cảm nhận những thiết tha trong mỗi lời ông thăm thì. Nhưng chừ nhắc lại câu ấy, em vẫn còn thấy... gió luồn qua chân chứ chưa hết lạnh. Vì em sợ...mình không đáp ứng đúng như ông muốn, ẵm bồng, hôn hít, trò chuyện, nựng nịu, thương yêu, giận tức, bực bội...đủ mọi thứ trên đời coi có...đạt quá mà...thành chánh quả hay chăng? Nếu ông vẫn còn cảm thấy như thiếu như vắng gì đó, thì vẫn còn nửa đạo nửa đời. Vậy hãy...lấp đầy...khoảng trống đi ông, thử khoác áo trần tục tung hê một lần nữa xem sao..."

Ừ thì *nhật ký bảy ngày tình ảo* cũng sắp đi đến cuối đường để có gặp gỡ. Trông ngóng hẹn hò với những ngày sắp đến. Ông lại vất vương với cây sào đông xú Huế như vện vào đàn bà con gái đơn côi, rằng *không ai nắm tay được đến tối, gói tay được đến sáng*. Hoặc giả như phát phơ bay với *đàn bà con gái thức được nửa đêm về tối, chứ ai thức nửa đêm về sáng*. Từ đây, bụng dạ ông nhìn thấy một nhẽ tình dục chẳng là chiêm đoạt hay hiến dâng. Gần nhau thể xác là cuộc gặp gỡ của hai mảnh đời khởi sự trên

một con đường từ hai đầu, đầu sông cuối bãi trong phiên chợ chiều qua những năm tháng liêu xiêu trong những ngày nhạt nắng.

Và người tình cuối sông lao xao theo: "...Tôi qua nghe ông thì thâm bên gối, với vòng tay cùng thân thể ghi siết, giấc ngủ đến với em mang hơi hướm nồng nàn của ông. Ông yêu thương, có ông, em hạnh phúc biết bao, cho dù em chỉ là một người quá "bình thường", thì em đây, ông hãy nhận..

Hãy ôm em, áo em mỏng mảnh, ông lừa tay vào đi.....với tất cả..."

Hai nút áo được thả lỏng...Hồn ma nát thân tính, bất giác ông nhìn quanh quẩn, không gian bốn bề ma mị. Ông chợt hoang tưởng đến cảnh giới này nào có khác gì chuyện liễu trai mà ông là thư sinh...khom. Đôi vai nữ lang hơi nhô lên, có cái gì ma quái tròn trịa nhú theo. Ông hình tượng ra...hiều theo nghĩa chỉ là hư cấu. Ông thoáng nhìn thấy bầu ngực nửa đàn bà, nửa con gái trắng như cùi bưởi, nhỏ bằng trái cam. Ông kéo chăn lên để che đậy và hôn nhẹ bờ vai trần. Ông cảm nhận được hương thơm da thịt của sông Hương núi Ngự. Người co giật theo bờ môi tham lam, thềm muốn của ông. Tay dang ra dưới tấm chăn ôm chặt lấy ông. Ông ôm lấy người...Hai thân thể cọ xát, có những phần thịt dư thừa chạm vào nhau, những đụng chạm vô tình tìm đến với nhau...Dường như thân thể ông...nghe được tiếng thở ra như tiếng thở dài...

Trong giấc ngủ, người tình cuối sông là một người đàn bà mang dáng dấp của một cô gái. Người tình cuối sông đang đắm chìm với một mảng dĩ vãng nhấp nhô, ký ức qua một nỗi buồn lạnh lẽo bề dâu. Người tình cuối sông đang nằm đó miên man, đôi mắt chan chứa nỗi u sầu, giờ hồ hững khép mở về một vùng u tịch của hiện tại với nỗi lẻ loi vắng bóng của mình. Cô gái của ngày trước hay lúc này đang là đàn bà, đang nằm đây cũng vậy. Cô đang tìm về một khoảng thời gian đã mất. Cô đang hòa nhập vào thời gian còn lại và thêm muốn những mặn nồng. Tất cả đã ẩn mình từ lâu trong ngõ ngách của tâm thức mà cô đâu có hay. Cô đâu có nghĩ rằng Freud đã lộ mọ về những mối quan hệ vô thức của con người qua tiến trình liên tưởng tuổi tác. Cứ theo Freud, bản năng của con người được chia làm ba phần: cái ấy, cái tôi và cái siêu tôi. Vay mượn chữ nghĩa vậy, nhưng người không hay lại là ông, vì cô vừa buông xả: "...Bữa ni bậu vắng tiếng, em đợi những lời ân cần đằm thắm ấm áp của bậu hoài mà không thấy. Bậu có sao không? Có ăn uống ngủ nghỉ được không? Bậu đừng làm đau giường đau chiếu nữa, hãy khép mi lại và...kéo gối đi, cho khỏe. Hôn bậu thật dài nè, chắc cỡ một phút. Bây giờ thì em ôm chầm lấy bậu, không cho bậu bận gì cả, được không? Chịu nổi không?..."

Người tình cuối sông đang lao xao bán loạn với thân xác. Ông lại ngất ngư với "thân xác ở đâu tới?"

của mấy ông thiền sư ở trên. Mà mấy ông thiền sư nào có biết gì về tình dục để dạy khôn tha nhân. Cứ theo ông hiểu ấy là tiếng thầm thì tự tiềm thức của bản thân người. Tâm hồn người đang liêu xiêu vô định, ông chợt u hoài đến *người tình đầu bãi* trước kia và *người tình cuối sông* lúc này của ông đều đi chung con thuyền cỏ lau về một bến giác. Cả hai đều có những tâm tị của đời sống vợ chồng với người tình đầu tiên và cũng là ông chồng cuối cùng khác thổ ngại từ nhời ăn tiếng nói, cơm nóng canh sốt đến tâm tư, tâm tính có những khoảng cách. Tất cả bắt nguồn từ chuyện đời thường theo thời gian, cái tình vợ chồng cứ phai nhạt dần với thiếu vắng tình yêu để vắng bóng tình dục. Để rồi người tình của quá khứ và hiện tại đều bị trục trặc với bệnh lãnh cảm. Và bằng vào nửa đêm về sáng, cả hai lấp đầy khoảng trống qua một người đàn ông nào đấy ẩn hiện trong giấc mơ hoang.

Theo ý nghĩ nổi trôi của ông *người tình cuối sông* lúc này và *người tình đầu bãi* trước kia chẳng thể tồn tại nếu cứ giấu mình mãi trong bọc kén, trong giấc mơ tình với một người đàn ông lạ mặt. Riêng người tình cuối sông của ông có những xào xạc thân xác, biểu hiện trần trụi cùng chữ nghĩa ngी ngoáy bán loạn qua những chung đụng thể xác với ông. Cứ theo ông cũng không cứu vãn nổi tâm hồn của người cô đơn lúc này. Ông chợt quan hoài đến chính ông: Chính *những chung đụng thể xác không cứu vãn nổi tâm hồn* của ngày ông nữa là. Là nếu

nói dễ hiểu hơn...thì chỉ có...trời hiểu. Thôi thì thêm một lần vay mượn người thơ Mai Thảo trong một cõi đi về: *Thế giới có triệu điều không hiểu - Càng hiểu không ra lúc cuối đời - Chẳng sao khi đã nằm trong đất - Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.* Và ông thở ra như tiếng thở dài...

ngày...tháng...năm...

Cái cúc áo thứ ba được tháo gỡ đủ cho hai bàn tay lùa vào...Hai bàn tay ông đang bận bịu với hai cục u u. Những cái cúc còn lại được giải thoát với vàng. Bởi ông hay người. Ông vặn óc nghĩ không ra và ghi xuống trang nhật ký viết dở dang: "...Trong giấc ngủ, người nhích người thêm một chút nữa về phía ông. Sát vào ông thêm một chút nữa như hai chiếc lá ướt dính vào nhau...". Người như cảm thông những gửi gắm, rúc đầu vào cánh tay ông đầy gợn tình, hai phần trời cho đàn bà u u lên để phân biệt với đàn ông vẫn nằm gọn trong bàn tay ông. Ông râm ran rằng tình yêu giúp ông vượt lên những suy nghĩ... tâm thường và đưa ông tới những suy nghĩ...tâm bậy. Vì ông trộm cho rằng tình yêu chỉ là...phù du, sờ mó được u u mới là...vĩnh cửu.

Trong buổi trưa sáng tối nhập nhằng, chữ nghĩa cũng lơ quờ, ông chỉ u ơ hình tượng có bấy nhiêu. Thế nhưng người tình cuối sông của ông nhập cảm hơn: "...Em phải đóng "án tín" lên bậu bằng "của em" để chắc ăn bậu không...ma, không nhúc nhích

chỗ nào khác mới được. Mấy đêm rày nằm bên nhau, mình vẫn mơ mơ hồ hồ đâu đó vòng ngoài không thôi. Không vội vã, không thúc dục, dù máu cứ chảy rần rật trong huyết quản. Dù có lúc em đã rướn người nhích gần bậu thêm chút nữa, ép sát vào bậu "như hai chiếc lá ướt dính vào nhau". Câu này của bậu thật tuyệt, gợi tình và gợi cả ý gắn bó. Đúng như trước kia em muốn diễn tả bằng hôn bậu với tất cả...ý tình".

Ông như thế đấy, người như thế đó. Làm thế nào để hiểu được rằng chính những người thừa mứa dục tình lại là những người hiểu rõ và thêm khát tình yêu nhất. Và ông thở ra như tiếng thở dài...Người như nghe ra tiếng thở dài của ông và ôm ông thật nồng nàn. Ông nhắm mắt tận hưởng cảm giác ngây ngất, lan tỏa trong ông. Mà dường như người đang ú ớ trong giấc mơ hoa? Có lẽ đây không phải là một giấc mơ đâu. Mà là những tiếng nói của vô thức, thói quen chống đối của bản năng mỗi khi một người đàn ông đến với một người đàn bà. Với đàn bà thì cội rễ của đàn ông là hay quên, nhất là quên những người đàn bà vừa kề vai tay áp mặt nồng. Chỉ sau một đêm thôi đã không còn muốn nhận ra nhau hướng gì đến ba vạn sáu ngàn đêm. Nhưng đàn bà như người đây lại khác. Chỉ một phút giây mà còn chưa quên được nói gì đến cả một đêm.

Cứ theo thiên nghĩ ông thì mỗi bản nhạc, mỗi bản văn đều có dòng sinh mệnh của riêng nó. Với

nhật ký bảy ngày tình ảo của một ông già này đây ông không biết ngừng ở chỗ nào. Vì nó thiếu một dấu ấn để đời. Chợt gửi gió cho mây ngàn bay đến những u mê, u ám nơi người tình cuối sông: "Vây mà chỉ đọc những câu, chữ âu yếm của bậu nhẹ nhàng diễn tả trong thư, em đã thấy... khác lạ trong người. Thiên giả gì đâu mà viết cứ như...Bồ tùng Linh! Ma đây mình. Đọc mà rợn cả thịt da là vậy.

Bây giờ thì em ôm chầm lấy bậu, không cho bậu bận gì cả... ", khi viết câu này em không khỏi mỉm cười một mình. Vì bậu đâu có biết chữ "bận" theo nghĩa của người Trung là "mặc" (áo, quần). Em ôm bậu nè, không cho bậu mặc gì cả nè, được không? Bậu nằm xuống đi (hay...ngồi cũng được), để em...vóc hí. Tay em muốn di chuyển đi đâu tùy ý hí, vì...đó là tay em mà. Em thoa bóp dần xuống cổ, cúi xuống hôn, xuống nữa, nữa, nữa... Bậu có lạnh không mà rùng mình trần người lên vậy...?".

Ừ thì ông tạm hiểu "bận" không phải là bận bịu với...ngày trời tháng Bụt như ông đã từng. Thế nhưng bươn bả, bươn trải cho mấy, ma cho lắm, thế mà ông chịu hiểu "vóc" là gì. Chẳng lẽ...vóc com nguội ăn khi đang nằm với nhau. Nghe lạ. Bởi chữ cột với nghĩa. Mà nghĩa thì mông lung, bất định. Lắm khi, chữ một đằng mà nghĩa một nẻo nên chẳng biết đâu mà lần. Ấy là chưa kể ông hiểu lộn ý từ của người và ông cúi xuống mặn mà đặt một nụ hôn ở một nơi chốn...Nơi chốn ấy ông Mai Thảo đã ẩn dụ: *Đặt hôn vào chỗ không thể đặt - Vây mà đặt được*

*chẳng làm sao - Mười năm gập lại trên hè phố -
Cười tùm còn thương chỗ đặt nào...*

Nói cho cùng, ông nắm bắt được dường như người đây cũng đang...*cười tùm còn thương chỗ đặt nào*. Ông có thể nắm bắt được những run rẩy ông đặt môi lên từng phân vuông da thịt. Ở mỗi nơi run rẩy mỗi khác nhau. Dù ai đẩy ngủ hay giả vờ ngủ thì thịt da tươi mát của người vẫn thức, vẫn nghe được tiếng gọi từ thịt da ông.

Ở niệm khúc cuối này, chạy trời không khỏi nắng tình yêu và tình dục là hai em song sinh, chúng nâng đỡ nhau, tiếp sức nhau để làm nên cái được gọi là ham muốn được...yêu. Hơn một lần, người tình cuối sông gần như cùng đồng cảm với ông: "...Tất cả ham muốn ấy được gọi lên, chỉ do những giòng chữ ông viết những nhớ thương. Vậy mà em cảm nhận được ý tình dào dạt. Chỉ bấy nhiêu thôi, mãnh lực chữ nghĩa của ông đủ để em muốn..."lăn lóc" với ông rồi. Như em hay nói, chỉ có tình yêu mới đánh thức dậy được một cõi lòng giá lạnh và các giác quan hờ hững bấy lâu..."

Thêm một lần, chữ nghĩa mẫn cảm của người tình cuối sông đến thiu cả da thịt ông:

"...Trời đêm nay se lạnh, da thịt ông nồng ấm mời gọi...Em nhắm mắt lại tận hưởng ngây ngất. Rồi he hé mắt nhìn ông, vừa lúc ông cũng nghiêng xuống mỉm cười. Nụ cười như muốn nói em hư lắm, thôi không

văn chương gì nữa, em chỉ muốn...ngủ với ông thôi....

Và mình rúc vào tay nhau...Chăn gối nệm giường như bị sóng dồi gió đập, xô lệch, nát nhàu...Ồi, ông có nghe em hồn hển, ngắt quãng. Em..."yêu" ông hết sức lực của em. Em trao tặng ông tất cả... với vòng tay ghì siết mỗi lúc một mạnh hơn cho đến khi toàn thân rung động, rồi bập bênh trôi nổi trong cảm xúc hoang sơ mãnh liệt dâng trào..."

Không gian bốn bề vẫn ma mị, trong mộng mị ông nào có hay biết tay ông choàng qua bờ vai nửa kín nửa hở và kéo người phía mình. Vừa ôm người ông vừa lan man rằng tận cùng với ông phải chăng chẳng phải là tình dục. Với tình dục lúc này chỉ là những nét chấm phá của bức tranh thủy mặc, những nét thăng hoa của tình yêu trong phiên chợ chiều ở đầu sông cuối bãi. Để rồi một ngày nào đó không nắng cũng chẳng mưa, ông có nên tìm đến với người tình cuối sông trong một ngày nhạt nắng chẳng?.

Bất chợt ông bắt gặp chính ông lại...thở ra, lại...như...tiếng thở dài.

Nên hay chẳng chưa biết, lúc này đây ông đang rị mọ là gần như ông không hiểu...ông thì phải. Thêm nữa, chẳng hiểu có sự gì ông sâu đậm với người tình cuối sông, vì giọng Huế lớt ngót như chim hót. Hay vì người tình văn chương của ông với chữ nghĩa tro trụi xoắn tí xoắn mù hơn cả nhà văn

nữ Trần Thị NgH. Trước 75, nhà văn nữ viết trong truyện ngắn *Nhà có cửa khóa trái* như sau: “...Tưởng tượng một người đàn ông đứng tuổi, đứng đắn. Một người đàn ông sắp sửa 40 tuổi, có vợ, có địa vị. Không lý tưởng sao, tuyệt vời nữa. Một hôm chàng nói: “Em dám bỏ trốn với anh không?”. Tôi nhìn chàng nghi ngờ: “Chưa có cuộc ngoại tình nào thành công cả”. Chàng hỏi: “Ngoại tình là gì?”. Tôi ngần ngừ: “Là một cố gắng tuyệt vọng!...”

Chuyện là người tình cuối sông chia tay với ông chồng *ba năm ở với người đàn, chẳng bằng một lúc ghé gần người khôn* để quẳng gánh lo đi nhẹ lấy mình. Vậy mà đêm đêm người vẫn “Tôi nhìn tôi trên vách”, thế nên theo ông người đây có chẻ hoe trắng phớ với ngôn từ thì cũng là nhẽ đời thường. Như một lần người tỉ tê: “Có ông, em hạnh phúc biết bao. Ông thương yêu ơi, cho dù em chỉ là một người bình thường”. Chỉ chéo ngoe một nỗi ông lại “không bình thường” cho mấy. Ông đang chập choạng ở cái tuổi chuối chín cây, nửa đêm về sáng cứ u u minh minh với: *Nghe hơi gió chuyển mùa sang - Tuổi già cảm cảnh đôi hàng rụng rơi*. Hồn ma bóng quế của người tình đầu bãi xưa cũ khi không hiện về hú họa ông: “Có khi chung thủy là một cố gắng không tuyệt vọng”. Và tiếp: “Ngoại tình là yêu một lần nữa nhưng cần phải cố gắng”.

Và ông, thêm một tiếng thở ra như một tiếng thở dài cho...một cố gắng tuyệt vọng.

Như có tiếng chuông chùa vọng lại từ nơi rất gần, từ thân xác người tình cuối sông vọng về...Không gian bốn bề ma mị, trên giường, bên ông, ai đẩy khập chân lại với cỏ hoa lạc lối. Trong hỗn mang, ông thấy cả thân xác người đây ngập đầy kêu gọi mong chờ, đợi mong. Thế nhưng chẳng phải chuông chùa xa vắng, vắng xa mà là tiếng để kêu âm ỉ mời gọi và ông áp con đé vào tai. Trong u mê ám chướng, ông vật vã với dù ai đẩy ngủ hay giả vờ ngủ thì thịt da tươi mát của người vẫn thức, vẫn nghe được tiếng gọi từ thịt da ông. Như có đồng giao cách cảm, dường như bên kia đường giây, người nghe được tiếng gọi từ da thịt ông. Tiếng người ỉ ôi trong con mê trần qua điện thoại:

- Nằm xuống đi.

Đang đề hồn đi hoang, ông chợt nhớ người đã tỏ lộ qua chữ nghĩa “Bậu nằm xuống đi (hay...ngồi cũng được). Tại sao lại “ngồi”, ông như bị ứ hơi thở không ra. Ông râm ran từ vô thức “trên” hay “dưới” đây. Qua khuôn mặt vừa có những nét trần tục, vừa mang nét không trần thế, dường như người nhú mày, dẫu môi bên kia đường giây:

- Trên với dưới, mệt quá !

Bờ môi người động đậy:

- Trên sướng chết đi. Đâu có bị...đề...nặng hí !

Khóe mắt người đong đưa:

- Hay là dưới thành trên hí ?

Ừ thì ông đang nằm...trên giường chứ còn ở đâu nữa. Cái đầu ông lảng quàng về ông nhà văn Tây phương nào đó vờ vĩnh: “Cái giường không phải để ngủ. Mà là để nói chuyện. Vì ở trên giường, người ta dễ thành thật với nhau nhất”.

Khi không thoág như có tiếng thở ra, như...

Thạch trúc gia trang
Nhâm Thìn 2012

Phụ chú:

Mặc dù cảm hứng bài viết được vay mượn từ “Memoria de mis putas tristes” của G. Marquez và “Les belles endormies” của Yasunari Kawabata. Nhưng qua “Nhật ký tình ảo của một ông già” thì thực tế và thực thể có một chút nào khác biệt với “Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi” và “Người đẹp ngủ mê” của hai tác giả trên.

Đoàn 76 tù binh

(Bút ký)

Chuyện gã kể không dễ viết, vì đã có nhiều người viết rồi. Thằng như một nhà văn nào đó đã dầy chữ: “Vào cái lúc tôi bắt đầu viết, những điều tôi cho rằng cần được viết đều đã được viết bởi những người đi trước với những qua sông nín thở, những máu lệ ngục tù, những hồn oan ngọn sóng...”. Nhưng may quá là may, khác một nẽ chuyện của gã là bị bắt làm tù binh. Thế nhưng chả may gì! Bởi thiên hạ sự đi Nhảy dù, Thủy quân lục chiến, đánh đấm từ trên trời xuống, từ dưới nước lên thì gã trên rừng dưới lựu đạn là hình nhân thể mạng cho...Địa phương quân! Với địa là đất, suốt ngày đào đất ngòi dưới hồ thì vẫn dĩ tải đạo cái khổ nào. Khó khăn thật chứ đâu có bõn!

Khó hơn nữa thêm một nhà văn ngoại quốc: “Không việc gì phải tìm cốt truyện ly kỳ, chi tiết rắc rối, lại không có thật”. Ngay tình thì...*cốt truyện* đã có sẵn, và chả...*rắc rối* cho mấy. Với...*không có thật* ư? Hiểu theo nghĩa không bịa tạc thì chuyện có...*thật* là: *Gã* là...“đương kim” anh vợ tôi. Nhưng tôi không gọi *anh* mà vác hình tượng “*gã*” vào bài viết để có khí phách, có hồn vía một chút. Vì đi lính, *gã* cũng hút thuốc lá Ruby, uống bia Quân tiếp vụ, rượu đế Kim Long, và chửi thề...*kiểu* con nhà lành như bất cứ ai.

Ấy là chưa kể bị xiềng vào chữ nghĩa như anh tù văn nên tôi bê vào bài viết những văn chương thiên cổ sự này kia, kia nọ. Chăn trâu nhân thể dất ghé thể nên chẳng thể thiếu vắng thằng bạn cà phê Pasteur ngày ấy năm nào với ngẫu sự nào đấy.

Và chuyện tù cải tạo của *gã* ngắn tun hùn và dập da dập dưới như...

Như theo *gã* kể những trại cải tạo Côn Tiên, Ta Cơn gần phi trường Khe Sanh, mới đầu được lập lên để trồng trọt để tự túc đều có tên chung là “Trại tàn binh”. Sau sát nhập về trại Ái Tử 1, 2. 3. 4, 5 gần Quảng Trị. Trại tàn binh *kiểu* du kích địa phương “tự biên tự diễn” nên tương đối không...“nhất trí” lắm. Vì vậy mới ba bốn tháng đã có người được tha về, thường là những sĩ quan cấp thấp, như...*gã* chẳng hạn.

Một ngày *gã* qua văn phòng trưởng trại “làm việc”, nhòm xa xa lá cờ đỏ sao vàng lật phát trên

nóc trụ sở hội đồng xã, trước cửa có thửa khoai mì, vôi lò dò tới. Khi nhỏ củ mì, lá cây lay động, thằng du kích đứng ở chòi cao bắt gặp. Vừa lúc lụi đụi buộc ống quân nhét mấy củ khoai...Gã bị thằng du kích lấy báng súng đánh ngược lên, gã bật ngựa ra đằng sau, đập vào mắt nguyên con một mảng trời xanh, mây trắng, nắng vàng...vọt. Thằng du kích tiếp tục lấy báng súng dọng vào mồm gã, thế là mắt bu nó nguyên hàm răng cửa. Quần gã toi bởi khói lửa xong, thay vì dẫn về trại, thằng du kích đưa vào trụ sở xã. Vừa lúc lão xã trưởng đi về định ngồi xuống làm một bi thuốc lào.

Không hiểu nghĩ sao lão khẽ khọt quay lại nhìn gã, và bật ra hai chữ: “Ô Ba”.

Gã cũng muốn bật ngựa người ra đằng sau như hồi nãy. Vì “03” là tên hiệu truyền tin của gã. Nhưng gã vẫn nín khe, vì trại cải tạo kia, trụ sở xã này nằm trên đất đóng quân ngày nào của gã. Bởi nhẽ nào có biết lão xã trưởng này là ai, là nẫu thì...

Thì lão nâng mặt gã lên và búng thêm một câu:

- Đủ má! Thiếu úy Nghĩa!

Lúc này gã mới ve vé mắt nhìn lão xã trưởng. Bố mẹ ơi, hóa ra lão là thượng sĩ nhất tên...Nàng, là thường vụ đại đội trước kia của gã. “Nàng” vội cời trối cho gã.

Đúng là gã bịa và bịa như thật! Tôi bầm bố mắt bù lạch sao mà không thấy lão xã trưởng? Gã cãi inh lên vì lấy tay che mắt vì mặt mày đầy máu nên còn nhìn khỉ gì nữa. Tiếp, lão xã trưởng mang khoai cho gã ăn, khi không gã buông một tiếng: “Đủ...”.

Mới được nửa chữ nhất tự thiên kim, biết lỗ miệng, gã um thum:

- Còn răng lợi khi đâu nữa!

Cũng từ đó, gã ăn khoai mì thấy...ê răng. Nghe chuyện khoai lang, khoai mì dai như bò đá, bèn hỏi gã chuyện Sư đoàn 1 “tắc bọp” nghe sướng hơn.

Ngõ được nghe đánh đấm ở tuyến đầu hỏa tuyến, gã lại...”cắc cù”: Đủ má...

Lại biết mình lỗ miệng nữa, gã khỏa lấp ngay:

- Xui tận mạng!

Sau đó gã à ê hôm đó thấy khoai mì nhào xuống kiếm chút “bồi dưỡng” nên bị thằng du kích đánh cho nhừ tử. Bị giải về trại mới ô hô ai tai qua vãn phòng trưởng trại để làm giấy tờ “phóng thích”. Gã được thả vậy mà trưởng trại cóc chịu mở miệng cho hay vì sợ lộ...tiết lộ bí mật nhà nước. Nghe xong tôi cũng muốn “đủ...vời thiếu” như gã!

Chuyện đánh đấm của gã cũng chả dài hơn và dăm dẩn như thế này...

Ra vùng một chiến thuật, trình diện Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 54. Gã dẫn lính vào nơi gió cát tới tận Quảng Trị. Ở đây gã gặp lão thượng sĩ thường vụ cũng người xứ Quảng. Dựa trên...chuyện có thật ai cũng biết là chuẩn úy mới ra trường, lão...“chỉ huy” gã chứ ông cố nội gã...dám chỉ huy lão. Ngay cả chuyện lon lá, lão nguýt ngoác rằng thù thù ở cổ áo làm gì, cứ gắn miếng thiếc ở túi áo cho tiện việc sổ sách. Lỡ bị Việt Cộng rượt chạy có cờ thì quẳng bu nó đi cho đỡ mất công cái màn linh kinh...hòm

gỗ cài hoa. Gã quần nát địa đầu giới tuyến xuống đông đông...không tĩn, xuống đoàn đoàn...chẳng tan, đành nay đây mai đó giữ tuyến, đào hố...mỏi cả tay. Cho đến một ngày gã và lão “lỳ một lam” làm một ly...để cho đời nở hoa xuân, cho bõ cái đời lính thú.

Đang giảng giảng chuyện thấy mai chưa nở không biết xuân về hay chưa? Bỗng dung hồn ma bóng quế thẳng bạn *Tháng ba gầy súng* hiện về ngày nào năm ấy ở quán cà phê Pasteur. Ăn dối nói thật thì thẳng này cũng bình bình như con người ta. Chuyện là thấy nó gài bông mai vàng mạ đen lên cổ áo. Tôi hỏi gì vậy? Nó nói i hịt như lão thượng sĩ già vừa rồi. Nhưng nó đâu có hay chỉ vì lúi húi cái bông mai một hồi lâu, ngẩng lên nhìn ra ngoài cửa quán thấy cái Honda bị quái xé “vò” mất tiêu. Tất cả cũng chỉ vì *anh chọt nhớ em, nhớ ơi là nhớ*. Nhưng ấy là chuyện sau, chuyện bây giờ là...

Là gã đón chuyện giữ tuyến, đào hố đánh nhau cầm chừng. Nghe lạ! Bèn hỏi? Gã sông đuột là hai bên đào hết giao thông hào đến hầm trú ẩn cách nhau mấy chục thước. Sau đó ngồi xỏm nghe éch nhái ồm ộp gọi tình. Lâu lâu ngừng đầu lên đi đọp, đi đọp mấy phát cho vui. Tình trạng ì oạp, ì oạp như éch gọi mưa chẳng kéo dài bao lâu...

Ha! Thằng bạn cà phê lúc này đây cũng đang ở giao thông hào...Chân gà lại bới ruột gà, thẳng tôi

bói móc truyện ngắn *Chờ tôi với*... với ngày 28 tháng 1 năm 1973:

(,,) Hiệp định Paris ký ngưng bắn. Lính hai bên ùa lên giao thông hào, những bộ quân phục rằn ri miền Nam trộn lẫn những bộ quân phục cứt ngựa miền Bắc ôm nhau hò hét “Hết chiến tranh rồi! Hết chiến tranh rồi!”. Là hết bắn giết nhau, là chấm dứt chiến tranh. Trong đêm của ngày hoà bình đầu tiên, tưởng tượng sẽ đi theo anh chàng bộ đội về Hà Nội thăm những cây com nguội, những hàng sấu, ngắm nhìn hồ Hoàn Kiếm. (,,)

Thêm một lần chuyện...”ngắm nhìn hồ Hoàn Kiếm” cũng thuộc về hậu sự. Vì chuyện đánh nhau như chơi ấy, theo gã bên ta vì tiết kiệm đạn, còn bên địch làm như nhờ Hòa đàm Paris sẽ bắt chiến tự nhiên thành nên bắn khí gì cho phí đạn. *Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh* gã cho là vậy. Sau mới vỡ lẽ ra chỉ là tách trà trong cơn bão.

Một chiều nắng hạ, vừa...tu để Kim Long, không phải cho bỏ cái đời lính thú mà là...*Già từ vũ khí*. Lão vừa...tu hú với gã: “Tôi ở vùng này tôi biết, trước sau cũng tiêu”. Lão nấn no: “Ông thầy không dọt. Tôi dọt”. Gã không biết làm gì hơn là làm thỉnh. Không xong thật! Và trong quân sử của trận địa, chẳng có “ca” nào như thế này đây: Buổi sáng gã đang ngủ bết con mắt, khi không như có linh tính chớp chớp mắt tỉnh dậy. Làm như trời đi vắng hay sao ấy, bỗng thấy trời đất êm ru bà rù: Hốt nhiên có mấy khẩu AK dí vào người. Mấy thằng chết bầm

cũng chẳng thềm vén môi hỏi cho một câu: “Hàng sống chống chết...Hàng sống chống chết” mà khơi khơi bắt gã làm tù binh.

Nghe cứ như...truyện phong thần. Tôi buồn miêng ngứa răng sao không rĩa một tràng M-16 cho đã điều. Gã trả lời gọn lỏn: “Còn đạn chó đầu mà bắn!”. Và chỉ biết ó ra đến đâu thì đến. Chung sự thì gã được đưa đến...câu Hiền Lương thật!

Gã bị bắt tháng 11 năm 1974, một buổi sáng tháng 10 năm 1977, trên đoàn xe Molotava 25 chiếc bao phủ kín mít, hơn 500 người thuộc Đoàn 76 (tù binh) bị đưa ra Bắc. Về Nam lại mùa thu năm 1978, đi tù tiếp ở trại Bình Điền, vừa tù binh, tù cải tạo 7 năm có lẽ. Nhưng ấy là chuyện mai này, vì mặc tình gã kể gì thì kể, tôi cứ quấy quá với chỉ vì ba mớ khoai mì mà gã dính chấu thêm vài năm cải tạo. Và lại thềm được nghe gã “đu má” nghe quá đã. Gã...đã điều rằng vào trại Bình Điền, gã gặp cố nhân “Đại bàng” trung tá trung đoàn trưởng. Gã hỏi cho ra nhẽ ngày ấy, gọi máy ông ở mô?. Ông ta trả lời ngon lành: “Ồ...Đà Nẵng”. Thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào, tôi hỏi bõn gã đi tù ra Bắc có...ngon như chó ăn trứng luộc không? Gã ậm ừ...

Đề sau đó bằng vào mảnh đời tàn binh của gã.

Gã thần thờ như gà rù giữa buổi đồng vắng về buổi tống tiễn tù binh ở Quảng Trị. Vì nổi buồn chạm mặt với “hàng quân” Phạm Văn Đình, nguyên trung tá trung đoàn trưởng Sư đoàn 3 dàn chào. Ông chơi nguyên con quần áo bộ đội, mang quân hàm trung tá hai sao đỏ với hai gạch. Ông trấn an trước

500 tù binh trước sau mình cũng...thua, cứ lao động tốt sẽ được như...ông và ngày về chẳng bao xa. Ông cho hay đoàn 76 tù binh Ái Tử được đưa ta Bắc trong công tác lao động Công trình thủy lợi Bara Đô Lương ở Hà Tĩnh và Công trường Lòng hồ sông Mực tại Nông Cống ở Thanh Hoá.

Cũng tại Quảng Trị, gã gặp một hảo hán có bộ râu như râu ngô ngòi tựa gốc cây đang châm lửa đốt trời *Bình Ngô đại cáo* với...*lấy đại nghĩa để thắng hung tàn...*Rồi ư hử *chiều trên phá Tam Giang, anh chọt nhớ em, nhớ ơi là nhớ...*Và chọt nhớ ra để không quên kể chuyện ngày 24-3-1975 về cuộc rút quân vượt phá Tam Giang:

(,,) Phía bắc là cửa Thận An, phía nam là cửa Tư Hiền, phía tây là phá Tam Giang. phía đông là biển đông. Nhìn ra biển là hai chiếc M-113, những chiếc bánh xích đua nhau cán lên đầu không biết bao nhiêu là người đang nháp nhô từ bờ ra đến tàu. (,,)

Mãi khi gã là anh vợ tôi, gã mới hay ấy là Cao Xuân Huy với *Tháng ba gãy súng*.

Gã cứ tiếc hùi hụi là nếu gã biết trước thế, gã không để...em gái gã lấy tôi. Nhưng gã biết một mà không biết hai, như tôi biết thừa thằng gãy súng không leo lên HQ-801 mà đang leo lên Molotova “vượt tuyến” ra Bắc qua thư nó gửi anh bạn tên Hùng.

Ngắn gọn và dễ hiểu nó là người hùng nên chỉ kết với ai tên...Hùng:

(,,) Hùng thân. Sau khi bà cụ tao từ Sài Gòn ra Ái Tử thăm nuôi. Nhưng quân giáo trại từ chối vì mai này, bọn tù tội tao phải ra Bắc. Khoảng tháng 10/1977. (,,)

Với biết một mà chả biết hai thì thằng em rể gã cũng tên...Hùng vậy.

Xe qua cầu Hiền Lương, nước sông Bến Hải trong xanh, gã cảm thấy tê tái, tái tê, Qua đến bờ bên kia, xóm làng hai bên đường nghèo nàn, đồng ruộng xơ xác, gã chẳng thấy trâu bò đâu. Đoàn xe chạy suốt trên Quốc lộ 1 qua cảng Đồng Hới, theo gã bên cảng này là một cảng khá lớn của miền Trung, vậy mà trước mắt gã thật sự lại quá tiêu điều, lạc hậu so với bên cảng miền Nam, tàu bè thưa thớt và bé nhỏ.

Cả vùng đất Quảng Bình, gã lỗ mắt chỉ thấy hố bom với hố bom. Đoàn tù binh đến sông Gianh. Lòng sông không rộng, nhưng vì không có cầu nên phải đợi qua phà Danh, phà kết bằng tre bó lại và lót gỗ trên mặt cho xe qua lại. Ra đến giữa sông, sông nước rì rào, gió thổi rất cả mặt, lẫn trong gió gã nghe như tiếng rên xiết của hòn tử sĩ gió ù ù thổi trong cuộc phân tranh gần 300 năm trước giữa hai dòng họ Trịnh Nguyễn.

Từ nãy giờ tôi bị gã cho hai lần vượt sông, chỉ thấy nước chảy mây trôi, sóng vỗ ì ầm. Lại nữa với *lối xưa xe ngựa cũ hòn thu thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương*, thằng tôi cũng muốn đi tìm thằng gã

súng lẫn quần đầu đó...Mà dám cái thằng bán nấng cho trời, bán sấm cho thiên lôi đang ngồi ở bên sông nào đó và đang...

(,,) Chạy từ Quảng Trị về, bao nhiêu túi hòn, cãm hận, biến mất nhanh như viên đạn ra khỏi nòng súng. Bọn tôi ngồi quây tròn giữa ngã tư đầu nam cầu Trường Tiền nhậu không có mồi, không có nước đá “chữa lửa”, chúng tôi nhậu chay. Câu chuyện lại vui như pháo Tết. Máy tên lính không biết lấy xe xích lô của ai chở đầy xe thuốc lá Ruby và bia Quân tiếp vụ đến tiếp tế và nhập cuộc. Tôi đập vỡ cổ chai bia rót từ đầu xuống, người ướt đầm bia thích thú, từ bé đến lớn chưa bao giờ được tắm bằng bia mà. (,,)

Bèn hỏi thằng gã sủng đầu chả thấy!/? Có thể vì chuyện “biết một mà không biết hai” nên gã ăn com nhà bột, đốt râu thầy chùa vặc tôi như vật thật: Vì gã chỉ biết ông râu tên Huy, họ còn không hay biết nữa là. Là qua thêm hai cái phà nữa: phà Ròn ở Đèo Ngang và phà Vinh, cứ lên xe xuống xe nên còn biết ai với ai!. Xong, gã dễ dàng...

Xê trưa đoàn xe ngừng lại ở đỉnh Đèo Ngang ranh giới giữa Quảng Bình, Hà Tĩnh để nghỉ ngơi. Thờ thần trên Đèo Ngang, gã để hồn đi hoang trong một cõi đi về với 500 tù binh, 500 trăm mảnh tình riêng nhưng không thể nói ra...Quay nhìn về phương Bắc, gã cảm thấy đi ngược thời gian về 150 năm trước, gã mừng tượng vồng cẳng của bà Huyện Thanh Quan từ Thăng Long vào Thuận Hoá, họ đang ngược chiều lên đèo đi ngang qua đám tù

binh đang đứng, ngồi ở đây. Bà vẫy vẫy tay chào nhưng cau mặt với tang thương *tạo hoá gây chi cuộc hy trường, đến nay thấm thoát mấy tình sương*".

Đến tao đoạn này, chợt nhớ ra bài viết *Bà Huyện Thanh Quan tân biên cổ sự* mà tôi vay mượn tác giả nào đó một đoạn nhưng chả biết có đúng với thực tại chẳng:

(,,) Hóng mắt xuống chân đèo thoai thoải dốc không nhìn thấy cỏ cây chen đá, lá chen hoa, mà chỉ thấy lá cây đang đổi dần từ xanh tươi sang xanh thâm...Hoa, hoàn toàn không có, thêm một lần chẳng gặp lại...tiền vài chú, mà là những người gánh củi như những cái bóng nhập nhòa từ trên rừng về thôn xóm. Đâu đó có tiếng leng keng của mấy con trâu đeo mảnh bom ở cổ kêu nghe mệt mỏi, nã nê. (,,)

Tôi to hó với gã có nhìn thấy mấy con trâu núi đeo mảnh bom ấy không? Gã gật gù rằng vì trời xế trưa, nằm phiêu phiêu trên khoảng đất trống nghe tiếng chim cuốc kêu. Gã nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc với chuyện “biết hai mà không biết một” nên thả hồn vào giấc hòè lúc nào không hay. Nhưng...hay biết con trâu núi mạn ngược lắc lắc cái sừng nên nghe rõ tiếng hai mảnh bom B52 gõ vào nhau kêu...“leng keng” thật.

Chuyện trâu nhưng nghe tức như bò đá, chưa kịp hó háy gã đã...

Đoàn xe trực chỉ Nghệ An, khoảng 4 giờ tới Vinh nằm giữa ranh giới Hà Tĩnh, Nghệ An. Thành phố này như thành phố hoa quý vàng *anh khách lạ*

đi lên đi xuống...đi dăm phút đã về chốn cũ là hết đất. Vì thành phố với những chung cư cho nhân công kỹ nghệ do Đông Đức xây cất vào thập niên 60. Đường phố thừa thớt người đi lại, chỉ thấy công nhân viên nón cối rộng vành, áo quần kaki Nam Định, xe đạp thò Trung quốc. Chỉ có vài trụ sở hợp tác xã, cửa hàng quốc doanh, nên với gã chả...*còn một chút gì để nhớ để quên.* Rời khỏi Vinh mười cây số gặp nhà ga Yên Lý, theo phía tây gặp xã Diễn Châu.

5 giờ chiều đoàn xe ngừng lại ở khoảng đất trống cách Đô Lương nửa cây số...

Buổi sáng đầu tiên ở miền Bắc sao im ắng lạ lùng. Ngày đầu chuẩn bị nhận dụng cụ rỏ rá, cuộc xêng và xe cải tiến để tải đất. Gã và một số anh em theo anh bộ đội ra chợ huyện gánh rau quả. Sắp tới chợ huyện trên quốc lộ 7 có đám nhóc đứng bên đường, dưới chân là đồng đá được sắp sẵn thì phải. Một cô gái khoảng 16 tuổi chỉ trở anh ni thiếu úy, anh nó trung úy. Chưa kịp hỏi bạn tù sao “nó” biết cấp bậc của đám tàn binh thì đã bị ném đá ào ào vào người, may có người đàn ông đi tới đuổi lũ nhóc đi và dẫn con gái về. Vì lộn xộn nên phải ngừng một nhát, đi được một quãng gặp cô con ngồi trước hiên. Anh bộ đội tạt ngang nói năng gì đó, ông bố liếc nhìn đám tù binh và nói lớn: “Thứ đó đem bén bỏ cho rồi. Nước đâu mà cho uống”. Anh bộ đội đi khỏi rồi, ông bố kể tai nói nhỏ với cô con. Lát sau cả hai mang hai gầu đầy nước cho đám tù binh.

Theo anh bộ đội vào chợ, trong khi chờ đợi anh ta mặc cả với bạn hàng, gã mon men đến một sạp gần đó hỏi dò bà bán hàng có thịt thà không? Bà ta trả lời: “Làm gì có thịt mà bán, anh!”. Chữ “anh” nghe gần gũi sao ấy. Gã hỏi bà “hàng thịt”: “Ngoài này mỗi năm được mua bao nhiêu mét vải?”. Bà bỡ ngỡ: “Mười năm nay rồi có được mét vải nào đâu!”. Tiếp, bà nói dàm: “Anh ở đâu trong Nam thế”. Gã đáp: “Sài Gòn”. Bà lại hỏi nữa: “Trong ấy đẹp lắm phải không”. Gã dạ vâng. Bất chợt bà vô vấp: “Các bác và chị ấy có được ra thăm anh không? Và lắc đầu: “Tội!”. Gã thủng thảng nhất gừng là chưa có...”chị”. Bỗng nghe chuông từ ngôi nhà thờ công giáo cổ kính bên kia đường, cùng lúc gã dòm thấy hai mẹ con đi chân đất dẫm nhau nấp sau thân cây bạc hà, mỗi người kẹp nách một gói giấy. Lát sau họ bước ra, trên thân mỗi người bây giờ là chiếc áo dài đen luộm thuộm còn hẳn rõ nếp gấp, hai mẹ con đi guốc, lầm lũi đi về phía nhà thờ.

Gã bước qua hàng chè vối bên cạnh và bắt gặp cô hàng nước hóng chuyện quay ngoắt đi. Cô ngồi dưới một tấm liếp tranh, trên cái trống xiêu vẹo có một lọ thủy tinh đựng vài chiếc kẹo vừng, cái điều cây, cái ô gỗ nhỏ có dăm bao thuốc lá xé dở. Khách đến trả 5 xu 1 bát nước vối, 5 xu 1 bi thuốc, cô lấy gáo khoáy vào lon nước rửa, múc chè vối rót vào bát. Tiện tay múc cho gã một bát nữa, gã lắc đầu ra dấu không có ”xu teng” nào. Mắt gã hết nhìn ông khách rít thuốc kêu tanh tách, lại nhòm “cái ô gỗ” giống cái ngăn kéo bàn học. Cô gật đầu thản nhiên

đưa gã bát nước. Tay cầm bát chè vôi, đầu gã cứ xoay vùn... Vì dường như gã đã nhìn thấy cảnh này ở đâu đó từ thời *Tự lực vẫn đoàn* cách đây 40 năm với quán nước đầu làng. Ấy vậy mà sao vẫn không thay đổi. Vẫn cái trống xiêu vẹo ấy, nồi nước vôi đó, tấm liếp tranh, lọ kẹo vừng! Chả nhẽ cô hàng nước ngồi ở đây từ bấy đến giờ? Gã chột dạ quan hoài đến người xưa đâu tá!

Uống xong, trả lại cái bát, thì...thì cô dúm vào tay gã bao thuốc lá còn nguyên si.

Nghe mùi thuốc điếc mũi, đang định đốt một điếu, gã đã tống tôi đi “lao động”...

Những ngày tháng kế tiếp Đoàn 76 đào vét lòng kinh Mụ Bà (tên cũ thời Pháp là Bara Đô Lương) cho kịp mùa mưa để sông Mã cung cấp nước cho quận Đô Lương và hai quận bên cạnh. Đào, cuốc, gánh, tải đất từ lòng kinh để đắp cao hai bên bờ. Ba tuần “lao động” rồi cũng chóng vánh trôi qua. Hôm sau trên đường đi Nông Cống, Thanh Hoá. Nhìn con kênh, gã cảm thấy vui lây với dân ở ba huyện này, mong rằng năm sau và về sau nữa họ có đủ nước cho ruộng vườn... Đang ngồi trên xe Molotova ngược lên phương Bắc. Đùng một cái nghe tiếng ầm chát chúa, không ai biết chuyện gì xảy ra...

Cái nét đánh chết cũng không chừa của gã là chuyện này xọ qua chuyện kia. Không những thế gã lại có lối nói chuyện có hơi rối, hơi ngúc ngắc thế này đây:

Chủng chẳng như bò dục chắm mắm cáy thì cũng đến...câu thơ thì xã con thuyền Nghệ An. Gã xăn xò dân công giáo Nghệ An ở Quỳnh Lưu nghèo khổ, rách rưới hơn hai mẹ con ở chợ Đô Lương nhiều. Tôi hỏi rách thế nào? Gã bảo có quần áo đâu mà...rách! Vì họ đóng...khô! Cùng cuốc đất vét kinh với tù, nhìn quần áo tù sọc dưa họ thèm thường thấy rõ. Chẳng lẽ tù đổi quần rồi...đóng khô sao? Vậy mà có anh tù biểu không cho một ông cái áo. Ông này trên mặc áo sọc, dưới quần...vải bao cát.

Gã chưa gặp thằng gã súng ở đâu đó nhưng thằng tôi gặp nó với...vải bao cát! Ai có thân người ấy lo, ai có bò người ấy giữ, tôi cứ giữ dật hình ảnh giao thông hào, ám ảnh hàm hố ẩn khuất qua truyện ngắn *Vải bao cát* trong *Vài mẩu chuyện*:

(,,) Giao thông hào, hàm chữ A, hàm chữ T. Tiếng bom, tiếng lựu đạn. Những xác ta, xác địch. Một viên đạn bắn sè, thằng đệ tử ruột ngã ngửa. Đôi dép râu với cặp chân vắt ngang giao thông hào. Và, bao cát, những bao cát đẫm máu người, thịt da dính bầy nhầy óc trắng, trộn lẫn với đất từ những bao cát... Cái hình ảnh ấy trở thành nỗi ám ảnh triền miên...Một ngày nào đó, chúng ta sẽ không còn phải dùng bao cát để làm hàm trú ẩn, không bao cát để đắp giao thông hào. Vì: Chiến tranh đã hết rồi mà. (,,)

Vì chiến tranh đã hết nên gã mới nghe được chuyện ông tướng với núi Kinh ở Đô Lương và

nói...kinh thật. Ông tướng “ôn vật” với sức người sỏi đá cũng thành cơm cho làm đường hầm xuyên núi. Cứ một thằng dân, một cái cuốc chim đục đẽo cả ngày mới được một cái hốc bằng lỗ mũi. Sẵn thuốc nổ TNT của Mỹ Ngụy để lại, ông tướng cho nổ tung...núi thành hang sâu thun thút. Mìn nổ thêm mấy quả nữa, đúng lúc này thì...

Thì như vừa kể lễ, đang ngồi trên xe Molotova đi Thanh Hoá, xe chạy ngang qua núi Kinh nghe tiếng ầm chát chúa kinh thiên động địa. Đám tù binh ngẩn ngơ nhìn đá cát, bụi đất bốc lên như cụm mây hình đĩa sôi vát vương ngang ngang đầu núi.

Ít lâu sau gã được “rỉ tai” có 112 người chết vùi dập trong hang núi ấy.

Vừa khi đoàn xe rời Nghệ An, đang theo gã trâu rong bò dắt đi Nông Cống như đi...nông trường. Chợt nhớ gã gặp cô gái bên đàng được cả...gầu nước, thêm cô hàng nước với nguyên...bao thuốc lá. Mà nào gã có “báo cáo rõ” thuốc gì, sau tôi “liên hệ” với ông chú ở ngoài Bắc thì “nắm bắt tình hình” vào thập niên 70: Bao thuốc lá “bẹ” nhất là Trường Sơn, Sông Cầu chỉ 5 hào, “khủng” là Thăng Long những 1 đồng, so với 1 bát phở 5 hào. Lại nữa, không có lửa sao có khói vì chả thấy hộp diêm đâu, suốt chuyến đi, chả thấy gã thở ra...khói gì sất! Trộm nghĩ dám gã bịa lảm ạ! Bèn hỏi gã có mối tình “em gái Bắc”, “anh tù Nam” nào chẳng. Tình thuộc dạng vừa mới gặp đã có...mùi ngậm ngùi chia phôi, kiểu

ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới. Gã nhàn nhàn ra rặng trại cải tạo trong Nam có lán, có buồng, còn ở đây, họ đâu có rỗi hơi dựng trại cho đám tù binh đang lêu bêu nay đây mai đó. Vì vậy gặp rừng xanh um là đốn cây làm nơi tạm trú. Còn ăn uống mỗi ngày chỉ được một phần ăn là “bánh xe lãng tử” (như Donut), một bát sắn trộn bo bo. Vì vậy đói gặp mới chúa, mới vua là xong tuốt, cứ con gì nhúc nhích là nhai bằng thích, trừ con... “bù-loong”. Ban ngày trời nóng cách mấy, nhẩy ùm xuống suối là phê. Nhưng đêm về với cái lạnh cồng da buốt thịt của rừng núi thì trốn ở đâu cho thoát. Lạnh teo... “bu-di” thì còn làm ăn khi gì nữa.

Với teo “bu-di” còn làm ăn gì nữa để ai biết quan mót đái mà hạ võng:

(...) Tôi và Bưởi về đến hố của Bưởi. Người con gái nằm trong hố, chòm poncho chỉ thò mỗi cái đầu ra ngoài. Khuôn mặt kẻ cũng dễ coi. Vừa xuống hố, Bưởi nói: “Ông thầy nằm đắp chung poncho với con nhỏ này, em đi tìm cho ông thầy cái áo giáp”. Tôi nằm đắp chung poncho với cô gái. Hơi ấm từ người cô làm tôi khó chịu, không phải tôi khó chịu cô gái mà tôi khó chịu tôi. Bàn tay tầm bậy của tôi mảy mò tứ tung trong poncho. Cô thở dòn dập. Đến một lúc thuận tiện, tôi tìm một vị thế thích hợp. Nhưng vị thế thích hợp đã không có với chúng tôi. Cát dính lung tung lên người, ở dưới hố thì hố được đào cong vòng như cái võng, kéo nhau lên trên miệng hố, đạn Việt Cộng bay loạn xạ ở tầm rất thấp. Rất thềm.

Nhưng thôi thì đành chịu, lắc đầu, chép miệng, “ngậm ngùi” (...).

Hết con trâu núi đeo mảnh bom đây “hình ảnh” của chiến tranh đến hố được đào cong vòng như cái vồng ngập “hình tượng” thống khoái của một kiếp nhân sinh. Vì Tàu có được cái linh sàng là...chết giấc. Ngẫm chuyện nhân sinh ấy là bản năng sinh tồn như gã đói gặp mồi chúa, mồi vua là xong. Như thằng gãy súng đánh vật với *Miếng ăn*:

(,,) Tôi phải tự “muru sinh” để được bồi dưỡng bằng những con cóc, con nhái, con rắn, con chuột ở ngoài ruộng, ngoài bìa rừng trong những lúc đi lao động, chỉ có những con vật nào không nhúc nhích hoặc nằm ngửa mới thoát khỏi cái mồm của tôi... Tóm lại, với “muru sinh” thêm, tôi đã cầm cự được với cái đói trong nhiều năm nay (,,).

Và vật lộn với anh hùng mạt vận thì chả nhẽ...bụt không thềm ăn mỳ ma:

(,,) Hai thằng cạnh tôi nói với nhau: “Mày ăn hết đi” – “No thấy mẹ rồi” - “Hay là đồ đi”. Tôi nghiêng chặt răng, nuốt liên tục mà sao nước dãi cứ ứa ra, đầy mồm rồi trào ra mép. Nước mắt tôi cũng ứa ra, không hiểu tại sao. Tôi thua cuộc rồi. Tôi lầm nhảm trong đầu: “Mời tao đi, mời tao một tiếng, một tiếng thôi”. Nhưng chẳng có tiếng nào. Cuối cùng hai thằng đem đồ. Đầu tôi như vỡ tung ra. Tôi hét to lên một tiếng, tôi không biết mình là ai, tôi không còn biết mình đã làm những gì nữa. Cho đến tận bây giờ, mọi người có mặt trong lán, kể cả hai thằng bên

chạnh tôi vẫn không biết lý do tại sao lại bị một trận đòn thù đến nỗi phải đi năm trạm xá. Và tôi, bị cùm để được ăn một cái Tết trong xà lim (,,).

Vào đến Thanh Hoá, đoàn xe chạy qua quận Như Xuân tới Nông Công. Lên đồi xuống dốc một thoi một hồi theo con đường đất mới ủi... ủi thẳng vào rừng. Được đổ xuống khoảnh rừng chằng chịt cây cối xanh lè. Nghe tiếng nước chảy xiết, đám tù lè lưỡi dọ chừng đang ở tuốt luốt thượng nguồn sông Mực. Mệt nhoài nhưng cũng phải phát quang, dọn dẹp để có màn... màn trời chiếu đất như ở Đô Lương ngủ qua đêm. Vì ở đây lâu dài nên hôm sau phải làm nhà, nhờ vấp gã mới học được ống nứa đập giập, xẻ dọc, cột sợi nứa thành tấm tranh, rồi chồng lên nhau một gang tay để làm mái. Một buổi về trại vắc bó nứa trên vai, nhác dòm thấy sợi dây leo dưới đất ngổ...con rắn. Thế là vấp ngã, nứa một nơi, rựa một nẻo, còn người nằm một đồng. Gã lại có dịp được nhìn trời xanh mây trắng nắng vàng với...mảnh nứa cắm vào mắt. Như thẻ nhang cắm vào bát nhang, chỉ thiếu con gà khoả thân nấp sau nải chuối. Và gã lại thấy...đói.

Như bọc bạch với văn chương thiên cổ sự ở trên, thoạt đầu tôi muốn đi tìm thời gian đã mất như Marcel Proust. Mặc dù đi tìm thời gian đã mất, nhưng ông nhà văn chỉ tìm kiếm hình ảnh qua cái làng của riêng ông: làng Combray. Thế nên ngược lại, lúc này đây tôi muốn đi tìm khoảng không gian

còn đó, có đó. Vì một ngày nào đấy, chỉ ngẫu nhiên thôi, thắng như ghé qua bất cứ địa danh nào mà nó đã đi qua. Với ngẫu hứng, tôi sẽ tìm một cái quán để ngồi. Ngồi ở quán có thể tôi đi tìm thằng gã sủng qua...

(,,) Một chiều cuối Đông. Nắng quái hắt những vệt lãn tãn loang loáng từ mặt phá Tam Giang lên tấm bạt nhà binh, mái che của một quán nhậu dã chiến, ven làng, gần chỗ dừng quân. Trong “quán”, bàn là những thùng gỗ đạn pháo binh, nằm chỏng chơ, ghé là những thùng đạn. Có hai “bàn” còn khách, cạnh nhau. Một bàn hai người. Một người ư ử hát *đáng trọng phu không hay xé gan bẻ cột...phù vương thường...hà tất...* (,,)

Mà hà tất phải *Hồ trường*, vì cũng có thể tôi đi tìm bóng dáng thằng gã sủng qua cụ Phan Huy Ích với *dấu binh lửa nước non như cũ, kẻ hành nhân qua đó trạnh lòng*. Hoặc giả như đi tìm thằng gã sủng qua cụ Nguyễn Công Trứ đã dẫn thủy nhập điền ở Kim Sơn, Tiền Hải. Vậy mà có một thời cụ bị đi đày làm lính thú ngay tại vùng đất Nông Công này và cụ cũng đã *chém tre, dẫn gỗ trên ngàn, hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai*. Nhưng ấy là chuyện người trăm năm cũ, chuyện bây giờ với thực tại, với vùng đất chỉ toàn đá với đá Thanh Hoá của nhà thơ Hữu Loan. Chạy trời không khỏi nắng, ông đang đẩy chiếc xe cải tiến lên núi xuống núi, tay cầm cái cuốc chim và cũng đang còng lưng đục đá

như gã với áo anh đứt chỉ đường tà, vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu.

Với cái cuộc chim, gã bỏ đá lớn, đá nhỏ từ lòng đáy hồ. Với xẻng, xà beng nạy xói từng rổ, từng thúng đá chuyển lên bờ cho lòng hồ sâu hơn để lập...nhà máy thủy điện. Tiếp đến lên rừng đốn cây làm đập, cây lim to bằng hai ba người ôm, vừa cứng vừa nặng nên phải dùng cưa “cá mập”, chỉ cưa mỗi khúc 2 mét, vậy mà phải cần 8 người khiêng. Gã cân đo đong đếm đập nước nhà máy thủy điện bằng bê tông cốt sắt lắm khi còn bị vỡ, hỏng chi mấy khúc cây. Đừng nói đến đập điếc, ngay như cái xẻng, cái xà beng chỉ nạy xói ba bốn nhất là gãy. Vì vậy toán thợ rền trại tù làm việc ngày đêm làm dụng cụ từ những tấm vỉ sắt lót phi đạo từ...Khe Sanh đưa tới. Y như rằng, sau cơn bão kéo dài cả tuần, nước ập xuống, đập bị vỡ, một số bị cây đè, một số bị nước cuốn, tù binh chết khoảng hai chục người. Trong đó có anh Lục bạn lính của gã, một trong những người đã ở lại sông Mực trong chuyến ra Bắc năm 1977-1978.

Một ngày chủ nhật không lao động nên không được ăn sáng. Đói quá, gã rủ anh tù lân theo tiếng gà gáy, leo qua hai ngọn đồi thấp, quên cả nguy hiểm có thể xảy ra. Thấy một ngôi làng nhỏ, lân theo con dốc xuống làng. Vào căn nhà đầu tiên gặp một anh bị cụt một chân đang...nhảy lò cò. Làm một đường thăm hỏi mới hay anh đi B dài, phế binh cấp 1, chỉ mất một chân, chưa mất...cái đầu, ấy vậy mà thuộc diện...phế phẩm. Gã hỏi có gì để lót dạ. Anh đáp có

com nguội muối vừng cứ ”thoả mái”. Anh bảo gã ăn nói chín chu lăm, chả “thiếu văn hóa” như đảng ấy ngoài này. Đợi no căng rồi, anh pha trà.

Nom dòm thấy thằng mũ sắt là gã ngồi với ông nón cối không hề quen biết đây. Tôi được thể lụi đi với thằng gã sùng từ giấc mơ *ngày hoà bình đầu tiên, tưởng tượng theo anh bộ đội về Hà Nội thăm những cây com nguội, những hàng sấu, ngắm nhìn hồ Hoàn Kiếm*. Từ Tràng Tiền, Huế, tôi lại đi tìm một dấu tích nón xanh, mũ cối bên Hồ Gươm, Hà Nội qua ông bộ đội nhà văn Bảo Ninh với bài viết *Nhớ Cao Xuân Huy...*

(,,) Đã chiều muộn. Tiệm đông dần lên và bắt đầu nhạc nhọt. Huy nói bữa nay mình kiếm chỗ nào. Mà hay nhất là chỗ còn lưu dấu Hà Nội 54. Biết một chỗ như vậy, tôi chạy xe máy chở anh tà tà vòng quanh Bờ Hồ. Rồi dừng ở nhà Thủy Tạ vì ở đây có quầy rượu. Huy nói tử lực xuống nên bấy lâu chỉ bia, song bữa nay, giữa Hà Nội, bên hồ Gươm, thì đúng là phải thứ gì nặng ký, để tụi mình, thử nào nón xanh mũ cối giờ đây đầu bạc thù tạc coi sao. Chúng tôi gọi một chai và ra ngồi ở bàn kê bên lan can kê mép nước. Thật may, Thủy Tạ tối ấy thưa khách, như là chỉ có hai chúng tôi với mặt hồ. (,,)

No căng ròn rồi, nhòm cái chân, khi không gã rọ cái mồm vào là anh có...“hận thù” gì không? Anh lắc đầu và vào chuyện một tối anh và hai đồng đội ngồi uống trà trên dốc Trường Sơn như hôm nay.

Bỗng một anh bốc đồng chửi đổng te tái: “Thằng ở ngoài Bắc cứ ở ngoài Bắc, thằng ở trong Nam cứ ở trong Nam, thằng nào làm việc nấy. Tiên sư chúng nó chứ! Chứ chúng nó nghe xúi dại để tội ông choảng nhau. Chỉ khổ cái thân ông vì bây giờ con sẽ đang năm chồng bốn vợ ở nhà đợi ông về quai hai ba quả là ít”. Gã bấm bốp là anh bạn về...bỏ được mấy quả? Anh ngần ngừ: “B52”. Gã vội xin lỗi thì anh...ngập ngừng. Nhìn ra ngoài đồi núi với cây rừng, trong gã lay lắt hình ảnh người bạn tù tên Lục qua câu nói thằng ở ngoài Bắc cứ ở ngoài Bắc, thằng ở trong Nam cứ ở trong Nam thì...thì anh ngập ngừng: “Các anh sắp được về rồi”.

Ngày ấy cũng đến, đoàn xe thiếu một chiếc lăn bánh, người đang làm rẫy bên đường ngẩng lên với khuôn mặt hiền hoà. Trong đó có anh thương binh đứng bất động như pho tượng gỗ. Gã nghĩ không ra sao anh có thể...nhảy lò cò qua hai ngọn đồi.

Nghe gã được về là...hết chuyện. Cũng hết chuyện thật. Tôi cũng chẳng muốn gặp thằng gã sùng nữa vì vừa nhận được thư nó gửi cho anh bạn tên Hùng ở trên:

(,,) Hùng thân. Khi Trung Cộng sửa soạn tân công các tỉnh phía Bắc. Đoàn 76 tội tao được trả về Ái Tử. Gửi lời thăm mày và gia đình... Thân (,,)

Thôi thì mọi sự cũng xong, vì cuộc chiến đã qua gần 40 năm. Lay lắt theo nhà văn Việt ở Úc: “Có thể nói những ai đã từng trực tiếp tham dự vào chiến tranh sẽ không bao giờ thoát khỏi cuộc chiến tranh

ấy. Những người lính từng “giã từ vũ khí” vẫn tiếp tục sống trong tâm thế lính tráng cho đến tận bây giờ. Người ta tiếp tục đánh nhau trong ký ức. Điều này phân nào giải thích tại sao người ta cứ viết về chiến tranh mãi. Kẻ thắng viết, đã đành; kẻ thua cũng viết, thậm chí, còn viết nhiều và viết hăng hơn những kẻ chiến thắng nữa. Tại sao thế nhỉ?”. Với tôi chỉ có câu: *Tại sao thế nhỉ? Vì những máu lệ ngực tù, những tủi hờn vong quốc* đều đã có người viết hết cả rồi. Nhưng nếu không viết, tay chân ngứa ngáy khó chịu sao ấy như bệnh gìời bò, vậy đấy, thế đó.

Thế mà gã...đi đâu có chết chóc đến đây, mà gã vẫn sống nhăn răng cạp đất. Vì vậy tôi trở lại khúc đầu hỏi thêm ngày gã bị AK dí gã có “rét” thật không cho chắc ăn. Hỏi cho có vậy thôi, ý đồ tôi là qua một mảnh đời chiến địa của gã, đánh đấm câu giờ như Lã Vọng...câu cá! Ngoài ra đánh nhau như đùa với rượu Kim Long mang theo. Như người thơ Nguyễn Bắc Sơn *đi hành quân rượu để vẫn mang theo, mang trong đầu những ý nghĩ trong veo, xem cuộc chiến như tai trời ách nước, ta bắn trúng người vì người bạc phước*. Tôi bèn trộm nghĩ đúng là bị gời đày, vì chuyện kể của gã có ly kỳ và rắc rối thật nhưng...không thật vì chả thấy máu me gì sất cả.

Gã cười bơ là rét thì không, nhưng lạnh cẳng thì có. Nhưng gã chấp nhận số ruồi với...đến đâu thì đến. Vì ngay sau đây tụi nó cỡi đưa gã...đến ven rừng.

Trời về chiều, đám tù binh đang ngồi xỏm bên con đường mòn chuyện trò. Bỗng có thằng bộ đội dắt ba sĩ quan Thủy quân lục chiến bị trói bằng dây thừng đi ngang qua. Từ dưới lùm cây, gã ngược nhìn người đi sau cùng vì vóc dáng kèn càng như con gấu. Khi không thằng bộ đội dòm gã chăm chăm. Gã vội lấy dây ba chạc che cái lon ở ngực áo. Nhưng với mắt cú vọ, thằng răng hô mồm cá ngão cũng nhìn ra, và bắt gã đứng dậy. Lúc này nom nhòm rõ hơn, mỗi người bị trói cách nhau cả thước, ắt hẳn là để khoảng trống cho dễ đi. Sau đấy, nó trói gã với anh thủy quân lục chiến sau cùng.

Thằng tôi theo chân Đoàn 76 tù binh từ Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá để đi tìm thằng gã súng. Cuối cùng tôi gặp cả hai ở ven đường...

(,,) Chúng tôi nghe một tiếng súng nổ ở phía phá Tam Giang. Khi mọi người đã qua phá xong, chúng tôi bị dẫn đi dọc theo con đường đất quanh co hướng về phía quốc lộ 1. Lúc này, ở bờ phía bên kia phá, chúng tôi được ném mùi cướp bóc, thổ phỉ, và bây giờ trên con đường đất hai bên là ruộng, là lùm cây, là bụi cỏ. (,,)

Trong khi hai người bị trói lại với nhau, anh quay lại nhìn gã với đôi mắt nửa lạng lẽ, nửa hững hờ. Bởi đứng sau không thấy cấp bậc, nhưng nhờ anh để râu quai nón...gã nhận ra anh là đại úy Tiểu đoàn 2, vì gã cũng Tiểu đoàn 2. Nhưng gã không

quen anh, vì khi cần được cứu viện hay yểm trợ, tiểu đoàn anh nhập trận đánh ào ào là rút ngay. Trói xong, thằng bộ đội dắt một chuỗi bốn người đi vào rừng. Đang len lỏi qua rặng cây một hồi lâu, ở khúc quanh con đường mòn có một hòn đá tảng. Đột nhiên nó quay lại, gã nghĩ mọi người sẽ được ngồi nghỉ trên hòn đá kia vì đã mót chân quá rồi. Thì...

Như có linh tính để tôi chợt dạ. Vì chẳng lẽ như...

(,,) Chúng tôi được thưởng thức món giết người. Đoàn tù chúng tôi đi thất thủ trên đường, đoành một tiếng, một xác người ngã xuống bờ ruộng, đoành một tiếng, một xác người nữa ngã xuống bờ ruộng. Một người đi ngay bên cạnh tôi bị bắn vào đầu, máu và óc văng dính cả vào người tôi. Trò bắn giết rất kỳ cục và khó hiểu. Những người bị bắn chết và những người không bị bắn-hay chưa bị bắn-đều không hiểu tại sao bọn Việt Cộng lại bắn người này mà không bắn người kia. Tại sao thằng Việt Cộng này không bắn người này mà bắn người nọ? Chúng tôi rất hoang mang nhưng lúc này không ai có phản ứng gì, mọi người vẫn cứ lầm lũi, thất thủ đi. Đói, khát, mệt mỏi và luộm thuộm lếch thếch, chúng tôi đi, hoang mang không hiểu bao giờ đến lượt mình bị bắn.

Số người bị bắn mỗi lúc dĩ nhiên mỗi nhiều hơn. Tất cả lon lá đã được gỡ ra từ sáng, khi chúng tôi mới nhận được quần áo mang từ bờ biển vào. Râu ria trên mặt biểu hiệu cho chức cấp hiệu theo nghĩa Việt

Cộng cũng không phải, vì nhiều người để râu, trong đó có cả tôi, không hay chưa bị bắn, nhiều người râu ria nhẵn nhụi đã bị bắn. Mãi về sau, khi nghe được bọn Việt Cộng cầm súng đi tìm người để bắn nói chuyện với nhau chúng tôi mới vỡ lẽ ra. Những tên Việt Cộng nào đã từng bị tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến nào đánh cho xất bất xang bang lúc trước, lúc này cứ đi tìm huy hiệu và bảng tên của tiểu đoàn đó mà bắn. (,,)

Thì...gã choáng người vì thấy tay phải nó cầm lăm lăm cái lưỡi lê từ hồi nào. Rất nhanh và thành thạo, tay trái nó nắm tóc kéo xuống. Rất quen thuộc với nhanh và gọn... Thằng bộ đội bậm miệng, lụi vào bụng hai, ba nhát lưỡi lê. Người này vừa xong, nó bước tới người kế tiếp. Chỉ trong mười giây. Vẫn động tác gọn gàng, tay nắm tóc ghì xuống, tay đâm vào bụng hai, ba nhát và không hơn. Cả hai gào thét, la hét vang vọng cả một góc rừng rồi xum xuông...Trong cái êm ả của rừng rậm, gã nghe tiếng xào xạc của lá cây lẫn tiếng rên rỉ lúc dai dẳng, lúc tắc nghẹn.

Cũng chỉ trong bốn, năm cái chớp mắt đến lượt...anh đại úy thủy quân lục chiến. Làm như theo quán tính, anh co chân lên. Gã không hiểu anh định đập thằng bộ đội hay định chạy nhưng không còn kịp nữa rồi. Thôi rồi! Cũng với,...hai,...ba tiếng “phập”,...“phập”,...Gã chỉ nghe một tiếng...”hự” hoà lẫn cùng những âm ỉ của hai người trước rồi tắt

lìm. Vì vậy gã nghe rõ mồn một tiếng...“cóc” khi cả thân hình anh lão đảo và đổ xuống, đầu anh đập vào tảng đá. Một tiếng...“cóc” thật khô.

Chỉ một tiếng...“cóc” khô khan, nghe rất nhỏ như đập vào đầu gã.

Thằng bộ đội bước tới...gã.

Nhưng lần này có hơi lâu vì người anh vấp qua lối đi nên nó bị vướng chân, nó đập lên người anh và nhẩy bổ vào gã. Khi anh vấp xuống, sợi dây thừng nối giữa hai người kéo gã chúi theo. Theo phản ứng tự nhiên, gã khom người như con tôm, chùn lại, hai chân bám vào mặt đất để khỏi bị chúi thêm nữa. Vì đầu gã cúi xuống, nó không nắm tóc được. Bởi gã khom người, hai tay khum khum ghì sợi dây thừng để không bị ngã nên cái đầu che một phần cái bụng. Vì vậy nó đâm ngược lên...mặt gã. Theo phản xạ, gã định...nhắm mắt. Chưa kịp nhắm mắt, thì...thì...nhìn thấy bàn tay ai đẩy giữ chặt cổ tay nó. Gã nghe tiếng gằn giọng như quát: “Đồng chí làm gì vậy!”

Bên này bìa rừng, bên kia là phá Tam giang, tận cùng thì cả hai cũng đã gặp nhau đằng cuối con đường có những lùm cây, bụi cỏ trong một ngày nhạt nắng...

(,,) Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn

người mặc áo của tiểu đoàn 4. Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn. Cuộc bắn giết thưa dần rồi chấm dứt. (,,)

Để rồi chấm dứt như trong *Vài mẩu chuyện* mà thằng gã súng đã buông bút.

Vì: Chiến tranh đã hết rồi mà.

Thạch trúc gia trang
Tháng 11 Giáp Ngọ 2014

Nguồn: Nguyễn Thanh Hùng, Bò Tùng Ma, Nhật Tuấn, Trương Năng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Chính Nghĩa (Bộ Binh), Giang Văn Nhân (Thủy Quân Lục Chiến), Hoa Biển (Thủy Quân Lục Chiến), Nguyễn Ngọc Minh (Thủy Quân Lục Chiến)

Cao Xuân Huy mất ngày
12.11.2010 tại California

Thằng bạn mày tao

Lộn đầu cau cuối rõ ra viết về một thằng bạn đồng môn, bạn đồng canh đồng tuế, bạn chơi đồ cổ, bạn hò trường, bạn chữ nghĩa không dễ soi như...ăn trứng luộc. Thằng tôi đồ là viết về một “thằng bạn mày tao” có quá nhiều nhiều sự như thế mà vật lộn với chữ nghĩa thì lực đực trông thấy. Nhiều nhưng hơn nữa là chẳng biết hành ngôn hành tở thế nào cho đúng phép tắc để tránh cái vạ văn chương. Khó thế đấy.

Ừ thì hay là hãy ngụy lặn với chữ nghĩa như:

Như Sơn Nam viết về thầy phái viên Trần Văn Cò báo *Chim Trời* đi tìm bạn đọc ở xóm Cà Bậy Ngọt trong truyện ngắn *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư* vậy. Vậy là đôi lời bộc bạch qua...bạn đồng môn với tình nghĩa giáo khoa thư cũng xuôi chèo thuận mái với thằng bạn mày tao. Mà đã mày tao thì gọi là “nó”, theo thuyết chính danh định phận của người Không Khâu, tạm cho là chính danh quân tử đi. Trộm nghĩ nó chả nề hà gì...

Ha! (chữ này vay mượn của nó) Khác với thầy phái viên báo *Chim Trời* chèo chiếc tam bản trên sông rạch...Chuyện mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi là từ tháng Tư năm 1977, nó chèo thuyền vượt biển qua theo đất tạm dung này thủ vai người di tản buồn.

Đứng ở mũi thuyền, có một ông thuyền nhân nhìn mây nước ngâm nga:

Bê vô tận xá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến cô liêu

Và thuyền ơi thuyền mà nó xin ghé bến cô liêu là Trấn Kinh Bắc D.C. Mười năm sau, năm 1987, thằng tôi ghé phố chợ ở Trấn Kinh Bắc thăm người di tản buồn. Thì người lưu vong da vàng đang tất bật với cái thực đơn hành trần nước béo. Chỉ một cái vẫy tay phát phơ, hai ba câu chào hỏi thuộc thể loại giống như một bát phở bánh chưng lành bèn, mỡ ngội đóng váng. Vì vậy thằng tôi chả lấy đó làm vui cho mây.

Mười lăm năm sau, ghé chón cũ lần nữa. Nó không có mặt ở hàng quán. Bèn để lại mảnh giấy ngập hờ hững: “P.N.H, bạn Nguyễn Trãi muốn gặp” và để lại số điện thoại nhà thằng bạn. Học phớt đời như nó, hiểu là thằng tôi...chẳng gặp cũng chả sao. Chiều về đến nhà bạn, bạn cho hay nó “điện” năm thì bẫy lượt. Bèn lấy đó làm vui kể gì.

Ha! Thế là *nón lá áo toi ra quán chợ, ôn lại những ngày mưa gió cũ* để sau này thành bạn “lỳ một lam - làm một ly”. Hồi cố quận mười niên, một

ngày không nắng thì mưa nhận được một gói quà của thằng bạn mày tao. Quà cáp gì mà gói kỹ khiếp! BỐ khi, băng keo giây nhợ chằng chịt, hì hục tháo gỡ cả ba, bốn phút đến hóc người!

Mở ché hoe trắng phớ ra là: Một cái niêu, một cái đĩa Bát Tràng và một chai vang.

Cứ theo nó như ông đồ bần chữ như châu chất thì cái niêu tên “Hán bản địa”, có từ đời Tây Hán mặc dù tái tạo mới đây. Cái đĩa Bát Tràng vẽ hình con cá có dấu ấn đỏ chữ “Trung” mà bà cụ nó mang vào từ Bắc vào Nam năm 54, sau năm 75 đến tay nó.



Còn chai vang to vật thì dùng để làm “một ít ly”. Hiểu theo hồ trường là... “y một lít”.

Bòn mót thêm với cái đĩa Bát Tràng khiến thằng tôi ngần ngần không phải là ít, vì dầu gì cũng là đồ gia bảo nhà nó. Nay nó giám giúi cho thằng tôi. Một ngày nó tạt qua Trúc gia trang, tôi bắt gặp nó đứng lẫn lẫn cả một hồi lâu trước cái đĩa của bà cụ nó.

Còn cái của nợ quý hồ tinh bất quý hồ đa thì mãi sau này mọt sách mọt chữ, ăn vẹt ở mồn ba chữ Nho nghe thằng tôi mới thông hanh ra là chả phải là “Hán

bản địa”. Vì giống giuộc này có những giọt men xanh nhiều đọng trên men sứ tam thái, còn đây chỉ là cái niêu gốm đất sét. Thế nhưng đâu đó vẫn còn một cái tên, mỗi lần đi qua hành lang mù u thiếu ánh sáng, va vào mắt là cái niêu Tàu tàu lại với một nhớ hai quên nào đấy.



Trở lại một ngày thẳng bạn mày tao tạt qua Trúc gia trang, thẳng tôi đã lươn khươn trước với nó là có món tiết canh vịt gia truyền. Ấy vậy mà cả bữa ăn, nó chỉ óc ách đưa cay ba miếng thịt vịt chấm nước mắm gừng. Hỏi có sự cho ra nhẽ, nó nhảm nhăng:

- Tao đếch biết ăn tiết canh.

Chả nhẽ nhảm răng cạp đất, nó dậy:

- Mày ăn không chết, tao ăn cũng không chết.

Qua câu: “Tao ăn cũng không chết”. Lần đầu tiên thẳng tôi nghe... “cái chết” từ nó.

Phùng trường tác hí xong, nó gựt gọng:

- *Ta ra ngoài vườn đi.*

Thẳng tôi hong hanh nhớ ra câu này nó nói với ông bạn già của nó trong chuyện con ve sàu

về...cuộc sống với cái chết. Hốt nhiên cái đầu củ chuối thẳng tôi nhớ đến mẩu đối thoại giữa nó và ông bạn già: “Đối với tôi thì cuộc sống của con ve sâu thật huyền hoặc. Nằm ở dưới lòng đất 17 năm, ròi ngoi lên mặt đất, lột xác để bay lượn, ca hát. Đủ một giai đoạn. Rồi chết”. Ha! Con ve sâu với nghiệp dĩ có cái tên...kim thiên thoát xác. Con ve sâu từ trong lỗ nẻ chui lên bám vào vỏ cây xù xì, đôi khi đeo tòng teng dưới nhánh cây. Cái đầu có hai con mắt nhô ra long lanh. Bèn trộm nom nhòm nó:

Thằng bạn mày tao cũng có hai con mắt long lanh của...con ve sâu.

Thằng tôi đang âm ỉ với con ve sâu, bỗng nó “quăng”...con vịt ra!

Nó thêm mắm thêm muối với ông bạn già: “Ông có thấy ai ăn thịt gà, thịt vịt...tái không?”. Ừ thì như nó từ chuyện này xọ qua chuyện kia. Chuyện giẻ rách là từ đĩa tiết canh như có túc duyên, bắt qua chuyện lập thân tối tiểu thị văn chương, qua mục...bạn chữ nghĩa, nó xúi thẳng tôi dặt trâu qua hàng rào viết về quê nó: *Làng Kẻ Noi*.

Thế là thằng tôi được thể đáp câu vá chữ với làng Kẻ Noi của thằng bạn mày tao:

Làng Kẻ Noi thuộc tỉnh Sơn Tây qua ca dao “Gái Sơn Tây, yếm thúng tày dần - Răng đen hạt nhót, chân đi cù lèo”. Thằng tôi câu đong chữ thừa tầm chương trích cú với làng tên Nho phong sĩ khí là

làng Cổ Nhuế có nền văn minh Đại La thời Cao Biền. Đến đời Hùng Vương thứ 7, có tên Nôm là Kẻ Noi, tên tục là làng Tó, phát tiết tinh hoa câu đồng dao cổ xưa: “Ông Linh, ông Linh – Ông ra đầu đình – Ông gặp ông Linh...”.

Mặc dù không “khả tín” cho lắm! Thằng tôi còn rúc ráy như chuột cống thế này đây:

Ai đó, chẳng ai hay với đôi quang gánh chẳng may chết vào giờ thiêng được sắc phong “Đương cảnh thần hoàng, thượng đẳng thần” nên trong miếu thổ thần có câu:

Khóac tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ
Vung hai thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian

Đó là câu đối của Vua Lê Thánh Tông vịnh đôi đũa tre gộc và bộ quang gánh của dân làng Cổ Nhuế chuyên nghề gánh phân ở Thăng Long thành hoài cổ. Rõ ra trông làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ, thần hoàng làng nó chẳng phải là ai đấy chết vào giờ trùng để được đưa vào miếu đền như thiên hạ đồn đãi:

Mà trên bệ thờ bày biện đôi quang gánh, đôi đũa tre gộc và...một cục gạch.

Thề trước bàn thờ, nói dối phải tội: Đọc xong áng văn chương kỳ tích, kỳ bí trên, nó...đau chân há miệng rằng quê nó không phải ở Kẻ Noi. Rồi nó đục mặ ra như ngỗng đục vì không nhớ tên tục làng nó là làng gì nữa? Hình như là làng...”Kẻ Nhỡ” thì phải? Tục thật! Thằng tôi nghĩ quái, làng mình tên

quái quỷ gì chả hay thì khỉ thật! Hay nó nỡm thằng tôi cũng nên? Nếu vậy thì chỉ có giới biết và nó biết! Nói cho ngay với bạn bè cũng chả lạ gì nó, cái thằng lúc nào cũng tinh như ruồi với giả mà...thật. Cũng thật đấy, mà...giả đấy. Hay nói dễ hiểu hơn là giả thật tù mù, chả biết đâu mà lần.

Một ngày nắng lụi, thằng bạn mày tao ghé nhà thằng tôi nữa. Học cụ Tản Đà với chỗ ngồi ngon, món ăn ngon, người ăn ngon và món ăn ngon bữa rày là thịt chó chấm mắm tôm, tép chanh, ớt đỏ nổi lều bều, rất bắt mắt. Lợn rọ chó thui ấy là thịt lợn rừng nướng ướp mẻ, riềng, mắm tôm để hóa kiếp thành...giả cày. Thế mà nó không chịu đựng đũa đựng bát cho thằng tôi nhờ. Hỏi ra từ tám bé đến nhón: Nó chả bao giờ ăn...mắm tôm.

Cái thằng bịa. Ha! Bịa như thật. Khiến thằng tôi lại phải khăn gói gió đưa với truyện ngắn *Mày Là Thằng Hèn* của nó. Trong truyện nó khủng khiếp cọ dít nòi về món thịt chó Lỗ Trí Thâm, nó sào nấu chữ nghĩa như vậy: “Món này phải nấu bằng nồi đất và nấu ít nhất ba lần...”. Cái kim trong bọc lâu ngày rồi cũng lòi ra, nó lòi tói ra rất...thật: “Văn Chi hể hả bày đĩa thịt chó luộc lên bàn. Đó là lần đầu tiên tôi hầu sực món “sống trên đời”.

Tửu lạc vong bản đầu vào đấy rồi, quơ bao thuốc, nó lụng bụng:

- *Thôi ta làm một tuần trà cái đã.*

Lại chữ nghĩa của nó trong truyện *Kim Thiên Thoát Xác*. Con ve sàu đang ngủ yên trong tâm khảm cái thằng tôi, lại ngo ngoe thức dậy: “Làm sao 17 năm nằm ngủ yên trong lòng đất con ve sàu không ăn, không thở. Hiểu theo cái nghĩa chưa chết, vẫn còn đang chuyển hoá để thức tỉnh, để sống lại?”. Đụng đến chữ “ăn”, thôi thì nên hiểu theo nó là cơm nước căng rồn xong, hãy ra ngoài vườn ngồi làm tí “Đồ chuyên trà ẩm đất sét vôi - Cuộc sống rượu be sành chấp cổ”. Vừa nhấp ngậm trà đầu, nó dọ dạy ngay:

- Vương trà 713.

Ha! Cái thằng gật gựa đáo để thật chứ chẳng chơi. Bỗng khi không thằng bạn mày tao đảo tít mắt như lạc rang, ngỡ nó đi tìm con ve sàu sống lại. Hóa ra nó liếc mắt đưa tình cái tượng ông thiền sư, thằng bạn mày tao chép miệng đến “tách” một cái rở to:

- Cho tao được chắng?



Trong nhấp nháy, cái đầu đất sét thằng tôi chui ra... cái niêu Hán bán địa, cái đĩa Bát Tràng, và chai vang to đùng. Bèn vào nhà xe khuôn ra cái thùng

giấy, bê ông thiên sư đặt vào ngòi thòn lòn trong ấy. Ngõ điều đóm xong, thằng bạn mày tao cười bép:

- Tao thử mày vậy thôi.

Xong, nó ngòi củ rũ như cò ồm, rồi thở ra như...bò thở:

- Bây giờ tao cũng chẳng biết thằng nào là bạn tao nữa!

Ha! Thiên cổ chi mê cách mấy, thằng tôi đồn ngộ ra rằng nó ngòi trên...“Đỉnh gió hú” viết *Lững Thững Giữa Đời* cũng quan quả, quạnh hiu như ai đấy thôi.

Sau trà dư tửu hậu đào xới qua chuyện nhập thế cục bất khả vô văn tự...Bởi nhẽ thằng tôi chót chết tha ma mộ địa rằng: Một là thằng bạn mèo mả gà đồng đây từ lỗ nẻ chui lên năm 1944, nhằm năm Giáp Thân. Hai là với cái thằng nắng không ưa mưa không chịu này, với bất nghi bất ngộ, thì tôi gọi nó là...Ngộ Không.

Quý tha ma bắt gì chả biết nữa, nó không chịu đèn cái tục danh mà thằng tôi gán ghép cho nó. Cuối cùng trời không chịu đất, đất phải chịu trời, qua cái buổi khai mê, khai ngộ trên. Cũng ở nó mà ra! Nhờ nó ăn mày đánh đổ cầu ao...

Thằng tôi thừa tự được hai chữ: Ngộ Không.

Tất cả chỉ có bấy nhiêu và không hơn về một thằng bạn đồng môn, bạn đồng canh đồng tuế, bạn chơi đồ cổ, bạn hồ trường, bạn chữ nghĩa. Để có những vu vơ rằng nếu như ai đó viết về một thằng bạn đang sống đã khó. Thì viết về một thằng bạn trong khi đất trời đang lung nhùng với ở hay đi còn khó khăn hơn nữa... Vì chẳng qua trước sau cũng không ngoài một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa, một hình ảnh trong trí nhớ.

Cảnh xưa là gặp thằng bạn mày tao tháng 9-2012 ở mảnh đất nắng ấm tình nồng. Ngồi quanh bàn trong quán Bún Chả Hà Nội có cả chục người, bỗng nó biến mất. Ngỡ nó ra ngoài nhớ nhà trong khói thuốc? Thế nhưng không, lát sau nó xách về một chai Cognac loại bỏ túi đưa cho thằng tôi. Nó: *Cái thằng tuổi trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà dương* không uống, Nó để thằng tôi đọc ằm. Nói cho cùng, nghĩ cũng ằm lòng qua cái tình hồ trường của một thời một thưở. Hôm sau tại nhà bạn cũ trường xưa, đang ngồi đồng thì nó đứng sau lưng hỏi nào không hay và gửi vào tay thằng tôi chai Cognac sự khác nữa. Thế là thằng tôi lại được thể đèo bồng một quên hai nhớ với *trời đất mang mang, ai là tri kỷ lại đây cùng ta cạn một hồ trường*.

Nhớ với quên thì hãy quay quả trở về ngày nó tặng sách cho bằng hữu.



Ấy là tháng 10-2011. Thoáng nhìn tấm ảnh
thằng mày tao *đeo khăn* mà giặt mình.

Từ tháng 3-2013, sau điện thư của nó:
Quý Cụ: “Tôi bị cancer nó oánh...”.

Từ đó, thằng tôi bắt đầu gom góp những dấu tích
cuối đời của thằng bạn mày tao.

Điện thoại lần cuối cùng hai thằng vẫn mày tao
chi tó. Trước khi chấm dứt điện đàm, giọng nó
như lạc vào cõi không: “Hùng, mày cầu nguyện
cho tao”.

Và tôi hiểu là sắp mất nó.

Thạch trúc gia trang

(viết cho ngày 11.7.2013, lễ hỏa thiêu *thằng bạn
mày tao*)

Sư sở cuồng và người kỹ nữ

Thị trấn trà tửu Ryogoku có Seikichi.

Theo lời bàn dân thiên hạ đồn đãi tài năng xâm mình của y không thua kém những bức sư trong nghề như Charibunhạt Nagoya hay Yatshuhei miệt Matsushima. Nếu như Yatshuhei vang danh bốn bể xâm da thịt như bức tranh thủy mặc nước chảy mây trôi, thì Charibun kỳ tài về xâm mặt người qua hình thái huyền hoặc kỳ ảo. Riêng một cõi Asakusa, đường kim của Seikichi xâm da người rất phóng túng, thanh thoát với thư pháp.

Seikichi ngoài là họa sĩ hâm hâm, còn là nhà sư nhiều sự. Vì vậy mới có chuyện kể lể để viết thành truyện. Như truyện *Thiền sư và thiếu nữ* của thiền sư Hakuin. Chuyện rằng...

“...Thiền sư Ikkyu kể cho các thiền sinh nghe một bà lão dựng một căn lều cho thiền sư Hakuin tu tập. Một hôm để thử giác ngộ của sư, bà dẫn một thiếu nữ tới để quyến rũ sư. Khi thiếu nữ ôm sư và hỏi: “Thấy sao?”. Sư trả lời: “Cây khô trên đá lạnh...Có chút hơi ấm cho ba đồng”. Bị một cơn gió lạnh lướt qua, đột nhiên Hakuin gục xuống, thiền sư thều thào với thiếu nữ: “Hãy sưởi ấm ta với thân thể người”. Cởi áo ra, phơi bày trọn vẹn, thiếu nữ ôm Hakuin, sư nằm ngủ nhiều giờ trong vòng ôm của thiếu nữ.

Ikkyu luận công án trên cho thiền sinh của mình: “Nếu nữ nhân ấy ôm ta, thì khúc cây khô của ta cũng sẽ dựng thẳng đứng dậy”. Hakuin ngưỡng mộ Ikkyu vì câu nói đó nên ông giải bày với Ikkyu là ông không quan hệ tình dục với thiếu nữ ấy. Nhưng nếu có thì là một thẳng hoa của thiền trong đời sống. Hakuin vẽ bức tranh khỏa thân *Nhà sư và thiếu nữ* tặng Ikkyu. Ở bức tranh, phần đàn ông của sư dựng dậy, và phóng túng qua chữ thư pháp “Ichi” là “Một”. Góc bức tranh có bài kệ: “Vạn pháp trở về Một, vậy Một quy về đâu”. Hakuin dẫn giải công án chữ Một:

“Ngay trong trận bão dữ dội nhất, cái này của Ta vẫn bất động như...một khúc cây khô”.

Và chuyện thiền rồi loạn tiền đình ở trên là vậy đấy, như thế đó. Nào có khác gì chuyện.

Sư sở cuồng và người kỹ nữ

Tăng tịch Nhật không có chức sắc, pháp danh. Pháp y là tăng bào Nhật chứ chẳng phải...cà sa Tàu, là họ đội nón u lờ, đi tất vải thô, guốc mộc quai rơm. Bào choàng bên trong màu nâu đất, bào ngoài là áo choàng như áo giáp của kiếm sĩ. Thắt lưng có miếng vải nhỏ bắt chéo để thị dân biết ấy là...sư. Sư tu đạo, ngoài kinh kệ không nói làm gì, sư còn phải học đánh kiếm như một kiếm sĩ (*Samurai*) thời lãnh chúa Ukyo Dayu chiếm lãnh vùng đất này. Ngoài ra, sư còn học y ma thần tướng để biết tiên căn hậu kiếp của thế nhân. Gặp ba tháng mùa tu đạo, về tổ đình. Chín tháng còn lại, sư tự kiếm chỗ mưu sinh lấy, vì tu theo Tào Động nên sư ăn uống như người ta, có gì ăn nấy, có bia, rượu lại còn vui hơn. Trở về cuộc sống đời thường, sư mặc quần “ka-ki”, áo “sơ-mi” trắng giản dị như bất cứ ai khác. Nên chẳng mấy ai hay sư là...sư. Ít nữa chẳng may sư có lấy vợ, cũng chỉ là chuyện bình thường của thiên hạ sự. Riêng Seikichi trông coi một lữ quán và mượn tâm mình làm cái thú phong dật tiêu dao.



Khi rày Seikichi đã là sư ông, là tên gọi một ông sư lớn tuổi. Có thể vì đậm đặc với tuổi tác nên sư có cái chướng tính của một ông sư, nhẽ này ít ai biết. Họ chỉ biết rằng sư có phong thái phóng khoáng và tài hoa của một nghệ sĩ. Thế nhưng muốn là một nghệ sĩ đích thực thì điều kiện tất yếu là phải biết uống Saké, lập dị và nếu có tự kiêu, tự mãn lại càng hay. Chuyện không hay ho cho mấy năm trong truyền thiên *Vô môn quan* của thiên sư Vô Môn tên Ekai. “Vô môn quan” tạm hiểu theo nghĩa...thiền là: “Thiền không có cửa” và điển giải thoát ý của người Nhật là “Cửa đã mở ra”. Ngay cái tên đã là một công án khó hiểu rồi. Bởi lẽ công án chính là ở câu trả lời, và khi đã có một câu trả lời dễ hiểu thì...*Thiền đã chết*. Vì vậy với sư ông, vô môn quan được quán chiếu rất...thiền chướng là nếu: “Cánh cửa đóng lại thì chẳng có gì để mà nói”.

Chuyện chẳng có gì để mà nói tự thở nào với cái tính ngang chướng trên của sư là: Chẳng phải bắt cứ ai muốn xâm là được, kể cả đàn ông con trai lẫn đàn bà con gái. Sư không bao giờ đặt cái kim lên da thịt người khác nếu như người ấy không có một làn da bắt mắt hay một cá tính để thu hút sư, dù họ có đặt xuống bàn lữ quán một bao vải tiền, sư cũng mặc. Vì sư ông chỉ...“nhất quán” xâm một bài thơ Haiku hoặc giả một chữ thư pháp không thôi do sư chọn, để ám quẻ thiên hạ sự với giác duyên: “Mọi sự đều tùy duyên, thay đổi vô thường”.

Vì vậy thân hạ sự vãi miệng gọi sư là *sư sở cuồng*.

Một chữ “Xích”

Như một lần có một cô gái đến để xâm mình. Trong khi chờ đợi sự thiên định, cô lục lọi và tìm thấy một trong những bản vẽ của sư còn lưu giữ lại: Đó là bức tranh vẽ Đắc Kỳ, nàng cung phi sủng ái của vua Trụ. Bức tranh diễn tả vẻ yêu kiều và ngang ngược. Vẻ yêu ma của bà phi tay cầm ly rượu, tựa vào lan can ngắm nhìn người tình cũ của mình đang đợi bị hành hình. Vẻ tàn bạo qua hình ảnh người tình là tay chân bị cột chặt bằng xích sắt vào trụ đồng. Mắt nhắm nghiền, đầu lả về phía bà phi trong tư thế đợi giây phút cuối của cuộc đời để đi vào cõi chết.

Cô gái ngắm bức tranh, ánh mắt cô chột sáng lên, đôi môi run rẩy. Kỳ dị thay, gương mặt cô phảng phất bóng giống y khuôn mặt bà phi Đắc Kỳ. Cô như đã tìm ra được cái ngã của mình cất dấu nơi đây. Vừa lúc sư có mặt và buông xả: "Bức tranh này phản ánh cái vô hình, vô tướng của cô đấy!". Rồi sư sờ cuống họng nhúm bảo cô...vạch áo Kimono ra. Sư nhìn da ngực cô trắng như tuyết núi Phú Sĩ. Và sư gật đầu...Xâm mỗi giọt mực lên trên làn da, nhất là da ngực đối với sư không dễ dàng và...dễ chịu chút nào. Vì bầu ngực không phải khối thịt nằm yên một chỗ, thịt lại mềm, da ngực vừa mỏng, vừa trơn. Mỗi lần châm một mũi, rút một mũi, sư như cảm thấy đang khắc lên trái tim mình những dấu ấn ập ụp, dấu mặt ấn khuát đầu đó. Đường kim dần dần làm hiện lên trên làn da hình một chữ “Xích”.



Chữ *xích* đây qua Nhật tự chẳng phải là...”xích sắt” ở tranh Đắc Kỷ, hay màu đỏ của tim vậy máu. Và *xích* đây là *nhìn lén*, hoặc *cởi truồng*. Để mọi sự đều tùy duyên, thay đổi vô thường, để sau này cô gái ấy trở thành một kỹ nữ ở xóm yên hoa tại thị trấn Asakusa.

Một chữ thư pháp của sư sở cuồng, theo thị phi, bĩ thử có thể thay đổi nhân sinh quan hay thay đổi cả một kiếp người như chuyện người kỹ nữ ở trên. Có người cho rằng ấy là...bùa chú. Vì chữ thư pháp này luôn luôn là hai màu đen, đỏ. Hay chỉ không đỏ thì đen mà thôi.

Nghe được gọi là...”Sư sở cuồng”. Sư chỉ ư à vu vơ: Vậy ư...Rồi thôi.

Bài kệ của Yoda:

Qua thư pháp, cứ theo sư phải thâm nho với góc gác chữ thuộc bộ nào, bộ mộc hay bộ thủy này kia, kia nọ. Ngộ chữ nhất là chiết tự, tức bỏ xê chữ như sợi tóc chẻ làm tư nên có ba, bốn nghĩa khác nhau.

Tu, ngoài kinh kệ với tu thiền, thiền Nhật, thiền Tàu, thiền ba con khi bị tai, bị mắt, bị mồm. Vì tu theo Tào Động, sư sở cuồng phải học *đánh kiếm bằng...cái đầu*. Là rút kiếm ra không tra vào vỏ là...bay đầu. Thế nên mới có chuyện đệ tử tầm sư đi bằng vào một bữa, có một “sư đồ” xách kiếm gỗ đến trai phòng tìm sư. Như chuyện cô gái Đắc Kỷ trên, sư đồ tìm thấy thấy bức tranh thiền có dấu triện đỏ, con ve sàu có cánh bò trên lá bồ đề.



Góc tranh với bài kệ của Yoda:

Con ve sàu
Bút hai cánh
Quả ớt

Chỉ bài kệ ngắn không thôi diễn tả được kiếp nhân sinh và thuyết vạn vật nhất thể của nhà Phật. Sư sở cuồng phác thảo chữ thư pháp bài kệ của Yoda. Nét bút tung hoành như những đường kiếm tuyệt luân, sư muốn kể cả cho sư đồ thấy công danh sự nghiệp trong cõi đời này chẳng qua là hư ảo phù phiếm của thế tục. Chỉ là giấc mộng đầu sông cuối bãi đầy thôi.

Giống công án thiền, thí chủ nào...ngộ chữ được chữ nghĩa của sư là đạt. Là tự chữa được căn bệnh trầm kha của mình, chẳng cần đến bài thơ Tàu tàu dài ngoằng ngoằng như...thang thuốc bắc. Riêng thư pháp, thị dân rí tai nhau sư có hoa tay, nét chữ có thần khí, sư viết chữ như vẽ. Sư vẽ chữ như tranh lên da người đời như tưới mực lên giấy, sư viết cực lẹ, sư vẽ tuyệt nhanh, đường nét vun vút như múa kiếm. Nếu như tác phẩm hoàn tất, lưng của thí chủ cử động, chữ như hóa cuồng, động đậy theo. Nào có khác gì chén thố *Ngọc tổ* của Minh Tri thiên hoàng, dưới đáy vẽ một nữ lang đang nằm ngủ. Nhưng rót trà vào. Nhìn xuống lòng chén. Qua nước trà lung linh, khói trà bốc khói bóng mây, nữ lang như tỉnh dậy và...ngo ngoe.

Là đồng môn, sư đồ nhờ sư vẽ lên người mình bài thơ Haiku của Yoda. Vì rút kiếm ra loáng một cái bay...hai cánh con ve sàu thật là hiếm có trong kiếm đạo. Sư đồ bòn vót với sư rằng thiền sư Yoda quả thâm sâu với công án thiền: "Vì con ve sàu như người kỹ nữ (Geisha) về chiều thì thậm xấu mà hát thì thậm hay". Mặt sư sờ cuống rúm ró như cái bị rách rằng Yoda là *sư thơ* chứ chẳng phải *thiền sư*. Sư đồ hỏi sư: "Vậy chứ con ve sàu bị cắt cánh có thể hóa thân thành Phật được chăng". Vừa mài mực, sư sờ cuống vừa tụng: "Người đời nay tìm con đường ngộ nhập vào thiền bằng vào những công án, trích dẫn đủ loại luận giải. Đó là giải thiền bằng mồm, chẳng mang lại một thực chứng nào cả. Ngay bản

thân những thiền sư, không vượt qua những vô minh của họ thì sao có huệ nhãn hay tâm thức điểm hóa người khác”.

Thơ Haiku của Basho:

Nhìn làn da trên lưng sư đồ sần sùi như da cóc quả thật cực hiếm. Sư “vẽ” tâm ý, tâm thức của sư lên da sư đồ. Xong, sư đồ nhìn lưng mình qua gương thấy bài thơ Haiku của...Basho:

Quả ớt

Bứt hai cánh

Con ve sấu

Trong một thoáng chốc, sư đồ thoáng hóa ngộ. Chao ơi, Basho chỉ cần đảo ngược hồi văn bài kệ của Yoda, con ve sấu bị cắt hai cánh hóa thân thành *trái ớt*. Vậy mà đường trường vạn thủy thiên sơn của con ve sấu có khi trọn đời tu dưỡng trên lá bồ đề chẳng đi đến đâu là trở về với cái ngã của chính nó. Nghĩ cho cùng, ngay cả sư đồ chưa chắc đã vượt qua nổi cái kiếp nặng căn của mình. Sư đồ cảm thụ được tri thức nội giới, chẳng do từ những cảm nhận ngoại giới. Có người dốc tâm tu niệm, lòng thành rộng tợ biển, y quyết lớn tợ non nhưng đến lúc nhắm mắt xuôi tay vẫn chưa thành chánh quả. Hiểu theo nghĩa là họ đã...*chết trước khi sống*. Vì vậy họ phải có túc duyên với nhà Phật, phải có lần nào đó trong đời chứng ngộ ra chỗ tinh diệu của

đạo pháp. Trong một sát na, sư đồ ngã mạn giữa mê và ngộ.

Đi tìm đạo, đạo là *đường*, sư đồ nghĩ muốn đi đường tắt để đạt đạo như con ve sâu nó phải cắt đi hai cánh. Trong một sát na cực hiếm hoi, sư đồ rút thanh kiếm gỗ chặt đứt vô minh trong càn khôn bằng cách hoa kiếm chém phăng...*trái ớt* của mình và quăng xuống hồ cá Koy ngoài vườn thiền. Thu kiếm tra vào vỏ trả lại cho nhà chùa. Ngừng đầu nhìn gió thổi mây bay, sau một mùa hạ đầy nắng quái. Sư đồ tìm về cái ngã của mình bằng vào đầu đội nón mê, chân đi dép cỏ...đi xuống phố mở một trà tửu có thùng tắm bùn, có rượu Saké nóng ở xóm yên hoa tại trà đình tửu quán Ryogoku. Ở trong có nàng kỹ nữ, có chữ “xích” đẹp như Đắc Kỳ.

Từ chuyện sư đồ hoàn tục. Thị dân to nhỏ...“quả ớt” của sư sở cuồng chẳng những không còn nguyên trái nữa, mà *bất động như...một khúc cây khô*. Nào khác gì *sư mờ*. Nào có khác gì sư đồ. Nay sư sở cuồng như người cỡi trên sóng ở một cỡi khác, và...sống cũng như chết.

Được gọi là “sư mờ”. Sư chỉ ư hử buông hai tiếng...buông xuôi: Vạy ư...Rồi cũng thôi...

Nỗi khoái cảm sở cuồng

Vì sư nửa tu nửa tục, nghe nói trong sư từ lâu chôn dấu những cuồng vọng khép kín tự thờ nào.

Đó là những khoái cảm ít ai hay biết. Dù chỉ là bài thơ Haiku mà hao tốn cả sáu, bảy trăm mũi kim đi theo là những giọt máu li ti đỏ tươi. Thí chủ ai nấy đều đau đớn rên rỉ sự càng tỏ ra thống khoái. Nếu cái nghiệp của thí chủ lớn như cái vòng kim cô, khó khăn lắm mới thoát ra tham sân si thì chữ thư pháp lớn hơn, bài thơ Haiku dài hơn. Nỗi khoái cảm của sự càng bốc cháy qua những mũi châm. Làm như có một làn sóng âm u từ hỏa ngục được dịp vờn qua những bộ mặt thống khổ của thí chủ, nhân chìm họ dưới ngục A Tì với rên la, gào thét để sự thống muội cho đã. Vì vậy sự phải cảm đến cái kim để đi tìm nỗi khoái cảm sở cuồng.

Ngoài ra, sự còn phải học y ma thần tướng để biết quá khứ vị lai với...”lãnh cảm”. Hoặc cái nốt ruồi ở cuối mắt, bờ môi theo tường số ám quẻ để đàn bà...”ngoại tình”. Nếu như một ngày nào đó cái nốt ruồi khi không biến mất tiêu, sự muốn siêu sinh tịnh độ với nhân duyên nghiệp quả của nhân sinh thì sự cũng mù tít. Vì vậy sự khăn gói gió đưa ăn mày chữ nghĩa qua môn học nhân văn gọi là *Bản thể trong thuyết tiến hóa ngược* ở thiên viện Edo (tên cũ của ToKyo dưới thời Mạc Phủ Tokugawa vào thế kỷ 19). Ấy là bản thể của cái nốt ruồi nằm trên thân thể con người là không có thật, bởi lẽ bản thể của nó chẳng hề tồn tại. Sự tồn tại theo thuyết tiến hóa ngược là khi mất đi thì mọi sự trở lại bản thể trước kia. Vì vậy khi nó mất đi, có người mất định hướng và không thoát khỏi bản thể của mình. Có người hơn

hở vì tưởng nhìn thấy lối thoát. Một phản cảm nội tại là khi bản thể mất đi, ảnh hưởng tới một số người mất ý niệm cảm tính, họ tin rằng họ đã...mắc sai lầm. Bởi vậy thay vì lẩn tránh những lỗi lầm, họ luôn cố tình tìm đến những sai lầm. Họ cho rằng nếu tránh được sai lầm này tất nhiên sẽ...phạm lỗi lầm khác lớn hơn. Vì vậy mới nảy sinh ngoại cảm để có chuyện ”ngoại tình”.

Thị dân biết sư sở cuồng chẳng phải là người nước Sở bên Tàu mà luận chữ Tây chữ u óc ách như cọ nòi, cọ chảo nhẵn thín trên. Nên họ gọi sư là *sư cọ* chẳng phải vì cái đầu nhẵn nhụi như đất nồi. Rõ ra sư nào có khác gì với sư tàng dạy đời, kể cả nên miệng lưỡi dân gian có câu: “Làm bộ sư tàng” là vậy đó. Hoặc như sư mõ ở trên vói: “Sư mõ gì với ông sư ấy” là thế đấy!

Nghe được người đời kêu là “sư cọ”. Sư cũng chỉ ơ hờ: Vậy ư...Rồi thôi...

Hà tất hằng tương thức, lọ sẵn quen nhau

Lại theo lời đồn đãi của thị dân ở thị trấn Asakusa, khát vọng bấy lâu nay của sư là tìm một người con gái có làn da lạ lẫm, để sư đem hết tâm ý của mình xâm một bức họa để đời. Người con gái ấy, cần nhất phải có một khuôn mặt ẩn khuất, để sư ra tay cải nghiệp. Bởi con người ta chỉ có thể thay đổi mảnh đời của mình vì một cái nốt ruồi. Hoặc có

một biến cố nào đó để nhớ đời. Như bị cả nghìn mũi kim đâm vào da thịt với máu mê chan hòa qua một bài thơ Haiku chẳng hạn. Vậy mà mười năm nay sự cứ làm thơ và mỗi mắt tìm không ra.

Một ngày như mọi hôm, sư dậy sớm ra vườn thiền. Trên vai sư khoác túi vải nặng chũu những kinh sách và giấy bút. Vì sau đây nếu có cảm hứng tao ngộ với đất trời, sư sẽ thảo dăm câu thơ. Sư đi bình thản qua những lùm cây. Sương mù phủ khắp lối, bông bèo ôm trên cỏ mềm. Hương rượu Saké đang hâm nóng len lén chui ra từ khe giấy rách từ tịnh phòng sát ngay lữ quán. Sư tới ba hòn đá *thiền, địa, nhân* cạnh hồ cá Koy để tọa thiền. Trong khoảng không tĩnh mịch, sư nghe tiếng lay lắt của gió đùa qua lá cây như gió thoảng mây bay. Trên hòn đá tên “địa” giữa trời và đất. Sư ngồi thiền định theo lối kiết già hàng ma, tay bắt ấn tam muội. Sư ngồi phu tọa trong bất động, tức ngồi để hai bàn chân ngựa gác lên vé, mặt cúi xuống, tai lắng nghe, mắt đuổi bắt làn sương mỏng là là bay trên cỏ. Ngày là gió thảng là mây cô đọng một chút quan hoài, qua những tia nắng muộn màng. Sư quán tưởng nhân thế qua những bọt bèo ngủ yên nơi tàng thức với vạn sự bất như ý và sự trầm ngâm nghe ngóng...

Sư trầm ngâm nghe ngóng, sự cảm nhận tiếng động đâu đây là những bước chân có hơi khác lạ. Sư chậm rãi nhìn khắp chốn, đặt ánh mắt thâm lặng lên từng ngọn cỏ, chồi non rời ra tới cổng tre đằng cuối vườn. Sư bắt gặp một bóng người đi tới. Càng gần

tiếng chân thanh thản dẫm bước một nhưng lại không đều đặn. Từng bước một, từng bước rời dẫm lên lối đi trải sỏi khiến sư lao xao, sư liêu xiêu nghe ra như mõ sớm chuông chiều. Âm thanh lảng động trong chân không thì có đấy, nhưng có một cái gì vướng mắc của vô ngã, đang lần mò từng bước trở về với chân ngã. Sư nhìn kỹ hơn và lặng người vì hóa ra người kia...chân cao chân thấp. Mặc dù cao thấp chỉ một chút thôi, nhìn kỹ mới thấy. Vậy mà mắt sư cứ rón rén bám theo những vết chim di. Mặt trời đã bắt đầu nhón nhén rút những tia nắng yếu ớt lên tàn cây Sakura.

Từng gót sen một, từng tiếng guốc rời...Những hình tượng vừa rời qua những bước chân trên sỏi như ám ảnh sư. Sư sờ cuông góp nhặt sỏi đá đến “Kim liên” là tên gọi nho nhã cho tập tục bó chân của người Tàu. Theo Lâm Ngữ Đường thì những người đàn bà có chân bị khuyết tật thường bị ấn ức tình dục. Hay nói một cách khác thì họ bị tình dục đòi hỏi hơn những người đàn bà bình thường khác. Sư sờ cuông gục gặc đầu xua đuổi ý nghĩ tà ma ấy ngay đi. Vì nắng vừa mọ mẫm chui qua tàn cây, lươn khươn bò lên thảm cỏ. Theo tia nắng sớm mai, ngược đầu lên một chút nữa, mắt sư vướng víu với một bà mặc quần áo thanh nhã như những bà mệnh phụ thuộc giới thượng lưu hay quan quyền nào đó ở cố đô Edo. Nhưng qua thiệp bà gửi đề hẹn gặp mùa xuân này thì sư đề đầu đó nên chẳng nhớ là ai. Khi không cái đầu sư ngật ngữ...

Sư đang ngật ngữ ngả nghiêng qua cơn gió giao mùa, bỗng dừng không đâu sư lay lắt về người kỹ nữ về già ở bến Tầm Dương qua thơ Lý Bạch trong bài cổ phong *Tỳ bà hành*. Trong sư cảm hoài cái thân sư cũng đang bóng xế về chiều nên cảm khái *cùng một lúa bên trời lặn đặng* với bà. *Với hà tất hằng tương thức?* Lọ sẵn quen nhau? Và sư băng khuông cảm tác:

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng hà tất hằng tương thức
(Cùng một lúa bên trời lặn đặng
Gặp gỡ nhau lọ đã quen nhau)

Thì ra thế. Cùng một lúa. Cùng cơn gió cuối mùa nên tâm tư sư lay phát lay động những bồi hồi, những nôn nao...vì mắt sư vừa chạm vào mặt bà. Qua tri giác ngoại cảm, chui vào đầu sư là một khuôn mặt lãnh đạm ẩn tàng những khắc khoai, chứa chan những sầu bi. Sư ngỡ là ảo ảnh của sương sớm vì ngay lúc ấy: Sư bắt gặp đây là một tác phẩm sống mà sư đã mong đợi từ lâu. Theo cái nhìn thần tượng, bà có một khuôn mặt lãnh đạm. Qua mắt nhân tượng, sắc diện, thần sắc, là những biến động của kinh mạch, chân khí trong lục phủ ngũ tạng từ đó suy ra trạng thái, bệnh lý, tâm thần. Với sư dường như bà bị...lãnh cảm.

Chẳng hiểu lý sự gì cái đầu sư lại vất vưởng qua sách *Khuê môn nữ nhi kinh* với cái tục bó chân để thỏa mãn dục vọng cho đàn ông Tàu. Sư sở cường cứ quay quắt với khuôn mặt người kỹ nữ ngập

những ẩn ức mà sư muốn cải nghiệp chúng sinh, hạ tế tam độ khô.

Nhớ - Chỉ là hạt bụi

Bà lặng lẽ bước tới hồ cá nhún nhún nhúng chân xuống nước giống như rửa tay trước khi vào trà thất. Im lặng. Bà lần thân đi đến ba hòn đá. Im ắng. Ẩn mình dưới hòn đá tên *nhân* là đám cỏ úa vàng, bỗng có tiếng dế kêu “réc, rác” một hồi dài...Ngừng lại. Rồi “réc, rác”...

Trong trống không, sư vọng động:

Trong đại im

Tiếng dế ăn vào

Thớ đá ..

(Basho)

Bà nhú mày vì chưa bao giờ nghe nói tới...cối đại im, dưới hòn đá lại có con dế ẩn mình giống như bà. Sư chỉ tay cho bà bước tới hòn “nhân” và băng quơ với nó: “Đạo tại tâm chứ không phải cảnh giới, hình hài hay nghi thức”. Xong, sư sờ cuồng vô biên, vô lượng giảng hoằng pháp cho...hòn đá nghe Phật pháp cổ sự thế này đây: “Xuất thế gian mà không rời thế gian pháp...”. Ấy vậy mà hòn đá như cứ trơ ra với sư và bà ngồi xuống hòn đá.

Sư nhắm mắt trong tĩnh không:

- Bà cần được tịnh độ.

- Để làm gì thưa thầy.

Sư trong hư vô:

- Để tháo bỏ những cái cần tháo bỏ.

Bà hững hờ:

- Có gì để tháo bỏ.

Sư hờ hững:

- Tâm động.

Và sư mở mắt, miệng lâm râm bài kệ:

Cát lên người cô lữ

Cho đường bớt quanh hiu

Cứ mặc kệ gió chiều

Thổi tiêu sầu vọng lại

Dặm đường còn xa mãi

Hãy thêm một dấu hài

Cứ mặc kệ ngày mai

Xóa trôi tàn vết tích

(Khuyết danh)

Tiếp đến, sư rậm rịch, giọng trầm đục:

- Phật đã dạy: “Thân động không chuyển hóa được với tâm động”.

Sư trải tờ giấy lên hòn đá tên *thiên*. Bà bối rối nhìn trời... Bà nhìn xuống tờ giấy hoa tiên là một bức thư pháp có hai câu “Bất tục tức tiên cốt – Đa tình thị Phật tâm”. Bà lắc đầu ra dấu tịnh độ. Như không có bà ở bên cạnh, sư độ trì với hòn đá “*thiên*”: Về *đa tình thị Phật tâm* thì hãy nhìn với cung cách của tha nhân. Hãy bằng vào nhận thức khổ đau hay hạnh phúc qua sự tu tỉnh, trong vòng chuyển hóa luân hồi định nghiệp. Tất cả chỉ là *đôi cảnh vô tâm* với khai tâm.

Và sư khai tâm rằng bằng con mắt trạch pháp của nhà Phật với những khổ đau, hạnh phúc của cuộc đời. Thì xưa kia, Lục tổ nghe kinh *Kim Cương*, chỉ nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” liền khai ngộ. Câu ấy có nghĩa là đừng bám vào cái gì mà để lòng vào. Sư hoằng pháp với bà qua một ông thầy xem tướng là đã tìm ra cái vô ngã tiềm ẩn của bà cất dấu trong cái siêu ngã. Sư sắc sù: Ấy là tự kỷ ám thị. Làm như không nghe, bỗng khi không bà hỏi sư:

- Tâm động có triệt được không, thưa thầy.
 - Không. Nếu có vướng mắc.
 - Tâm diệt thì được gì.
 - Tịnh lạc.
 - Tình ái có tịnh lạc không.
- Và sư u mê ám chướng:
- Có. Với duyên nghiệp.

Bà hạnh thông với duyên nghiệp tích tụ bao lâu vừa nhú ra trong một sát na, trong cái chớp mắt của đời người. Một sát na mau như lốc xoáy, cái chớp mắt dài như một kiếp người. Bà tin cái sát na vi diệu mà sư sở công thuyết giảng sẽ xuất hiện lần này trong đời bà. Cái sát na nhanh hơn một triệu lần ánh chớp trong cái...chớp mắt. Và bà chớp mắt vì làm như có hạt bụi vương vào mắt bà. Cũng làm như có cảm thông với tịnh độ, sư nhủ mầy âm ử:

Vạn vật khởi từ tâm

Tâm biến ảo khôn lường
Đầu là bụi trần vương

Nhớ:
Chỉ là hạt bụi
(Khuyết danh)

Bà ngẫm nguội bài thơ sẽ được xâm lên người bà. Bà nhíu mày vì bài thơ...quá dài. Bà chỉ nhớ: “Nhớ - Chỉ là hạt bụi”. Tuy nhiên bà cũng gật đầu. Su ừ à. Vạy ư...Rồi thôi...

Tùng vết kim một. Rồi từng vết kim khác như những vết dao khắc. Mặt trời lay láy rơi vào tịnh phòng như muốn đốt cháy lưng bà. Bà cắn răng, không vật vã, không một giọt nước mắt. Trong khi sư đem nghệ thuật vị nhân sinh vào từng nét chấm phá. Từng giọt máu hòa lẫn với hai màu đen, đỏ của tác phẩm để đời vòn nhau nhảy múa...theo khói lớn vòn chui ra từ nồi hâm rượu Saké bỏ quên trên bếp lửa.

Từ hơi hương Saké, sư lan man với chén quỳnh trong Tỳ bà hành của Lý Bạch khi bị đi đày ở quận lỵ hẻo lánh Giang Châu, gặp người kỹ nữ già một chiều trên bến nước bên sông Bồn:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Chủ xuống ngựa, khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti

Trời quá ngột từ lúc nào, sư sờ cuồng mãi miết chẳng hay chiều trúc ti đã buông xuống...

Mái tóc bà xô tung xuống hai gò má. Nhưng hai bờ vai chịu đựng chẳng mảy may động đậy. Dồn hết tâm sức vào tác phẩm, mặt sư trắng bệch rồi tái dần, chuyển qua xanh nhạt, xanh như lá cây Sakura. Trong sư trống rỗng những ngổ ngang và sư cũng chẳng biết là gì. Sư cứ miên mãi, quên đi những thống khoái khi hành hạ những thí chủ khác mấy năm mù u. Có một lúc chân tay da thịt đụng chạm qua sát, xoa, lăn, vê. Sư bị bán loạn, bị đẩy đưa vào cõi ta bà và thế tục. Giữa thực và ảo. Sư miên man đẩy đưa về dòng đời và biển. Chưa có giông bão, mặt biển im ắng lạ lùng, nhưng chính lúc ấy, làn sóng ngầm đang chuyển động ở dưới đáy. Đời các nhà sư cũng vậy, chỉ phẳng lặng ở bên ngoài và chỉ đợi một cơn giông. Trong não bộ sứt mẻ, sư sờ cuồng nóng hôi với đời thường, với da thịt đàn bà, mà chưa một lần ném trái. Sư quay cuồng với tập tục bó chân qua Lâm Ngữ Đường. Từng gót sen một, từng tiếng guốc của người đàn bà cùng những ả ức tình dục. Tất cả chỉ thoáng qua sách vở nên đều lẩn tránh với sư.

Lẩn tránh theo bóng xế của một ngày tàn vờn lên lưng bà...Mảng lưng bà lấm tẩm mồ hôi lưng linh như những nhụy hoa anh đào trong một ngày nhạt nắng. Nhưng mồ hôi hòa với mực ngấm vào da thịt qua vết chích, ngấm ngấm xót, ngấm ngấm đau.

Hốt nhiên, bờ vai bà giật giật. Ấy chỉ là giao thoa vô hình, vô tướng của thân thể nửa kín nửa hở của tấm lưng trần trắng như...hạc trắng. Tay sư cũng giật giật theo giao tình nửa tu nửa tục. Cũng vì những cái giật giao hòa ấy, dăm ba sợi tóc lạc lổng lòa xòa vương vãn qua khuôn mặt của bà, toát ra một vẻ man dại khiến sư ngần ngần giao tình, giao động. Thêm những giao động, vì có một làn gió đi hoang chui qua mảng giấy rách ngăn vách tịnh phòng, dăm ba sợi tóc lạc loài vắt qua tay sư. Sư giật mình nhớ lại chuyện trong kinh điển, làn ấy Lục Tổ Huệ Năng đến chùa kia, mọi người đang nghe giảng kinh. Bỗng có ngọn gió thổi đến làm lay động lá phướn. Một ông tăng nói: Gió động. Một ông tăng khác nói: Phướn động. Thế là mọi người đua nhau tranh cãi.. Lục Tổ bảy giờ mới bước lên nói rằng: Không phải gió động, cũng chẳng phải phướn động. Chỉ có cái tâm của chư vị động mà thôi.

Cái tâm của sư đang động dậy cùng đất trời đang chen lẫn vào đêm...Từ trong bóng đêm, tận trong đáy của tâm thức, tâm cảm sư sở cuồng dương như bị lung lay. Cái đầu sư lại nổi trôi về mặt nước biển đang lặng sóng như nước hồ cá Koi. Phẳng lặng như khuôn mặt vô cảm của sư. Cuộc đời sư bình lặng quá. Nhưng thực sự ngọn lửa trong sư đang âm ỉ, chỉ đợi một cơn gió nồm, gió nam là bùng lên. Thì trong vô thường, vô ngã, có một con thiêu thân bay tới và...ngã vào ngọn đèn dầu, Ngọn đèn gặp con thiêu thân, gặp da thịt, bùng lên như một tia chớp...Sư

biết là tâm động, tà niệm đã khơi. Sư lắc đầu xua đuổi cái ý tưởng tà ma ấy đi. Mắt sư đậu lên trên lưng nhẽ nhại của bà...*không có cái nốt ruồi* nào cả.

Sư pháp tọa và nhiếp mình vào chính niệm vào cái nốt ruồi không có ấy. Sư nhắm mắt quán tưởng vào cái nốt ruồi là hạt bụi, lớn lên dần như hạt sỏi, rồi to bằng hòn đá. Cuối cùng cái nốt ruồi bự sự như núi Tu Di. Miệng sư lẩm nhẩm tụng kinh bát nhã, hết cứu nhân độ thế cho ai đó, đến cứu khổ cứu nạn cho cái nghiệp chướng của chính sư.

Và sư đắm chìm trong tình cuồng, trong gieo duyên giải nghiệp. Trong sư đang muốn tách bên phàm trần nhập vào thể tánh. Trong một chớp mắt, tay sư vung bút lên. Bỗng dừng sư khựng lại...Sư khựng lại với gã sư đồ có thanh kiếm gỗ: "Vì con ve sầu như người kỹ nữ về chiều thì thậm xấu. Thế nhưng hát thì thậm hay". Mà *con thiêu thân* đây đâu có xấu tí nào đâu. Bất giác miệng sư sờ suồng lau nhàu: "Sư mõ gì với gã sư đồ ấy". Tâm viên ý mã xong nhiều sự ấy rồi: Cái nhiều sự của một người bình thường. Quá bình thường đến khó hiểu, đến một lúc nào đó chẳng hiểu nổi như sư đây...Sư đổi lại thể ngồi kiết già, vun vén bào tăng lại cho gọn, nề nếp. Rất lắng đọng trong tâm tưởng, thông thả cúi xuống. Và cũng rất an nhiên tự tại, sư chậm rãi hạ bút và...Chấm...một dấu chấm li ti như...hạt bụi.

Tay buông bút, sư vật người ra, không hện mà gặp, bà và sư đều lẫn ra chiều lặng ngắt. Ánh trắng chui qua khung cửa sổ tre rơi xuống sàn đất thô. Trăng vàng vọt vật vờ bò lên manh chiếu cói...Ánh trắng leo lên tấm lưng bà loang loáng những vệt mờ ảo vàng ong ong.

Dấu chấm rún rẩy như vừa thoát ra cái kiếp lai sinh và đang ngộ nguậy để tồn sinh.

Bao lâu thì sư chợt tỉnh, sư chẳng hay. Sư chỉ hay biết qua nửa tối, nửa sáng: Bà mệnh phụ vừa bước từ phòng tắm ra. Bà đứng trước mặt sư. Khuôn mặt nhân hậu của bà không còn những khắc khoải phiền muộn nữa. Bà xoay lưng lại sư. Bà kéo cái áo Kimono quá nửa lưng.

Bà hỏi sư về...cái dấu chấm.

Sư ngúc ngắc cái đầu vì tâm động nên có dấu ấn là dấu chấm. Vạn vật khởi từ tâm. Tâm bị động nên dấu chấm mới đầu là hạt bụi, lớn dần như hạt cát, mai này to bằng cái nốt ruồi. Thế nên đừng để tâm cảm giao động, da thịt chuyển động theo tâm, làm mất đi cái nốt ruồi. Tuy nhiên nếu có mất đi chẳng nữa thì bản thể trở về với bản thể của nó. Bản thể nó là một chữ... Tâm



“Tâm”

Nghe rồi, bà từ từ quay lại muốn nói với sư điều gì nhưng còn ngại ngùng. Bà nhìn sư từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới. Sư nhủ thầm chắc là bà mệnh phụ muốn bái vọng gì đây.

Vừa lúc bà ngần ngừ, ngập ngừng:

- Thầy ơi...hết...hết...tự kỷ ám thị rồi.

À ra thế, hóa ra bà đã khai thị được chữ nhất tự thiên kim của sư. Bà khai ngộ được cái tâm bệnh của mình qua một chữ “Tâm”. Bà đã chứng ngộ. Bà mệnh phụ vừa trở về với cái ngã của đời thường. Sư mỉm cười, nụ cười rất hiếm hoi trên khuôn mặt nặng những trâm mặc khép kín, đầy rẫy những méo mó héo hắt của sư.

Miệng sư lúng búng gì nghe không rõ...Nhiều sự óc ách là thế đấy, là thế đó. Cũng vừa lúc bà buông rơi mảnh Kimono xuống chân. Bà âm vọng, âm i:

- Thầy...thường lãm....tác phẩm của thầy đi.

Tịnh phòng chìm trong tĩnh lặng. Nhiều sự tiếp đến cho đến nay chẳng một ai biết...Hiểu theo *Vô môn quan* là cánh cửa đóng lại thì chẳng có gì để mà nói. Nói như câu kệ nhà Phật:

Không là...có. Có là...không.



“Không”

Bỗng không một làn gió chui qua mảng giấy rách ngăn vách tịnh phòng. Tia lửa tim đèn dầu lay động lóe lên trong một sát na một màu xanh thảo thiết... Thảo thiết như như tấm tãng bào phủ lên tấm Kimono ở góc phòng Chiếc đèn dầu cầm nín phụt tắt trong chón không.

Trúc gia trang
Xuân phân, Mậu Tý 2008
(thêm bớt 2013)

Nguồn: *Sư Triệt Học lặn dận nơi nao* của Lê Thiệp Và truyện *Xâm mình* của J. Tanizaki.

Theo bước chân phù lãng nhân...

Năm hết Tết đến, thu vén nhà cửa để tổng cụu nghinh tân, chợt nghĩ đến lũ mối mọt gặm nhấm giấy má, một tôi mảy mò vào...”tàng kinh các” để thăm chừng. Thấy con bươm bươm lụy chữ nghĩa nằm chết khô trong sách mà cụ Tiên Điền Nguyễn Du gọi là điệp tử thư trung. Khi không con chết tiệt này đưa đây một tôi mon men tới kiếp phù sinh hề một thoáng bạch câu với câu “bách niên cùng tử văn chương lý, lục xích phù thân thiên địa trung”. Đành vay mượn chữ nghĩa bạn già nho phong dẫn giải *trăm năm một đời, cùng một cõi văn chương, sáu thước tám thân, lênh đênh giữa trời đất*. Hơ! Một cõi văn chương với bốn thước hai thước, nghe hãi quá thể! Thưa bạn đọc.

Ừ thì cũng nên náo động về bạn già của một tôi một phen. Gia dĩ bạn chữ nghĩa đây là ông đồ nát chữ viết thông thiên vạn quyển với sử sách. Gần đây bạn già viết truyện về một sứ thần ta đi sứ cả năm trời với bao gian nan vất vả khôn cùng, như phải đi bộ, nói năng phải bút đàm, v...v.... Rồi sứ thần bỏ

xác ở bên ấy, xác được nhét thủy ngân bỏ vào áo quan mang về xứ. Vì vậy các quan ta sợ nhất chuyện đi sứ vì câu ám chương: “Thứ nhất đi sứ, thứ nhì đi quan”. Chả đâu gì bạn đọc, bởi lập thân...*tôi dạ* thị văn chương nên một tôi đang hăm hụi một bộ sử dài hơi dày chữ. Vì một tôi học theo các nhà sử học hôm nay, cứ thường sử phẩm của người này người kia rồi nhồi nhét là có ngay một bộ sử dày cộm. Ngon ăn như ăn trứng luộc vì chỉ cắt xén, chấp vá nhoáng nhoàng một...”*thoáng bạch câu*” là xong tuốt. Dễ ợt. Nghe một tôi to hó vẩy với bạn đọc, bạn già phều phào mà rằng một tôi chỉ có ba mớ sách đã rồi chuyện, “rối chữ”.

Tiếp, bạn già kể chuyện *Con lạc đà chui qua lỗ kim* rối rắm như thế này đây...

Xưa thật là xưa có một vị vua, sau những năm vó câu dập dồn, sống trên mình ngựa, xông pha trên bãi chiến trường. Một hôm vua cho triệu vị sử quan già tới phán:

- Đời Cô chỉ mong ước đọc được bộ lịch sử loài người trước khi nhắm mắt theo các tiên vương. Bộ sử lại quá nhiều, khanh thu gọn trong vòng 10 quyển được không?

- Dạ được, hạ thần xin bệ hạ 5 năm.

Vua gật đầu. Bộ sử nằm yên bấy lâu trong viện tàng cổ được chất lên 3 xe sách...

Làm như ăn khoai môn ngựa miệng sao ấy, “rối chữ tôi” buột miệng hỏi gì mà tới 3 xe sách? Bạn già cầm cây gậy chống trời gõ cách cách vào chân bàn

gỗ và cách rách: Như bác biết đấy, xưa sử quan chưa có giấy, sử viết lên tre nên gọi là sử xanh. Sau đấy viết lên gỗ củi, da ngựa, da bò cả ngàn quyển chất lên xe chở đi. *Rồi chữ tôi* chép miệng tách một cái: Dạ vâng, bác dậy sao em nghe vậy. Vâng dạ xong bị bạn già mắng vỗ mặt: Bác ăn vẹt ở mồn chữ nghĩa bấy lâu mà chả hanh thông... thông sử gì sất.

Thế là rồi chữ tôi cạch không dám hỏi nữa, đành cặng tai nghe...

Ba xe sách mang tới quốc sử quán, được tháo tung từng mảnh, từng chương, lục soạn, tra cứu, bụi xốc lên mù mịt như cát sa mạc trong cơn lốc. Trải qua năm tháng, sử quan làm việc bất kể ngày đêm, lưng còm mắt mờ, tóm lược khắc trên những thớ gỗ dày cộm. Nhưng sau 5 năm rồi cũng xong, bộ sử 10 quyển được chất lên mấy thớt lạt đà, rồi kệ nệ khiêng vào triều. Vua thấy vậy, lắc đầu ngán ngẩm:

- Nay Cô đã tuổi già sức yếu, Khanh tóm lược lại 1 quyển được chăng?

Vị sử quan mệt mõi tâu:

- Xin bệ hạ cho thần... 10 năm.

Đến có sự này, ngu lâu dần dai cách mấy, rồi chữ tôi ngộ ra là bạn già muốn răn đe đừng viết dài quá như tra tấn chữ nghĩa bạn đọc. Mà hãy viết ngắn gọn một tí, cần nhất là loại bỏ những chi tiết thừa thãi, những câu tối nghĩa...

Tiếp, bạn già câu động chữ thừa...

Sau 10 năm, lão thần ốm gầy như cây khô, mặt mày vàng vố, đi phải chống gậy, tay run lẩy bẩy

mang quyền sử vào trình. Cũng đúng lúc vua đang hấp hối, phêu phào:

- Cô sắp đi...Hiền khanh hãy tóm tắt bộ sử bằng...một câu...Một câu thôi.

Lão thần lập bập, thì thảo bên tai vua...Vua gật gật đầu, đôi môi khô héo, bỗng nở một nụ cười hiu hắt đầy mãn nguyện rồi băng hà. Lão sử quan lắc đầu, thở ra như thở dài rồi cũng từ từ trút hơi thở cuối cùng bên cạnh bộ sử dày cộm.

Đang lụi đụi vì chả biết lão sử quan sàm sì chi với cụ vua thì bạn già xách củi khô gỗ mục ra để luận sử: Như bác biết đấy, vì viết sử trên thẻ tre, thanh gỗ nên phải viết cô đọng. Nên người sau hiểu bung bét hết. Như:*Thượng thư đại truyện* chép đời Chu Thành Vương (cùng thời Hùng Vương), người Việt Thường từ phía nam Giao Chỉ (Thanh Hoá) cưới ba con voi mang chim bạch trĩ đến cống, phải qua 9 lần thông dịch mới hiểu. Lúc về, sợ sứ giả bị lạc đường, Chu Công cho xe *chỉ nam* để dẫn đường.

Mắt tròn dậu hỏi với...chim trĩ cưới voi như bà Trưng? Dòm thấy vậy bạn già vẫn ngưi truy mã rồi chữ tôi: “Vậy chứ bác nghĩ sao người Việt Thường xách con chim trĩ lêu bêu sang Tàu cả mấy năm trời, bộ con chim trĩ không ngòm củ tí à?”

Khi không bạn già nho tảo “thi thị khả giải, bất khả giải chi gian”, và luận ngữ mà rồi chữ tôi hiểu bừa phứa là “sử thi nằm trong khoảnh lơ mơ lỗ mỗ có thể giải thích được và cũng có thể không giải thích được”. Và bạn già lại...vấn nạn rồi chữ tôi:

- Giả sử không có giấy tờ, bản đồ, thông dịch, bác có dám một mình tới Hồng Kông, qua Mỹ. Rồi đi bộ từ San Francisco đến Washington không?.

Bụng dạ rồi chữ tôi trộm nghĩ ắt hẳn bạn già đẩy đưa theo bước chân phù lãng nhân Bùi Viện đây. Chuyện này cũng ngon cơm: Một là nhà rồi chữ tôi ở ngay đường Bùi Viện. Hai là nếu như ở Tây phương có Columbus Christopher tìm ra châu Mỹ. Thì khoảng 300 năm sau, ở Đông phương, ngay tại Đại Việt ta có Bùi Viện cũng tìm ra...châu Mỹ. Và có một trùng hợp của lịch sử là cả hai đều tới Mỹ hai lần. Ngoài ra rồi chữ tôi còn gặp Bùi Viện ở phố Tàu nữa. Bền thừa với bạn già mọi ngẫu sự bằng vào một ngày bắt gặp sấp giấy vàng ó có mười lốt bằng hạt gạo vào năm nào năm nào.

Để rồi bỗng không cả một chuỗi thời gian quá vãng đong đầy đong đưa...

Bằng vào bốn chục năm trước, cái ngày rồi chữ tôi chân ướt chân ráo qua đây. Quán xá chợ búa không ngoài ba tiệm “chạp phô” cũ mèm của người Tàu từ thời tổ tiên họ sang miền Viễn Tây làm đường xe lửa còn rơi rớt lại cũng nên. Một ngày cuối tuần xuống phố ghé tiệm chạp phô mà người Việt ta sang nhượng từ người Tàu, thấy trên quầy bày dăm băng “cát-sét” nhạc thu lại, mười cuốn truyện cũ được “phô tô cốp pi”, bọc giấy dầu cho thuê. Hiểu theo nghĩa là chưa có báo chợ, báo chùa gì sát cả. Lóng nhóng thế nào mắt rồi chữ tôi đậu trên sấp giấy kẹp bìa hơi cũ, có vài ba đốm chấm

nâu đen li ti. Trong khi đợi nội tướng vất vưởng với chợ búa bèn mở ra “xem cọp”...

Ngay trang đầu sấp giấy mỏng đánh máy bằng máy chữ cổ lỗ sĩ với tựa đề *Liên hệ Hoa Kỳ-Việt Nam thời thế kỷ 19*. Đọc sơ qua có chuyện sử thần Bùi Viện của tác giả Trần Đông Phong, và *Con đường thiên lý* của nhà biên khảo, học giả văn hóa cổ đại. Rồi chữ tôi nhằm chừng tác giả trích dẫn truyện Con đường thiên lý để viết tiểu luận lấy cao học từ bên nhà thì phải. Cũng có thể ông là chuyên gia về bang giao quốc tế của sứ quán hay sứ bộ nào đó và ông đã có mặt ở đây từ thập niên 60 hay 70 không chừng.

Riêng với tác nhân “Con đường thiên lý”, trước 75 rồi chữ tôi hong hanh biết cụ là kẻ sĩ bách vi, chỉ lo mài dũa biên khảo, sưu khảo, chuyên công đẽo gọt sử xanh, sử thi. Nên rồi chữ tôi gọi cụ là nhà biên khảo, học giả văn hóa cổ đại là vậy. Vậy mà “xem cọp” xong là quên tuốt. Bèn thưa gửi với bạn già nhẽ ấy...Đất sinh cỏ già sinh tật hay sao đó, bỗng dung bạn già cắt lưỡi rồi chữ tôi thế này đây: “Nhân thoại hưu đề ngôn quy chính truyện”. Thấy rồi chữ tôi ngơ ngác như quạ vào chuồng lợn, bạn già khai ngôn phá chữ là hãy...*gác những chuyện rườm rà để nói vào chuyện chính*.

Ừ thì vào chuyện, nhưng rồi chữ tôi đèn lu dầu kiệt đến năm 2005, nhờ đi tìm con đồ ngư trong tàng kinh các mới lòi tới ra tạp chí *Văn Hóa Việt Nam* có bài khảo luận cũng của ông Trần Đông Phong. Vào

tạ, ông bịch bịch ông là nhà giáo, làm báo và cũng là chuyên viên bang giao quốc tế. Vì Con đường thiên lý dày cả mấy trăm trang nên ông chỉ tóm lược thôi. Thế là rồi chữ tôi lui cui gõ mõ từng khúc, từng đoạn theo bài khảo luận, theo những bước chim đi của nhà biên khảo, học giả cổ đại...

Trong bài khảo luận, ông Trần Đông Phong gọi tác giả Con đường thiên lý khi là cụ Lê, lúc ông Lê. Ngoài ra với phần *Chú thích* ở cuối trang mà ông gọi là “footnote” có ghi những địa danh như “Pháp-Lan-Tây” với Pháp-Lan là phiên âm của Fran, giống như France là...nước Pháp. Và “Sanh-Phát-Lan-Xích-Cô” được giải thích Sanh là phiên âm của San, và Xích-Cô là phiên âm của Cisco, như vậy thì Sanh-Phát-Lan-Xích-Cô tức là thành phố...San Francisco, sau này người Tàu gọi là Cựu Kim Sơn, thưa bạn đọc.

“...Vào khoảng đầu thập niên 1930, lúc học trường Bưởi tại Hà Nội, đồng môn với cụ Lê là Trần Văn Bảng, quê ở làng Xuân Lũng, phủ Lâm Thao, thuộc tỉnh Phú Thọ.

Trong một lúc vui bạn vui bè, Trần Văn Bảng nói với cụ Lê rằng:

- Anh bảo người Việt Nam đầu tiên qua Hoa Kỳ là Bùi Viện. Sai. Người đầu tiên là cụ nội tổ chúng tôi, là cụ *Trần Trọng Khiêm*.

- Trần Trọng Khiêm là ai? Ở thời nào? Tôi không nghe tên đó.

- Cùng triều Tự Đức như Bùi Viện, nhưng sinh ở đầu đời Minh Mạng, hơn Bùi Viện khoảng hai chục tuổi, không rõ Bùi Viện qua Hoa Kỳ năm nào, nhưng tôi biết chắc là cụ Trần Trọng Khiêm đặt chân lên đất Hoa Kỳ năm 1849 và sống ở đây 4 năm...”.

Theo ông Trần Đông Phong đọc Con đường thiên lý (trang 26) thì..

“...Ông Trần Trọng Khiêm sinh năm Tân Ty 1821, tức năm Minh Mạng thứ hai. Năm ông hai mươi hai tuổi, vợ của ông bị viên chánh tổng cưỡng hiếp rồi bức tử. Xong y nổi lửa đốt nhà, sau đó y đến điều tra rồi trình lên quan trên rằng bà bị cướp giết chết. Khi ông Khiêm về đến nhà, ông bình tĩnh chôn cất vợ, nhờ người làng lo việc hương khói cho bà vợ, sau đó ông rời làng và bắt tin. Đúng một năm sau viên chánh tổng bị giết chết và ông cũng rời làng biệt tích. Người làng cho rằng ông Khiêm về trả thù cho vợ.

Người bạn sau đó đưa cho cụ Lê xem bức thư viết bằng chữ Nôm gửi cho họ hàng, thư đề ngày rằm tháng Hai năm 1860. Trong đó ông Khiêm cho biết sau khi trả thù được cho vợ. Ông tới Phố Hiến-Hung Yên, theo tàu buôn sang Hương Cảng, cư ngụ ở đây một thời gian, rồi qua Anh Cát Lợi, Hòa Lan, “Pháp-Lan-Tây”. Cuối cùng sang tận Hoa Kỳ theo một đoàn tìm vàng và ở thành phố “Sanh-Phát-Lan-Xích-Cô”. Chẳng bao lâu sau, vì nhớ quê hương,

ông trở về Hương Cảng, nhập tịch Trung Hoa rồi về lại quê nhà, lập nghiệp ở làng Hòa An, phủ Tân Thành tỉnh Định Tường. Ông tục huyền với thiếu nữ họ Phan, sinh hai con đặt tên là Xuân Lâm và Xuân Lương. Bức thư ký tên Lê Kim, viết ở làng Hòa An, ngày rằm tháng Hai năm Canh Thân, tức là năm 1860.

Năm 1935, cụ Lê vào Nam Kỳ làm việc, nhớ đến chuyện cụ tổ phụ của bạn, nay có tên *Lê Kim*. Cụ Lê là người thích nghiên cứu, tìm tòi, lại quen biết giới hành chánh nhiều nên lần mò về Định Tường hỏi han, được biết trong sổ bạ của làng Hòa An, có người Minh Hương tên Lê Văn Kim, đến đây lập nghiệp từ năm 1855, đời vua Tự Đức...”.

Rồi chữ tôi “điễm phim” với bạn già càng về sau chuyện càng lồi cuồn như phim *Miền viễn tây* nhằm vào thập niên 50, 60. Vì ông Lê Kim là người Việt Nam đầu tiên, quăng giầy cưới ngựa rong ruổi về một thị trấn hoang vu. Ngoài ra ông còn góp tay tạo dựng lên thành phố San Francisco đầy gió cát này trong cái buổi hoang sơ...

“...Năm 1946, cụ Lê trở ra Bắc cũng vừa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, nên mất liên lạc với bạn. Cụ tình cờ đọc được cuốn sách bằng tiếng Pháp nhan đề “La Rúee Vers l’Or” của René Lefèbre, được nhà Dumas ở Lyon xuất bản năm 1937. Cụ đọc thấy cuốn sách này tên nhân vật chính là “Lee Kim” đều bị xóa và sửa thành “Lê Kim”. Ở trang đầu có đóng con mộc dấu đỏ đã phai màu “Tủ

sách gia đình *Lê Xuân Liêm*, làng Mỹ Quới, tỉnh Rạch Giá”. Những điều này khiến cụ liên tưởng đến ông Lê Kim, tổ phụ của người bạn Trần Văn Bảng và cụ đã đọc hết cuốn sách này.

La Rúee Vers l’Or là câu chuyện về một nhóm giang hồ tứ chiến gồm đủ mọi quốc tịch Gia Nà Đại, Anh, Pháp, Hòa Lan, Mè Tây Cơ, Thụy Điển, Do Thái và một người Trung Hoa tên Lee Kim. Họ gặp gỡ nhau rồi cùng đi về hướng tây để tìm vàng vào giữa thế kỷ 19. Câu chuyện khởi đầu từ năm 1849 tại thành phố New Orleans, qua thành phố St Louis, lúc bấy giờ được xem là cửa ngõ để đi về miền Viễn Tây. Chuyến săn vàng của nhóm giang hồ tứ chiến đầy đói khát, vượt qua bao nhiêu núi non, sa mạc. Những người tìm vàng đã vượt sông Nebraska, qua núi Rocky, đi về Laramie, Salt Lake City đầy hiểm nguy gian khổ, đánh nhau với mọi da đỏ, vượt thoát bọn cướp đường. Cuối cùng nhân vật chính là “Max”, là người Canada lập nên nhóm 80 người đi tìm vàng và cánh tay mặt của y là Lee Kim, cũng dẫn được hơn nửa nhóm người này tới California. Thời đó, "Wild West" tức miền Tây hoang dã là cụm từ người Mỹ dùng để chỉ bang California. Lee Kim là thông ngôn cho cả nhóm vì nói được nhiều thứ tiếng như Anh, Pháp, Hòa Lan, Trung Hoa và “một thứ tiếng khác nữa” nhưng không rõ tiếng nước nào. Lee Kim nói rằng anh ta không phải là người Tàu, nhưng khi được hỏi là người nước nào, anh trả lời là nước của anh ta cũng “gần gần nước Tàu”.

Cuối cùng họ cũng tìm được một ít vàng, sau đó về sống ở San Francisco. Đến thị trấn mới, Lee Kim được thuê làm cho tờ Daily Evening nhờ biết nhiều thứ tiếng. Còn “Max” nổi tiếng nhờ giết được tên cướp của giết người ở vùng này có biệt danh là “Jack ba ngón” để đi vào giai thoại ở miền Viễn Tây. Nhờ vậy Kim Lee và “Max” quen biết với Đại úy Sutter ở thành phố này, sau Sutter được Quốc hội Hoa Kỳ phong tướng. Ông chính là Johann August Sutter, một trong những người đã tạo dựng lên thành phố San Francisco, hiện một con đường lớn vẫn còn đang mang tên ông...”.

Theo ông Trần Đông Phong, quyển *Con đường tìm vàng* của René Lefèbre tờ còn tờ mất, nên nhà biên khảo, học giả văn hóa cổ đại.vẫn còn hoài nghi...Rối chữ tôi hình dung đến khuôn mặt bạn già cũng hồ nghi không kém với chuyện ông Kim Lee đến Châu Mỹ có...xa vời vợ chẳng? Vì sang Cao Ly thì may ra. Vì vậy rối chữ tôi quay quả đến “người về một cõi muôn năm cũ” trong cổ thi cả ngàn năm trước: “*Thái sư Trần Thủ Độ âm mưu soán ngôi nhà Lý, hoàng tử Lý Long Tường, con thứ của vua Lý Anh Tông (1138-1175)...*”. Bỗng dưng bạn già cười hun hút rằng rối chữ tôi bị ông Cư sĩ Trần Đại Sỹ đan lòng nhốt kiến rồi. Nên rối chữ tôi đành thưa rõ ràng ông họ Trần gặp hậu duệ của Lý Long Tường kể cho ông và ông viết rất bài bản: *Hoàng tử Lý Long Tường cùng đoàn tùy tùng 6000*

người trên ba hạm đội từ bến Đình Hải nhắm hướng bắc vượt biển đông tới Cao Ly.... Bạn già cười rang rúc mà rằng chắc gì ông Trần Đại Sĩ gặp hậu duệ nhà Lý. Và chuyện đi trốn với 6000 người với ba hạm đội có...”*hư cấu”* chẳng?!

Ừ thì chuyện đâu hãy còn đó, nên rồi chữ tôi trở lại thành phố “Sanh-Phát-Lan-Xích-Cô” với người cháu của nhà biên khảo, học giả văn hóa cổ đại...

“...Năm 1960, nhân có người cháu du học ở California, cụ Lê nhờ anh này đến thư viện San Francisco, lục tìm những tờ báo cũ khoảng năm 1850, xem có bài báo nào nói về hai nhân vật “Max” và Kim Lee hay không.

Đến năm 1962, ông có hai bài báo được người cháu gửi về:

- Bài báo đề ngày 19 tháng Hai năm 1850, có đăng bài với cái tựa đề “Jack ba ngón đã bị hạ” với đầy đủ chi tiết của “Mac”. Như vậy chính là “Max” trong *La Rúee Vers l’Or*.

- Bài báo đề ngày 8 tháng 11 năm 1853, tựa đề ”Kim Lee và tướng Sutter” viết: “Sáng nay, một người Trung Hoa tên Kim Lee, trước làm việc cho báo *Daily Evening* đã tặng hai trăm Mỹ kim vào quỹ gây dựng thành phố San Francisco của tướng Sutter...”

Nghe thủng xong, bạn già vào lỗ tai ra lỗ miệng hỏi về gốc gác ông Lê Văn Kim?

Thế là rồi chữ tôi đưa bạn già với đường mưa ướt đất theo bước chân phù lãng nhân là nhà biên khảo, học giả cổ đại họ Lê, thì.....

“...Sau khi nhận được hai bài báo này, cụ Lê tin tưởng rằng nhân vật Lee Kim hay Lê Kim chính là cụ Trần Trọng Khiêm, người đã gửi bức thư cho bạn mình. Như vậy ông Trần Trọng Khiêm vẫn sống ở San Francisco cho đến năm 1853. Ông trở về quê nhà năm 1854 và cải danh là người Minh Hương với tên mới là Lê Kim.

Sau đó ông Lê cố tìm cách liên lạc với hậu duệ cụ Lê Kịm, nhất là gia đình Lê Xuân Liêm, người chủ của cuốn sách *La Rucee Vers l’Or* mà cụ đã tình cờ đọc được năm 1946. Mãi cho đến khoảng năm 1970, một hôm ông nhận được một cái thư, đầu bưu điện từ tỉnh Rạch Giá của một độc giả tên *Lê Xuân Lưu*, hỏi cụ về một khúc mắc của sử nước nhà. Cụ Lê nhớ ngay đến “Tủ sách gia đình *Lê Xuân Liêm, làng Mỹ Quới, tỉnh Rạch Giá*”. Sau đó ông đến tận nơi thăm gia đình này và được biết anh Lê Xuân Lưu là con Lê Xuân Liêm nhưng thân phụ anh đã qua đời.

Anh Lê Xuân Lưu cho cụ Lê xem cuốn gia phả do ông nội anh là ông Lê Xuân Liêm con của ông Trần Trọng Khiêm chép từ năm 1928, trong đó có đoạn như sau:

“Sự tích họ ta, nhớ mà ghi chép được, mới từ cụ tổ năm đời triều Tự Đức. Tương truyền cụ là người họ Trần, gốc gác làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi,

tỉnh Phú Thọ ngoài Bắc. Họ Trần lập nghiệp ở Xuân Lũng từ đời nào, thì nay chưa thể biết được vậy.

Cụ là con trai thứ một thế gia vọng tộc. Văn võ toàn tài mà tinh thần bạt tục, không chịu theo con đường khoa cử, những mong thỏa chí tang bồng. Ngoài hai mươi tuổi, cụ cải danh họ Lê, húy Kim, khẳng khái rời quê cha đất tổ, xuống một tàu buôn ngoài nhân, lênh đênh mấy năm từ Á qua Âu, không đâu không lưu túc tích (dấu chân). Tới xứ nào cụ cũng tìm hiểu phong tục, cái hay cái dở, ý hẳn muốn thâm thái để sau này kinh bang tế thế. Cụ là người có nhãn quan thiên lý, nhìn suốt cổ kim, có chí kế vãng khai lai, đáng làm gương cho con cháu vậy. Mà họ Lê ta cũng đáng lấy làm vinh dự lắm thay.

Năm Giáp Dần triều Tự Đức, cụ về cố quốc. Cụ không dám về Bắc mà vào Nam lập lên làng Hòa An, thuộc tỉnh Định Tường (nay là Sa Đéc). Nơi đó còn hoang dã toàn lau sậy, tràm với lác, cụ quy tụ được một nhóm người khai phá thành ruộng nương tươi tốt. Cụ thành hôn với cụ bà họ Phan, tính tình hiền hậu, tư cách đoan trang và sanh được hai con tên Xuân Lãm, Xuân Lương, để đời đời đừng quên gốc gác làng Xuân Lũng. Tới nay đến thẳng Xuân Liêm ta là sáu đời, họ ta vẫn theo mỹ tục đó. Con cháu phải giữ chớ không được bỏ, giữ được thanh bạch, chính là giữ được cái nề nếp vậy...”.

Phần bạt ở cuối sách, ông Trần Đông Phong viết:

Tôi vốn được cái may mắn quen biết với cụ Lê nên biết cụ là người quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử. Do đó khi cụ nói rằng: “Tôi mừng như bắt được vàng. Nhân vật Lee Kim quả là có thực, đúng là cụ Trần Trọng Khiêm ở làng Xuân Lũng ngoài Bắc. Chúng có chắc chắn rồi, không ai còn chối cãi được nữa.” (trang 27).

Theo tôi chuyện một người Việt lưu lạc sang miền Viễn Tây, biết cưỡi ngựa bắn súng như phim “cao-bồi” là một dữ kiện lịch sử. Tôi là nhà báo nên rất hãnh diện về ông Lê Kim: 125 năm trước, năm 1850, ông Lê Kim hay Lee Kim là người Việt Nam đầu tiên làm ký giả hai năm cho một nhật báo ở San Francisco.

Sau khi tác phẩm của nhà biên khảo, văn học cổ đại khởi đi từ thập niên 30, đến thập niên 70 đúng 40 năm thì kết thúc với chữ: “The End”. Rồi chữ tôi lại “điểm phim” với bạn già chuyện Con đường thiên lý lồi cuốn như phim *Miền viễn tây*. Bạn già dòm rồi chữ tôi như người cỡi trên và mắng như vật thật vì đa thư loạn mục, là đọc nhiều quá đâm rồi mắt nên chả nhìn ra ý từ người viết sử. Vì ngay khúc vào truyện, cụ Lê tức nhà biên khảo, văn học cổ đại đã dẫn dụ qua người bạn đồng môn Trần Văn Bàng

...

- Anh bảo người Việt Nam đầu tiên qua Hoa Kỳ là Bùi Viện. Sai. Người đầu tiên là cụ nội tổ chúng tôi, là cụ *Trần Trọng Khiêm*.

- Trần Trọng Khiêm là ai? Ở thời nào? Tôi không nghe tên đó.

- Cùng triều Tự Đức như Bùi Viện, nhưng sinh ở đầu đời Minh Mạng, hơn Bùi Viện khoảng hai chục tuổi, tôi không rõ Bùi Viện qua Hoa Kỳ năm nào, nhưng tôi biết chắc là cụ Trần Trọng Khiêm đặt chân lên đất Hoa Kỳ năm 1849 và sống ở đây 4 năm...”.

Năm 1849? Bởi đi tìm con ba đuôi lòi tói ra nửa tập “Văn hóa Việt Nam” của ông họ Trần. Hỏi sự mượn lược, rồi chữ tôi được thể quần quã với Bùi Viện qua năm tháng:

Theo tộc phả, họ Bùi chính quán ở Thanh Hóa, di cư ra Bắc từ triều Lê đã 200 năm, định cư ở làng Trình Phố, tổng An Hội, Trục Định, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Bùi Viện là đời thứ tám tính từ khi thiên di. Ông sinh năm 1839, đỗ tú tài năm 1864, đỗ cử nhân năm 1868. Cuối đời triều đình xét ông có tội tiêu lạm công quỹ 36 vạn, ra lệnh tịch biên gia sản, nhưng vô hiệu vì ông chỉ có một mái nhà tranh. Ngày 1-11-1878, Tự Đức 31, ông đột ngột từ trần. Có nguồn nói ông bị giam và chết trong ngục.

Trần ai khoai củ đến...một mái nhà tranh, hết nhiên mù u ra bạn già dậy viết sử đừng viết những chi tiết thừa thãi, rồi mù. Rồi chữ tôi bèn hỏi khúc kết...u tôi của chuyện *Con lạc đà chui qua lỗ kim*. Bạn già gặt gù: Sau mười lăm năm góp nhặt sử

phẩm qua những mảng da trâu, những mảnh gỗ dày, để rồi nước lã ra sông. Vị vua chết là hết chuyện. Bạn già gật đầu tấp lự: Sử sách cho lắm chỉ tổ cho mỗi một nó soi.

Ba điều bốn chuyện xong, bạn già len chân vào chuyện...

Ừ thì thêm một lần hoảng huyết với bạn đọc về ông bạn già nặng nợ với sử Việt. Như ở trên đã đảo qua, số là bạn già đây đã viết thông thiên vạn quyển về sử thi, gần đây bạn già viết *Bùi Viện (1839-1878) & Cuộc cải cách hải quân...* Bây giờ bạn già len chân vào chuyện...thôi thì hãy..."thông sử" với huyền thoại Bùi Viện tới Hoa Kỳ. Cứ theo bạn già có nhiều "tư liệu" chép sự việc này với chi tiết khác nhau, với dật sử còn....dật dờ hơn nữa qua những nhà làm văn hóa, nhà biên khảo để rồi như mớ bong thêm...

Như với Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ thì Bùi Viện được phái sang Quảng Đông để tìm cách mở mang việc buôn bán với ngoại quốc. Tại đây, ông được con lãnh sự Mỹ làm trung gian xin viện trợ Mỹ, sau đó chính phủ Mỹ đồng ý giúp. Bùi Viện về Huế xin phép Tự Đức. Vua phái ông qua Hồng Kông hỏi cho chắc chắn rồi mới ban quốc thư. Sợ tốn thì giờ, Bùi Viện mạo quốc thư, tự chế áo mão tam phẩm qua Hồng Kông. Tự Đức không bắt tội, ban cho ông danh nghĩa chính thức qua Mỹ xin viện trợ. Mỹ đòi phải ứng trước 2 triệu quan để làm quân phí đánh Pháp. Ông về tâu vua, vua cho phép kinh doanh để kiếm ra số tiền 2 triệu quan đó. Sau vì chuyện tham

những, đình thần hay được, khép ông tội khi quân, và *giam ông đến chết (!?)*.

Tiếp đến là nhà biên khảo Thái Văn Kiềm viết bằng Pháp ngữ việc Bùi Viện đến Mỹ. Bùi Viện nhận lệnh Tự Đức qua Hồng Kông tiếp xúc đại diện các cường quốc ở đây, hy vọng dùng áp lực quốc tế chống lại âm mưu thôn tính Đại Nam của Pháp. Qua sự giới thiệu của lãnh sự Mỹ ở Hồng Kông, Bùi Viện sang Nhật, gặp lãnh sự Mỹ ở Hoàn Tân [Yokohama]. Từ đây, Bùi Viện qua San Francisco, được Tổng thống "Simpson Grant" tiếp kiến. Nhưng vì không có quốc thư, nên Grant không hứa hẹn gì.

Robert Miller (1990) dịch nguyên văn từ nguồn của Thái Văn Kiềm và đoạn diễn văn của Tổng thống Lyndon B. Johnson ở Guam. Nhưng chỉ có một khác biệt Bùi Viện gặp lãnh sự Mỹ tại Yokohama trên đường từ Mỹ về quê hương.

Robert Miller vô tình dựa vào nhân viên ngoại giao của Ủy ban lãnh đạo Quốc gia thời Nguyễn Văn Thiệu viết dùm (1967) một đoạn diễn văn cho Tổng thống Lyndon B. Johnson về sự kiện Bùi Viện qua Mỹ đề Johnson đọc tại Hội nghị thượng đỉnh ở Guam.

Bạn già lênh đênh rằng gần đây có ông Bảo Vân với chi tiết năm tháng hơn:

Tháng bảy năm 1873, Tự Đức thứ 26, Bùi Viện đến bái mạng vua để lên đường sang Nhật, sau đó

vượt Thái Bình Dương đến Hoành Tân rồi sang Mỹ. Đến San Francisco, ông vượt *ba ngàn dặm đường bộ* tới Hoa Thịnh Đốn. Sau hơn một năm trời ở thủ đô nước Mỹ chờ đợi, cuối cùng Bùi Viện cũng gặp được Tổng thống Ulysses S. Grant để xin giúp đỡ chống người Pháp. Vì Bùi Viện không có quốc thư nên phải trở về. Năm 1875, Bùi Viện mang quốc thư sang Mỹ lần thứ hai, tuy nhiên chính phủ Mỹ đã thay đổi chính sách ngoại giao với Pháp nên không muốn giúp Việt Nam nữa.

Bạn già cho hay ông Trần Đông Phong sau tìm ra gốc gác của ông Bảo Vân...

Cứ theo bạn già thì ở hải ngoại, Bảo Vân là cháu Bùi Viện. Ông có ra quyển sách nhan đề *Bùi Viện—Một nhà nho sáng suốt-lối lạc-phi thường* nội dung không có gì mới lạ hơn tác phẩm của Phan Trần Chúc, chỉ thêm một số chi tiết trích trong gia phả họ Bùi ở Trình Phố, Thái Bình. Mặc dù tác giả tham khảo một số tài liệu của Đào Trinh Nhất, Lãng Nhân, Trần Xuân An, Thái Văn Kiểm. v...v...nhưng nhiều câu hỏi vẫn không có câu trả lời. Ngay cả tài liệu trong gia phả họ Bùi cũng chỉ có giới hạn.

Nghe ong cả tai với những nguồn trên, vì theo bạn già có thể nói Bùi Viện được nhiều người viết...nhiều nhất trong những nhân vật thời Nguyễn. Mặc dù rồi chữ tôi rồi loạn tiền đình với họ nhưng cũng huếch là nghe bạn già nói rần trong hang cũng phải bỏ ra. Bạn già cười hích và thông thiên bác cổ

rằng theo các cụ thì “kiến trong hang cũng phải bò ra” vì rắn không có...tai. Nhân chuyện rắn rết, bạn già bò qua “rắn đỏi lại chề nhái què” với người viết nữ Trần Giao Thủy. Bà hay cô Trần Giao Thủy viết rất gay gắt “chê” Thái Văn Kiểm sao không sao lục tài liệu thời Tự Đức để tìm xem chuyện Bùi Viện đi Mỹ có thật hay chẳng? Bởi xưa nay nhiều người viết với thói quen lập lại và trích dẫn những chuyện lịch sử...theo theo thể loại *văn chương tự cổ...vô bằng có*. Như:

Ông Phan Trần Chúc (1907-1946) là “người đầu tiên” viết truyện Bùi Viện sang Mỹ. Ông là nhà văn chuyên viết tiểu thuyết lịch sử, cuốn sách của ông được xuất bản năm 1945 tại Hà Nội (tiếp là cuốn Kho vàng của vua Ham Nghi). Ông đưa ra sự kiện Bùi Viện hai lần sang Mỹ. Lần đầu gặp...“Thông lĩnh” Abraham Lincoln. Nhưng theo lịch sử Bùi Viện lên đường vào năm 1873. Lúc đó Lincoln không còn nữa, vì đã bị ám sát năm 1865. Lần sau, Bùi Viện mang quốc thư sang Mỹ, lại biết Ulysses S. Grant cũng đã chết.

Bởi rồi chuyện Bùi Viện qua Mỹ lần thứ nhất khi gặp Lincoln lúc gặp Grant. Với địa danh lúc ở Washington khi tại San Francisco. Thêm rồi tinh với năm đi mỗi tác giả mỗi viết một khác. Bởi nhẽ ấy bà hay cô Trần Giao Thủy hoá thân thành phán quan...

Phan Trần Chúc mất từ năm 1946, nhà giáo Bảo Vân Bùi Văn Bảo qua đời năm 1998. Tuy nhiên, nhà biên khảo Thái Văn Kiểm, dù đã lớn tuổi nhưng vẫn

còn sinh hoạt văn hoá tại Paris; hy vọng với tinh thần một người khảo cứu, khoa bảng (Docteur-es-Lettres Orientaliste, Paris), ông có thể làm sáng tỏ hơn chuyện Bùi Viện đi Mỹ với tài liệu khá tin hoặc sử liệu từ các văn khố Paris. Mặc dù ông Thái Văn Kiểm đã “hiệu đính” hai lần khi viết lại bài bằng tiếng Việt năm 1970 và 1978 nhưng vẫn không có gì mới lạ.

Hơ! Nghe người Trần Giao Thủy ngữ sử văn đàn thế đấy nên hãi quá thể. Hãi hơn nữa nhớ lại bạn già nhắn nhe rồi chữ tôi là viết biên khảo là làm sự việc rõ ràng hơn, chứ không phải làm rối rắm thêm. Bởi rồi chữ tôi chỉ là người sưu khảo nên chả muốn rối như gà mắc tóc nữa. Thế nên rồi chữ tôi chả dám hó hé ngẫu sự trên với bạn già.

Cái đầu như cục vôi sổng của rồi chữ tôi đang rối tinh thì bạn già ăn vẹt ở mòn cho tới nay, chưa tài liệu nào chứng minh được Bùi Viện qua Mỹ. Vì qua văn khố bộ ngoại giao không có tài liệu về Bùi Viện gặp tổng thống Grant. Vì được một nguyên thủ quốc gia tiếp kiến chẳng phải là dễ dàng và không thể không có những dấu tích ngay từ hàng lãnh sự địa phương như Hồng Kông hay Yokohama. Vì theo các sử gia của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ: Từ 1862 đến 1950 Hoa Kỳ chỉ đặt lãnh sự quán ở Yokohama vào năm 1897 và chưa khi nào đặt tòa lãnh sự của mình tại Hồng Kông, thuộc địa của Anh Quốc.

Với sứ nhà Nguyễn thì Bùi Viện chỉ là tác nhân của sứ kiện.

Hai nguồn tư liệu chính là *Nguyễn triều châu bản* và *Đại Nam thực lục chính biên* đều đề cập đến Bùi Viện. với bút phê và ấn dấu của Tự Đức. Có tất cả 10 tài liệu về Bùi Viện nắm cơ quan đặc trách chuyên chở đường thủy, vì Bùi Viện là quản đốc Nha Tuần Tả. Như *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết Bùi Viện được bổ làm quản đốc Nha Tuần tả năm 1877, chức Biên tu, *hàm bát phẩm sau lên thất phẩm*.

Thêm nữa với chuyện đi sứ thì...

Năm 1866, Tự Đức gửi một sứ đoàn qua Pháp, do Giám mục J. D. Gauthier dẫn dắt, có Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Điều tháp tùng. Tiếp đến nhiều sứ đoàn Việt liên tục qua Hồng Kông, Ma Cao. Điểm đáng ghi nhận là không thấy tên Bùi Viện xuất hiện trong báo trình của các sứ đoàn này, hay bất cứ sứ đoàn nào đi Hồng Kông trước đó như sứ đoàn Nguyễn Tăng Doãn, Nguyễn Hữu Lập, v...v...

Giả sử chuyện đi sứ của Bùi Viện có thật! Theo thông lệ với chuyện đi sứ của nước ta cả ngàn năm trước, thì chánh sứ, phó sứ, đoàn sứ giả đó gồm bao nhiêu tùy tùng? Ai là thông sự (thông ngôn), y viên (y sĩ)? Kết quả chuyến đi có được Bùi Viện ghi chép như Phạm Phú Thứ từ 10 năm trước viết *Tây phù thi thảo* (Bản thảo tập thơ đi sứ phương Tây) và *Tây hành nhật ký* (Nhật ký đi sứ phương Tây).

Ngay cả với tập biên khảo công phu gần đây nhất là *Quan hệ bang giao giữa Việt Nam và phương Tây ở triều Nguyễn 1802-1945* của Chu Tuyết Lan cũng không đề cập đến “sử thân” Bùi Viện. Với những người viết về “sử kiện Bùi Viện”, bạn già cân, đo, đong, đếm đàn ông, đàn bà, Tây, Ta có đủ cả rồi bắt qua các sử gia cận đại...

Về mặt chính sử với *Việt Nam sử lược* của cụ sử thần Trần Trọng Kim không thấy nói đến Bùi Viện đi Mỹ. Ngoài sử gia Phạm Văn Sơn qua cuốn *Quân dân Việt Nam chống tây xâm*, ông viết chung chung, không có chi tiết gì nhiều: Ông Bùi Viện người Thái Bình, đậu cử nhân được cử sang Tàu lo việc thương mại. Tại Hương Cảng, ông giao du với lãnh sự Hoa Kỳ và được giới thiệu gặp Tổng thống Hiệp Chúng Quốc. Sau một năm chờ đợi vì không có quốc thư. Khi trở lại thì chính tình ở đây đã thay đổi.

Đến tao đoạn này, bạn già bóc ngắn cắn dài với cua ốc mùi bùn...

Thêm một huyền thoại nữa do một mục tiêu chính trị nào đó với chuyện người Việt có mặt trên đất Mỹ vào Thế chiến thứ nhất (1914-1918): Ấy là ông Hồ... Theo lời tự thuật của ông HỒ, khi làm việc trên Tàu Pháp, dưới bí danh “Paul Thành”, trong khoảng thời gian 1913-1919 ông đã tới New York, Boston, Philadelphia. Nhưng theo báo Yshi của hội truyền giáo Tin Lành Mỹ, năm 1913-1919 ông Hồ ở Thiên Tân. Pierre Brocheux viết năm 2003 trong *Du*

révoutionnaire à l'icône không tìm thấy dấu tích ông Hồ ở Mỹ.

Rồi chữ tôi há họng hỏi há có chuyện tào lao ấy sao? Bạn già bầu bầu là trong chốn ta bà có nhiều “huyền sử” lắm! Đại thể như mới đây ở ngoài nước với “Hồi ký” của Đại sứ Pháp Jean-Marie Mérilion với *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa*. Hồi ký này của ông Vũ Hải Hồ tức ký giả Trần Trung Quân ở Paris bịa như thật . Bịa như ở trên với ông Yên tử Cư sĩ Trần Đại Sỹ với bài viết với tựa đề dài lê thê *Đi tìm con cháu thuyền nhân 849 năm trước: Nguyên tổ hai giòng họ Lý tại Đại-Hàn*. Ông cư sĩ họ Trần này trước 75 là sĩ quan tình báo Cây Mai. Đột dưng bạn già cười lúng lẳng mà rằng với chuyện “tình báo” thì...Thì không thể không trở lại với chuyện ông Hồ bắt liên lạc với trung úy Kent, sĩ quan tình báo chiến lược OSS. Thế nhưng qua “bút sử” của đại úy Ray Grelecki viết lại thì trung úy phi công Mỹ, Rudolph Shaw, đáp xuống vùng Việt Minh khi máy bay bị hỏng vào ngày 11/11/1944. Chứ chả phải trung úy Kent nhảy dù xuống Cao Bằng cung cấp súng đạn, điện đài và y dược cho ông Hồ.

Năm hết Tết đến, bạn già khua cây gậy chống trời lên..trời rằng phải về cúng ông Táo. Trước khi nhất hữu ly biệt thiên lý tổng tiễn, bạn già lụi đụi thêm chuyện ông Phan Trần Chúc viết ngày Bùi Viện lên đường được vua Tự Đức đích thân tiễn

đưa. Là nhà văn, ông viết rất văn sách để “hành hạ” Bùi Viện trằm luân trong bể phù sinh như vậy...

“Từ biệt các liêu hữu, Bùi Viện cho giương buồm về phía Bắc, vào một buổi sáng quang đãng mà mặt trời mới mọc trời lên mặt nước gợn sóng, không khác một cái đĩa ngọc lớn để nghiêng trên tấm thảm hồng. Sau mười ngày đêm lênh đênh trên mặt bể, vật lộn với gió bão phải đè lên những ngọn sóng to tày đình kế tiếp nhau, nhô lên đổ xuống như có ý hành hạ chiếc thuyền mỏng mảnh mà tay ông chèo lái, ông trông xa đã thấy đất liền, khoảng đất rộng một tia sáng vui mừng trong khối óc đầy hy vọng của ông”.

Vì ông Phan Trần Chúc là...“người đầu tiên” vẽ chuyện “Bùi Viện người đầu tiên tới Mỹ” là chuyện hoang tưởng, hư cấu. Với “hư cấu”, ở đại học Western Connecticut State University, trong bài giới thiệu tác phẩm *Allegories of the Vietnamese Past: Unification and the Production of a Modern Historical Identity* của Wynn Gadkar-Wilcox. Tác giả đặt câu hỏi tại sao người Việt hư cấu chuyện Bùi Viện sang Mỹ gặp Tổng thống Ulysses Grant, dù rất khó tin, để rồi câu chuyện bang giao được phổ biến rộng rãi trong những bài viết về lịch sử của người Việt.

Với bang giao sử Việt, bạn già thân già vác dùi nặng chuyện đi sứ của sứ thần...

- Bùi Viện không có phái đoàn sứ thần chính thức như một phái bộ quốc gia. Vì ông chỉ đỗ...”ân khoa” cử nhân trường Nam Định năm 1868. Sau ông

bỏ làm Chánh quản đốc Nha tuần tải và mang hàm bát phẩm, thất phẩm là chức quan nhỏ. Vì bát phẩm, thất phẩm chỉ hơn cửu phẩm văn giai là chức hàm dành cho dân để mua danh!

- Bùi Viện không đủ danh vị để đại diện triều đình, vì đi sứ thời trước thường là trạng nguyên, đến thời Nguyễn là tiến sĩ như Nguyễn Trọng Hợp, Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản. Có thể vì vậy ông phải giả mạo quốc thư và tự chế mũ áo tam phẩm.

Bỗng khi không, rồi chữ tôi...rồi như cuộn chỉ rối bởi tự mình buộc chỉ chân voi...



Rất ngay tình với bạn đọc, với sách vở tam sao thất bản, thêm các nhà làm văn học chỉ làm to chuyện như lược con trâu cả con trong nồi làm rồi chữ tôi rối loạn tiền đình không phải là ít.

Rồi trí thêm nữa chuyện một ông bạn họ Bùi đang ở thành phố rồi chữ tôi đang ngụ cư, ông bạn họ Bùi cho biết cụ Bùi Viện đi Mỹ là chuyện có thật vì ảnh chụp cụ Bùi Viện ở Mỹ hiện đang lưu giữ tại nhà tù đường họ Bùi tại làng Trình Phố, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Nhìn bức ảnh, rồi chữ tôi cứ rối mắt với cái ghế, cái độc kỷ, bộ ấm trà, cái lộc bình cắm hoa với hoa văn

Tàu tàu. Vì vậy rồi chữ tôi trộm đồ rằng bức ảnh chụp ở...Hồng Kông.

Và để vẽ rắn thêm chân, rồi chữ tôi rầm rẫn với bạn già rằng huyền thoại Bùi Viện người đầu tiên tới Mỹ chỉ là “hiện thực giả, hư cấu thật” và không hơn, thua bạn đọc.

Nghe rồi chữ tôi tu hú với bạn đọc thế...Thế là bạn già cười dín mà rằng theo các cụ ta xưa là “vẽ rết thêm chân”, vì...rắn không có chân. Chả cần vẽ vôi, bạn già mọt sách ăn giấy với *chưa thấy quan tài chưa đổ lệ*, nho nhe là “bất kiến quan tài bất xuất nhân lệ”. Trước khi biệt hữu thiên địa phi nhân gian, bạn già khùng khảng cọ đít nồi...

- Bác không hay ấy chứ...chứ như “theo bước chân phù lãng nhân...*trong cõi ngu lạc trường*” thì năm 1987, nhà xuất bản Văn Nghệ ở miền nắng ấm tình nồng ấn hành cuốn tiểu thuyết của học giả quá cố Nguyễn Hiến Lê nhan đề *Con đường thiên lý* kể chuyện một người Việt tên Lê Kim qua Mỹ trước Bùi Viện khoảng 20 năm.

Cầm cây gậy gõ cộc cộc xuống mặt bàn, giọng cứng đơ như con bửa củi ...

- Con đường thiên lý cũng là...*hiện thực giả, hư cấu thật*. Vì nhà biên khảo, học giả văn hóa cổ đại Nguyễn Hiến Lê của bác đã bóc bạch trong *Đời viết văn của tôi*...

“Tôi dùng hồi ký của tôi và tài liệu về cuộc tìm vàng ở miền Tây nước Mỹ giữa thế kỷ trước để tạo ra nhân vật không có thật là Lê Kim. Để dựng lên chuyện không có thật về người Việt đầu tiên trôi nổi qua Mỹ, theo một đoàn tìm vàng. Khi tìm được rồi thì chán. Chán rồi thì trở về Nam Việt lập gia đình, khai hoang trong Đồng Tháp Mười.”

Nghे cũng chán thật nên rồi chử tôi đành im như thóc ngâm. Bạn già bước ra công Thạch trúc gia trang, tay cầm cây gậy chống trời kéo lê như dất trâu qua hàng rào mang theo bồ chử *văn chương tự cổ... vô bằng có* với dật sử Bùi Viện, người đầu tiên tới Mỹ.

Với tương kiến diệc nan biệt diệc nan, bạn già không quên để lại rô chử *theo bước chân phù lãng nhân... trong cõi ngu lạc trường* với tiểu thuyết lịch sử Con đường thiên lý làm rồi chử tôi... rồi như canh hẹ vì chả hiểu... “trong cõi ngu lạc trường” là cở sự gì?

Thạch trúc gia trang
(viết xong Ất Dậu 2005
viết lại Giáp Ngọ 2014)

Nguồn: Nguyễn Duy Chính, Hoàng Hải Thủy,
Vũ Ngự Chiêu, Phạm Vũ, Nguyễn Thị Chân Quỳnh

Theo khói thuốc...

(tên cũ *Tình giữa*)

Nhằm vào tuổi lục tuần nhi nhĩ thuận viết chuyện tình cũng có hơi trái nắng trở trời. Thế nhưng với ngày trời tháng Bụt, một tôi vẫn gõ chữ để mỡ sớm chuông chiều về những người tình cũ với một thương hai nhớ...Nhớ ra trong ngõ nhỏ thâm u của ký ức lờ mờ như khói, lãnh đãng như sương, một tôi lại...nhớ lộn tên. Vì vậy thêm một lần, bước qua tuổi thất thập cô lai hy, một tôi đành còm cõi trở lại đường xưa lối cũ ngắm chừng xem có *đánh rơi hạt mận bên đường, xuân sau mọc giữa chân thường cội hoa không* (Phạm Thiên Thu) hoặc giả có cỏ hoa lạc lối trên con đường tình ta đi chẳng.

Số là người ta tuổi dậu tuổi mùi, còn một tôi lận đận một đời tuổi thân. Năm 75 miền Nam gợn sóng, bèo dạt nổi trôi qua đây, ngõ yên bờ yên bến, vợ hiền nửa đường đứt gánh. Rồi một ngày *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, chợt hãi hùng hoàng hôn chờ tới*. Thế nên với người xưa năm ấy, một tôi đốt lò hương cũ qua những bài viết ngắn, dài:

Tình cuối với cỏ hoa lạc lối, thề trước bóng đèn hột vẹt, một tôi kỳ óc nghĩ không ra tên một người tình. Số ruồi. Bởi ngõ tình cuối chấm hết như cái chấm than ở...một. Trăm tội ở cái nợ văn chương, số là bạn đọc...nữ nhi thường tình, thường trước là bạn văn, sau hoá thân là...bạn tình. Vì chỉ có một nên đi coi bói để lấy ngắn nuôi dài được chăng. Thầy dạy rằng chỉ lo bò trắng răng, vì sau cuộc tình này còn thêm một hai cuộc tình khác nữa. Thầy làm như có gì suy nghĩ lung lăm rồi chép miệng: “Nghệp rồi”.

Tình giữa với một mai vẫn còn đó, có đó trong ngõ ngách của ký ức, một tôi giữ như chó giữ xương nên nhốt vào cũi ký ức, lâu lâu nhấm nháp quá khứ từng mẩu một. Vì nó được cấy vào tế bào chuyên về khoái cảm ẩn nấp trong da thịt của một tôi. Bao năm rồi, các tế bào ấy vẫn nhắc lại khoái cảm chất ngất trong tôi. Lúc này đóng dày thành những hoài niệm lay lắt trên những trang giấy.

Đất sinh cỏ già sinh tật, chả đợi đến già, khởi đầu từ cái tuổi nhằng nhằng, khởi đi bằng vào một

đồng ba điều Ruby (Queen), một tôi theo khói thuốc tìm thằng bạn nào có em gái, là tìm đến tận nhà để kết thân. Năng nhặt chặt bị thi chạy trời không khỏi nắng, tư vương với tình đầu của bất cứ ai ở tuổi mới lớn thường là...*em bạn* hay...*bạn của em gái* mình hoặc xa hơn nữa bên kia vách tường có...*cô hàng xóm* là hết đất.

Vì vậy một tôi vợ được thằng bạn có cô em gái tên Thịnh, ăn ngay nói thật thì “thịnh” vì từ...“hung thịnh”, nên cái gì của Thịnh cũng thừa thãi, dư thừa đến ngót người, ngộp thở. Thịnh có giọng nói rất Hà Nội, thơm mùi cơm non, một thoáng Tây Hồ thơm mùi hoa sữa. Ấy là một tôi sa đà với chữ nghĩa, cuội gió vờn mây nên hoang tưởng vậy, vì chung bằng ngần ấy tuổi đầu, nào một tôi biết quái gì...giọng nói rất Hà Nội. Tết Trung thu, tôi đến nhà Thịnh, mưa từ đầu phố đến cuối ngõ, với đường mưa ướt đất, một tôi tự hỏi chẳng hiểu sao con đường tình ta đi, mưa nhiều hơn nắng, hay không nắng thì mưa. Thịnh mở cửa, trùng mắt: “Mưa mà cũng đến, ồm đấy”.

Chỉ một chữ “ồm” nhắng nhít không thôi, nhưng đầy âm hưởng, một tôi mê mê, canh khuya đèn tàn dẹt mộng và mơ. Và ở ra mình không mệt cô em bạn ở mùi hoa sữa, mùi cơm non, mà một tôi mê mê cái trùng mắt ra lờm, châu môi ra nguyệt. Mẫn chữ thì một tôi bị cô em bạn hóp hờn ở cái trán dô. Tận cùng của chữ là nghĩa, con người ta đôi khi yêu vì con mắt, nụ cười để khổ cả một đời. Mà cũng lắm

lúc vì yêu cái trán bướng bỉnh, đôi môi dẫu để cuộc đời không biết đi về đâu.

Nghỉ hè, tôi theo gia đình Thịnh ra Vũng Tàu, bữa cơm chiều, Thịnh rình rình dẫu dưới bát cơm những món ngon của lạ, Thịnh háy mắt ra dẫu ngập ngụa những chũa chan mặn mà. Nửa khuya, Thịnh rủ tôi ra bãi trước, ngồi dưới bãi cát nhìn mông lung xa xa, gió thổi man mác, sóng vỗ rì rào. Giữa biển xa bãi vắng, trên trời tối thui, dưới nước tối đen và tôi thì...tối dạ, vì chả biết đong đưa tình tự. Cái tuổi học trò tập yêu, ngu ngơ và...ngu đần như vậy đấy...Về lại Sài Gòn, âm vọng của biển khuya vẫn vạt vờ, lên xuống như nước thủy triều. Mỗi tình cảm của tôi và Thịnh như con đom đóm đêm, lập lòe đuổi bắt, khi chớp khi tắt kéo dài hai ba năm. Một tôi vẫn mò mẫm đi tìm lá diêu bông giữa phố thị ở cái tuổi mới lớn, lá diêu bông như lẩn quẩn đâu đây.

Đang lơ dờ như đom đóm đục vậy đấy thì...Thì một ngày, Thịnh réo tới dự sinh nhật của người chị họ tên Lý, để giới thiệu Lý với tôi. Tôi ngớ ngẩn nhận lời. Mãi đến bây giờ một tôi mới hiểu được các cụ ta dạy cấm chả sai bao giờ là “*có tình thì rình trong bụi, vô tình lúi cúi mà đi*”. Thế nên Thịnh muốn thăm chừng cái tình dấm dớ bờ bụi của tôi có *yêu em đốt cháy cuộc đời, vàng tay khói thuốc vẫn còn yêu em* chẳng. Bởi nhẽ con người ta vì yêu cũng rối trí lắm, nên phân loại tình yêu rối rắm làm năm kiểu cọ: Một là yêu vì mình. Hai là yêu vì người. Ba là yêu cho mình. Bốn là yêu cho người. Năm là yêu vì mình, vì người và yêu cho mình, cho người.

Theo khói thuốc ba đồng bốn điếu Ruby gặp buổi mây chiều gió sớm, trời đất lung liêng, tôi và Thịnh tới nhà để “ăn” sinh nhật Lý, tôi gần như lạc lõng, mỗi người mỗi góc. Gặp Lý không ngoài gật đầu chào, dòm mà không nói, muốn nói cũng không cùng.

Tom tởm tôi hôm sau, điện thoại reo, bốc lên, có tiếng cười khúc khích:

- Lý đây anh.

Tôi như rách giời rơi xuống, một lát sau mới...hoàn hồn và trò chuyện. Cuối cùng Lý thì thầm sẽ gọi lại tối mai (đúng ra tên là Cam Ly, vì sinh ở Đà Lạt). Một ngày dài lê thê, một đêm mất ngủ với mơ trong mộng...Và thót người có tiếng chuông reo, có tiếng cười tinh nghịch, rúc rích như chuột trong cát thóc. Tôi như lạc nẻo đường trần:

- Em là Thu Hà, em của chị Lý. Hôm qua em nghịch anh...

Lần đầu tiên trong đời tôi hẹn hò, thêm một tuần mong đợi, đợi mong và để rồi tôi đã gặp Thu Hà. Chưa bán bịu với chữ nghĩa, nên chẳng biết diễn tả gì hơn ngoài mái tóc thê, áo dài màu mỡ gà, rất áo lụa Hà Đông và cũng từ đó, tôi gần gũi với Nguyễn Sa, bỏ lại đằng sau một Nguyễn Tất Nhiên với cô em gái Bắc kỳ nhỏ nhỏ.

Thu Hà không thích gần đám đông, tôi cũng chỉ muốn ngày đó chúng mình hai đứa, Thu Hà ưa bóng tối, tôi yêu bóng đêm. Với tôi như hủ nút thì chui vào rạp “ci-nê”. Thế là mặc cao bồi, mọi da đỏ bản

nhau chí chát. Trong bóng tối mờ nhân ảnh tôi có được nụ hôn đầu đời mùi ngô non, như một dấu ấn để chẳng bao giờ quên. Ấy là sau này tôi căng óc nặn chữ, vặn óc véo câu cho vặn vẹo với tha nhân. Còn như dấu ấn để mưa thương nắng nhớ là trong tối đen đèn mờ, tôi đè người tình cốm non ra hôn thì Thu Hà nhắm tịt mắt, và cắn chặt răng lại. Được thể hai hàm răng đụng nhau một cái cộp đến ê răng. Vạy mà người tình của tôi thỏ thẻ nũng nịu: “Mới gặp lần đầu đã hôn người ta”.

Tìm về “người ta” qua ký ức tối mù để chẳng quên Sài Gòn một nhớ hai quên với một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa của bóng tối đồng lõa từ Rex qua Eden. Nhất là ở cái tuổi tập làm người lớn với thuốc lá. Theo khói thuốc Salem về lại qua năm tháng: “Sao anh làm em mệt”. (đọc ngược: “Mà em làm anh sướng”). ở rạp Eden...

(...) Nó không nghe được vì phim đang chiếu có tiếng đại bác bắn ì oành...ì oành...

Bỗng em oằn oại:

- Chết mất anh oi...oi...

Tại em chứ đâu phải tại nó. Em cầm tay nó đưa vào rồi lại đẩy ra trong giằng co, bắn loạn. Em buông tay nó ra. Trên lầu rạp Eden chia từng ngăn riêng biệt. Rạp “ci-nê” vắng như chùa bà Đanh. Vì cái ghế lớn hơn người em nên em chườn người xuống như nằm. Em kéo cái “mi-ni jupe” ngắn cũn cõn lên một chút để cả bàn tay nó chui vào. Em

buông xuôi, run lẩy bẩy, thở rốc ra, tay bắt chuồn chuồn như sắp chết đến nơi.

Em thở như người...hấp hối. Năm ngón tay nó thông dong mây mờ vào sâu hơn...mờ mẫm sâu...và sâu hơn nữa...Giờ ạ! Và nó giật thót người vì...Vì...cùng lúc, tay này em kéo nhẹ cái “phệc-mơ-tuya” quần nó xuống, tay kia chui vào. Hơ! Nó ú ớ...Nó muốn “hơ” thêm cái nữa. Vì bụng dạ nó ầm úc quá lắm. Thế là không ổn rồi. Nó thản ra...nghĩ. Vì nó...buồn. Nghĩ thêm một chút nữa... Hóa ra nó buồn...đái.

Vừa lúc trận chiến The Longest Day trên màn ảnh vừa hiện lên hai chữ: “The End”.

Cả hai nắm tay nhau về, em cộc cạch với nó là mắc chứng gì lại dẫn đi xem phim bắn súng đùng...đùng... Nó lại ú ớ nữa vì chính em chọn cái rạp Eden thổ tả này mà. Và nó chỉ biết rằng hôm ấy với phim The Longest Day là...ngày dài nhất của nó. (...)

Nếu mảng chữ trên một tôi có vụng câu, vụng chữ thì dường như hơn một lần, một tôi vụng vẹo với chữ nghĩa viết chuyện tình nên viết thật với chính mình. Trở lại với Sài Gòn hết nắng thì mưa ở thập niên 60-70 ai đấy chả qua khúc đoạn trường sào khô sào ướt trong rạp “ci-nê-ma”. Thảng như ai đó con nhà lành không đa mang *thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn le lói suốt trăm năm* để mất mát cái thú đau thương ấy! Ấy là chưa kể cái khổ nạn không chui vào rạp “ci-nê” để học lóm hôn có hai

thể loại: ngâm chặt mồm lại hay há hốc mồm ra.
Thêm hai dạng: nhắm mắt hay mở mắt.

Với những nhiều sự ấy...ấy là chuyện sau với
cô Tít cười...tít mắt.

Từ đó, hai đũa ngọ lặn trong mê lộ, đầu đó cũng mấy năm, càng ngày càng sâu đậm, càng ngày càng gán bó. Tôi và Thu Hà bỏ lại đằng sau những quán nước bên đường đi tìm những vùng đất lạ, những nơi chốn để đong đầy kỷ niệm, một thời để yêu một thời để nhớ. Tất cả những “mi-ni jupe”, những Eden, Rex. Ngay cả thuốc lá cũng vậy, một tôi một mình về thăm ký ức, ngồi gõ vào trí nhớ để mang vào bài viết không ngoài để đánh dấu thời gian nào đó, ở một cuộc tình nào đấy. Như trên đã bộc bạch, những gì một tôi muốn nhắc tới là một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa của Sài Gòn trong trí nhớ ở cái tuổi dựa cột đèn, mây giăng giăng cuối phố. Mây vẫn bay qua, ngày vẫn trôi đi, ai chẳng có dấu ấn đang ẩn nấp ở một nơi chốn nào đấy theo khói thuốc Capstan về lại ngày là lá, tháng là mây với “Chiếc áo phong sương tình anh nặng”. Mặc dù chả phong sương giải đầu cho mấy, nhưng tình tôi nặng vào một buổi chiều tới nhà thằng bạn cùng lớp chơi. Cổng vừa mở, nó cũng vừa xách xe ra và ào ào:

- Tao phải dọt, mày đưa con em tao đi học dùm.

Tôi gật đầu và cũng vừa lúc Thu Vân từ trên gác bước xuống, Vân có khuôn mặt trái soan, ẩn hiện

một chút nào ngổ ngáo, bướng bỉnh của Thịnh đã đi vào quá vãng. Vân quần jean, áo polo, vừa thoáng thấy tôi, là thót lên xe. Trên xe, tôi nói chuyện về Thu Hà, ý đồ khoe mẽ người yêu “mi-nhon” và “híp-py” của một thời một thuở. Chuyện thì dài, con đường lại ngắn, phải đợi đến hôm sau. Ngày qua tháng lại mưa thương nắng nhớ là mỗi lần tôi thắng chiếc xe Nhật thì ngực cô em gái bạn lại “gây sự” với cái lưng nên tôi phải thắng nhiều hơn. Một lần trên đường về, thắng xe ở cổng nhà Thu Hà có chuyện gì đó không nhớ. Chỉ nhớ Thu Hà vừa thấy Thu Vân vênh váo ngồi trên xe đợi.

Thu Hà lừ lừ đi tới và phay một câu:

- Cô là ai ?

Vân trừng mắt, hất mái tóc lên .

- Em họ có được không?

Lâu ngày chày tháng thì tôi đến với em bạn cũng lâu lắm rồi, ở cái tuổi chanh cơm (11 hay 12 tuổi), cùng những vụ vợ, vụn vặt. Như con chuồn chuồn, khi vui thì đậu khi buồn thì bay, một ngày vừa “đậu” xe trước cửa nhà, bà cụ Vân bước ra, đon đả:

- Em nó đi Châu Đốc, anh rảnh xuống chơi với em.

Ngay tối hôm ấy, một tôi ngồi trên chuyến xe đò đêm, vừa bước vào cổng đã thấy cô em bạn, trong bộ đồ ngủ hoa cà, đang ngồi nhặt rau ngoài sân. Thấy tôi, Vân ngẩng đầu lên, khuôn mặt tươi roi rói: “Anh...”. Buổi sáng hôm ấy, nắng thủng thỉnh, mây

lang thang, hai đứa ra vườn lùa gà, cắt tiết, nhỏ lông. Tiếp, vừa ăn vừa chuyện trò miên man.

Buổi tối trước khi về Sài Gòn... Vân nằm trên giường, tôi ngồi bên cạnh vun chuyện này chuyện kia. Tôi ngồi như cú dòm nhà bệnh và bắt mạch bằng cách nhè hỏi con bệnh có người yêu chưa. Vân mắt giương như mắt ếch nhòm tôi lắc đầu. Chả hiểu trời sui đất khiến thế nào tôi cúi xuống hôn nhẹ lên trán con bệnh. Trên xe đò, một tôi để hồn đi hoang với câu thơ của người Thanh Tâm Tuyền *ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới*. Mặc dù chưa ôm, chỉ hôn phớt lên cái trán...dô thôi, vậy mà một tôi đã lặn đạn với những ngày đong đưa sắp tới, bởi sắp: Vương nghiệp rồi.

Mười năm sau có hơn, tôi dẫn Vân đi coi tử vi, giữa con đường Nguyễn Phi Khanh là nhà Thịnh, gần đầu đường này là nhà thầy bói mù Ba La. Thầy dậy không làm đám cưới ngay thì...tiền dâm hậu thú. Nghe hãi quá thế nên ngay năm ấy một tôi có...vợ.

Từ Châu Đốc về Sài Gòn, thoáng chốc một tôi là người lớn lúc nào không hay...

Nhằm vào cái tuổi sinh làm thế kỷ với tuổi trẻ phải làm một cái gì. Chưa biết làm gì cho ra hồn, một tôi ngồi đồng ở quán cà phê cái đã. Lúc này một tôi tóc tai bù xù, mặt mũi mệt mỏi ra dáng bưng trải qua những cuộc tình thuộc thể loại *làm sao em biết bia đá không đau*. Nói dối phải tội chứ, với

những cuộc tình bỗng không hẹn mà đến, rồi đột dung bỏ đi mất tiêu. Ất vì chúng nào tạt nẩy của một tôi gặp thì băng khuâng, yêu thì băng quơ nhưng một tôi chắc mẫm *ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau*. Vì vậy ngày ấy một tôi ngất ngư với dòng nhạc lười biếng cỡ...đại bác đêm đêm vọng về.. Với những âm hưởng này, một tôi đến quán với một chút "cát bụi" cùng...đàn bò vào thành phố. Cứ vậy, bập môi kéo thuốc nhả khói, mà phải Bastos xanh để *một ngày như mọi ngày, đời nhẹ như mây khói*. Một tôi cứ thể trầm ngâm thiêu đốt cuộc đời, đốt cháy thời gian. Thế nhưng một tôi chưa đủ..."trình độ" vãng lai tới những quán Broda, La Pagode, Givral có những Jean Paul Satre, Albert Camus da vàng mũi tẹt đeo kính cận vuông đời mỗi to tổ bố, ngâm ông vố dài ngoằng và ngồi đồng luận về thuyết hiện sinh hay dẫn thân...vào cái tách cà phê sữa to bằng cái bát ăn cơm. Đến năm tao bảy tiết này, thì...

Thì một tôi gặp một người con gái ngang tuổi tên Đương, tính cũng...ngang ngang, rất hiện sinh với buồn nôn và phi lý. Số là một tôi đang bát phở trên đường Catinat, là đang đi bên lề cuộc đời nhìn vào đám đông để *hãy nhìn anh thật rõ, trước khi nhìn đám đông, hãy nhìn sâu chút nữa, trước khi vào đám đông*. (Nguyễn Tất Nhiên) Vừa lúc qua cửa kính của La Pagode, đập chát vào mắt một tôi là một Simone de Beauvoir da vàng mũi tẹt, tóc "demi-garçon". Dòm kỹ hơn xem *em có nhìn thấy anh không, trong đám đông*, hoá ra Simone de Beauvoir/Đương là chị của cô em...bạn của em gái

tôi. Nhưng đó là chuyện sau ở khúc cuối...cuối một chuyện tình.

Ngồi quán cà phê cuối phố miết một tôi quên Vân hồi nào không hay. Sau đó như rấn ôm cây, ôm đôm cô Tít lúc nào cũng cười...tít mắt. Để thành chuyện

Chuyện cứ như thật như ở trên một tôi đã luộm thuộm: Tình đầu thường là cô hàng xóm bên kia vách tường nhà mình. Nhưng đây lại cô hàng xóm nhà thằng bạn. Và còn thật hơn nữa như các cụ ta xưa có câu ca dao *đợi đến ngày mai, dòm sang kẻ liếp* là dòm thấy cô lảng giềng đang...tắm. Chuyện của một tôi một ngày tới nhà bạn chơi, hai nhà cũng cách nhau một mảnh liếp nửa thật. Bất chợt nghe tiếng ho âm ừ...Tuông bở, bèn nhìn mảnh liếp xem các cụ dậy có đúng chẳng. Hoặc giả như cụ Hoàng Cầm cũng qua cánh liếp *tình tình ơi chớ động mảnh thưa, bờ ao sáo tắm bao giờ...hả em*. Nhưng chả thấy tắm tấp gì sất cả mà lòi tói ra mảnh giấy cuốn tròn bằng đầu đũa.

Thề nói láo ông táo đội nồi cơm, đang ngồi gõ những dòng chữ này một tôi mới nhớ ra tên thật cô. Và nhớ rập Văn Hoa vì người Nguyễn Đình Toàn làm thơ đầu đời *lần đầu ta ghé môi hôn, những con ve nhỏ hết hôn kêu vang* để nhớ đời khi một tôi lấy hai bàn tay...“vặn” xoay đầu cô 90 độ để hôn. Cái đầu bị vặn quay sang mắt mở to như mắt rấn ráo và há hốc mồm không biết chuyện khi gì sảy ra. Từ đó một tôi trộm hiểu không cứ hôn là...nhắm mắt. Và

hiều thêm chả chuyện tình nào cũng ngon cơm... Vì gần đây mới hay cô Nhỡ (tên thật là Chính) chị của Tít cũng mê tôi tí thò lò. Vì Tít cứ cười tí nên tôi mê tí, ...để hai chị em giận nhau. Cũng vì tính một tôi lêu bêu gặp thì bâng khuâng, yêu thì bâng quơ nên chỉ mấy năm sau một tôi cũng quên ngay cô láng giềng của Nguyễn Bính *giá đừng có đậu mừng toi, thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng*. Nhưng cũng may, vì cô mà tôi xuyết tí nữa *rớt tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con...* nhằm vào người Mỹ có mặt ở thập niên 60, theo khói thuốc Pallman với ngày tháng đáp đối “Phải anh là lính mời anh lên liền” (hay “Phòng anh lạnh lẽo, mình anh lạnh lùng”)

Sau đám hỏi, trước đám cưới với Vân đầu đó cũng ba bốn năm. “Vì cây dây quán” tôi lại quán quýt với *em tan trường về, đường mưa nhỏ nhỏ* để đa mang với người yêu nhỏ bé tên Ngà, với cái thú đau thương vụng trộm, day dứt khôn nguôi. Ngà là bạn em gái tôi, đến nhà hàng tuần để học thi, thoáng gặp có đôi mắt buồn vời vợi. Lâu lâu tôi chỉ cho cô em và Ngà về toán như hai đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau.

Vậy mà gặp nhau ở phòng ngủ, tôi bước vào, Ngà đi ra, hai đứa...ôm chầm lấy nhau. Tiếp đến là màn “toát mồ hôi lạnh” như phim “ci-nê-ma” của Alfred Hitcock vào thập niên 60 là giằng co, giãy giụa,...vật vã trong cơn nín ròi...vật nhau ngã lên

giường. Đến trần ai khoai củ này, một tôi vụng câu, vụng chữ trang trải trên giấy khô mực nẻ...

(...) Hồi nhớ lại, gã nhớ như in là cô nằm dài ra giường, hai tay dang ra bị hai bàn tay gã áp chặt. Cô nằm thênh thang trên giường và nhắm mắt. Cái im ắng của căn phòng, sự im lặng của cô như đồng lõa. Tất cả trôi qua trong thoáng giây. Hồi nhớ lại, gã nhớ như in là cô nằm dài ra giường, hai tay dang ra như chúa Giê su bị đóng đinh trên thập tự giá. Chỉ khác một nhẽ chúa Giê su bị dán chặt lên hai thanh gỗ dựng đứng, còn cô nằm trải dài trên giường. Cái im ắng của căn phòng, sự câm lặng của cô như đồng lõa. Nếu như có ai đẩy hỏi gã chuyện gì đã xảy ra. Gã chỉ biết u ơ rằng là tại... cái cúc áo ngực. Cái cúc áo bị tuột ra khi giăng co vật lộn phơi bày một khoảng ngực lồ lộ và cấu vào mắt gã là một nốt ruồi son. Theo tiếng gọi của cái nốt ruồi, gã... “ngoạm” nguyên trái chanh mọng nước ngập của chua trái đắng. Trong khi thân xác này úp lên thân xác kia. Và gã vẫn mặc cái quần “dra-gông” không cần ủi cũng thẳng nếp. (...)

Chuyện nào khác gì một tôi nằm cái tuổi lông ben, trứng cá gặp nữ thập tam (nam thập lục) ở trại di cư Tân Chí Linh đầu đó gần ngã ba Ông Tạ.

(...) Một ngày Còi chạy ra cái cầu gỗ của ao cá tra đề... đi cầu thì đâm sầm vào “gái thập tam” thế là quen... đề thành chuyện. Cô em gái Bắc Kỳ của Còi thân hình như con cá trắm, da bánh mật, lông mày đậm, môi dày cong cớn dẫu lên như con cộp cộp.

Con gái gì mà nghịch tinh như con trai, chỉ thích vật nhau với Còi ở trên cái chõng tre. Một lần hai đứa nghịch nhau, cắn nhau, véo nhau, cái nan tre ọp ẹp, rung rung kêu “cọt...cọt...”. Rồi hai đứa đề lên nhau giống hai cái thìa úp, lăn qua lăn lại, cái cúc áo tuột ra...Lạy Chúa tôi! Lần đầu tiên Còi mới thấy cái của nợ của cái Sứu còm cộm cứng như mo nang, trắng hếu, trắng như éch lột. Còi thề với “đức Chúa giời có ba ngôi” là: Không có chuyện tòm tem. Mà nếu có muốn Còi cũng chẳng biết tí tóay ra sao. (...)

Trở lại với Ngà, thêm một lần gặp thì băng khuâng, yêu thì băng quơ nên một tôi va chạm đến nỗi niềm *nếu như trời không mưa, có ai cần tôi đưa...* Hình như ở một khoảng thời gian nào đó, mỗi người mỗi hệ lụy với một dòng nhạc của ký ức, cái gạch nối của một quãng đời đứt đoạn cùng những tiếc nuối...Bằng vào buổi tôi đám cưới của Ngà, nằm nhà một tôi vật vờ với *những tà áo cưới tiễn em đi...em đi lấy chồng*. Em gái tôi cho hay Ngà lấy một người cũng tên Hùng với ả dụ, ả ức nào đó.

Đến tao đoạn này, một tôi phải “ả dụ” qua một chuyện tình khác. Chả là chuyện tình nào đó viết rồi, cất kín, nhưng cũng bị vợ sau vớ được và...đọc ngẫu nhiên và sau đó...ngiên cho một trận. Thêm gặp Đương với hiện sinh, hiện thực, lại ngang tuổi, ngang ngành. Vì vậy một tôi vay mượn cô làm hình nhân thế mạng cho Ngà:

(...) Cô trở ra, cả hai đứng trong vòm cửa bé con con. Tôi với cô đứng sát nhau, nắng hắt qua

song sắt, đồ những vệt dài trên áo, như xé cô ra làm hai, ba mảnh. Tôi thoáng bắt gặp một chút bụi trần vương mắc trên áo cô, ẩn dấu dòng luân chuyển của thời gian, bánh xe quay vòng của đời thường với...ngày mai: Ngày mai hạ đến, thu sang, đông tàn...và xuân tận chẳng trở về. Trong một khoảnh khắc, cô bần thần và bịn rịn nắm tay tôi. Tôi tự hiểu, đó là cái nắm tay của quá khứ lâu ngày không gặp lại.

Đề rồi với thoáng buồn, cô nói...Tôi nghĩ cô muốn gửi gắm nỗi niềm nào đó:

- Mà biết không. Tao lấy chồng vì...mày.

Rồi cô ngập ngừng:

- Tao lấy thằng chồng này chỉ vì cái tên...Hùng.

(...)

Từng ấy chuyện cỏ hoa lạc lối cùng những chuyện tình. Một tôi lếch thếch với chữ nghĩa qua những trò ma tịt, ma bùa...Thế nhưng một tôi láo ngáo, lớ ngớ ở cái tuổi bập bập thuốc lá để tập làm người lớn. Vậy mà lớn rồi chưa hề biết nói: “Anh yêu em”.

Thêm gặp Đương, một Simone de Beauvoir với buồn nôn, phi lý của La Pagode.

(...) Lên đề nhất, cô hay nói chuyện phi lý với buồn nôn, thực tình tôi chả biết cô nhúm đầu ra mớ hiện sinh hỗn độn này. Chỉ biết mỗi lần cô nói, khuôn mặt đỏ đẫm, man dại nên tổn thuốc lá của tôi khá bộn. Mây vẫn bay, ngày vẫn qua đi đến bây giờ tôi vẫn nhớ là ngồi trên sân thượng, dòm tôi gõ gõ

điều thuốc, cô nói: "Mày hút được. Tao hút được". Tôi châm cho cô điều thuốc...Dòm cô bắt cần đời, mắt lim dim, ngửa mặt lên trời nhả khói i xì như...Francois Sagan đầy hoang dã, hoang đời trong...hoang lạnh. (...)

Như ở trên một tôi vắn chữ véo câu, yêu có 5 thể loại lung tung trống kèn với yêu cho mình, yêu vì người, v...v...Thì chuyện tình cũng sống đèn dầu, chết kèn trống với tình chết, tình ngắc ngoải, v...v...Nay với Đương thêm "tình vờ" như hồ ly tinh trong cổ thư Liêu trai chí dị hay với tân hình thức, hậu hiện đại hôm nay là "tình nháp" là yêu thử. Thế nhưng chả như người thơ Hàn Mặc Tử với *người đi một nửa hồn tôi khoái, một nửa hồn kia hơn hử cười*. Bởi chung cô yêu tôi...thật trong ngày cưới của tôi mới đau...

(...) Gặp ngày lành tháng tốt, tôi lấy vợ để ông cụ tôi có con nối dõi tông đường. Trước ngày cưới một tuần, gần như sáng đêm chiều tối, cô có mặt ở nhà tôi, lo sắp xếp cái này, thu vén thứ kia như một người trong gia đình. Ngày đám cưới cô đến, tôi lặng người. Vì rằng chuyện này, sau họ hàng hang hốc có lời ong tiếng ve...

Vì quần áo của cô giống y hệt cô dâu, từ vải vóc đến màu sắc cùng kiểu cách, chỉ thiếu...cái khăn hồng hậu. Đi ngang qua mặt tôi, cô nói nhỏ:

- Tao là người tới trước.

Tôi hiểu câu nói ấy. Giữa đám cưới cô bỏ về sớm. Em cô nói lại hôm đó, cô hút thuốc lá và uống

rượu hơi nhiều. Và thêm: “Vớ anh, chị em tông tộc làm sao ấy”. (...)

Tới Mỹ, đến một ngày, thêm một ngày cho quá khứ...

(...) Trước 75, nhà tôi có mang khoảng bảy tháng. Qua Mỹ, hai tháng sau tới ngày sinh bốn lúc chưa có chương trình giúp đỡ cho người tị nạn. Vào nhà thương nằm chờ đợi thẳng bảo trợ chạy đơn chạy đáo để làm giấy tờ. Đến tom tòm tôi về lại nhà thương, nhân viên văn phòng đợi sẵn và nói... “OK”. Tôi hiểu ngay đơ là mình đã có...con rồi. Đến tiết mục họ hỏi đặt tên con. Vì cả ngày chạy tới chạy lui mệt khờ người, lại bối rối như sư đẽ vì tiếng Tây tiếng u nên tôi...nhớ tới tên người xưa. Lát sau nhà tôi hỏi: “Anh vẫn nhớ Thu Hà?”. Thôi thì cũng đành gật đầu. (...)

Bốn tháng sau, cháu Thu Hà mất trong giấc ngủ...giấc ngủ dài của trẻ thơ. Hơn mười năm sau nhà tôi đi vào cõi vô cùng. Dẫn con gái út lên thăm mộ mẹ và chị, cháu ngây thơ hỏi: “Bố ơi, Thu Hà là ai?”. Vậy là một tôi đã “chôn” cái tên Thu Hà ở ngoài nghĩa trang. Một ngày không có mây sao có mưa, Thu Hà đội mồ chui lên và gặp lại một tôi. Một Thu Hà ngày nào với “mi-ni jupe”, với nụ hôn đầu đời ngày nào. Một tôi chớ phở ra tên “cúng com” của Thu Hà là...Cẩm Hà.

Sau này đôi khi một tôi ngẫm nguội sao là Thu Hà mà không là Ung Thị Ngà. Vì sau 75, tôi lâu lâu lại nằm mơ tới người con gái có nốt ruồi son, có nỗi buồn u uẩn. Sau khi Vân, nhà tôi mất. Tôi hoang tưởng một ngày nào đó gặp Ngà ở phố thị. Trong giấc mơ đêm, qua giấc mộng ngày với Ngà, tôi như Tú Uyên đi tìm Giáng Kiều qua tranh. Để rồi tôi đã gặp lại “hình bóng” Ngà qua cô bạn học của Ngà. Ấy là năm 2015 ở một đám cưới. Ngồi cạnh tôi, cô nói nhỏ: “Anh Hùng có con rơi với Ngà”. Cô đây là người đàn bà có khuôn mặt chữ điền của đàn ông nên những mẫu người này thường có cung cách nghiêm nghị, ít cười nói. Nhìn khuôn mặt nghiêm túc của cô một lần nữa, tôi không nghĩ cô đùa. Vì cô còn cho biết con của Ngà và tôi là con trai, tên với chữ đầu là: “H...”.

Nhưng tôi không cho là thật. Vì cái ngày “toát mồ hôi lạnh” như phim “ci-nê-ma” của Alfred Hitcock ấy: *Tôi vẫn mặc cái quần “dra-gông” không cần ủi thẳng nếp.* Bỗng dưng tôi chợt thèm một hơi thuốc, tôi muốn ra ngoài gậm nhám ký ức, từng mẫu một...

...

Bước ra ngoài tiệm ăn của đám cưới, đứng dưới tàng cây “Màu cây trong khói” của Hồ Dzếnh, tôi đốt một điếu thuốc để nhớ “*người” châm điếu thuốc, khói huyền bay lên cây* qua đôi mắt lơ đãng, xa vắng để lại đằng sau là khoảng không vắng xa, vời vợi...

Và tôi gậm nhấm ký ức, từng mẩu một...theo khói thuốc cùng nhang đèn hương khói về lại dưới mái chùa xa biên biệt ở đâu đó có bộ áo nâu sòng: Ở đây tôi có người yêu đầu tiên tên Hường hơn tôi hai tuổi khi tôi biết yêu ở tuổi mười hai. Người yêu đầu đời mà qua một bài viết tôi đã lụiụi: “Nay tuổi đời còm cõi, tóc bạc da mồi, thả hồn về cõi hư không *ai khóa áo nâu sòng, ai chân trời biên biệt, tên ai còn tha thiết, trong tiếng chuông chiều đưa* “ (Du Tử Lê). Khi Hường xuống tóc gửi thân xác vào nhà chùa đã lấy pháp danh chữ đầu là “Diệu”, chữ sau có mẫu tự đầu là “H...” tên tôi. Theo tôi với một dài hai ngắn, cũng như Nga, Hường ngập chìm trong tục lụy: *đêm đêm tôi nhớ khuôn mặt cũ, và thấy trong kính đủ bóng hình* (Du Tử Lê).

Bỏ nước ra đi...sau khi nhà tôi mất, gặp bạn cũ trường xưa nên nhập hồn nhập vía vào chữ nghĩa. Khởi đầu là viết thư tình. Từ đó một tôi kỳ óc ra viết truyện tình, viết hùng hục như trâu húc mả hết *Tình đầu*, tới gõ chữ lộp bộp như gà mổ mo đến *Tình giữa* và ngơ ngác như bò đôi nón tới *Tình cuối*. Chuyện viết thư tình như thế này đây:

Một tôi tới tuổi theo khói thuốc với khói lam cuộc tình, gặp cô Tít cười tí mắt xém nữa rớt cái tú đon, rồi chả hiểu sao cuôm đượ cái tú kếp. Thế là một tôi xuất dương tầm sư học đạo, mang theo hai quyển cổ thư để viết thư tình: Ấy là *Thơ Nguyên Sa* với *Paris có gì lạ không em, mai anh về mắt vẫn lánh đen....* Và *Đời phi công* của nhà văn Toàn

Phong Nguyễn Xuân Vinh qua những lá thư tình bắt đầu với tên: *Phượng*. Đến tay một tôi hết *Thu Vân yêu tới Tít em*, rồi quay lại với *Thu Hà yêu và* ngừng lại với *Đương*. Đúng là bị giới đầy ở *Ga Lyon đèn vàng cầm tay em muốn khóc*, nên viết mỗi tay muôn...khóc luôn. Vì ngày ấy chưa có máy “phô-tô-cop-py”, vì vậy một tôi phải viết bốn cái thư giống in hệt nhau từng dấu chấm, dấu phẩy chỉ khác...cái tên.

Từ tình đầu, đến tình giữa, tới tình cuối về lại với năm tháng qua những trang giấy cùng một thoáng u uẩn, u hoài qua 50 năm thì ngắn, nhưng với nửa thế kỷ lại quá dài...

(...) Tôi thoáng nghĩ viết chuyện tình nên dùng tên thật, nếu không sẽ mất đi những hoài cảm, chân tình vì đấng nào cũng một lần, thành thực với nhau, thành thực với chính mình: Tất cả đều đã ở cái tuổi bóng ngả đường chiều, một mai tóc đã điểm sương, con đàn cháu đông...Nếu ai đấy, ở một góc trời nào đó, gần cũng như xa, âm hưởng được những giấy khô mực cạn này hãy hiểu dùm tôi là, không phải bây giờ mà mãi mãi, cho suốt những ngày tháng còn lại, tôi vẫn nhớ, vẫn thương và vẫn yêu những người tình cũ của tôi. Hồi em yêu dấu...Hường, Tít (Thức), Thịnh, Thu Hà (Cầm Hà), Ngà, Đương, Châu, Nam, Hạnh lớn, Hạnh nhỏ, Hậu...hãy nhận cho tôi như một lời tạ lỗi, ai cũng một lần với muôn nghìn chữ nếu, như định mạng đã an bài. (...)

Ngay lúc này đây, bóng dáng những người tình được xem như không thiếu một ai. Vì u uẩn lại muốn thêm vào một cái tên: “Hạnh trẻ thơ”, người đã nằm xuống mộ sâu.

Hạnh trẻ thơ không phải là người tình. Nhưng tôi muốn đốt nén hương lòng cho một người nằm xuống, người đi qua đời tôi. Hạnh không yêu tôi. Tôi không yêu Hạnh. Chuyện là những ngày ở Hà Nội, hai gia đình hứa hẹn gả bán với nhau. Vào Nam, tôi vẫn thường tới nhà Hạnh biếu xén trong dịp tết nhất. Ngày ấy Hạnh có mái tóc "búp-bê" Nhật, má lúm đồng tiền, mỗi lần gặp tôi là lý lắc, sáng sẻ. Ngày tôi đi Tây, Hạnh ở nhà tôi hai ba ngày để mua cái này sắm cái kia để đợi một ngày võng anh đi trước, võng nàng theo sau. Năm nào không nhớ, ông bác Hạnh qua Mỹ ghé nhà báo cho tôi hay sau 75, vì cùng quản nên Hạnh, người đi qua đời tôi, đã tự tử. Hôm ấy, tôi nhớ nhìn ra vườn, đất trời mang mang, âm hưởng đâu đó dòng nhạc *người đi qua đời tôi, vàng xưa đây dẫu chân, đen tối vùng lãng quên, đường xưa đây lá úa*.

Với “đường xưa đây lá úa, vàng xưa đây dẫu chân” có Vân, nhà tôi, và Ngà, nghe nói dường như cũng đã nằm xuống mộ sâu. Nay thêm Hạnh, ai nấy đã theo nhang khói trong một cõi đi về *đã đi đã đến cuối trời, đã về như vẫn luôn đời đã đi*. (Bùi Giáng)

Chuyện là ai đó trước khi có hiện tại đều có quá khứ, quá khứ nhiều lúc muốn cõi bỏ không phải là dễ. Vì vậy trong những tối như đêm, dày như đất, một tôi vẫn thường u hoài về những người tình cũ. Với tuổi già cảm cảnh cùng ngày trời tháng Bụt, một tôi để hồn đi hoang viết lại...Viết lại nữa để mờ sớm chuông chiều về một ai với mưa thương nắng nhớ *lá rơi hàng xóm lá bay sang, vàng bay mấy lá năm già nửa*. Đến tuổi tóc bạc, da mồi, một tôi lại viết thêm...Viết thêm cho trọn vẹn chuyện tình về một ai mà chớp mắt chỉ là giấc mộng *lá bay tường bắc lá sang đông, hồng bay mấy lá năm hồ hết*. Nói cho ngay một tôi lang thang với chữ nghĩa viết để dối già. Viết cho tuổi vắng gió điu hiu với ngày là gió tháng là mây, theo mây trời quan hoài với một ai *đời xin có nhau...dài cho mãi sau, nắng không bị sâu, áo xưa dù nhàu...cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau...*

Ấy vậy mà chưa kịp “bạc đầu gọi mãi tên nhau” lại dằng dênh tới chuyện nằm ở một khúc một nào đó đã bương trôi theo các cụ ta xưa *chồng chị là ai, chị nào có biết, đợi đến ngày mai, dòm sang kẻ liếp*. Hoặc ở một đoạn một nào đấy với cái nợ văn chương, một số là bạn đọc, trước là bạn văn, sau là bạn tình nằm trong tình cuối. Theo khói thuốc vương vẩn từ ngày một đồng ba điếu Ruby gần đến tuổi chín tầng mây mười tầng trời này, đếm số nợ đời nếu in ấn thành sách cũng co cụm được mấy trăm trang.

Mười năm sau, cũng vẫn ở chỗ cũ, tay điều thuốc, tay ly rượu. Một tôi ngồi rì mọ đọc lại dăm trang giấy cũ đã vàng ố để đi tìm thời gian đã mất. Cho đến lúc bóng ngả đường chiều phủ lên vườn nhà, nắng quái chiều hôm chụp xuống tuổi vàng bay mấy lá năm già nửa. Một tôi nhẹ dần theo mây khói với ngày qua tháng lại, không còn biết mình đang ngồi đây hay là mây đang bay trên trời cao trong những ngày nhạt nắng...

Trúc gia trang
Quý Mùi 2003



Sư tâm đệ tử nan

(tên khác *Đệ tử tâm sư dị*)

Hà Nội mưa bụi lát phát, đầu đội mũ "bê rê"...đội mưa từ nhà ở phố chợ Đuôi, một tôi lang thang qua nhà Máy Diêm có hàng cây sấu cao nghêu dẫn tới...Tới làng Đồng Nhân, nhảy ùm xuống cái ao trước cửa đền Hai Bà Trưng. Số rệp, một tôi được...Hà bá ới. Nhưng nhờ có cứu *nhơn* phù trợ với "nhơn" là người, bỗng có người nhảy ào xuống túm tóc kéo lên. Người nói trước đã có một nhô tì ngòm cù tì ở đây, nên người leo lên cành cây vươn ra ao ngồi đợi... Sau tử vi của một tôi có ghi chép với số rệp, tôi thoát chết đuối hai lần. Nghiệm lại y chóc.

Tiếp đến lọ mọ tới Văn Miếu, đến tuổi khọm này, với cái đầu đất, một tôi nặn óc nghĩ không ra mười tuổi tới cửa Khổng sân Trình làm khi gì! Ấy là chưa kể tới tuổi thất thập cổ lai hy vẫn chưa chịu biết ông Trình là ai. Cứ ngỡ là ông...Trình Giáo Kim đánh ba búa là chạy mất đất. Cũng có thể lạc quẻ vào đất văn học nên số ăn mày bị gậy phải mang, với thời lai đồ điều thành công dị, một tôi bút một túi,

giấy một túi...lúi húi với chữ nghĩa chẳng? Lấy ngắn nuôi dài với tín tại thư bất như vô thư, bạn đọc...đọc “*Su tầm đệ tử nan*” này muốn hiểu sao thì hiểu. Nói theo Kim Thán Thán cùng quê với ông Không Khâu ở đất Trâu: “Ban đêm hình như cảm thấy có người nào đó ở xa nghĩ tới thăm mình, sáng dậy ngó vào trong phòng, thấy đúng người đó đang ngồi ở bàn đọc cổ thư “*Su tầm đệ tử nan*”. Thấy mình vô, người đó lặng lẽ vái, kéo tay áo bảo ngồi rồi nói: “Bác đã tới đây thì thử đọc cổ thư này đi”. Rồi cùng nhau đọc, cho đến khi ánh mặt trời đã biến hết. Mình thấy đói, hỏi khách: “Bác cũng đói chứ? Chẳng cũng khoái ư?”

Trở lại với cái số...số là hôm ấy đang co cò còm như cò gập mưa qua tháp bút cạnh hồ Hoàn Kiếm. Một tôi gặp *su tầm đệ tử nan* ngay đấy, ông ngược mắt gọi một tôi lại.

- Cậu trốn học, ngồi xuống đây tôi xem cho một quẻ.

Tôi ngồi chồm hỏm nom dòm ông sì sụp gieo quẻ với hai đồng trinh, và gà gương...

- Cậu thông minh nhưng lười.

Ông xoi xói như thầy bói múc canh...

- Sau này nếu cậu theo ngành võ thì như đức Tả quân Lê Văn Duyệt. Theo ngành văn có dây mơ rễ má đến điền trạch, điền thổ.

Một tôi háng nghe chả hiểu khỉ mồm gì. Vì mới bằng ngần ấy tuổi chữ nhất bẻ đôi không biết, đào đâu ra chữ để hiểu ba mớ điền trạch với điền thổ với

đức Tả quân. Mãi đến năm 72 mới ngộ ra và chịu thầy. Chạy trời không khỏi số là đang học vẽ nhà cửa, đụng mùa hè đồ lửa bị gọi đi lính. Ra trường đeo hai cái quai chảo trên cổ áo, được biệt phái về ty Điền địa Gia Định. Khi rày, đi làm qua lãng Lê Văn Duyệt, trong cái tâm thái gái lơ thì gặp quan tri goá vợ, một tôi ăn cơm mắm ngấm về sau tìm lại hình bóng ông thầy bói cùng u hoài xa vắng...Vắng xa thì ngày ấy ông kheo khảy thêm mà một tôi tin như thật mới đau! Vì ai biết quan mót đá mà hạ võng:

- Cậu có giác quan thứ sáu, nếu theo bói toán cũng hay...

Sau hoài cô nhân về ông thầy bói ấy, một tôi tự hỏi lý sự gì ông biết tôi trốn học. Vì ông mù...trông thấy. Lại nữa, là học trò túi rỗng tuếch, ông bòn véo gì ở thằng oắt tì. Tuy nhiên, không ít thì nhiều ông thầy bói mù đã khai tâm, khai ngộ cho một tôi về “bói toán” như lũ ấu học đầu để chỏm học *Tam tự kinh* với “*tiền trước hậu sau, thức biết tri hay, dị dễ nan khôn*”. Với *tiền trước hậu sau* để có tiền duyên hậu kiếp và *dị dễ nan khôn* để có sự tầm đệ tử nan hoặc đệ tử tầm sư dị. Sau này một tôi rong ruổi chữ nghĩa trong cõi nhân gian qua cái duyên bói toán, như người tình khói thuốc mê hoặc đến mục người để có bài tản mạn dưới đây. Với bói toán, học thói thầy Trang Tử: “Con cóc ngồi đáy giếng làm sao biết trăng sao trên trời, con bướm không sống qua mùa đông, làm sao biết hết được chuyện đời nó”. Tiếp đến nhàn tản ri mọ với “Sớm mai đánh bệ trước

thềm - Đứ đừ phun khói thuốc lên tận trời - Hãm một ngum trà khô mộc thảo - Hồn bay lên một cõi trời mây” (Nguyễn Sa) về người muôn năm cũ bên hồ Hoàn Kiếm, người tản mát đầu đây qua giấy khô mực nẻ mà hồn năm xưa đã biến biệt...

Bạn đọc làm bàm có không tưởng quá chẳng? Cứ như “Lại thấy ông đồ già - Bên phố đông người qua” vậy! Ủ thi với tri giao quái ngã sâu đa mộng, thiên hạ hà nhân bất mộng trung, thì ngồi ở bàn gõ...gõ về ông thầy bói mù, một tôi có đôi khi “Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế (Cao Đông Khánh) và cũng lăm lăm “Nghe con đế gáy sao tôi thương cái góc nhà” (Cao Huy Khanh), và chuyện là thế đấy, như vậy đó, thưa bạn đọc.

Với giác quan thứ sáu phải đợi khrom mười niên sau 54, la cà ở quán cà phê của một ông phán già về hưu, trong con ngõ đường Nguyễn Thiện Thuật. Cụ chủ quán tên Phong (Foong) nhằm lúc cụ đang tiến quân xe, lúi quân pháo cho đến lúc tàn cuộc binh đao mới làm cho khách...”cái nôi ngồi trên cái cóc”. Một ngày quán vắng chiều hôm, hai đứa ngồi bên này, từ cái bàn để đánh cờ, bắt chọt, cụ nói vọng qua hỏi một tôi: “Anh muốn học tướng số không”.

Thế là tôi nhập môn từ dạo ấy, cụ cứ thông thả nói tôi cứ thủng thảng nghe với...*người thanh tiếng nói cũng thanh, chuông kêu sẽ đánh, bên thành cũng kêu.* Nhưng nghe nhiều là thảng bạn học và tôi trộm nghĩ căn duyên gì cụ không dạy thảng này. Vì ông

cụ nó là bạn “bắn khi” của cụ ở Hà Nội kia mà. Hay vì tôi có....giác quan thứ sáu...Mây bay đi, ngày trôi qua, hết trung học gia đình nó dọn nhà về tỉnh nhỏ vắng gió diu hiu. Một ngày nắng hạ, một tôi đi thăm nó ở Bà Rịa. Đùng đoảng thế nào chả biết nữa vừa dòm thấy cái đò đông bên kia đường đâm thẳng vào cửa nhà nó. Thế là tôi quai bừa rằng chủ nhà thế nào cũng có ngày ra đồng ngủ với giun dế. Nó âm ừ là chủ nhà cũ vừa treo cổ tự tử nên nhà nó mới có đất cắm dùi.

Ngày về lại Sài Gòn, hai thằng đứng đợi xe đò từ Vũng Tàu ở bên đường. Xe đậu, nó lên trước, bắt thành linh nó quay xuống nói không đi nữa. Bèn hỏi lý sự gì! Nó diễn giải vì mặt ông tài xế có tướng bất đắc kỳ tử, Một. tôi dòm lên thì in hệt như cụ chủ quán cà phê chỉ báo thật, vì mặt ông ta xám xanh, ngập ám khí như một xác chết. Đi lỡ dở, ở lại cũng không xong vì đợi chuyến xe sau hai, ba tiếng đồng hồ. Trời nắng chang chang, rớt cuộc hai thằng cũng đành phải ở lại. Chuyến xe sau ra khỏi Bà Rịa khoảng chục cây số thấy chuyến xe trước bị lật bên bờ ruộng, bà con đang khóc lóc kêu gào thảm thiết. Thôi thì cũng đành chịu thầy vậy chẳng biết nói sao hơn. Ấy đấy, nào có khác một người sợ đi máy bay vì sợ mình không chết nhưng gã lái máy bay...sợ mặt thì cũng mình cũng... tới số. Chuyện bói toán mà, thưa bạn đọc.

Thằng bạn đòi đi lính được mấy năm...Một ngày, thằng em bạn từ Bà Rịa lên, mặt xanh như tàu

lá chuối báo cho biết vừa nhận được điện tín. Đại thể: “Trung uy Vương Tan Phát tu tran...”. Thằng em lụi đụi vì điện tín không có dấu nên nhà nó phân vân... "từ trần" hay "từ trăn" đây. Vì khoảng thời gian này nó đang trấn thủ lưu đồn ở Quảng Tín và nếu "từ trăn" thì còn xác. Còn nếu như "từ trần" có thể mất xác vì đã mười ngày rồi. Bèn đưa thằng em bạn qua Hàng Xanh coi bói, và cứ quái ngại với năm nay nó mới về phép và kể chuyện ở trường Võ bị Đà Lạt, ông Phạm Kế Viêm xem tử vi cho nó thì nó không qua cái tuổi 25. Ngày đó, một tôi với nó cùng tuổi thân, năm ấy cũng 25, nên bụng dạ cứ um thùm mỗi thằng có một cái số. Vừa bước vào, bà thầy đang có khách, chưa kịp bơ bãi thì từ gian kế bên, qua cái màn trúc bà nói vọng ra: "Hai cậu đi về đi, ba ngày nữa xác về...". Tất cả ngẫu sự không kéo dài quá mười giây và bà cũng chẳng lấy tiền cúng tổ, vẫy tay đuổi khách như đuổi tà. Ba ngày sau xác thằng bạn về thật.

Ba mươi năm sau...sau 75, gặp lại thằng em bạn ở Cai Lậy, vô tình đứng trong tuần giỗ nó, thằng em đưa cho tôi xem lá số tử vi mà bà cụ nó lấy từ Hà Nội. Đập vào tôi là câu “hạn triệt ở cái tuổi 25”. Câu tiếp là....“nếu qua được tuổi này sẽ sống lâu hơn”.

Đệ tử tâm sự dị...

Trong chuyện *Ý thiên đồ long kiếm* có một câu nói đề đời của Minh giáo chủ, ấy là: “Đời chẳng có

gì vui, chết chẳng có gì buồn”. Chuyện khi ho cò gáy gì đâu của một tôi với đệ tử tầm sư dạy dỗ như trong chuyện kiếm hiệp của Kim Dung. Và chuyện vợ năm gặp mười là một tôi đang học kiến trúc, ông bà nhạc thấy ngon cơm nên xây nhà. Tôi đang coi thợ làm mấy thanh đà từ mặt tiền lòi tới ra cho mát mát thì có ông Tàu khua kéo lách cách bán bò khô đu đủ đẩy xe ngang qua. Ông bảo tôi: “Ngộ nói cho nị nghe, nị làm dậy chút cha chủ nhà dòi”. Bèn hỏi...”ngộ” vậy. Ông dậy rằng mỗi cái đà biểu tượng cho sinh lão tử bệnh, cái đà cuối cùng của một tôi rơi đúng vào...cửa tử. Từ đó một tôi tôn ông Tàu bán đu đủ bò khô làm sư phụ và ăm mày chữ nghĩa sư phụ ba mớ cát, hung, thành, bại với...cùng tặc biến biến tặc thông.

Tiếp đến một tôi hăm hụi làm quen với ông tô nghề mộc Lỗ Ban qua một số vốn địa lý như *âm dương tiêu tương*, *hết bát trạch chu thư* đến *dương trạch tam yêu*. Gia dĩ ông họ Lỗ là phó mộc, khi dựng nhà ông leo lên cái kèo dán cái bùa đỏ để trấn yểm. Từ đó ông lưu danh thiên cổ với cái thước Lỗ Ban có chữ Nho bám trên thước, chả hiểu chữ nghĩa kéo cưa lừa xẻ của ông ở đâu nhiều quá thế, để đảm hậu sinh nhập nhằng với phong thủy gần đây của Tàu, với gió, với...cái phong linh, chuyên trị mang cây xanh vào nhà cho chủ nhà...xanh mắt. Ấy là chưa kể xoay ba cái giường như xoay cái đầu rau của ông thầy địa lý Tả Ao. Chợt nhớ tới các cụ ta xưa dọa dẫm *hòn đất mà biết nói năng, thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn nên cũng hơi ê...răng*. Bối

thiên bắt đảo, địa bắt chí nôm là *chuyện trời đất chả biết* khi gì nên cụ Tả Ao cùng *tâm long điểm huyết* viếng nhà một lần. Chuyện là ông cụ tôi không tin bói toán, làm ăn khá giả, cụ tậu thêm căn bên cạnh để khuếch trương cơ ngơi. Long huyết đâu không thấy, chỉ thấy cái ngõ bên kia đường nhè dâm thẳng vào cửa căn kế bên, bèn thưa với ông cụ những gì mới học lóm...Ông cụ gạt phắt đi vì...thẳng sáng đi nghe thẳng mù, sau cụ bị tán gia bại sản, một tôi cũng đành thờ ra như trâu hạ địa với câu...*nhất hạn, nhì vận, tam phong thủy*.

Trong cõi thiên địa tù mù này, không phải lúc nào cũng có ông thầy địa lý xem đất đai năng nhất chặt bị về “sinh khí” với “đất sát chủ” hay phương hướng, tuổi tác với tứ hành xung. Lại nữa, chẳng phải là lúc nào cũng có mấy ông phú hộ rồi hơi cải táng mộ tổ với *long châu hổ phục*, với *bát quái cửu cung, đông tây nhị phái, du niên bất tại* để nuôi báo cô mấy ông thầy địa lý. Vì vậy thầy kiếm có ăn vạ ở nhà thân chủ cả ba, bốn tháng trời để xoay tới xoay lui...cái đầu rau. Sang đến thời hậu hiện đại, thầy phong thủy thay cái đầu rau bằng...cái chuông xí cho to chuyện. Tu chùa chẳng bằng tu nhà, ăn ở thật thà mới thật là tu...là vào cái thời các cụ ta xưa vô vi với cái thú ỉa đồng một bãi bằng vụn đại quân công nên làm quái có...cái chuông xí. Ông thầy treo bừa gương bát quái trước cửa nhà thân chủ, chả chịu rì mò sách xưa dạy rằng nhà nào gần tha ma bộ địa, sợ ma quỷ vào nhà hãy treo cái gương ấy. Hay muốn

tiền vào như nước, hãy đào cái hồ cá...có nước sau vườn. Họ chả đào sâu chôn chặt là đặt cái hồ cá ở đâu cho phải nhẽ với “cá” là ngư, người Tiều đọc...hoảng tiêu là “du”. Thế nên muốn dư ăn dư mặc thì từ cửa hậu thông ra vườn: Cửa là môn, môn là miệng ăn. Hồ cá phải có lối đi như cái cống hòng dẫn ra hồ hình cái bao tử. Lạng quạng thế quái nào, có thầy thừa nước đục thả câu, quất bừa hồ cá trước cửa nhà thì con gái gia chủ cứ...chổng mông mà gào vì...“chổng ề”.

Chuyện tổ đãi 1

Qua đất này, khươn mười niên sau một tôi có được thước Lỗ Ban từ bên nhà gửi sang. Bèn hành nghề xem nhà xem cửa cho họ hàng hang hóc hay bạn bè gần xa để cái nghiệp dư không mai một. Mà cửa nẻo của người bản địa nhà nào như nhà náy “36 inch” thì xem khi gì nên phải đo từ hai thanh gờ cửa với hên sui may rủi. Ấy vậy mà một tôi được tổ đãi mới hay.

Chuyện là có khưa nghe thầy có thước nhất quý hồ tinh bất quý hồ đa...từ bên Tàu nên dần dần tới mà rằng: Con gái ra vào bệnh viện cả năm mà lang Tây vẫn chưa tìm ra bệnh, nay thỉnh thầy tới nhà xem dùm...lấy hên. Thầy tới ngả bả chứng ra không phải nhà mà là...khách sạn to đùng, trôm nghĩ cụ Tả Ao có đội mò sống dậy cũng chào thua. Lỡ rồi đành ấn cái thước Lỗ Ban vào cửa của cô con gái rơi tồm vào chữ “bệnh” mới lạ. Quay ra cửa khách sạn thì lối đi ra vào có mái che làm theo dạng “thượng gia hạ

kiều“, tức có mái hình chữ “V” lật úp. Lấy thước đo đạc thấy đà dọc đâm thẳng vào phòng cô con gái. Thôi thì học theo tổ nghề là cứ *bói ra ma quét nhà ra rác* rồi trong 36 chước, tẩu vi là thượng sách Thế nên thầy dậy: “Cứ “move”...con gái sang phòng khác”. Chó ngáp phải ruồi thế chó nào chả biết nữa, ít lâu sau cô con gái hết bệnh mới quái. Chỉ tội nghiệp thầy mài óc nghĩ không ra chuyện...bói toán.

Bạn đọc mà rằng...Ma Y và Trần Đoàn là ai vậy?

Thật tình một tôi không biết Ma Y là ai, mà chỉ biết rằng các cụ ta để lại hai tập *Ma Y Thần Tướng diễn ca* qua thể thơ lục bát. Với lợn đầu cau cuối là tìm con dâu *to móng rộng háng đáng đồng tiền* hay *khô chân, khô mặt đất mấy cũng mua* như mua con trâu để kéo cày. Hoặc lạt mềm buộc chặt với *răng thưa, mắt ướt ăn cỡ nhòn môi* hay *răng hô mồm cá ngáo* chỉ siêng ăn biếng làm, ăn quà như mỏ khoét này kia, kia nọ. Chẳng qua các cụ ta nghiệm ra rằng *cứ lớn vú bụ con* thì đẻ như...lợn nên dễ nuôi. Kén con dâu, hiểu là kiếm vợ cho thằng con, nên các cụ lung tung trống kèn với Ma Y Thần Tướng tập hai, diễn giải nghe chướng tai làm sao ấy, thẳng như *gái mà lòng dạ lẳng lơ, chân mày rậm rạp, ngọc cơ hồng hồng*. Tiếp đến, các cụ quá quắt với *vừa đi vừa lúi vừa mổ, gật đầu tợ rắn, bước chổng như chuột* là người *bần khổ đa dâm, đa tật*. Hoặc quay quắt với *răng chuột tai dơi nhọn đầu, thân dài cổ ngắn, chớ cầu chính chuyên*. Trộm nghĩ các cụ cóc nhài với vợ

tương lai của ông con trai các cụ thế đấy, thế nhưng ở quê ta dễ gì tìm được tướng các cô “gật đầu tợ rần, bước chông như chuột” hoặc “răng chuột tai dơi nhọn đầu”. Rồi các cụ quá đà hơn với *rôn lòi đầu vú cứng khừ, cũng phường lãng đãng tà tư khôn lường*, cái đầu đất của tôi để lâu hoá bùn vụn óc nghĩ không ra các cụ dòm chừng sao hay biết được con dâu tương lai các cụ... “rôn lòi, đầu vú cứng khừ”, thưa bạn đọc.

Còn ông Hi Di Trần Đoàn, một ngày không nắng thì mưa, ông lừ đừ như ông từ vào đền, rồi đi tuốt luốt vào văn học nước ta qua cụ Nguyễn Công Trứ làm bài ca trù đề... hát ả đào, đề... vịnh ông Trần Đoàn: “Sườn non bầu rượu túi thơ - Trần Hi Di lên ẩn núi Hoa Sơn”. Với bói toán, thiên hạ sự đều biết Trần Đoàn qua giai thoại gặp người đàn bà gánh kỹ kịt trên vai hai đứa trẻ mỗi thúng ở đầu đòn gánh một đứa. Ông đoán trúng phúc sau sẽ là hai ông vua. Sau đó như Lưu Nguyễn, ông bỏ vào núi đi mất không ai biết ở đâu. Và để lại bộ *Tử Vi đầu số toàn thư*.

Tiếp đến các thầy đồ thi không ăn ớt thế mà cay bèn xoay vần với *Tử vi đầu số toàn thư* của Hi Di Trần Đoàn nhồi nhét vào địa lý của cụ Tả Ao. Để người sau loạn cào cào châu chấu hết sao Thiên không hục hặc với Địa kiếp, đến sao Địa giải cãi vã với Địa không. Các thầy nháo nhác ngắm trăng sao nào là nhâm, cầm, độn, toán, nào là ngũ hành, can chi, nào là âm dương, bát quái, rồi thì sao nọ chiếu

sao kia, nằm ở cung này mệnh nọ, ôi thôi rồi như canh hẹ.

Tiếp, các thầy đồ múa bút nét ngang sỗ dọc thành thư kinh “Xem chỉ tay” góp nhặt từ Ma Y Thần Tương. Trong khi bộ sách tướng pháp này chỉ có hai phần “Thần tướng” và “Hình tướng”. Để rồi ai đó lấy bút hiệ Y Ma viết về tướng số 5 ngón tay, mỗi ngón tay là mỗi cá tính con người ta. Từ 5 ngón tay, ai đẩy lò mò xuống lòng bàn tay và tìm ra chỉ tày ngoằn ngoèo cũng có “âm dương ngũ hành” và “bát quái trận đồ” gồm: càn, khôn, chấn, ly, đoài, tốn, khàn, cấn.

Bắt qua tướng số, ngành này không phải sờ mó bàn tay, không phải đi mua bộ bài tây, không tráp như thầy bói, không thước Lỗ Ban như thầy địa lý. Đồ nghề ông thầy tướng là đôi mắt, đôi mắt như mũi khoan, thủng thỉnh...khoan từng mẩu đời cho đến khi lộ số phận, xuyên thấu trái tim đông lạnh, vẫn còn đang ngủ đông trong lục phủ ngũ tạng con người ta. Chỉ trong một sát na nhìn tướng biết người, vì vậy một tôi chịu đên tướng số là vậy, thưa bạn đọc.

Căng tai ra nghe rồi...Rồi bạn đọc dấng dỏi: Bói toán phải chẵng là mê tín dị đoan?

Bạn đọc hỏi khó thật...Thật ra bói toán có “liên hệ” đến...tôn giáo. Đầu trở xuống cuống trở lên ai đẩy từ phương Tây hành ngôn hành tôi: Có *mê tín dị đoan* mới có tôn giáo vì cứ tin...bừa. Thêm nữa triết học từ toán học mà có... Có nhà toán học Pythagoras từ hai người yêu nhau, lấy nhau, qua triết

học là nửa cục thịt này đi tìm nửa cục thịt kia (be-half) nhập lại. Từ đó ông khai phá ra bộ môn: “Bói bài tây”. Khởi thủy từ bộ bài Tarot có 22 tấm hình để xem chuyện tình yêu của hai người yêu nhau. Khi có máy in, người Ý in ra bộ bài tây 52 lá với “Tarot” tiếng Ý là: “Hãy hỏi tôi”. Bói bài tây theo người Tây vào nước ta vào cuối thế kỷ 19.

Có đầu có đũa thì ở phương Tây, khoảng năm 525 TCN, người Ba Tư chinh phục Hy Lạp cổ, đã ảnh hưởng nền văn minh lưỡng hà vào hệ thống chiêm tinh học Ai Cập. Sau khi Alexandria đại đế lên ngôi vua Ai Cập năm 332 BC, ông để lại học thuyết chiêm tinh học Babilon từ chiêm tinh học Decanic của Ai Cập tạo ra học thuyết mới: Horoscopic Astrology (trong đó chứa hệ thống lá số tử vi) dựa vào vị trí các chòm sao để giải thích cá tính con người và dự đoán tương lai trong cuộc sống dựa vào vị trí chòm sao lúc sinh họ ra.

Bạn đọc chòm hôm rằng ai chả hay chiêm tinh là dòm sao để đoán định mệnh con người ta... Vì vua ta Minh Mạng cũng lập đài Khâm Thiên để dòm trăng sao, nay là đất ả đào với cái thú hát cô đầu của cụ Tú non Côi sông Vị với “Năm canh to nhỏ tình doi chuột - Sáu khắc mơ màng chuyện gió mây”

Ừ thì một tôi hiểu tâm viên ý mã của bạn đọc rồi. Thật ra với *mơ màng gió mây* trăm tội ở các cô, các bà đa cảm, đa mang những khắc khoải, lênh láng phủ lên muện phiền, chúc vạ vào thân, lặn khô trong người. Họ cứ khư khư ôm mối sầu vạn cổ rằng

như thể đời là bể khổ, yêu là chết trong lòng một tí. Họ lụy vì yêu, yêu quá hết lụy “Thương ai hẳn lại thương lòng lắm - Này nợ này duyên những thế này” nên mới đâm đầu đi xem bói. Bói toán rộng mênh mông không bờ không bến với bờ mê bến ngộ... Bến ngộ, bến giác đâu không thấy chỉ thấy bờ mê, bến lú với thầy này sách kia. Sách càng thất truyền càng quý, thầy càng ở trong hang trong hốc càng kỳ nhân dị sĩ, nhưng tựu chung vẫn phải dựa vào...thánh độ. Thánh độ cách mấy, thầy dậy sao nghe vậy...nghe vài câu đúng nhưng quên tuốt những câu sai. Rồi những câu thầy dậy như thánh dậy, họ nhét vào tai bạn bè, thầy lại có khách.

Nói cho lắm tầm cõi trường không ngoài câu hỏi đại thể như lưỡng quyền cao mũi nhỏ là *hại tử khắc phu*. Hoặc miệng rộng mồm méo là *phu cùng tử yếu*. Như thể ai đó tẩy cái nốt ruồi trên mặt, để ông thầy tướng trắng mắt ra chả hiểu ấy là nốt ruồi *vượng phu ích tử* hay *thương phu trích lệ* và rồi cái số họ sẽ đi về đâu. Bạn đọc được thể gánh bùn sang ao nếu như tử vi với những người sinh cùng giờ, ngày, tháng, năm thì chuyện gì sẽ xảy ra. Các thầy đánh trống bỏ dùi rằng ở...cái mệnh. Như cụ Nguyễn Du đã phóng bút “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”. Rồi chẻ hoe phơ nắng với “Ông thiên đã dậy ắt thì chẳng sai” ở...cái thiên mệnh. Hỏi tới nữa, thầy bói như xâm sờ voi *thầy bói mà học canh khôn, đến khi hỏi đồn...ý à ý a*.

Nói đón vói từ vi hai người sinh cùng khắc, cùng canh đã đi vào văn học thế này đây:

Cụ Tản Đà từ nhà hát ả đào phố Hàng Giầy ra (sau mới dọn xuống khu Khâm Thiên). Cụ thuê xe tay về nhà. Qua Hồ Gươm, khi không cụ cảm tác cô đào nào đó, cụ ngâm nga câu thơ đã đăng ở An Nam tạp chí “Quanh hồ lai vãng ai người tiếc thương - Nước hồ sen đứng soi gương”. Bỗng không bác phu kéo xe ngâm tiếp hai câu thơ của cụ “Còn đâu là sắc là hương vói đời - Tủi thân sen lại giận trời”. Cụ giật mình vì bác ta lại thuộc thơ mình nên bảo ngừng lại để nói chuyện. Hoá ra như cụ, bác phu xe cũng bị hỏng ở khoa thi Hương năm Kỷ Dậu (năm 1909). Thấy lạ, hỏi thêm nữa, cụ ngã ngựa người ra vì bác phu kéo xe sinh cùng giờ, ngày, tháng, năm vói cụ. Qua chuyện Trang Tử hoá bướm, hay bướm hoá thành Trang Tử, cụ ngỡ ngỡ không hiểu bác phu kéo xe là...cụ, hay cụ là...bác phu xe. Ngay lúc ấy cụ cảm khái câu thơ vói bác phu xe: “Đời thế anh ơi, nghĩ chán phèo – Hết trò phu cáng lại phu xe”.

Hết nhìn trời ngắm sao, thiên trời địa đất, các cụ để mắt sẫm soi xuống một chút nữa bắt gặp...*bản thân âm hộ đại, đả mi hộ tổ mao*. Cá mè một lứa vói...*hộ tổ mao có...vô mao bất phú* hoặc *miệng nào ngao ấy*. Bạn đọc nho tảo vô nhân bất tri, tức *không ai không biết* ca dao từ mấy ông đồ bùn chữ...chữ nghĩa như trâu trát mà ra. Từ đó mới có *hồng nhan hạ thủy*, hay *hồng nhan đả dâm thủy* đi vói trường

túc bắt chi lao từ cổ thư "Dâm tướng học" của Tào mà ra:

Hồng diện đa dâm thủy
Mi trường hộ tổ mao
Chiết yêu chân cự huyết
Trường túc bắt tri lao

Ngày qua tháng lại, trở lại với các cụ ta xưa với *hồng diện đa dâm thủy, mi trường hộ tổ mao* thì các cụ đều gọt qua dân gian truyền khẩu:

Những cô má đỏ hồng hồng
Nước nôi tát mấy gầu sòng cho voi
Lại kìa mấy ả mi dài
Lông thì đốt được một vài thúng tro

Ấy là các cụ dậy thế, rao mõ không bằng gõ thót thế nên chả thiếu *chiết yêu chân cự huyết, trường túc bắt tri lao* thì các cụ ếch vào cua ra:

Những cô lưng thắt tò vò
Bím kia có thể chở đò sang ngang
Những cô cao cẳng chân giang
Cả làng ra... ấy chào thua cả làng

Thì cũng như cụ Hoàng Cầm rậm rịch qua bài thơ *Theo đuôi*: "Khi làm bài thơ này, mình có nghĩ đến bài thơ xem tướng đàn bà của Trung Quốc. Đó là mấy câu thơ chữ Hán mô tả thế nào là tướng mạo của một người đàn bà đa tình hồng diện đa dâm thủy, v...v.... Trong thơ mình có câu "Lại xót mắt, em mi trường khếp bóng" là từ mi trường hộ tổ mao.

Và những câu tiếp “Chân em dài đi không biết mỗi - Má hồng em lại nổi - Đòng mùa nước lụt mông mênh - Lung thon thon cảm sào em đợi”. Câu "chân em dài" đưa đến "không biết mỗi", rồi "má hồng em lại nổi" chuyển sang "nước lụt mông mênh", và "lung thon thon" để "cảm sào em đợi", đã liên hệ đến mấy câu thơ xem tướng của Trung Quốc “chiết yêu chân cự huyết”, “trường túc bất tri lao...”.

Nghe rát cả mặt ...Bạn đọc nghe qua lỗ tai chui qua lỗ miệng thôi hãy kể chuyện khác đi.

Sư tầm đệ tử nan...

Ừ thì kể, chuyện là ngày nào năm ấy tầm sư học đạo nơi xứ người, ở cư xá sinh viên Lutèce, một tôi quen một gã có cái tục danh “Tiến cò”. Phòng gã là sòng bài và một tôi châu rìa hút thuốc vặt tại đây. Sau một tối như con vạc ăn đêm, hai thằng xuống quán cà phê...uống rượu vang. Dòm cục yết hầu...lộ hầu hơi quá khổ, một tôi quại văng mạng: "Ông yêu tướng".

Gã neho mắt cười lặng lẽ, và quá đọa chuyện đời của gã...

Là con một của bà coi bài tây ở chợ Nguyễn Thiện Thuật. Gã đổ hai cái tú tài tối ưu. Ngày đi, mẹ gã đưa gói đồ và dặn dò khi nào cùng cực hãy mở ra. Qua đến đây, gã không hiểu sao đầu óc chẳng thiết tha gì đến sách vở. Sau một thời gian vặt vường. Nhớ lời mẹ dặn. Gã mang gói đồ ra xem thấy có một

hộp sắt thuốc lá Craven “A” màu đỏ, trong có một quyển sổ tay, hai bộ bài tây bằng plát-tíc còn mới nguyên và một cái thư. Trong thư mẹ gã cho hay...số gã là thầy bói. Từ đó hai thằng ”giao lưu văn hóa” với nhau qua bài tây và tướng số. Thời gian sau gã về Bordeaux treo bảng hiệu hành nghề...cho Tây xem và gã mất ở cái tuổi 40.

Thế là một tôi hốt nhiên thành thầy bói bài tây kiếm chút cà phê cà pháo và nghiệm ra rằng bói toán chỉ trần sự cụ từ ba chữ: “T”. Ấy vậy mà thầy bói cũng nhọc hơi với khách hàng không phải là ít: *“Tiền” thì số giàu đưa đến đứng đưng, lọ là con mắt tráo trưng mới giàu. “Tài” thì chả lẽ thầy đá thủng búng nia danh cũng khó bởi chung trời, lẩn lóc làm chi cho nhọc hơi, được thua danh lợi dầu thiên mệnh, chen chúc làm chi cho nhọc nhằn. “Tình” ư! Chả lẽ đa tình không gởi cho ai, trong nhà dù có ra ngoài cũng thêm, bao nhiêu cũng chưa là nhiều, sáng mai không đủ thêm chiều không dư.* Bởi những nhẽ ấy ông thầy mặt bẹt ra như bánh xe xẹp lốp chả biết thân chủ muốn xem cái của nợ chi. Chả lẽ *thầy bói nói dựa* như các cụ đã dạy ư.

Và chuyện nói dựa như thế này đây, thưa bạn đọc...

Ngồi đồng hoá bọt ở quán cà phê xem chùa cho bạn bè mãi...mãi tới một ngày có khứa khều khều về nhà coi cho người tình một thưở. Chém chết đây là một chuyện tình dở hơi dở hám. Cơ, rô, chuồn, bích đàn trải lên bàn như bày hàng rồi nhưng khổ nỗi chả

biết khổ chủ có khổ nạn xem gì đây mới diên cái đầu! Bởi chưng “Văn chương nào phải là đơn thuốc, chớ có khuyển xằng chết bỏ bu” (Tú Xương) nên mới có mục thầy... nói dựa theo dạng nói nước đôi. Hiểu theo nghĩa là ông thầy nói sao, khổ chủ... hiểu theo nghĩa nào cũng được. Thường thì mỗi ông thầy có một “chiêu” riêng để hớp hồn khách hàng. Chẳng là trong cái nhiễu sự của tâm lý, tâm tình, khổ chủ có gì canh cánh trong lòng chỉ rình rình đợi ai đó để tháo ống cống cho nhẹ mình nhẹ mảy. Ai đấy để trang trải mối tơ vương không ngoài quỷ tha ma bắt là... ông thầy bói.

Riêng một tôi vì non tay ấn, xem bài tây phải dựa dẫm vào tướng pháp. Thăng như giới đàn ông ai cầm đũa tay trái thường thì chán cơm nguội thích ăn phở. Trộm thấy người tình của bạn có hình tướng như trong Y Ma Thần Tướng: *chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy, tóc hoe mà thưa lợt, có lông măng ở cổ tay, là người...” dễ dãi*”. Thêm *mắt mọc nốt ruồi xinh xinh, lại như ướt rượt mảy xanh mi dài*. Với “nốt ruồi xinh xinh”, đành thất lễ với bạn đọc rằng theo...tri giác thấu thị trên khuôn mặt lộ ra nét đào hoa, đa tình biểu hiện bằng một cái nốt ruồi son thì phần âm tính với...tri giác ngoại cảm ở nơi thâm cung bí sử cũng có một nốt ruồi son khác nữa. Có cái này chẳng thể thiếu cái kia. Vẽ rết thêm chân nếu như các bà có nốt ruồi ở dưới mí mắt hay trên mép, thì phải có nốt ruồi khác biểu thị cho người đàn bà ngoại tình. Thế nên với nốt ruồi đa tình, đa mang của

cô, có ăn gan gỏi trứng trâu một tôi chả dám lộng ngôn hí địa chuyện ấy.

Trở lại mục nói dựa với bất khả ngôn truyền, tức *không nói ra được* nên thầy đành dọa dẫm. Vì coi bói như xuất chiêu trong kiếm hiệp Kim Dung, ra “chiêu” đầu phải trúng, nếu không sẽ thân bại danh liệt. Vì vậy thầy phải “mặc cá” với chữ “nếu”. Nếu mặt cô có nốt ruồi ấy thì nơi kín đáo phải có thêm nốt ruồi nữa. Nếu không đúng thầy...thua. Vừa ăn ốc nói mò xong, cô gật đầu. Thầy bèn dựa dẫm: “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi - Này của Xuân Hương đã quệt rồi”. Cô nhong nhóng nghe ra, cô tuôn ra bầu tâm sự rất đời thường với...tiền dâm hậu thú.

Thêm một lần *sur tâm đệ tử nan y* chóc như trong chuyện của Kim Dung với Lệnh Hồ Xung gặp sư phụ Nhậm Doanh Doanh con gái của Nhậm Ngã Hành. Ở Paris tôi mê mẩn con gái của một ông tướng miền Nam làm văn hoá mở miệng ra là: “ĐM”...Một ngày từ cư xá Lutèce sang cư xá con gái tên Institut Franco-Vietnamien để tán gái. Một tôi...tán gái theo chiêu thức hàm mô công là ngồi lúi húi như cóc nhảy, ngồi thì lì...không biết làm gì là làm tỉnh. Doanh Doanh thấy thẳng trầu nước tôi hiện như lá, lành như đất nên chán mớ đời, bèn dè một tôi ra xem bài tây. Xem rồi thấy “thương” không nổi thật, nên Doanh Doanh học theo ông Tàu có chiếc xe thịt bò khô đu đủ bằng vào “ngộ ái nị nhưng ngộ ái ngại” bằng cách...ái ngại dậy tôi bói bài tây.

Chuyện tô đũa 2

Mười năm đầu ở đất tạm dung, một lũ tụi tôi như những cánh chim tan tác gọi nhau họp đàn để...nhậu. Trong lúc trà dư tửu hậu một tôi mang 52 lá bài “hú họa” đám tửu đồ. Tổ trác, một khứa tửu đồ xách tới nhà chai Cognac và hỏi: Ngày mai đi Las Vegas thắng hay thua?

Bỏ bu! Ngẫu sự đây ông cố nội toán học, triết gia Pythagoras cũng chịu chết vì ở Hy Lạp đâu có...Las Vegas. Thầy bèn dùng “thủ thuật” và “ảo thuật” của bói bài tây, với *thủ thuật* thầy hỏi thích số mấy. Trả lời 7. Thầy nói chao 7 lần và tiếp “kinh” rồi để lên bàn. Với *ảo thuật*, thầy thu lại bộ bài nhưng he hé nhòm con bài gì? Thầy hỏi có phải 10 “bích” không? Nếu không...không xem nữa vì thầy chưa nhập hồn nhập vía vào giờ...linh. Khứa gật đầu, nể quá.

Trong khi ấy thầy ngồi đồng như thẳng mù dờ vì bói bài tây gốc gác từ bài Tarot xem chuyện chúng mình yêu nhau mai này hai đứa. Nên chỉ xem hai cây bài tả phù hữu bất cho cây bài bốn mạng. Trước mắt thầy hai cây bài kẹp cây bài bốn mạng là cây “rô” và “cơ” là: Khứa sẽ có tình một người đàn bà ở xa. Bà thần đây thầy biết thừa búa là vợ khứa đang ở...Việt Nam.

Đến trần ai khoai củ này thầy học Đoàn Dự với “lăng ba vi bộ”, thầy moi cây “chuồn” trong bộ bài ra dí vào mặt khứa và dậy: Nếu có cây “chuồn” thì 100% thắng. Nhưng...

Khốn khổ, khốn nạn cho khứa với một chữ “nhất tự thiên kim” *nhưng* này đây. Thầy dậy khơi khơi tiếp: “Nhưng” cẩn thận đàn bà con gái nếu không thì bán tử bất hoại nôm là *từ chết đến bị thương*. “Ăn dụ” 1 của thầy là đừng lạng quạng gái ghê, vợ nhà nó ghen thì bỏ bố. “Ăn dụ” 2 là đánh bài ra ngô gặp gái hay đàn bà có bầu thì thua là cái cẳng. Tuần sau khứa mang dăm đĩa mồi và hai chai XO để tửu lạc vong bản. Thầy biết tổng quân ta thắng to rồi. Nhưng giả bộ ngó lơ và hỏi: “Thắng hả?”. Khứa thừa thốt phục thầy quá mạng. Chuyện là ở sông bài khứa quên bếng nhờ thầy dậy. Khứa theo một bà Tàu đang vận đỏ nên đánh đầu thắng đó. Rồi bà Tàu đi vào cầu tiêu...mất tiêu, khứa một mình đánh tiếp và thua ít thôi nhưng vẫn thắng. Thầy vỗ về với cò bạc thì “con gì ăn mà không ia”. Được thể thầy lấy chớn dậy tiếp: ”tửu lạc vong bản” chả phải là uống rượu với...lạc rang mà là uống rượu để quên nghèo. Vì có ông thầy bói nào giàu đâu! Nghe thủng rồi mà khứa cứ ì ra không chịu...ia, đúng là thắng ngu như lợn.

Với nửa cục thịt tôi đi tìm nửa cục thịt kia lại khác...Chuyện là sau khi tiện nội mất, một tôi đi xem bói gặp anh Nguyễn Đình Cương. Nom ròm tướng anh lông mày rậm như con sâu rom, mũi to như mũi kỳ lân y trang trong Y Ma Thần Tướng với *đàn ông túc trí đa mưu, thiên đình rộng rãi, mũi cao dợn rỗng* Đó là hình tướng, còn thanh tướng, anh

nói giọng ồm ồm như chum vỡ đầy công lực và ngập tự tin nên ...tin được. Bởi chung anh mới chân ướt chân ráo qua đây, trong khi cửa nhà đang trống trải vì vậy một tôi kéo anh về cho có bạn. Khi không rách giời rơi xuống: Nhà tôi là “Văn phòng tử vi”. Và chuyện anh lận đận với tử vi thế này đây...

Trong trại cải tạo, anh học được môn tử vi qua bạn tù. Ra tù, anh nghiên cứu tử vi tiếp để nín thở qua sông. Càng đi sâu vào tử vi anh càng lạc vào mê lộ...với thượng thiên vô lộ, nhập địa vô môn, nôm là *lên trời xuống đất đều không có đường đi* vì cả trăm thứ sao như lạc vào thiên la địa võng nên anh bỏ ngang. Ngày nọ, bạn kéo tới nhà ăn giỗ, anh gặp một người khách nhờ xem dùm lá số đưa con nhỏ. Qua lá số, với nước mắt xem màng màng, thành hoàng xem cò quạt anh thấy em nhỏ này đã mất ở bờ sông bến bãi nào rồi. Bấy giờ ông khách kia mới thú thật là con ông chết vì vượt biên. Từ đó anh tự tin hơn và khai thông phá ngộ tiếp.

Với định mệnh tại thiên thư, một ngày...một tôi nghĩ đến chuyện mai này khộm, nói đại chứ...chứ lỡ đại bị...trúng gió thì sao đây! Thế là quàng quàng đi kiếm vợ và gặp ngay...người cũ, em gái của thằng bạn ở Quebec. Hai lần cô đem con về ở với một tôi để tìm hiểu dấm dớ bờ bụi, để lũ nhỏ làm quen với nhau, tránh cái nợ đời con em, con anh “bóp cổ” con chúng ta. Đồ đạc trong nhà mua sắm đâu vào đấy, thiệp cưới đang sửa soạn in, danh sách bạn bè đã dấm dúi vào sổ đề đòi nợ. Dịp này anh lấy cho mỗi

người một lá số mà một tôi chỉ nhớ mãi mãi tôi tuổi thân, mạng mộc. Cả hai đều có chung sao hồng loan, đào hoa. Riêng cô đào, hồng, hỷ, hội ở cung phu, nhưng bị mấy sao quái quỷ gì ấy dường như thiên riêu, thiên hình hay tam thai, tam hợp nên mệnh khắc số. Anh luận văn về thêm, cô tuổi trâu, mạng thủy, thế nên đôi chân in dấu số phận, dấu vết số phận lấm tẩm như lệ ứa, đôi chân biết khóc, luôn dầm trong nước, “ướt” nửa đời người... Rồi anh lắc đầu mà rằng nếu ngày mai có làm đám cưới cũng không thành. Anh tiếp: *Sau này cái gì đến nó sẽ đến bất ngờ và nhanh đến trở tay không kịp.*

Gì mà trở tay không kịp? Bởi chung tính từ ngày tiện nội đi vào cõi tĩnh mịch, vì tâm tính một tôi thật thà như đếm. nhờ vậy... đếm trên đầu ngón tay có tới chín người chứ ít ỏi gì.

Với *thật thà như đếm*. một tôi được thể vun chuyện dưới đây:

Thi lên lớp, một tôi thiếu điểm bọn và khâm. Nếu không lên lớp phải đi lính, với bất kiến quan tài bất hạ lệ, nôm là: *chưa thấy quan tài chưa đổ lệ* với hòm gỗ cài hoa mát vui. Mà muốn vượt vũ môn... môn toán này với hệ số 3 (hay 4 không nhớ), với điểm 18/20 là chuyện không tưởng với một tôi. Bèn tìm thầy. Thầy đây chả phải... thầy bói Thầy mà tôi gọi là anh vì là anh của thằng bạn học. Anh Võ Đức Diễn, thầy dạy toán trường kiến trúc và cao đẳng Phú Thọ.

Một ngày không có mây sao có mưa tới nhà anh, một tôi đang ăn xổi ở thì với bài tây nên bày hàng ra xem, bởi khi ấy đang “thâm cứu” thêm bói bài tây qua sách vở nên có sao nói vậy. Anh “kinh” ra cây 7 “rô”, một tôi chắc như gạch nung anh sắp xuất ngoại. Anh thủng thỉnh cười và thủng thẳng mà rằng ở trường cao đẳng Phú Thọ anh thuộc hệ phái Mỹ, đang bị hệ phái Tây đi cho sói trán thì không có chuyện đi đây đi đó nên anh nói: “Đẹp đi”. Mèo mù vớ cá rán thế quái nào chả biết nữa: Ngay cuối tháng anh xuất dương. Về lại anh dạy một tôi môn bói om thòm là: “Tên nào người nấy”. Là người nặng nợ với chữ là nghĩa, một tôi bèo bọt với tận cùng chỉ là bọt nổi trên biển, bèo trôi trên sông với mỗi người hệ lụy với cái tên. Hay mỗi cái tên có một dòng sinh mệnh với người. Ngắt gọn cái tên nó vụn vào người, thẳng như đàn bà con gái tên Lệ, Liễu, v...v...con đường tình sẽ chông chênh chông chênh. Hoặc giả tên “Hùng” như một tôi: Một là Tào Tháo, hai là...*thật thà như đếm*..Ngẫm nguội lại cũng đúng thôi.

Trở lại lần mân đếm chín ngón tay có chín người mà một tôi không nữa...trẻ không tha, già không thương. Một tôi đành theo số mạng...theo ông mai làm mối cho cô chị thì đụng đầu với... cô em. Ngày đi xem mắt, một tôi bói rồi như sư đẽ vì theo Ma Y Thần Tướng tập hai, chương ình tướng, cô chị thuộc thể loại “thân như phong liễu, hạc thoái phong yêu”, nôm là *người ngả nghiêng như cây liễu, lưng gầy như chân hạc*. Trong khi cô em thuộc dạng

“hung cao điển kiêu, yêu tế kiên hàn”, nghĩa hiện thực là *ngực tấn công hông phòng thủ*. Quay qua cô chị với thanh tướng có tiếng nói khào khào, bước đi hông lắc như chim se sẻ, theo Y Ma Thần Tướng là người ưa nói ngang, nói bướng nên hải quá thể. Một tôi ngó lại cô em có thần tướng nên...bần thần hỏi có biết đánh tiết canh vịt chãng. Người gặt đầu. Đang trầm luân trong bể phù sinh có tiết canh vịt với hồ trường thì quá đã. Ba tháng sau, đang ngất ngây con gà tây chưa kịp cắt cổ vịt, thì bà cụ thân sinh ra một tôi được ơn trên gọi, nên vui vẻ về với nước Chúa, tiếp đến là khúc xin đau buồn đấng cáo phó làm đám cưới chạy tang nên...*trở tay không kịp*

Ngẫm lại tâm phục, khẩu phục anh bạn “share phòng” Nguyễn Đình Cương hết biết. Thế nhưng thêm một lần với *tử vi xem số cho người, số thầy thì để cho ruồi nó bầu*, là tử vi gia đạo của anh, anh bí ngô bí khoai. Vì vợ anh thần hoàng bản thổ ở Hà Đông, anh ly thân không xong, “bám” số tử vi...số dậy anh có số “thiên di”...qua tiểu bang khác. Mấy tháng sau cáo chết ba năm quay đầu về núi, gặp lại một tôi, anh bí rị: Chạy trời không khỏi số.

Bạn đọc hó háy bảo nhau nãy giờ một tôi bốt về “cái tôi” hơi nhiều, nay lại mang chuyện “vợ nhà” ra kể lể nghe thôi inh! Hay là kể chuyện nào khác...thật hơn. Ừ thì chuyện thật là...

Là đêm chưa qua ngày chưa tới với vài ngày sau, nửa đêm về sáng, “vợ nhà” là vợ mới...mới ăn

xôi ở thì tích Giáng Kiều gặp Tú Uyên cả 20 năm trước với nghìn trùng xa cách.

Sau năm 75, người năm lần mười lượt theo mấy cô bạn học đi coi bói ở đường Lý Trần Quán với chuyện vượt biên. Thầy thấy đến mà không xem nên hỏi: Hay không tin bói toán đây? Người cách rách nhà nghèo, đói như ngan ấp, bo bo từng bữa nên chuyện xem bói để đi chui, vượt biên là chuyện xa vời, xa vắng. Nghe vậy thầy sáng mắt lên...như mắt thầy bói xem dùm một quẻ lấy thảo. Cứ theo như lời người thì lúc ấy, nghe mà ngán ngẫm. Vì thầy từ từ khoai cũng như rằng..."Số cô trước sau cũng xuất ngoại, sau đó một, hai năm cô lập gia đình. Ông này cũng tuổi thân như cô, nhưng lớn hơn cô cả một con giáp, ông này già rồi, cũ kỹ rồi, đã trở thành cổ kính như món đồ cổ. Nhưng được cái...góa vợ, nói chung là tốt.

"Vợ nhà" ăn ngay nói thật là nghe nói lấy..."ông goá" mà chán mớ đời. Nhưng chạy trời không khỏi nắng là như thế, rằng như vậy. Vậy mà chuyện *vợ chồng cùng tuổi nằm duỗi mà ăn...* cũng đúng thôi. Thêm nữa, ngẫm chuyện nhân sinh với *người ta tuổi Dậu tuổi Mùi, còn tôi lận đận một đời tuổi thân* như người ...cắt cổ vịt chả hẳn lúc nào cũng đúng, thưa bạn đọc.

Là kẻ ngoại đạo với...bói toán, lại hay nát bàn số ruồi, số rệp nên vương mắc với ngôn giả bất tri, diễn nôm là *người nói nhiều là người không biết gì*

hết...Hết chuyện, có mồm thì cắp, có nắp thì đập với kết luận cho bài tản mạn này với buộc chỉ chân voi, tạm hiểu là một tôi cũng không chắc chắn lắm. Ừ thì hay là hãy để bạn đọc...đọc để hiểu theo miệng lưỡi mấy ông thầy bói với hiểu sao cũng được.

Cùng kết luận trên có mở, dưới có đóng, thì...

Thì từ bên Tây về được xem như “Chí chưa thành, danh chưa đạt - Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc - Trăm năm thân thể bóng tà dương” nên chả muốn đi Tây đi Tàu nữa. Một ngày đang ngồi ở quán Thanh Thế để “Võ gươm mà hát - Nghiêng bầu mà hỏi - Trời đất mang mang ai người tri kỷ” thì...tri kỷ là ông thầy xem chữ ký xác xác tôi. Thầy dạy còn đi nữa, đi như đi chợ, một tôi cười tũn: “Chả tin”. Năm 75, trời sui đất khiến thể nào chả biết nữa lại gặp ông ở trại tị nạn Camp Pendleton. Khi ấy Nguyễn Hoàng Đoàn, Khánh Ly và Nam Lộc đang “ký” lia lia để thầy vẽ đường cho hươu chạy. Đợi thầy hành nghề xong, một tôi kéo thầy ra chỗ khuất hỏi thầy có biết trước số thầy “chạy” vắt giò lên cổ như thế này chẳng? Thầy ậm ừ trả lời: *Không*.

Thạch trúc gia trang
(viết xong năm 2007
thêm bớt năm 2017)

Vong gia thất thổ

Sau 50 năm trở lại Paris, không biết đi đâu...

Bởi chúng ngập lặn trong cõi người ta với 50 năm thấy ngắn, nhưng dằng dênh tới nửa thế kỷ lại quá dài. Chẳng nhẽ học thói quân tử hiếu cổ của người Việt lưu vong tại Paris, gần đây họ thường hay tới thăm mộ phần Hàm Nghi ở làng Thonac. Hay họ tìm đến mộ mả Duy Tân ở nghĩa địa Passy trên đồi Trocadero.

Làng Thonac ở đâu? Chắc phải nhờ vả đến một người lưu vong ở Paris...

Căn nhà số 11 của người Nguyễn thị Cỏ May đây rồi, bước vào phòng khách có cái cầu thang xoắn ốc từ thời Louis 13 xoắn vòng vòng muốn chóng mặt. Ngõ được ngồi phòng khách nói chuyện yên ba giàng thượng sử nhân sâu thì chóng mặt thật, vì người dẫn thẳng tuốt ra vườn. Ra vườn, ngồi xuống bàn thì,... Thì đập vào mắt là bản du ký “Đi thăm mộ Nam Phương hoàng hậu” của người. Khi nghe phũ lãng nhân tôi muốn tới làng Thonac thăm mộ vua Hàm Nghi. Người nói đón một công đôi việc thăm

mộ Nam Phương hoàng hậu luôn. Thế là người ới taxi. In hịt như ở Mỹ, taxi là xe nhà, xe hiệu Citroen 2CV và “lái xe” là...đàn bà. Vì khi gọi taxi qua điện thoại, người cứ “oui” với “non” riết, nên nhà nào đó họ gửi “lái xe” đàn bà chẳng?

Ngồi trên xe, tôi buồn môi ngứa miệng với người là chỉ biết Hàm Nghi qua ông Phan Trần Chúc. Đại thể Hàm Nghi lên ngôi khi mới 13 tuổi, trở thành vị vua thứ 8 nhà Nguyễn. Sau vụ thất bại tại kinh thành Huế, Hàm Nghi phát hịch Cần Vương. Phong trào kéo dài được 4 năm, Hàm Nghi bị bắt...Ông Phan Trần Chúc là nhà văn, là người viết tiểu thuyết lịch sử, nên truyện *Hàm Nghi và Cần Vương* của ông đầy rẫy chuyện rất hấp dẫn, như vùng rừng Quảng Bình, cư dân đồng Nghè, xã Thạch Hoá đào được kho báu Hàm Nghi có tới hơn 2 tấn (!?) tiền cổ. Năm thỉnh mười thoảng họ còn nhòm thấy cụ voi tên Quận Công của Hàm Nghi, da mốc meo, lưng còn đeo cái đai rách bươm của vua đi lang thang trong rừng nữa mới rõ khi.

Nghe đến Hàm Nghi bị bắt..., người Cỏ May được thể một sách một chữ rằng:

Rằng cứ theo một bài báo cũ trích từ tuần báo *Le Monde Illustré* (số 1665 ra ngày 23-2-1889 tại Paris) nhan đề “Le Roi d’Annam” trang 118-120 do ký giả Jean Locquart tường thuật về việc người Pháp bắt giữ Hàm Nghi và đưa ông sang an trí ở Alger.

Vua An Nam (Le Roi d’Annam) :

Ông bộ trưởng bộ Hải Quân vừa nhận được tin mới nhất thông báo vua Đồng Khánh nước An Nam đã từ trần ở Huế ngày 27-1-1889 sau cơn bạo bệnh. Vua Đồng Khánh thọ 25 tuổi, lên kế vị em ông là vua Hàm Nghi ngày 19-9-1885, người đã được quan phụ chính Thuyết (Tôn Thất) đưa đi khỏi kinh thành sau vụ tấn kích ở Huế ngày 5 -7-1885. Hàm Nghi sau đó bị truất vị đã phải sống một thời gian khó khăn và không chấp nhận những đề nghị thoả hiệp cho đến khi ông bị biệt đội của đại uý Boulanger bắt được.



Một buổi chiều binh đội của viên đại uý được tin cựa hoàng lần trốn cùng với Than-Tat-Thiep (Tôn Thất Thiệp), con trai phụ chính Thuyết tại một làng hẻo lánh trong rừng núi cao nguyên Giai (?). Binh đoàn của Boulanger liền bao vây nơi nhà vua ở và khi cửa chính bị đập tung ra thì thấy Thiệp đã thức giấc vì tiếng động của vụ tấn công, còn Hàm Nghi đang ngủ say ở bên cạnh. Cả hai người đều để gươm trần ở bên cạnh và trong tay có khí giới nhưng không chống trả được gì. Thấy chủ soái thất thế, và

để tránh cảnh tử nhục khi bị bắt đem đi, Thiệp toan đâm chết ông (Hàm Nghi), nhưng vì quân Pháp dự tính bắt sống nên lập tức nổ súng hạ gục Thiệp. Hàm Nghi phải theo đoàn quân đến một nơi đã định chờ ngày đưa ông đi an trí. *Việc này thể theo ý nguyện của Đồng Khánh là cứu hoàng phải ra khỏi nước,* và Algérie là quốc gia có khí hậu thích hợp nhất để tiếp nhận kẻ mới bị bắt. Hàm Nghi được đưa lên chiến hạm Biên Hoà, do thuyền trưởng Caillard chỉ huy, rời Hải Phòng ngày 7 tháng 12 vừa qua và vào cảng Alger khoảng 3 giờ chiều ngày chủ nhật 13-1-1889.

Làm như thấy ai trồng khoai cũng vác mai đi đào hay sao ấy, thấy củ khoai “Đồng Khánh muốn Hàm Nghi lưu vong”. Thì phù lãng tôi đào sỏi với người trồng khoai Cỏ May rằng lịch sử là một quả cầu tròn, mỗi người nhìn một phía...Phía bị che lấp là Đồng Khánh đích thân ra Quảng Bình chiêu dụ Hàm Nghi về hàng nhưng không thành công. Vì vậy Đồng Khánh nói với người Pháp đưa Hàm Nghi đi an trí. Lại làm như ăn khoai môn ngựa miệng sao đó, được thể tôi đào sỏi thêm chuyện “Một nhà mà có ba vua: Vua còn, vua mất, vua kia chạy dài”. Câu ca dao này quá đọa về Thiệu Trị có ba người con làm vua: Kiến Phúc trị vì được 8 tháng thì mất. Hàm Nghi chống Pháp nên bị đi đày. Đồng Khánh lên ngôi được hơn 3 năm thì bằng hà.

Ngồi trên xe đang hàn huyên chuyện “củ khoai”...loáng một cái đã tới vùng Dordogne. Chiếc xe Citroen 2CV lụm cụm như con cóc cạ lên đồi xuống dốc một hồi cuối cùng cũng tìm ra làng Thonac buồn như trấu cấn. “Lái xe” lái vòng vòng qua làng Sergeac ở bên cạnh tìm chỗ nghỉ qua đêm. Làng nào ở bên Tây cũng có nhà thờ cổ lỗ sĩ với con gà cô đứng trên tháp chuông, cái cầu đá bắc qua con suối chẳng lớn hơn con rạch là bao. “Lái xe” lái xe tìm được...”quán trọ làng” cũng là quán ăn, ngoài cửa treo bảng gỗ hàng chữ “Auberge Castel Merle” và cái đèn bão đỏ. Trong khi Cỏ May vào gặp chủ quán, phù lãng tôi leo lên gác thăm thú phòng ngủ. Quán trọ có hai phòng ngủ, nức mùi ẩm mốc của gỗ thông, phòng có cái giường đồng cao lêu nghêu thuộc dạng Louis 15 hay 16 gì đấy. Cảnh giường có cái ghế thấp tè giống như ghế “con” ngồi nhặt rau muống của các cụ ta. Tôi đoán chừng có nhiều người Việt ta tới đây thăm mộ Hàm Nghi nên cần cái ghế để trèo lên giường cao nghêu. Dòm cái bồn tiểu cũng cao không kém, hàng quán để cái ghế “con” ở đây là đúng quá rồi chứ còn khi gì nữa.

Xuống quán ăn đã thấy Cỏ May ngồi ở đấy, bởi chuyến đi này là thăm mộ Hàm Nghi, tôi hành ngôn hành tởi với Cỏ May rằng không thiếu những vua, quan, sư, hoạn quan, thầy bói, đàn bà con gái bị bắt hoặc đem đi công và đã từng rơi vào cảnh "nước non ngàn dặm ra đi". Nhưng ít ra những nhân vật của lịch sử đó cùng lăm chỉ lặn lội sang Tàu là cùng. Chưa có ai bị đưa đi xa tít mù khơi tới bên kia qua

địa cầu như các vua nhà Nguyễn. Vì vậy gần đây có một loạt chuyện “Đi tìm dấu tích ba vua lưu đây” trên mạng lưới với Nguyễn triều vong thổ là thế.

Sau khi cuộc khởi nghĩa chống Pháp thất bại, Duy Tân nhận cầm đầu cuộc khởi loạn nên bị truất phế và đi đày ra đảo Réunion (nằm giữa Ấn Độ Dương) cùng một chuyến tàu với cha là Thành Thái. Ở Réunion, Duy Tân ở một mình trên đảo (Duy Tân đưa theo đệ nhất vương phi Mai Thị Vàng, nhưng được 2 năm, bà đòi về Việt Nam, vì không chịu khí hậu ở đây), ít liên lạc với Thành Thái vì bất đồng quan điểm với cha. Vì Thành Thái nhất quyết cự tuyệt mọi quan hệ với người Pháp nên cũng sống cách biệt với con. Tiếp đến tôi bầm búi với những năm tháng lưu vong của hai cha con và những người đi theo làm gì, ăn uống ngủ nghỉ ra sao, có...nước mắm và cơm không? Bởi hình dung đến hai cha con Thành Thái, Duy Tân lẫn quần bên ven đảo bắt ốc, câu cá, trên là trời, dưới là nước thấy quạnh quẽ chi đâu! Thêm một lần, người Cỏ May mọt sách ăn giấy qua cô Amandine Dabat, là con của công chúa Như Lý, cháu ngoại Hàm Nghi. Hiện cô đang làm luận án tiến sĩ về cuộc đời và sự nghiệp của ông ngoại cô tại Sorbonne. Cô cho biết, đi theo ông ngoại cô có một thông ngôn, một người hầu, một đầu bếp.

Và chuyện là:

Là khi tới Alger (Algérie), Hàm Nghi được toàn quyền Tirman của Algérie và đại úy Henri de Vialar

tiếp đón. Ngày đầu tiên Tirman đãi tiệc, Vialar được lệnh tìm nhà cho ông. Ngôi nhà có tên là “Biệt thự cây thông” (Villa des Pins), ở El Biar, trên một ngọn đồi cách Alger 5 cây số.



Villa des Pins

Những năm đầu tiên, Hàm Nghi sống trong ngôi nhà mà người Pháp thuê cho. Chỉ sau khi kết hôn với một phụ nữ Pháp, họ mới xây một ngôi nhà có tên là Biệt thự Gia Long (do kiến trúc sư Guiauchain thiết kế). Mục đích của chính phủ Pháp khi đưa ông đến Alger, trước hết là Hàm Nghi vẫn là người kế nghiệp và vẫn có thể kế ngôi nếu Đồng Khánh băng hà.



Chân dung Hàm Nghi những năm tháng

cưỡi cuộc đời lưu đày. (Ảnh tư liệu gia đình)

Tôi đang cách rách với quân vương 17 tuổi được ăn cơm Tây. Chẳng hiểu quân vương vật vã với ”phóng-xét”, “cùi-rià” vật vã thế nào. Vừa lúc chủ quán bước ra giới thiệu quán có món “Poulet de Bresse”. Thế là tôi ới cái Coq au vin và chẳng thể thiếu món foie gras và rượu vang vùng Domme . Còn người Cỏ May làm đĩa sa lát vì...ăn chay. Cơm nước xong, bước lên cái ghé “con” để chở rau muống của người Việt ta trèo lên cái giường đồng Louis 15 hay 16 của Tây để ngủ. Tôi trộm nghĩ mình là một trong những người Việt tới làng Thonac thăm mộ vua Hàm Nghi nên thế nào mai này cũng căng óc nặn chữ vắn óc véo câu những gửi gắm gì ấy.

Ấy mà sáng hôm sau, “lái xe” còn ngủ, Cỏ May đã lách ngáp rủ phù lãng nhân tôi qua làng Sergeac. Vừa thả rong nghe chim rừng hót líu lo, ngắm gà đi bộ...đi bộ, Cỏ May vừa cho tôi hay làng Sergeac có Chateau de Losse của hoàng tộc nhà Nguyễn khi xưa.



Chateau de Losse

Vì Thonac là quê vợ nên ông bà đã mua Chateau de Losse lúc sinh thời . Rồi ăn mắm ăn muối gì chả biết nữa, khi không tôi quần quả tới đám cưới của vương quân Hàm Nghi.



Mặc dù...ăn chay, Cỏ May được thể ăn món bát vạt dưa chữ nghĩa thiên hạ thế này đây...

Hàm Nghi đính hôn với Marcelle Laloe, con gái của ông Laloe, Chánh án toà Thượng Phẩm Alger. Buổi sáng hôm ấy, từ Biệt thự Rừng Thông, ông lên xe song mã đi thẳng đến nhà Chánh án Laloe ở trung tâm thủ đô. Ông với áo quần dài và khăn xếp đen bước xuống xe đón Marcelle từ tay thân phụ và rước người yêu lên xe đến nhà thờ làm lễ cưới. Cảnh tượng ông vận áo dài đen, đầu quấn khăn đen, cặp bên mình một cô đầm Pháp mặc áo cưới trắng, trắng muốt ngồi trên xe song mã đã làm xao động phố phường Alger.

Trong suốt 40 năm chung sống (1904-1944), theo lời kể của công chúa Như Lý, hai ông bà rất hạnh phúc.. Mặc dù chả bất thể kỳ nhân nhưng tôi chắc như bấp luộc Như Mây là “Như Mai” vì cô em là...Như Lý. Vì các cụ ta xưa đặt tên cho con với

câu “*Mai, Mơ, Lý, Mận mận mà cả cả tư*”. Với tư là 4, ông lên ngôi năm 1884, bà cũng sinh năm 1884, Vị quân vương lập gia đình năm 1904, 40 năm sau, Hàm Nghi mất năm 1944. Tôi xoi xói như thầy bói mức cuộc đời ông nổi trôi cùng một dòng sinh mệnh với...số 4 với tứ hành xung, mất cái này, được cái kia

Làng Thonac chỉ có khoảng 500 cư dân, nơi Như Mai đưa hài cốt cha mẹ mình từ Alger (Hàm Nghi qua đời vì bệnh ung thư dạ dày được an táng trước ở vườn biệt thự Gia Long) về quê ngoại chôn cất năm 1965. Tôi vào nghĩa trang, đi tìm những mộ to, cứ nghĩ mộ vua phải lớn. Tìm hơi lâu mãi không thấy nên hơi lo, bỗng Cỏ May từ xa kêu đã tìm được mộ. Bia mộ bị thời gian soi mòn, rêu phong mọc trên lớp đá vân cẩm thạch, nhưng vẫn nhìn ra 4 hàng chữ:



Tên họ Hàm Nghi (và tên thánh)

Quốc vương An Nam

Sinh tại Huế 1871,

Mất tại Alger 1844.

Cỏ May nom ròm mộ bia (xem mộ Hàm Nghi mới trang 9) rồi eo óc công chúa Như Lý có chồng là Công tước Labesse sống tại làng Chabrignac gần Limoges. Hai người sống ở lâu đài phía bên kia đường làng Chabrignac, cách nhà bà Nam Phương

500 m mà hai bên không bao giờ gặp nhau. Nhưng ngày bà Nam Phương mất, hôm ấy Như Lý cũng có mặt để tiễn đưa. Khi Như Lý nằm xuống, cả hai nằm chung một nghĩa trang làng. Như Lý nằm ở phía trái từ cổng vào, bà Nam Phương nằm bên mặt. Cách nhau theo chiều ngang chừng 50 m. Cô May rù rì không biết giờ đây hai bà đã gặp nhau chưa? Gặp nhau chưa là nói cho có chuyện vậy thôi, bởi Hàm Nghi, Duy Tân, Bảo Đại có gặp nhau trên đất Pháp bao giờ chẳng?

Trăm tội chỉ vì mấy cụ vua nhà Nguyễn lấy quá nhiều vợ, sinh con nhiều quá (Minh Mạng 78 con trai, Thiệu Trị 29 con trai). Thêm hai ông vua bất lực (Tự Đức, Khải Định) nhận cháu làm con nuôi nên mới rách chuyện. Chỉ có một cái ghé cũ sì mốc meo mà con nuôi, con đẻ, bác, cháu thay nhau trèo lên trèo xuống đến chóng mặt. Chỉ tội cho người đọc sử thời “Nguyễn Mạt” cứ lộn tung phèo cả lên. Lại một nhẽ sử ta có Lê Mạt, Trần Mạt, người đọc sử chả thấy hai chữ...Nguyễn Mạt đâu? Có thể trong *Việt Nam sử lược* của cụ Sử thần Trần Trọng Kim thời Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn, cụ Sử thần quên chẳng? Dám lắm ạ!

Trên đường ra cổng nghĩa trang, bị bí rì bởi mộ bia Hàm Nghi không ai ngó ngang tới. Phù lãnh nhân tôi lỉnh đĩnh với người Cô May khi nào về lại Paris sẽ đi thăm mộ phần Bảo Đại được chôn cất tại nghĩa trang Passy thuộc hạt Trocadero Paris 16e, nơi chôn cất nhiều nhân vật thành danh như Tổng thống

Alexandria Millerand chẳng hạn. Ông không tiền và cũng không có thế lực để được chôn cất tại đây,...đây là sinh phần của một thương gia giàu có ở Paris, rất kính trọng cựu hoàng, khi nghe ông qua đời đã hiến phần đất này cho ông (xem mộ Bảo Đại mới trang 7). Rồi tôi lại đi tới Nguyễn Phước tộc, một thời um tùm với bà đầm Monique Baudot và Bảo Đại, chả hiểu họ có ngó ngang tới mồ mả Bảo Đại hay Ham Nghi không?

Hay nói khác đi: Hàm Nghi là một ông vua bị lãng quên bên bờ lịch sử như Thành Thái và Duy Tân. Thế nên đã có một nữ tác giả đã lặn lội *Đi tìm dấu tích ba vua lưu đày*. Vĩ vậy phù lãng nhân tôi mới bòn mót bài phiếm sử *Vong gia thấy thổ* này đây.

Đi tìm dấu tích ba vua lưu đày.

Thành Thái lên ngôi năm 1889, khi mới lên 10. Khác với các vị vua trước, ông học tiếng Pháp bên cạnh Hán văn, cắt tóc ngắn, mặc âu phục và làm quen với văn minh phương Tây. Nhưng ông chống Pháp qua những hành động không mấy phục tòng người Pháp, nên không được phía Pháp ưa, vì vậy họ tìm cách triệt hạ. Vào ngày 29-7-1907, vì không chịu phê chuẩn việc bổ nhiệm một số quan lại đã được khâm sứ Lévêque, ông bị Lévêque truất quyền. Ông từ chối thoái vị, theo thỉnh cầu của quan lại *triều thần An Nam*. Năm 1916, ông cùng với con trai

là Duy Tân, bị đẩy ra đảo Réunion, một hòn đảo nhỏ nằm trong Ấn Độ Dương thuộc Pháp.

Cụu hoàng Thành Thái sống khá chật vật trên đảo Réunion và sống một căn nhà thuê ở thành phố Saint Denis tại đảo Réunion. Năm 1925, Khải Định biết tình cảnh ông, đã trích ngân sách gửi sang cho ông 1.000 đồng, rồi sau thỉnh thoảng lại cho tiền. Sau khi Khải Định mất, không còn khoản tiền đó nữa. Vào 1945, nhờ sự vận động của con gái và con rể (luật sư Vương Quang Nhưông), cụu hoàng Thành Thái mới được cho về Việt Nam. Ông qua đời ngày 24-3-1954, và được chôn cất tại Huế. Khải Định mất, Duy Tân gửi trướng liễn phúng điếu:

Ông vội bỏ đi đâu, bỏ bạc, bỏ tiền, bỏ con, bỏ hát bội, bỏ hết trần duyên trong một lúc

Tôi nay còn lại đó, còn trời, còn đất, còn non, còn anh hùng, còn vận hội giữa năm châu

Chuyện sau này tôi mới biết trong 55 năm lưu vong, Hàm Nghi đã trở thành một họa sĩ và một nhà điêu khắc. Tác phẩm của ông đã được trưng bày năm 1926 tại Paris. Tất cả bằng vào tờ trình của viên thông ngôn Trần Bình Thanh gửi cho toàn quyền Pháp Tirman: Ông đại úy de Vialar tới xem và thấy những phác họa của Hàm Nghi, tuy không theo trường phái nào của hội họa Âu châu, nhưng rất có nét nên de Vialar đưa họa sĩ Marius Reynaud tới để dạy hội họa cho ông. (họa sĩ Reynaud theo trường phái phương Đông, khi ấy đang sống tại Alger)

Thế là ông say mê lao vào hội họa. Mỗi tuần, Reynaud (giải nhất Roma) tới dạy hai lần, vào thứ ba và thứ sáu. Mười năm sau, ông sang Paris xem cuộc triển lãm của Eugene Henri Paul Gauguin, tranh của ông chịu ảnh hưởng Gauguin từ đấy. Năm 1904, ông học điêu khắc với Auguste Rodin và điêu khắc gia Aristide Maillot. Nếu như con người thường vắng mặt trong các tác phẩm hội họa của ông vì ông có khuynh hướng vẽ phong cảnh, thì trong điêu khắc, ông tìm cách thể hiện những khuôn mặt phụ nữ Tây phương, qua những bức tượng bán thân. Tuy nhiên nói vãi thì lại nói vợ, tôi vợ bèo vạt tép ngẫu sự nào ông chịu ảnh hưởng Gauguin? Có thể vì cuối đời Gauguin sống Tahiti, khoảng thời gian này, tranh phong cảnh, người và màu sắc của Gauguin rất gần gũi với phương Đông. Lại nữa, có thể ông chịu ảnh hưởng Gauguin qua bức tranh nổi tiếng có cái tên đầy ẩn tượng là: “Chúng ta từ đâu đến - Chúng ta là ai - Chúng ta đi về đâu”. Và có thể đó cũng là khắc khoải của ông trong những ngày tháng lưu vong.

Qua văn chương ông có những mối giao tình gần gũi trong giới văn học nghệ thuật Pháp.

Tiểu sử về ông được văn học Pháp ghi chép: Nhà thơ Pierre Louys là người đã giới thiệu ông với nhà văn nữ Judith Gautier, bà là một nhân vật nổi bật trên văn đàn thời ấy. Bà viết tiểu thuyết, làm thơ, dịch thơ Đường và nặn tượng...Điều ít được biết, là khi quen biết ông, bà đã sáng tác một truyện ngắn

mà chủ đề là cuộc chiến của Hai Bà Trưng. Truyện ngắn này đã được đăng trên bán nguyệt san “La Revue de Paris” (số đề ngày 15-12-1897). Bà làm nhiều bài thơ về “Ông hoàng An Nam” (Le Roi d’Annam) và bà...”điều khắc chân dung” ông. Một bài thơ dài, rất dài, nói lên tình cảm và sự trân quý đối với ông qua hai câu tiêu biểu: “Ôi, quân vương niên thiếu lên ngôi - Ròng quắn quại dưới thềm, hấp hối”. (theo nguồn khác Judith Gautier là người tình của Hàm Nghi, số thư hai người trao đổi 93 lá thư giữa năm 1900 và 1916).



Hàm Nghi với những tác phẩm điêu khắc



Nữ sĩ Judith Gautier

Trong cuộc gặp gỡ năm 1902, bà Sepkina-Kupernhic kể lại rằng ông đã thổ lộ những điều mà ông đã và sẽ không nói với ai, những điều ông dồn nén trong lòng và chỉ đợi dịp trào ra: “Đó là mục đích cuộc đời của ông...”. Theo sử gia Fourniau: “Không ai biết ông đã ghi chép những gì trong hơn nửa thế kỷ lưu đày, điều đó mãi mãi sẽ là điều bí ẩn”. Tất cả ghi chép bằng chữ Nho và cất trong một cái hòm, một ngày kia cái hòm đã bị cháy. Ông không được may mắn như Duy Tân viết văn, làm thơ đăng trên các báo Pháp như *Le Peuple*, *Le Progrès*, và đoạt giải nhất văn chương của Viện Hàn Lâm Khoa học và Văn chương của đảo Réunion năm 1924, với tiểu luận "Variations sur une lyre brisée" (Những biến tấu của một cây đàn lyre đổ vỡ).



Năm 2010,
nhà Drouot
tổ chức
bán đấu
giá bức

tranh sơn dầu “Sur la route d’El Biar” (Trên đường El Biar), tên khác là “Chiều tà” (Le Déclin du jour) do Hàm Nghi vẽ vào năm 1915.

15 năm sau trở lại Paris với cái “I-Pad 7X”...

Đang ngồi ở quán “Café terrace”, bỗng nhà thờ Saint Germain des Prés bên kia đường điểm ba hồi chuông báo tử “boong...boong...”, phù lãng nhân tôi chợt nhớ ra các vị vua lưu vong nhà Nguyễn đã về với tha ma mộ địa tự thưở nào. Cùng một cõi đi về, người Tây phương hôm nay, có đường hướng mở quán cà phê ở trong...nghĩa địa để đi tìm một cõi nhân sinh. Thế là sau nửa thế kỷ, sau nửa đời người, phù lãng nhân tôi đã hiện hữu, hiện hình tại quán cà phê ở nghĩa địa Passy để tìm mộ vua cuối cùng của nhà Nguyễn.

Móc trong túi xách cái “I-Pad 7X” rà rà một hồi lời tới ra bài viết của ai đó:

(...) Tạt vào phòng quản lý nghĩa trang, tôi xin một bản đồ, theo hướng dẫn bản đồ tôi sẽ tìm thấy

mộ của Bảo Đại một cách dễ dàng. Nhưng đào mấy vòng không nhìn thấy mộ của vị cựu hoàng nước Nam. Thật lạ lùng! Tôi trở lại phòng quản lý. Vừa nghe tôi hỏi, người quản lý nghĩa trang đã vui vẻ dẫn đường. Đến khu vực lúc nãy mà tôi tìm không ra, ông đưa tay chỉ vào một ngôi mộ nằm thấp tè sát mặt đất. Thật không thể tin nổi vào mắt mình!

Phần đất khiêm tốn, phủ bên trên bởi hai miếng bê tông như hai tấm dale. Không một tấm bia, không một dòng chữ đề lại. Ngoài chậu cây xơ xác... Tôi hỏi sao ngôi mộ lại quá đổi hoang lạnh. Ông quản lý kể rằng sự ngạc nhiên mà tôi gặp khi nhìn thấy mộ Bảo Đại là chuyện bình thường. Đã rất nhiều người Việt đến đây thăm mộ. Lần nào ông cũng phải dẫn họ đi tìm. Và lần nào ông cũng chứng kiến họ ra về, thái độ rất thất vọng. Tuy nhiên cũng nhờ qua họ, ông mới biết Mộ Bảo Đại khởi đầu do bà Monique Baudot dựng lên, vì thiếu tiền nên không có bia. (...)

Phù lãng nhân tôi ngẫm ngội việc xây mộ cho cựu hoàng Bảo Đại, khi ông từ trần ở Paris, chỉ có người vợ cuối cùng của ông là bà Monique Baudot ở bên cạnh, trên pháp lý, chỉ có bà Monique có hôn thú còn sống mới có quyền xây mộ cho ông. Theo người con trai út của ông là hoàng tử Bảo Ân, bà thứ phi Mộng Điệp có tiền nhưng lại không muốn giao cho bà Monique xây mộ. Các hoàng tử, công chúa không làm được vì không có sự đồng ý của bà

Monique, còn phía Nguyễn Phước Tộc nhiều người
lắm của lại đứng ngoài

Cụu hoàng Bảo Đại là người may mắn, trước
khi mất được một thương gia giàu có ở Paris mên
mộ nên nhường sinh phần của mình cho Bảo Đại.
Mười hai năm sau, một chủ công ty mộ bia ở Paris
là ông Cridel thấy hoàn cảnh của cụu hoàng Bảo Đại
đáng thương nên đã thực hiện bản vẽ và ông sẽ giúp
phí tổn xây cất. Được bà Monique đồng ý, ông Bảo
Án từ Mỹ qua Pháp, đến gặp ông Cridel để xem bản
vẽ và đưa ra tên tuổi của cụu hoàng để ghi khắc trên
bia.

Vào nghĩa trang Passy, phù lãng nhân tôi đang
ngửa mặt lên trời nhìn mây bay gió thổi, xa xa là
Tour Eiffel cao nghệu, đang lang lang thang như
thành hoàng làng khó giữa đám mộ bia cũ sì, đập
chát vào mặt tôi là mộ bia Bảo Đại...



Hoàng đế Việt Nam
Húy
Vĩnh Thụy
1903 - 1997
Sa Majesté Bảo Đại
Empereur du Viet Nam



Mộ cũ

Đi tìm mộ Duy Tân...

Chợt nhớ ra ai đây tha ma mộ địa mộ phần Bảo Đại và Duy Tân đều nằm ở nghĩa trang Passy này đây. Nhưng tôi sấm nầm có gì đó không xong nên trở lại cà phê nghĩa trang hỏi người “garçon”. Người khề khàng ở nơi này chỉ có “hoàng đế Bảo Đại” thôi. Thế là cái đầu đất tôi mượn có đầu xới bài viết “Công chúa Suzy Vĩnh San” có đoạn: “Vì không hiểu cách đặt tên của nhà Nguyễn nên trong sổ hộ tịch Pháp chỉ ghi hoàng tử Vinh San, là hoàng tử An Nam “.

Bèn rà rà cái “I-Pad 7X” tìm tác giả Bảo Tâm nói chuyện với bà Suzy Vĩnh San.

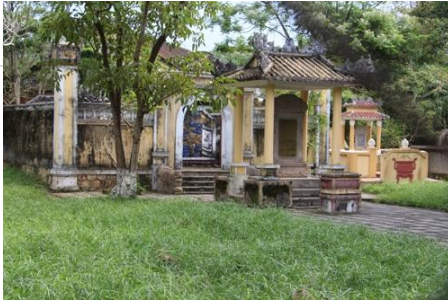
(...) Cách đây đúng 100 năm, ngày 3-11-1916, chiếc tàu Pháp mang tên “Guadiana” đem hai vua Thành Thái và Duy Tân cùng với người thân đến đảo la Réunion đi đây.. Hiện nay trên đảo này có chiếc cầu lớn và một con đường ở thành phố St Denis mang tên Vĩnh San. Năm 1945, sau cuộc gặp gỡ với tướng De Gaulle, trên đường từ Paris trở về đảo Réunion để thăm gia đình vào dịp Giáng Sinh, máy bay rớt xuống làng Bossako, thuộc vùng M’Baiki, trên lãnh thổ Oubangui-Chari ở Trung Phi, vào ngày 26-12-1945. Chiếc máy bay Lockheed

Lodestar C-60 cất cánh từ Paris bay về Bangui. Phi hành đoàn gồm 9 người không ai sống sót.

Sau khi xảy ra tai nạn, di hài vua Duy Tân được chôn cất ngày 26-12-1945 tại nghĩa trang công giáo M'Banki. Ngày 28-3-1987, con trai lớn của vua Duy Tân là hoàng tử Guy Georges Vĩnh San với sự trợ giúp của thủ tướng Jacques Chirac đã sang bốc mộ vua đưa về Paris làm lễ truy điệu ở Vincennes. Ngày 6-4-1987, công chúa Suzy Vĩnh San đưa hài cốt cha về Việt Nam và sau đó vua Duy Tân được an nghỉ vĩnh viễn tại An Lăng, nơi có mộ phần của bố là Thành Thái và ông nội là Dục Đức. Từ khi Duy Tân rời Huế (1916) cho đến lúc chỉ còn là nắm xương cốt tro tàn trở lại Huế (1987), đúng 71 năm đã trôi qua. (...)



Mộ Duy Tân ở M'Banki



Mộ Duy Tân ở An Lăng



Mộ Thành Thái ở An Lăng

Phù lãng nhân tôi dựa dẫm theo bài viết “Công chúa Suzy Vĩnh San” của tác giả Bảo Tâm:

(...) Vua Hàm Nghi được người Pháp trọng vọng, tuy cũng bị hạ xuống thành “hoàng tử An Nam”, như Thành Thái, Duy Tân. Vua Hàm Nghi sống trong lâu đài, cưới con gái của ông chánh án Alger là bà Marcelle Laloe làm chánh phi, các con của vua đều mang tước vị hoàng tử, công chúa, cuộc sống sung túc, đầy đủ, đem lại cho vua Hàm Nghi nhiều cảm hứng vẽ tranh, điêu khắc. Mỗi năm vua Hàm Nghi được Pháp cấp dưỡng 80.000 quan, trong khi vua Thành Thái chỉ được 30.000, còn vua Duy Tân nhận được 12.000 quan Pháp.

Để đương đầu với nghịch cảnh, vua Duy Tân trở thành chuyên viên vô tuyến điện, mở một cửa hàng sửa chữa, buôn bán dụng cụ vô tuyến điện, điện thoại, radio... Bà Suzy thở dài: “Lúc cha tôi chết, tôi được 16 tuổi... Giáng sinh năm ấy chờ mãi không thấy cha tôi về, mãi sau mới nhận được tin dữ. Gia đình không còn thu nhập của cha tôi cấp dưỡng. Tôi phải bỏ học ngay, tìm việc làm. Gia đình rất túng quẫn”.(...)

Thế là phù lãng nhân tôi hòm hòm đến trần ai khoai củ từ chuyện Duy Tân là chuyên viên vô tuyến điện đến khi trở thành quân bài của De Gaulle mỗi người viết mỗi khác. Thảng như: “Duy Tân đã ủng hộ De Gaulle bằng cách dùng vô tuyến điện của mình ở đảo Réunion (không được về Paris) để thu thập tin tức từ bên ngoài rồi chuyển cho lực lượng giải phóng của De Gaulle”. Với tác giả khác: “De Gaulle triệu ông tới Paris thăng cấp vượt bậc từ chuẩn úy lên thiếu tá”. Thêm ai đó một sách một chữ dựa vào hồ sơ lưu trữ ở Aix-en-Provence (Trung tâm lưu trữ Hải Ngoại CAOM) thì: “De Gaulle tiếp Vĩnh San trong vòng nửa tiếng đồng hồ tại trụ sở “Bộ chiến tranh”. Cuộc gặp *tay đôi, không có người thứ ba, không có biên bản*. Hai người *nói với nhau những gì, lập trường của họ có xích lại gần nhau không, không ai biết*”.

Về lại làng Thonac...

Với Duy Tân bị đày đến đảo Réunion khi mới 17 tuổi, Hàm Nghi cũng bị lưu đày tới Alger 17 tuổi. Tôi lại quay quắt với sử gia Fourniau viết: “Không ai biết Hàm Nghi đã ghi chép những gì trong hơn nửa thế kỷ lưu đày, mãi mãi sẽ là điều bí ẩn”. Theo tôi nhằm vào cái tuổi bất chi lão tương chi sãn cái mạch quê hương bản quán vạn kiếp tha hương nghìn đời thâm ấy, Hàm Nghi viết lại mảnh đời lưu đày của ông. Nào khác gì nay có rất nhiều người viết về ông, nhiều lắm, gần hai chục người, gần như có thể nói ông là vị vua triều Nguyễn được viết nhiều nhất. Ngoài hình ảnh, những dữ kiện về cuộc đời lưu vong của ông, và phần mộ của ông ở làng Thonac. Họ còn tìm ra “Hịch cần vương của Hàm Nghi”, “Cặp kiếm của Hàm Nghi”, v...v...



Riêng phù lãng nhân tôi với cỏ hoa lạc lối góp nhặt được bài thơ.

Ôi việc trên đời nghĩ cũng hay
 Sơn hà xã tắc nắm trong tay
 Hai hàng mũ áo mong mong trước
 Bốn phía cày bừa nhớ nhớ nay.
 (Hàm Nghi 1887-1888)

Trong những người viết về các vị vua nhà Nguyễn lưu vong có Nguyễn thị Cỏ May, một người di tản buồn mượn giấy khô mực nẻ, với những ngày tháng còn lại nơi “đất trịch” dằn trải ...”hịch cần vương” không biết mệt mỏi và cũng...không biết đi đến đâu!? Cùng nỗi sầu vong gia thất thổ, người Cỏ May gửi gắm vào khoảng không nỗi cô liêu trầm luân trong bể phù sinh của một kẻ lưu vong sống vô gia cư, một ngày nào đó...chết vô địa táng nơi đất người.

Đang phiêu lãng quên mình lãng du đến đây, phù lãng nhân tôi búng tay cái tách gọi người “garcon” bắt cho cái taxi đi thăm lại mộ phần Hàm Nghi, để chụp vài tấm ảnh cho vào bài viết *Vong gia thất thổ* (kỳ trước không có cái “I-Pad 7X”). Người “garcon” ới taxi. Người cứ “oui” với “non” riết, lát sau “lái xe” tới xì như người muôn năm cũ với xe cóc cụ hiệu Citroen 2CV.

Vừa bước vào nghĩa trang làng Thonac , như 15 năm trước , những ngôi mộ bỏ hoang vẫn còn đấy . Giữa không gian thê lương cổ hữu năm xưa ở nơi chôn cất , nỗi buồn không tên bám búi hồn người thăm mộ lúc nào không hay . Đứng trước nấm mộ của vị vua lạc lõng nơi đất khách quê người , những rêu phong mọc trên lớp đá vân cẩm thạch thành màu đen che kín không còn nữa . Mà nay được tu sửa lại với màu vàng ảng của nhà Nguyễn về chiều.



Bởi năm 2013, hai người Việt ở Pháp, một người họ Bùi, một người họ Mai, không họ hàng thân thích với họ Nguyễn. Họ đã cùng với người quản lý chính trang nghĩa trang làng Thonac đã tái tạo lại phần mộ của vua Hàm Nghi như mới. Tất cả chỉ vô tình trong một dịp nghỉ hè.

Và cũng chỉ vô tình thôi...

Với không có mây sao có mưa, khi không cái đầu tối như đêm, dày như đất của phù lãng nhân tôi gọt gọt với “lái xe” muốn đi thăm người Cỏ May ở nhà số 11 có cái cầu thang xoắn ốc từ thời Louis 13. Thêm ngẫu nhiên như người garcon, “lái xe” làm như có gì suy nghĩ lung lăm trong giây lát rồi mặt mày nhăn nhúm, miệng tặc lưỡi một tiếng “Oui”...yếu sùu.

“Lái xe”...lái xe tới một nghĩa trang lớn thật lớn. Ngõ “lái xe” đưa phù lãng nhân tôi vào đây để tìm mộ vị vua lưu vong...Đang định giục giặc hài cốt vị vua lưu vong đã được đưa về an nghỉ tại An Lăng, ở Huế thì...Thì “lái xe” đón chuyện Père Lachaise là nghĩa trang rộng rãi nhất Paris và cũng lớn nhất thế giới...“Lái xe” lái xe qua những khu mộ rộng lớn dưới những hàng cây cổ thụ cao, rậm lá, được chăm sóc kỹ càng. Có những tấm bia của những danh nhân nằm chung với những nấm mồ vô chủ của những kẻ vô danh.

Xe ngừng lại ở một bia mộ vô danh với chỉ một chữ: Nguyễn.

Hà tất thành sâu đổi cỏ cây

Ngày ông cụ tôi rời làng quê...

Thế theo chữ nghĩa thời ấy gọi là đi kháng chiến, tôi nhảm chừng cụ còn trẻ lắm. Tôi không biết khoảng thời gian nào cụ trồng một cây bàng ngay ngã ba đầu làng. Ất hẳn cụ vớ được hạt bàng lẫn lóc đầu đó và trồng chơi trong lúc đánh khăng, đánh đáo đầy thôi. Đầu trở xuống cuống chỗ lên, nghe họ hàng hàng hốc kể lại cây bàng có tàn, có tán và dưới gốc cây có một quán nước của dân làng. Tôi mừng tượng trên cái trống tre có mấy lọ kẹo lạc, kẹo vừng, nải chuối, chiếc điều cày, ống đóm, ngọn đèn dầu và cái ử tích lúc nào cũng sẵn sàng rót ra những cốc nước trà nụ với đặc quánh màu nâu đất, ngào ngạt hương thơm nồng ấm của đất quê... Ông bà ta đã dậy cơm mắm thắm về lâu, ấy vậy mà ông

cụ tôi bỏ làng bỏ nước đi không hề ngoảnh mặt lại, chưa một lần trở về với ao sâu ruộng vườn với những cái giỏ cua, nơm nứa, gàu sòng. Để rồi cái thằng tôi vào cái tuổi ngũ thập cổ lai hy, tôi phát phờ về thăm quê nhà, và nhớn nhớn nhìn ngắm cây bàng của ông cụ tôi năm xưa...

Cụ trôi dạt từ vùng xuôi lên mạn ngược, thỉnh thoảng cụ nhắc đến những nơi chốn lạ hoắc như Lào Kai, Sa Pa, để rồi một ngày chẳng nghĩ sao cụ dinh tê và làm thông ngôn cho...Tây. Cụ theo mấy ông Tây “cà lồ” đi tứ phương tám hướng không phải để bắt Việt Minh mà...bắt thuốc phiện lậu, hay vào rừng đi săn con “petit...đen, petit...vàng”, để tôi hiểu đó là...con hổ.

Một ngày cụ ngừng chân ở một vùng quê...

Đất quê đây cũng có quán nước đầu làng và cụ gặp ngay một thôn nữ mà sau này là...bà cụ thân sinh ra tôi. Cái buổi ban đầu lưu luyến một nhớ hai quên ấy, cụ không quên trồng ở vườn nhà bà cụ tôi một cây xoài ngon ngọt từ trong Nam mà cụ thừa ở đâu chẳng biết nữa. Lớn lên cây xoài hóa thân thành...cây muỗm, trái bé choắt như trái cật heo và chua lè. Tôi cứ nhớ mãi cây muỗm cao hơn chục mét ở cái tuổi ấu thời dây đặc lá hình thuôn mũi mác, hoa nở chùm ở ngọn đầu cành, rồi hoa đậu thành trái. Tôi không ham hồ lắm với chùm cuống dài ngoằng mà có cả chục trái muỗm xanh lúng

lẳng.... Cái tôi hăm hờ muốn trèo lên cây cao chót vót vì ở đấy có cái...tổ chim chào mào đầu đỏ.

Tiếp đến tôi sinh ra đời, bốn năm tuổi tôi còn nhớ như in là ông cụ tôi mặc cái áo “ba-đờ-xuy” màu cứt ngựa có cúc đồng, đội cái mũ “ca lô” hay mũ...“chào mào” như cái thuyền giấy gấp và kể từ đấy cụ không...trồng cây nữa. Hay nói khác đi cụ chỉ cười ngựa xem hoa hay có gặp hoa lạ chỉ là hoa rơi cửa Phật mà tôi hiểu ra là nhân quả. Vì rằng ngẫm cho cùng với cây bàng, cây xoài, ông cụ tôi chỉ trồng cây để...có cây mà trồng vậi thôi.

Tất cả về ông cụ, tôi chỉ biết có bấy nhiêu.

Nói cho ngay ông cụ tôi chỉ là ông bố bình thường của thời này thế đấy thời trước thế đó. Đến khi có mặt ở miền Nam với hai mùa mưa nắng, viết theo chữ nghĩa cho lao xao vãn về là vào cái lúc cả hai ông bà đang cặm cụi với “Cửa tiên công khi xây đắp đỉnh chung, mấy thu tròn tìm thú cỏ hoa, chặn thúy vũ những bèo trôi xóc nổi...”. Mà xóc nổi thật, vào một ngày sáng nắng chiều mưa, ông cụ tôi đang mải mê xem đá bóng ở đâu đó. Thêm một lần phiêu diêu với chữ nghĩa thì bà cụ tôi ở nhà đang “Một buổi chiều thanh thản, chợt nghĩ đến người bạn tri âm, lâu năm không gặp. Vừa lúc đó, nghe tiếng lạch cạch ngoài cổng, nhìn ra thì đúng là người mình nghĩ đến...”. Và có tiếng lạch cạch ngoài cổng thật mới hay,,,hay ở chỗ bà cụ tôi đang nhân nhả quét sân hốt lá vàng, lá xanh, chẳng đợi tri âm, tri kỷ nào,

nên chẳng rồi hơi nghĩ đến ai. Nghe tiếng động bà ra mở cửa thì...

Thì tôi cũng đang đứng lơ quơ ở đó, quét ngang mặt tôi là một cô thiếu nữ Hà Thành tức người Hà Nội nằm ở cái tuổi xuân thì. Cô mặc áo dài lụa nâu, môi son má hồng và có khuôn mặt buồn nhiều hơn vui. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời ở cái tuổi nhằng nhằng, tôi có “cảm giác” thế nào là...người đẹp Hà Thành. Mặc dù tôi mới 10 tuổi và đang ở...Sài Gòn. Thế là bà cụ tôi kéo thốc cô vào nhà...Cả hai nước mắt ngấn dài châu đầu thủ thi kể chuyện không nắng thì mưa. Chuyện là năm 54, bà cụ tôi vào trong Nam trước mấy tháng. Vì là lính, ông cụ tôi ở lại Hà Nội lo chuyện “di tản chiến thuật”. Vì là lính có lon lá nên ông đi...nhảy đằm để thành chuyện “phòng nhì”, phòng hai. Nói chung cũng tốt thôi, như trên đã giải bày, ông cụ tôi là một người bình thường, như bất cứ người đàn ông nào hiện diện ở đầu thế kỷ hai mươi với...chán cơm nguội thì ăn phở. Tất cả chỉ là cái nhẽ thường tình của đất trời. Nhưng ông là người nhanh chân...lẹ con mắt. Năm 54 ông cụ tôi “tiền đưa” bà cụ tôi vào Nam trước mấy tháng bằng máy bay Dakota hai cánh quạt quay vù vù. Tiếp đến, chẳng vượt biên cũng không vượt biển, trước 75 mươi ngày, bà cụ lại được “tổng tiền” qua đây bằng Hercule phản lực.

Ít lâu sau vì chỉ nghe chứ không thấy nên không tin: Chuyện là bà cụ tôi nghe tả trên thiên đường, thiên thần có cánh bay vi vút suốt ngày nên vui lắm! Thế là bà cụ tôi bèn...vui vẻ được Chúa...gọi về.

Ngay sau đó là cái “Cáo phó”: Thành thực báo tin buồn này kia kia nợ.

Đi tìm người xưa...

Đang đi nắng về mưa, cụ đang vắng gió đầu hiu bên bờ hiu quạnh... Và thân già vác dùi nặng, ông cụ tôi được thể cất công đi tìm cô áo nâu, người đẹp Hà Nội một thời, một thuở.

Chuyện là vào cái lúc chân ướt chân ráo sang đây, mặc dù cụ sáu mươi có lẽ nhưng vì cái nợ áo com...bắt phong trần phải phong trần, cụ bắt được cái “job” thơm như múi mít là cái chân phụ bếp trong một nhà hàng Tàu. Vừa đảo cái chảo com chiên khối bay mịt mù, cụ nghe hơi nôi chỗ người xưa vừa mới...”chèo thuyền” đến một tiểu bang xa cách nghìn trùng. Tình cũ không gọi mà đến, thế là cụ cuống cuống chùi tay vào cái tạp dề phóng ra khỏi tiệm. Trong buổi tan tâm đông nghìn nghịt...cụ kể lại chuyện bôn ba xuôi ngược nơi xứ người bằng cái xe Mustang thổ tả đời 1967, bản đồ nhằng nhịt nên cụ lơ mơ lố mỗ...Cụ cứ nhắm theo dòng xe như mắc cửi mà khai phá mảnh đất mới, bởi số cụ có sao thiên di nên cụ đi theo mệnh trời. Vì cứ theo cụ kể lại thì: Cụ lái cái Mustang đeo theo cái xe truck 18 bánh nào đấy, bởi cụ triết lý củ khoai là xe truck lớn thế nào cũng tới thành phố lớn nên chả sợ lạc...Cụ luân lạc về hướng đông, hai ngày một đêm thì cụ gặp lại người cũ.

Khúc sau cụ không...trồng cây nữa.

Khúc kế tiếp để rồi đến một ngày tóc bạc da mồi, ông cụ tôi cáo lão về hưu. Ông bà về thành phố tôi đang ngụ cư để tối lửa tắt đèn có nhau. Để tôi ghi nhận những chia ngọt sẻ bùi của bà với ông cụ tôi rồi một ngày nào đó, ông cụ tôi và bà đều phải đối đầu với nỗi buồn chạm mặt để bước qua ngưỡng cửa sinh, lão, tử, bệnh.

Ngày ấy cũng đã đến: Bà bị ung thư.

Với cái bệnh quái ác trên cần phải chữa trị dài lâu và bà ra vào bệnh viện như đi chợ. Trong buổi chợ chiều vắng khách, bà chẳng còn thì giờ nhiều để gần gũi chăm sóc ông cụ tôi nữa. Bệnh tình của bà lôi kéo sức khỏe của ông cụ tôi xuống theo như hòn đá lăn xuống dốc và nằm chờ vợ ở dưới chân đồi. Bất giác tôi lững lờ qua âm hưởng của dòng nhạc “Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau”. Hoang tưởng vậy thôi, nhưng tôi cũng điện thoại cho thằng em cùng cha khác mẹ....Chẳng là mấy tuần nay, thỉnh thoảng nghe tiếng điện thoại vu vơ nửa đêm choàng tỉnh dậy, thấp thỏm chẳng hiểu ông hay bà có mệnh hệ nào chẳng. Nghe đầu giây bên kia nói xin lỗi lộn số thì lại...mừng hóm nhưng lại lao xao...không ngủ được.

Thế là hôm sau, tôi cò cưa với thằng em một lần ông cụ ngã từ trên giường xuống...khổ nỗi ông cụ to con, khi ngã bị nằm kẹt cứng giữa thành giường cái tường với khoảng cách nhỏ hẹp. Cụ đang như ngọn

đèn leo lét nên không xoay sở được. Bà vực ông dậy không nổi vì yếu sức. Một phần khác nữa người ông cụ tôi nhão như bao gạo bị thấm nước nên vừa nặng vừa vương vís. Bà điện thoại cho tôi vì gần nhà. Tôi vội gọi xe cấp cứu. Họ đến làm những việc cần phải làm. Xong, họ đề nghị đưa cụ vào viện dưỡng lão. Điều bất như ý đó chẳng một ai muốn. Tôi cứ cảm cảnh cái tuổi vắng gió đìu hiu và cảm hoài cho cái hiu quạnh của tuổi già sống không có con cái ở gần bên. Thấy tôi láo nháo vậy, thằng em lái xe tới nhà. Hai anh em đứng ở cái cửa tò vò hút thuốc lá vậ và tôi chỉ nó cái cây ngay trước cửa.

Và kể cho nó nghe chuyện...hà tất thành sâu đối cỏ cây.

Cây đây là cây phong lá xanh rộng bản từ miền bắc lạnh lẽo, thân to và cành cứng cáp. Chẳng hiểu người chủ trước trồng nó tự bao giờ, nó vẫn lừng lững đứng ở đấy dãi dầu với nắng mưa. Vậy mà năm nay, mỗi ngày tháng mỗi tàn lụi dần...Bỗng dưng không đâu tôi có linh cảm cây phong có chung một dòng sinh mệnh với ông cụ tôi. Tôi nói với thằng em, mới năm trước, cả thân cây rọp tàn rọp tán vậy mà qua một cơn bão biển, nó chỉ còn dăm cành, mỗi cành mười chiếc lá phát phơ trước gió. Bây lâu nay, cây chăm bón mãi mới lên được vài tàn lá khô sớ. Bèn đi xem bói, ông thầy dậy rằng trong họ sắp có tang nhưng không...quan trọng lắm. Nghe lạ, gì mà

không quan trọng? Chợt nghĩ năm nay là năm Kỷ Sửu, ông cụ tôi 95, chỉ dăm năm nữa được bách tuế giai lão, lại vất vưởng đến câu chúc “trăm năm đầu bạc”. Với tôi chẳng có ý nghĩa gì trong lúc này. Ngẫm cho cùng người già như cây hết nhựa vậy.

Cuối cùng hai anh em cũng đành sàu qua ngọn cỏ với cỏ xót xa đưa cỏ xót xa người với mưa ngẫu cách trở qua cầu ô thước: Tôi đưa ông cụ về nhà tôi. Nó đưa bà về nhà nó....Nhìn cảnh cây gần như trơ trụi lá, dòng nhạc thân quen lại lảng đãng trong tôi: “Em hỏi tôi đã biết thờ dài xa xôi? Em hỏi tôi đã có ngậm ngùi chia phôi?”. Bâng khuâng hồi tưởng lại phim “The River of No Return” bất giác tôi thờ dài với mưa bay gió thổi, mai này cũng phôi phai.

Bởi chung tôi tin những chuyện huyền hoặc của các cụ ta xưa qua những chiếc bình vôi có linh hồn nằm lẩn lóc dưới cây đa, cây đề của một thời xưa cũ. Vì cách biệt tuổi tác nên tôi không kể cho thằng em nghe chuyện qua một bài viết về cây chuối ở gọc vườn, cứ nửa đêm về sáng, buồng chuối kêu “bụp...bụp...”. Các cụ dậy ấy là cây chuối đau đề. Vì vậy ở nhà quê, ai đó sinh khó, hai mẹ con đều chết. Các cụ trông cây chuối ngay đầu mộ để mẹ tròn con vuông.

Riêng tôi...tôi tin chuyện “không tưởng” ở thế giới khác. Ừ thì tạm cho là tâm linh thì cây có một dòng sinh mệnh với người mà tôi đã trải qua. Nhưng ấy là chuyện sau.

.

Chuyện bây giờ là...

Là ông cụ tôi bị bệnh tiểu đường nên hay đi tiểu giắt... Mỗi tối khuya tôi đưa cụ vào phòng vệ sinh ba bốn lần. Mỗi lần vực cụ dậy, tôi luồn tay xuống gáy cụ, đỡ cụ hẳn lên, vất vả lắm mới chuyển cụ tới cái “walker” bằng nhôm bốn chân có hai bánh xe lăn. Hai tay cụ xuội bại, như khúc cây lỏng le dính vào bả vai, làm như máu không còn lưu thông được nữa hoặc lưu thông rất ít nên màu da trắng nhợt nhạt tái mét. Hai chân cụ khăng khiu, tóp lại như hai cây sậy. Tôi lại ngậm ngùi với đôi chân này đây, hồi còn trẻ cụ đã mòn gót từ Sơn La xuôi tới núi Đèo và đã gặp bà cụ tôi để tôi có mặt trong cõi đời này. Chưa hết, vóc dáng cụ cao, to người, nay gầy thì có gầy đấy, nhưng vẫn còn nặng hơn tôi nên không dễ dàng gì bế cụ ngồi dậy vì lưng cụ bị còng như cành cây cong. Lại nữa, mỗi lần tắm rửa cho cụ... Da thịt cụ mềm nhão, tôi có cảm tưởng như cầm trong tay một cái áo bông cũ vừa nhàu, vừa nhẹ tênh. Tôi miên man đến luật đào thải, đến tuổi lão hóa: Hình hài có đấy, nhưng cũng không đấy.

Với luật đào thải, hay tuổi lão hóa, thì...

Thì tôi ăn mày chữ nghĩa qua câu “gái thương chồng đương đông buổi chợ, trai thương vợ nắng quai chiều hôm” khi còn trẻ, các cụ theo con trâu bán mặt cho đất, bán lưng cho trời nên không gần gũi nhau. Khi vào cái tuổi bóng xế chiều hôm các cụ mới có thời gian săn sóc cho nhau. Những tia nắng

yếu ớt “nặng quái chiều hôm” chỉ tồn tại trong chốc lát mà thôi qua những ngày còn lại sống qua ngày chờ qua đời. Vì vậy cả chục năm trước, ông cụ tôi không chịu về ở với con cái vì ngại phiền hà các con...Nhất là khi các cụ ăn không vào, nuốt không vô, thêm tiêu tiện chẳng được, đại tiện cũng không xong. Với cái nợ đời đeo đẳng dai dẳng ấy, ít nhất hơn một lần ông cụ tôi lụm cùm với tiện nội tôi (người vợ sau này): “Cậu muốn chết cho rồi để khỏi làm khổ các con”. Chẳng phải bất hiếu gì, nói thẳng mực tàu đau lòng lòng gỗ, cái đầu củ chuối tôi mọc ra cái ý tưởng: Một ngày nào đó cụ nằm xuống, tôi sẽ thở ra cái phào. Tôi không thở ra cho tôi mà cho cụ: Thoát được cái tuổi già với những nặng nợ ồm ồm đau, vật vã của thân xác. Đến tao đoạn này, lại quán quã đến mấy bạn già của tôi ham chạy bộ, thở ra hít vào để mong sống lâu. Sống đến ngày thở khò khè...bò trên cái giường bé bằng mắt muỗi cũng không nổi. Lấy ngón nuôi dài, tôi lại quay quán đến hôm nào hôm nào nhân viên cứu thương nói hãy đưa cụ vào viện dưỡng lão. Về nhà, tôi bàn với tiện nội tôi cho có chuyện để nói. Nằm dài trên ghế ‘sa-lông’ hóng chuyện, con gái tôi khi ấy 11 tuổi, góc đầu lên hóng hớt: “Nếu bố già, con đưa bố vào “nursing home”, bố có chịu không?”.

Năm sau bà cụ mất.

Tôi được họ hàng dặn dò đừng cho cụ hay biết, vì không ít thì nhiều, qua lời ong tiếng ve “có tin có

lành” cụ này mất thường rủ cụ kia đi theo. Hồi nhớ lại đám tang nhà tôi có lời ra tiếng vào chuyện phải đưa xe tang chạy qua nhà để nhà tôi nhìn lại căn nhà lần cuối. Là con mọt chữ, sau đó tôi viết về tập tục đám tang của các cụ ta xưa có đoạn:

(...) tới cổng vườn nhà ai đấy, trên cành cây ngoài vườn buộc miếng vải hay tờ giấy bản trắng để cây cối cũng nhớ thương tiễn người đi. Vừa lúc nhà đám đi ra, vì ngõ trúc ao sâu nên không len chân vào được, tôi chỉ thấy người dẫn đầu tay cắp cái rỏ, tay rải tiền âm phủ và những thỏi vàng trắng. Cụ cho hay ấy là tục rải vàng bạc trên đường đi để đánh dấu cho người chết biết lối mà trở về nhà. Ra khỏi ngõ, đô tuỳ nhà đám hạ quan tái vừa chạm đất là nhấc lên ngay, tất cả ba lần. Mỗi lần vậy, họ hàng tang gia mặc áo tang luom nhuộm, không may vá mà chỉ có mấy cái dải nửa buộc lại, đầu tóc để rối không chải. Họ quỳ đập đầu xuống đất vái ba lạy. Cụ giảng giải quan tài nhấc lên hạ xuống là người chết chào từ biệt gia đình về với ông bà tổ tiên. Ra đến cổng làng, linh cửu phải quay đầu lại để người chết được nhìn cái cổng làng lần cuối. (...)

Ngoài ra với quan hôn tang tế của các cụ ta xưa khác bây giờ với người con cả chống gậy tre hay gậy vòng theo quan tài bố. Tôi ăn chữ mẹ bát thiên hạ với đám tang vợ, đám tang bố cũng khác nhau với tang phục tiêu ký, tang phụ đại ký qua vấn tang, phục vấn này kia:

(...) Vịn quan tài có một anh trai mặc “áo bực” tức tang phục hay áo tang. *Ao bực* là áo sô gai vải bố, thắt dây lưng lá chuối, đội khăn vành quần rom như cái rế đội nồi, chân trần, chống gậy là đốt cây tre. Cụ dậy bố anh trai mới chết, còn nếu như mẹ chết thì chống gậy vòng. Bỗng có chị gái chồm “khăn mấn”, áo lộn sòng sô gấu, lảo đảo ra giữa đường, giãy đành đạch, khóc lóc thảm thiết và níu áo người ta không cho bước qua. Thấy lạ nên sắc mặt. Cụ cho biết ấy là con dâu hay con gái nằm cạnh người ta đem bố mình đi chôn. (...)

Trở lại với ông cụ tôi...

Nói chung vào cái tuổi tà tà bóng ngả về tây, các cụ ngại ngừng về gặp lại với ông bà tổ tiên, hay nói khác đi là càng đến tuổi chín tầng đất mười tầng trời thì các cụ lại càng sợ...*chết*. Vì vậy, có nhiều các cụ lo lắng mất đi một chỗ bám víu, thế nên các cụ dựa dẫm vào các con đi tìm một sinh lộ muộn màng. Với tuổi già cảm cảnh này, riêng ông cụ tôi cất dấu trong ngăn kéo, dấu kín trong ngõ ngách tâm khảm để gặm nhấm trong những ngày nhạt nắng.

Mà nào thặng tôi có hơn gì bố mình...

Có một tối nửa đêm về sáng, tôi tỉnh dậy và nhìn qua ông cụ đang nằm co quắp...Đã nhiều lần tôi cũng thấy tôi cũng nằm lưng uồn gù như con tôm nào có khác gì cụ. Vì mọi ngày nào đó tôi cũng như cụ thôi. Để rồi nhiều tối, nhiều đêm tôi tỉnh dậy giữa khuya và dường tượng ra phải chạm mặt với một sự

thực chẳng thể chối bỏ là tỉnh dậy thì...Thì cụ đã đi rồi, hiểu là cụ chẳng còn nữa. Rồi sẽ phải làm gì đây? Để rồi cái sợ cứ gặm nhấm mãi và không ngủ được lại nữa. Sáng hôm sau thức dậy, tôi ngắm nhìn ông cụ có...còn không. Đôi khi thấy ông cụ nằm im như đã...đi rồi trong giấc ngủ. Thế là một là tôi vỗ vỗ cụ thăm chừng. Hai là lấy tay mình đưa hươ hươ qua mũi ông cụ xem cụ còn thở không.

Cũng những nghĩ quẩn trên, sáng nay tôi thao thức và chập chờn hết ngắm cụ đến nhìn đồng hồ thấy cái kim chỉ vào cái giờ giấc như thường lệ. Tôi ra bếp đun ấm nước pha cà phê cho tỉnh táo để viết bài vở. Trong khi chờ đợi nước sôi, tôi trở lại phòng ngủ, ngồi bên cạnh giường và ngắm cụ qua ánh sáng mờ mờ của cái đèn ngủ. Tôi bắt gặp cụ đang nhắm mắt, nửa tỉnh nửa thức. Ánh sáng yếu ớt hắt qua cái chụp đèn nhưng soi rõ những nếp nhăn trên trán, trên mặt cụ như những nếp gấp của thời gian. Những sợi tóc bạc lơ thơ, lác lõng trước trán quần rôi vào nhau. Ngắm cụ gần hơn một chút nữa, tôi nhìn rõ từng vết nhăn trên mặt, trên cổ, những lằn sếp ngang dọc, những chấm đồi mồi lớn nhỏ trên hai gò má. Tôi có thể nhìn thấy những thớ thịt mềm và nhão rung rung ở cổ cụ với hơi thở nặng nề đứt quãng, trông cụ như con búp bê bằng vải cũ được lòi ra trong cái rương quần áo ẩm mốc lâu ngày.

Em ơi...Mở cửa...

Bỗng cụ thò tay ra khỏi chăn, cầm tay tôi. Rất nhẹ nhàng tôi nắm tay cụ. Bàn tay gầy guộc và chun choát lại của cụ nằm lọt thỏm trong tay tôi.

Cụ thì thào dứt quãng:

- Cậu...muốn...về...với cô.

Mặc dù chờ đợi chuyện này sẽ xảy ra từ lâu nhưng tôi vẫn cảm thấy hụt hẫng...Đợi một ngày cụ khỏe hơn, tôi đưa cụ về nhà hai ông bà vẫn còn để trống. Trên xe, vì đã tính những gì phải thưa với cụ từ trước để...nói dối cụ. Tai cụ lẳng, ghé sát tai cụ, rất chậm rãi tôi giải bày với cụ tế bào ung thư của bà đã lan lên não bộ. Bà nay gần như mất trí, vì mới đây, bà lái xe đi chợ, ra khỏi hàng quán bà không biết tìm xe mình ở đâu. Và tôi đành nói ra một sự thực: Chẳng còn bao lâu nữa, bà đang từng bước, từng bước một xa rời cuộc sống tạm bợ này...

Tôi bắt gặp đôi mắt buồn bã của cụ nhướng lên. Tôi nhìn mắt của cụ và thâm hiểu cụ đang nghĩ gì. Tôi hiểu rằng tuổi già lo cho nhau và cần nhau nhiều hơn. Khi người ta già, người ta cần nhau như thế nào. Bỗng không tôi bấm búi qua câu: “Gái thương chồng đương đông buổi chợ, trai thương vợ nắng quái chiều hôm”, vào tuổi bóng xế chiều hôm các cụ mới có thời gian gần gũi nhau. Những tia nắng yếu ớt “nắng quái chiều hôm” chỉ tồn tại trong chốc lát qua những ngày còn lại sống qua ngày chờ qua đời”. Rồi đôi mắt mệt mỏi của cụ mở ra như mất thần, thần thờ nhìn ra ngoài phố xá trong xa vắng. Đến trước cửa nhà bà, tôi đẩy cụ vào bằng cái xe lăn.

Từ cái xe lăn, tôi để cụ tự bấm chuông...

Chuông kêu ba hồi hai nhịp theo ngón tay cụ, tôi biết cụ không nghe được vì tai lãng. Nhưng tôi nghe được tiếng cụ nói vào cánh cửa đang im lìm, cảm nin: “Em ơi...Mở cửa...” Tôi đốt điều thuốc để đợi. Không phải tôi đợi mà cụ đợi. Thêm hai ba hồi chuông trong hoang vắng ắng lặng...Thêm câu nói của cụ qua hơi thở mệt nhọc như tiếng thở dài: “Em ơi...Mở cửa...”.

Dụi điều thuốc đang cháy dở, tôi ghé tai cụ, để nói dối là có thể bà đang chạy thuốc trong nhà thương. Ra xe, tôi băng quơ còn chạy thuốc còn hy vọng, nhìn trước mặt là con ngõ cũ mà cụ đã đi đi lại lại cả bao nhiêu năm, đầu cụ gật gật...Trong khi đầu tôi lay lắt với đoạn văn

“...Ra khỏi ngõ, đô tùy nhà đám hạ quan tái vừa chạm đất là nhắc lên, tất cả ba lần. (...) Cụ giảng giải quan tài nhắc lên hạ xuống là người chết chào từ biệt gia đình về với ông bà tổ tiên. Ra đến cổng làng, linh cửu quay đầu lại để người chết được nhìn cái cổng làng lần cuối...”

Lái xe về nhà, tôi không ngoái đầu nhìn căn town house của hai ông bà năm trong con ngõ nhỏ giữa thánh phố Houston. Trong đầu chờ vờ như cá trê gặp nước mặn tôi liên tưởng cách đây 21 năm, xe tang nhà tôi chạy trên đường Boon, qua đường Stroud để nhà tôi nhìn lại căn nhà nhỏ có một mảnh

vườn. Ở đây có cây mận lá màu nâu đỏ không còn nữa.

Bước qua năm thứ hai, vào tháng ba...

Một buổi sáng như mọi buổi sáng, thức dậy để viết bài. Bước từng bước thật chậm dọc theo hành lang, ngày là lá tháng là mây, tôi muốn giữ thời gian lại đừng qua mau. Ra tới phòng ngoài, ngược nhìn lên trần nhà màu trắng nhạt thêch. Chợt nhớ lại chuyện một thằng bạn, ngày ông cụ nó mất, nó không cảm thấy gì. Phải đợi đến khi bà cụ đi theo ông cụ nó, nó mới có cái cảm nhận: Căn nhà của nó đã mất nóc.

Nhà tôi cũng sắp mất nóc, tôi chẳng còn chỗ nào để dọ dẫm qua một hình bóng. Tôi chợt cảm hoài mấy năm trước về quê nhà, con đường làng phủ đầy quá khứ của ông cụ tôi, rải rác những chiếc lá bàng, mỗi cái lá như một viên gạch, như những giọt thời gian. Đứng trước cây bàng mà tôi hình tượng là bóng hình của ông cụ tôi. Cây bàng hiu hắt giữa đất trời, và cái quán nước bên đường không còn nữa. Tôi thầm nhủ rằng tất cả đã thuộc về quá vãng... Tôi đi tìm thời gian đánh mất bằng vào với hà tất thành sàu đối cỏ cây, tôi mò mẫm nhặt nhanh được dăm hột bàng già cối đem về. Sau lại quên ngay đây vì quãng xá đâu đó, nay nhìn ông cụ mới nhớ ra. Thế nào cũng phải tìm ra hột bàng, thế nào mùa xuân này cũng ương đặng góc vườn.

Trở lại phòng ngủ, tôi giật thót người vì ông cụ đang lậu bậu nói chuyện với ai đấy. Ngồi bên cạnh giường, tôi vừa nắm tay cụ vừa lắng nghe. Và tôi choáng người vì ông cụ đang độc thoại với ai đó chuyện làng nước ở quê nhà cả mấy chục năm trước. Giọng ông cụ thật bình thản, chậm rãi hết hỏi thăm người này, nhắc người kia chuyện làng trên xóm dưới. Điều tôi ngạc nhiên là giọng cụ rõ mồn một, không có gì “dau ốm” cả, giống như cụ đang ở quê nhà với chuyện dây cà ra dây muống. Nhưng...Nhưng tôi lạnh người vì những tên tuổi mà ông cụ tôi đang nói chuyện, theo trí nhớ mù sương của tôi đều là những người đã khuất núi từ năm nào năm nào. Hay nói khác đi ông cụ tôi đang nói chuyện với những người đã...chết.

Và tôi có linh tính, ngày cụ về với những người đã khuất không còn bao xa nữa...Khi không hình ảnh *tới cổng vườn nhà ai đấy, trên cành cây ngoài vườn buộc miếng vải hay tờ giấy bản trắng để cây cối cũng nhớ thương tiễn người đi* như ẩn hiện quanh quất đâu đây.

Bỗng âm nước ngoài bếp reo lên như tiếng gọi của xa cách. Tôi như tỉnh giấc hòe...bước ra ngoài bếp pha cà phê. Vừa đứng loay hoay với những thói quen mỗi sáng, bỗng không tôi điếng người vì tháng này là tháng ba, tháng mà bà cụ tôi và nhà tôi mất vào tháng này. Và tôi tự trách mình lơ đãng, nhờ ông cụ năm mới nói chuyện với những người của ngày tháng cũ với đất quê, tôi mới chợt nhớ ra:

Ngày mai là giỗ bà cụ tôi. Vì vậy lát nữa đợi tiện nội đây, tôi sẽ nói ra trại gà mua con gà có đầu để cúng cụ. Cũng để tôi cầu xin bà cụ tôi phù hộ cụ ông. Ấy đấy, với con gà có đầu, các cụ ta bao giờ cũng trọn vẹn, đầy đặn như thế đấy

Gõ chữ một chặp, trời đất lấp lửng sáng, tôi lo mọ ra cửa sổ, nhìn thấy cây phong già nua vật vờ trước sân cỏ. Tôi lại liên tưởng đến truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*. Chuyện về một cô bé bị bệnh nan y chẳng thể qua khỏi. Cô tuyệt vọng nằm trong phòng bệnh viện nhìn qua cửa sổ. Cô bé đếm từng chiếc lá còn sót lại và thủ thỉ với người y tá: Cô đợi chiếc lá cuối cùng rời cành cũng là ngày cô bé sẽ từ giã cõi đời. Thế nhưng chiếc lá cuối cùng cứ gắn chặt với cành cây theo sáng, trưa, chiều, tối. Và như có phép màu, cô bé qua khỏi căn bệnh ngặt nghèo... Vì để nuôi niềm hy vọng cho cô: Người y tá đã dùng keo gắn chiếc lá dính vào cành cây.

“Lá rơi tường bắc lá bay sang – Vàng bay mấy lá năm già nữa”, như bị ám ảnh lời của ông bác sĩ gia đình cách rách tình trạng ông cụ tôi...không biết được, có thể ba bốn tháng, cũng có thể hai ba năm. Tôi ngắm cây phong trước cửa nhà và nhìn kỹ hơn. Nhập nhòa nửa tối nửa sáng qua đất trời một màu xám chì ảm đạm đầy tang tóc, nhưng vẫn có một chút nắng nhợt nhạt bám vào thân cây sù sì như những cây tầm gửi èo uột. Sương sớm ban mai long lanh, lấm tấm trên lá cây lật phật theo gió. Vừa qua

năm Canh Dần. Mỗi buổi sáng, buổi chiều, tôi đứng ở trước cửa nhà, lặng lẽ theo khói thuốc đêm từng chiếc lá rơi rớt còn lại, lá chuyển mùa từ xanh qua tím, rồi tím đỏ, đỏ qua vàng úa rồi đến nâu khô và chỉ một cơn gió thoảng là lá rơi rụng dần. Tôi đứng ngây ra lặng ngắm, mắt mờ đi vì một làn nước mỏng và đêm từng cái là vàng nâu úa khô. Nhưng chẳng còn cái lá nào nữa!

Vi đất trời đang cuối đông...

Nhớ lại hai năm trước, cùng thằng em đứng ở trong cửa tò vò nhìn cây phong, tôi quan hoài đến *The River of No Return* với em hỏi tôi đã biết thờ dài xa xôi, em hỏi tôi đã có ngâm ngùi chia phôi. Nhưng chưa một lần tôi kể ai nghe vì tôi tin ở số: Cách đây hơn hai chục năm, sau nhà tôi trồng một cây mà tôi không biết tên. Cây không lớn, không hoa quả, vì cây có lá màu đỏ nâu sậm như trái mận nên tôi gọi là cây mận. Bỗng một hôm cây mận chết, ít lâu sau nhà tôi đi vào cõi tĩnh mịch. Bởi lẽ đó, tôi tin mỗi cây nào đó có mỗi dòng sinh mệnh với ai đấy.

Bởi thế thỉnh thoảng tôi nhìn những chiếc lá phong đổi màu trước cửa nhà là vậy.

Ở thành phố tôi đang ở, giữa tháng ba được xem như là cuối đông sang xuân. Nhưng cứ khoảng 10 năm, khi mọi người đang sửa soạn trồng cây thì đùng một cái, trời trở lạnh đông đá ba bốn ngày, cây chết hàng loạt. Năm nay cũng vậy, giữa tháng ba với

cái lạnh đông đá, nhưng chỉ một hai ngày thôi và không lạnh băng giá lắm, vậy mà vườn nhà chết bảy tám cây. Riêng cây phong năm nay có một cành lớn, không có lá. Đúng ra là trơ trụi lá, đã chết theo mùa đông.

Một ngày như mọi ngày, tôi ra cửa trước, sẫm soi cây phong từng cành khẳng khiu còn lại, và đợi. Tôi đang đợi từng chiếc lá nhú từng trời non... Và tôi đợi một buổi mai nào đó...

Trúc gia trang
Đông chí, Kỷ Sửu tận
(tháng 3-2010)

Phụ đính:

Ông cụ tôi mất ngày 25 tháng 7 năm 2010.

Mạt lộ, ta ngồi chôn hạ phiên

Làm như bị giới đày với câu thơ *thượng đế trên cao, chiều độc ảm, mạt lộ, ta ngồi chôn hạ phiên* (1). Qua một *chiều độc ảm*, cùng tâm trạng của một kẻ tảo bôn kinh niên chữ nghĩa với người thơ *mạt lộ, ta ngồi chôn hạ phiên* ngồi chết bên bờ ao vì rượu, vào chiều 29 Tết. 43 năm sau, con gái người thơ thổ lộ: “Chú Thanh vội buông đũa chạy ra, nhìn thấy cha tôi ngồi gục đầu thổ huyết bên bờ ao chỗ gốc mít. Sau này xây nhà làm lại cổng, chú xây cái cổng lượn vòng, giữ cây mít làm kỷ niệm. Khi tôi đến, xung quanh gốc mít chỗ thấm máu cha tôi mọc đầy những cây gừng non, xanh mượt, tôi thấy cay ở sống mũi, nước mắt cứ trào ra. Cha tôi mất đã 43 năm, trong khoảng thời gian gần nửa thế kỷ, có biết bao bài viết nói về cái chết của cha tôi, biết bao là dị bản, giai thoại, tất cả cũng đều nghe nói lại”.

Nhằm năm cùng tháng tận, ngộ chữ tôi bật ra ý nghĩ gộp nhóm viết về một mảnh đời của người thơ mặt lộ. Bởi chung ngộ chữ tôi trộm nghĩ mỗi tác phẩm đều có một dòng sinh mệnh với tác giả. Hay nó khác đi, mỗi người có một cái số, như định mệnh đã an bài. Như bạn đọc đang đạp xe đạp thì cán phải đinh. Đang ngồi đợi sửa xe ở quán liêu xiêu ở ngã ba đường. Nhìn thấy...cái cây. Và đi tới. Để rồi quãng đời rẽ sang một khúc quanh khác. Người thơ đã về với chín tầng đất, mười tầng trời, nhưng khi còn sống ông không viết một dòng nào về...cái chết của chính ông. Bởi lẽ đó mới có chuyện thăng chết cãi thăng khiêng qua những nhà làm văn học, nhà biên khảo viết về ông. Như con gái ông thổ lộ, thiên hạ sự viết về ông qua giai thoại, và ngay cả thơ nữa, có biết bao dị bản về ông.

Trộm nghĩ câu nhĩ văn vi hư tức *chỉ nghe không thôi chả hẳn là đúng* nên ngộ chữ tôi phải tới tận nơi thực mục sở thị. Vì vậy tôi phải về lại Hà Nội. Chả là như cụ Không Khâu đất Tàu dạy rằng thuật nhi bất tác là chả sáng tạo gì sất mà chỉ lập lại những gì của những người đi trước. Để khai bút đầu năm, ngộ chữ tôi chọn ngày...cuối năm 29 Tết, ngày người thơ mặt lộ đi vào cõi tịch mịch. Ngộ chữ tôi có mặt ở đất ngàn năm văn vật đi tìm ông... Tô Hoài để gặp người thơ mặt lộ. Tới nhà ông đế mèn, và vào mắt là tờ giấy ghim ở cánh cửa, ngộ chữ tôi lỗ mắt đọc: “Về cái chết của Nguyễn Bính, sao bác Tô Hoài nói khác, bác cho rằng Nguyễn Bính chết no,

chứ không phải chết đói như bọn “diễn biến hoà bình” xuyên tạc”.

Dưới ký tên: Phạm Lưu Vũ. Với nhà văn họ Phạm, ngộ chữ tôi đã đón chuyện *Một lần hiển linh của Nguyễn Bính* của ông rồi, Và chuyện như thế này đây:

“...Anh đi đây, anh về đâu - Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu...cánh buồm...”

Tôi vừa cất tiếng ngâm nga mấy câu thơ trên thì chợt nghe có tiếng thở dài nhẹ phía sau. Giật mình quay lại, bỗng thấy có thi sĩ lưng danh một thuở Nguyễn Bính đang ngồi chĩnh chện trên chiếc ghé ngay sau lưng tôi. Vẫn mái tóc bông rã ngôi rất điệu theo kiểu trí thức cổ lỗ sĩ, khuôn mặt nhọn hoắt như chiếc lưỡi cày có đôi mắt mở to cực kì tinh anh. Thi sĩ mặc chiếc áo sơ mi trắng muốt là trắng tấp, bỏ trong quần đàng hoàng. Âm khí lạnh toát từ ngài toả ra xung quanh làm người tôi nổi gai ốc. Thi sĩ ngó chừng tôi như gặp người cõi âm ở chốn nhân gian ấy. Tôi hoảng hồn quỳ sụp xuống lạy như tế sao. Lạy xong tôi hỏi:

“Thưa cụ thi sĩ tiên bối kính mến! Làm sao mà cụ trở về đây được?”

“Ta chỉ còn là một linh hồn thì có ai câu thúc” thi sĩ trả lời, “không như bọn người sống trong cái thời... đại giả của các người. Vả lại người vừa đọc câu thơ vào loại hay nhất của ta khiến ta cảm động...”.

“Thưa! Thế nào gọi là thời đại giả, thưa cụ? Chẳng lẽ thời này không tiên bộ, văn minh

hơn cái thời cụ viết “Lỡ bước sang ngang” gấp triệu lần hay sao?”, tôi hỏi.

“Đào! Sao người có thể so sánh được thời của ta ngày ấy.”, thi sĩ nổi cáu, “Tiền bộ, văn minh cái con khi. Rặt bịp bợm, bất lương không gọi là thời đại giả thì gọi là khi gì?....”

Với nhĩ văn mục đồ, là *tai nghe mắt thấy*...thấy bàn ghế, nghe đụng dao đụng thớt là tôi quáng quàng chạy tới quán tiết canh ngan ở xé cửa Chợ Nam. Ngẫu sự chẳng qua nằm trong cái tâm thái thi nhân bất đắc kiến, kiến thi như kiến nhân, là *khách thơ nào thấy được, đọc thơ như thấy người để gặp người thơ mặt lộ Nguyễn Bính đang thà cứ ở đây ngồi giữa chợ, uống say mà gọi thế nhân ơi*. May mà hai ông nhà thơ, nhà văn vẫn còn đang ngồi ở đây, trên bàn có cái điếu bát thuốc lào. Ngồi xuống hóng chuyện, dòm người thơ mặt lộ, tôi thấy nhà văn Phạm Lưu Vũ cùng thành hoàng bản thổ Nam Định với Nguyễn Bính nói đón về người thơ mặt lộ khác xa ông đế mèn. Theo Tô Hoài: “Còn nhớ Nguyễn Bính mặc bộ quần áo tây trắng đã tã, gấu quần và ống tay áo lờm sờm như tóc tai, anh không cặp mấy quyển sách như một của những người viết trẻ lúc ấy. Anh lại còn cầm một hộp sắt tây màu đỏ lụ, cái hộp đựng bánh bích quy”.

Ha! Với bản lai diện mục vậy...vậy mà nhà văn họ Phạm tả người thơ có khuôn mặt nhọn hoắt như chiếc lưỡi cày thì ngộ chữ tôi chả tin được. Vừa lúc

nhà văn Nam Định đứng lên vào hàng quán kiểm cút rượu cuộc lui, được thể tôi hầu chuyện với người thơ, để hỏi cái hộp bánh bích quy đựng giống giuộc gì trong ấy. Học thói nhà văn họ Phạm, tôi cũng bắm thưa: “Thưa cụ,...” thì cụ khoát tay “cụ kiếc” khỉ gì rồi gật gương rằng cụ về với ông bà ông vải năm 1966, hưởng dương 48 tuổi, nhằm tôi ở cái tuổi 22 thì...

Thì cụ cười lửng lảng mà rằng cái ngày 22 tuổi như tôi cụ đã làm bài thơ “Xa cách”:

Nhà em cách bốn quả đồi
Cách ba ngọn suối cách đôi cánh rừng
Nhà em xa cách quá chừng
Em van anh đấy, anh đừng yêu em

Và cụ khẽ đánh mắt một cái hỏi tôi: “Vậy anh đã...đừng yêu ai chưa. Nếu chưa thì...” thì “anh” cứ gọi bằng “ông” cho phải phép nho gia của ông Không Khâu với danh bất chính, ngôn bất thuận, để dễ nói chuyện...văn chương thiên cổ sự.

Tiếp đến, “ông” châm lửa, đốt thuốc, làm một cữ, rít một hơi long sòng sọc, nhả khói mịt mù...Rồi ông lừng khừng ra gốc cây, vén quần làm một bãi. Thế là tôi quên bém cái hộp sắt tây màu đỏ lựu mà vun chuyện bằng vào một số giai thoại của tha nhân đồn đãi về ông để thành chuyện, để ngộ chữ tôi viết thành bài văn cho hậu sự. Từ chợ Cửa Nam, từ câu thơ *thà cứ ở đây ngồi giữa chợ, uống say mà gọi thế nhân ơi*. Tôi bật ra cái tựa đề: “Mạt lộ ta ngồi chốn hạ phiên”. Vì vậy tôi phải lần

mò qua thơ ông, qua những nẻo đường...bằng vào năm 1936, năm 18 tuổi, bài thơ đầu tiên, đầu đời của ông là bài *Cho tôi ly nữa*.

Và chuyện không nắn thì mưa bằng vào năm 13 tuổi, ở hội Phủ Giầy, Nam Định quê ông, đang ngồi xem hầu bóng, thoáng thấy một cô gái trạc tuổi mình đi ngang qua. Cô bé mặc áo cánh sen thắt lưng hoa lý. Ông có cảm giác lạ lùng như là cô bé vừa thoát ra từ bức tranh Tố Nữ. Ông vội vàng đi theo. Khi nhìn được khuôn mặt cô bé, ông ngỡ ngàng như người mất hồn. Cả buổi hôm ấy, ông cứ đi theo hai mẹ con, họ lạy cùng lạy, khẩn cùng khẩn. Hôm sau, ông lén dúi vào tay cô bé mảnh giấy có câu thơ: *em ở cõi trần hay cõi tiên, (...), xin đi chậm chậm cho theo với*. Cô gái cầm lấy mảnh giấy...quay đi nơi khác. Sau đó ông tìm cách đi theo tới làng của cô gái. Tuy nhiên có lẽ mối tình đầu chỉ đây đưa tới đó.

Còn cái hộp bánh, theo như “ông đế mèn” chuyện như thế này đây.

“...Nhưng đây là cái hộp không đựng bánh. Những chiếc hộp này thường thấy các bà ve chai đồng nát mua bán. Một lần chúng tôi vào một tiệm thuốc phiện đầu phố Nhà Hoả. Nguyễn Bính và Thâm Tâm không ai nghiện, đua đòi đi hút là một thói của thời thượng. Chúng tôi đánh trần ra, ngồi châu rìa quanh tấm phản gỗ trong bóng tối của cái tiệm hút cà khô, vắng ngắt. Kéo xong một điếu, Nguyễn Bính nằm gối đầu lên chiếc hộp bánh quy.

Lát sau, tôi biết được sự tích cái hộp bánh quy khi Nguyễn Bính ngồi lên, vuốt ve, xếp đặt lại các thứ trong ấy. Đây là bản thảo thơ của anh và những bức thư tình. Tờ trắng, tờ xanh, vết tay mồ hôi mờ đọc đi đọc lại đã vệt cả. Bao nhiêu thư của những mối tình, anh xếp chật cái hộp. Không biết nhà Nguyễn Bính tích được đến mấy chiếc hộp sắt đựng thơ và thư tình của những ai đã tơ vương với anh, để anh cấp nách cái hộp kỷ niệm tha đi từ Bắc vào Nam.

Nhưng suốt một thời thanh xuân, tôi chưa thấy anh một lần nào...lấy vợ..."

Vừa lúc đĩa tiết canh ngan được mang lên.. Nay nghe ông cấp nách cái hộp kỷ niệm tha đi từ Bắc vào Nam. Bèn hỏi những năm tháng ngược xuôi của ông. Ông cười hệt mà rằng...

Rằng 13 tuổi, ông mồ côi cha mẹ nên được bên ngoại ở xã Đồng Đội, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đón về nuôi, ở đây ông được ông ngoại dạy chữ Nho. Tay vân vê bi thuốc lào to bằng con ruồi trâu...Ông cười dín mà rằng 13 tuổi qua làng người ta...làm khi gì? Làm như chột nhớ ra được ông ngoại dạy chữ Nho, ông nho táo với ngộ chữ tôi là nhĩ văn mục đồ, là *tai nghe mắt thấy* nhưng chả thấy khi gì sất. Tiếp, ông búng lưỡi cái tách: “Nhảm nhí”.

Học thói nho nhe của ông cùng phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà, là *cuộc sống nổi trôi như giấc mộng, hỏi bao lần được vui*. Ăn dôi nói thật là ngộ chữ tôi bói bảy ngày không ra một câu thơ, nhưng khoản rượu thì títt mù cung mây, bỗng không hoá

thân thanh “tửu đồng”, vai hồ rượu, vai túi thơ lẻo đẻo theo bước chân giang hồ của ông từ Bắc vào Nam...

Thế là tôi để mặc ông ngồi đấy với ông nhà văn, ngộ chữ tôi để hồn đi hoang...

Từ Hà Nội Nguyễn Bính lên Phú Thọ, Thái Nguyên, đến tận vùng Lạng Sơn biên ải xa xôi để thỏa mãn chí phiêu bông. Trong thời gian này, ông sáng tác nhiều bài thơ mà trong đó một số bài lưu lại những dấu ấn của những chuyến đi. Chẳng như bài *Thơ tôi*, được ông làm vào năm 1938 tại Phú Thọ:

Buổi chiều uống rượu làm thơ
Buổi trưa đi đốt lá khô trên đồi
Lá khô là lá của trời
Thơ tôi là để riêng tôi tặng nàng

Buổi chiều uống rượu làm thơ nói lên ông nghiện rượu, như bài thơ đầu đời *Cho tôi ly nữa* của ông làm khi ông 18 tuổi. Năm 1940, lúc này ông mới 22 tuổi nhưng có vẻ cũng đã rất sành rượu. Trong bài thơ *Ga đôn ga kếp* làm tại ga Kép, ông có những câu thơ...

Ở đây chiều xuống rất mau
Bình minh lên sớm, tôi sầu bơ vơ
Rượu say từ sáng đến giờ
Nhớ người, tôi nhớ mãi từ hôm lên

Bài thơ trên ông cùng Tô Hoài, Vũ Hoàng Chương kéo nhau lên xe lửa làm chuyến giang hồ

suốt cả tuần lễ. Vũ Hoàng Chương khi đó đang làm xếp ga nhưng vẫn bỏ việc đi chơi. Trong chuyến đi này bài thơ *Nhà ga* có câu *chung quanh quán quýt đôi giàn ti gôn, tường vàng mái đỏ màu son*. Bài này ông làm cùng năm (1937). với “Hai sắc hoa ti gôn” của T.T.Kh. Gần đây có người đặt câu hỏi: “T.T.Kh có thể là Thâm Tâm hoặc Nguyễn Bính không?”. Bởi bỗng dưng ông làm bài *Giòng dư lệ* (khoảng năm 1941 khi ông ở Thanh Hoá) để tặng T.T.Kh để trong chôn trường văn trận bút có những bài viết về nghi vấn văn học này. Để chẳng thiếu một, hai nhà văn khảo, văn học cho rằng T.T.Kh không thể là Nguyễn Bính. Vì chất thơ “Hai sắc hoa ti gôn” của T.T.Kh rất Tây, rất thơ mới, trong khi hồn thơ của Nguyễn Bính mộc mạc chân quê. Nhưng họ quên rằng ông cũng có những bài thơ rất thơ mới như *Một nghìn cửa sổ* hoặc *Hôn nhau lần cuối*, v...v...mà tựa đề cũng đã rất Tây rồi.

Trở lại ở Bắc Ninh, Vũ Hoàng Chương đưa cả bọn ghé nhà cô đào hát có tiếng tên là Tuyết Lành ở phố Niềm. Tối hát, ngày ăn bún ốc trừ cơm. Rong chơi ngày này qua ngày khác. Chính vì thế mà ông có vài bài thơ ông sáng tác để cho các đào nương ngâm nga trong những hội hát ở đào ngày ấy chứ không phải là những bài thơ viết ra để đọc.

Năm 1939, tuần báo *Tiểu thuyết thứ Năm* đăng bài *Lỡ bước sang ngang*. Sau khi được đăng tải, người ta chuyền tay nhau để đọc, để chép bài thơ, để

hò ru con ngủ. Có người kể, thỉnh thoảng nghe văng vẳng giọng những người mẹ trẻ cất lên lời ru Lỡ bước sang ngang trong những xóm làng hiu quạnh. Lỡ bước sang ngang là câu chuyện về một người con gái bị mẹ cha bán gả cho người mà mình không yêu, phải lên xe hoa từ năm mười bảy tuổi. Bỏ lại sau lưng mối tình đầu vừa chớm nở, bỏ lại vườn dâu, bỏ lại mẹ già, người con gái ấy đi một chuyến đi định mệnh rồi *đây sóng gió ngang sông, đầy thuyền hận, chị lo không tới bờ.*

Năm 1941, Tô Hoài, Trọng Can và ông từ Bắc vào miền Trung, Tô Hoài kể lại trong hồi ký: "Chúng tôi ghé xuống Thanh Hóa trước tiên, chúng tôi lại xuống Huế. Vào Huế, lại sống vất vờ như ở Thanh Hóa. Thỉnh thoảng Nguyễn Bính gửi thơ về đăng báo, nhờ Trúc Đường (anh Nguyễn Bính) gửi tiền nhuận bút vào nhà trọ. Nhưng thơ làm sao nuôi nổi người, hưởng chi lại những 3 người. Cũng đến ngày phải đi...chỉ có một mình Nguyễn Bính ở lại Huế".

Đó cũng là thời kỳ ông viết *Xuân tha hương* và *Giời mưa ở Huế*...để uống rượu.

Lại uống rượu! Nếu có người nào chịu khó đếm những lần Nguyễn Bính nhắc đến rượu ở trong thơ chắc sẽ gặp được nhiều lắm. Có lẽ cả trăm lần ông dùng từ rượu...

Chị ơi! Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não lòng
(Xuân tha hương)

...

Hôm qua còn sót hơn đồng bạc
Hai đĩa bàn nhau uống rượu say
(Giời mưa ở Huế)

Ngoài rượu, qua bài *Chất truyện trong thơ Nguyễn Bính*, tác giả Nguyễn Đức Mậu tìm thấy trong thơ ông có nhạc, có họa đã đành, trong thơ còn có truyện, có kể, có tả nữa. Tất nhiên, đưa truyện vào thơ mà không sa vào sự rối mù, kể lể mà vẫn giữ được chất thơ phải cao tay lắm. Còn ở những người non tay, thơ có truyện dễ biến thành vè, thành văn vắn, thành những mớ câu rối ren. Như bài thơ *Ga Kép* kể về một nhà ga xép buồn ở Bắc Giang, về các nhân vật sống ở nhà ga bé nhỏ miền rừng. Một cụ sếp già. Một ông ký trẻ. Một cô gái chưa chồng. Họ sống rất đơn lẻ. Ông ký trẻ không mấy may để ý đến cô gái. Cô gái cứ vẫn mơ mộng ai đó ở nơi nào xa xăm lắm. Ông sếp ga, mặc cho con gái mình chưa chồng, ông cứ ung dung tự tại sống theo cách của mình. Hình ảnh *cụ sếp vẫn sống ung dung, để lau kính trắng ngời trông bốn trời*, Nguyễn Bính tả nhân vật thật rõ nét, độc đáo. Nếu viết thành văn, ắt phải tốn rất nhiều trang, nhiều chữ. Một nhà văn bình phẩm rất gọn về bài thơ *Ga Kép*: “Đây là một truyện được viết bằng thơ”. Tôi (Nguyễn Đức Mậu) thấy rất đúng.

Ừ thì về thơ ông, ngộ chữ tôi chỉ cách rạch thơ ông “thở” ra rượu, mặc dù bài thơ chẳng dây mơ rễ

má hơi hám rượu. Thêm nữa, những nhà thơ rượu như Cao Bá Quát, Tản Đà, Nguyễn Khuyến viết về mình qua thơ tự trào. Nhưng gần như ông không viết gì về ông qua thơ nên ít ai biết nghiệp ngao thế nào từ năm 1958 đến 1968 là năm ông mất. 10 năm cuối đời ông bị vùi dập như nàng Kiều, sống ở một nơi hẻo lánh cùng tang thương ngẫu lục. 1936, bài thơ đầu tiên, đầu đời của ông là bài *Cho tôi ly nữa*. 32 năm sau, năm 1968, bài *Tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều* là bài thơ cuối cùng, cuối đời của ông.

Là “tửu đồng”, với hồ rượu, túi thơ đeo theo ông đến đây thì gặp người thơ Thâm Tâm.

Tiếp đến, tôi bòn mót với bài “Hành phương nam” vì là bài duy nhất ông làm theo thể loại hành. Thời kỳ ở Hà Nội, năm 1940, ông chơi thân với Thâm Tâm, là người có thể giao cảm, đồng cảm ít nhiều qua phong cách sáng tác của ông. Thảng như Thâm Tâm với bài “Tống biệt hành” *ly khách! ly khách! con đường nhỏ, chí lớn chưa về bàn tay không*, ông có câu tâm giao *mấy kẻ thì phương Bắc, ly tán vì cơn gió bụi này*, v...v... Là tửu đồ, với tửu như tâm phúc chi ngôn, nôm là người say hay nói thật, tôi ăn ngay nói thật mỗi lần ngồi bên bàn nhậu là bạn nhậu hè nhau óc ách hết trời đất mang mang ai người tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường đèn đôi ta lưu lạc phương Nam này, trải mấy mùa qua én nhận bay.

Năm 1943, ông lại cùng Tô Hoài, Vũ Trọng Can rủ nhau làm chuyến "hành phương Nam". Đây là chuyến đi thứ hai của ông là do Hoàng Tấn thay mặt Báo Hạnh Phúc để mời ông vào Sài Gòn tham gia làm báo nhưng với Tô Hoài là chuyến đầu tiên, đến Sài Gòn trong một chuyến tàu chiều ngơ ngác, "nhà văn của những chú đế mèn" đã cảm thấy choáng ngợp khi nhìn cảnh "người ăn uống rào rào như tằm ăn rỗi" ở cái bùng binh trước chợ Bến Thành. Sau đó ba chàng văn thi sĩ chia tay nhau, hai chàng văn sĩ ngược về Bắc, chỉ còn nhà thơ ở lại. Ông đến ở với các bạn hữu trong một căn nhà thuê bằng gỗ nhỏ lọt ngói ở Đa Kao. Ở đây, ông làm bài *Hành phương nam* (Đa Kao - 1943)

Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Tuy nhiên mọi việc vẫn không có gì thay đổi, mặc dầu Nhật hoàng đã tuyên bố sẽ giúp cho nền độc lập của các dân tộc ở Đông Dương. Rồi tin tức Việt Minh nổi dậy khắp nơi. Hoàng Tấn kể lại:

Một hôm, Nguyễn Bính báo tin cho bạn bè biết là mình sắp đi Hậu Giang. Mọi người hỏi mục đích chuyến đi thì Nguyễn Bính cười úp mở: "Bí mật quân sự". Theo một người trong nước mà ngộ chữ tôi gọi bằng cái tên: "Người viết văn học sử" thì: *Hình như Nguyễn Bính được giao cho một việc gì đấy*. Thế là mọi người tổ chức buổi tiễn đưa Nguyễn Bính "qua sông Dịch" và đọc thơ cho nhau nghe. Có lẽ đây là lần cuối cùng Nguyễn Bính ngâm nga

những vần thơ lãng mạn với bạn bè. Rất tiếc: *Ngay sau đó Hoàng Tấn mất nên không có chi tiết nhiều chuyện Nguyễn Bính đi theo kháng chiến.*

Lúc viết bài Hành phương nam cũng như nhiều bài thơ hoài cổ hương khác, chắc hẳn là Nguyễn Bính đang say rượu và cô đơn. Hoàng Tấn kể một câu chuyện về việc sáng tác thơ của ông. Một đêm nọ ở Đa Kao, căn nhà có vườn hoa cùng cây ăn trái bao bọc chung quanh, Nguyễn Bính đặt tên là Lan Chi Viên, sau cuộc nhậu mọi người đều ngủ say sưa, chỉ còn lại một mình Nguyễn Bính. Quá nửa đêm, Hoàng Tấn giật mình thức giấc vẫn thấy ông ngồi bên bàn. Ông vừa làm thơ và uống rượu một mình, vừa ôm mặt khóc. Hóa ra là ông đang hồi tưởng lại quá khứ. Con người Nguyễn Bính là như vậy. Sống với quá khứ. Cho nên không ai lạ gì khi Nguyễn Bính viết mấy câu thơ nổi lòng như thế này trong bài thơ:

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Người ơi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Gần như có thể nói, ở ngoài Bắc gần gũi với ông là Tô Hoài, trong Nam là Hoàng Tấn...

Với Hoàng Tấn, chả đâu gì bạn đọc, là người rề rà, ngộ chữ tôi mò vào kho chữ tìm ra bài văn có tựa đề rất ngộ: “Nhà người là ai?” của một tác giả khuyết danh:

“...Nói bài thơ “Hành phương nam” có phong cách lạ bởi người ta vốn quen với cái chất mộc mạc, mang phong vị ca dao trong thơ Nguyễn Bính, chẳng hạn *em đi kiếm gạch Bát Tràng, xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân* hoặc *nắng mưa là bệnh của trời, tương tư là bệnh của tôi yêu nàng*... Cho nên khi gặp cái chất hào sảng, khí phách trong *Hành phương Nam* thì người đọc cảm thấy bất ngờ, thú vị *xuân đến ngập trời hoa rượu nở, riêng ta nhà người buồn vậy thay*... Tôi thích nhất là những câu xưng hô “ta với nhà người. “Ta” thì đã hẳn là Nguyễn Bính, nhưng còn “nhà người”? Cách đây 15 năm, tôi có hỏi chị Hồng Cầu (con gái nhà thơ Nguyễn Bính): “Nhân vật được Nguyễn Bính gọi là “nhà người” trong bài thơ Hành phương nam là ai?”. Chị trả lời: “Là ông Hoàng Tấn đấy!”....”.

Với nghi vấn văn học hay văn sử, ngộ chữ tôi ngược dòng lịch sử ở trên năm 1945, Nhật đảo chính Pháp (...). Người mà tôi gọi là người viết văn học sử làm “nhân chứng lịch sử” và viết “lập lừng”: Hình như ông được Hoàng Oanh một người thợ giày đang hoạt động bí mật ở nội thành giao cho việc gì đó ở Hậu Giang, (...) và “ta” tổ chức buổi tiễn đưa ông... “qua sông Dịch” (...) Bài Hành phương nam làm năm 1944 để tạo cái khí thế “ta” đi sâu vào miền Nam. Năm 1954, ông trở ra Bắc. Và làm ở Trầm Hoa.

Tuy nhiên người làm văn học sử ở Hà Nội “lơ đễnh” với chi tiết: Bài Hành phương nam đã được

làm từ năm 1943 tại căn nhà ngói đỏ của Hoàng Tấn ở Đa Kao.

Là nhân chứng lịch sử...ở Hà Nội nên “ngay sau đó Hoàng Tấn mất nên không có chi tiết nhiều chuyện Nguyễn Bính đi theo kháng chiến”. Nên người viết văn sử dựng lên kịch bản ông đi kháng chiến. Ngộ chữ tôi đào sâu chôn chặt với sách vở tam sao thất bản chỉ thấy ông hết đi Trảng Bom rồi về lại Thủ Đức, xa nhất là tới Hà Tiên ngâm vịnh thơ với cụ Đông Hồ và bà Mộng Tuyết (năm 1944 cụ Đông Hồ nằm bệnh viện ở Sài Gòn). Không mấy ai viết thời gian 10 năm ông ở miền Nam, ngoài Trần Đình Thu với “Nguyễn Bính, thi sĩ giang hồ” với chuyện đầu Ngô mình Sở thế này đây:

“...Trong chuyến đi về Hậu Giang, Nguyễn Bính đã ghé Mỹ Tho để tìm Xuân Diệu lúc này đang làm Tham tá sở Thương chính Mỹ Tho nhưng không gặp. Tại đây ông đã gặp Bảo Định Giang. Ông Bảo Định Giang là ủy viên thường trực hội khuyến học của tỉnh. Bảo Định Giang phải đôn đáo chạy lo cho Nguyễn Bính chò ăn chỗ ở và đưa Nguyễn Bính đi hút thuốc phiện. Rồi gặp một vị bác sĩ vốn mê văn chương tặng Nguyễn Bính bảy trăm đồng. Trong khi ăn cơm tháng suốt cả năm của Bảo Định Giang chỉ tốn có ba mươi sáu đồng...”

Trong tâm thái bất nghi bất ngộ, ngộ chữ tôi lại nhờ vả đến tác giả...“Nhà người là ai?”.

“...Vài năm sau (năm 1986), nhà thơ Kiên Giang dẫn tôi đến thăm nhà văn Hoàng Tấn. Ông

vẫn còn sống và sống đơn chiếc (khi ấy Hoàng Tấn độ ngoài tám mươi) ở trong một căn hộ nhỏ nằm trên lầu hai cư xá Thanh Đa (Bình Thạnh, TP.HCM). Nhà ông chật hẹp nhưng trông hết như một... bảo tàng văn học. Những bài thơ đăng báo của Nguyễn Bính, hoặc những bài báo viết về Nguyễn Bính, đều được ông cắt dán kín những bức vách...”

Thế là tôi được thể lang thang như thành hoàng làng khó ngược ra Bắc với tờ “Trăm Hoa”...để đi tìm một cõi đời thiên hạ giác u minh của ông. Chuyện là những năm 1955-57, khi ông từ miền Nam về Bắc, sống ở Hà Nội, làm báo “Trăm Hoa”, *rời sau chừng như là bị an trí*, nghĩa là bị buộc phải về sống ở Nam Định, giai đoạn này *thì hầu như ít thấy ai nhắc đến*. Những bài viết được gom vào các cuốn sách như “Nguyễn Bính, đời người và thơ” – “Thơ và giai thoại Nguyễn Bính”, “Nguyễn Bính, nhà thơ chân quê”, v...v... không nhắc gì đến sự việc này, những người được xem là cùng làm việc với ông thời gian nói trên nếu nhắc đến cũng chỉ *bất đắc dĩ xác nhận* “Nguyễn Bính làm báo Trăm Hoa”, thế thôi.

Tô Hoài là người trong cuộc duy nhất tính đến nay hé ra đôi dòng về ông trong “Cát bụi chân ai” và “Chiều chiều”, người đọc có thể góp nhặt được đôi chi tiết về ông thời làm báo Trăm Hoa, tất nhiên là được trình bày theo cách nhìn của Tô Hoài, người kể chuyện.

“...Không biết ai đã giúp tiền cho Nguyễn Bính ra báo Trăm Hoa, thế rồi “cấp trên” của Tô Hoài “có sáng kiến lấy giấy và tiền nhà xuất bản giúp Trăm Hoa” (khi đó Tô Hoài làm việc ở Nhà xuất bản Văn Nghệ), và chính Tô Hoài được giao nhiệm vụ “thuyết phục” một tờ báo tư nhân nhưng có tiếng nói chống những luận điệu ngang ngược của báo Nhân Văn. Theo Tô Hoài, do sự can thiệp này: “Tờ Trăm Hoa rõ ra một vẻ khác. Không vẻ bè với Nhân Văn”. Sau đấy cấp trên của Tô Hoài xét từng số từng bài và “cho là chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết”. Tô Hoài đem nhận xét nói ấy với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính bảo: “Trăm Hoa phải thế mới là báo của Nguyễn Bính chứ. Nếu không thì mày làm quách cho xong!”. Sáng kiến “đầu tư” cho Trăm Hoa kết thúc ở đây. Một buổi tối, Nguyễn Bính rủ Tô Hoài đến ăn ở nhà hàng Lục Quốc. Nguyễn Bính bảo: “Hôm nay ăn cỗ đám ma Trăm Hoa!” (Cát bụi chân ai, tr.56)...”

Nói cho ngay, dòng văn trên ngộ chữ tôi góp nhặt từ một nhà phê bình văn học cây đa, cây đề miền Bắc. Đến trần ai khoai củ này, ngộ chữ tôi bất nghi bất ngộ rằng ông đế mèn “thuyết phục” như thế nào? Vì cứ theo Trần Mạnh Hảo thì: “Sau 1958 Nguyễn Bính bị nhà nước đuổi về quê vì làm báo Trăm Hoa. Báo này do nhà nước xúi và bỏ tiền cho Nguyễn Bính làm, học theo phong trào trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng bên Trung Quốc của

*Mao Trạch Đông; Cốt lừ cho trăm hoa cùng nở rồi
“thịt” hết hoa vàng hoa trắng hoa tím
hoa nâu... tức là trừ hoa hồng đổ máu cách mạng ra
còn nhỏ hết.”*

Trở lại tờ Trăm Hoa như trên đã dẫn tới những sự việc tiếp theo:

“...Do “không về bè với Nhân Văn” nên Nguyễn Bính đã không trở thành đối tượng phê phán trong vụ Nhân văn, tuy vậy, do tỏ ra “chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết” trước yêu cầu “chống những luận điệu ngang ngược của báo Nhân Văn” nên Nguyễn Bính vẫn bị đẩy khỏi Hà Nội, tức là bị trừng phạt qua hình thức nhẹ hơn? Nhưng Tô Hoài cho rằng chỉ là giai thoại, (lời đồn đại chứ không phải sự thật) theo Tô Hoài gián dị là “Nguyễn Bính về Nam Định rồi ở hẳn dưới ấy chỉ vì Nguyễn Bính sắp nên vợ nên chồng với cô hàng cà phê thành Nam thì hội Nhà văn...giới thiệu Nguyễn Bính về Nam Định.” (Chiều Chiều, tr.228).

Thật ra, nếu đối chiếu thời gian người ta sẽ không dám tin hẳn lời Tô Hoài. Trên thực tế, Nguyễn Bính về Nam Định chỉ là một nhân viên ngoài biên chế của ty văn hóa. Ông trưởng ty Chu Văn dường như được giao đặc trách “chăm sóc” Nguyễn Bính. Những ai đã công tác cùng Nguyễn Bính ở ty văn hóa có thể biết Chu Văn đã quản Nguyễn Bính đến thế nào”. Trong khi Tô Hoài lại nói điều này trong Chiều Chiều: “Khi Chu Văn còn sống, hãy nhớ rằng trước đó nữa, Chu Văn, người đề tựa, kẻ viết lời bạt cho Tuyển tập Nguyễn Bính”. Dù

có thể là đáng tin cậy đến mức nào, “chứng từ” của Tô Hoài về Nguyễn Bính như trên vẫn là sai lạc và quá ít ỏi. Trong khi đó, những nhân vật từng chịu nạn Nhân văn Giai phẩm, trong một vài cuộc trò chuyện tương đối cởi mở gần đây, khi được hỏi về trường hợp Nguyễn Bính thì dường như ít ai còn giữ được thông tin nào đáng kể. Bởi vậy, cần tìm hiểu lại Trăm hoa....”

Hơ! Đến tao đoạn này tôi học mót theo nhà phê bình văn học Hà Nội đi tìm Tô Hoài qua “Cát bụi chân ai” viết về ông:

“...Thâm Tâm giới thiệu tôi với Nguyễn Bính. Gặp Nguyễn Bính, tôi thấy dễ chịu ngay, anh nhà thơ này dường như cũng tàng tàng, cảnh mình. Bắt tay rồi, Nguyễn Bính hỏi tôi.

- Này, có tiền không?

Như đã biết nhau từ bao giờ. Tôi cảm động được anh hỏi han thân tình như thế. Chẳng đợi tôi trả lời, có lẽ cái cười hiền lành của tôi đã khiến anh thấy tôi sẵn sàng, anh sai luôn:

- Vào nhà bánh giò "Đờ-măng" chỗ kia, mua dăm chiếc nhé, năm chiếc cũng không thừa đâu. Từ sáng, tớ chưa được miếng nào vào bụng.

Hàng bánh giò ngon có tiếng ở xé cửa toà báo Trung Bắc tân văn gần cái nhà gì của Tây mà người ta gọi là nhà "Đờ-măng" và thành tên hàng bánh giò cạnh đấy. Buổi trưa oi nắng ấy, chúng tôi đem cả xôi bánh rúc vào một tiệm thuốc phiện đầu phố Nhà Hoả...

Cũng học theo nhà phê bình văn học cổ thụ, tôi không dám tin hẳn “giai thoại” của ông để mèn. Vì nghe ông kể chỉ thấy người thơ mặt lộ ăn chực, hút thuốc phiện là giỏi thôi...”.

Thôi thì hãy trở về với nhà phê bình văn học cây đa, cây đề...

“...Đó là việc Giải thưởng văn học được Hội Văn Nghệ Việt Nam công bố, gây phản ứng mạnh trong giới văn nghệ sĩ. Nguyễn Bính đã dành trang phê bình của Trăm Hoa đăng bài viết của mình về giải thưởng văn học. Dưới nhan đề in đậm: “*Đề nghị đưa tập thơ Việt Bắc xuống giải nhì. Loại tập thơ Ngôi sao* (của Xuân Diệu)

Trong bài “Chân quê” có câu *hôm qua cô đi tỉnh về, hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*, ý ông trách người con gái quê ra tỉnh học đòi theo một thị thành. Nhưng nhà phê bình Hoài Thanh lại “vận” hai câu thơ đó vào bản thân Nguyễn Bính, một tác giả nhà quê, hơi có ngụ ý “vô học”. Ngược lại, Hoài Thanh nhận định Xuân Diệu là nhà thơ “có học”, lại tinh thành, có những câu thơ rất Tây, y như dịch từ tiếng Pháp *yêu là chết ở trong lòng một ít hoặc hãy sát đôi đầu, hãy kẻ đôi ngực*. Nhờ Hoài Thanh hết lời ca ngợi hôn thơ “say đắm tình yêu”, Xuân Diệu trở thành nhà thơ số một của tình yêu. Theo một nhà phê bình văn học miền Nam: Thật ra, thơ tình của Xuân Diệu hơi hợt, vì ông là người đồng tính, không thể yêu con gái.

Về Xuân Diệu, điều đáng trách là đối với Nguyễn Bính cư xử rất tàn tệ. Phải nhờ văn nghệ miền Nam nhắc nhở, tên tuổi Nguyễn Bính mới được sống lại với công chúng miền Bắc”. Trong tác phẩm “Văn học mới thế kỷ XX” của Xuân Diệu đã hầu như không nhắc gì đến Nguyễn Bính, đã làm như không hề có Nguyễn Bính trong nền thơ Việt thế kỷ XX....”

Cái đầu củ chuối tôi lại mọc măng với tập Việt Bắc:

“...Khi bắt đầu đặt giải thưởng văn học toàn quốc 1954-55, anh chị em văn nghệ gặp nhau thường hay nói đùa một câu: “Giải thưởng này, cái gì thì không biết, chứ tập thơ Việt Bắc thì chém chết cũng được giải nhất rồi!”. Tất nhiên chúng ta cũng đều hiểu rằng câu nói đó không phải là một câu tán dương. Anh em còn nhớ mãi cái cuộc tranh luận về quyền thơ Việt Bắc, chưa ngã ngũ ra sao thì các ông lãnh đạo Hội đã vội vàng đưa ra mấy bài “bịt lỗ châu mai” lại. Anh em không thể nào quên cái câu ông Hoài Thanh phát biểu: “Địch nó không mong gì hơn là ta chê thơ Tố Hữu”. Ông Hoài Thanh đã đem cả địch ra mà bảo vệ cho thơ Tố Hữu. Cái lỗi nịnh trên nạt dưới ấy tất nhiên ông Hoài Thanh phải đem sử dụng vào việc châm giải. Vì ông Tố Hữu ai cũng biết là lãnh đạo văn nghệ, là thứ trưởng. Trong tất cả các thi sĩ có sách in của Hội Văn Nghệ, chỉ duy có thơ Tố Hữu là được sắp vào loại A, nghĩa là thuộc cái loại giá trị nhất và được tính tiền bản quyền tác

giả cao nhất (không biết các ông lãnh đạo Hội có kiểm tra đôn đốc việc này hay không?). Sở dĩ anh em biết trước thế nào tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu cũng được giải nhất...”

Hơ! Nhà phê bình văn học cây đa, cây đề viết: “Không biết các ông lãnh đạo Hội có kiểm tra việc này không?”. Nghe rõ hay! Bởi tôi ở xa mú tí tè cũng “kiểm tra” được những điều cóc cáy này: Giải thưởng cho hội viên chiếm giải nhất: 30 đồng. Thời giá năm 1954-55 một bát phở: 3 đồng, tức 10 bát phở. Riêng giải nhất với riêng Tố Hữu: 500 đồng.

Đến tao đoạn này, cái đầu đất tôi bèn đào xới bởi lý sự gì Trăm Hoa bị đóng cửa...

“...Nếu nói riêng về thái độ của Trăm Hoa qua báo Nhân Văn và các cuốn Giai Phẩm thì ngay từ số đầu Trăm Hoa đã có bài trêu chọc, cười cợt. Chẳng hạn số 1 trong mục “Việc làng việc nước” có bài cợt trêu Phan Khôi: Trong “Ông bình vôi” ông bảo vật gì có thể hại mình thì người ta gọi bằng ông, vậy nếu gặp ông Phan Khôi, biết gọi là gì?

Trong bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ, thử đặt câu hỏi ông Phan có nói xấu chế độ không? Hàm Tiểu (mục “Việc làng việc nước”, số 2) với những lời bình “bách nhân bách khẩu” trả lời là: Có. Ông ví von chế độ dân chủ cộng hòa của chúng ta với chế độ triều Gia Long, Tự Đức gì gì đó, thế là quả nhiên nói xấu chế độ rồi.

Sau Nhân văn Giai phẩm, Trăm Hoa lên tiếng về trường hợp bài thơ dài “Chiếc lược” của Thụy An ở số 3, 4/11/1956 với phụ đề “Một bài thơ bị vùi dập”. Sau đó ở số 4, 11/11/1956). Lưu Thủy nói rõ hơn về bài thơ dài Chiếc lược của Thụy An kể chuyện một cô gái nhà nghèo đi ở cho địa chủ, chỉ ước có cái lược chải tóc mà không có, bữa nọ cô mượn chiếc lược của chủ chải tóc để đi dự hội làng, bị chủ bắt được, lấy dao cau gọt sạch tóc, khiến cô không dám đi hội làng... Lưu Thủy không bảo đây là bài thơ toàn bích, nhưng hơn hẳn loại thơ dờ ờ và nhạt phèo của Xuân Diệu, của Nguyễn Đình Thi, của Huy Cận...

Sau số 4, tòa soạn Trăm Hoa đăng trên các nhật báo Thời Mới và Hà Nội hằng ngày thông báo Trăm Hoa nghỉ 1 kỳ Chủ Nhật 18/11/1956...“vì việc tổ chức nhà in”.

Số 5 Trăm Hoa (Chủ Nhật 25/11/1956) đăng truyện ngắn của Thụy An: Chuyện bố, mẹ, bé, và con búp bê. (Bà Thụy An tên thật là Lưu Thị Yến, con nuôi ông Phan Khôi, sau khi báo Nhân Văn và Giai Phẩm bị đình bản, bà bị bắt năm 1958. cùng với Nguyễn Hữu Đang, cũng bị tù vì vụ Nhân văn Giai phẩm).

Nhân kỷ niệm ngày nhà văn Vũ Trọng Phụng từ trần, báo trích đăng tiêu thuyết “Số đỏ”.

Về sáng tác, báo đăng thơ “Màu tím hoa sim” của Hữu Loan.

Vì vậy Trăm Hoa không còn được hỗ trợ giấy in, không như Tô Hoài nói: “Trăm Hoa hết tiền phải đình bản”. Từ đó Trăm hoa bị xóa sổ trên đất Bắc...”

Người thơ mạt vận và nhà văn Phạm Lưu Vũ vẫn còn đang ngồi ở quán tiết canh ngan nói chuyện văn chương quán nhậu về bài viết “Hệ lụy Nguyễn Bính” của tác giả Thăng Ngọc Phố về hệ lụy nào đấy dường như không có thật nếu như mới nghe qua...

“...Sau khi ra Bắc, Nguyễn Bính về Hà Nội và ra báo, trụ sở ở phố Lê Văn Hưu. Thư ký tòa soạn là cô Phạm Vân Thanh là sinh viên đại học Văn khoa, con một cán bộ ngành Bưu điện. Chẳng bao lâu, cô thư ký trở thành vợ ông chủ bút và sinh cho ông một cậu con trai đặt tên là Nguyễn Hiền. Oái ăm thay, ngay từ đầu cuộc hôn nhân này đã tiềm ẩn một nguy cơ tan vỡ. Gia đình Vân Thanh là một gia đình khá giả, bề thế, nền nếp. Còn Nguyễn Bính lại là một thi sĩ lãng tử giang hồ. Vì thế gia đình Vân Thanh không hài lòng về cuộc hôn nhân này.

Báo bị đình bản, Nguyễn Bính không có việc gì làm. Cái tổ uyên ương thứ ba của chàng thi sỹ tài hoa bị rạn nứt và tan vỡ! Lại ly hôn! Một mình sống còn chật vật, lấy gì để chu cấp cho con! Vân Thanh đi bước nữa. Đến lượt Nguyễn Bính phải nuôi con. Và cái việc thương tâm đã xảy ra: Nguyễn Bính ngồi ở bến xe, làm vài cốc rượu rồi gửi đưa con trai bé

bỏ cho một người lạ ở bên ô tô để đi vào nhà vệ sinh và thất lạc con...”.

Trong cơn động kinh với chữ nghĩa, ngộ chữ tôi đoán là người thơ mạt lộ qua những vụn khổ thiên lao nên mới sinh chuyện ngộ ở bên xe, làm dấm cóc rượu...

Chuyện cứ theo tửu đồ tôi nghĩ đại thì hệ lụy chả phải tại rượu mà là cái...nhà vệ sinh.

Bạn đọc sẽ giãy nảy lên và mắng ngộ chữ tôi như vật thật là “nhảm nhí”. Ừ thì nói theo ai đấy với “Cô vọng ngôn chi” là khi đọc sách con người ta chỉ *đọc những gì muốn thấy* cái ngẫu sự...*say sưa nghĩ cũng hư đời, hư thì hư vậy say thì vẫn say* của người mạt lộ mà không thấy *những gì ẩn hiện phía sau những dòng chữ* qua bài viết, bởi thập niên 30, 40: Bên xe ô tô làm quái gì có...nhà vệ sinh.

Từ nãy giờ thiếu rượu cuộc lủi, khi không ngộ chữ tôi lại ngát ngư với “Tết nhớ Nguyễn Bính” của nhà văn Trần Mạnh Hảo qua những thăng trầm của người thơ mạt lộ.

“...Đã 46 năm kể từ trưa 29 tết, năm Bính Ngọ, 1966, nhà thơ Nguyễn Bính đã chết trong nghèo đói, bệnh tật tại nhà ông lang Hứa. Tôi có gặp ông lang Hứa tại tư gia nhà thơ Vũ Quốc Ái ở Nam Định. Ông lang Hứa làm thơ, bút hiệu Tân Thanh kể rằng:

Sau 1958 Nguyễn Bính bị nhà nước đuổi về quê vì làm báo Trăm Hoa. Báo này do nhà nước xúi và bỏ tiền cho Nguyễn Bính làm, học theo phong trào

trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng của Mao Trạch Đông. Nguyễn Bính về quê làm nhân viên hợp đồng sửa bản in cho ty văn hoá Nam Định nên đói khổ lắm. Năm 1966, ty văn hoá sơ tán lên huyện Lý Nhân, nên Nguyễn Bính hay đến nhà ông lang Hứa ở thôn Mạc Hạ (một người mê thơ Nguyễn Bính) tá túc. Tết đến, không có tiền, Nguyễn Bính tới nhà ông Hứa mượn đỡ chút tiền về cho vợ con có chút tiền ăn tết. Bà Lai làm nghề đan len nuôi chồng con nên rất cực. Trưa 29 tết, Nguyễn Bính do đói quá, lại làm tí rượu, chóng mặt, ra bờ ao nhà ông Hứa rửa mặt, rơi xuống ao. Ông Hứa và người nhà vớt Nguyễn Bính lên bờ. Nhà thơ thổ huyết, tắt thở...”

Ngộ chữ tôi cầu véo rằng chẳng qua số ăn mày bị gậy phải mang vì ông xấu trai nên nhiều...vợ. Chuyện giầy dép còn có số như người thơ mặt lộ sinh năm Mậu Ngọ, mất năm Bính Ngọ! Ông sinh ngày mùng ba Tết, mất ngày 29 Tết!

Như khúc đầu của bài tạp bút, ngộ chữ tôi đã leo heo qua lời con gái bà Nguyễn Hồng Châu: Cha tôi mất tính đến nay đã được 43 năm, có biết bao bài báo nói về cái chết của cha tôi, biết bao là dị bản, giai thoại,...v.v...Có thể nói ông là một trong những nhà thơ có nhiều giai thoại như Trần Tế Xương, Tản Đà...Nhiều, nhiều lắm để không thiếu giai thoại thuộc thể loại đánh rắm đổ cho trâu như “Phi yến thu lâm” là...“quelques, pipes”, là...hút thuốc phiện. Thế nhưng lại có giai thoại của tác giả Ngọc Giao mà mới đọc cái tựa đề "Mùa mơ chùa

Hương nhớ Nguyễn Bính" đã thấy...văn cảnh ngẫu sự về cái chết của ông.

“...Nguyễn Bính được người ái mộ thơ mời uống rượu. Say rượu, bức nóng, ông ra cầu ao rửa mặt, bị trúng gió, ngã úp mặt trên bùn nước bên cầu ao, và ông chết tại đó. Thi trung hữu quý, ông chết đúng như lời ông đã viết qua bài thơ về cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều...”

Được thể ngộ chữ tôi gánh bùn sang ao với...giai thoại văn học khác:

Trước khi ông mất ít lâu, vào cuối năm, ty Văn hóa Hà Nam chuẩn bị kỷ niệm 200 năm thi hào Nguyễn Du. Trưởng ty Chu Văn yêu cầu nhân viên nộp bài về Nguyễn Du cho báo Tết. Nguyễn Bính rút ra bài thơ với tiêu đề *Tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều* và ngâm.

Theo Chu Văn kể lại trong tập hồi ức “Nguyễn Bính thơ và đời”: Mọi người nghe xong bàng hoàng. Toàn bài thơ là lời được nhặt ra từ Truyện Kiều. Nhưng kinh ngạc hơn còn ở chỗ, bài thơ tổng luận cuộc đời của nàng Kiều, song ai cũng ngậm ngùi nhận ra...“hình ảnh” của Nguyễn Bính trong đó, nhất là bốn câu kết:

Thương vui bởi tại lòng này
Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời
Lòng thơ lai láng bồi hồi
Tưởng người nên lại thấy người về đây

Mọi người lặng đi... Bài thơ thật hay nhưng thấy buồn... Nhà văn Chu Văn là xếp nên đề nghị Nguyễn Bính sửa mấy câu kết “đọc nghe xái quá”. Nguyễn Bính không nghe:

- Một chữ cũng không sửa. Các vị đừng mê tín... cốt hay là được.

Lạy thánh mớ bái cụ Nguyễn Du với tri thiên mệnh chứ... chứ tôi cũng tin ở cái số: Số mệnh. Thế nên ngộ chữ tôi mới cáo mực đề văn để có bài văn khảo thiên cổ kỳ tích có tựa đề: “Mạt lộ, ta ngồi chốn hạ phiên” vận vào cái tuổi tịch dương vô hạn hảo của người thơ lúc cuối đời. Chẳng qua chạy trời không khỏi nắng, thêm một lần ngộ chữ tôi bị giới xiềng vào ... tử vi đầu số qua chuyện kể của bà Nguyễn Bính Hồng Cầu...

“...Mãi đến 30 tháng tư năm 2008, khi tôi về hưu, tôi mới tìm đến nơi cha tôi trút hơi thở cuối cùng. Để rồi lúc tôi trở về, đi trên con đường làng quanh co uốn lượn, thật thanh bình êm ả mà trong tôi thì gập ghềnh lắm nỗi. Con đường nào cha tôi đã đi qua với những tháng ngày gian nan vất vả... Tôi bùi ngùi vì sự chậm trễ nên không gặp được chú Tân Thanh để được nghe chú nhắc nhớ về cha mình vì nay chú cũng đã ra người thiên cổ.

Chú Tân Thanh làm nghề đông y. Lúc sinh thời cha tôi hay lui tới nhà chú như chỗ thân tình. Một hôm cha tôi nói với chú Tân Thanh:

- Chú Hứa này, anh coi số tử vi, năm nay số anh “sống vô gia cư chết vô địa táng” đấy.

Chú Tân Thanh gắt:

- Vớ vẩn, chết gì mà chết, tử vi với tử vắn, anh cứ nói huyền thuyên!

- Thật mà hôm nào rồi anh cho chú xem.

Nhưng cha tôi cũng không kịp cho chú xem lá số tử vi như ông đã hứa. Khoảng 25, 27 tết cha tôi ghé nhà chú xem lại chiếc xe đạp bị hư hỏng để chuẩn bị về Nam Định ăn tết.

Thấy vậy thím Tân Thanh mới bảo:

- Bác ở lại ăn tết với vợ chồng chúng em, đừng sá gặp ghềnh lồm chồm đá to đá nhỏ, ổ gà ổ voi không khéo ngã thì có chết!

Cha tôi nói:

- Cô không sợ anh chết ở đây à?

- Chúng em chẳng sợ gì sắt cả, chết thế quái nào được! Bác chỉ nói gở. Bác cứ ở lại đây ăn tết cùng chúng em có dưa ăn dưa có muối ăn muối.

Thế là cha tôi ở lại với gia đình chú Tân Thanh để ăn thêm cái tết xa nhà, không ngờ đó lại là một “Xuân tha hương” vĩnh viễn của cha tôi ở nơi cũng tạm gọi là đất khách.

Vào khoảng 8 giờ sáng, ngày 20 tháng 1 năm 1966 nhằm ngày 29 tháng chạp âm lịch (tết năm ấy không có ngày 30), tại nhà chú Tân Thanh ở xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Cha tôi gục đầu thổ huyết bên bờ ao chỗ gốc mít.

Mùng hai Tết, Bác cả tôi là Trúc Đường, là anh của cha tôi cùng với con gái đi về Nam Định để đưa

tang cha tôi, dọc đường thấy một đám ma không kèn trống, không người đưa tang...Đâu ngờ đó lại chính là đám tang đưa em trai ruột thịt của mình...”

Bài thơ cuối cùng của người thơ mạt vận là bài “Tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều”. Ngộ chữ tôi chả đại vụng câu, vụng chữ với bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp...Nguyễn Bính. Bởi tất cả chỉ là ngẫu nhiên, ngẫu hứng: Lý Bạch trong cái tâm thái xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh là *cuộc đời như giấc mộng lớn, làm gì cho một mình* nên xuống thuyền, uống rượu, ngắm trăng rồi...ngẫu hứng ngã xuống sông chết. Ngẫu nhiên với người thơ mạt vận với duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh là *bạc hiền thánh chìm dần vào quên lãng, chỉ người say danh rạng muôn đời* nên ông cũng uống rượu và chết bên bờ ao...

Tửu đồng tôi vai vác bầu rượu, túi thơ theo những bước chân nhà thơ mạt lộ qua những nẻo đường...Trở lại chôn hạ phiên, nhà văn ẩn dụ Phạm Lưu Vũ vẫn còn đang ngồi ở chợ cửa Nam với đĩa tiết canh ngan...

“...Nhấp một ngụm rượu...chợt nhớ ra câu nói hời hợt của thi sĩ: “Người vừa đọc câu thơ vào loại hay nhất của ta khiến ta cảm động...”, để tán thơ của chính thi sĩ, tôi nói:

“Cụ có nhiều thơ hay, thậm chí tuyệt hay. Ví dụ như câu thơ Anh đi đấy, anh về đâu - Cánh buồm

nâu, cánh buồm nâu...cánh buồm.....có thể coi là thần bút”.

Không để nhà thơ trả lời, tôi đọc thơ cụ:

Hôm nay dưới bên xuôi đò

Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau

Anh đi đấy, anh về đâu

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Và tán thơ tiếp: “Thơ thi sĩ. Tựa *Không đê*. Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của cụ. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bên chèo xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua khung cửa sổ, thần thờ ngó ra. Cụ nói họ “thương nhau”. Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiền đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi: “*Anh đi đấy, anh về đâu?*”. Sáu chữ mà bồi bồi hai tâm sự ngồn ngàng. “*Anh đi đấy*” là câu hỏi thẳng thốt. Đau nhói. “*Anh về đâu?*” là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái bàng hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai xa hun hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm vươn cao, vươn cao, chói vói, chập chờn, lung linh, xa xăm: *Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vùi vùi nhìn theo. Câu thơ ngắt thành ba nhịp (*Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...*), tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng trào lên,

che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, người con gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh buồm thấp thoáng, nhòa đi trong sương khói. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở nhíp cuối biến mất”.

Thi sĩ trầm giọng “Tính ta thích tiêu dao tự tại”. Giọng thi sĩ trầm hẳn xuống “Chỉ có thế, nàng thơ mới đến gõ cửa nơi ta. Chung quy cũng tại cái “thời” mà nên cả. Đến khi bị biên chế chêt dí ở ty văn hoá thì ta chỉ còn là một anh “công chức thơ (vè)” thôi. Lạy giờ!”. Thi sĩ đưa tay lên che mắt “Ta không phủ nhận. Song ta tin rằng các nhà nghiên cứu đời sau sẽ hiểu cho ta. Bởi vì khi bị buộc phải “sáng tác” những câu thơ để “ăn lương” nhà nước như thế, chính ta cũng đã đánh dấu chấm hết cho cái nghiệp thơ đích thực của mình rồi.”

Tôi lặng người nghe. Thì ra thi sĩ là người đã “tiên đoán” trước cái “thời” mà chính ông đang sống. Bỗng tôi cảm thấy hình hài của ngài đang trong suốt dần và giọng của ông cũng bắt đầu nhỏ đi. Biết là thi sĩ sắp biến, tôi bèn vội vã hỏi thêm một câu vớt vát:

“Thưa! Nhà thơ lớn của chúng ta ở dưới ấy có nóng lắm không?”

Thi sĩ đưa một tay lên bịt mồm...rồi nói:

“Ở dưới ấy xuống chơi thì được nhưng ở lâu chán lắm”.

Tôi thấy thi sĩ đưa một tay lên che mắt, tay kia bịt tai, giọng buồn não nề:

“Vì gặp toàn những người không biết gì về thơ, nhưng lại thích nói về thơ”.

Phụt! Quả nhiên đã đến lúc thi sĩ biến thật. Chẳng mấy chốc, trước mắt tôi chỉ còn thấy một con bướm trắng đang vỗ cánh sắp sửa bay đi. Đâu đây như một cơn gió thoảng.

Theo cơn gió thoảng, xa xa là cánh bướm nâu, cánh bướm nâu, cánh bướm...”.

Thạch trúc gia trang
Lập xuân, Đinh Dậu 2017

(1) thơ Nguyên Sa

Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê,
Vũ Ngọc Tiên, Tạ Chí Đại Trường.

Mắt nhắm, mắt mở

(hay *Cửa mở ra, cửa đóng lại*)

Gã là nhà thơ, bởi trong giới nghệ thuật đương đại, ai có được một hai tác phẩm có thể trở thành rất nhiều thứ "nhà" chứ chả riêng gã. Lại nữa, giống nhiều nhà thơ hậu hiện đại khác, gã đang bị vày vò vì một nghịch lý: Vừa muốn biểu hiện khuôn mặt tân hình thức, vừa muốn đại chúng biết đến vì có phải ai cũng hiểu thơ đâu, và (lại càng) có phải ai cũng hiểu thiên tài đâu. Chỉ cần gặp một trong hai đã búi bán rồi. Trong nhiều sự này, gã có cả hai, thế mới hóc.

Búi bán hiểu là rối mù lên, thế nên gã hóc hác với ước muốn thứ nhất hiện ra rất rõ: Gã luôn luôn vác bộ mặt hiện thực ở nơi đàn đúm văn nghệ, ngập khói thuốc với trăm năm bia đá cũng mòn, bia chai

cũng vỡ chỉ còn...bia ôm. Ước muốn thứ hai thậm thụt ảm kín hơn: Trong thời đại phi vật thể, đêm đêm gã chiêm bao thấy thơ mình như tranh Graffiti, là bộ môn vẽ mang phong cách nghệ thuật đường phố từ phương Tây. Nghệ thuật Graffiti mang tâm thái thiếu gì tìm nấy nên họa sĩ phải đi tìm địa điểm rộng rãi để vẽ, có khi là khu nhà hoang, công trình kiến trúc chuẩn bị đập bỏ, tháo dỡ. Riêng gã, gã muốn thơ mình được biết đến như nhà thơ Vũ Đình Liên qua hình ảnh *lại thấy ông đồ già, bày mực tàu giấy đỏ, bên phố đông người qua*. Với bên phố đông người qua như ở nhà ga xe lửa, bến xe đò, trạm xe buýt, chợ búa đầu đường cuối ngõ để được các bà bán hàng rong vừa nhổ tóc, bắt chấy, vừa đọc thơ tình cho nhau trong giờ ăn trưa. Tuần trước, trâu dong bò dắt thế quái nào chả biết nữa, gã phát hiện bài thơ tình của gã được ai đó viết lên tường chuồng xí của một tiệm phở, chen vào giữa những dòng chữ rất đại chúng, đại thể như: "Trái tim rướm máu", "Hận kẻ bạc tình", v...v...

Thế là gã học tốc về quơ cái máy chụp ảnh bự sự có ống kính như khẩu M72 bắn tăng. Khoác cái áo bốn túi như phóng viên chiến trường, đội cái mũ đi sẵn để...sẵn hình. Và không quên khuôn theo quyển "Ảnh Việt Nam" làm kim chỉ nam để chụp ảnh nghệ thuật. Trở lại tiệm phở. Kêu một tô khác. Trả tiền. Nhưng không ăn, mà lên ra ngoài cầu tiêu. Vừa bước, gã vừa bán xúc xích theo người Hegel: "Cái đẹp là đối tượng của xúc cảm. Với xúc cảm là thật

thì nhiếp ảnh không làm cho sự việc thật hơn vì chính nó là sự thật”. Được nhấm bước, gã lại bán loạn với: “Đừng bần khoản nhiều khi nhắm qua ống kính. Đừng đặt tiêu chuẩn gì về cái đẹp. Cứ chụp như người không biết chụp hình. Cái tự nhiên mới đem lại cái thật trong ảnh nghệ thuật”.

Lật cuốn cẩm nang chữ nghĩa, hình ảnh dày đặc như ruồi bu chỉ cách chụp ảnh, gã lâm râm tụng: “Ngoài bố cục là ánh sáng, là sự tương phản độ rõ nét, cân đối, tương xứng, màu sắc, chủ đề, nội dung, v...v...Nhưng quan trọng nhất là chủ điểm của người sáng tạo! Điểm đó nằm ở chỗ nào trong tác phẩm”. Gã bèn mắt nhắm mắt mở chụp bài thơ qua những góc độ, ánh sáng khác nhau. Với chủ điểm nào đó nằm ẩn dấu trong tác phẩm..., gã chụp...và chụp...

Gã chụp được nguyên mảng chữ rất tình tự nhân sinh, nhân quả... “Hận đời đen bạc”.

Giờ trang khác, gã đọc vội đoạn chỉ dẫn: “Người ảnh nghệ thuật không chỉ nhìn thấy sự thật vì còn phải nhìn thấy cái “không thật” của sự thể nữa. Vô tình họ bước vào trừu tượng trong cõi vô hình”. Vì” “Người ảnh nghệ thuật không chỉ nhìn thấy sự thật...”, gã chụp...chụp...

Lần này gã chụp được hàng chữ... “Người lịch sự xin vui lòng đợi câu sau khi dùng”.

Ngẫm lại các cụ ta xưa dậy cầm chĩa sai bao giờ rằng trăm bó đuốc cũng...chụp được con ếch. Xong, đi rửa phim. Tiếp, chọn một bức đặc ý nhất, lộng

khung, treo lên tường. Gã ngồi bất động hàng giờ để thưởng lãm. Gã rất tâm đắc, nhưng thấy không bắt mắt cho lắm vì ảnh đẹp chưa đủ, còn tùy chỗ treo với ánh sáng ngồn ngộn nữa. Lại nữa, bài thơ trong khung ảnh không có “cảm giác” như bài thơ ở tiệm phở ánh sáng, màu sắc quện quạng sao ấy? Quái thật! Hơn thế nữa hình như bài thơ trên tường chuồng xí ngồn ngộn hơi hướm hơn. Vì nó thuộc trường phái “vẽ tranh tường”, là sự hoà hợp giữa nghệ thuật dân gian và trường phái biểu hiện. Ngoài biểu hiện gì gì đó, tác phẩm ở chuồng xí quá ấn tượng. Nó là sự kết hợp giữa nghệ thuật thị giác, tức “vi-sục-ạc”, nghệ thuật vị giác, tức “tét-tờ-ạc”, thủ pháp này dùng cho khúc vĩ thanh theo cung bậc vô cực. Bỏ bu! Hay là lúc nãy chụp hình, gã nhắm tịt cả...hai mắt. Suốt cả tuần qua, giới bạn bè văn nghệ thấy gã có vẻ hiện hữu hơn, nhưng cũng cô đơn hơn. Cả tuần nay, chủ tiệm lấy làm lạ vì sáng nào cũng thấy một người đàn ông hăm hăm đến gọi tô phở. Trả tiền. Đi thẳng vào chuồng xí. Ở trong ấy rất lâu. Và trở ra. Rời quán mang theo những suy tư xa vắng, xa vợi vợi, và bỏ lại đằng sau tô xe lửa...cô đơn nguội ngắt, mỡ nguội đóng váng, bánh phở chương lênh bênh như cô đào hát về chiều.

Sáng nay cũng vậy, đang thẩn thờ bên tô phở với cụ Nguyễn Tuân và cô đào hát, bất chợt nhìn qua bên đường, gã lòi mắt ếch thấy băng vải có hàng chữ to tồ chẳng “Triển lãm ảnh nghệ thuật”. Gã bần thần ngẫm ngợi thế nào là ảnh nghệ thuật đây? Vậy chứ dí ống kính vào đồng rác là phi nghệ thuật

chăng? Thế nên cho đến thế hệ @ còng này, vẫn chưa có tác phẩm ảnh nghệ thuật nào có hồn có vía về...đồng rác thì phải? Khó khăn thật chứ chẳng chơi! Gã đùm đậu đến một nhiếp ảnh gia thời danh đã thở ra chữ: “Muốn có một bức ảnh nghệ thuật, nhiếp ảnh gia phải có tâm hồn nhà văn, nhà thơ”. Gã buột miệng buông tuồng: “Lại nhà nhiếc nữa, chả ai chịu là nhà cầu, nhà xí cho”. Buông xả xong, gã đón ngộ ra rằng gã đang là nhà thơ, nhà chụp ảnh đây chứ còn khi gì nữa. Bỏ tô phở cô đơn...một mình buồn hiu trên bàn. Nhắm vào thiên niên kỷ 21 với nhãn kiến vi thật, trộm nghĩ...*nhìn thấy mới cho là thật!* Thế là gã lọ mọ qua bên kia đường trong một ngày ít gió nhiều mây để khai phá, khai phóng hay nói chữ với nghệ thuật thị giác, tức “vi-sục-ạc” để đi tìm cái đẹp của ảnh nghệ thuật.

Nhằm giờ ăn trưa, phòng triển lãm lèo hèo nhăm người. Gã thò đầu vào, vắt ngang lối đi tum hùm là mảng tường treo tòng teng một bức ảnh có tựa đề: “Chân dung”.

Với ảnh chân dung, được thể gã lòi tới ra rằng tranh vẽ, ảnh nghệ thuật không có lý sự gì sất. Bởi họa sĩ không làm việc để minh họa. Cũng như người chụp ảnh thâm vào ống kính một khuôn mặt với miệng nào ngao ấy cũng chỉ là minh họa như họa sĩ. Thế nên cái tên chỉ đặt cho có vậy thôi. Vì vậy tác phẩm như bức tranh “truyền thần” ngay trước mặt chụp vợ của người chụp ảnh thì phải?! Thì hai chữ

chân dung tự nó không nói lên sự tích gì sất cả. Bởi nhe nhe táo với bất khả ngôn truyền hiểu là...*không nói ra được*. Bởi nhẽ đó người chụp ảnh không nên nói dùm cho tác phẩm. Cứ theo gã “chụp bắt” cách mấy nhưng cái trở nên, cái làm thành, cái có mặt: *Người chụp hình để dành "lời" cho người thưởng ngoạn*. Vì ảnh nghệ thuật là một nghệ thuật câm nín. Thêm nữa, chân dung ai cũng thích chụp, nhưng để đạt được rất ít. Bởi văn có ý, thơ có khí,



Yousuf Karsh

ảnh chân dung phải có thần có cốt. Như Yousurf Karsh đã nhận định: “Có một khoảnh khắc thật ngắn mà cái thần của người lóe ra qua ánh mắt, nụ cười, v...v...Khoảnh khắc đó người chụp ảnh phải ghi lại trong tâm khảm và mang nó vào ống kính”.

Phi cô bắt thành kim, gã quay quả với Yousuf Karsh sinh ra tại thành phố Mardin, Thổ Nhĩ Kỳ). Ông học nghề với nhiếp ảnh gia chân dung John Garo ở Boston. Tên tuổi ông được ghi vào lịch sử nhiếp ảnh trong một lần Canada đón tiếp một nhân vật lớn: Winston Churchill. Thủ tướng Anh đã rất tức giận khi ông không được biết trước về vụ chụp ảnh. "Anh chỉ có hai phút. Chỉ thể thôi, hai phút", ông nói vậy và liên tục nhả khói. Karsh rất mạnh dạn giật điều cigar ra khỏi miệng nhà chính trị đầy quyền lực này. Bức ảnh nổi tiếng ấy được dùng làm ảnh trang bìa tạp chí LIFE số ra ngay khi Thế chiến II kết thúc. Vì điểm chính là nắm bắt được cái khoảnh khắc...đồng thời lột tả được cái nhìn như muốn thách thức mang cá tính không thể bị đánh bại của Churchill. Sau đây Karsh nổi tiếng thế giới về ảnh chụp chân dung Albert Einstein, John F, Kennedy, Fidel Castro, Ernest Hemingway, v...v...

Bằng vào cơ sự ấy, gã trộm nghĩ tên tác phẩm "Chấn dung" phải danh chính ngôn thuận là "Vô đề". Để người xem tranh được thể tha hồ mà...tranh luận. Để người thưởng ngoạn quên bém đi bức chân dung chả ra...chân tướng gì kia.

Tiếp tục đi tìm cái đẹp tranh nghệ thuật của thiên hạ sự, gã lần mò dọc theo bức tường và vướng vào mắt là hai nhân vật mặt mũi ngạp kỳ tích mà gã

đã nhìn mặt trong mỗi kỳ triển lãm. Gã nhìn mặt hai kỳ nhân dị tướng đây vì phòng triển lãm gần nhà, rồi hơi là gã đảo tới đây uống cà phê chùa, ăn bánh ngọt có mùi nhang. Thế nên gã biết thừa bữa một người là nhiếp ảnh gia hình dạng kheo khư đeo kính cận bầy tám độ, mặt kính như kính hội tụ. Còn ông kia là họa sĩ vóc dáng co còm đeo kính dâm đen, tay đang cầm ly cà phê đen. Cả hai đang nhìn nhúm trước một bức ảnh ngạp nghệ thuật tính. Khi không gã lại ôm rơm rậm bụng với câu hỏi: “Nghệ thuật là gì?”. Một bé tắc nhức nhối từ thời cổ đại đến giờ, cho đến bây giờ gã phải tự đi tìm câu trả lời bằng vào chính gã, bằng cách làm như khách xem ảnh vị nghệ thuật. Mang cái tâm thái vô tri bất mộ với nhĩ văn mục đồ, nôm na là *tai nghe mắt thấy*. Gã chậm rãi đi tới,...t

Tới gần,...gần ngay cạnh cửa cầu tiêu của phòng triển lãm.

Gã nom nhòm thấy khuất sau lưng hai nghệ nhân và lấp ló giữa hai thân người dường như là bức ảnh chụp...cái cửa sổ với cánh cửa khép lại thì phải. Phải trái gì gã cũng ăn mắm ngấm về sau rằng: Một là bức ảnh vuông vắn đã hiếm thấy. Hai là ảnh chụp cái cửa sổ còn hiếm có hơn nữa. Ha! Thế này là ngẫu duyên, ngẫu sự đây, bởi bài thơ hậu hiện đại, tân hình thức của gã cũng hiện diện ở trên bức tường cầu tiêu có...cái cửa ra vào.

Vì vậy gã càng chăm chú nghe tợn. Gã nghe ông họa sĩ đeo kính dâm vào chuyện:

- Bức ảnh là bức tranh để cảm nhận, thay vì để ngắm.

Không đợi người nhiếp ảnh gia mắt như ngựa như đại trả lời, ông họa sĩ đẩy đưa bằng vào cút đầu gói thì thơm, cút hàng xóm thì thối như thể như thế này đây...

- Xem tranh và xem ảnh khác nhau. Người xem tranh tụi “moa” ngắm thật lâu để khám phá những đường nét và thích thú tìm được những màu sắc hòa hợp của tranh. Trong khi người xem ảnh các “toa” chỉ nhìn thoáng qua là đã thấy mình thấy hết rồi.

Mắt gã nghệt ra vì ông này khó khăn quá thể! Tiếp ông ngụp lặn với chữ nghĩa:

- Trong phần dẫn nhập tác phẩm *The Essence of Christianity*, triết gia Feuerbach nhìn nhận thời đại chúng ta là thời đại ưa chuộng hình ảnh hơn sự vật, bản sao hơn bản gốc, biểu tượng hơn thực tế, bề ngoài hơn hữu thể. Vì cái nhìn vật thể thay đổi theo thời gian và không gian, bắt nguồn từ hội họa hiện đại khởi đầu với trường phái ấn tượng năm 1860. Sau đây trường phái hiện thực đã có những dấu hiệu xa rời nguyên thủy. Vì một trong những lý do khoa học kỹ thuật đã thâm nhập vào đời sống con người, với sự phát minh ra...*máy ảnh* vào những năm giữa thế kỷ 19. Nhiếp ảnh đã giải thoát họa sĩ khỏi vai trò người kể chuyện và minh họa, cho phép tìm tòi vùng nội tâm bị lãng quên trong hội họa phương Tây, kể từ thời Phục Hưng của Ý.

Người nhiếp ảnh gia mặt mày ngầy ngật thấy rõ vì ông họa sĩ đây giọng lưỡi ngấp vắn về phát hiện ra “cái máy ảnh”...của nhiếp ảnh, thế mới đau, bèn đau chân há miệng...

- Ngài có hay rằng Charles Beaulaire khi viết về Salon de 1859 đã mắng mỏ nghệ thuật nhiếp ảnh: Kỹ nghệ này đã xâm lấn nghệ thuật và trở nên kẻ thù của nghệ thuật, thưa ngài.

Ngắm cái cửa sổ và làm như chuyện...ruồi bu, vì cánh cửa sổ khép lại thì còn gì để mà xem nữa. Nhưng gã cứ căng mắt ra...nghe. Ông họa sĩ vừa sửa lại gọng kính, vừa lầu bầu:

- Lạ! Lạ thật, bức ảnh mang triển lãm lại không có tựa đề.

Như hai người điếc đang đứng với nhau...tọa đàm. Người nhiếp ảnh gia nghe qua lỗ tai chui qua lỗ mồm với ông họa sĩ, với tranh hội họa và cái máy ảnh:

- Với cái nhìn vật thể qua nhiếp ảnh như bức hình mà Michael Thompson chụp người mẫu Jukianne Moore mà ông lấy cảm hứng từ tuyệt tác hội họa La Grande Odalisque của Jean-Auguste-Dominique Ingres. Bức tranh này vẽ năm 1814 và được treo trong bảo tàng Louvre. Ảnh chụp được đăng trên tạp chí mỹ thuật Vanity Fair năm 2000. Hình ảnh chụp trông tựa tựa như bất cứ bức tranh cổ điển nào cả mấy trăm năm trước.



Tranh sơn dầu La Grande Odalisque
Người mẫu Jukianne Moore

Bậm bạp xong, người nhiếp ảnh gia sẫm soi ngắm bức ảnh chụp thiếu kích thước, thiếu bố cục: Vì ngay chính giữa bức ảnh là cái cửa sổ. Mặt người chao đảo trông thấy vì bố cục là kết hợp, xếp đặt trình bày vật thể, đường nét cho thuận mắt, cho gần bó, cho đồng nhất. Bố cục khéo, giúp làm nổi điểm chính của ảnh, dùng những chi tiết phụ trong ảnh để hướng mắt người xem vào chủ đề. Mà làm như không nói chuyện mồm miệng nó mọc đi hay sao ấy, nên người óch ách với ông họa sĩ những éch vào cửa ra đang bò ở trong đầu...

- Khi xem một bức ảnh, điểm dễ nhận nhất là bố cục. Đường nét của bố cục với sự gợi ý rõ ràng mà người xem ảnh cần phải nhận ra để có đồng cảm với tác giả. Nếu thấy một tác phẩm không theo quy củ của bố cục, đừng vội kêu toáng lên tác giả không biết luật bố cục. Mà hãy nên tìm hiểu xem tác giả nhò nhét gì cho bố cục của bức ảnh ấy. Hoặc tác giả có lý do nào đó để cố tình đưa chủ đề, chủ điểm vào giữa tác phẩm như...bức cái cửa sổ này, thưa ngài.

Ông họa sĩ nghe thế có vẻ hơi bị “bức xúc” nên “mỏ” lại ngay...

- Theo “moa”, nhiếp ảnh là nhìn và thấy. Nhiều nhiếp ảnh gia các “toa” nhìn mà...không thấy. Họ không thấy những góc cạnh bất mắt, ánh sáng lạ để ghi nhận khác những người khác.

Mắt không rời bức ảnh có cái cửa sổ. Làm như lãng tai, người nhiếp ảnh gia tong tả với cái “Lạ! Lạ thật...” vừa rời của ông họa sĩ. Và vun chuyện cho rối loạn tiền đình thêm...

- Việc đặt tên cho đứa con tinh thần. Tức là tên tác phẩm, điều này rất dễ gây ngộ nhận. Vì vậy tôi đang phân vân với cái tên: "Trăng treo ngoài cửa sổ" đây.

Ra cái điều đồng cảm, ông họa sĩ gật gù:

- Hay, quá hay. Giản dị mà khó hiểu. Khó hiểu mà giản dị. Kiệt tác đây rồi, tìm ở đâu xa.

Nghe thủng xong, người nhiếp ảnh gia bèn cảm râm:

- Theo tôi thì hội họa là màu sắc. Còn nhiếp ảnh là ánh sáng, phải chăng thừa ngài.

Ông họa sĩ được thể dây cóc leo thang:

- Sau ông ngắm như thể đang trong tiến trình dò kiếm, dừng lại, trì néo, giằng co, và dường như đôi khi bắt lực qua cái nhìn bản thân của người bấm máy. Theo nữ nhiếp ảnh gia người Nhật gốc Việt Himiko Nguyen thì đây là một đường nét sáng tạo có đôi nét tương đồng nào đó với họa sĩ. Dù cho người chụp ảnh không hề biết vẽ, nhưng tìm cách thu vào ống kính, ghi lại cảm thức về cái động hay sự chuyển động xoay cuộn của vật thể. Trong việc sử dụng máy hình, các chức năng zoom và macro của nó cùng kỹ thuật chớp sáng, phân sắc độ, cũng những thao tác trong phần mềm photoshop tương đương với thao tác trực họa của họa sĩ. Người chụp ảnh có nhiều kỹ thuật tạo cái động trong ảnh bất động.

Trông giở bỏ thóc thì gã chả biết ảnh hai chiều..."động đậy" cái khổ nào? Nhưng gần mực thì đen, gần đèn thì lu nên gã...lu bu với mớ kiến thức lơ mơ lổ mổ của gã rõ ra nhiếp ảnh gia hôm nay phải là một nghệ sĩ chân tài. Họ là nghệ sĩ đích thực với bàn tay tài hoa của họa sĩ. Cái ôm đồm...ôm mây cuời gió của nhà văn. Đại thể như Đặng Mỹ Hạnh là một nữ nhiếp ảnh gia có bài viết trong *Xứ sở rừng mưa* với phần tựa, cô viết: Nếu nhiếp ảnh là đam mê chính, văn chương là đam mê thứ nhì, Và cô tự định nghĩa: "Tiếp cận với nghệ thuật bằng ngữ ảnh của

cảm xúc và viết ra cỗi lặng bên trong như một nhu cầu thờ". Thêm: "Một cỗi lặng đôi khi ngấm ngấm dữ dội" mà cô viết trong tùy bút *Những cơn man dại của trái phá*. Bởi thế theo gã với nghệ thuật nhiếp ảnh chẳng thể thiếu vắng những cái miệng trắng mờ của nhiếp ảnh gia nói rần trong hang cũng phải bò ra về tác phẩm độc đáo của mình. Tác phẩm đã cố tình bất chấp bố cục, bỏ quên ánh sáng, mắt người đời thường chẳng thể thẩm định nổi. Nên nhảm khi họ "nói" hay hơn tác phẩm của họ nữa, đến kiến trong lỗ cũng phải bò ra. Còn con rắn vẫn nằm tịt mịt trong hang vì nó không có...tai, nên nó không biết nghe, vì vậy mới rách chuyện.

Rách chuyện hơn nữa với bức ảnh vuông bé con con, với người nhiếp ảnh gia...

- Thì như ngài đã bảo bức tranh và ảnh chụp là để cảm chứ đâu phải để hiểu. Theo tôi đây là một sự cách tân đầy sáng tạo. Cũng như tựa đề tác phẩm "Trăng treo ngoài cửa sổ" theo tôn ý ngài đa nghĩa đầy ẩn dụ với màu vàng lũng lảng. Nhưng ngài nên nhớ, tên tác phẩm là tiền đề của bức ảnh, nó là bộ mặt của tác phẩm, cũng như...mặt tiền căn nhà vậy.

Lại vẫn cái thói đam ba chày củ, ông họa sĩ hoá thân là người nhiếp ảnh gia:

- Nói một cách nào đó, những bức ảnh nghệ thuật chính là những hợp thể lạ lùng của nghệ thuật, kiểu triết gia Kant về cái đẹp tự nó và cái đẹp nguyên hợp vô cùng rõ nét, rất đậm chất hiện đại. Cách tiếp cận của Himiko Nguyen và họa sĩ đã gặp

nhau trong những cảm xúc nghệ thuật thuần túy, đây nghệ thuật tính. Hiểu theo Himiko Nguyen là một bức ảnh nghệ thuật với chủ quan hay khách quan thì một phần nào từ cảm xúc nhạy cảm của người...bơm máy. Chết tía! Nói lộn, là người bấm máy. Vì vậy triết lý một cách khoa học, nhiếp ảnh gia các “toa” phải nắm bắt sự vật như...máy! Nhưng máy không thể bày tỏ nội tâm chủ quan như...người được.

“Người” bèn nhúng cọ, pha màu với ông thợ vẽ:

- Kỹ thuật là căn bản của mỹ thuật và nghệ thuật, thưa ngài.

Chỉ cái cửa sổ của tác phẩm trắng treo ngoài...cửa sổ, người vẽ vờ:

- Cái cửa sổ này nên nhích qua bên phải một tí. Hay nhích lên cao một chút. Tại sao tác giả không sử dụng triết để phép tu từ trong tình huống này? Tu từ, tức là tu sửa, là sửa nhà cửa, là trung tu, đại tu, là... tu hành, tu đạo.

Như tu hú đẻ nhò, ông họa sĩ chụp bắt:

- Ý niệm nhiếp ảnh gia của các “toa” là một kỹ thuật gia, kỹ thuật của nghệ sĩ là trí óc. Tay là thừa. Mắt và óc đủ rồi. Nó phát triển theo hướng hiện thực, chính xác để hướng dẫn và truyền đạt. Nhiếp ảnh gia các “toa” cầm trong tay cái máy hình, ngoài là phương tiện gọi hứng bằng con mắt, họ phải có những tiền trình từ lúc chuẩn bị tới lúc hoàn thành đều được phối hợp hết sức tỉ mỉ bằng trí óc và thời gian cùng những kinh nghiệm.

Gã nghe như đấm vào tai, nên bụng dạ sậm soét: Người cầm máy ảnh đâu cứ bấm cái nút là... chụp ảnh. Ai chả biết họ làm nghệ thuật, nhưng ngoài nghệ thuật vị nghệ thuật, còn nghệ thuật vị nhân sinh, còn người thường lăm nữa. Vì cái đẹp của người bấm máy chả hẳn là cái đẹp của người thường ngoạn. Nên chớ bao giờ coi thường họ, người thường lăm ảnh nghệ thuật là những thức giả thâm lặng. Họ đang ẩn mình sau khung ảnh và họ không nói đầy thôi.

Trong khi ấy người gọt cốt vừa giầy với ông triết gia của ông họa sĩ:

- Như ngài đã giải luận, Feuerbach nhìn nhận: Với sự phát minh ra máy ảnh. Nhiếp ảnh đã giải thoát hội họa, để có Renoir với ấn tượng loại bỏ hai màu nâu của đất và màu nâu của thân cây với vẽ phong cảnh. Ngay như Manet, Degras vận dụng những đặc thù cá biệt của nhiếp ảnh để tìm ra phương thức mới cho hội họa, loại trừ kiểu vờn bóng của thời Phục Hưng. Họ phỏng theo các mảng đen trắng tách biệt của ảnh chụp loại bỏ sắc độ trung gian người ta thấy ở tranh cổ điển bằng màu sắc tươi hơn, nhất là màu đỏ với trường phái Dada hay Dã thú...

Ông họa sĩ nhảnh mồm ra cười mà rằng:

- Một phần tranh xem để thưởng thức, một phần để học hỏi. Học hoài mà nhiều khi nhìn tranh vẫn không phân biệt được nó thuộc trường phái nào. Thường là trường phái ấn tượng hay trừu tượng. Riêng ấn tượng, nói về tầm ảnh hưởng của phái ấn

họa Nhật Bản đối với trường phái ấn tượng Âu châu, Brochure viết: “Một phần lớn tác phẩm của các họa sĩ Âu châu của thời kỳ ấn tượng chịu ảnh hưởng của ấn họa Nhật bản về bố cục, màu sắc, hình ảnh”.

Trời chẳng chịu đất, đất chẳng chịu trời, người nhiếp ảnh gia cười bệt:

- Chính máy hình sau này đã “cưỡng bức” hội họa. Người ta không biết trong những thiên niên kỷ tới, hội họa có bị...”bức tử” hay chẳng? Bởi người chụp hình thu ảnh vào ống kính rồi. Sau họ dùng photoshop để che, thui, vẽ vờ thêm màu sắc, ánh sáng, đường nét trong ảnh biến mờ ảo thành hiện thực, một vật vô tri thành một vật gợi cảm, để thành một bức họa, thua ngài.



Tĩnh vật
(ảnh hay tranh)
Nguyễn Phan
(nhiếp ảnh gia hay họa sĩ)

Và người xoi xói như thầy bói mức canh...

- Trong quyển *Nghệ thuật nhiếp ảnh*, một tác giả viết: Đôi khi tình cờ tôi tìm được hướng đi cho riêng mình. Một ngày đang đứng trong thành phố đợi mưa để tìm đề tài bắt vào ống kính, bất chợt có một chiếc xe queo vào chỗ đậu. Bóng chiếc xe rọi vào tấm kính dài của một cao ốc những hình “zích-zắc”, méo

mó, xoắn vặn tạo nên những hình ảnh kỳ lạ khó tìm thấy trong lĩnh vực nhiếp ảnh. Bắt nguồn từ những hình ảnh này, tôi hiểu lý do trường phái hội họa trừu tượng và lập thể sáng tạo những méo mó, lệch lạc, ngược xuôi. Mặt người như bể gãy. Một mắt, nửa mặt. Con người cong queo không nguyên vẹn... Từ sự phản chiếu cảnh vật hắt lên kính biến dạng thành nhiều đường nét kỳ lạ, tôi sử dụng máy ảnh như lưỡi kéo, cắt cóp một phần của ảnh này chụp chồng lên cảnh kia. Tiếp, lựa đường nét, khối, tăng màu hoà hợp, nào có khác gì họa sĩ phái ấn tượng hay trừu tượng dùng bút lông và sơn màu trét lên khung vải. Nhiếp ảnh gia thành danh như Đơn Hồng Oai đã dám đi tìm những hướng đi mới, khen hay chê là chuyện năm mươi năm nữa. Đạt được hay không là chuyện mười mười năm sau.

Căng tai ra nghe xong, gã trộm nghĩ với ấn họa Nhật Bản, ấn tượng Âu châu, bút lông với máy ảnh, họa sĩ với nhiếp ảnh gia. Vì cây dây quán, gã cứ quán quýt hình ảnh...cưỡng bức và...bức tử với bức ảnh vừa rồi của Nguyễn Phan. Gã lần lần rằng họa sĩ hay nhiếp ảnh gia, bức họa hay bức tranh, với nhân sinh vị nghệ thuật, tác phẩm vẫn đẹp như: Một tĩnh vật.

Đồng thời gã thậm thụt rằng chuyện đâu còn đó vì trong đầu cứ “zoom” tới, “zoom” lui...cái ống kính M72: Vì cái máy ảnh là cái gạch nối giữa nhiếp ảnh gia và họa sĩ. Nhưng cái máy ảnh lại không biết nói. Vì đó là chức năng “nói” của người cầm cái

máy ảnh. Lại nho nhe nữa với bất ngôn khả dụ, tạm hiểu là *không thể dùng lời nói mà hiểu được*. Bởi muốn “nói”: Họa sĩ phẩy một vài nét ký họa chân dung là ra cái hồn người. Nhà văn chỉ vốc chữ, nhưng tả người vẫn có hồn, có cốt trảng qua văn chương. Ngắn gọn và dễ hiểu là Tàu đã dạy khôn Ta qua sách vở rằng: “*Chụp hình ma quỷ dễ, chụp hình người khó*”. Bởi khó khăn vậy, vì vậy cho đến nay rất ít người chụp ảnh chân dung, hay khỏa thân. Họ thường chụp cây cảnh, tĩnh vật, vì cây cỏ hay cái bình gốm cũng không biết...nói nốt. Gã bấm búi với những nhiếp ảnh gia sau mười năm, họ vẫn cô đơn lang thang vác máy trên lối mòn xưa cũ và bước qua những lỗ chân trâu. Họ không đi tìm con đường riêng lẻ như Thái Phiên, Andrew Nguyen, Đặng Mỹ Hạnh, Brian Do, v...v...

Khi không cái đầu đậu phụng gã nhão nhoẹt với Đơn Hồng Oai. Gã vắn óc nghĩ không ra nhiếp ảnh gia với tên họ Tàu tàu, Lư Bị không ra Lư Bị, Tào Tháo không ra Tào Tháo là ai? Ấy là chưa kể hai người làm nghệ thuật đang có mặt ở đây mở cửa ra vườn nghệ thuật, cánh cửa mở ra mưa ra nắng...Gã được thể lặn độn trong cõi không với “không” là “có”. Cánh cửa mở ra thì...có cánh cửa khác được khép lại để chẳng...có gì đổi thay. Trong đầu gã được dịp vờn bóng với một bức ảnh đen trắng của người chụp ảnh Phùng Nam Cường.



Với ảnh nghệ thuật khoả thân, người chụp ảnh chỉ dùng những nét chính trên thân thể ghi lại nét đẹp thuần nhất. Người thường ngoạn không thấy bộ phận nhạy cảm nào của người trong ảnh, vì người chụp ảnh chú trọng đến ánh sáng. Chính ánh sáng làm nổi đường nét. Kỹ thuật ánh sáng tạo nên nét mờ, nét nhạt hay làm mờ nhòe, mờ ảo để những nét mềm mại gợi cảm của người mẫu không còn là người bằng xương bằng thịt, mà hình ảnh có phần nào...sương khói mờ nhân ảnh. Từ đó ảnh khoả thân Boudoir ra đời. Boudoir khai thác thể đứng, ngồi, nằm gợi cảm. Cách đứng như chờ đón, thể ngồi cam chịu, cách nằm buông thả. Vì vậy những đường cong của thân xác, người chụp ảnh sau này sử dụng ánh sáng tạo thành những vùng tối, sáng trên da thịt như đồi cát trải dài xuống thung lũng sâu thăm thẳm. Hoặc chụp gần, ngược ánh sáng làm nổi bật lên những sợi tơ mọc trên da thịt lơ thơ như cỏ dại.

Là nhà thơ trường phái Graffiti, như cái máy ảnh, trong đầu gã bấm “tách” ra cụ Bùi Giáng:

Tấm quần em rách đường tơ.
Cỏ trong mình mấy bâng quơ mọc nhiều,
Bây giờ em đứng nơi đâu.
Cỏ trong mình mấy em sâu ra sao.

Cánh cửa khép lại, những gã chẳng quên vạ vọ
bức ảnh *Suối tóc số 1*...



Ảnh số 1. “Suối Tóc số 1” của Thái Đắc Nhã

Suối tóc số 1 là ảnh khỏa thân, người trong ảnh không có...”tấm quần” che thân, tức khỏa thân là cái cẳng rồi. Nhưng gã chẳng thấy gọi đục tí tẹo nào, vì không thấy bộ phận nào lộ ra ngoài mà chỉ thấy...những tóc là tóc rối như canh hẹ. Hơ! Đây cũng chính là những nét chấm phá tác giả muôn...”nói” với ban giám khảo cuộc thi ảnh quốc tế. Họ xét hàng nghìn ảnh khỏa thân kín đáo lẫn lộ liễu khắp thế giới gửi đến dự thi: Họ chọn ảnh *Suối tóc số 1* của nhiếp ảnh gia Thái Đắc Nhã để trao

tặng Huy chương vàng Áo quốc năm 2007 vì ảnh không mặc...áo.

Ý đồ gã là trong vườn ảnh nghệ thuật, cánh cửa đã mở ra mưa ra nắng, nhưng vẫn chưa thấy *Suối tóc số 2*. Có thể như Brian Doan đã hành ngôn hành tói: “Ở đâu đó, cái ranh giới giữa hình khiêu dâm và ảnh nghệ thuật dường như vẫn còn mập mờ. Cái ranh giới "mong manh" đó đưa đến sự tranh cãi sẽ còn tồn thêm nhiều giấy mực và không có vẻ sẽ sớm sửa đi đến một thỏa hiệp về ranh giới trước mắt”. Brian Doan cho biết thêm: “Làn ranh ấy là mơ hồ, chỉ cần nhích ống kính một vài ly, cái porno sẽ thành ảnh nghệ thuật khoa thân. Với người thưởng ngoạn, chỉ cần một cái nheo mắt, ảnh nghệ thuật sẽ trở thành hình ảnh khiêu dâm”.

Đang râm rẫn đến đây, chợt gã nghe người hòm hòm với ông họa sĩ:

- Cái khung cửa sổ còn thiếu sức sống, chưa đủ da thịt. Nó có phần lủng củng, không ăn nhập với cái toàn thể. Hay nói khác đi là không có ...bộ cục. Cái này cần khắc phục, cần...điều chỉnh. Muốn sửa chữa dễ thôi, nó thuộc về “tẹc-ních...”.

Bụng dạ gã tức như bò đá vì cái cửa sổ là...cái cửa sổ. Nếu như cái cửa sổ nằm giữa bức tường thì...Bố khi! Bộ cục thế quái nào được...thì ông họa sĩ đã ba điều bốn chuyện:

- Như “toa” biết đấy, nhiếp ảnh đã vay mượn “một phần ba tỷ lệ vàng” của hội họa. Tất cả thừa hưởng nghệ thuật của nền văn minh Hy Lạp từ năm

323-146 trước Công nguyên. Tiếp đến là nền văn minh La Mã từ năm 44-1453 sau Công nguyên để tạo nên ý niệm cân đối.

Thừa gửi xong, nhưng vẫn chưa xong. Ông họa sĩ khục khặc như chó hóc xương:

- “Moá” không nói “toa” cũng hay: Trên khía cạnh nghệ thuật, nhiếp ảnh đã chuyển hướng từ 50 năm nay. Người chụp ảnh làm nghệ thuật đã tự dần thân vào những khám phá mới, buông thả theo cảm hứng riêng. Họ không muốn ghi lại sự thật một cách rất thật nữa. Họ bóp méo hình thể nhờ kỹ thuật tạo vật kính, phản ứng của hóa chất, chiều hướng của ánh sáng, v...v...Họ bước vào thế giới trừu tượng và bay nhảy trong cõi vô hình. Trong tác phẩm của họ có hai phần: Phần ngoài với hình thể thấy được, chỉ là lớp vỏ chứa đựng nội dung. Phần trong, tức sự xúc cảm của nghệ sĩ, khơi dậy những xúc cảm của người xem ảnh.

Đợi ông họa sĩ thở ra chữ rồi, người đắp chữ vá câu vào chỗ trống cho hợp nghĩa...

- Trừu tượng được khám phá từ hội họa từ năm 1911 ở Pháp và Bỉ. Nhưng chính một họa sĩ Âu Châu qua Nhật thấy chữ Hán mà nảy sinh ra ý tưởng...trừu tượng, vì trừu tượng vốn có trong nét chữ...hình tượng của người Tàu, thừa ngài,

Nghe đến người Tàu, ông họa sĩ bèn cóc nọ leo thang voi kia để trúng mà rằng...

- Vừa rồi “toa” nói đến Đơn Hồng Oai là tích...tích gì vậy?

Trong một...tích tắc, người tó hó như nhà khó được của...

- Đơn Hồng Oai sinh tại Quảng Đông, lớn lên tại Chợ Lớn. Là nhiếp ảnh gia, như thiền sư ông vác máy lên núi chỉ thấy núi, xuống sông chỉ thấy sông. Một ngày quá vắng ở mãi đâu đâu lát phát ẩn hiện về với ông “Thuyền ai đậu bến Cô Tô - Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San”. Từ đấy ông cứ bị “Trăng tà tiếng quạ kêu sương - Lửa chài cây bến còn vương giấc hò” để thấy núi không là núi, sông chẳng là sông. Từ đó ông dẫn thân vào đường hương mới, ông nhập hồn nhập vía vào những...“ảnh thủy mặc” mập mờ nhân ảnh mịt mùng gió mây.



Bên sông Phan Thiết

Kỹ thuật của ông là "ảnh chấp ghép", mỗi tấm ảnh là sự kết hợp của nhiều âm bản khác nhau, phóng lên một tấm giấy ảnh. Thành ra không ai có thể tìm thấy cảnh thật ngoài đời có hồn như

ảnh của ông. Thể loại ảnh do ông Long Chin San (Lang Tinh Sơn), một nhiếp ảnh gia Đài Loan khởi tác đầu thập niên 50. Sau Long Chin San, tiếp đến với nhiếp ảnh gia cổ thụ, cổ đại Trần Cao Lĩnh với những bức *Hồn hoang đô thị, Bóng hương vong*, thừa ngài.

Ông họa sĩ gặt gù và tha ma mộ địa với hồn hoang, hương vong...

- Họa, ảnh cũng vậy: Không có cảm xúc không có hồn. Chỉ là một tác phẩm chết.

Đảo mắt như lạc rang quanh tường, ông vén môi nói chữ...

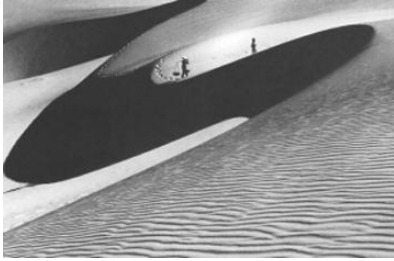
- Một bức họa, một bức ảnh là một “biểu tượng”. Là cái gạch nối của tĩnh vật và người thưởng ngoạn. Bức ảnh có “ngôn ngữ” riêng của nó để gửi gắm, nói lên một cái gì đó sâu kín của người sáng tạo. Mà ngôn ngữ của ảnh chỉ cô đọng trong bốn cái khung hình. Thế nên cả đời người chụp ảnh các “toa” chỉ có một, hai tác phẩm để đời là hết...”phim”, là...chết ngắt.

Mặt mày nhăn nhúm thấy rõ, người nhiếp ảnh gia bật rật...

- Ngài cứ nói thế, thế nhưng họa sĩ như ngài chỉ loay hoay với ấn tượng, biểu tượng. Họa sĩ áp dụng nguyên tắc “quang học” trên cơ sở khoa học của nhiếp ảnh để sau này có trường phái tân ấn tượng, tân biểu tượng. Trong khi nhiếp ảnh gia càng ngày càng nhiều, người này với ý tưởng học thuật nghệ thuật đa dạng, áp dụng kỹ thuật theo phong cách

hình họa. Người kia với góc độ ghi ảnh cuốn hút theo lối thủy mặc cũng với phương thức họa hình. Người khác với ý tưởng khác, họ áp dụng kỹ thuật xoay máy theo lực gió để chụp phong cảnh.

Nghe đến đây, thêm một lần trong đầu gã nhón nhắc ra tác phẩm *Trên đường về nhà* của ai đó. Gã vừa định há mồm hỏi phải chăng bức ảnh đây theo phong cách hình họa chẳng? Thì...



Thì vừa lúc người phăm phở...

- Vì nghệ thuật nhiếp ảnh chọn nghệ sĩ và đây đọa họ. Nghệ sĩ không có quyền chọn lựa. Nghệ sĩ, đáng thương thay như kẻ lữ hành với ống kính trên vai, với khối cô đơn trong tâm khảm. Nếu không đủ cô đơn, họ không sáng tạo mà chỉ...chế tạo thôi.

Chỉ vào bức ảnh có một không hai, người giục giã...

- Zarathustrainsara, nhà phê bình ảnh nghệ thuật Ba Tư đã đề ra bốn tiêu chuẩn cần phải có là: Kiến thức rộng rãi, tâm hồn nhạy cảm, vốn sống và cuối cùng là...không biết thì đừng nói.

Không để cho ông họa sĩ nói, người làm bìa...

- Vì tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật này đây toàn bộ bố cục mang dáng vẻ siêu hình, là đỉnh cao của trường phái... hiện hình. Nó có kết cấu đa tầng, đa thanh..., giống... giống với kết cấu giao hưởng của Betnhetoven. Về mặt tổng thể, đây là một siêu văn bản nói lên cái siêu ngã để qua đó khẳng định cái siêu tôi. Tóm lại là tuyệt. Tuyệt vời trên cả tuyệt vời, thừa ngài.

Làm như đang trầm luân trong bể phù sinh trong một thoáng phù du, ông họa sĩ ve vế mắt nhìn tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật đầy rẫy siêu hình với hiện hình. Ông ngửa cổ uống hết ly cà phê, rồi chọc thủng mọi lỗ ở đáy ly giấy. Tháo cái kính dâm ra, mắt như mắt thầy bói, ông neho một mắt qua cái ly giấy như cái ông kính. Ông lâm râm: “Một tĩnh vật ảo đầy ấn tượng”. Tay vung vẩy như vẽ lên trời một hình tượng nào đó. Tiện mồm, ông vén miệng râm ran (*):

Khi ta vẽ trừu tượng
Cái đầu ta hiện thực
Khi ta vẽ hiện thực
Cái đầu ta trừu tượng
Khi ta vẽ em
Đầu ta bay đầu mắt

Đang giảng giảng câu chuyện, người nhiếp ảnh gia cũng tháo cái kính cận bầy tám độ. Người lù ra xa một chút như một họa sĩ và mắt nhắm mắt mở,

ngón tay cái đưa về đằng trước đo tác phẩm...có trọng lượng đầu vào đáy rồi. Rồi người óc bóc:

- Quá xuất sắc, quá “rò man tích”..., tôi thật không ngờ. Toàn bộ tác phẩm là một bi kịch vĩ đại. Những chi tiết éo le mà không hề bi lụy. Toàn bộ tác phẩm thấm đẫm chất thơ tân hình thức, hậu hiện đại. Đặc biệt, người chụp ảnh đã sử dụng thủ pháp gam vàng rất tài tình, màu vàng của người sáng tạo rất đặc địa. Bố cục hiện lên với vẻ bi tráng như một nhân vật, một số phận. Rất vô thức. Không vô thức là không đốn ngộ. Tác giả đã đi tìm cái “không” trong cái không “có”. Tác giả khám phá cái “có” trong cái “không” trong vô thức.

Khẽ đánh mắt một cái, người chỉ vào bức ảnh có chiều sâu...sâu thăm thẳm...

- Ngài nghĩ sao nếu tôi gọi tác phẩm này là:
Trăng treo ngoài cửa sổ.

Gã hóng mắt theo ngón tay của người: Mặc dù ẩn khuất sau hai cái lưng như hai cánh cửa hẹp khép hờ, nhưng gã cũng hong hanh bức ảnh nghệ thuật đây là một tác phẩm bất chấp bố cục. Bởi theo gã bức ảnh nghệ thuật phải cân đối cả nội dung và hình thức, không tạo được hình thức sẽ làm hỏng nội dung. Đan lồng nhót kiến thêm ảnh nghệ thuật cần nhất phải dễ nhìn, dễ nắm bắt. Tạo cho người thưởng ngoạn bắt mắt ngay về sự khập khiễng của hình thức. Rồi mới phang ngang bửa củi đến cái phi lý, cái lộ bịch của nội dung. Nếu người thưởng lãm không nhìn ra ẩn dụ đó, họ sẽ không hiểu được tác phẩm là một tuyệt phẩm. Với ngôn bất tuyệt ý bất

tuyệt theo gã thi trăm sự ấy là lỗi của...người thường ngoạn, vì ngộ vôn bất tận, hiểu ra ngộ ra khoai là *nói không hết ý* nên chả ngon ăn như ăn ốc chớ. Khó thể đây!

Đến trần ai khoai củ này, cả hai bước ra cửa. Cửa mở ra...Hai người làm nghệ thuật để lại trong gã nỗi niềm nhưng ít nhất Đông và Tây gặp nhau ở nhiều sự: Cánh cửa này đóng lại, cánh cửa kia mở ra, hiểu theo nghĩa là...

Là cửa mở ra cái “cách”...đóng lại những khoảng tối tăm mù u trong hội họa Trung Hoa, vì có những tuyệt phẩm, người họa sĩ cố tình để lại một khiếm khuyết nhỏ nào đó để người thưởng lãm tìm tòi. Với ảnh nghệ thuật cũng vậy, phải có cái độc đáo...bất tuyệt của tác phẩm.

Cửa đóng vào cái “cách”...mở ra khoảng trống thoáng đãng, gã bước tới tác phẩm vô đề của nhiếp ảnh gia vô danh nào đấy để đi tìm cái độc đáo...bất toàn. Vì nhiếp ảnh là nghệ thuật câm nín, là không “nói”. Bởi chưng người chụp ảnh nghệ thuật không chỉ nhìn thấy sự thật vì còn phải nhìn thấy cái không thật của sự thể nữa.

Gã lật bật bước tới gần hơn nữa với tâm thái nhĩ văn vi hư là *chỉ nghe không thôi thì có thể không thật* mà phải có cái tâm thái, tâm thần nhĩ kiến vi thật nôm là *nhìn thấy mới cho là thật*. Với mắt nhắm mắt mở, với cái không thật của bức ảnh nghệ thuật

đây...Hốt nhiên gã buột miệng một tiếng rõ to: “Hơ!”. Vì in hệt như bài thơ của gã được viết lên tường gần tiệm phở...

Vì bức ảnh nghệ thuật đầy ấn tượng, ngập cảm tính, cảm nhận này là...

- Là...cái “công tắc” điện của cái...cầu tiêu.

Thạch trúc gia trang
(viết xong 2011, thêm bớt 2015)

Nguồn:

Nhà văn Vương Văn Quang, Nguyễn Tường Tâm, Lê Anh Hoài, nhiếp ảnh gia Văn Vũ, Lê Văn Khoa.

(*) Họa sĩ Chóe, tên thật Nguyễn Hải Chí

Phụ đính :

Sự ra đời tình cờ các bức ảnh màu

Năm 1855, nhà vật lý người Scotland tên James Clerk Maxwell đã công bố tám hình màu đầu tiên. Ông nghiên cứu trong lĩnh vực quang học, và khám phá ra mắt người chỉ nhạy cảm với ba vùng quang phổ, do đó Maxwell tính toán chỉ cần dùng ba nguồn sáng đỏ, lục, lam là có thể tạo ra cảm giác hầu hết màu sắc. Việc ghép 3 màu này lên nhau với vị trí

chính xác có thể đánh lừa mắt người rằng họ đang xem một bức ảnh màu. Sau khi tráng phim, ba ảnh được chiếu lên bằng ba máy chiếu khác nhau. Mỗi máy gắn kính lọc màu giống màu của kính lọc đã sử dụng để chụp bức ảnh đó. Chúng được căn chỉnh và xếp chồng lên nhau, tạo ra hình màu gần giống như thật. Tất cả giúp Maxwell thành công trong việc tạo ra ảnh màu đầu tiên trên thế giới.



Ảnh James Clerk Maxwell Ảnh của Sergei Mikhailovich Prokudin-Gorskii chụp năm 1877 trong khoảng thời gian đệ nhất thế chiến 1909-1915.

Người khai sinh ngành nhiếp ảnh Việt Nam



Đặng Huy Trứ quê ở Phong Điền, Huế. Ông sinh ngày 16-5-1825, và mất ngày 7-8-1874. Ông đi sứ Trung Hoa, sang Quảng Châu, Hương Cảng và Áo Môn nhằm xúc tiến việc ngoại thương vào năm 1868.

Chính những lần công du nước ngoài này, Đặng Huy Trứ rất thích thú tiếp xúc với nhiếp ảnh, bộ môn nghệ thuật mới xuất hiện ở phương Tây. Ông đã bỏ công tìm hiểu, mua thiết bị nghề ảnh đưa về nước. Ông sắm toàn bộ máy móc, phim, giấy, hóa chất, cùng phụ kiện, phụ liệu cần thiết tại Quảng Đông, đồng thời thuê mướn luôn thợ ảnh lành nghề ở Trung Hoa bấy giờ sang Việt Nam nhằm thực hiện lần truyền thụ kỹ thuật.

Năm 1869 là cái mốc cho việc phổ biến nhiếp ảnh khắp cõi nước Việt: Đặng Huy Trứ khai trương hiệu ảnh Cẩm Hiếu Đường ở phố Thanh Hà, Hà Nội. Đó là hiệu ảnh đầu tiên ở nước ta.

Ốc mượn hồn

Vào truyện:

Người kể chuyện thuật cho người viết cách đây khá lâu. Vì vậy nay hồi tưởng lại, không thể chẳng có những sai sót. Ấy là chưa nói đến giữa truyện viết và chuyện kể thường không thể tránh khỏi là có đôi chút... hư cấu và hoang tưởng. Mà dẫu rằng hư cấu thế nào đi chăng nữa, “chuyện kể” vẫn có đó còn đó. Và dù rằng hoang tưởng cách mấy thì “người kể chuyện” vẫn còn đây và hiện đang có mặt nơi thành phố với người viết cùng những ngày tháng đang đưa...

Ngay tình mà nói, tôi không biết gã là ai.

Chỉ nhớ một lần thiếu chân mạt chược, bạn bè dẫn gã lại nhà, sau mấy lần lui tới, tôi thấy gã chỉ lặng lẽ xoa bài, được thua không qua một nụ cười. Năm thì mười họa, gã cũng trao đổi dăm câu vô thưởng vô phạt và tôi vẫn không biết nhiều về gã. Thế nhưng sau này có ngòi chịu trận nghe gã kể lẻ hàng giờ chuyện của gã để nay có bài viết dưới đây, để thấy rằng:

Trong khi kể chuyện, *gã nhập vai, hóa thân là một người hoàn toàn khác hẳn*. Hay nói khác đi *gã không còn là gã, từ cách ăn nói đến điệu bộ*. Kể xong, mặc dù tôi có gằn gỏi với gã hơn.

Nhưng tôi vẫn mang ấn tượng sâu đậm trong đầu là: *Gã như một xác chết...biết đi*.

Cho đến bây giờ *gã vẫn chuyên trị xe buýt...Sáng chủ nhật ghé nhà thờ gần nhà tôi cho phải đạo cái đã, rồi tà tà đi bộ tới phố hội quần hùng*. Gã lại ăn chay trường, tay lúc nào cũng lủng lẳng cái túi ny-lông thủ dấm trái chuối, vừa đi vừa ngược mặt nhìn đời như người cõi trên. Chuyện tha hương ngộ cố tri cứ như vậy cho đến một ngày cuối tuần, trong khi đợi mấy con mòng góp mặt, *gã ngồi một mình dựng, xoa, nắn mấy con bài như một thằng người gỗ*.

Ngán ngẩm mẫu người nghiêm và buồn ấy quá đời, tôi mò ra vườn thăm chừng mấy bụi tre, khóm trúc. Mà cái giống này cũng hay, với bản năng sinh tồn sao ấy, cứ lá vàng rụng xuống là cây cối chung quanh không góc đầu lên nổi. Chưa hết, nếu có mầm tre, đọt trúc xanh tươi nhú lên, thế nào cũng có dăm cây èo uột lẩn quay ra héo chết.

Đang suy nghĩ vẩn vơ, quay lại thấy *gã lù lù đứng đằng sau lưng tự lúc nào và tôi băng quơ với gã về những kỳ bí của con tạo với “hữu sinh hữu hoại”*.

Gã nhú mày suy nghĩ, và chậm rãi nói với tôi:

- Mình nói chuyện một chút được không?

Khi mốc gì đâu “mình” với “mày”, khi không ôm rơm rặm bụng, chẳng hiểu gã định gã ngứa gì nữa...Chả là tôi biết gã đang trông nom một tờ nguyệt san ở thành phố phẳng lặng đến buồn hiu mà tôi và gã đang luân lạc. Tôi thăm nghĩ ắt hẳn không ngoài chuyện cùng một lúa bên trời lặn đặn với trại cải tạo chi đây. Thế nhưng tôi cứ ám ức vì sắp phải nghe chuyện gã kể mặc dù chưa biết ắt giáp gì: Rằng sao gã không quai lên báo nhà? Mà lại nhè tôi cầm cu cho chó đái để vương vãi, chẳng lẽ với lý do vớ vẩn vì đang ế khứa và tôi là chủ nhà.

Và gã nhập hồn, nhập vía vào chuyện biển dâu của gã nổi trôi như dưới đây. Như trên đã thưa gửi, gã không còn là gã nữa trong một khoảng thời gian, không gian nào đó...

“...Tôi (tức là gã) là thằng nhà giáo được gọi nhập ngũ vào giờ thứ 25, chưa bắn một phát súng thì đụng ngay ngày 30 tháng 4. Ra khỏi trại cải tạo, một buổi chiều cuối năm, nín thở qua sông mãi cũng nhào người, bèn mò xuống xóm chị Tình xả sui. Về thấy nhà đang rối tinh chuyện gửi gắm tôi vượt biên, chỉ kịp tẩm vội một quả, đầu còn bọt xà bông, quơ cái túi quần áo xuống thuyền ở ngay Nhà Bè. Chuyến vượt biên của tôi thành thoi như ới cái xích lô đi chợ Bến Thành. Vì không giống như bất cứ những chuyện vượt biên nào của ai khác là không có

mục mua bãi, cá lớn với cá con, hay gặp hải tặc hoặc bị bắt lại đi tù khơi khơi chẳng hạn.

Không thêm bớt một chữ là tôi cứ bước xuống thuyền là...tới bến.

Thế nhưng cũng có tí đầu cua tai nheo để mà kể, ấy là thuyền vừa ra lạch gặp ngay một chiếc ghe câu đêm lướt qua trước mũi. Lão tài công lầu bầu “Đủ má” cái một. Vì rằng với dân đi chài rất kiêng cử cái vụ bị “ngáng đường” khơi khơi như vậy. Ra đến hải phận quốc tế, chiếc thuyền lưng cong và rộng, phom phom vượt sóng. Những mảng nước lớn thốc vào dưới mũi, tụt rã đôi chày róc rách hai bên mạn thuyền, rồi lại héch cái mũi ướt sướt mướt lao đi, ngỡ rằng cứ như vậy sẽ xuôi chèo thuận mái. Đang lan man này kia, bỗng dung dàn máy phát tiếng hục hặc ho khan, rồi khựng lại, và cứ ì ra lừ đừ, vật vờ. Có người đề nghị cho căng buồm, nhưng lão lắc đầu cho biết gặp ngày gió nhẹ, buồm vát không ăn gió, đập phần phật cho...mát mắt thế thôi. Lão tài công nói tỉnh khô và dửng dưng như không, coi như chẳng phải phần việc của lão.

Một hồi lâu, dưới hầm máy, có tiếng tay thợ máy người Tàu Chợ Lớn kêu “chết” nhót. Mà...“hết” nhót thật, hóa cái ốc thay nhót, lâu ngày rớt lúc nào mất tiêu. Lão cho buông neo, khổ nỗi cái neo không cắm, nằm bệt trượt trên nền đáy biển như hòn đá nặng. Thuyền không bị chằng lại, cứ chòng chành trôi từ từ, kéo cái neo sắt rê rê trên cát.

Vậy mà, lão tài công vẫn thân nhiên lau bụi cái bàn thờ, loay hoay sắp hoa quả...

Chạng vạng tối, gió bắt đầu thổi chiều, ngọn đèn bão chao tới chao lui, sáng tối nhập nhòa. Trong khi tay thợ máy vật vã dũa, mài, khía làm răng cho con ốc mới to hơn ngón chân cái và thở ra vì chẳng lấy gì làm ngon ăn. Biển bao la, bốn bề mênh mông nước, lũ tui tôi chờ đợi bằng cách đi lại như con kiến bò quanh miệng chén. Tối khuya, biển dạt dào, tôi nằm im nghe sóng vỗ vào mạn ghe, thuyền đong đưa như nhịp võng, biển ngập trắng, một màu vàng nhão nhạt. Mới tờ mờ sáng mà chân trời đã rõ, vàng thái dương đỏ ối nhô lên từ đáy nước lên. Trưa nắng chói chang, nước lấp lánh như vàng rơi trên biển, tôi nằm phơi mình như con cá nằm phơi trên cạn. Nắng và khát, môi nứt nẻ, tôi nuốt nước bọt, cổ họng khô ran. Rồi thần thờ nhìn đàn cá trích, cá hồng, cá đốm lẫn cá thu cứ bám theo hông thuyền mà bơi, con nào con nấy chỉ to bằng hai đốt ngón tay. Lão tài công đứng bên cạnh tôi từ lúc nào không hay và bâng quơ: “Cá bơi để tránh sóng. Mà vượt biên chứ có phải đi chài, đi lưới đâu, ông thầy”.

Lão gọi tôi là “ông thầy”, số là tôi khoe mẽ với lão tôi là thầy giáo Ấng-lê, tới đảo, chuyện chữ Tây chữ u tôi bao đàn. Cũng từ lúc làm quen với lão, tôi mới hay lão là bọm già trong nghề sông nước. Những bạn chài quanh bến bãi gọi lão là “Xích Thố”. Lão như con ngựa biển suốt đời rong ruổi trên đại dương, lão nhìn màu nước đoán thời tiết. Bấm tay tính nước thủy triều. Trông sao trời đi trong đêm tối. Thuộc lòng từng khối đá nhô lên khỏi mặt nước,

từng doi cát biển ngầm... Ngoài ra, cũng qua những bạn chài tôi được biết thêm:

Lão tin dị đoan, mỗi lần mà lão “Đủ má” là thế nào...cũng có chuyện.

Bỗng có tiếng “...cách...cách..”, mọi người nhất loạt lồm cồm đứng lên. Tiếng máy nổ ròn rã được mấy giây rồi tắt ngúm, nghe gục gặc, lão nhào, đồng thời thuyền giựt giựt mấy cái như có cái gì kéo lại và rung lên bần bật. Lão buông thông: “Cái chân vịt bị dây cuốn” và mặt thừ ra. Lão cho thả neo, chiếc neo phụ quá nhẹ, lại cũ mềm, thuyền như muốn trôi đi. Lão kéo tôi ra một góc và nói nhỏ như sợ có ai nghe thấy. Lão cho tôi hay, dân sông nước ớn nhất công việc lặn gỡ dây neo quán chân vịt. Với một lý do thần bí nào đó, chẳng ai giải thích nổi, là hình như càng những tay bơi lội như rái cá thì càng hay gặp nạn. Nhất là thuyền rời bến vào những ngày lẻ. Hoặc giả có ai đó trên thuyền, trước khi đi lại...đi chơi bời. Khiếp nhất là trên thuyền có đàn bà, con gái đang có kinh nguyệt. Lão nhìn đám đàn bà con gái đang tùm năm tùm ba, rồi quay qua tôi lắc đầu thờ ra. Mèng ơi, nghe đến kinh nguyệt, tôi cũng thấy...kinh thật.

Rồi lão lôi tôi vào khoang lái, thấp nén hương khấn vái. Xong nói nhỏ với tôi: ”Hay là ông thầy”. Tôi ó ra, vì mình vừa mới...xuống xóm thăm chị Tình nên miệng cam như hên. Lão chuẩn bị đồ lặn cho tôi, gọi là đồ lặn nhưng thực ra chỉ có một cuộn dây thừng và con dao để cắt dây. Đứng cuối thuyền,

lão vừa buộc sợi thừng ngang lưng tôi, vừa dặn dò dăm điều, chúc tôi may mắn, vỗ vai và bắt thình lình đẩy tôi ùm xuống biển. Vậy mà tôi vẫn còn nghe lóang thóang câu chúc của lão: “Đủ má, đừng ham vui ở lại với Hà Bá, nghe ông thầy”. Tôi chột dạ, hay là có chuyện đây....Thế nhưng nào có gì, nói cho ngay ngon hơn óc chó, ngoài cứ hai, ba phút trôi lên thở và khoảng thời gian không hơn một tiếng là xong tuốt...

Thuyền tiếp tục trong sóng yên biển lặng, tôi bắt gặp một đàn chuồn chuồn xanh bay là là ngang mặt nước. lát sau lại có một lũ hải âu chao mình trên sóng, đảo quanh thuyền thật thấp, cất tiếng kêu lạnh lạnh và bay về một hướng khác. Thấy lạ và đi kiểm hỏi lão thì lão đáp trống không là gần đây một cái đảo nào đó, vì nhỏ quá, lão chưa bao giờ ghé đến. Trời về chiều, ở cuối chân trời hiện lên một vùng mây tỏa ra hình nan quạt. Lão nói với tôi: “Coi kìa ông thầy, trời đỏ rắng ngoài. Sắp có tổ đến nơi”. Lão chép miệng thở ra, lẩm bẫm: “Năm hết Tết, sao lại có bão lạc dậu cà. Chịu hết biết, hồng hiệu nổi”. Cùng lúc ấy có năm, sáu con cá heo bơi ngược chiều với thuyền. Lão nói: “Đủ má, bão thiệt, ông thầy. Bầy cá heo đang đi trốn bão”.

Tôi nghĩ trong đầu, thế là bỏ mẹ rồi, cứ...“đủ” với...“thiếu” mãi đi.

Thuyền đi chậm lại đến sột ruột vì ngược gió, ngược nước. Biển chuyển sang một màu nước dưa,

không khí bỗng chốc ngọt ngào và nóng bức như giữa mùa hè. Sóng mỗi lúc một mạnh, tôi lo ngại nhìn mũi thuyền chốc chốc lại chìm trong lớp sóng bạc trắng xóa... Lão tài công nói vọng qua tôi: “Tôi ba rắng lặn, tổ to đấy”. Chợt nhớ tới mấy con hải âu bây giờ đã biến mất, tôi hỏi lão sao không ghé vào đảo gần đây? Lão cho hay đó là một tai họa. Ai chẳng biết phơi lưng giữa biển trong bào tố là nguy hiểm. Trời kêu ai nấy dạ, nhưng chớ bao giờ đưa thuyền vào đảo lạ khi đang có bão. Lão nói lão quen thuộc với vùng biển này, đảo lớn đảo nhỏ chen chúc nhau như bàn chông. Mà trong trường hợp này, chớ có dại mà thả neo, chẳng có xích neo nào chịu đựng nổi những cái giạt ghê người như thế. Đây là chưa kể vô số bãi cát ngầm di động, khiến sau này việc kéo neo để đi, xoay trở như cày, dũi không phải là dễ.

Nghe thì nghe vậy, sống với Việt Cộng một thời gian. Cái đầu đất của tôi lại cứ trâu hóa bùn rằng lão tài công này dám...lờ quờ lắm chứ chẳng chơi, bố ai mà tin được. Thế nhưng nhờ nói chuyện với lão, tôi biết sắp tới đảo Phú Quốc, vùng biển mà sau này qua lão kể, lão nắm gọn lớn trong lòng bàn tay. Thuyền sắp đi vào vùng vịnh Thái Lan có mấy cái đảo vạt vờ giữa biển, là nơi ẩn náu của đám hải tặc và tôi hỏi lão về những tin đồn ấy. Lão không trả lời. Lẳng lặng đứng lên, cúi xuống mở cái bọc gỗ dưới mông. Trong ấy tôi thấy một một thanh mã tấu và mấy trái lựu đạn. Cứ theo lời lão kể lẽ thì lão là dân

chài ở An Thới, thấy cũng chẳng nở mày nở mặt gì, làm cho lấm tẩm cõi trường là thế. Thế là theo con nước và gió mùa, lão cho thuyền hướng về mạn đầu cầu Sáu phía bắc của đảo. Sau lão theo chân đám buôn lậu bên Cấm Bốt, đi đi về về với cả thuyền thuốc lá, rượu và ngay cả vũ khí nữa.

Càng về chiều, gió cuộn cuộn thổi, trời vẫn vũ, mây xuống thấp lòa xòa trên sóng, nước ngùn ngụt chuyển, đưa con thuyền lên cao như cánh diều băng ròi chìm sâu dưới nước. Sau mỗi đợt sóng, nước bung lên tạt vào thuyền làm tôi và lão ướt nhẹp. Lão vẫn im lìm ngồi, bỗng lão nhờ tôi lấy dây buộc hai chân lão vào cái bục được đóng chết cứng trên sàn thuyền. Hai tay lão ghì chặt bánh lái, cho thuyền dọc theo triền sóng và lão giảng giải cho tôi nghe, bình thường bão nhỏ mình có thể cưỡi sóng mà đi. Nhưng gặp bão lớn như thế này, đành phải xuôi theo sóng gió. Có điều cần nhớ là nếu muốn giữ cho thuyền đừng lật úp, chớ bao giờ đưa hông thuyền ra hứng đợt sóng lớn đang đập xuống. Lão vượt nước trên mặt và bắt đầu tâm sự những gian truân của một đời sông nước cho tôi nghe. Cảnh sông nước triền miên đã làm lão ngán ngâm, cứ muốn dứt ra lại bị cuốn vào và vẫn chẳng thoát ra khỏi được cái mái chèo. Giữa sóng gió gào thét bập bùng, giọng lão cứ vấp, cứ phẳng lặng, đều đều...

Màn đêm buông xuống, con thuyền đang vật vã với những cơn sóng nhồi thì lão chấm dứt câu

chuyện bằng một câu: “Ông thầy xem mấy can nước ngọt, san cho đây và giữ lại can không làm phao cho bà con”. Tôi gật đầu. Nhưng bỗng sồn gai ốc, vì bắt gặp mặt lão xám thẫm, mắt trong veo, long lanh tia sáng của tử thần và lão gửi vót lại cho tôi một câu đề đòi: “Đủ má...Làm cho ngon lành nghe ông thầy”. Và rồi “ông thầy” ngả nghiêng theo gió dọc theo mạn thuyền...như gã say rượu. Nước dưới đánh lên, nước trên đổ xuống sỏi sả, bỗng có tia chớp lóe lên ngang bầu trời, mang theo một đợt sấm âm âm. Trong hầm con thuyền, bà con chen chúc, la hét chói lói, gọi nhau ơi ơi. Pha lẫn tiếng rì rầm cầu kinh, khăn vái, tiếng cồng tiếng trống. Tôi lẳng lặng ngồi xuống, tháo lỏng sợi dây mấy can nước để chuyển can này qua can nọ. Chiếc thuyền lắc lư mạnh, nghiêng bên này, ngả bên kia, kêu răng rắc. Đang lúi húi tháo với buộc cái can 30 lít còn một phần tư nước. Như có hẹn trước, đột nhiên có một cột nước khổng lồ như cá nhà táng mà sau này tôi nghĩ là sóng rồng biển. Nó như tìm thấy tôi và bổ nhào xuống chụp dính và giập dũ quăng...mẹ tôi xuống biển. Chợt nhớ đến hai chữ xui xẻo “Đủ má” của lão Xích Thổ. Tôi cũng buột miệng: Đủ má...vì biết sắp có chuyện.

Tôi cũng chợt nhớ tới chị Tình dưới xóm...Nhưng tay vẫn còn kẹp quơ được cái can nước.

Bị văng xuống nước, tôi gào thét mong có ai nghe và bơi, nhưng bơi cách mấy thì phồng ịch gì ở giữa biển. Tôi kiệt lực và ngất đi. Tôi nằm mơ thấy bị Việt Cộng vác AK đuổi chạy có cờ trong đầm sinh lầy quận Nhà Bè. Chúng nhè tôi làm một tràng “ra phan” và...Mẹ, xui gì đâu hết biết, tôi lãnh nguyên con một viên vào bắp chân. Tôi kêu: “Ồi mẹ ơi, đau quá” và tỉnh dậy...

Mở mắt ra, qua tia ánh mặt trời buổi trưa yếu ớt nhập nhòa và tôi bắt gặp ngay một thằng oắt con, tay cầm cái que chọc chọc đúng vào chỗ cái chân bị...Việt Cộng ghim cho một lỗ. Tôi bật dậy. Hiểu theo nghĩa là tôi gượng đứng lên và chóng người, còn sợ hơn là cái lúc rơi tòm xuống biển: Vì thấy mình đang đứng trên một cái...đảo hoang to chỉ bằng cái lỗ mũi. Vì rằng đứng ở ven bên này, tôi có thể thoáng thấy mé bờ bên kia. Tôi ớ ra nhìn...nó. Và nhìn...cái đảo. Tôi lắp bắp hỏi rõ ngớ ngẩn: “Mày...Mày ở đây lâu chưa”. Nó cười toe cho biết mới...lưu vong tới đây từ thuyền khác, cũng vì con bão hôm qua.

Và việc đầu tiên của một người mò tới đảo lạ là tôi lảng lảng bước qua bờ bên kia để thăm thú. Tôi lảo đảo bước như người mộng du và đảo dác ngó quanh, để chợt thấy mình...sống cũng như chết. Vì rằng nếu tôi có chìm lìm ngoài biển khơi vào cái tôi hồi hôm thì cái chết đã...như mơ. Bất quá dẫy dựa chừng năm, ba phút và uống nước cho đã là...êm. Còn đằng này cái chết ở đây là cái chết gậm nhấm từ

từ vói...chết đói, chết khát. Tôi thuôn ra nhìn trời nước bao la và thâm nghĩ có lẽ đây là mỏm ngọn núi dưới biển, vói vài chỗ có đất, mặt lồi lõm, rải rác những tảng đá lớn nhỏ, phần còn lại bị san hô phủ kín. Khứa Robinson nào đó xưa kia lạc tới đảo còn có rừng rậm, suối nước, cùng con này, thức kia...Chứ ở đây thì...Để rồi tôi ngao ngán lác đầu không dám nghĩ tiếp đến một ngày mai đen tối đang rình mò đợi chờ.

Tôi quay lại về phía bờ bên kia và đi chậm lại, thấy thằng bé vẫn chống gậy và đứng yên một chỗ. Nói cho ngay vì bị choáng lúc tỉnh dậy, lúc này tôi mới nhìn xuống dưới thấy chân nó bị thương, máu dòn từng cục và sưng vù, nhưng kệ nó tính sau. Tôi cẩn thận lần mò tìm kiếm chung quanh, không ngại đám đá lô nhô, xám xịt, gieo vào lòng người u sầu, bứt rứt cùng bốn bề bao la là nước. Tôi bắt gặp lác đác dăm cụm cây trái thấp tè, già cỗi, len lỏi giữa mấy khe đá vươn lên ngả nghiêng trước gió. Như một...bức tranh thủy mặc. Tả chân tả cảnh như vậy đấy, nhưng lúc đó tôi chẳng thấy đẹp khi mốc gì.

Đúng lúc ấy, mặc dù không cảm thấy đói, phản ứng tự nhiên là thò tay tính vặt dỡ một trái thì có tiếng thằng oắt tì vọng tới cho biết đấy là trái đậu ma. Buồn tình vớ lấy mà ăn, không bị ói mửa, thì cũng ngứa cổ họng...và mọc họng ra chết giặc. Ủa...Tiên sư nó chứ, sao thằng này nó biết? Tôi nghĩ vậy, nhưng chưa vội hỏi vì thấy nó đang đứng ngó băng quơ, ngó ra biển khơi. Tôi đi tới gần để hỏi

thêm tí chuyện nhưng thẳng nhãi quay đi, lần mò tới ven đảo. Nó bước từng bước ngần như thăm dò triển cát nông, sâu. Nhòm theo bước chân nó, tôi thấy những đợt sóng ngẫu bọt sập sập dồn tới vào bãi cát, xô vào lại tản ra. Đây đó ngổn ngang đủ loại rác rưởi của trận bão tới hôm qua dạt về như ván thuyền, bao ny lông, guốc, dép...

Quay trở lại, nó đứng ngay ở cái can nước của tôi và đẩy qua một bên. Nó lom khom cúi xuống, hai tay tay nó lúi húi vốc cát...Tôi nghĩ thầm, thẳng của nợ này dẫu gì ở dưới đáy. Hóa ra...Vớ cả hai bàn tay khum khum, nó vốc lên cả chục cái trứng rùa đưa lên cao cho tôi xem và lại cười toét. Nhìn mấy cái trứng rùa và cái can còn một phần tư nước, tôi nhủ thầm cũng may.

Trở về thực tại thấy buồn hiu hắt, tôi cứ bần thần như vậy đến một lúc lâu và không biết làm gì hơn là thất thểu đi thám sát hòn đảo một lần nữa. Để thấy hoàn toàn tuyệt vọng và vẫn vơ tiếp: Có ai đi tìm dấu vết hai con thuyền đắm hay không? Có thể sẽ có người đến, nhưng bao giờ? Ngày mai, tuần tới, tháng sau? Mà người ta đến đây làm gì chứ? Vì trộm nghĩ rằng, rất có thể ít nữa sẽ có tàu, có thuyền đi ngang qua đây, cái chuyện này chỉ có giới biết. Bữa cơm thanh bạch chiều hôm ấy, chấm dứt một ngày buồn thiu bằng...một quả trứng. Tôi nhắm mắt nuốt chửng cả...con rùa con. Nuốt xong, bụng bảo dạ, nào khác gì cái thời nín thở qua sông thì thà chết

sướng hơn. Tôi thở ra: Thế này thì sống thế chớ nào được.

Khuya về tôi mới thấm cái lạnh của biển, của đảo hoang, gió thổi thông thốc, gió rít vu vu như...thông reo. Nếu ban ngày ban mặt, trời nóng cách mấy, nhảy ùm xuống nước là...phê. Ở đây, đêm về với cái lạnh cọng da buốt thịt thì...trón ở đâu cho thoát, hở giò. Nếu như trong khoang thuyền kín gió, cũng còn có đôi chút ấm áp tình người. Còn có con nít khóc...rung rúc. Đây trần sự cụ là tôi với một thằng nhô cũng như...con nít đang ngủ vùi. Nhớ lại phim câm của khứa tài tử chân đi chữ bát “Sạc-Lô” kẹt trong căn nhà gỗ. Cũng bão tuyết lạnh lùng, nhưng vẫn có củi lửa, cái nồi với đôi giầy và dây buộc giầy chắm mát. Nghĩ đến đây tôi lại thấy cái đói tàn bạo trong cái hoang lạnh của...đảo hoang. Tôi lại...hoang tưởng đến chiếc dếp, cái guốc nằm ngoài bãi biển, nhưng lại không có...cái nồi. Người tôi như co lại và cong như con...tôm he. Lại tôm với cá. Tôi vội xua đuổi ý nghĩ ấy ngay đi. Tỉnh dậy thấy biển tối thui, loay hoay không ngủ được, tôi đâm bực mình lây qua cái thằng mới tí đầu lại cứ đòi dậy khôn. Như hôm qua đây, nó dậy tôi uống nước phải nhấp từ từ, đừng làm cái ực này kia. Tôi lại nghĩ tiếp, hay là vì tù túng quá nên tôi bần tính với nó. Đến gần sáng, tôi vẫn trần trọc cùng những buồn bực không đâu...

Sáng hôm sau, trời ảm áp hẳn lên. Nếu không có những rác rưởi ngổn ngang trên bãi cát, với khung cảnh bình lặng thì như chẳng có gì xảy ra, để hai đứa tôi ngồi thu lu nhăm nhắng ở đây. Ngồi bó gối cạnh thằng nhãi, nó cắn từng vỏ trứng rùa ngon lành như nhai bánh đa...Như khám phá ra cái chân lý tiên thiên là...trời sinh voi trời sinh cỏ. Thế là tôi bung dây. Nó nheo mắt dò hỏi. Tôi đành làm lành và nhỏ nhẹ cho nó biết để hiểu đến như vậy mà nó...ngu như bò. Nó không biết là: Có trứng rùa thì dưới biển thế nào cũng có...rùa.

Chẳng đợi thằng bé tâm phục khẩu phục...ông thầy. Ba chân bốn cẳng tôi ào ra men đảo. Nhào xuống tức thì. Mở mắt thao láo. Và tức như bò đá khi thấy nguyên...một nghĩa địa san hô. Vỏ sò, ốc dày đặc, hàng hàng lớp lớp. Ngồi lên lấy hơi. Hụp xuống tìm tiếp. Lần này tôi thấy mấy chú rùa to bằng bàn tay, bây giờ tôi mới hiểu câu nói chậm như rùa là sai bét. Vì rằng ở dưới nước chúng nhanh như cắt. Vừa định dơ tay chộp thì vèo một cái, chúng bơi vù như tên bắn. Lớp góp leo lên, vừa đi tôi vừa nhăm chừng ngoài dăm ba chú rùa nhí, hoàn toàn là một mảnh đất chết. Tôi..., rồi không chết trước thì cũng chết sau, như đám sò, ốc dưới kia. Chưa kịp kể lể chuyện trên trời dưới biển, thằng bé hỏi: “Chú thấy rùa?”. Không dẫn được, tôi nổi cơn điên: “Tiên sư mày, nói cứ như bố tao ấy”. Thằng bé, giọng nhần nhục: “Chú hồng hay chú đảo có san hô, bãi cát bự chân rần thì phải có rùa. Có rùa là có đời mới”. Tôi chưa kịp gắt nặng sị lên để át giọng. Nó

tiếp: “Mai kia người ta ghé lưới đòi mồi ...”. Đến đây tôi không chịu nổi cái thằng con nít hay lên mặt dậy đòi, tôi cúi kính: “Mẹ, mày làm như cái đít gì cũng biết”. Mặt nó hơi sụ xuống, giọng yếu sù: “Hồi trước, tía tui dẫn tui ra đảo...gòai”.

Mấy tối sau vẫn chỉ hai khoản “đói” và “lạnh” làm bạn với tôi rất ư thấm thiết. Dường như cái đói, cái lạnh về đêm dễ dàng xâm nhập vào tim, gan, phổi phèo và tàn bạo hơn. Để tôi “tư duy” rằng cả hai thứ “môi hở răng lạnh” tập kết với nhau thì...Thì tiên sư chúng nó chứ, chúng ác ôn chẳng thua gì...Việt Cộng. Bỏ khí, hay luận theo ngôn từ ngoại sử của quân lực VNCH hào hùng thì... “từ chết đến bị thương”. Buổi chiều tôi vừa làm một giấc nên trần trọc, thấy thằng bé khò khè, hình như nó lên cơn sốt nên tôi cũng hơi lo lo. Tôi gọi chuyện với thằng bé là gió mạnh như vậy nó có ngủ được không. Nó ho khan: “Tui nhớ má tui”. Nó khật khừ tiếp: “Má tui với tui hồng hạp, gặp là gây, rầu hết sức dậy đó. Riết rồi tui bụi đời, chơi bạch phiến gỏi bị nhúm vô khám. Hồi rày tui mới hiểu bả, bả đâu có dư sàng nhót chi mà cho tui vượt biên, thiệt tình ...”. Nó ngừng lại nhấp một ngụm nước, tôi hỏi ba nó đâu. Thằng bé trả lời, giọng mệt mỏi: “Tía tui là lính truyền tin, ông tử trận trong trận Hoàng Sa”. Thảo nào nó biết nhiều về vùng biển, tôi nhủ thầm và tự trách mình hơi nặng lời với nó mấy hôm nay.

Mãi đến gần xế trưa nó mới dậy và nằm bẹp một chỗ. Đang chập chờn vì tôi phải thức canh nó, tôi giật mình nghe tiếng động lạ. Mở hé mắt thấy có một đàn hải âu ồn ào như cái chợ đang bay vòng vòng, đôi cánh dang ngang, có con bỏ nhào xuống mổ nhanh trên mặt cát ẩm những mảnh vụn. Thấy chẳng có gì, miệng chúng lầu bầu như gấu ó nhau và vụt lên, nháo nhác vài vòng nữa và cả đàn bay mất. Tôi nhớ ra đám chim này từ mạn thuyền hôm nào, như lão tài công nói là có đất liền gần đây. Theo phản xạ tôi nhìn chung quanh thấy ...vẫn vậy, đám hải âu này bỏ đi là phải.

Còn lại vẫn là hai thằng tôi với một ngày như mọi ngày, cũng chỉ trên là trời, dưới là nước. Vậy mà đột nhiên nhòm thấy chiếc tàu từ đằng xa. Tôi nhẩy căng lên, chạy vội xuống bãi, vớ cái ván thuyền qơ lia lia. Mồm miệng gào tóang lên làm như thể trên tàu họ nghe thấy tiếng mình không bằng. Tôi càng khoa tay vẫy, con tàu càng...từ từ lui dần và mất hút. Tôi đứng chệt lặng, mắt ngây dại như vừa trông...gà hóa cuốc. Thóang nghe thằng nhỏ nói có đốt lửa, có khói thì tàu nó mới thấy...Chưa kịp nghĩ có lửa đâu mà đốt, chợt nghe có tiếng khục khục trên bầu trời ngong nghịu như trẻ tập nói. Nhìn lên không phải là...con cuốc. Mà là có một con hải âu lạc bầy bay trở lại đảo. Trưa biển vắng...bóng người, nó đảo hai, ba vòng quanh thăm chừng, xà xuống bãi cát. Thả bộ dẫm thước như kiếm mồi, lại vẫn cát với cát để chẳng có khi mốc gì.

Như mỗi mệ với một chuyến bay xa, nó lười biếng dúm mình vào cánh, gập gù phổi nặng và...ngủ.

Bỗng thẳng nhỏ gương dậy, bước từng bước xuống triền bãi. Nhặt nhận ván thuyền to nhỏ tha về cạnh cái can nước. Hay là nó dùng mấy thư ấy để...”làm” khói báo hiệu cho tàu ngoài khơi. Mà lửa ở đâu ra, chẳng lẽ lại ở lỗ nẻ chui lên? Ngay lúc ấy, con chim giật mình tỉnh giấc bay vụt lên và kêu “quéc quéc” như chửi bới vì bị phá giấc ngủ. Và thẳng nhỏ...cười.

Lâu lắm mới thấy nó nhếch cái miệng như mếu và...“sai” tôi vạt cho nó mấy trái đậu ma. Xong, nó ngồi xuống bẻ ra từng vụn nhỏ và ném ra xa. Miệng nó mấp máy tiếng gì ấy, như nói với con chim thì đúng hơn. Con hải âu vù lên đảo một, hai vòng, cái đầu nghiêng qua một bên và đáp xuống. Mắt mở tròn ngơ ngác mổ cái một, ngửa cổ nuốt. Nhớ lại nhời thẳng bé hôm nào: “...cứ vớ lấy mà ăn, không bị ói mửa, thì cũng ngửa cổ hợng...và móc hợng ra chết giấc”. Tôi lâm râm cầu Phật Bà Quan Âm cho con chim...chết giấc để tôi...làm thịt nó. Vây mà nuốt xong, con hải âu lững thững từng đi kiếm thêm mồi khác. Khoảng thời gian có lâu hơn. Nhưng những vụn hạt đậu...ma mảnh của thẳng nhỏ cũng gần hơn. Tiếp đến, thay vì nói chuyện thì nó húyt sáo. Con hải âu ngồng mỏ há to nghe ngóng. Đầu gục gặc liên hồi. Ra cái điều sao có người lại...“tử tế” với mình như thế. Thêm mười giây nữa, giọng húyt sáo của nó càng nhỏ dần...Con chim lò dò tới

cũng gần hơn...Một thước, rồi...nửa thước...Tim tôi đập rôm rả.

Còn mấy gang tay...Mắt tôi mở thao láo: “Rồi xong...!”. Còn một gang tay. Tôi thâm nhủ: “Rồi...!”. Còn nửa gang tay. Tôi nghĩ đến lão tài công: “Đủ má”. Ừ lạ chữa kìa, con hải âu nhảy lên đùi thẳng nhỏ...? Nó miệng vẫn rì rầm, không chụp bắt như tôi nghĩ...? Và tôi nhủ thâm” “Thế nào cũng có chuyện”. Nó nhẹ nhàng vuốt ve cổ con hải âu...? Cái thẳng quái gì đâu chẳng biết nữa!. Và: “Đủ má, y trang” lóang một cái...cổ con hải âu nằm gọn trong năm ngón tay...thân sâu của nó. Bỏ khi, như thể lấy...đồ trong túi vậy. Tôi phục lăn.

Thở ra nhẹ nhõm...Mà thở ra thì cái bụng thóp lại...Lại thấy cái đói còn cào, nhôn nhao trong bụng. Tôi vừa dợm chân bước tới...Nó nhìn vào khoảng không, rồi ngó tôi và khe khẽ lắc đầu và nói...đưa nó cái kính cận 5 độ của tôi và “sai” tôi đi...vật cở khô. Ừ, nó lại bày trò gì nữa đây? Chẳng thắc mắc lâu, vì trong một giây phút thoáng đãng, tôi đã...ngộ với cái môn quang học âm ớ trước kia. Tôi phụ lúi húi chất mấy ván thuyền mỏng trên nhúm cỏ, loay hoay cái kính với tia nắng mặt trời. Nó kéo cái kính ra xa. Tôi thấy điểm sáng hội tụ có nhỏ thật đấy. Nhưng trông yếu ớt vì trời âm u và cở lại chưa kịp khô lắm. Đợi mãi chẳng có tí lửa để thui con hải âu béo ngậy. Đói quá đói, tôi lập cập xé toạc ra làm hai...Nhu người bán khai cầm cái đùi lợn rừng, tôi

đưa cho nó, nó lắc đầu và cuối cùng thì tôi cũng đành nhai sống cái đùi cái một...

Sau đó ít bữa tôi cứ lo ngại vắn vợ vì thằng bé cứ sốt cách nhật và mỗi ngày một yếu hơn. Nhưng nói chuyện với tôi cũng nhiều hơn mọi khi, giọng mệt mỏi nhưng rí rả đủ thứ chuyện. Nào chuyện hàng xóm láng giềng hành tỏi, ngay tên tuổi của dưỡng Ba, thím Tư ở mãi tận đâu đâu, riết rồi những mẩu chuyện rời rạc ấy chui vào đầu tôi. Tôi thuộc lòng cả số nhà với tên đường.... Tối nay cũng vậy, đêm đã khuya, thằng bé vẫn ôm ấp với những kỷ niệm xa tắp, tôi chỉ biết lắng nghe... Rồi im bật, hình như thằng bé thiếp ngủ lúc nào không hay. Sờ trán thằng bé, tôi thấy nóng hừng hực như lửa, lưng mồ hôi vã ra như tắm. Sờ đến bàn chân thấy lạnh ngắt, lâu lâu nó lại giật giật như lên cơn động kinh, người co quắp, miệng ú ớ gọi tên má nó.

Tôi thao thức canh chừng đến quá nửa đêm, bụng lại cào cào. Kể cho rõ ra thì đói đến mờ người, đói run tay, đói lỏng đầu gối, đói đến lưng ruột. Đang miên man với cái đói đến...nhức cả đầu, thoáng tôi nghe nó kêu: “Khát...nước...nước”. Tôi lấy nắp nước cuối cùng còn lại và kê vào miệng thằng bé. Nhưng nó lắc đầu, thì thào: “Anh...anh...” và đẩy tay tôi ra, nhắm mắt thiếp ngủ. Trong bóng tối, tôi thấy nó dễ thương và hiền lành gì đâu. Như ít nước vừa rồi, hình như nó muốn để dành cho tôi thì phải và tôi lắc đầu thờ dài...Chợt nó cố gượng người

lên, nhãn mặt rồi nằm vật trở lại và thở dốc. Cũng nhờ vậy, tôi mới thấy mắt nó trông như mắt thần, môi chuyển màu hơi tái tái. Như có hơi hướng lạnh lẽo của mùi tử khí. Miệng thằng bé mấp máy... Tôi ghé sát tai nghe tiếng được tiếng không: “Chắc em...em...hông qua...qua...nôi”.

Nó khựng lại như lầy sức, giọng khô đặc, như vọng về từ cõi âm: “Em chết...chết...Anh cứ lấy thịt...thịt...em mà...mà..”. Như bị cái búa tạ táng vào đầu. Đầu óc tôi choáng váng để chẳng nói được câu gì ra hồn. Mà biết nói gì hơn trong cái lúc này, không ngoài câm lặng và im ắng. Nhưng tai tôi vẫn nghe tiếng “u u” gió thổi. Tôi chột rùng mình vì thằng bé, tay bấu chặt vào tay tôi, nhướng đầu lên. Miệng lập bập...”Anh thay...thay..em viết thơ...thơ.. thăm hỏi má em...”. Nó nghẹn ngào: “Anh ký... ký...tên dấu...dấu...thập...thập...”. Trước khi thở hắt ra, thằng bé thì thào “Anh...cho má em hay. Em vẫn khỏe...khỏe...”. Nó nấc lên một cái, ngoẹo đầu sang một bên, mười đầu ngón tay đang bấu chặt vào tay tôi, lỏng dần rồi buông thõng, mép trào ra ít tia máu hồng, đôi mắt vẫn mở chùng chùng. Tôi phải vuốt mắt thằng bé, nó nhắm mắt lại như bình thần đi vào giấc ngủ của trẻ thơ. Nhưng chẳng bao giờ thức dậy nữa...

Suốt tối hôm ấy, tôi ngồi bó gối nhìn vào bóng đêm và suy nghĩ mông lung...Tôi nghĩ đến chuyện chôn nó, mà làm sao đào được cái huyệt đây. Đến

sáng, tôi đã thử lấy miếng ván thuyền múc, sỏi, đào được hai, ba lát là thở dốc vì đất hòa lẫn với san hô cứng như đá tảng. Đào thêm chục nhát nữa, cái phần mộ cũng chẳng sâu được thêm chút nào. Mấy đầu ngón tay bắt đầu tê dại, tôi biết đó là triệu chứng của cái đói cùng cực và thân thể thiếu nước. Cái can nước cũng đã cạn, tôi đang chờ...một cơn mưa.

Gần trưa, trời đất sáng sủa không một bóng mây. Cảm giác tê dại như kiến cắn lần lần đến ngón tay, chậm rãi từ từ bò lên mặt, nhất là hai bên má đã bắt đầu ngứa ngứa. Tôi biết những giờ phút cuối cùng đã đến. Chẳng còn hy vọng gì nữa, rồi thì cũng như nó. Sẽ chấm dứt ở đây, cũng ở ngay chỗ nó đang nằm này. Tôi gượng dậy, người tôi như co lại và muốn gục xuống. Lưỡi tôi đắng ngắt. Cái đầu tôi nhẩy múa với những lời trời chửi rủa của nó: “Anh cứ lấy thịt...thịt...em mà....”. Môi khô như có vẩy, tôi đang thềm những giọt...Bất cứ giọt gì. Tai tôi như có tiếng “..u..u..” giục giã. Âm vọng như những lời dặn dò của thằng bé hồi đêm: “Em vẫn khỏe...khỏe...”. Nếu nó sẽ giúp tôi khỏe và vào được đất liền. Tôi sẽ theo đạo. Tôi sẽ viết thư cho má nó...“Anh ký...ký...tên đầu...đầu...thập...”...

Cái đầu tôi lúc ấy rồi ren cùng những lệch lạc, để chẳng biết diễn tả thế nào cho gãy gọn...Tôi như quay về với một thời hoang sơ...Nhìn lên mặt trời với nắng gắt chói lòa...Tôi lom khom như người tiền sử. Như một quán tính. Tôi lấy bẫy cầm cái kính cận chững như lòng chảo xoay theo hướng mặt trời

vào đám cỏ hôm trước. Cũng đưa cái tròng kính tới, lui với gần, xa. Ánh nắng xuyên qua mặt kính hội tụ. Chưa đầy mấy phút, mặt cỏ úa vàng chuyển qua màu nâu...Rồi đen...Rồi thì bốc khói. Nhúm cỏ đã quá khô sau một ngày phơi nắng. Một đóm lửa đỏ xuất hiện trên mặt lá, tản rộng ra. Khói bốc nhiều hơn. Vết cháy lan rộng qua nhúm cỏ. Tôi quơ tay thêm mấy cái ván thuyền, chất thành một cụm, cuối cùng thì giữa cái nắng chang chang...

Tôi đã có một nhúm lửa giữa đảo hoang...

Gã chào đi về, tôi bắt tay gã xiết chặt và giữ lại một hồi lâu, lâu lắm. Tàn ngắn đứng trước khóm cây, thấy dóng trúc đang vươn lên hiu hắt trong nắng hanh. Những nhánh lá non còn đang cuộn tròn chưa kịp rộ bung. Bên cạnh là một nhánh cây khô đã chết từ đầu mùa. Thêm cụm cỏ gà chồi lên lúc nào không hay, eo sèo, đong đưa trước gió...

Tiền gã ra cửa...Gã lặng lẽ đi về phía nhà thờ, gần cuối đường. Đôi vai cánh phản, dáng đi gù gù như chú người về phía trước. Rồi cả cái bóng gã ngã nghiêng xa dần rồi mất hút...

Như con ốc mượn hồn về một vùng biển xa đất vắng...

Trúc gia trang
Đông chí, Đình Hội 2007

Nguồn: Bài viết góp nhặt từ Ngô Tự Lập, Thái Sinh và Alfred Hitchcock...

Thêm bớt:

Cũng cả gần hai chục năm tôi và gã vắng mặt trên bàn mặt chược, mới đây gặp lại gã trong một đám cưới. Ngồi cùng bàn, tôi thấy gã vẫn còn ăn chay. Cũng trong buổi gặp gỡ ngắn ngủi ấy, tôi được biết bà mẹ của thằng bé đã mất từ lâu. Tôi hỏi gã là muốn trải dài truyện này trên giấy trắng mực đen để bạn bè tôi đọc. Gã lưỡng lự trong giây lát trả lời là...cũng được và ngần ngừ dặn dò tôi nếu có viết thì cũng nên dè dặt.

Thế nhưng cái khó của người thuật chuyện với biết thế nào là dè dặt...

Cõi đời thiên hạ giấc u minh

Gần nửa thế kỷ không hẹn mà gặp, bạn cũ bên kia biển nhẹ cánh phiêu lãng quên mình lãng du ghé thăm. Với bạn cùng chung một mái trường, nhưng cách một vách lớp nên khuôn mặt, dáng người chỉ mờ nhân ảnh sau lớp bụi nhân gian. Cả hai ngồi ngoài vườn hút thuốc lá vặt, nhìn những chiếc lá vàng lác đác, u hoài bóng câu qua song cửa. Bất chợt trong cơn mê chiều như say thuốc, bạn vất qua say tỉnh. Bạn búng tay một cái “tách” kéo tôi ra quán chợ để có những giây phút lãng đãng phiêu bồng trong một ngày trời đất vẫn vũ, vay mượn đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu, bắt nhầm cái hồ trường để xa vắng, vắng xa. Thế là nón lá áo toại ra quán chợ...để ôn lại những ngày mưa gió cũ...

Ôn lại những ngày...cùng âm hưởng của người xưa vọng về qua men nồng kẻ lẻ của bạn thì chỉ năm phút là...hết chuyện, là mất hút đằng cuối phố. Nghe xong, một thoáng như chuyện tình của bạn thuộc trường phái cổ điển với...tình bỏ ta đi, ta buồn trong hoang lạnh với mười năm tình cũ. Gọi nhớ, nếu có chút hơi hám của chữ nghĩa không

ngoài như định mệnh đã an bài, nay đã nổi trôi vào quá vãng. Trong bữa phùng trường tác hí ấy, đúng nghĩa đời thường là nhậu tới bến, nhậu mênh mông trong cái tâm thái *trai trẻ bao lâu mà đầu bạc*. Đến tao đoạn này, nom nhòm mái tóc muối nhiều hơn tiêu, khi không tôi cảm khái dùm bạn *ta nghiêng vai nghe lại cuộc đời, chợt hãi hùng hoàng hôn chờ tới* đề cũng chợt cảm hoài cùng nhân kiếp phù sinh hề một thoáng bạch câu. Bỗng dưng không đâu tôi có một ý nghĩ hay là hãy đốt lò hương cũ qua vài ba trang giấy. Bạn nhìn tôi, lắc đầu buồn thõng một tiếng gọn lỏn: Không!

Bạn về, chuyện tình cũng khăn gói gió đưa theo bạn. Tôi trở lại một ngày như mọi ngày với cái nợ áo cơm, chẳng có gì để quên với nhớ. Vậy thôi thế đó, thưa bạn đọc.

Năm sau, một thằng “trường xưa bạn cũ” khác từ Sài Gòn điện đàm qua cho hay bạn mới về thăm quê nhà. Tôi hỏi bạn đâu mới hay bạn đã đâm đầu về Bắc Ninh...Rồi thằng này đeo đuổi quá khứ vị lai của bạn với tôi cùng thế sự du du hề một cuộc bể dâu của ngày nào năm ấy: Rằng hai thằng cùng chung một lán ở trại cải tạo và bạn sống cũng như chết qua cơn bệnh ngặt nghèo, bò không nổi, lết chẳng xong. Ngỡ rằng bạn sẽ đi về cõi u minh, nên được tống tiễn về sớm. Bạn mò được về đến thỏ

ngôi bản quán thì như Từ Thức về trần với nhà không cửa trông để chẳng thấy...vợ của bạn đâu.

Và qua điện thoại, thằng bạn Sài Gòn cho tôi hay vợ bạn là...con gái Hoàng Cầm.

Ngẫu sự trên tôi đã được nghe bạn kể lể ở ngoài quán năm ngoái. Nhưng ngày ấy bạn chỉ đập cổ kính ta tìm lấy bóng và không cho tôi hay vợ bạn là con gái của nhà thơ đất Kinh Bắc. Buông cái điện thoại xuống, tôi bật ra ý nghĩ hay là hãy đập chữ vá câu một truyện ngắn với cốt truyện có hồn có cốt là: Bạn về Bắc Ninh để...đi tìm vợ.

Và rồi tôi dẫn người ra: Ừa, vợ con ông Hoàng Cầm là ai và vào Nam hồi nào? Đang rối mù, lục lại trong kho chữ, tôi moi ra được một bài viết có tựa đề “Đi tìm người con gái trong vở kịch thơ của Hoàng Cầm” của tác giả Ngũ Yên:

(...) Ông có nhiều bài thơ hay như *Bên kia sông Đuống*, *Lá diêu bông*...Ngoài ra người ta biết đến ông với vở kịch thơ *Người Diên*, ông là một trong những tác giả khởi sự nền kịch thơ Việt Nam những năm 1945. Thời kháng chiến ông cùng nhà biên kịch Hoàng Tích Linh lập ra đoàn kịch Đông Phương vào đầu thập niên 40 gồm *Tuyết Khanh* là vợ Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Phạm Duy, Ngọc Bích... Vở kịch vì cuộc kháng chiến, chỉ diễn ba ngày. Nội dung với nhân vật chính là *Kiều Loan*, người khuyến khích chồng ra đi đánh đổ nhà Nguyễn để phục hồi nhà Tây Sơn, nhưng người chồng chạy theo Nguyễn

Anh, nàng giả điên vào thành Phú Xuân đi tìm chồng, sau đó tự vận chết trong tù...

Người đóng vai Kiều Loan không ai khác hơn chính là vợ nhà thơ: nữ kịch sỹ Tuyết Khanh. Bà đi theo ông ra vùng kháng chiến ông đổi tên vợ là *Kiều Loan*, do đó sau này có cái tên khác là vở kịch *Kiều Loan*. Lúc đó người vợ có thai, nên ở lại vùng trung du và ông lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc chia tay ở phố Ni, Bắc Giang, nhà thơ không ngờ đây là lần cuối cùng ông không còn gặp lại vợ con. Suốt từ năm 1948-1954, bà nhiều lần viết thư cho Hoàng Cầm nhưng bất tin và đưa bé ra đời bà đặt tên là *Bùi Thị Kiều Loan*, vì Hoàng Cầm tên thật là *Bùi Tăng Việt*.

Hiệp định Genève, Kiều Loan mẹ bé con di cư vào Nam sống, lúc ấy Kiều Loan con khoảng 6 tuổi. *Đến năm 1968 cô lấy chồng ở Sài Gòn*. Năm 1975, Hoàng Cầm vào Nam tìm vợ con, nhưng người vợ đã di tản sang Mỹ. Và chỉ còn cô con gái ở lại, đến năm 1982 thì Kiều Loan con cũng sang Mỹ đoàn tụ cùng mẹ. Năm 1983, trong một buổi đi chơi, tình cờ Phạm Duy gặp mẹ con Kiều Loan qua Phạm Công Thiện. Trong căn gác nhỏ chung cư nghèo nàn, Phạm Duy nghe lại những bài thơ của Hoàng Cầm và tận mắt nhìn lại hình bóng Kiều Loan ngày nào trong vở *Người Điên*.

Bà Tuyết Khanh đọc lại những bài thơ mà thi sỹ tặng bà năm 1945.

Anh đã về đây gặp lại mình

Cời đời thiên hạ giấc u minh
Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ
Vót mắt em về bến hoá sinh...

Tiếp đến là cô con gái Hoàng Cầm tên Kiều Loan
ngâm tiếp:

Khanh ơi!
Thế xác hiu hiu bụi
Nắng dải hoe vàng
Em ở đâu?

Từ bài viết trên qua câu: *Năm 1975 thống nhất, Hoàng Cầm có vào Nam tìm vợ con.* Sau tôi túm tó được một bài viết khác có tên “*Câu hát tìm nhau*” của tác giả Quế Hương. Thế là tôi bòn mót vào truyện ngắn của tôi với... ản dụ “*lão Tuất*” là nhà thơ Hoàng Cầm, “*Hai Xuân*” là bà Kiều Loan và nhân vật xưng “*tôi*” là người kể chuyện:

(...) Tôi gặp lão lần đầu trong quán thịt chó của bà Tư béo, nơi tôi đến bỏ rượu gạo hàng chiều. Lão xuất hiện với bộ dạng một người lỡ đường, tay bị, gương mặt rỗ hoa. Tưởng lão là người ăn xin, bà Tư đuổi như đuổi tà:

- Tôi tận Bắc Ninh vào đây tìm người quen. Bà cho tôi hỏi... bà có biết người này.

Lão chìa ra mảnh giấy bọc ép nylon như thẻ căn cước, ghi dòng chữ: Hai Xuân...

- Không đường, không số nhà... Già rồi lắm cảm. Thôi đi chỗ khác...

Thương hại lão, tôi gọi chuyện:

- Thế bà Xuân người như thế nào?
- Cô ấy người dong dong. Trắng tươi. Hát hay. Xinh đẹp.

Quán ven đường bỗng gã để râu xồm xoàm vừa nhai vừa hỏi:

- Mà cô Xuân là gì của lão? –
- Xưa cô ấy là bạn hát quan họ của tôi. Gã giọng Huế cùng bàn hỏi tiếp:
- Lão ơi, có khát tộp ít ngụm... Kiếp sau yêu cho dài ngày rộng tháng.

Để thưởng câu nói mà gã tự cho là ý vị ấy, ngửa mặt lên trời, ném điệu nghệ một miếng dồi chó vào miệng, nhai nghiền ngấu, tộp một ngụm rượu, khà một tiếng khoái trá.

- Ngoài tôi, chỉ có món xào và rựa mạn là để bát đĩa. Còn các món khác đựng trong lá tắt... Ăn bốc mới đúng điệu. Đột ngột lão góp ý.
- Mở đầu được đây! Mần ly rượu nói tiếp đi!

Câu chuyện xoay quanh chó: cách chọn chó, nấu chó, ăn chó... Lão sành đến nỗi những cái mặt đỏ gay, những cái miệng bóng nhẫy đều quay về phía lão hóng chuyện. Bà chủ đang há hốc miệng nghe lão bày cách chế biến từ bảy món cày cơ bán thành mười món hoặc hơn nữa. Bà Tư đích thân bụng đến đặt trước mặt lão để mong thụ giáo. Lão giải thích hễ lão cầm đũa là phải ăn no mới thôi. Cái thứ này hễ ăn là say, ăn mãi...mà ăn thì phải đúng điệu với bạn tri ân để say còn khóc cười cho hả...

Bà chủ lên tiếng: “Dò tìm một cô Xuân nói giọng Bắc, vân khăn, biết hát quan họ không khó. Tui sẽ nhờ anh em... sẽ để lão ăn thịt chó thuê không lấy tiền... với điều kiện lão giúp tôi tiếp khí sắc cho quán, phải có ngón nghề đặc biệt mới kéo khách về mình...”.

Quán thịt cây của bà Tư béo từ độ có lão bỗng đông khách hẳn. Thịt bao giờ lớn bùi, bé mềm, cả tơ cả cứng cho đủ vị cuộc đời. Lá dong riêng, lá chuối được thay đĩa men, thơm điếc mũi. Buổi tối quán tắt đèn điện thắp đèn cây ăn thịt cây... âm âm u u thế mà gọi mời đáo đẽ. Những câu chuyện về đời, về chó của lão dưới ánh nến bao giờ cũng khiến khách ăn cảm thấy bữa rượu thịt đậm đà. Bọn họ gọi lão là "lão Tâm Xuân". Lão không nói một lời. Tôi có cảm tưởng có cái gì nặng hơn chiếc lá khô vỡ tan tành trong lòng lão. Ôi lão Tâm Xuân! Lão tìm trong cuộc đời nước chảy mây trôi như một hình bóng của ký ức thì tìm sao đặng? Những cuộc "gặp" ấy để lại trong lòng lão dư vị cay đắng. Lão ngồi uống rượu suông, mắt mờ đục như có khói và lão hát. Lão hát hay lắm.

Hay đến nỗi có lần tôi phải chở vợ đến nghe. Nàng đứng ở ngưỡng cửa nghe lão hát bài ruột: "Khi tương phùng, khi tương ngộ. Xuôi lên bộ, vắng vắng tơ tình. Em biết đến bao giờ gặp mặt, sau đèn duyên ba sinh". Khó tưởng tượng một giọng hát say đắm ngọt ngào dường kia lại thoát ra từ một lồng ngực

hom hem phô những giẻ sườn. Vợ tôi bảo không phải lão hát mà tình yêu lão hát. Nàng nhận xét: đằng sau vẻ ngù ngờ, xấu xí, già nua kia có một cô Xuân dong dỏng, hát hay, xinh đẹp trên đời. Cô Xuân ấy không bao giờ già, không bao giờ xấu trong lão! Sau lần nghe lão hát, vợ tôi bỗng trở nên “ái mộ” lão. Nàng bảo tôi chờ lão đến nhà chơi và bị lão “mê hoặc” qua những bài quan họ. “Sớm đi chơi hội, tối về quay tơ. Dải yếm phát phơ. Miếng trầu, mồi mồi. Miếng ăn, miếng buộc. Miếng gói đầu giường. Muốn tìm người thương. Tìm đâu cho thấy?”...

Bếp nhà ẩm áp khi có lão. Lão mơ màng kể cho chúng tôi nghe những ngày hội Lim, những liền anh áo the khăn xếp, liền chị thắt lưng hoa lý, yếm đào con nạy, mắt lá răm lúng liến hát thâu đêm. Tôi ngồi nghe lão tả những làn điệu quan họ đắm say miên man diu dặt và yêu cầu lão hát nhưng thường lão lắc đầu. Lão bảo hát quan họ phải có đôi, có bạn, có chỗ. Ký ức lão còn giữ nguyên vẹn những ngày hội quê lão: Hội làng, Hội Xuân, Hội mùa... Trai gái hát chèo, đánh đu, cờ người...

- Lão gặp cô Xuân ở những ngày hội đó à?

- Vâng. Đó cũng là ngày hội quan họ, cả vùng như ngấm men say, phát cuồng vì hội lễ. Năm ấy anh cu Rõ là tôi tròn 18 tuổi, được cử vào bọn quan họ làng để luyện giọng thi hát với bọn quan họ làng bên kia sông. Nhà tôi ba đời hát quan họ. Tôi luyện trên dưới 200 giọng, thế mà khi hát đôi với cô ấy tôi run.

Tâm hồn tôi lơ lửng không đặt hết vào lời. Cô ấy là tiên quan họ. Ngày xưa cô Tâm cũng đẹp thế là cùng! Giọng hát sóng sánh. Mắt đen lóng lánh. Môi cắn chỉ đỏ thắm. Cằm cổ như cuống hoa huệ... Tôi say, say lời hát, say cô ấy, quên cả ngón ruột phải tung ra vào phút chót để thặng dứt điêm. Cuộc thi kéo dài đến ba ngày. Tiếng trống dứt mới giặt mình ngơ ngẩn. Dĩ nhiên tôi thua...

- Đa tình thế sao không lấy?

- Lệ quan họ những đôi trai gái đã kết bạn quan họ không lấy nhau. Tình yêu có nảy sinh thì cũng gửi thương gửi nhớ qua lời hát. Kết nghĩa quan họ như kết nghĩa anh em, được cha mẹ hai bên, dân hai làng chấp nhận. Tình bạn ấy chân thành, thủy chung, thắm thiết không chỉ đời mình mà có khi còn đến đời sau. Làng tôi có nhiều cặp quan họ khi đầu bạc răng long, tình yêu trong câu hát xưa vẫn không tàn. Có dịp gặp nhau trên chiếu quan họ, họ lại sống lại thời xuân sắc. Anh em kết nghĩa quan họ gặp nhau, đến thăm nhau, ăn uống, vui chơi, ca hát với nhau. Mỗi bên có chuyện vui buồn đều tổ chức đi lại thăm viếng. Rồi cô ấy cũng phải đi lấy chồng. Tôi đau lòng hát miên man...

Mắt lão bỗng mơ màng xa vắng. Rồi một giọng hát trẻ trung đậm thắm da diết cất lên: "Ăn quả nhớ lòng. Ước sao người ấy tôi bỗng trên tay...". Không phải lão Tâm Xuân tóc bạc da môi hát mà anh cu Rõ tóc đen như mun, da màu đồng, có giọng hát Trương Chi hát! "Cô ấy hiểu lòng tôi, chú ạ!" Lão lại ngưng hát, kể: Tôi hát bài "Khi tương phùng, khi tương

ngộ" ngang nửa bài thì cô ấy xen ngang, hát tiếp: "Bạn tình ơi! Em biết đến bao giờ họp mặt sánh đôi...Trước không phải, sau đền duyên ba sinh". Chúng tôi cắt câu quan họ làm đôi, mỗi đứa giữ một nửa. Hẹn kiếp sau chấp lại.

Sau đó là chiến tranh... Câu quan họ tan tác trăm phương. Tôi tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, khi hòa bình lập lại, tôi về làng thì nghe cô ấy đã theo chồng... nghe nói vào Nam. Rồi tuổi già đến. Già buồn lắm chú ạ! Cô đơn và bất lực. Chết không đáng sợ bằng tuổi già. Sống đến đó, người ta mới nếm tận cùng chén đắng cay của đời... Luật đời chú ạ! Già thì lụi tàn, phải chết. Một lần tôi ốm thương hàn, thập tử nhất sinh. Trong những cơn mê, tôi cứ nghe một giọng hát lãnh lót níu tôi lại trần thế: "Người về bỏ bạn sao đành. Người về em vẫn định ninh tấm lòng...". Giọng cô ấy! Chỉ có cô ấy mới có cái giọng la đà sát ngọn cỏ, cao vút chạm mây xanh, thâm thì luồn lách trong da trong thịt. Sau lần ốm ấy, tôi nghĩ đến chuyện đi tìm cô ấy. Chính cô ấy níu tôi lại cuộc đời này. Tôi phải đi tìm nửa câu quan họ cắt đôi.

Sau một tuần đi công tác xa về thì ra lão đã bỏ đi... Tôi vô tình gặp lại ở Hàng Xanh. Con hẻm em gái tôi ở vang lên tiếng rao lạc lõng: "Ai hàn xoong hàn nôi, mài dao mài kéo không...? Tiếp liền sau một giọng hát cất lên: "Khi tương phùng khi tương ngộ,

xuôi lên bộ vãng vãng tư tình... thương nhớ sâu oanh, lẻ loi chim nhạn. Bạn tình ơi...". "Ồi!". Lão. Lão chứ còn ai nữa. Tôi chạy nhào ra hẻm gọi ơi: "lão Tầm Xuân". Lão quay phắt lại rồi ôm chầm lấy tôi mừng rỡ. Mới hai năm mà lão già thêm nhiều! Gương mặt chẳng chịt nếp nhăn lỗ chỗ nốt rỗ như tấm gỗ mọt. Đôi mắt mờ đục, giọng hát khào khào. Câu quan họ làm lủi lạc theo, lạc lững trong thành phố... Lão nói: - May gặp nhau lần cuối... Tuần sau tôi về chú ạ. Tôi về để mười ba tháng Giêng tới dự hội Lim lần cuối. Hội Lim giờ đâu như xưa nữa... Nhưng tôi vẫn nghe tiếng trống vào hội giục giã lòng tôi. Tôi yếu rồi! Tôi đã nghe đất gọi Quê gọi, hẹn kiếp sau vậy... Tôi nhìn lão, chiều tà dần trong đôi mắt màu hoàng hôn.

Khoảng mười hôm sau, con dao chặt thịt bị mẻ, em tôi nhắc:

- Không thấy lão mài dao kéo vào xóm. cái lão thật lạ, không lo kiếm khách chỉ lo hát. Người già cũng lạ! Trại dưỡng lão em làm có một bà già nhập trại ba năm không nói một lời, tưởng câm, khi gần chết hóa ra biết hát. Cái giọng na ná như lão mài dao.

- Đâu? Bà ấy ở đâu? - Tôi chụp tay nó.
- Ở trong, sắp chết rồi. Mà anh hỏi làm gì? Tôi kéo áo nó, bắt nó chờ đi rồi tôi sẽ giải thích. Đọc đường tôi kể vắn tắt chuyện lão Tầm Xuân đi tìm nửa câu quan họ. Tôi linh cảm đó là cổ Xuân.

Bây giờ nằm trước mặt tôi là bà cụ mỏng như giấy, mặt vàng, hơi thờ đốc... "Dong dong, trắng tươi, hát hay, xinh đẹp..." Hình hài ấy không còn nét nào giống lão Tầm Xuân tả. Hay tôi đã lầm? Tôi định lui ra nhưng chiếc lá khô ấy bỗng khẽ khàng động đậy. Rồi từ lồng ngực thoi thóp hơi tàn, phều phào những tiếng, lời rời rạc. "Bạn tình ơi! Duyên bén ngãi, trước không phải... sau đền... duyên... ba sinh".

- Đúng rồi! Có Xuân đây rồi! Tôi reo to giữa những gương mặt già nua ngơ ngác - Lão Tầm Xuân ơi! Nửa câu quan họ đây rồi. Lão tìm ba năm, nay biết tìm lão ở đâu.

Bà cụ mấp máy môi hát, âm sắc yếu dần... yếu dần... Nhanh trí, tôi nắm lấy bàn tay còn xương với da ấy và tôi lập lại lời hát của lão Tầm Xuân: "Khi tương phùng, khi tương ngộ, xuôi lên bộ vãng vãng tơ tình..."

Giọng hát vụng về thô ráp như đọc của tôi cất lên, và lạ lùng thay, nó tựa những giọt nước cành dương diệp kỳ... Mí mắt bà lão động đậy, ngực phập phồng rồi giọng hát yếu ớt cứ rõ dần hòa với cái giọng vệt đục ô ô của tôi. Tôi lập tức đạp xe đi quanh vùng Gia Định tìm lão Tầm Xuân nhưng bóng lão bất tăm... Hình như lão đã về quê rồi. Em gái tôi góp ý nhắn lão trên đài. Mẫu tin kỳ quái được nhắc lại hai hôm: "Lão Tầm Xuân! Đã tìm ra nửa câu quan họ. Đến gấp trại dưỡng lão số 3, đường... Mau lên kéo không kịp".

Không kịp thật. Cố Xuân hắt ra hơi thở cuối cùng, lão vẫn bật tằm. Chiếc xe tang đưa cố đến lò thiêu. Không một vảnh khăn, không dòng nước mắt. Có lẽ giờ này lão Tầm Xuân đang lê bước trở về. Nửa câu quan họ lằm lũi theo lão... *Chơi voi... Chơi voi...*”

Buổi sáng ngồi ngoài vườn, tôi chẳng thấy trời xanh, mây tím, nắng vàng đầu mà nhìn thấy...con chim cu đất trên sợi giây điện. Mà cái giống này cũng hay, chỉ đậu trơ trọi một mình, cất tiếng “..gù..gù.. “ gọi...*bạn tình* nghe đến buồn tênh, làm tôi cũng vương vẩn lây, và lây lất thêm với những...chơi voi...chơi voi...Nói cho ngay, tôi lạm với tiếng hát quan họ qua thơ cụ Hoàng Cầm, để gần gũi với đất quê, gió quê vi vút gọi, man mác đồng chiều cuống rạ, ẩn hiện một thoáng hương xưa với những người con gái Bắc Ninh. Tôi đậm đà với mảnh áo tứ thân hoa gụ, giải yếm thắm màu mạ non, tay cầm nón quai thao lặng lờ đứng trông nắng vãn ven sông. Ai chẳng có lúc thả hồn theo mây khói, mặc dù chuyện đã manh nha từ lâu. Lúc này tôi bật ra thêm ý tưởng là đẩy đưa hai vợ chồng bạn gặp nhau lại trong một chiều bên bến vắng, với tình ời tình rằng:

Bắc Ninh cho đến Phủ Từ

Qua cầu sông Nhị, ngẩn ngơ tìm người

Tìm người chẳng biết mấy nơi

Tìm ba mươi sáu phố thấy người ở đây

Tiếp đến, tôi dàn dựng tàn cuộc binh đao, sau bao tháng năm xa xứ, thằng bạn tôi về lại quê nhà. Đất quê lành lăm, trông gì lên nấy, hai vợ chồng nó ròi ra sẽ có mảnh vườn, bờ ao, chuồng lợn, đàn gà, và chẳng thể thiếu vắng bóng dáng thằng cu, cái hĩm.

Khúc cuối của bài viết của một chuyện tình có hậu. Tôi sẽ thu vén, chốt chiu:

Người ơi! Người ở đừng về
Người về em sẽ khóc thầm
Em nắm vạt áo ướt đầm như mưa
Người ơi! Người ở đừng về

Chan tương đồ mè thì tôi có biết Bắc Ninh với quan họ hồi nào đâu, có cho ăn gan gòi trứng trâu tôi cũng chẳng dám lêu bêu xa hơn. Vì vậy tôi gửi bài viết đang dang dở sang bên Úc nhờ một thằng bạn “bạn cũ trường xưa” khác nữa ở bên ấy gắm ghé nó: Một là dọn dẫm nó qua bài viết. Hai là gãi ngứa nó cho dăm tình tiết về quê vợ làng Lim của nó. Thằng bạn “bạn cũ trường xưa” to nhỏ rằng: “Mày nhắc đến Kiều Loan, nó sứt sùi rơi nước mắt. Thế nào nó cũng...ói mày”. Tôi chốt dạ: Bỏ bu! Sắp to chuyện đây!

Một ngày nó ới tôi thật và kể chuyện về...phó Lý Quốc Sư thăm ông bố vợ Hoàng Cầm. Nó cách rách là ông cụ dạo này sáng bần ba-zô-ca âm âm, chiều chống ba-toong khơi khơi. Tôi nhủ thầm: Mẹ kiếp, thằng này vào Nam 54, cao tay lắm là mười

tuổi...như tôi, thì xin lỗi: Cụ nhà nó chứ! Chứ nó biết chó gì về bậc tiên bối như cụ Hoàng Cầm với...đạo này,...đạo nọ cùng nàng tiên nâu với cây gậy chống trời. Nó lậy dầy, khi về ông cụ đưa nó cái phong bì có nhăm chữ “Gửi con rể yêu quý của bố”. Nó ”bức xúc” khi đọc đến dòng chữ này và nhắc tôi hai lần về câu viết ngập ”ấn tượng” ấy. Nó góp nhóp rằng vợ nó đã *em ra đi mùa thu, mùa thu không trở lại*, nhưng ông cụ vẫn xem nó như...rẻ hiền. Không lẽ trong phong bì có...tiền. Nhưng ấy là chuyện sau, thưa bạn đọc.

Hơ! Cụ nhà nó chứ! Hiền thì nó chẳng hiền quái gì, vì ai chẳng biết nó cũng một thời là dân áo liền quần, lầy cái khu trục làm...quan tài bay. Thấy nó “phấn chấn” quá thể, tôi khêu khêu nó là muốn vắn chữ véo câu chuyện tình chết, tình buồn của nó năm nào nó n lá áo toi ra quán chợ. Nó ậm ừ...thôi cũng được. Nhưng đợi cái đã...Đợi tuần sau nó cho biết nó “điện” cho cụ Hoàng Cầm với ý đồ của tôi và cụ nói: “Cứ để cậu ấy viết xem sao”. Nó tiếp giọng yếu sùi rằng tôi có ôn lại những ngày mưa gió cũ gì cũng xong tất. Rồi nó buông một câu chết người: “Mày cứ chôn hai đứa tao chung một lỗ với...mồ yên mả đẹp là xong tất”. Tôi sống người, vắn óc nghĩ không ra cái thằng dở người này. Thế nhưng cũng nhờ câu nói của nó, tôi ăn mày chữ nghĩa của một nhà văn nào đấy với câu viết đề đời: “Nhà văn là người cho nhân vật chính sống ở chương đầu, rồi cho chết ở chương cuối”. Thế là tôi có thêm tình tiết mới cho truyện

ngắn đang bụng mang da, chữa. Đồng thời tôi vay mượn câu thơ của cụ Hoàng Cầm: “Cõi đời thiên hạ giắc u minh” để đặt tên cho “tác phẩm” sẽ đưa tôi vào làng văn xóm chữ sau này.

Là kẻ hậu sinh, được cụ ngỏ lời như cõi tấm lòng: *Cứ để cậu ấy viết xem sao.*

Thế là tôi mặc sức cho nó đi tìm vợ như cụ Hoàng Cầm đi tìm vợ con một dạo ở Sài Gòn qua bài viết “Câu hát tìm nhau”. Trong truyện này lão Tầm Xuân làm thịt chó với cách chọn chó, nấu chó, ăn chó, rửa mặn là để bát đĩa, còn các món khác đựng trong lá tắt. Tôi sẽ đựng đĩa đựng bát để nó được hầu rượu cụ Hoàng Cầm với thịt chó luộc bọc lá sen của làng Cổ Pháp có chùa Cổ Pháp. Cách chọn chó thì chả cần “chó tháng ba gà tháng bảy, gà lột đậu, chó sáu bát” gì sất mà cứ chó làng hay chó nhà chùa mà thịt. Luộc bằng củi, vừa nước, chó gầy, chó béo đều ngọt nước hết. Nhẽ này tôi học theo Nguyễn Công Hoan cùng thời với cụ Hoàng Cầm thì viết truyện là...”bịa”. Nhưng phải bịa qua chuyện có thật. Thật quá hoá thô. Vì vậy phải...bịa như thật. Và chuyện thật là với món thịt chó luộc này tôi ăn đong ăn vay từ cụ Nguyễn Tuân: “Rồi ông Nguyễn vừa ngó chai rượu năm chông chơ bên đĩa tiết canh và nhớn nha kể chuyện từng được một ông sư đãi một bữa thịt chó độc đáo. Thịt chó không ướp gia vị, đặt vào giữa bông sen của nhà chùa, bó lại, đem đồ cho chín dừ. Món ăn vừa tục vừa thanh lại có cái công cái hỉn, vừa có vị chất của nhựa sen, vừa có

hương thơm của hoa sen”. Vì vậy trong bữa phùng trường tác hí đây, tôi cho nó gặm móng chó luộc như cụ Nguyễn Tuân và uống rượu làng Vân ở Bắc Ninh chứ không bia Trúc Bạch như người Hà Nội bây giờ.

Nhưng khác truyện “Câu hát tìm nhau” là nửa câu hát này không gặp lại nửa câu hát kia. Tôi sẽ dàn dựng rồi gặp một chiều bên bến vắng, để *trông nước nước chảy, trông bè bè trôi*. Tôi dẫn nó về *tìm người chẳng biết mấy nơi, tìm ba mươi sáu phố thấy người ở đây*. Bởi chung với chuyện có hậu, vì vừa mới “sống trên đời ăn miếng thịt chó, chết xuống âm phủ còn có hay không”, thế nên không có chuyện chết chóc ở đây.

Và chuyện được vung vãi với đường mưa ướt đất như thế này đây, thưa bạn đọc:

Đến thăm ông bố vợ chưa một lần gặp mặt căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư, ông cụ ân cần tiếp nó như một đứa con đi xa trở về. Về chuyện vợ nó, bên bàn thuốc phiện, cụ một vấn hai dài cho biết chẳng ai biết gì hơn là bấy lâu nay vợ nó biệt tăm ở mạn đồi Lim, chẳng hề bén hơi về Hà Nội. Bán một bi thuốc ròn tanh tách xong, cụ lững lờ gần xa về cái lệ của 49 làng quan họ là “làng quan họ nghĩa”. Họ coi cha mẹ của bạn như cha mẹ mình, những ngày vui buồn đều đi lại thăm hỏi nên trai gái không được lấy nhau, lửa gần rơm cũng có ngày cũng bén, để rồi sinh lắm

chuyện...vạn sự bất như ý. Có sự này nó cũng đã biết, vì tôi đã ăn mày chữ nghĩa qua bài viết của tác giả Quế Hương ở trên: Tình yêu có nảy sinh thì cũng gửi thương gửi nhớ qua lời hát. Tình yêu ấy chân thành, thủy chung, thắm thiết không chỉ đời mình mà có khi còn đến đời sau...

Qua khói thuốc, cụ thở ra với thân phận con phù du mà quê cụ gọi là con vờ vờ, sống với nước ao tù rồi cũng chết trong váng ao tù. Đến đây, vừa lúc bà vợ kế Lê Hoàng Yến tay này xách một túi thịt chó luộc gói trong...lá chuối mua ở chợ về, tay kia cầm hai chai bia Trúc Bạch. Mà làm như biết chuyện từ trước, vừa ngồi xuống bà góp chuyện ngay và quẹt mắt giọt ngắn giọt dài về chuyện cô đồng Bắc Ninh...Số là cô vò éch ngã lăn cù đập đầu vào cái chum nước mưa, tỉnh dậy, cô như người cỡi trên vì có thể nhìn thấy hồn ma đi theo người ta. Sau đó thỉnh thoảng cô nghe được tiếng người cỡi âm nói chuyện với nhau. Nhưng cô chỉ nhìn thấy được nửa người phía sau của họ. Nó ngờ ngợ có chuyện bất như ý đã xảy ra...

Về đến khách sạn, mở phong bì nó thấy một tờ giấy có địa chỉ...cô đồng.

Hôm sau lên Bắc Ninh gặp đồng cô bóng cậu xin lễ. Nhìn thấy “cô” nó ngớ ra vì chả phải là...”cậu”. Nếu là “cô” thì cô có cái gì ấy lạ lắm lắm. Mà lạ thật, cô như rớt mắt nhìn qua vai nó như muốn tìm kiếm ai, vừa lăm bằm một mình không ra

tiếng, như nói chuyện với âm hồn nào đó đang vất vưởng sau lưng nó. Nếu là “cậu”, thì sao cậu lại ...đánh phấn môi son. Thế nên nó hỏi tên cô cho ra nhẽ. Cô cười ròn tan. Quay đi. Và nhảm nhăng nói một mình: *Hồn chịu về gặp anh giai rồi đấy, nhưng hồn đòi cái...đàn gáo.* Xong, cô đồng tất bật chạy qua bên kia hàng xóm. Vừa chạy vừa nói với lại: Na.

Nó lại ngớ ra vì tên gọi chẳng nói lên “cậu” hay “cô”. Còn lại một mình vì...không có ai ngoài nó. Nó rợn người ngó quanh quất, chỉ thấy nhà cửa lạnh tanh vắng ngắt với cái bàn thờ. Lát sau cô cun cút khuôn về một nghệ nhân dân tộc khom trông thấy và tay xách cái đàn gáo. Nó rọ mắt nhìn kỹ lại là...cái đàn bầu. Nó láo ngáo trong đầu với gáo là bầu. Cậu không phải là cô. Bầu là gáo. Cô chẳng phải là cậu khiến mắt mũi nó rối loạn tiền đình muốn...khóc luôn. Muốn khóc thì thò tay vào túi quần tìm...napkin. Thì nó mò được một trăm đô và kín đáo bỏ vào phong bì có sẵn của cụ Hoàng Cầm. Trong phong bì, ngoài tờ giấy ghi địa chỉ cô đồng. Bây giờ nó mới nhìn thấy bài thơ “Lá diêu bông” có câu *đưa nào tìm được bá diêu bông, từ nay ta gọi là chồng* mà cụ Hoàng Cầm bỏ vào trong đó. Ngoài ra ông bố vợ nó còn cẩn thận nhét thêm *cái lá diêu bông* ép khô.

Nó chột ngộ chứng ra thật là giả, giả là thật, giả thật...tù mù vậy thôi.

Cô loáy nhoáy thấp hương trên bàn thờ, không ai bảo ai cả ba ngò xuống chiếu. Nó ngáo ếch nhìn

trước mặt cô là cái đĩa có cái chân gà khô quắt queo...như lá diêu bông và một đồng trinh. Bác khộm vừa lên giây đàn “tách..tách..” vừa lừng khừng hỏi: *Hầu văn hay hát mười đây, hở nôm.* Mắt bác háp háy như muốn nuốt chừng cô đồng: *Này, mèo mả gà đồng vừa thôi, gieo quẻ xin âm dương đi chứ, con lợn sề đi để nên đang sốt tiết đây.* Cô cảm đồng trinh gieo xuống đĩa để xin âm dương, miệng khấn lâm râm một hồi lâu...lâu lắm. Xong, cô cúi đầu xuống lạy cái chân gà quắt queo ba lạy như té sống bác khộm. Nó thuôn mặt ra vì hết “con lợn sề” là giống giuộc gì? Đến cứ theo văn sách nó chả hiểu đồng cô bóng cậu này thuộc Tam phủ, Tứ phủ của đền Phủ Giày thờ Mẫu địa hay đền Quốc Oai thờ Mẫu thiên đây? Xong lẽ bộ, đầu lắc lư như...lên đồng. Cô mở mắt trừng trừng dòm bác khộm, nó ngỡ cô sắp mở miệng ca trù, cung văn “Cậu bán sùng lục, Cô boi thuyền rồng” thì cô chũm môi mắng te tái: *Cái nhà bác phải gió phải giây này, tớ đã bảo hồn chịu về hầu bóng với quan bác đây rồi thì cháu văn chứ còn khi mồm gì nữa.* Qua cái mũi, qua nhang đèn hương khói nó nhắm chừng với cái mũi này: Nếu là “cô” thì cô đây ngang như cua của của một người đàn ông...khác thường. Còn nếu là “cậu” thì cậu này bướng như búa của một người đàn bà...khác lạ.

Mà lạ thật, vì vừa lúc cô nhúm miệng cười với bác khộm: *Bữa rày lợn sề đi vắng thì nhà bác là...tình nhân của tớ ấy nhá, sừng bỏ bố đi ấy chứ*

nhể. Bác thợ đàn nhe hàm răng cán cuốc ư hử, và thông thả vào nhịp “tích tịch tình tang” và đợi. Đợi cô cúi mặt xuống chiếu, hai bàn tay để ngửa trên đầu gối và hai ngón tay của bàn tay bấu vào nhau như bắt quyết. Thấy vậy bác khom búng dây đến “tách” một cái, nhịp phách giòn giã đụn đầy. Cô ngừng mặt lên, xì xụp khăn, đầu lắc lư như...lên đồng. Múa may một hồi xong, cô hầu bóng hướng lên bàn thờ có bức tranh xanh xanh đỏ đỏ vẽ Mẫu Thiên, Mẫu Địa nào đó mặc áo đỏ tía, hai tay đang bắt ấn rồi há họng hát hồng: *Lạy bà! Bà ở trên ngàn - Thương con đệ tử trần gian bà về*. Bà về thật cũng nên vì nó bỗng thấy cô đồng vuốt mặt, rồi ngáp một cái rõ to. Ngáp xong cô cất tiếng nói làm nó giật bắn người lên, vì...

Vì nó nghe y hết giọng...vợ nó ngày nào:

- Thăng Lưu bớt ho chưa?

Bị hỏi bất ngờ, nó ú ớ:

- Chưa...

“Vợ” nó nhăn mặt, tiếng vợ nó qua cô đồng: :

- Nhớ cho con uống thuốc nhá.

Vợ nó nhìn thẻ nhang đang tỏa khói, giọng trầm hẳn xuống:

- Người ta vẫn thường về nhà phù hộ cho con và...nhà nó.

Rồi vợ nó hỏi đôn:

- Sao nhà nó chẳng cúng giỗ cho...người ta.

Nó áp úng trả lời là nào có biết vợ nó...”đi” ngày nào mà cúng giỗ? Vợ nó nói ngày tháng. Nó

vừa rút bút giấy ra hí hoáy ghi chép. Vừa hứa năm nào cũng sẽ cúng giỗ với rau muống xào tỏi chấm nước mắm chanh ớt, với đậu phụng rán chấm tương gừng.

Cô đồng hướng về nó, giọng ảo não bi ai:

Hờ... i i i

Hôm nay (.u.. u..) xum họp trúc mai (.i..a..có mây).

Tình chung (.u.. u..) một khắc nghĩa dài trăm năm (.i..a..có mây).

Hờ...

Sao Khuê một giấc mộng mênh...σ...

Người đi hay ở, ơi người. Chỉ có một đời.

Tiếp, cúi mặt xuống chiếu, giọng như lạc hẳn đi:

Tử sinh, tử sinh, cái trò rĩ sến...σ son sè...rĩ sến

Hờ...σ...à...σ...

Một trời thánh thót sương tình...σ...

Thuyền ra vạn dặm...à...σ...

Thuyền ra vạn dặm chút tình khai ân.

Ngẩng đầu lên, cô đồng giảng giải: *Áy hôn đang theo bạn hát đấy, anh giai.* Ngu lâu đàn dai cách mấy, nó cũng hiểu ra “bạn hát” đây là “bạn tình” dưới âm của vợ nó. Cô hóng mắt lên bàn thờ tổ vái mấy vái.. Nó nom dòm theo thấy thánh cô, thánh mẫu mặt bầu bầu, môi son má đỏ, cổ áo, cổ tay đeo giây chuỗi vàng bạc năm, sáu chuỗi. Trong khi một

chân đi giày một chân không...Cô nhướn mắt và gật gật với bác khộm ra dấu.

Bác khộm lật đật, lật đật cái đàn ngang đùi, gõ “thùm...thùm...” như thúc giục:

Hồn lạc giang đầu. Hự.

Sông mê nước chảy đôi dòng.

Tử ly ấy đổ vào sông mê cuông. Hự.

Sóng cả này. Hung tợn.

Hỏi ai...ai biết...u...Hự.

Nghe thủng xong, nó đực ra như ngỗng ia vì sao cô lại *hỏi ai...ai biết...rồi lại u...hự* nữa, chạy trời không khỏi nắng là đồng điệp nhập vào cô chả sai chạy. Cùng lúc trong cái đầu củ chuối nó cứ nhập đồng với cái giày của thánh cô, thánh mẫu đánh rơi mới có phủ Giấy để nghe châu vãn và xem hầu bóng, để sau này có nghề làm hàng mã. Từ đó có phủ *Đồng*, nơi sửa soạn lễ vật là cái hài bị đánh rơi mất và xiêm y hàng mã để vào bái Mẫu. Và phủ *Bóng*, chỗ thánh cô, thánh mẫu xuất hiện nhiều lần, từ đó có hai chữ ”đồng bóng”. Nó đang nhiều sự, nhiều nhưng vậy thì cô vẫn giọng ái nam, ái nữ: *Xá lâm, xá lú, xá mê - Trần gian bà về, bát nhã thuyền huê*. Tiếp, cô quay sang đờ đẫn nhìn nó, thở ra như trâu hạ địa: *Cả hai là làng quan họ nghĩa với nhau, họ đi thuyền hát với quan anh, quan chị rồi thuyền chìm và cả hai chết đuối, tội nghiệp*. Ngốc như con ốc cách nào đi chẳng nữa, nó hiểu ngay đơ là vợ nó và “thằng tinh nhân” hát quan họ chết ...vì nước. Vì vậy chuyện này về làm phải làm đám ma khô như

đám ma thật với gà, xôi, bát trứng. Lại phải đắp mộ gió, là mộ cũng có quan tài, vì chết mất tiêu, mất tích nên hình nhân thế mạng là hình nhân hàng mã hay....khúc chuối.

Quay về “bạn tình” hình nhân thế mạng là bác khộm. Cô đắm thắm thiết tha:

Hồn tìm hương duyên.

Đa tình réo rắt...ư...Đánh bông.

Mà rằng ối a là tình.

Tình bông mát tay...ư, mấy kiếp.

Ư tình này là mẫn mẫn...ư đa tình.

Xong, cô đồng ngồi xoa tay lên mặt và ngồi im lặng khá lâu. Sau đấy, cô đồng nói với nó: *Họ đang hát hò với nhau ở dưới âm đấy, anh giai.*

Người tình khộm điếm nhẹ tang trống ra dẫu, cô vào nhịp ứ hự:

Tán tụ này, cung bậc. Ồi a, khi tỏ khi mờ này. Ma trời í a...

Cao cung lên này. Tình bằng này tình ở. Ồi a...là ai mong tình

Ồi a là ai mong tình này. Ồi a hỏa...hỏa đàn...

Cô đồng tay bầu cuống chiếu, tay phe phẩy cái quạt nan và quay về bác khộm, miệng xuýt xoa: *Ồi a hỏa...hỏa đàn...Đã bảo ở dưới âm mà, nóng lắm.* Bác khộm như thiếu thuốc lào nên không nghe thấy, còng lưng búng giầy bắt nhịp tiếng hát trầm bổng đỏi bắt nhau “tích tịch tình tang”. Mắt cô nhíu lại: *Hát ca là cái nghiệp, chẳng bỏ được đâu.* Hầu cô

bóng cậu xong, cô mặt quay đi, miệng nói trống không, như không có nó, cô châu vắn: *Bà về bát nhã thuyên huê – Con cồng đệ tử ngồi kê hai bên*. Và cô lậu bậu: *Hồn sắp thăng*. Mà cũng sắp thăng thật vì nó thấy “vợ” nó xòe hai tay về phía chồng và người tình khộm, như hai...đệ tử ngồi kê hai bên, như mời trầu già bạn:

Tình rằng...í...i...đá tình...

Lúng liếng...oi là lúng liếng..oi..

Xét tám tình si;

Lả lơ bên nói bên cười...

Lúng liếng...oi là lúng liếng..oi..

Bên mời cố cừu...

Bên mời tình nhân...

...i..ai.. là có mấy...

Tích...tịch...tình...tang...

Tách...

Cô đồng ngồi một lúc, sau đó vuốt mặt vài cái rồi đứng lên lễ tạ lạy thánh mớ bái bàn thờ tổ. Người tình khộm búng dây đàn thêm một cái tách nữa. Mặt cô đồng như một thánh nữ hiển hiện trên chín tầng trời, mười tầng đất với hư trúc niết bàn chẳng đâu xa, vái sòng người tình khộm hai lạy, quay về hướng bức tranh lạy bốn lạy và...thăng. Cô thăng tới đây vẫn còn đồng bóng tiếp: *Lạy bà! Bà đẹp chín nghìn – Trăng còn thua sáng, hoa nhìn kém tươi*. Nó trộm hiểu ra còn ai trồng khoai đất này, bà đây là bà chúa

Liễn Hạnh với châu văn, đồng bóng đã đi vào văn học sử.

Chấm dứt một tiếng “tách” như một dấu chấm là hết chuyện...Tôi thả hồn đi hoang theo nhang đèn hương khói cùng một cõi đi về...Về chuyện người con gái Bắc Ninh đa tình qua câu hát tìm nhau như một cái nghiệp, như định mệnh đã an bài để thành truyện viết...Viết rồi, gửi bài cho bạn cũ xem trước rồi gửi đến bạn đọc sau, thậm nhủ rằng bạn sẽ ám lòng cùng một thoáng mây bay trong những ngày nhạt nắng. Không thấy trả lời.

Trộm vía bạn chứ, hay là tính bạn cũng đồng bóng thật cũng nên. Nên nghĩ cũng lạ! Vì tôi vất óc cho con tầm nhả tở đến như vậy...Vậy mà thằng bạn bầu dục chấm mắt cáy đây chẳng thấy hay hóm gì mới lạ đời. Nhưng chẳng lạ gì, thưa bạn đọc...

Tháng sau bạn ới tôi, về ông bố vợ Hoàng Cầm:
- Ông cụ không chịu cho đăng bài của mày...

Bạn làm như có gì suy nghĩ lung lắm rồi âm ừ:
- Ông cụ nói cụ có...ăn thịt chó hồi nào đâu!

Thạch trúc gia trang
Thu phân, Nhâm Thìn 2012



*Cụ đã về bên kia sông Đuống,
kẻ hậu sinh xin phép cụ gửi bài viết
này đến bạn đọc – Nay cần kính.*

Đảo chìm niên biên ký sự (*)

Chuyến này về đến sân bay Nội Bài vào một ngày cận Tết, cụ giáo ngẩn ngẩn nhòm phở xá va vào mắt cụ là mấy chú bò vàng chụm đầu vào nhau mặt mày “căng” thấy rõ. “Sự cố” này, lát nữa, ắt là phải hỏi chú em họ của cụ cho ra nhẽ mới hả dạ. Cho đến ngày về, nói dối phải tội chứ, chứ mỗi lần nom nhòm mấy khuôn mặt nhăn nhúm “hơi bị phản cảm”, cụ sợ thiêu cháy dái. Nhưng ấy là chuyện sau.

Dào! Về chú em họ ư! Ừ thì lần mò về năm 54, trong khi cả nhà đang lóng chóng chuyện “ri cư”, thầy bu thằng em dẫn nó từ Thái Bình mò về dinh tề ở nhà cụ. Loanh quanh mấy tháng đánh bi, đánh đáo, thế mà thân nhau ra trò. Cụ rong ruổi đi, chú em ló quố ở lại. Chuyến về thăm bản quán đạo họ, cụ đảo qua gặp người anh em xã hội chủ nghĩa này,

mới ó chú ta là phó biên tập tờ Nhân Dân. Rồi “đột biến” thằng em đóc chứng hư non, ngày ngày vật lộn với chữ nghĩa. Cụ gắng hỏi có sự gì lạ nhẩy? Chú em hăm hăm rằng: *Khó nói lắm bác, để ít nữa em sẽ...kinh qua nhiều hơn.*

Nghe thấy...kinh khiếp. Lu bu rồi hai anh em cũng phớt đời quên tuốt.

Lần này vừa mở cửa chú em ôm lấy cụ ”hữu nghị” thăm thiết, trà đàm một chặp, chú em nó nháo nhác xin kiếu vì đến giờ phải đi gặp...”người anh em”. Ngỡ nó là dân cử vạ quơ cào “tút” thuốc lá để “chiêu đãi” cụ. Còn chuyện “Khó nói lắm bác, để ít nữa em sẽ...kinh qua nhiều hơn thì sao đây?”. Bèn hỏi, nó đưa xấp giấy và nói cụ cứ ngồi nhà, cứ chịu khó ngón hết mớ chữ này là nó về ngay. ...

Xấp giấy dày tới mười trang có hơn! Dày khiếp! Chữ nghĩa chú em gì mà nhiều quá thể, mà chuyện khỉ ho cò gáy gì đây chả biết nữa? Vừa mới chong mắt qua mấy hàng chữ nhún nhín, cụ chớ phở ra ngay vì cái thằng viết lách gì cứ như niên biên, ký sự không bằng mà cụ thì chúa ghét với niên đại, niên kỷ. Chả nhẽ ngồi không búng ghét đuổi ruồi, thể là cụ đành bằm bụng tụng như...tụng kinh để đợi chú em về.

Giời ạ! Ngay trang đầu chú em của cụ đã “động não động tình” thế này đây:

“...Năm 1958, ông Đồng là thủ tướng lâu đời nhất hành tinh, ông ngồi lý ở chức vụ đến nỗi ông Giàu (Trần Văn Giàu) người ít làm mất lòng ai cũng phải mai mỉa: *Cái đít nó biết nhớ cái ghế*. Chuyện là ông công nhận chủ quyền Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa bằng văn kiện ngày 14 tháng 9 là sẽ chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc...”

Dào! Rõ ra văn bản trên thì cụ biết từ đời tám kiếp nào rồi. Nói cho ngay, hồi ấy cụ đọc mà chẳng “tiếp thu” cho mấy với 12 hải lý ven biển có là bao, trong khi Hoàng Sa, Trường Sa nằm xa tít mù khơi. Có sự gì cái nhà ông thủ tướng gửi cái công hàm ngó ngẩn ấy. Nhưng qua mấy hàng dưới đây cụ mới ăn vẹt ở mồn là...

Là theo công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển năm 1978, vùng biển 12 hải lý là thuộc chủ quyền của nước đó. Cũng trong 12 hải lý này, có thêm một hòn đảo, lại tích lũy thêm 12 hải lý nữa. Nếu có một mỏm đá hay một mảng san hô nhô lên khỏi mặt biển, dù nhỏ đến đâu thì cũng có độc quyền khai thác tài nguyên vùng trời phía trên, hay dưới đáy biển 200 hải lý. Nhờ bài viết của chú em, cụ mới bòn mót thêm ra rằng sau 24 năm. Tức là từ năm 1954 có những tranh chấp của các quốc gia ở vùng này: Như năm 1978, khi không nước Brunei nhận bá vơ sở hữu 2 mỏm đá bé tẻo teo ở Trường Sa là thuộc thêm lục địa của họ. Hai mỏm đá này chỉ...nhú lên

khi thủy triều...xuống. Vì thế Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trước Liên Hiệp Quốc 24 năm ắt hẳn là có “vấn đề”.

Và văn bản của chú em “bài bản” vấn đề...”nhạy cảm và tế nhị” như sau:

“...10 giờ sáng ngày 19-1-1974 hải quân của chính quyền VNCH khai hỏa vì Trung Quốc mang tàu chiến tới chiếm Hoàng Sa. Về phía ta, ông đại tá trợ lý trưởng phái đoàn quân sự bốn bên đang họp với họ trong Camp Davis ở Tân Sơn Nhất. Ông tiếp cận được là Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm đảo này với tổn thất của Ngụy quyền miền Nam có 58 thủy binh hy sinh, với đầy đủ chi tiết danh tính, danh hiệu như sau:

Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ10 bị trúng đạn và chìm, Hạm trưởng Thiếu tá Ngụy Văn Thà ở lại chết theo tàu với 24 thủy binh hy sinh và 26 mất tích. Khu trục hạm Trần Khánh Dư của Trung tá Vũ Hữu San bị hư hại, 2 thủy binh hy sinh. Tuần dương hạm Trần Bình Trọng của Trung tá Phạm Trọng Quỳnh bị hư hại nhẹ, 2 người nhái hy sinh. Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt bị trúng đạn, 15 thủy binh được coi là mất tích.

Là bộ đội chính quy, ông đại tá bị kích động nên điện bản tin về cho bạn ông trong Bộ ngoại giao tham khảo có nên chính thức lên tiếng hỗ trợ tinh thần chính quyền miền Nam hay không? Ông được trả lời: “Đợi”. Mười ngày sau ông nhận mật điện

khác của Bộ chính trị: “Các anh lớn đang hội ý”. Và ông đợi mãi...”

Chẳng phải đợi lâu, cụ giáo lật trang kể tụng tiếp một đoạn trong *Nhật Ký Trần Quỳnh*, cụ từ viện của ông Duẩn (Lê Duẩn) kể lại:

“...Ngay sau khi Trung quốc chiếm Hoàng Sa, Thủ tướng Phạm văn Đồng dẫn một phái đoàn sang Trung quốc xin viện trợ gồm có Nguyễn Duy Trinh và tôi. Phái đoàn đi nhờ một máy bay của họ. Trung Quốc đã dàn xếp để tờ Nhân Dân Nhật Báo ngày hôm đó đăng bài ca tụng chiến thắng Hoàng Sa của họ và có ý để tờ báo này trên máy bay cho phái đoàn ta đọc. Hôm sau gần đến giờ hai bên gặp nhau, Chu Ân Lai thông báo cho phái đoàn ta biết là ông ta hoãn cuộc tiếp kiến một giờ đồng hồ và khuyến cáo phái đoàn ta trong khi chờ đợi nên xem truyền hình. Trong một giờ để phái đoàn ta ngồi chờ đó, truyền hình Trung Quốc chiếu cảnh một cô gái ngâm thơ ca tụng chiến thắng Hoàng Sa của họ. Chương trình đặc biệt này được thực hiện không phải để dành cho một tỷ khán giả Trung Quốc mà chỉ để dành riêng cho gần chục người của phái đoàn ta. Nhất là cho Thủ tướng Phạm văn Đồng xem. Dù vậy, trong buổi họp chính thức với Trung Quốc chiều hôm đó, phái đoàn ta không một ai dám đả động đến vấn đề này...”

Ngừng lại một chút, cụ đàn đù vì với ông Phạm Văn Đồng này cũng âm ớ lắm chứ chẳng chơi.

Thằng như năm 54 ký hiệp định chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 17 tại sông Bến Hải. Sau này, ông thư ký trong đoàn đàm phán Hiệp định Genève tiết lộ: *Về sau Phạm Văn Đồng thừa nhận, khi Chu Ân Lai nói sông Bến Hải sẽ được lấy làm giới tuyến. Ông Phạm Văn Đồng không biết là Việt Nam có con sông ấy.*

Cụ hong hanh nhớ ra ông đại tá trong Camp Davis ở Tân Sơn Nhất phải đợi... Vì rõ ra cứ theo chữ là nghĩa của thằng em họ cụ thì ông ta đâu có hay rằng:

“...Ngày 4-4-72, khi quân đội miền Bắc tấn công Quảng Trị, người Mỹ cần áp lực từ Bắc Kinh với Hà Nội. Kissinger đã phái Winston Lord tới New York gặp Hoàng Hoa, đại sứ Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc để trao một “bức điện miệng” nhắn Chu Ân Lai: *Hải quân Mỹ sẽ được lệnh ở lại tại khoảng cách mười hai dặm kể từ quần đảo Hoàng Sa...*”

Cứ theo chú em bòn mót thì năm 1973, ông Lê Duẩn kể với bà vợ Nguyễn Thị Nga, khi đang giỗ giặc ngủ trưa và ông gói đầu lên đùi bà để bà nhổ tóc bạc:

“Khi Nixon thương lượng với Trung Quốc, nó đưa điều kiện nếu Trung Quốc để cho Mỹ ném bom B52 ra miền Bắc thì Mỹ sẽ nhường đảo Hoàng Sa cho Trung Quốc.

Trước kia Trung Quốc có hứa với mình nếu Mỹ đánh miền Bắc thì Trung Quốc sẽ can thiệp. Nhưng sau chuyến đi của Nixon, Trung Quốc tuyên bố: *Mi*

không đụng đến ta, ta không đụng đến mi. Tiếp đến, Mỹ cho máy bay B52, F111A bắn phá liên tục 12 ngày ở Hà Nội, Hải Phòng và đê điều miền Bắc. Sau đó, Chu Ân Lai gặp anh (Lê Duẩn) ở Hồ Tây. Ông ta đi dưới bậc thang lên đưa tay, anh không bắt. Anh nói: *Các đồng chí đã bán đứng chúng tôi. Các đồng chí đã lấy xương máu chúng tôi để trả giá Mỹ. Chúng tôi biết nhưng chúng tôi không sợ, chúng tôi sẽ đánh đến cùng.*

Khi tiễn đưa Chu Ân Lai, thay vì ra tận chân cầu thang máy bay, Lê Duẩn đã dừng lại ở ngay cửa nhà ga sân bay Gia Lâm. Các quan chức VN tất nhiên cũng phải đứng lại. Phái đoàn Trung Quốc và Chu Ân Lai gần như lùi thủi bước lên máy bay đi về. Sau chuyến đi này, Trung Quốc bắt đầu “kiểm chuyện” trên vùng biên giới và mặt biển....”

Hơ! Kiểm chuyện gì nữa đây? Thế là cái đầu cụ giáo đợc thể cứ rối inh cả lên:

“...Năm 75, sau cuộc chiến thắng miền Nam, về đối ngoại đã bộc lộ nhiều rạn nứt trong khối Cộng Sản vì Khrushchev chủ trương xét lại. Tháng 9 ông Duẩn và ông Nghị (Lê Thanh Nghị) lại sang Trung Quốc “xin” viện trợ. Trung Quốc sau khi kết thân đợc với Mỹ nên coi Nga Xô là kẻ thù số 1. Buổi tiếp tân Đặng Tiểu Bình khuyên cáo ông Duẩn nên đứng hẳn về phía họ. Trong phần đáp từ ông Duẩn đi giây bằng cách cảm ơn cả hai nước đã giúp VN

chống Mỹ. Kết quả là Đặng Tiểu Bình hủy bỏ cuộc liên hoan.

Chỉ tội nghiệp cho ông Nghị, trước đó ít lâu đã bị Mao Trạch Đông cóc cáy: *Tên ăn mày, lúc nào cũng ngửa bát đòi đòi xin thêm.*

20-12-1976 ông Duẩn chính thức thay ông Hồ, từ bí thư thứ nhất cải danh là “tổng” bí thư, quyền hạn như “tổng thống” phía tư bản và nghiêng về phía Nga Xô. Năm 1977, ông Duẩn trở lại Trung Quốc một lần nữa và...xuống giọng với Hoa Quốc Phong: *Chúng tôi như những đứa em nhỏ, luôn luôn sát cánh bên những người anh.* Cuộc đàm phán mặc dù để nổi lại bang giao và xin viện trợ, nhưng Trung Quốc chỉ muốn nói đến vùng biển Trường Sa, VN muốn thêm vào Hoàng Sa. Hai bên thỏa thuận bằng cách không nhắc tới một phân giới đặc biệt nào, mỗi bên tùy tiện suy diễn theo cách riêng của mình. Chung cuộc vẫn chẳng đạt được kết quả gì, giống như kỳ trước lại về tay không.

Đến đây, cụ nổi trôi với Hoàng Sa bị chiếm vì người Mỹ lúc ấy đã rút ra, với chiến thuật tầm ăn dâu trước sau cũng đến Trường Sa như họ khơi ra ở trên. Nhưng sao phải đợi đến năm 1988?. Cụ lan man đọc tiếp thì hóa ra có sự gì cũng có đầu dây mối rợ:

“...1-11-1978 ông Duẩn, ông Đồng dẫn đầu phái đoàn chính phủ sang Mạc Tư Khoa để cùng ký bản hiệp ước hợp tác và hữu nghị. Theo đó hai nước liên minh với nhau về kinh tế và quân sự. Điều 6 của

hiệp ước này là: “Nếu một trong hai nước bị tấn công, nước kia sẽ dùng biện pháp quân sự thích nghi để đối phó”. VN cho Nga Xô sử dụng hải cảng Cam Ranh để đối đầu với Hạm đội 7 của Mỹ. Ngay cả có thể dùng Đà Nẵng làm đầu cầu quân sự mong kèm chế Trung Quốc toàn vùng nam Thái Bình Dương.

Nga Xô mang vào Cam Ranh 25 chiến hạm kể cả tàu ngầm cùng 16 oanh tạc cơ Badger, một phi đội Mig 23 và phi cơ quan sát tầm xa. Về nước ông Duẩn làm hai việc cần kíp là dựng tượng Lê Nin hoành tráng cao cả chọc thước và sửa đổi hiến pháp với trang đầu ghi: “Trung Quốc là kẻ thù lâu đời và nguy hiểm nhất”. Trước kia ông Duẩn khúm núm làm đàn em họ Hoa không được thì chuyến này, cũng qua Nhật Ký Trần Quỳnh: “Nhờ cú đầu rap xuống chào Brezhnev 2 lần, nên được viện trợ gần 2 tỷ rúp”.

Năm 1982 Brezhev chết, đánh dấu sự suy sụp toàn diện kinh tế theo cùng hai lãnh tụ kế tiếp quá già và bệnh tật. Người kế vị là Gorbachev phát động cởi mở với Mỹ, Trung Quốc và tái cấu trúc kinh tế. Nhân lúc Nga Xô đang lúng túng, Trung Quốc bắt đầu lấn áp với mộng bá quyền. Từ năm 1982 tới 1985, Mỹ sửa soạn rút ra khỏi căn cứ quân sự ở Phi Luật Tân, đồng thời phối hợp giữa kinh tế và quân sự, ngoài lý do dầu hỏa, Trung Quốc tiến hành kế hoạch lâu dài trên mặt biển được gọi là *Viễn dương phòng vệ* (Jinyang Funwu) do Tư lệnh hải quân Lưu Hòa Thanh (Liu Huaquin) thiết lập. Trong đó giai đoạn thứ nhất chiếm Trường Sa lập tuyến vòng đai

ngăn chặn Mỹ từ Đại Hàn xuống Phi Luật Tân, Đài Loan. Giai đoạn thứ hai sẽ nói rộng tới Nhật Bản và Úc.

Giờ ạ! Tới tao đoạn này, chú em quá đọa thế này đây:

“...Năm 1986 ông Duẩn bị bệnh nặng, ông Thọ (Lê Đức Thọ) tới bệnh viện đòi ông Duẩn viết “chức thư” để chức tổng bí thư cho ông ta nhưng ông Duẩn không chịu. Ông Thọ tìm chỗ dựa nên tìm ông Linh (Nguyễn Văn Linh) nói: *Kỳ đại hội này tôi sẽ sắp xếp để cho đồng chí làm tổng bí thư*. Theo cuốn “Làm người đã khó, làm người xã hội chủ nghĩa còn khó hơn” của Đoàn Duy Thành tiết lộ thì việc ông Duẩn không cất nhắc ông Thọ, có thể chỉ vì chuyện bà Hồ Thị Nghĩa là bác sĩ. Bà vừa là người tình của ông Duẩn, cũng vừa là người chăm lo ông Duẩn ở bệnh viện. Ông Thọ tới đây thăm ông Duẩn lắm bận tìm cơ... “đụng chạm thân mật” với bà Nghĩa nên từ đó mới thành chuyện. Chuyện là theo bà Lê Thị Muội, con gái ông Lê Duẩn, sau này cứ thấy ông Lê Đức Thọ đến thăm bố bà ở biệt thự số 7 Hồ Tây là ông Lê Duẩn lại... “phẩy tay đuổi đi”.

Ông Lê Duẩn qua đời, người kế nhiệm là Trường Chinh do ông Duẩn chỉ định. Sau đấy Trường Chinh bị ông Thọ ép từ chức và đưa ông Linh lên làm tổng bí thư...”

Cứ như chuyện Đổng Trác với Lữ Bố hí Điêu Thuyền không bằng! Nhòm xuống hàng dưới cụ lại lóe lóe theo niên biên ký sự...

“...Ông Nguyễn Văn Linh bay qua Nga Xô nhận chỉ thị: “Không đổi mới thì chết” của Gorbachev là bắt tay với tư bản và hòa hoãn với Trung Quốc. Tháng 7-1987 ông Linh ra nghị quyết số 2 gồm: Mục 1 rút câu Trung Quốc là kẻ thù ra khỏi trang đầu của hiến pháp. Mục 2 là tránh đụng chạm với quân đội Trung Quốc ở ngoài biển Đông....”

Áy vậ mà nghị quyết chưa khô mực, cứ theo chú em om thòm thì...

“...Thì ngày 14-2-1988, Trung Quốc đưa 2 hạm đội với 4 tàu chiến tới Trường Sa. Ngày 15-4-1988, tàu HQ 505, HQ 604, HQ 605, và HQ 701 của ta tới đảo chìm Đá Lớn, Cô Lin, Len Dao và Gạc Ma. Sáng 14-3-1988 tiến đến gần đảo Gạc Ma.

Sáng hôm ấy, một tổ 3 người trên tàu HQ 605 được lệnh Trung tá Trần Hữu Thông cử lên đảo Gạc Ma bảo vệ quốc kỳ. Hải quân Trung Quốc thả 3 thuyền nhòm và 40 quân đồ bộ lên đảo. Trước đó không ai nghĩ Trung Quốc sẽ bắn. Trung Quốc bắn chết Thiếu úy Nguyễn Văn Phương và chiến sĩ Nguyễn Văn Tư, đâm trọng thương Hạ sĩ Nguyễn Văn Lanh. Từ chiến hạm của mình, Trung Quốc bắn pháo 100mm làm chìm tàu HQ 604, Đại úy thuyền trưởng Nguyễn Phi Trứ và nhiều sĩ quan, chiến sĩ đã hy sinh. Thuyền trưởng Vũ Huy Lễ HQ 505 cho ủi

bãi lên đảo Cô Lin nhưng bị bắn chìm. Cùng ngày tàu HQ 605 cũng bị tàu Trung Quốc bắn ở đảo Len Đao. Thủy thủ đoàn bơi về đảo Sinh Tồn. Các chiến sĩ hải quân chỉ được trang bị súng AK, nhưng khi lên đảo họ cất súng vào kho vì trước đó không ai nghĩ Trung Quốc sẽ bắn. Trung Quốc đã bắn như vài đạn vào những người lính đang đứng giữa đảo, trong tay không một tác phẩm.

Hải quân chịu tổn thất: 3 tàu bị cháy, 64 sĩ quan, chiến sĩ hy sinh, 11 người bị thương. Nhưng chủ quyền tại các đảo Cô Lin và Len Đao đã được bảo vệ. Trung Quốc chiếm đảo Gạc Ma. Riêng tàu HQ 701 không bị thiệt hại vì đã được lệnh lao thẳng cắm đầu vào đảo chìm Đá Lớn, lấy cả con tàu làm bia chủ quyền.

Đến nước nôi này, cụ giáo phát hiện ra đoạn viết um thùm của chú em:

“...Không quân VN cũng có tham dự, viên trung úy nằm vùng Nguyễn Thành Trung nay là đại tá. Trong khi ấy cùng 2 Mig của Trung Quốc đang bay thị uy trên trời, vì không đủ xăng, máy bay cả hai bên chỉ ở lại hai, ba phút rồi bay về. Vậy mà không một phản ứng quốc tế nào, kể cả Nga Xô với điều 6 của bản thỏa ước liên minh quân sự với VN.

Từ nhóm đảo này, Trung Quốc dần dần chiếm thêm những hòn đảo nhỏ khác. Để từ đó có thêm những vùng EEZ 200 hải lý chung quanh để thăm dò dầu hỏa...”

Cụ giáo lần dẫn thêm nữa thì: *Trong trận Hoàng Sa, Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại cho hay Đệ Thất Hạm đội của người Mỹ ở gần đấy nhưng án binh bất động, ngay cả không cứu vớt 15 hải quân VNCH bị đắm tàu của tuần dương hạm Lý Thường Kiệt.*

Mắt cụ cứ dính vào chữ, vì dường như chú em đang nhỏ to với cụ...

“...Cuối năm 1977, ông Duẩn thăm Cần Giờ, được nhà báo hỏi về tình hình biên giới Việt Miên, ông trả lời: *Nếu chúng ta đánh Miên, Trung Quốc đánh ta thôi.* Ngày 29-1-1979, Đặng Tiểu Bình đến Washington thông báo với Tổng thống Carter “mức độ giới hạn” của cuộc tấn công. Trong cuộc họp riêng giữa hai người, Carter cho họ Đặng hay là cuộc tấn công không ảnh hưởng đến bang giao của hai nước....”

Tiếp, chú em tháo động những diễn biến với niên đại, niên kỷ...

“...Đặng Tiểu Bình vừa mới chỉ được phục hồi chức vụ phó thủ tướng là đã sửa soạn đánh chiếm Hoàng Sa. Tháng 1-1974 Hoàng Sa của VNCH bị đánh. Tháng 9-1975, ông Duẩn qua Bắc Kinh xin viện trợ trong cái tâm trạng ngoảnh mặt sang Tề e Sở giận, quay đầu sang Sở sợ Tề ghen. Tuy nhiên ông cũng đã yêu cầu Đặng Tiểu Bình đàm phán vấn đề Hoàng Sa, nhưng đã bị từ chối. Đồng thời vì ông Duẩn không chịu ký thông cáo chung “chống bá quyền Moscow” nên Trung Quốc từ chối viện trợ.

Năm 1975, miền Nam mất Hoàng Sa, ông Hoàng Tùng là trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa đã giải thích rằng: *Các đồng chí Trung Quốc giữ hộ ta đấy thôi, sau này sẽ trả cho ta. Tinh thần quốc tế vô sản ấy mà. Lo gì.*

Ngày 19-1-1974, tướng Võ Nguyên Giáp nghe tin miền Nam mất Hoàng Sa khi ông đang chữa bệnh ở Bắc Kinh. Ngày 9-4-1975 khi nghe tin quân đội miền Nam rút khỏi các đảo ở Trường Sa. Ông trực tiếp ra chỉ thị cho tướng Lê Trọng Tấn:

“Kịp thời đánh chiếm lại các đảo vùng Nam Hải (Hoàng Sa). Đặc biệt là đảo Nam Sa (Trường Sa). Việc này chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”.

Và nhắc nhớ thêm:

“Chỉ đánh các đảo quân Ngụy miền Nam đã chiếm đóng trước kia. Tránh đụng tới các đảo ở Hoàng Sa đang ở trong tay Trung Quốc”.

Ngày 11-4-1975, Hải quân miền Bắc đã giải phóng Trường Sa...”

Đầu óc cụ rộng rãnh thế nào ấy, bỗng dung gắp lại hai chữ Trường Sa, cụ ngẩn ngẩn qua một bài viết mới đây của một anh lính thú gác đảo trên biển ở trong nước:

“...Trước khi đến xứ Đảo Chìm, tôi muốn mời bạn đọc ghé qua một hòn đảo nổi. Lính *Đảo chìm* gọi là Thủ đô Trường Sa. Thủ đô Trường Sa là một hòn đảo rất bé. Nó chỉ là một vũng cát lơ phờ, to

chùng cái nong phơi thóc, vừa đủ chỗ để dựng một cái lều bạt dã chiến. Tư lệnh Hải quân Giáp Văn Cương cũng đã đến đây, đã ngủ một đêm trên hòn đảo này trong một chuyến đi tuần biển. Chiều ấy, ngồi bên Tư lệnh trên mặt cát nóng bỏng như rang, mặc dù mặt trời đã lặn xuống biển từ lâu rồi, anh lính trẻ quê xứ

Nghệ coi Tư lệnh như một người đồng đội thân thiết. Anh lắc lắc đầu gỏi Tư lệnh:

- Bố thấy Vương quốc của chúng con thế nào?

Tư lệnh đưa mắt nhìn suốt rẻo cát trống trơn, rồi lại nhìn cái lều bạt dã chiến cứ hộc lên trong gió tựa hồ một con ngựa bất kham, đang lỏng lộn như muốn rút tung mấy sợi xích sắt căng ghì xuống đảo mà phóng đi cùng bầy gió hoang dã.

- Đẹp! Nhưng khổ nỗi đây lại là Tổ quốc, là đất đai hương hoá của ông cha, thì dù chỉ có đá sỏi gió cát thế này, ta cũng phải canh giữ, một tấc không đi, một ly không rời, đâu có phải đổi bằng xương máu...

- Vâng, con hiểu! Con hiểu, bố ạ!

Và sáng sớm hôm sau, khi Tư lệnh đánh xuống trở lại đảo thì thấy anh chàng xứ Nghệ đang cởi trần, sì sụp lặn ngụp cùng với chiếc xẻng. Nhưng anh không xúc cát đổ xuống biển, mà lấy cán xẻng khẽ bầy từng tảng đá chìm sâu dưới mấy mét nước, rồi lui cùi khuân lên, đắp quanh chân đảo, giữ cho cát khỏi bay.

- Mà làm cái gì thế mà?
- Dạ, báo cáo bố, con mở mang bờ cõi ạ!
- Anh lính cười khục khục, gương mặt nhấp nhòa nước.
- Mà, mà, đúng ra, đúng ra con chỉ "buông neo" cho Tổ quốc khỏi bị trôi đi thôi!..."

Và cụ lại quẩn đầu với Trường Sa còn đang rối rắm thì cụ như lơ lửng bị bỏ giỏ cua:

"...25-4-1988, chính phủ miền Bắc đã dựa vào văn kiện của chính phủ miền Nam trước kia qua Ngoại trưởng Trần văn Đỗ công bố chủ quyền đất nước tại Hội Nghị Hòa Bình Thế Giới ở San Francisco năm 1951. Trong kháng thư chính phủ ta ghi rõ:

"Sau hội nghị, năm 1956 chính quyền Sài Gòn đã tiếp quản Hoàng Sa, Trường Sa khi Pháp rút khỏi Đông Dương. Quần đảo Trường Sa có hơn 200 đảo, cồn đất, mỏm đá, san hô, chính quyền miền Nam đã tiếp quản được hơn 30 đảo lớn nhất. Sắc luật hành chánh của chính phủ miền Nam đã đặt Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam và Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy và cho binh lính hải quân cũng như truyền tin đóng ở đây".

Quan hệ giữa Mỹ-Nga mỗi ngày một thăm thiết nên Trung Quốc thấy cần phải dễ dãi hơn với VN hơn. Ngay trong ngày quốc khánh 2-9-1990 VN, họ mời ông Linh, ông Mười (thủ tướng Đỗ Mười) sang

hợp bí mật gấp chuyện thỏa hiệp giữa hai nước kèm theo lời khuyên cáo: “Các đồng chí đến đây không nước nào biết. Chúng tôi cảnh giác các đồng chí vấn đề này”. Đặng Tiểu Bình cho mời cả ông Giáp và “có vấn tới cao” của chính phủ là ông Đồng nữ. Nhưng không có ông Nguyễn Cơ Thạch, người mà Trung Quốc đã đặt ra rìa trong các cuộc tiếp xúc song phương. Tới Bắc Kinh, đồng đảng với ông Giáp là Bộ trưởng quốc phòng Diệp Kiếm Anh đã không ra sân bay đón. Ông Giáp ngỡ ý muốn gặp Dương Đắc Chí, người chỉ huy trận chiến biên giới Việt-Hoa năm 1979 như một thiện chí hòa giải. Nhưng Dương Đắc Chí từ chối một cách khinh miệt, công khai nói là mồ của binh sĩ chết ở biên giới chưa xanh cỏ, ông ta không thể gặp được những người phản bội. Tướng Giáp gần như đã bị làm nhục trong suốt chuyến đi này.

Người bị mất mặt nhất là ông Đồng, ông tỏ tình hữu nghị ôm hôn thăm thiết Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Tiên Niệm, mấy phút sau Lý Tiên Niệm chính thức cáo buộc Hà Nội “lật lọng với Công hàm 1958”. Cũng chẳng giấu giếm, Đặng Tiểu Bình lánh mặt không muốn gặp ông Đồng, cũng không thèm gửi lời giải thích hay chào mừng, ngay cả bằng điện thoại. Lý do từ “bài học” dành cho VN năm 79 không thành công như ý muốn nên họ Đặng vẫn cay đắng, không nhiệt tình ủng hộ việc kết thân với VN. Hơn nữa với cuộc chiến ở biên giới ấy, VN còn chế diễu vóc dáng của Đặng Tiểu Bình bằng câu nói

trong những buổi học tập nội bộ: “Chính trị Trung Quốc không cao hơn Đặng Tiểu Bình”.

Trước khi đi ông “cố vấn tối cao” đồng tình với ông Linh là sẽ nhượng bộ tối đa. Cả phái đoàn hùng hậu chỉ được thứ trưởng ngoại giao tiếp, ông Đồng chưa kịp lên tiếng thì đã bị họ chỉ trích rằng năm 1958, ông Đồng đã công nhận chủ quyền của họ trên quần đảo đó sao nay lại tiếp quản mấy hòn đảo...”nhỏ” ở Trường Sa?”.

Ông Đồng trả lời gượng gạo và kết cuộc chẳng đạt được gì khả quan. Về lại bộ chính trị, ông Linh và ông Đồng cãi nhau và ông Linh đổ lỗi cho ông Đồng chính là người ký văn kiện 1958 chấp nhận biên giới lãnh hải của Trung Quốc, ông Đồng bào chữa: *Lúc đó thời chiến tranh nên tôi phải làm thế. Và thú nhận là: Mình hớ và dại...”*.

Cụ thâm nhủ chuyện...chính trị chính em gì mà cứ như phường tuồng ấy?

Vì: “Các đồng chí đến đây không nước nào biết”. Ấy vậy mà khi phái đoàn về, còn đang ngồi trên máy bay thì “Chính trị Trung Quốc không cao hơn Đặng Tiểu Bình” đã tung tin phái đoàn sang cầu cạnh. Cụ lắc đầu chịu chết nghĩ không ra?

Rồi bỗng dưng không đâu cụ hoài niệm đến Lê Chiêu Thống sang Tàu cầu viện. Vua Tàu bắt vua Ta đợi từ giờ ngọ đến giờ dậu. Mồ cha không khóc lại khóc cái tổ mối, cụ...hoài cảm ông Giáp, ông Đồng...ngồi đồng có được họ chiêu đãi cao lương

mỹ vị như Tổng thống Nít-Xân chẳng? Hay là bị bỏ đói như vua Lê mình thì cũng rõ khô.

Trong cối mụ mị với bấy mươi chưa què, chó khoe răng trợn, nên cụ ngậm ngùi nhai vắn nhá chữ tiếp cho phải đạo với...văn dĩ tải đạo của chú em:

“...Năm ông Mười lên làm tổng bí thư, 15-2-1992 Trung Quốc công bố luật hàng hải của họ bao gồm gần hết biển Đông và đe dọa: “Sẽ dùng quân sự để ngăn chặn những vi phạm chủ quyền của Trung Quốc”. Cùng với lời công bố, cũng như để dẫn mặt, họ cho quân chiếm đảo Ba Đầu trong quần đảo Trường Sa.

Tiếp đến, họ chính thức mạnh mẽ cảnh cáo VN: “Không nên làm điều gì gây phương hại cho tình hữu nghị mới tái lập”. Ba tháng sau ông Mười sang gặp Giang Trạch Dân tại tòa Nhân Dân Đại Sảnh ở Bắc Kinh. Cũng ngay lúc đó, ngay ở phòng bên cạnh, họ đang ký kết với hãng thầu Crestone của Mỹ khai thác dầu hỏa trong vùng đảo Tu Chính, nơi hai nước đang tranh chấp. Ông Mười không có phản ứng nào về việc này. Trái lại vì “Nhìn nét mặt anh Hai Trung Quốc”, vì “Mặt trời ở xa (Nga Xô), Trung Quốc ở gần” nên vẫn thành khẩn cảm ơn họ về...những giúp đỡ quý báu trước kia.

27-5-1992, Trung Quốc cắm mốc chủ quyền đảo Đa Lạc trong quần đảo Trường Sa thuộc nước họ. Mặc dù đảo Đa Lạc chỉ là một trong những đảo chìm (*), nhưng hành động lấn át của Trung Quốc gây cuộc tranh luận gắt gao trong bộ ngoại giao, ông

Mười lập luận: *Vì Trung Quốc cũng là nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần phải liên kết với họ, nên bỏ qua những xích mích nhỏ nhặt.* Ông Cầm (Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm) phản đối: *Chúng ta nỗ lực duy trì quan hệ với Trung Quốc. Nhưng đồng thời cũng phải bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn của lãnh thổ....”*

Ngúc ngắc với Đa Lạc là đảo chìm, cụ lại quay quả với bút ký của anh lính thú xứ Nghệ gác đảo trên biển ở trong nước đang lờ phờ trong đầu cụ:

- Cậu lính trẻ vỗ vai tôi, nói nhỏ:
- Tới đảo rồi. Anh chuẩn bị vào đảo nhé!
Tôi cuộn vôi vống bọt. Rồi thì ớ ra, cứ ngỡ mình nghe nhầm. Tôi đưa mắt lục lọi bốn phía trời, vẫn chẳng thấy gì hết ngoài một đại dương nước đen ngầu, chảy vật vã dưới vòm mây hoang vu, khô héo.
Đảo đâu?

- Kia kia. Nó đấy! Chính cụ cậu đấy!

Cậu lính nói khào khào, rồi vung tay, chỉ lên... lưng chừng gò, ở đó, một đàn chim bay loạn xạ. Dưới bày chim, biển đen sẫm ánh lên một dải nước xanh rợn như màu lá mạ.

Trên quãng xanh rờn rợn ấy, xập xoè một lều bạt. Cái lều hoang sơ, ngơ ngẩn như lều vệt. Mái lều trũng xuống vì phân chim. Những vệt phân lâu ngày trắng xoá. Đảo đấy! Nó là cái dải nước xanh phơn phớt nằm dưới chân lều bạt. Thế mà trong sách địa lý, người ta lại định nghĩa: Đảo là một khoảng đất

nhô lên giữa biển khơi, bốn xung quanh là sóng gió, mây nước. Bịa! Toàn là bịa! Làm gì có chuyện hoang đường như thế, hãy nhìn một sự thật đang lồ lộ hiện ra ở phía trước mặt kia kìa: *Đảo chìm...*”.

Đảo chìm ở đâu không thấy, nên cụ quay về xấp giấy nhuôm nhuôm của chú em:

“...Năm 1997, ông Phiêu (Lê Khả Phiêu) thay ông Mười, thêm một lần bị Trung Quốc vỗ mặt. Họ đem dàn khoan nổi Kantan cùng hai tàu thăm dò 206 và 208 kéo tới Trường Sa và thành lập trung tâm du lịch trên đảo Đông Hưng ở Hoàng Sa. VN phản đối bằng miệng nhưng vô hiệu. Thế nhưng cuộc thương thuyết về biên giới và mặt biển đã được ông Phiêu soạn thảo từ lúc nhậm chức, và...không tham khảo với bộ ngoại giao.

Đầu tháng 12-1999 thỏa ước này thành hình, Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đành miễn cưỡng ký kết tại Hà Nội. Cho đến nay, chính phủ VN không dám công bố công khai, quốc hội mang tiếng là đã thông qua thỏa ước đó, nhưng hầu hết chẳng ai được biết nội dung thỏa ước ấy, ngay cả bản đồ biên giới hai nước vẫn còn che giấu.

Thỏa ước được hoàn tất nhờ những nhượng bộ của ông Phiêu, Vì ông hứa với Gianh Trạch Dân sẽ giải quyết vấn đề biên giới trước năm 2000 và mặt biển vào năm 2001. Về biên giới bao gồm 314 cột mốc thì có...142 cột lẩn sâu vào lãnh thổ VN.

Còn mặt biển tính theo đường ranh giới Brevié cũ của hiệp ước Pháp-Hoa năm 1887 thì ở vịnh Bắc Việt mất đi...hơn 10 ngàn cây số...”.

Dào! Lợn rọ chó thui gì chẳng biết nữa, chú em khù khèn khoảng cóc cáy thêm:

“...Ngay sau đó ông Trần Khuê bị bắt vì phổ biến điện thư trên mạng gửi Giang Trạch Dân phản đối thỏa ước này. Tiếp, Luật sư Lê Chí Quang với bài tham luận *Cảnh giác Trung Quốc và tiết lộ chi tiết việc nhường đất và biển*. Nguyễn Vũ Bình bị gán tội gián điệp với bài viết *Suy nghĩ về thỏa ước Việt-Trung*. Vì nghe nói biên giới bao gồm 314 cột mốc thì có 142 cột lẩn sâu vào lãnh thổ VN., Bùi Minh Quốc tới tận ải Nam Quan xem cột mốc mang số 18, có tên *Trấn Nam quan ngoại* theo các biên bản phân giới công ước Pháp - Thanh 1887 có bị rời 100 thước hay không thì cũng bị tóm tó luôn.

Đại tá Lê Minh Nghĩa, Chủ tịch ủy ban biên giới của VN, phụ trách đàm phán với Trung Quốc tiết lộ: “Sau thế chiến thứ II, Trung Quốc luôn luôn muốn bành trướng lãnh thổ của họ. Họ từng bước thực thi chiến lược lấn đất của họ, trừ khi có cuộc đề kháng của ta”. Ông trưng ra thác Bản Giốc hoàn toàn thuộc VN, theo sách *Địa chí Cao Bằng* mà nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia năm 2000 ghi rõ thuộc Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh. Nhưng đã bị Trung Quốc sát nhập vào đất họ từ năm 1979. Trình về trung ương, ông Phiêu phải tay: *Chuyện cũ rồi. Mà những gì bộ chính trị đúc kết đúng là đúng*.

Ông Phiêu có ba cái nhất là lệ thuộc vào Trung Quốc nhất. Nhượng đất đai và mặt biển cho Trung Quốc nhiều nhất. Tổng bí thư cũng ngắn nhất, chỉ có hơn 3 năm. Ông Phiêu bị mang ra bộ chính trị kiểm điểm và bị hạ bệ vì ngoài chuyện cất chức cố vấn của ông Mười, ông Anh. Lại còn đặt máy điện thoại nghe lén 2 ông này. Nhân báo Tiền Phong, tháng 2-2991, cục A25 của công an chuyên ngành báo chí bắt được gián điệp cho Trung Quốc là Phạm Văn Dũng và “hai nữ đồng bọn”. Ngay sau đó ông Mười cho phổ biến bản báo cáo ông Phiêu có tình nhân là *Đặng Diệu Hà*, nay đang giao lưu với cô em tên *Đặng thị Thu Hà* và bạn cô này *Vũ thị Dung*. Cả *hai nữ đồng bọn* vừa bị bắt vì hoạt động cho...”ngoại quốc”. Xong chuyện, ông Mười xoa tay: *Nó đá tao, tao đá nó*.

Nhiệm kỳ ông Mạnh (Nông Đức Mạnh) làm tổng bí thư, ông Dũng (Nguyễn Tấn Dũng) làm thủ tướng, như thông lệ giống mấy lần trước ông Mạnh qua thăm Trung Quốc để nhận khuyến cáo và cũng để họ mượn dịp biểu dương thực tế.

Và ông Mạnh gọi đó là “Một chuyến đi lịch sử”.

Chuyện lịch sử là sau khi phê chuẩn hiệp ước phân định vịnh Bắc Bộ Việt ngày 15-4-2004. Ngày 19 tháng 11, Trung Quốc biểu dương thực tế bằng cách dùng tàu Nam Hải lại kéo dàn khoan nổi Kantan 3 đến vùng biển tranh chấp. Tệ hại hơn nữa, khi ông Dũng đang tham luận với Võ Đại Vỹ về

biên giới biển trong hai ngày 27 và 28 tháng 12 cùng năm, họ loan báo trên đài phát thanh bắt giữ 9 tàu đánh cá và 80 ngư phủ VN. Hai tuần sau, đài BBC loan tin trong đêm 9-1-2005, tàu tuần họ bắn chết 8 ngư phủ.

Báo Thanh Niên và Tuổi Trẻ tường thuật là “Tàu lạ mang cờ nước ngoài”. Ngày 3-7-2007, ông Dũng họp với Ôn Gia Bảo về vành đai bờ biển dọc theo vịnh Bắc Việt, một tàu đánh cá VN bị hải quân Trung Quốc bắn chết một ngư dân và làm bị thương nhiều người khác. Họp xong, chính phủ VN ra thông cáo: “Nhất trí nghiêm chỉnh nhận thức chung, xử lý thỏa đáng trên biển, gìn giữ ổn định biển Đông ở cấp cao hai nước...”.

Cụ nhãn mặt với những...quan chức cầm đầu cả nước gì mà “nhất trí” ít học, thiếu “cơ sở văn hóa” với “xử lý”, “cấp cao” như vậy, thi chú em đã gọt gọt thêm:

“...Những người chủ trương nhượng bộ để cầu hòa, mong giữ vững chế độ và quyền lực của phe nhóm và ngay cả quyền lợi của chính họ là ông Linh, ông Anh, ông Mười và ông Phiêu. Hai nước chính thức quan hệ ngoại giao khi ông Mười và ông Kiệt sang Trung Quốc vào tháng 11-1991. Theo thời gian, với kinh tế dính liền với quân sự, Trung Quốc đã thay đổi vì dân số tăng gia, họ nhìn biển Đông như một nguồn dầu hỏa khổng lồ mà theo họ gọi là “Vùng không gian sinh tồn mới”. Vì vậy mỗi lần có tranh chấp, phái đoàn VN lại bối rối khi Trung

Quốc...thu hồi đất cũ là Hoàng Sa từ năm 1974, chính phủ VN không có một lời phản đối. Vì đảo cũ này, họ đưa ra luận cứ rất vu vơ là họ khám phá ra từ đời...nhà Hán, người Hoa đến Hoàng Sa từ đời...nhà Tùy.

Sau khi họ đánh Trường Sa vào năm 1988, Bộ ngoại giao khuyến nghị chính phủ: “Mặc dù Trung Quốc là nước xã hội chủ nghĩa nhưng họ chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ”. Nhờ tiếp thu rộng rãi với nước ngoài tân tiến, cũng ngay sau năm 1988, ông Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã đề xuất với Bộ chính trị chính sách ngoại giao mới là “phá thế bao vây” với lời lẽ: *Chúng ta chẳng thể giữ mãi suy nghĩ của 40 năm trước, là chỉ có phe xã hội chủ nghĩa mới quyết định sự phát triển của loài người. Mà chúng ta không nên phủ nhận thành tựu của phe tư bản trong 200 năm vừa qua.*

Do một số nhà ngoại giao tiết lộ vì bất mãn với Bộ chính trị “lúc nào cũng phải nhìn theo nét mặt của anh hai Trung Quốc”, trong văn kiện đáp lại qua cuộc tranh chấp vừa rồi, ông Thạch công nhận có lá thư của ông Đông nhưng lập luận: “Trong bối cảnh lịch sử cuộc chiến đấu và ngăn chặn Mỹ sử dụng hai quần đảo trên biển Đông. Lời tuyên bố của nhà lãnh đạo chúng tôi với quý quốc trước kia là cần thiết. Điều đó không liên quan gì đến nền tảng pháp lý và lịch sử về chủ quyền của VN trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa”. Và đưa ra luận chứng của Odgaard: “Việc khám phá ra một hòn đảo thật ra

không có nghĩa là có chủ quyền ở đảo đó. Trung Hoa không có một hoạt động hành chính, quân sự hay bất cứ điều gì khác trên vùng đảo Trường Sa trước năm 1988”.

Để trả lời đất cũ của họ từ đời nhà Hán, nhà Tùy, phát ngôn viên bộ ngoại giao đưa ra chứng tích cùng cổ vật qua báo Sài Gòn Giải Phóng. Báo này đăng một bài biên khảo của Hà Văn Tấn, Viện trưởng Viện Khảo Cổ viết là đã đào được những di tích, di chỉ đồ sứ của VN từ thế kỷ 13 ở các đảo Nam Nét, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn Lớn, Pha Vinh, An Bang để chứng minh chủ quyền lâu đời của VN trong vùng Trường Sa. Trung Quốc phản đối thì trống đánh xuôi kèn thổi ngược, lẩn lút qua Bộ ngoại giao, Bộ chính trị đổ lỗi là: “Chỉ là tin tức của báo địa phương...”.

Trắng mắt như con tinh, cụ nhìn trang giấy kế tiếp của chú em lòi tói ra...tin tức địa phương về đại sứ Trung Hoa tại Hà Nội là Trương Đức Duy, vốn là thông dịch, rất thạo tiếng Việt. Ông lục lại Sách giáo khoa địa lý lớp 9 phổ thông của Bộ giáo dục VN viết:

“...Từ những quần đảo Nam Sa, Tây Sa, Hải Nam, Đài Loan, cụm đảo Bành Hồ, cụm đảo Chu Sơn là hình cánh cung tạo nên bức Vạn lý trường thành Trung Quốc...”. Mẫn Lực, tác giả *Mười năm chiến tranh Trung Việt*, trang 138 viết: “Những bản đồ trong sách giáo khoa đều in rõ những hòn đảo Tây Sa, Nam Sa đều là lãnh thổ của Trung Quốc”.

Trang 55 viết: “Năm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã thông báo cho Thủ tướng Châu Ân Lai rõ ràng xác nhận hai quần đảo Tây Sa, Nam Sa thuộc Trung Quốc”.

Chẳng phải đợi mười năm chiến tranh Trung Việt. Năm 1987, một biên tập viên tờ Tuổi Trẻ phản hồi: “Hơn nữa, lời văn của bản tuyên bố của ông Phạm Văn Đồng không hề nói rõ ràng minh bạch là công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên đảo Hoàng Sa. Bức công hàm chỉ nói: “Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy (án định lãnh hải 12 dặm của Trung Quốc), và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc mà thôi”.

Và Tổng biên tập báo Tuổi Trẻ bị mất chức vì câu dưới đây của người biên tập:

“Ông Phạm Văn Đồng chỉ là người thừa hành chứ không phải là tác giả Công hàm 14-9-1958. Vì trước khi ký công hàm này, ông Phạm Văn Đồng có đưa vấn đề ra bàn ở “cấp cao nhất” nữa. Cấp cao nhất này không ai ngoài ông Hồ Chí Minh...”.

Đọc đến đoạn “Bùi Minh Quốc mầy mò tới tận ải Nam Quan xem có đúng là cột mốc có bị rời 100 thước hay không thì cũng bị tóm tó luôn”. Ấy vậy mà chú em vẫn chưa về, đến giờ ra phi trường vào

Nam, cụ xách xách giấy leo lên “xe con”. và...ngón tiếp.

Vừa tiêu pha thì giờ...cụ vừa dông dài sông đượt là vào Sài Gòn, thế nào cụ cũng đi dọc theo con kinh Nhiêu Lộc - Thị Nghè tìm con đường có tên: *Hoàng Sa* để chụp một tấm ảnh. Nhưng cụ vội bỏ ngay ý định dại dột ấy đi, vì gần đây nhà thơ Lý Đợi cũng chỉ vì chụp tấm bảng tên đường ấy mà bị nhúm đáy thôi.

Trên đường ra sân bay Nội Bài, cụ vẫn dòm nhăm chú bò vàng hôm nào hôm nào đang chúí đầu vào nhau đọc báo về Hoàng Sa, Trường Sa thì phải. Thấy mặt mũi mấy chú “hoi bị căng” thấy rõ, nhìn đã thấy “hoàn cảnh” trông thấy, bụng dạ cụ bật rất hay là chú em bị cùm rồi cũng nên. Tên nhà thơ Lý Đợi như một gợi nhớ, cụ hong hanh nhớ đến bài thơ của nhà văn, nhà thơ Trần Mạnh Hảo có cái tựa đề dài ngoằng ngoằng *Vì biểu tình phản kháng Tàu chiếm đất của Ta mà bị bỏ tù*. Cùng thi tứ, ông nhà thơ này giải luận ra rằng: “Nếu như vua Quang Trung, Lê Lợi có sống dậy cùng dân chống Tàu xâm lăng thì cũng bị bắt chứ họ chẳng kiêng nê một ai”.

Trong một chón đi về, chợt cụ u u minh minh mờ nhân ảnh tới hai cụ vua Lê Lợi, Quang Trung đang cỡi voi hướng về “quãng trường” Ba Đình để cùng dân đi biểu tình chống Tàu xâm lăng. Và đang đi vào...nhà tù Hỏa Lò!

Bỗng không nom ròm thấy mấy chú bò vàng, cụ sợ như bò thấy nhà táng! Thế là cụ giấu biến xấp giấy của chú em vào cái túi xách tay và chỉ ngóng về đến nhà ôm cái bàn gỗ để mỡ sớm chuông chiều, để quân tử hiếu cổ với một chút tâm tư ngã hũu thốn tâm vô dự ngữ nôm là *ta có tác lòng chưa ngờ được*. Nói cho ngay, trong cõi mụ mị với trời đất đang nhùng nhằng, với bầy mười chưa què, chớ khoe rằng trọn, cụ chỉ muốn trọn vẹn với bài tạp văn, tạp bút sắp tới: “Hải bất dương ba”.

Trúc gia trang
(viết xong 2008
thêm bớt 2013)

Nguồn:

Sau bức màn đỏ - Hoàng Dung
Bên thắng cuộc – Huy Đức
Đảo chìm – Trần Đăng Khoa

Về sử phẩm với đảo chìm, đảo nổi
xin xem bài viết *Hải bất dương ba*

Yếm thắm hương xưa

Sau 75 qua “đất trích”, bố tôi gặp cụ bạn già thuộc diện thâm căn cố đế, hai cụ hợp nhau khoản nói tiếng Tây, nhảy đầm của người Hà Nội ăn chơi một thời một thuở. Đến tuổi vắng gió đìu hiu, hai cụ lại càng tương đắc tương bản qua mục thơ thần, nhất là hát ả đào, quan họ, hát chèo, ca trù, châu văn với mấy cái “tép” nhựa cũ sì cũ mốc.

Bố tôi gọi cụ là cụ huyện Trì vì một thời cụ là quan huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Qua cụ tôi học một đợc bánh cuốn Thanh Trì là bánh cuốn không nhân thịt, chấm nước mắm pha giấm với ớt khô. Cứ theo cụ thì nó ngon ở hơi hương nhẹ nhàng của bánh cuốn thơm thoang thoảng, nước mắm thường không mặn, giấm thanh không chua, hạt ớt đỏ nâu lênh bênh trên mặt bát bát nước mắm thanh cảnh. Và cụ chép miệng cái tách mà rằng...rằng bánh cuốn Thanh Trì không ăn với đậu rán sôt là...vắt đi.

Trước đó tôi được “thưởng lãm” nhiều bài tạp văn của cụ trên báo Ngày Nay nơi thành phố tôi đang...luân lạc, cụ kể lễ thổ ngại đất Bắc vanh vách như châu chuộc. Khoảng thời gian này, tôi đang lậm với chữ nghĩa, nên sau khi đọc bài của cụ, tôi cắt cổ con vịt làm đĩa tiết canh, thừa chai Cognac, mời cụ tới nhà để ăn mỳ chữ nghĩa cụ. Thế là cụ ếch vào cua ra: “Anh còn trẻ, anh không biết đây thôi chứ...chứ ở cửa Nam, Hà Nội thì thịt ngon tức vịt Xiêm chấm với nước mắm gừng mới ngon thịt.” Cụ còn nói dón: “Cái anh thịt vịt đi với bia 33 mới đúng điệu, nhắm với Cognac là...hồng tuyệt.

Nghe lạ! Tôi quẩn quả rằng thịt vịt chấm với nước mắm tôi không đã điều chẳng. Cụ tỉnh như ruồi rằm mắt tôi, mắm gừng đều...“mắm sớt” hết. Nghe như đâm vào tai, dòm chai Cognac nhẵn như đất Bụt, tôi đành im thin thít như thịt nấu đông.

Số là tôi đang gà trống nuôi con nên rượu lúc nào cũng thủ sẵn, cụ lại là con sâu rượu, được cái cụ xem tôi như bạn vong niên, là bạn quên tuổi tác, nên cụ ực tôi nháp. Cụ ực, rượu vào lời ra, cụ nói chuyện kiến trong lỗ cũng phải bò ra, nhưng đôi khi cụ quá đọa, khiến tôi như...rách giời rơi xuống. Nhắm khi cụ lung tung trống kèn, chuyện cụ kể rối ren, rối rắm làm tôi...rối trí chả biết đâu mà lần. Nhưng ấy là khúc sau. Vì lúc này cụ đang gọ gạy thời cụ tán gái mà làm thơ như Hoàng Cầm là đi tuốt. Túm tó được cụ dây mơ rễ má đến cụ Hoàng Cầm, tôi dậu đổ bìm leo cụ có làm thơ chẳng. Cụ cách rách: “Quên không

kể anh nghe tôi là bạn của Hoàng Cầm, thấy lão làm thơ ngon như óc chó, tôi cũng co cõm thơ phú cho oách. Làm xong đưa lão xem, lão mắng tôi xối xả: “Mày làm thơ thế này thì...chó nó đọc”. Thế là tôi ròi, vì vậy cho đến chót đời tôi nguều ngoàng rằng nếu lão không rọ mồm vào thì tôi là Hoàng Cầm cũng nên”.

Từ “tôi là Hoàng Cầm”, cụ bắt quàng làm họ qua...hát quan họ, cụ ăn vẹt ở mồn trăm tội là ở...cái váy. Cụ rọ rạ tự thưở cụ vua Hùng lập quốc đóng khổ, trong váy sồi, váy đụp đàn bà con gái không có gì sát ngoài cái tổ con chuồn chuồn. Vào những đêm trăng thanh gió mát, dựa đụp rom thơm mùi lúa mới, chỉ cần tóc váy lên là...xong tuốt. Cụ bóc thế đấy, dón chuyện thì cụ bưng trái đến...lời đời. Vô phép vô tắc trộm vía cụ chứ đôi khi từ nhập ngôn xuất, cụ có hơi “hoang đàng” tí ti với...đàn bà con gái. Bởi chuyện cụ hăm hụi hồi còn trẻ, từ trong làng đi ra đang phát phơ bên triền đê, nhìn xuống thửa ruộng, cụ bắt gặp chị thợ cấy hơ hớ xuân tình đang chổng mông bán mặt cho đất bán lưng cho trời, giữa đồng không mông quạnh. Làm như bị các cụ ta xưa ám quẻ sao ấy qua ca dao “Trên trời có đám mây xanh – Dưới đất có người mông trắng như bông”. Thế là cụ nhảy bỏ xuống tóc váy con người ta lên...

Chuyện cụ tung trời thật. Nghe lạ! Nhưng tôi im như thóc ngâm.

Nhấp ly rượu, suy nghĩ lung lăm trong thoáng chốc, cụ róc đời rằng chuyện sống để bụng chết mang theo chẳng hẳn là ở...cái váy mà theo cụ thì tội vạ là ở...cái yếm.

Vì vậy đeo theo cụ thêm dầm thêm tương ngập ngựa chữ nghĩa như cua bò qua bài viết *Yếm thơm hương xưa* này đây. Thế nhưng lạ một nhẽ nữa, những gì vừa rồi tôi tha ma mộ địa từ cụ, tôi có “cảm giác” cụ tinh như ma. Thế nhưng chuyện cụ sắp lây dây dưới đây, cụ lại hiền như lá, lành như đất để chả hiểu cụ nổi. Thêm nữa, khúc cuối thêm chuyện dây cà ra dây muống qua chuyện cụ kể lể khiến tôi chả hiểu gì sất cả.

Tuy nhiên những gì cụ bốc trong lúc tửu lạc vong bản cũng đến hai mươi mấy niên có lẽ, nên tôi căng óc nặn chữ vặn óc véo câu qua trí nhớ mờ như khói, lãng đãng như sương. Chuyện nhân kiếp phù sinh hề một thoáng bạch câu của cụ bao giờ cụ cũng ươn ao mào đầu bằng câu: *Anh còn trẻ, anh không biết đẩy thôi...*

“...Anh còn trẻ, anh không biết đẩy thôi chứ...chứ thời tôi những ngày ở quê nhà, nhìn hàng xóm láng tôi đeo cái yếm sồi màu dưa vàng khú, tôi chỉ đứng dung. Một lần nghe bà ngoại riết giống bà chị họ tôi với ông ngoại: Cái ngữ ấy treo quần áo ở cạnh chuồng bò là...chửa ngay. Rồi tiếng ông ngoại rít qua khói thuốc缭绕 như tiếng bể lò rền: Có mà chửa với...bò. Mà với dầm cái yếm cua, yếm rùa

hình thang với bốn sợi giây lủng lẳng, tôi nom ròm cho lắm cũng chẳng khác mấy với cánh điều trong một ngày đứng gió. Mảnh vải thô rời cũng bạc màu, chị nhuộm bằng vỏ trái bứa, tôi cũng chỉ thấy một màu đậm đặc buồn chán. Bỗng ít lâu sau, cái bụng chị ễnh ra thật, suốt ngày ăn khế xanh, muỗm non và thằng cu ra đời. Một lần bắt gặp chị vén yếm cho con bú, ngực chị căng cứng và trắng nhẽ nhạt, nổi bật cùng màu nâu sậm của cái yếm. Cái yếm thiếu thước tắc, nửa hững hờ, nửa ôm chặt thân hình cá trắm ngón ngọt của chị, sau này cứ theo đuổi tôi mãi như vương nghiệp, vương mắc anh ạ.

Nếu anh hỏi tôi cái nghiệp chương thế nào, thực tình tôi không biết trả lời ra sao cho phải nhẽ. Vì lúc ấy tôi mới tí tuổi đầu, sau này lớn lên tí nữa, tôi chỉ hiểu lơ mơ lổ mỗ là ai nấy lúc nhỏ có những chuyện con con không đâu của người lớn. Thì ngẫu nhiên nó vận vào người như cái lưới tình, làm thân con nhện mấy lần vương tơ và không thoát ra được như tôi vậy. Như lão Hoàng Cầm...

Như trên đã giải bày, vì trí nhớ mù sương nên tôi phải ăn mày chữ nghĩa vài câu, dăm đoạn qua du ký *Thăm miền quan họ* của tác giả Hoàng Ngọc Lễ...

“...Trở lại chuyện tình yêu ở cái tuổi nhàng nhàng, lão kể tôi nghe những ngày còn bé tí. Lão yêu thầm nhớ trộm cô gái tên Vinh hơn lão tám tuổi. Cô là người dạy lão hát quan họ, trồng quân vào những ngày cuối tuần. Một lần lão rình rình cô với

cái thú thứ nhất quận công, thú nhì ị đồng trên cái gò nhỏ có nhiều bụi dại. Người lão đang háo hức vì cái mông trắng như cùi bưởi thì cô ta ngẩng lên bắt gặp và mắng: “Sao mày cứ lẳng nhăng theo tao thế này nhỉ”. Xong, cô giả bộ như lúi cúi tìm cái gì ấy, rồi đứng thẳng người lên, nhìn vào mắt lão và nói: “Chị tìm cái lá...”. Rồi cô tiếp: “Đứa nào tìm được ta gọi làm chồng...”. Bài thơ *Lá diêu bông* từ cái gò mà đồng làng mà có...

Tôi quen biết Hoàng Cầm ở Hà Nội khi hai đứa học tú tài, thường rủ rê nhau tới tiệm nhảy Asia ở phố Hàng Bông. Thoạt đầu, thân thì không hẳn là thân, sau hợp nhau vì gái thì đúng hơn...Anh bỏ qua cho nhá, tụi tôi đang ở cái tuổi mới lớn nên cả hai đều đang sắm soi tìm hiểu về...đàn bà, con gái. Kiểu tìm hiểu dấm dớ bờ bụi ấy mà nên đi đâu cũng có nhau. Tết năm ấy, tiệm nhảy đóng cửa cả tuần, buồn tình lão rủ tôi về nhà ông cậu lão ở làng Nội Duệ xem hát quan họ. Nghe lão kể về quê lão, sau mùa gặt hái dân làng mở hội với những cuộc vui như hát ví, hát đối. Nghe đông vui quá đối, lại có cả leo cột mỡ, chém lợn, nên tôi đeo theo lão cho biết.

Trên xe, lão nhúc nhắc hội xuân suốt mấy tháng đầu năm với cả chục làng thuộc huyện Yên Phong, Tiên Sơn...nhưng thường lấy làng Lim làm nơi họp mặt. Họ đối đáp hát hò với nhau cả ngày lẫn đêm, cô nào cô ấy đẹp như mơ, môi mọng như nhót chín. Cả đêm hôm ấy, tôi thao thức chỉ mong trời sáng để gặp những...“mơ”, những...“nhót” mà lão gọi là quan họ bạn với giềng tôi xóm gùng, vui lắm. Chẳng dẫu

gì anh, nói thì nói vậy nhưng thích về làng Nội Duệ, đôi Lim để xem chém lợn thì đúng hơn ...”.

Nghe quái! Gì mà xem... chém lợn. Bèn hỏi. Không trả lời câu hỏi, cụ khụng khiêng không đầu vào đầu “Sự đời như chiếc lá đa – Đen như mồm chó chém cha sự đời”. Đến trần ai khoai củ này, tôi đành im như thóc. Và căng tai nghe tiếp...

“...Mới bảnh mắt ra là đã thấy đoàn quan họ nhao nháo kéo đến ngoài công, nam che ô, nữ đội nón quai thao. Lão đưa tôi đi tìm cô em họ lão nhưng mãi chưa gặp. Lão và tôi đứng ở cửa nhìn vào trong để tìm kiếm, ấy là nơi quan viên hai họ đang điếm trang quanh cột nhà treo những cái gương tròn, bé con con bán ở những gánh hàng xén ngoài chợ huyện. Lẽ dĩ nhiên các cô đều mặc yếm. Mà yếm đủ màu, áo tứ thân hình như chỉ được mặc vào trước lúc diễn hát. Tôi thâm phục các cụ ta xưa đã nghĩ ra cái yếm này. Cái yếm mà tôi đã nhìn thấy qua bà chị họ tôi từ ngày tôi còn bé vậy mà ngày nay, ở các xứ Âu tây người ta mới vẽ ra cái mẫu vải yếm ấy.

Nói anh đừng cười là mắt tôi có trông, trông lại nằm trong ổ, ổ lại kẹp giữa hai mi, nhìn thế nào cũng ra những tác phẩm tuyệt tác trong cõi nhân gian này. Đối với tôi cảnh vật đẹp đẽ cách mấy cũng chỉ là thứ yếu. Tác phẩm tuyệt tác nhất phải là thân xác đàn bà. Nhất là những cô gái che khếp thân hình nửa hở nửa kín bằng những vuông yếm thắm ở làng Lim. Đang lậu bậu đến đây bầu vào mắt tôi cô đi đầu mắt có đuôi, hai tay bung khay trà cau với trà.

Cô ta thon vón trong chiếc yếm mỏng tang mới thấy các cụ ta xưa thật là phóng túng. Chỉ cần một vuông vải mỏng với sợi dây cột buộc sau lưng, bó tròn được bộ ngực vưỡn vưỡn, ẩn hiện trong lớp vải mỏng là đôi bông đảo phồng phao, để lộ hai đầu ngực nhọn tròn như hai đầu con quay, con vù.

Lão bám vào tay tôi khi cô ta đi qua mặt, ngầm cho tôi biết ấy là cô em họ lão. Nói dối phải tội, tôi nhìn cô em họ lão thì ít mà dán mắt vào... cái yếm thì nhiều. Vì rằng khi cô đi qua, cái yếm để hở cái lưng trần trắng nõn. Có thể nói cái yếm là thứ áo hở hang nhất mà các cụ ta đã dày công “sáng tạo”. Chẳng là mắt tôi đang bám cứng vào thân hình uôm uôm, ngầy ngật của cô ta mà rời cả ruột gan. Vì rằng hai sợi dây cột buộc quanh cổ đu đưa, lúc lắc qua lại theo dáng đi, để lộ hai thăn ngực ngoài góc yếm, trắng như ngó càn, tròn trĩnh và căng đầy. Và tôi cứ ngẩn ngơ, ngơ ngẩn mãi...

Vào đến sân, không ai bảo ai, họ cất tiếng hát mừng làng nước đầu năm với tình làng nghĩa xóm. Quan họ chủ đứng trước cửa chào đón, đỡ nón, cầm ô cho quan họ bạn, sau đó là mời vào nhà hai bên cùng hát. Tôi để ý thấy bên này đẩy đưa một câu, bên kia đối đúng thì khen: “Dạ, thế là tương bằng rồi đấy ạ”. Gặp khi bên bạn hát trệt, bên này thưa: “Thưa liền anh (hay liền chị), bắt hợp rồi đấy ạ”. Nếu được khen, họ tình tự đáp lại *người thử hay là người thương, hay là người thử trăm đường người chê*. Rồi đột nhiên cô ấy biến mất lúc nào tôi cũng

chẳng hay nhưng tôi vẫn đứng chết trân cho tới khi lão vỗ vào vai tôi nói: “Tương tư rồi hả?...”.

Thè trước bóng đèn, ngậm vắn nhả chữ đến tao đoạn này, tôi chả hình dung đến cái yếm đào ra sao. Ừ thì hãy trở về câu đầu môi chót lưỡi của cụ bằng câu...

“...Anh còn trẻ anh không biết đẩy thoi chứ...chứ thằng đàn ông nào chúng tôi chẳng thế, nhất là khi gặp một cô gái mặc áo rộng hở ngực không lộ con mắt ra thì nhìn cái gì? Nếu không mắt trắng dã như mắt lợn luộc ắt hẳn chẳng là đàn ông. Rồi đứng đoảng thế nào tôi thấy cô ta lại xuất hiện với thân hình ong ong và đang cung cúc như gà chạy mưa xuống cầu ao rửa chân. Rồi lại nhảy chân sáo từ cầu ao đi lên trông rói cả mắt, vắn cái eo thon nõn nà, vắn với cái vạt yếm cũn cỡn, không đủ che kín thân hình. Cô liếc xéo về phía tôi một cái sắc như dao cau khiến tôi nôn nả sao đâu..

Gần trưa tôi ra đôi, trên con đường mòn hai bên là hàng quán, ai nấy đều áo quần tươm tất. Cụ ông áo kếp, khăn lượt, cụ bà áo bông, váy sồi, trẻ con áo ba gang, quần chúc bầu ngòi ăn uống cười nói râm ran. Anh có thể tưởng tượng được không, có cả nghìn người chứ chẳng phải là ít ỏi gì. Riêng đám hát quan họ, cứ bốn người, hai đôi nam, hai đôi nữ đứng rải rác khắp đôi Lim, ở xa tưởng như họ đang thì thầm với nhau. Thả bộ lên giữa lưng chừng đôi,

đến gần nhìn vào đám hội quần áo đủ màu sắc, nam đội khăn xếp, mặc áo the dài, quần trắng ống rộng. Nữ thì cô này áo tứ thân nhiều điều, dây thắt lưng hoa lý buông chùng, yếm thắm hồ thủy hay vàng ươm lúa chín. Cô kia váy đũng, áo dài màu ngô non, hai vạt áo trước buộc chéo vào nhau, yếm thắm hoa đào hoặc xanh lục lá mạ, đầu đội nón quai thao, tua quai tung bay như vờn nghịch với gió xuân. Từng đôi bạn đứng sát nhau, anh xướng, vừa hát vừa kín đáo liếc chị bạn đối diện *Bắc Ninh cho đến Phủ Từ, qua cầu sông Nhị ngẩn ngơ tìm người*. Nghiêng nghiêng chiếc nón, chị đáp lại *nỡ lòng trêu gheo chi tôi, lênh đênh bè nổi mây trôi một thì*. Anh đỡ lời *ngày ngày ra đứng mà trông, bạn thì thấy bạn tình không thấy tình*. Chị quay một vòng giải thắt lưng, tình tứ tránh cái nhìn tình tự của anh, nhẹ nhàng đong đưa *biết người biết mặt nhau chi, đêm đêm em tưởng, ngày thì em mơ*.

Thế là tối hôm đó, tôi cứ chày vầy với biết người biết mặt nhau chi, đêm đêm “tôi” tưởng, ngày thì “tôi” mơ. Và rồi không hẹn mà gặp để chuyện của tôi chớm dậy vào ngày hôm sau. Mà anh còn nhớ cái cô cầm khay tràu mắt có đuôi không, em họ của lão đấy. Cô ta vừa bước vào cửa, mắt sắc như dao bồ cau đảo một vòng, rồi nhè tôi cười hoèn vì *anh, em mới tới đây, nếu anh không chiếu trả, màn quây ở nhà*. Tôi đang lóng chóng, cô tiếp *em bước chân ra, nhái thầy cùng mẹ, em đưa chân về, nhái mẹ cùng cha*. Giời ạ, anh biết sao không, cô ấy e ấp,

và chúm chím *em với anh như bướm với hoa*. Bướm với hoa, thế có chết tôi không cơ chứ, tôi cứ như cóc cụ say thuốc lào, đành lúi húi trải chiếu và họ quay quần ngồi xuống, như đánh chắn, đánh tổ tôm ấy.

Lại cô ta nữa, mới ngồi xuống chưa nóng chỗ, cô háy mắt ví von ngay “Nhất chò, nhị đợi, tam mong, tứ thương, ngũ nhớ, lục mong, thất bát cừ...chò”. Và cô vênh mặt, ngóng cổ lên để “chò”. Tôi ngây người ra bí ngô bí khoai, như anh biết đấy, tôi nào có biết hát hò gì đâu. “Mong” một lát, thấy tôi không động đậy gì, cô hóm hình gheo tôi *tới đây chẳng hát thì hò, chẳng phải như cò ngóng cổ mà nghe*.

Rồi cô ấy tình trong như đã nhưng ngoài còn e:
Bên mời cố cụ, bên mời tình nhân
Cùng nhau xích lại cho gần
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ
Đi ngắn về ngo

Đụt như tôi, cũng phải liệu hồn thần xác mà “xích lại cho gần”...Mà anh thấy câu “đi ngắn về ngo” có “đắt” không, xuống vần như vậy mới là...thơ. Anh nhớ dùm, ấy là chữ nghĩa của các cụ ta xưa ấy nhá, các cụ vắn vẹo cùng trời trăng mây nước, thành bài hát tỏ tình lúc nào không hay. Như là cô ấy vừa nhảm nhăng dò la tôi *gần đây mà chẳng sang chơi, để em trải yếm bắc cầu anh sang...*”

Thấy tôi quần đầu trông thấy, cụ quần quả tiếp:

“...Đó là cô ấy còn hiền. Nếu anh nghe được máy cô khác ồm ờ bóng gió *đêm nằm đắp chiếu bị*

bùng, tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đi thì cũng hãi quá chứ. Đầu trở xuống cuống trở lên thì ai lại mang chuyện nhà ra kể khí có hơi chướng, mà không kể làm như mồm miệng thối ra sao ấy. Chuyện bà chị họ tôi chứ ai, lúc nhỏ nghe chuyện người nhón đở mắt tía tai, thấy hai con chó lện nhau quay ngoắt bỏ đi. Cho đến khi chị biết soi gương làm đóm, ông bố chị cứ chiều chiều là khênh khàng kỳ cọ dội nước tắm trường bên cạnh cái chum ở chái bếp, trong khi chị đang vo gạo thổi nồi cơm. Cũng có thể vì bị ám ảnh nên mới mười bảy bẻ gãy sừng trâu, một tối chị đã *tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đi*. It lâu phình bụng ra, chỉ vì cái tội vô tâm, vô tính của người lớn, tôi nghĩ thế không biết có hợp nhẽ anh không. Tôi hiểu các anh bây giờ Âu tây, Âu hóa với phân tâm học, với Freud hơn hồi trước tụi tôi nhiều, các anh cho chuyện tồng ngồng ở ao hồ, chuyện tắm trường là ẩn ức, dồn nén này kia, kia nọ...”.

Đến đây, nói cho cùng, tôi có hơi ngán ngẫm vì cụ dông dài quá thể. Mà cũng rõ lạ vì cụ vừa kể chuyện ông Hoàng Cầm một chiều trên gò mả đồng vắng nhìn mộng đàn bà con gái thì có ẩn dấu...ẩn ức, ẩn nấp nào đâu? Đang om thòm, cụ nhấp một nhấp một ngum rượu như để chiêu hồi quá khứ với những ngày tháng đong đưa:

“...Hết ngày mời trà, cũng đến ngày giã bạn, cô ủ ê:

Người ơi! Người ở đừng về
Người về em vẫn trông theo

Trông nước, nước chảy, trông bèo, bèo trôi
Người ơi! Người ở đừng về

Bị rịn đến giờ ngo, cô tẻ mím *chàng buông vạt áo em ra, để em đi chợ kéo đà chợ trưa*. Anh thấy tình không, tình chết người đi ấy chứ. Mà vốn liếng ca dao của tôi không ngoài rậm rịch “Thương nhau cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay”. Vậy mà cô ấy hiểu ngay mới tài tình là *bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh, yếm em, em mặc, yếm gì anh, anh đòi*. “Yếm em, em mặc” đã hay, đến “yếm gì anh, anh đòi” thì tôi chịu quá, vừa ngậm lẳng lơ, vừa lộ tình tứ, làm tôi cứ mê mẩn cả người.

Thế mà ùng oàng đến quá trưa, tôi tay không về lại Hà Nội mới chán mớ đời.

Ngày ngày ra ngõ vào ngân, mò tới phố Sinh Từ tìm lão Hoàng Cầm vì cuối tháng cạn túi, đợi nhà gửi lên để đóng tiền trọ học. Tôi lại nóng lòng muốn mò về lại làng Nội Duệ, nhưng không biết ngủ nghề ăn uống ở đâu, nên phải cầu véo Hoàng Cầm. Lão giới thiệu tôi đến nhà thầy ký ga Núi Tiêt, cách Bắc Ninh hai cây số. Đó là một dãy phố trước khi vào thị xã, lèo hèo khoảng hơn hai chục căn. Đầu tháng có họp chợ vì nhờ tàu hỏa từ ga Hàng Cỏ mang hàng lên... Và tôi hẹn cô ta ở đấy, không nói anh cũng biết gái làng Nội Duệ gọi cảm như thế nào. Cô ta gọi cảm ở cái miệng chanh chách, lịch chích như chim chích chòe. Chẳng là dạo đó, tôi tương tư cô qua cái

duyên ngầm của hàm răng đen hạt huyền, gằn gữ với nét đa tình, đa mang của cái yếm, mảnh vải gắn bó mật thiết với phần thân thể lộ liễu nhất của người con gái đang xuân. Mặc dù chỉ là mảnh áo che phần ngực và bụng, vừa gìn giữ vừa kêu gọi, che đậy nhưng phô bày. Che nhưng như muốn khoe, kín đáo nhưng cũng hở dấy.

Có bạn cô tát bật đi chợ về nhà trọ với tôi, mồ hôi lấm tấm thấm qua lớp lụa mỏng, theo nhịp thở *ngực yếm phập phồng hoa cau bưởi murót*. Nhất là những ngày hâm hấp oi nùng, không mặc áo cánh, cô ngồi ngắt rau vặt lá, cứ hơ hớ cái lưng và mảng sườn non trắng nhẫy. Từ trên nhìn xuống, đôi gò bông đào hương còn ngậm khi ẩn khi hiện, một “Mạch đào nguyên suối chữa thông” sâu hun hút. Để rồi lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, cái gì đến nó phải đến, vào một ngày sang hè, hoa phượng bắt đầu rộ, ve sầu âm ỉ. Tôi đã ỉ ôi để được *luôn tay ôm say, giắc bay lay đỉnh núi, tuột hàng khuy lơ yếm buông mảnh của cô ấy*. Cô ấy cười lũng lảng *đã phanh yếm mỏng thì quãng hết, những nếp xiêm hờ giả bộ ngây*. Được mấy nả, đang gió đánh đờ đưa bỗng nhiên trời đang nắng chầy chầy, bỗng có tiếng gà gáy trưa “ó, ó, ooo...o...o...”.

Khi không có tiếng gà gáy ở đây. Tôi đang định lấp ngáp, thì cụ đã giựt giọc...

Hôm tôi về để sửa soạn thi, cô trao cho tôi cái yếm trao thân gửi phận, đó là cái yếm thắm hoa đào mà buổi trưa cái hôm mà hai đứa đầu ấp tay kê. Khi

rày tôi chỉ thần thờ với “Năm thương cổ yếm đeo bùa, sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng”. Nay anh ạ, chịu các cụ thật, các dây cấm chả sai bao giờ, sau này cái yếm đeo đẳng theo tôi không rời. Mà ai chẳng một lần, giấu diếm trong ký ức, vẫn vương với “Hai thương ăn nói mặn mà, ba thương má lúm đồng tiền”. Để gìn vàng giữ ngọc với cái gương, cái lược “Thương em không biết để đâu, để trong túi áo, lâu lâu lại dòm”.

Ngừng một chút, cụ so đo cùng một thoáng đi về

Tin hay không tùy anh, như cái diêm, đưa khăn gửi áo...qua cầu gió bay. Tháng sau trở lại phiên chợ, tôi không gặp cô ấy nữa. Rồi tôi đâm lo lo...À mà anh còn trẻ, anh không biết đây thôi chứ...chứ gà gáy trưa “ó, ó, ooo...o...o...” thì thể nào trong làng cũng có gái chữa hoang. Chuyện không chồng mà chữa thì anh biết thừa bừa ra cả đấy, lệ làng ề cô đóng gông, đóng cheo, chỉ có nước bỏ làng, bỏ nước mà đi. Vì có lúc tôi nghĩ đại với câu nói năm xưa của bà ngoại tôi, quần áo phơi ở chuồng bò như phơi rón là chữa ngay nên cứ nấu cả người. Rồi lại quá mù ra mưa qua chuyện như thể *bông cúc vàng nở ra bông cúc tím, em lấy chồng rồi yếm trả lại anh.*

Những ngày tháng sau đó, tắt bật với chuyện thi cử, ra trường về Hà Đông làm việc. Năm 54 vào Nam, lập gia đình, qua sông ai lỡ quên đồ, tôi đành phải lờng khùng kính để dẫu cái yếm đẳng sau bức

tranh của Nguyễn Gia Trí, bạn tôi. “Maitre” Trí chuyên về sơn mài, bức tặng tôi lại là “croquis” vẽ than chì. “Lúy” vẽ cô mặc yếm, tần ngần bên cái chum có cái gáo, đằng sau có dăm cây chuối. Mấy năm sau, tình cờ đọc bài thơ của Nguyễn Bính, tôi lại thần thờ với “Nào đâu cái yếm lụa sồi”, lại lần dẫn đến ngày hát quan họ ở đồi Lim, mới chợt nhớ ra cái yếm đào nằm sau bức tranh. Cái yếm nổi trôi theo năm tháng, cho đến ngày tôi nghe lại bài thơ *Bên kia sông Đuống*:

Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng
Em đi trải hội non sông
Cuồng mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh

Và tôi “cuồng mê” theo Hoàng Cầm, càng ngày lão càng trải rộng yếm thắm trên con đường làng quê hương Bắc Ninh của lão, ngay cả khóm tre đầu thôn cuối xóm với *dãy tre xa giấu biệt giải khăn điều*. Thì cái yếm của cô, vô hình chung tôi...giấu biệt sau bức tranh. Với ngày lui tháng tới, tôi muốn đập cổ kính ra tìm lấy bóng...

Cho đến năm 75 qua đây gặp bố anh. Một hôm bố anh cho tôi nghe cái “tép” có một giọng ngâm âm hưởng, âm vọng rất Hồ Điệp, rất Hà Nội. Nhưng bố anh cho biết ấy là người Bắc Ninh, tên H., vẫn thường ngâm thơ của khách quen qua tép. Không nói anh cũng hiểu, viết cần có người đọc, làm thơ

cần có người ngâm. Năm chục có là bao nên tôi làm được mấy bài, gửi về cho cô H. Ngày qua tháng lại, tôi và cô H. có chút đậm đà riêng tư gửi gió cho mây ngàn bay. Tôi nói với bố anh là tôi sẽ đi theo con đường của Hoàng Cầm *bây giờ về bên kia sông Đuống, anh lại tìm em, em mặc yếm thắm...* Nhưng tôi dấu ông cụ anh, tôi dấu biến chuyện lão mắng tôi làm thơ: “Mày làm thơ thế này thì...chó nó đọc” Nhưng tôi phải về Bắc Ninh để gặp cô H. Một buổi tối, tôi tìm đến nhà và đứng nép xa xa cùng những vãn vơ về người xưa năm ấy...

Nghe cụ lụi đụi về bức tranh, qua bố tôi, vì tiền già eo hẹp, cụ phải bán nó để có tiền đi đường. Nhưng chuyện đâu hãy còn đó vì cụ đang dằng dênh ...

“...Anh còn trẻ, anh không biết đây thôi chứ...chứ bức tranh sơn dầu với cô gái đứng bên cạnh cái chum, có dính dáng đến Hoàng Cầm cả đấy. Để tôi kể anh nghe:

Lão giống Nguyễn Bính, lão chỉ thích yêu người bằng tuổi chị và không hiểu sao, ngoài tình yêu, điều gọi cảm nhất với lão là bộ ngực ngót người. Vì vậy mới 8 tuổi đã yêu cô Vinh hát quan họ. Đến 15 tuổi, lão gặp chị Nghĩa, tên khác là chị Bông. Lão thố lộ với tôi: “Nhà không có ai, chị thường ôm ghì lấy tớ, dần dần quen tớ cũng sờ soạn bên ngoài áo. Từ đấy, mỗi khi được chị ôm, tớ đưa thẳng tay vào trong yếm”. Một hôm cả nhà đi vắng, qua mấy kẽ hở của cái phen liếp, lão lụm cụm nhìn trộm chị Nghĩa

đang kỳ cọ. Ở nhà quê mình tắm táp vẫn mặc quần và đeo yếm, nước ngấm qua vải, nghe lão diễn tả thì cũng gọi tình và rạo rục lắm. Đang chổng mông ngông cổ cò, bỗng lão nghe giọng chị Nghĩa rất thân nhiên nói vọng ra: “Cứ đẩy cửa ra mà vào”.

Từ mảnh thừa phen liếp năm 1960 lão làm bài *Sáo tắm* về chị Bóng...Về bài thơ, lời chỉ nhớ lõm bõm bốn câu cuối:

Lý lý ơi khát khô cả giọng
Tình tình ơi chớ động mảnh thừa
Chìa vôi quệt gió hững hờ
Bờ ao sáo tắm bao giờ...hả em

Và tôi đứng dưới gốc cây bàng xế cửa nhà cô H., với những thân thờ, già rồi anh ạ, chuyện gần thì quên, chuyện xa thì nhớ. Ấy là đã từ lâu tôi như bị thôi thúc tìm về con đường mòn cũ, cùng những khắc khoai trong buổi trưa hè, bà chị họ vén yếm cho con bú, yếm màu vỏ chay, vỏ bứa, màu nâu đất của ruộng vườn, chôn sâu bám chặt cùng tiếng võng hiu hắt, đong đưa về với tiếng hát quan họ của những cô gái đồi Lim “Rằng tôi lý ới a tháng Giêng ới a tính tang tình rằng, cho đôi mình gặp, xem hội cái đêm trăng rằm”. Những khúc đồng dao mà tiếng láy, tiếng đệm là những nốt nhạc đơn điệu, là cái gạch nối của chiếc nón quai thao, cái thắt lưng ruột tượng và cũng không thể quên khước mắt lá rằm, lông mày lá liễu. Tôi không nhìn qua kẽ hở, để đợi *bờ ao sáo tắm bao giờ...hả em*. Mà chỉ lũi cúi đứng một mình bên này dưới cây bàng, tàng cây nấp sau ánh

trắng và hình dung bên kia con ngõ nhỏ, qua cửa sổ, có ánh đèn.

Tôi hình dung ai đấy “Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều, nào đâu cái áo tứ thân, cái khăn mỏ quạ cái quần nái đen”, để chẳng tìm thấy hơi hương hoa khế, hoa cau. Nào đâu yếm thắm hương xưa, “Cây chanh lại nở hoa chanh, để con bướm trắng bay quanh cả ngày”. Cùng hoài vọng *thuyền thúng là thuyền thúng ơi, có ai về trong quan họ cho đi nhờ* với hững hờ ngần ngại: Bao giờ tìm lại được...lá diêu bông”.

Thấy tôi ngần ngại như rần ngày với: *Bao giờ tìm lại được...lá diêu bông*

Cạn ly rượu màu hổ phách, cụ mắng tôi như vặt thớt: “Cái nhà anh này đoảng, cái đáng hỏi thì không hỏi”. Không đợi tôi đàn đờ hỏi...Thêm một lần, cụ bí rì đừng cho ông cụ tôi hay biết chuyện sống để bụng chết mang theo của cụ dưới đây...

Từ cái lúc trời đất vẫn chưa đỏ đèn, đứng dưới gốc cây bàng, thân già vác dùi nặng, tay cụ khư khư ôm lọ nước hoa Channel no.5 của cô con gái. Chán rồi cụ thả rong bước một, đi qua đi lại cái cổng mà đằng sau là “Mận hỏi thì đào xin thừa, vườn hồng rộng mở nhưng chưa ai vào..”. Nhưng cụ chừa dám vào vì cứ ngần ngại và băn khoăn mãi, lý do dễ hiểu là...”mận” là cụ nay đã khom, đã cũ kỹ như một món đồ cổ. Thế nên cụ đã lờ úp mở, đối già với cô H. trước khi hỏi có quận: Tuổi cụ đâu đó mới

khoảng...ngũ thập nhi bất hoặc. Cuối cùng cụ cũng đành rời...cây bàng của Bắc Ninh.

Học cụ...thê là đi trượt. Gặp buổi mây chiều gió sớm, tôi một mình về thăm ký ức. ngồi thì lì gõ vào trí nhớ...nhớ cụ dặn đi đi dặn lại tôi: “Anh đừng cho ông cụ anh biết chuyện nhá”. Nhá nhem thì vào một ngày tối như đêm, dày như đất, tôi quên bống lời cụ dặn và thưa với ông cụ tôi là tôi tiếc cho cụ vì nói dối tuổi nên xôi hồng bống không Ông cụ tôi chép miệng mà rằng: “Đúng là cụ huyện Trì”.

Thấy tôi lụng bụng “Đúng là...”, sao không...“Không là cụ huyện Trì” này kia, kia nọ, ông cụ tôi đùm đầu nhiều chuyện chẳng hẳn là chuyện...dối già, dối trẻ của cụ...

Về lại đất âm tình nồng ít lâu, ông cụ tôi cho cụ huyện Trì xem cái tếp “vi-đê-ô” của người trong nước “giao lưu văn hoá” qua nhạc cảnh *Hội trùng dương* của Phạm Đình Chương. Họ thu phần ngoại cảnh bên bờ sông Hồng, phụ diễn có cô H. mặc áo tứ thân, tay cầm nón quai thao hát quan họ. Vì là nhóm làm phim điện ảnh chuyên nghiệp của Hà Nội, nên họ thu hình bằng cách “tiếp cận” cô H. rất rõ nét: Cô có khuôn mặt ngoài bốn mươi nhưng dáng dấp trẻ hơn tuổi. Cụ huyện Trì lặng người đi vì bóng dáng cô H. này đây...hao hao giống cô hát quan họ làng Nội Duệ như...khuôn đúc. Riêng con mắt sắc như dao cau thì chạy trời không khỏi nắng, không khác mây may với người xưa ngày nào năm ấy. Đến đây, sau những lẳng đọng, cụ huyện Trì hết ngẩn

ngơ đến ngơ ngẩn và búí bấn với ông cụ tôi: "Không lẽ là...con tôi".

Nghe thủng rồi, tôi như rách giời rơi xuống, như Từ Thức về trần trong cõi trần ai.

Nghe tin cụ nằm trong viện dưỡng lão, lại đang đèn lu dầu kiệt. Tôi vào thăm với túi đồ ăn, đó là bánh cuốn Thanh Trì đầy voi của cụ. Nói cho ngay, bánh cuốn đây tôi mua ở tiệm Thiên Thanh ở thành phố tôi đang "ngụ cư", bánh cuốn tên Thanh Trì trắng có mỏng đấy, nhưng chỉ mỏng tới...Hà Nam chứ chưa tới Hà Đông. Không những thế lại ăn với giò chả...chả ngon như đậu rán sốt, nhai một hai miếng, cụ lắc đầu, phẩy tay bỏ qua một bên. Tiếp đến, cụ thều thào đảo qua phố chợ ở ga Núi Tiét, trong những ngày đầu năm với cái nắng ngọt người để thành chuyện...gà gáy: "ó, ó, ooo...o...o..."

Học theo nhà văn Nguyễn Công Hoan: "Truyện ngắn là hư cấu Nhưng phải dựa trên chuyện có thật". Đến khúc kết chuyện của cụ huyện Trì, tôi hư cấu bằng vào vay mượn truyện *Câu hát tìm nhau* của tác giả Quế Hương. Với cốt truyện tóm lược...

(...) Năm ấy ở hội làng Lim (...). Mắt lão bỗng mơ màng. Rồi một giọng hát đằm thắm da diết cất lên: "Ăn quả nhấm lồng. Ước sao người ấy tôi bông trên tay...". Lão Tâm Xuân xa vắng "Cô ấy hiểu lòng tôi, chú ạ!" Lão lại ngưng hát, kê: Tôi hát bài "Khi tương phùng, khi tương ngộ" ngang nửa bài thì

cô ấy xen ngang, hát tiếp: "Bạn tình ơi! Em biết đến bao giờ họp mặt sánh đôi...Trước không phải, sau đền duyên ba sinh". Chúng tôi cắt câu quan họ làm đôi, mỗi đũa giữ một nửa. Hẹn một ngày chấp lại.

Lão Tầm Xuân lưu lạc vào tận Sài Gòn tìm...nửa câu quan họ còn lại. Lão làm nghề mài dao kéo kiếm sống. Gặp lại lão, mới hai năm mà lão già như tám gỗ mọt. Đôi mắt mờ đục, giọng hát khà khà. Câu quan họ làm lủi lạc theo, lạc lững trong thành phố. Lão nói: Tuần sau tôi về chú ạ. Tôi về để mười ba tháng Giêng tới dự hội Lim lần cuối. Tôi nhìn lão, chiều tà dần trong đôi mắt màu hoàng hôn.

Khoảng mười hôm sau, con dao chặt thịt bị mẻ, em tôi nhắc:

- Trại dưỡng lão em làm có một bà già nhập trại không nói một lời, tưởng câm, khi gần chết hóa ra biết hát. Cái giọng na ná như lão mài dao.

Tôi bắt nó chở đi, dọc đường tôi kể lão Tầm Xuân đi tìm người tình là cố Xuân, đi tìm nửa câu quan họ còn lại. Bây giờ nằm trước mặt tôi là bà cụ mỏng như giấy, mặt vàng, hơi thở dốc... Hay tôi lầm? Tôi định lui ra nhưng chiếc lá khô ấy bỗng khè khàng động đậy. Rồi từ lòng ngực thoi thóp hơi tàn, phều phào những tiếng, lời rời rạc. "Bạn tình ơi! Duyên bén ngãi, trước không phải... sau đền... duyên... ba sinh".

- Đúng rồi! Cố Xuân đây rồi! Lão Tầm Xuân ơi! Nửa câu quan họ đây rồi.

Bà cụ mấp máy môi hát, âm sắc yếu dần... yếu dần... Nhanh trí, tôi nắm lấy bàn tay còn xương với da ấy và tôi lập lại lời hát của lão Tầm Xuân: "Khi tương phùng, khi tương ngộ, xuôi lên bộ vắng vắng tơ tình..."

Lạ lòng thay,...Mí mắt bà lão động đậy, rồi giọng hát yếu ớt cứ rõ dần hòa với cái giọng vệt đục ồ ồ của tôi. Mà lão đã về quê rồi. Em gái tôi góp ý nhắc lão trên đài. Mẩu tin kỳ quái được nhắc lại hai hôm: "Lão Tầm Xuân! Đã tìm ra nửa câu quan họ. Đến gặp trại dưỡng lão số 3, đường... Mau lên kéo không kịp". Không kịp thật. Cố Xuân hất ra hơi thở cuối cùng, lão vẫn bật tằm. Chiếc xe tang đưa cố đến lò thiêu. Không một vành khăn, không dòng nước mắt. Có lẽ giờ này lão Tầm Xuân đang lê bước trở về.

Nửa câu quan họ làm lui theo lão... *Chơi voi... Chơi voi...*"

Tháng sau tôi đến nữa và dẫn theo...tác giả Quế Hương với "Câu hát tìm nhau".

Lần này tới nơi gặp lúc cụ ngủ li bì, hơi thở đứt quãng, để lay tỉnh cụ dậy. Hình nhân thể mạng tác giả Quế Hương là...tôi. Tôi nắm lấy bàn tay còn xương với da ấy và lập lại câu hát của chàng trai nào đó *gân đây mà chẳng sang chơi, để anh ngắt ngọn mông toi bắc cầu*. Tiếp đến, tôi hát thay cho cô gái Nội Duệ đất Bắc Ninh *mông toi chẳng bắc được cầu, để em trải yếm bắc cầu anh sang*. Với nửa câu quan họ này, tôi đề là như truyện ngắn *Câu hát tìm*

nhau, là cụ sẽ... chơi vui... chơi vui.. Lạ lùng thay, miệng cụ khê khàng động đậy, cụ lắc lắc cái đầu và...phẩy tay như đuôi..ruồi.

Trong cái lúc thiên hôn địa âm nôm là *mù mịt, rồi rẩm* vì tôi không biết hát...Nên để hát quan họ, tôi mừng tượng trên đầu giường cụ treo bức tranh của cụ Nguyễn Gia Trí. Rồi tôi để hồn đi hoang không biết cái yêm đào bây giờ lưu lạc ở phương nao.

Tuần sau cụ mất...Đám tang nhằm vào một ngày trong tuần nên tôi không tiễn đưa cụ lần cuối. Bởi chung *Kinh thi* có câu bách quế quy vu kỳ thất, rằng *trăm năm rồi cũng về nhà*. Thế nên tôi nhằm chùng cụ đang thông dong ở đầu thôn cuối xóm, trên con đường mòn gần đồi *Lim sớm đi chơi hội, tối về quay tơ, dải yếm phát phơ*.

Bài viết xong, gửi báo *Sài Gòn nhỏ* số 611 đăng năm 2010, tôi đưa ông cụ đọc. Ông cụ tôi nhăn mặt nói viết gì mà có hơi rồi, hơi ngúc ngắc. Nay cụ đã mờ yên mả đẹp, nên tôi thưa với ông cụ tôi, rồi rẩm vì chuyện cụ kể lung tung trống kèn sao ấy khiến tôi chả biết đầu mà lẩn. Còn ngúc ngắc, tôi sấm nắm chuyện cụ đang đứng dưới bóng cây bàng vì lọng cọng với tuổi tác nên bỏ đi về...Về rồi chuyện dây cà ra dây muống cô H. là con của cụ khiến tôi chả hiểu gì sất cả. Tôi góp nhóp mắt sắc như dao cau đầu cứ hấn là cô H. Nghe vậy, ông cụ tôi ngày ngật rằng bạn già chơi với nhau cả mấy

chục năm, ấy vậy mà vẫn không hiểu nhau...Nhất là “già hay đái tật”, ông cụ tôi bầm búi “đái” đây là “mang”, về già cụ mang cái tật...không giống ai. Vì vậy mới có chuyện dây cà ra dây muống khác chính ông cụ tôi cũng chẳng hay biết nữa là... .

Là chuyện rồi ren, rồi rắm thế này đây...

Về Bắc Ninh đảo qua Hà Nội, mấy năm sau cụ mới kể cho ông cụ tôi chuyện đi của cụ: Ngược lên Bắc Ninh tìm người con gái nơi phố chợ ở ga Núi Tiét, nghe hơi nôi chỗ người xưa đã về phố Hàng Mã làm vàng mã cho nhà đờn. Cụ mò về Hà Nội lại nghe đâu người con gái Nội Duệ xuống Hải Phòng bán nước ở phố Cát dài. Cụ gặp người xưa đang lọ mọ bán hàng nước bên phố chợ, hai mắt che phất phơ miếng vải tây điều bằng bàn tay vì người xưa đau mắt hột. Người xưa vén miếng vải ra, với con mắt toét nhèm đầy rỉ ghèn, người xưa ngơ ngác hỏi...cụ là ai. Cụ nhét vào tay người xưa 50 đô, bằng tiền cô H. ngâm thơ cho cụ ngày nào. Rồi cụ thở ra như tiếng thở dài với ông cụ tôi, nếu biết thế thì đừng về gặp người xưa năm cũ nữa thì hay hơn.

Lâu ngày chày tháng, nay chuyện được viết lại. Tôi cũng rồi ren, rồi trí vì không biết có nên đưa chuyện rách giời rơi xuống này vào *Yếm thơm hương xưa* chẳng.

Thạch trúc gia trang
(viết xong Giáp Thân 2004
thêm bớt Đinh Dậu 2017)

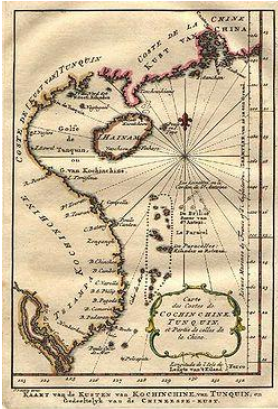
Hải bất dương ba (*)

Đời nhà Nguyên thế kỷ 13, ông Châu Đạt Quang với 30 năm ngược xuôi trên biển cả và để lại tập *Chiêm Thành phong thổ ký*, cảm nang hải hành cho những người đi sau. Trong “Chiêm Thành phong thổ ký” chỉ nhắc đến cửa Đại Chiêm (Hội An) của người Chiêm Thành chứ không đề cập đến hai quần đảo “Hoàng Sa” và “Trường Sa”.

Vào thế kỷ thế kỷ 14 và 15, hải đồ *Địa trung hải phương Đông* của Ba Tư cũng vậy, nếu họ có ghé chân lên hai quần đảo trên và đặt tên cũng như Christopher Columbus tìm ra Nam Mỹ với những tên Y Pha Nho như Dominica, hoặc Guadeloupe, v...v...

Cũng vậy, từ thế kỷ 16, người Ấn Độ, Ả Rập, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hoà Lan, Anh, Pháp đã đề cập về các đảo trên. Trong số đó có các nhà hàng hải Pháp, họ xuống tàu từ cảng La Rochelle ngày 7 tháng 3 năm 1568 cùng với các tu sĩ Dòng Tên đã đến một hòn đảo trong quần đảo Hoàng Sa. Hòn đảo trở nên nổi tiếng trong các biên niên sử hàng hải với vụ đắm tàu “Amphitrite” dưới thời vua Louis XIV trong khi đưa các giáo sĩ Châu Âu sang Viễn Đông, và gặp nạn ở đây.

Hòn đảo trong quần đảo Hoàng Sa trở thành địa danh hàng hải quốc tế với tên *Amphitrite*. Tên này được đặt theo tên chiếc tàu của Pháp bị đắm chìm.



Hoàng Sa

Trường Sa

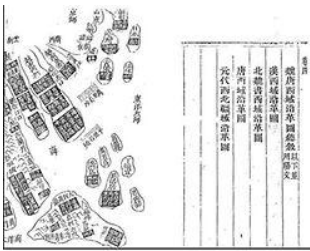
Danh từ Paracels xuất hiện lần đầu tiên trên bản đồ Bán Đảo Đông Dương (Carte de la Péninsule

Indochinoise) do Frère Van Langren, người Hòa Lan, ấn hành năm 1595. Bản đồ này phác họa nhờ những tài liệu của người Bồ Đào Nha, nối gót nhà hàng hải Vasco de Gama, đã tiên phong đông du tìm kiếm xứ Ấn Độ bằng đường biển (route maritime des Indes) bằng cách đi vòng mũi Hảo Vọng (Cap de Bonne Espérance) năm 1497. Nhiều tàu thủy Bồ Đào Nha đã tới Malacca từ năm 1509, Xiêm La từ năm 1511, vào năm 1516 thì Fernando Perez d'Andrade đến cửa biển sông Mekong.

Nhưng cho đến thế kỷ 17 và 18, người Châu Âu kể cả Anh và Pháp vẫn chưa phân biệt rõ vị trí khác nhau giữa hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trên bản đồ thường ghi *I de Pracell* như bản đồ Bartholomen Velho 1560, bản đồ Fernao Vaz Dourado 1590, bản đồ Van Langren 1595 (Theo giáo sư Pierre Yves Manguin, danh từ Ilhas do Parcel (Paracels) do người Bồ Đào Nha đặt ra. Trong từ ngữ của họ, danh từ Parcel có nghĩa là “đá ngầm” récif - Nhưng theo giáo sư A. Brébion, Paracels do tên một chiếc tàu của công ty Hòa Lan Đông Ấn, tên Paracelsse, bị chìm đắm tại quần đảo này hồi thế kỷ XVI). Mãi đến năm 1787-1788, đoàn khảo sát Kergariou Locmaria mới xác định rõ vị trí của quần đảo *Paracel* (chính xác là quần đảo Hoàng Sa hiện nay) và từ đó người phương Tây mới bắt đầu phân biệt quần đảo Hoàng Sa ở phía bắc với một quần đảo khác ở phía nam, tức quần đảo Trường Sa.



Bản đồ trong sách *Phủ biên tạp lục* do Lê Quý Đôn soạn năm 1776, gọi nhóm đảo là *Bãi cát vàng*, hay *Cồn vàng* là tên Nôm do dân gian đặt cho quần đảo này. Trong sách *De la Cochinchine*, J.L. Taberd gọi là “des Paracels ou de Kat-vang” (Hoàng Sa là tên chữ Hán, nghĩa là "cát vàng") gồm nhiều đảo, bãi san hô nhỏ và mỏm đá ngầm.



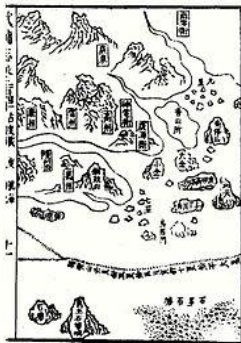
“Hoàng Sa” trong *Phủ biên tạp lục*

Hoàng Sa cách Đà Nẵng khoảng 150 hải lý (**) (275 km) được gọi tên chung là *Achipel des Paracels*. Quần đảo gồm 6 đảo lớn và những hòn nhỏ thường bị ngập dưới nước khi thủy triều dâng lên. Thời Pháp, 6 đảo lớn được chia ra làm hai nhóm.

Nhóm thứ nhất được gọi là nhóm đảo Amphitrite (tên chiếc tàu Amphitrite thời

vua Louis XIV bị đắm ở Hoàng Sa). Nhóm thứ hai là nhóm đảo hình trăng lưỡi liềm (Groupe du Croissant) có đảo Hoàng Sa (*Ile Pattle, Pattle Island*). Hai hòn đảo lớn nhất của quần đảo này là Lâm đảo (*Ile Boisée, Tree Island*) có cây cối um tùm như rừng, nên mới được mệnh danh như vậy và đảo Hoàng Sa có rất nhiều dừa nước và bụi rậm. Tổng diện tích của 6 đảo lớn khoảng hơn 10 cây số vuông.

Thời Pháp thuộc, Trường Sa vừa được gọi là *Spratly*, vừa được gọi là *Ile de (la) Tempête* (tạm dịch là *đảo Bão Tố*). Tên gọi này bắt nguồn từ tên tiếng Anh *Horsburgh's Storm Island* do James Horsburgh, nhà thủy văn học người Scotland đặt vì khi tới đảo, ông chỉ gặp những bão với bão. Năm 1843, nhà hàng hải Richard Spratly đặt tên cho đảo là *Spratly's Sandy Island*, vì khi tới đây, ông chỉ thấy toàn những cồn cát. Quần đảo Trường Sa cách Phan Thiết 280 hải lý, tổng diện tích đất nổi rất nhỏ, không quá 5 km, gồm những đảo “rạn-đá-ngà”, đảo “đá-bãi”, đảo “cồn-cát”.



Đời nhà Minh thế kỷ 14 và 15 với “Con đường gôm sứ và tơ lụa trên biển” qua 7 chuyến đi về của Đô đốc Thái giám Trịnh Hòa (1371-1435) tới tận Ấn Độ, Phi Châu và Trung Đông. Trên đường đi, đoàn thương thuyền

của ông tìm ra Cù lao Chàm. Ngày nay ở bãi Hương tại Cù lao Chàm có miếu cổ tên thờ Thái giám Trịnh Hòa. Ngoài ra qua *Trịnh Hoà hàng hải đồ* (nguyên danh *Tự Bảo thuyền xướng khai thuyền tông Long Giang Quan xuất thủy trực để ngoại quốc chư phiên*) ông đã tìm ra Hoàng Sa và Trường Sa. (***)

Gần đây, người Trung Hoa đưa ra *Thiên hạ hải đạo toàn đồ* được vẽ vào khoảng năm 1624 Ung Chính thứ 4, 200 năm sau cuộc hải hành Trịnh Hòa. Họ cho hay “Thiên hạ hải đạo toàn đồ” được vẽ theo Trịnh Hòa hàng hải đồ có ghi địa danh *Vạn lý thạch đường*. Đảo này nằm ở phía đông đảo Hải Nam và Lý Sơn. (Đảo Lý Sơn tức Cù lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi cách Hoàng Sa 315 km). Từ “*Thiên hạ*” hải đạo toàn đồ thì cái tên “thiên hạ” đã nói lên tất cả: Đảo Lý Sơn và Hoàng Sa thuộc về...thiên hạ.

Sau đây Trung Hoa lại trưng ra “bản đồ của Mao Kun” vào thế kỷ 17, cũng được cho là giống với Trịnh Hòa hàng hải đồ có ghi địa danh *Vạn lý thạch đường* mà họ cho là Hoàng Sa. Đồng thời họ đưa ra một hải đồ khác nữa gọi là *Hỗn nhất cương lý lịch đại quốc đồ chi đồ* vào thời nhà Minh có đánh dấu vị trí của Vạn lý thạch đường..”khác nữa”. Vị trí này hiện được phía Trung Hoa cho là...“tương ứng” với Trường Sa. Tuy nhiên Vạn lý thạch đường này được vẽ nằm ở phía đông đảo Hải Nam. Vì “đường” có nghĩa là “đàng”, đi bên đàng gặp đảo hoang nào đó họ đánh dấu và ghi chú một cái tên.

Như người Âu Châu, cho đến thế kỷ 17: *Người Trung Hoa cũng vẫn không phân biệt rõ vị trí giữa hai quần đảo Hoàng Sa với Trường Sa.*

Trên đường đi tìm những địa danh và dấu tích của hai đảo trên, đầu thế kỷ 21, một nhà biên khảo ở Hà Nội tìm thấy một tấm đồ thị có tên là *Việt Nam địa dư đồ*. Tấm đồ thị này cũng được lưu trữ tại thư viện Đại học Oxford ở Anh Quốc, cũng vào thời nhà Thanh, do Xa Khâu Từ Diên Húc soạn vào thời Gia Long.

Bản đồ ghi: “Việt Nam quốc toàn đồ thuật lược”, nghĩa là *ghi chú tóm tắt và đánh dấu đất đai của ta* thời ấy: Như “Nguyễn Quang Trung phụ tử cư” là *thổ ngơi của cha con Nguyễn Quang Trung*. Tới “Thử Việt vương Nguyễn Phúc Ánh diệt chi tọa độ thử” là *Vua Nguyễn Phúc Ánh diệt họ rồi lấy đó làm kinh đô*. Đặc biệt, tác giả vẽ một vòng tròn ở Phú Xuân, tô đậm và viết “VN quốc kiến đô” tức *chỗ đóng đô của VN*.

Theo bản đồ có ghi chú các tỉnh của nước ta vào thời Nguyễn lúc bấy giờ như Cao Bằng, Tuyên Quang, Sơn Tây, Quảng Yên, Nam Định, Thanh Hóa, Phú Xuân, Quang Ngãi, Biên Hòa, Gia Định. Đường biên giới phía bắc phân định Trung Hoa với VN gần giống với hiện tại, riêng bờ biển không giống lắm. Trên vùng biển có hàng chữ rất quan trọng, phía đông nam của biển đề “Tiểu Trường Sa hải khâu”, phía dưới xa hơn đề “Đại Trường Sa hải khâu”. Theo một số nhà bản đồ học cổ, tiểu Trường

Sa là chỉ Hoàng Sa, còn đại Trường Sa chỉ Trường Sa hiện nay.

Năm 2012, tại Hoa Kỳ, thêm một người Hà Nội tìm ra *Trung Hoa bưu chính dư đồ*. Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ Giao thông của Trung Hoa Dân Quốc xuất bản lần đầu năm 1919 ở Nam Kinh bằng 3 thứ tiếng Trung-Anh-Pháp. Năm 1935, Trung Hoa Dân Quốc đã xuất bản "Biểu đối chiếu tên gọi Hoa-Anh các đảo thuộc Nam Hải Trung Quốc", trong đó gọi Hoàng Sa là *Tây Sa/Xishá đảo*) và Trường Sa là *Nam Sa/Nánwēi đảo*.



Trung Hoa bưu chính dư đồ

Hoàng Sa và Trường Sa qua những bộ chính sử của Trung Hoa như *Tiền Hán thư*, *Đường thư*, *Tống sử*, *Nguyên sử*, *Minh sử* và *Thanh sử* được đề cập đến như sau.

1. Tiền Hán thư (76 – 84)

Vào thời kỳ này, có thể nói người Trung Hoa chưa biết gì về các quần đảo ở vùng dưới biển nam Trung Hoa. Những ghi chép trong bộ Tiền Hán thư chỉ nhắc đến sự kiện chinh phục đảo Hải Nam, chứng tỏ đảo này không thuộc nhà Hán. Người dân bản xứ được nhắc đến ở đây là các bộ tộc đã chống lại ách đô hộ, buộc quân Hán xâm lược phải rời bỏ đảo vào thời gian đó. Tuy nhiên, sau cái chết của Hán Vũ Đế, nhà Hán bắt đầu suy thoái. Đời Hán Nguyên Đế, quân nhà Hán đã phải rút khỏi đảo Hải Nam cho đến đời Lương, Tùy mới đặt lại nền cai trị. Nếu nhà Hán đã bỏ đảo Hải Nam thì cũng không lý vấn đến các đảo Hoàng Sa Trường Sa tại Đông Hải.

2. Đường thư (1060)

Sách Đường thư đề cập tới cuốn *Giao Châu dị vật chí* của Dương Phu chép những chuyện kỳ dị tại Giao Châu (VN). Sách này chép tại Thất châu dương (Hoàng Sa) là nơi có nhiều đá nam châm khiến các thuyền ngoại dương có đóng chốt sắt đi qua không được. Điều này đã khẳng định quần đảo Hoàng Sa thuộc về Giao Châu xưa (VN).

3. Tống sử (960-1297)

Sử gia Triệu Nhữ Quát đời Tống trong *Chư phiên chí* cho biết vùng quần đảo Vạn Lý Trường Sa là nơi nguy hiểm, tàu thuyền Trung Hoa không nên đến gần vì chỉ đi sai một tí là có thể chìm đắm. Nhan đề sách là Chư phiên chí, có nghĩa là chép chuyện các phiên quốc, nước ngoài. Vạn Lý Trường Sa nằm

ở phiên quốc, có nghĩa là không thuộc về Trung Hoa mà thuộc về phiên quốc Nam Việt. Như vậy, biên giới trên vùng biển phía nam Trung Hoa vào đời nhà Tống cũng chỉ tới đảo Hải Nam.

Đời Nam Tống, cuốn *Lĩnh ngoại đại đáp* của Châu Khứ Phi cũng xác nhận: “Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa) tọa lạc tại Giao Chỉ Dương”. Như vậy, các thư tịch cổ Trung Hoa từ đời nhà Tống đã cho thấy Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc về Trung Hoa mà thuộc về nước khác mà Trung Quốc gọi là phiên quốc hay Giao Châu, Giao Chỉ.

4. Nguyên sử (1206-1368)

Sau 3 phen thất bại, nhà Nguyên không còn dòm ngó Đại Việt cả trên lục địa đến các hải đảo. Trong *Dur địa đồ* đời Nguyên của Chu Tư Hiện năm 1561 phần cực nam lãnh thổ Trung Hoa là đảo Hải Nam.

Đời nhà Nguyên thế kỷ 13, ông Châu Đạt Quang với tập *Chiêm Thành phong thổ ký* chỉ nhắc đến cửa Đại Chiêm của người Chiêm Thành.

5. Minh sử (1369-1648)

Dưới đời nhà Minh, Minh Thành Tổ cử Đô đốc Thái giám Trịnh Hòa chỉ huy những đoàn thám hiểm nhằm khai thác con đường tơ lụa trên biển qua Ấn Độ, Phi Châu và Trung Đông. Trên thực tế trạm trú chân của đoàn thuyền này là Đồ Bàn (Chaban) thủ phủ Chiêm Thành bấy giờ. Chính sử nhà Minh cho biết, từ thế kỷ XV, các đảo Hoàng Sa nguyên là địa

bàn ngư nghiệp của Chiêm Thành đã trở thành lãnh thổ của Đại Việt.

Đại Minh nhất thống chí gọi vùng biển Hải Nam là “Biển nam Trung Hoa” và vẽ phân cực nam Trung Hoa là đảo Hải Nam. Trong khi cuốn *Vũ bị chí* của Mao Nguyên Nghi gọi “Biển Đông” là Giao Chỉ Dương. (Sau này qua cuộc tranh chấp về hải phận giữa Trung Hoa và VN, tên “Biển Đông” bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa).

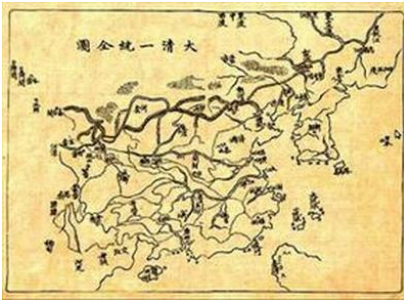
(“Hạm đội” của Trịnh Hòa gồm 4 “Đại thuyền” và cả trăm thuyền nhỏ bao quanh để bảo vệ. Đại thuyền cao ba, bốn tầng, có tầng để chứa đà điều, lạc đà cao cổ. Theo sách khảo cổ, Trịnh Hòa ghé “Bạch Địch Trường”, tức bến Vân Đồn ở vịnh Hạ Long, ghé Cù Lao Chàm gần Hội An (Cửa Đại Chiêm) để mua đồ gồm Bát Tràng, Chu Đậu, Thổ Hà.

Trịnh Hòa chỉ huy những cuộc hành trình tại Ấn Độ Dương mệnh danh là “Thất Hạ Tây Dương” (Tây Dương là Ấn Độ Dương). Điều đáng lưu ý là về 7 chuyến công du tại trên 30 quốc gia trong 28 năm (từ 1405 đến 1433). Trong *Hải trình ký* của Trịnh Hòa ghi chép những chuyến hải hành đi về Trịnh Hòa đã dừng chân tại hải cảng Chaban (Trà Bàn hay Đồ Bàn) thủ phủ Chiêm Thành. Như vậy không có chuyện phái bộ Trịnh Hòa đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa để chiếm hữu và hành sử chủ quyền.

Chính sử Trung Hoa là cuốn *Lịch sử Trung Quốc thời trung cổ*, Hsieh Chiao-Min nhận định: “Suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Trung Hoa không tha thiết với đại dương”. Thảng như triều đình Trung Hoa gửi những đoàn thám hiểm đến Ấn Độ, Ba Tư và Phi Châu trong thế kỷ XV. Điểm rõ nét nhất là những tài liệu trên biển Thái Bình Dương có rất ít, gần như là không có từ đời nhà Tần đến nhà Thanh từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX.

Sau khi Minh Thành Tổ mất, triều đình nhà Minh đã phê phán những cuộc hải trình nặng phần trình diễn của Trịnh Hòa đã góp phần làm suy yếu nền kinh tế nhà Minh).

6. Thanh sử (1649-1916)



Đời nhà Thanh, từ thế kỷ thứ XVII đến XX, theo bản đồ *Hoàng Thanh nhất thống dư địa bản đồ* ấn hành năm 1894 thì đến cuối thế kỷ XIX:

“Lãnh thổ của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam là hết”. Sự kiện này còn được xác nhận như sau: “Điểm cực nam của Trung Quốc là quận Châu Nhai thuộc Hải Nam tại vĩ tuyến 18”.

Hải Nam, Giao Chỉ và Đài Loan

Quận Châu Nhai kéo dài từ vĩ tuyến 20 (ngang Thanh Hoá) đến vĩ tuyến 18 (ngang Nghệ An – Hà Tĩnh). Trong khi quần đảo Hoàng Sa tọa lạc về phía nam, từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 15 (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi) và quần đảo Trường Sa tọa lạc tại các vĩ tuyến 12 đến vĩ tuyến 8 (Cam Ranh – Cà Mau).

Trong bộ sách địa lý *Đại Thanh nhất thống chí* do Quốc sử quán nhà Thanh biên soạn năm 1842 với lời tựa của Hoàng đế Thanh Tuyên Tông, không có chỗ nào ghi Thiên Lý Trường Sa hay Vạn Lý Trường Sa. Đại Thanh nhất thống toàn đồ vẽ đảo nhỏ ở phía dưới là Hải Nam, gần đó bên trái là Giao Chi, đảo lớn bên phải là Đài Loan.

Hơn nữa, trong *Hải quốc đồ ký*, chép: “Vạn Lý Trường Sa là dải cát dài ngoài biển được dùng làm *phên dậu* che chắn mặt ngoài bờ cõi nước An Nam”. Những sự kiện trên được minh chứng từ chính sử của nhiều triều đại Trung Hoa đã mặc nhiên thừa nhận chủ quyền của người Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong suốt hơn 22 thế kỷ từ thời Hán cho đến nhà Thanh đầu thế kỷ XX.

(Ngoài ra cuốn *Hải ngoại ký sự* (1695) của Thích Đại Sán một nhà sư thời Khang Hy đã đến đất Thuận Hóa của chúa Nguyễn ngày 29 tháng giêng năm Ất Hợi (13-3-1695) thuật lại chuyến hải hành và ghi nhận chủ quyền của Đại Việt trong việc kiểm

soát vùng biển đông với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ít nhất từ thế kỷ thứ XVII).

Hoàng Sa và Trường Sa xuôi dòng sử Việt qua sử phạm:

Đời Lý (1009-1225)

Năm 1075, Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt vẽ hình thế núi sông 3 châu Ma Linh, Địa Lý và Bồ Chinh. Theo Lê Quý Đôn vào năm Tân Mão 1172, Lý Anh Tông đi chơi "Xem sơn xuyên hiểm trở, đường sá xa gần và sự sinh hoạt của dân gian...". Năm Nhâm Thìn 1173, Lý Anh Tông "Sai quan làm quyển địa đồ của nước Nam...".

Đó một quyển địa lý học Việt Nam gọi là *Nam Bắc phiên giới địa đồ*.

Thực ra dựa vào tấm sơ đồ của Lý Thường Kiệt cho người vẽ những địa danh trên đường đi đánh Chiêm Thành và ngừng chân ở Bồ Chánh. Nên chưa tới vùng biển.

Như vậy là ngành địa lý đã xuất hiện chính thức ở nước ta từ đời nhà Lý.

Đời Trần (1225-1400)

Suốt đời Trần, không thấy sử sách ghi chép gì về bộ môn địa lý.

Đời Lê (1428-1788)

Qua đời Lê có Nguyễn Trãi (1380-1442) hiệu Úc Trai, người xã Nhị Khê (Hà Đông) là người viết quyển địa dư lấy tên là *Địa dư chí*. Quyển này lược khảo địa dư các triều trước đời Lê Thái Tổ, chép địa dư buổi Lê sơ, kể rõ các đạo trong nước, rồi cứ mỗi đạo xét về núi sông, sản vật và liệt kê các phủ, huyện, châu, xã. Địa dư chí của Nguyễn Trãi là quyển địa lý học xưa nhất còn lại cho đến ngày nay. Và cũng là lần đầu tiên, các hải đảo ngoài khơi phía đông được gọi là *Đại Trường Sa đảo*.

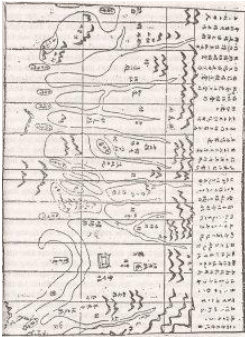
Năm 1490, Hồng Đức thứ 21, Lê Thánh Tông sai hiệu đính *Địa dư chí* để soạn *Hồng Đức bản đồ*. Năm 1653, đời Lê Hiến Tông và Trịnh Cương, có Dương Nhữ Ngọc người Lạc Đạo (Gia Lâm), soạn *Thiên Nam lộ đồ thư* viết: “Vua Lê Chúa Trịnh mỗi năm vào cuối mùa đông, đưa 18 chiếc thuyền đến đảo gom nhặt súng đạn của tàu đắm trôi dạt vào nhặt được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ. Chỗ bãi cát ấy cũng có đôi môi”.

Vì vậy qua *Địa dư chí* của Nguyễn Trãi, người sau biết đến những hải đảo được gọi tên chung là Đại Trường Sa đảo. (Như khúc đầu đã đề cập, riêng Hoàng Sa qua bản đồ trong Phủ biên tạp lục, Lê Quý Đôn gọi nhóm đảo này là Bãi cát vàng, hay Cồn vàng).

Đảo danh Trường Sa đã thấy có từ lâu trong cuốn *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá vào cuối thế kỷ 17. Sách này gồm có 4 quyển, trong mỗi quyển có một số bản đồ với những lời chú thích viết

một trang hoặc được viết liền trên phía trên bản đồ. Những bản đồ này vẽ lại đường lối đi từ Thăng Long đến nước Chiêm Thành, từ Kinh Kỳ cho đến Quảng Đông, từ phủ Phụng Thiên cho đến Quảng Tây, Vân Nam, và từ Kinh thành cho đến cửa Bắc Quang (Lạng Sơn).

Theo nhà khảo cổ Pháp, Dumoutier soạn giả khảo cứu nhan đề *Etude sur un portulan Annamite du 15ème siècle* đăng tải trong kỷ yếu *Bulletin de Géographie historique et descriptive* (1896) thì những bản đồ này đã được vẽ theo những tài liệu thu lượm được vào cuối thế kỷ 15, trong khi vua Lê Thánh Tôn thân chinh đi đánh Chiêm Thành năm 1470.



Hồng Đức bản đồ
(thuộc đời Lê)

Chính ở trong một số bản đồ này đã thấy có ghi đảo danh Trường Sa (tham chiếu Hồng Đức Bản Đồ của Viện Khảo Cổ Sài Gòn năm 1962 dịch theo bản

vi phim (microfilm) của Đông Dương Văn Khố (Toy Bunko, Tokyo, vi phim số 100.891).

Vậy là Trường Sa đã được đặt tên sau khi Lê Thánh Tôn bình định Chiêm Thành.

Thời Hậu Lê, năm Cảnh Hưng thứ 36, Lê Quý Đôn (1726-1784) được cử làm Tổng tài Quốc tử quán, coi việc tục biên quốc sử và địa dư. Cùng với Nguyễn Hoàn, ông soạn tập Phủ biên tạp lục khi ông được cử làm Hiệp trấn tham tán quân cơ ở phủ Thuận Hóa. Trong sách biên chép khá tường tận về xứ Đàng Trong, nhất là xứ Quảng Nam.

Phủ biên tạp lục có thể được xem là sách địa dư chí, hay bút ký chép lẫn lộn những điều thấy nghe, từ một cõi biên thùy đến thành quách, núi sông, đường sá, v...v...Theo Lê Quý Đôn thời Hồng Đức thứ 21 đầu thế kỷ 17, nhà Hậu Lê đính kèm vào thêm bản đồ cuộc nam chinh bằng đường biển của Trịnh Sâm qua Thuận Quảng. Nhà chúa có vẽ thêm đảo Trường Sa vào chuyến hải hành. Nhưng rất tiếc tấm chiến đồ nay bị thất lạc.

Đời Nguyễn (1802-1945)

Thời Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), vào năm 1695, nhà sư Thích Đại Sán (1633 - 1704), hiệu Thạch Liêm, quê ở tỉnh Giang Tây, đến Phú Xuân theo lời mời của nhà chúa đã nhắc đến địa danh Vạn lý Trường Sa trong cuộc hải hành vào thời nhà Thanh năm 1695 trong tập 3 của 6 tập sách của *Hải ngoại ký sự*.



Một trang trong Hải ngoại ký sự

Trích một đoạn ở trang 19 trong Hải ngoại ký sự:

"...Khách có người bảo: mùa gió xuôi trở về Quảng Đông chùng vào độ tiết lập thu; xuôi chùng bốn năm ngày đêm có thể đến Hồ Môn. Ở đây có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ đông bắc qua tây nam, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển; mặt cát khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm vào ắt tan tành; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là Vạn lý Trường Sa, mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa. Nếu thuyền bị trái gió trái nước tạt vào, dầu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quãng ấy cách Đại Việt bảy ngày đường, chùng bảy trăm dặm. Thời Quốc vương trước (Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Thái), hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tạt vào. Mùa thu nước dòng chảy rút về hướng đông, đưa thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa Trường Sa..."

Thời Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) có *Hải đội Hoàng Sa*, là tên gọi đội tàu hàng hải với mục đích hàng năm đi thuyền từ Quảng Ngãi ra các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa. Theo Lê Quý Đôn ghi chép trong *Đại Nam thực lục* vào năm 1754:

“...Ngày trước, họ Nguyễn có thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An Vĩnh bổ sung vào. Mỗi năm luân phiên nhau đi, tháng giêng nhận giấy làm sai dịch, được cấp phát mỗi người sáu tháng lương, chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển, phải mất ba ngày ba đêm mới đến đảo. Ở đó họ tha hồ bắt chim, bắt cá mà ăn. Họ thu được những đồ vật của tàu (bị đắm) như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì, súng, ngà voi, sáp ong vàng, chiêng, đồ sứ.

Đến kỳ tháng tám, thì đội thuyền đi biển ấy mới trở về cửa Eo, rồi họ tới thành Phú Xuân trình nạp các vật đã lượm nhặt được. Người ta cân và định đẳng hạn các sản vật, rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc vân, hải sâm, hải ba. Bây giờ đội ấy nhận lãnh thưởng trở về nhà, những vật hạng lượm nhặt được ngoài biển có khi nhiều, có khi ít không nhất định, cũng có lần họ ra đi rồi trở về không...”.

Lê Quý Đôn viết tiếp: “Hải đội Hoàng Sa kiêm quản đội Hải đội Bắc Hải ở phía nam, trong đó có Trường Sa. Hải đội Bắc Hải xuất phát từ Bình

Thuận có nhiệm vụ tuần tiễu từ đảo Côn Lôn, đảo Phú Quý và quần đảo Trường Sa”.

Và ông cho hay thêm: "Tôi đã từng thấy một đạo công văn của quan chính đường huyện Văn Xương, Quỳnh Châu gửi cho Thuận Hóa nói rằng: Năm Càn Long thứ 18 (1753), có 10 tên phủ Quảng Ngãi nước An Nam, một ngày tháng 7 đến Vạn lý Trường Sa tìm kiếm các thứ, có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ để 2 tên giữ thuyền, bị gió đứt dây thuyền, giạt vào Thanh Lan cảng nhà Thanh, quan ở đấy xét thực, Tổng đốc nhà Thanh hậu cấp cho rồi cho đưa đưa trả về nguyên quán. Chúa sai viết thư cảm ơn...".

Vì vậy có thể nói địa danh quần đảo Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa (Trường Sa) đã chính thức được ghi vào văn bản thời Chúa Nguyễn Phúc Thái và Nguyễn Phúc Chu.

Gia Long (1802-1819) bồi đắp thêm đất đai vào địa dư chí của Đại Việt bằng vào năm 1813, truyền quan Binh bộ thượng thư Lê Quang Định soạn bộ *Đại Nam nhất thống địa dư chí*, gồm 10 quyển. Từ quyển 1 đến quyển 4, tả đường bộ từ Quảng Đức (kinh đô Huế) vào Trấn Biên (Biên Hòa) và tả đường thủy từ Gia Định (Sài Gòn) đến Vĩnh Trấn (Vĩnh Long).

Việt Nam thực lục chính biên chứng minh điều này:

“Năm Bính Tý, năm thứ 15 đời Gia Long, nhân cuộc đo khoảng cách đường biển giữa các dinh trấn. Vua ra lệnh cho lực lượng thủy quân và đội Hoàng Sa đổ bộ lên Hoàng Sa để thanh tra và khám xét thủy trình và cho dựng cờ Hoàng triều trên đó”.

Jean Baptiste Chaigneau là một trong hai người Pháp làm quan dưới thời Gia Long đã ghi nhận thêm điều trên trong cuốn hồi ký về *Giao Chỉ Chi-Na* (Memoires sur la Cochinchine) J.B. Chaigneau (1769-1825) là xứ Nam Việt gồm cả quần đảo Paracels cũng có chép về sự chiếm hữu chính thức của vua Gia Long:

“...Nam Kỳ, mà nhà vua hiện nay là Hoàng đế bao gồm bản thân xứ Nam Kỳ, xứ Bắc Kỳ, một phần của Vương quốc Campuchia, một số đảo có người ở không xa bờ biển và quần đảo Paracel gồm những đá ngầm, đá nổi không có người ở.

Chỉ đến năm 1816 Hoàng đế hiện nay mới chiếm lĩnh những đảo ấy...”.

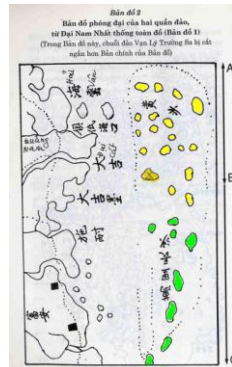
Vào thời Gia Long, đặc sứ người Anh Sir Robert Macarthey thương thuyết với triều đình nhà Nguyễn để thuê Vạn Lý Trường Sa làm trạm ngừng chân trước khi đến Quảng Châu và các nước lân cận nhưng thất bại.

Minh Mạng (1820-1840), cuốn *Hoàng Việt địa dư*, ấn hành năm 1835 ghi:

“...Về phía đông-bắc, làng An Ninh (huyện Bình Sơn) ở ngoài biên khơi có một quần đảo gồm có chừng 130 hòn đảo, hòn này cách hòn kia từ vài

giờ cho tới suốt một ngày đi thuyền. Ở nơi thấp nhất trong quần đảo này có một giếng nước ngọt. Trên một hòn đảo ở trung tâm quần đảo có một thứ cát màu vàng, bởi vậy mới đặt tên cho là Hoàng Sa. Trên quần đảo có nhiều loại chim biển khác rất dạn người, đến gần chúng, mà cũng không bay đi; lại có nhiều hải sản quý như đồi mồi, vỏ ốc xà cừ, ba-ba, hải đờm, v.v...”

Cùng thời Minh Mạng, Phan Huy Chú (1782-1840) quán Nghệ An xứ Nghệ Tĩnh soạn *Hoàng Việt địa dư chí*. Trong Hoàng Việt địa dư chí, Phan Huy Chú có bản phác họa bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* năm 1834 tức Minh Mạng thứ 14. Đại Nam nhất thống toàn đồ gom hai quần đảo vào làm một. Tên Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa (Trường Sa) được ghi chú bằng chữ Nho vào bản đồ vẽ năm 1838, Minh Mạng thứ 18.



Đại Nam nhất thống toàn đồ
Hoàng Sa & Vạn Lý Trường Sa

Bản đồ này mới nhìn hơi giống bản đồ trong quyển tự vị của Giám mục Jean Louis Tabert tên *Dictionarium Latino-Anamiticum*, được ấn hành năm 1838 ở Serempore, Pondichery, Ấn Độ. Bản đồ mang tên *An Nam đại quốc họa đồ* (Tabula Geographica Imperii Anamitici) với hình thể sông núi, duyên hải, cù lao rõ ràng. Trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa như trong bản đồ của Phan Huy Chú đã phác họa 4 năm trước trong Đại Nam nhất thống toàn đồ. (Cùng năm 1838 trùng vào thời Minh Mạng thứ 18, cũng năm 1838 sách *De la Cochinchine*, J.L. Taberd gọi là “des Paracels ou de Kat-vang”)

Nhằm phục vụ việc thờ cúng thần linh cũng như để thuyền bè qua lại dễ nhận ra đảo. Minh Mạng đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công, vào tháng 6 năm Minh Mạng thứ 16, sai Cai đội Thủy quân Phạm Văn Nguyên đem thợ Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến đảo xây ngôi miếu Hoàng Sa Tự, bên hông chùa còn thấy một cột đá ghi việc dựng chùa đó. Và trồng cây thủy nam trên đảo Phú Lâm vào năm 1836. (nguồn khác là đảo Bản Na, năm 1932)

“...Miếu có một gian theo thể chế nhà đá. Bên trái miếu, phía trước miếu xây bình phong. Ba mặt miếu Hoàng Sa bên trái, bên phải và đằng sau đều trồng các loại cây do trấn hải quân đến đảo đem theo hạt giống gieo trồng như hạt quả thủy nam.

Cửa vào miếu khắc hai bên hai câu đối: “Cô hồn miếu, cô hồn diều diều” và “Hoàng sa tự, bích huyết Hoàng sa”. Trong miếu, ở bệ thờ phía trên là bức hoành phi có ghi “Hải bất dương ba” (*) có nghĩa là “Biển không nổi sóng...”.

Sau khi Trung Hoa đổ quân chiếm đóng Phú Lâm năm 1974, các nhà khảo cổ Trung Hoa đến Hoàng Sa đã phát hiện ra Hoàng Sa Tự. Trong tạp chí *Lữ hành gia* quyển 6 xuất bản năm 1975 tại Bắc Kinh đã có bài mô tả về Hoàng Sa Tự như đã nêu ở trên. Hoàng Sa Tự tồn tại ít nhất đến năm 1975 dường nay không còn nữa.

(Thời Chúa Nguyễn Phúc Nguyên, theo nhà sư Thích Đại Sán thì Hoàng Sa, Trường Sa xa mù tí chẳng thấy cỏ cây. Tới thời Gia Long qua ông tây Jean Baptiste Chaigneau thì quần đảo không có người ở. Nhưng Hoàng Sa gần đất liền hơn Trường Sa nên có thể vì vậy Minh Mạng đã cho mang cây cối từ đất liền trồng trên đảo Phú Lâm và những đảo khác nữa. Như đảo Sinh Tồn ngày nay dưới đây chẳng hạn)



Sau Đại Nam nhất thống chí toàn đồ và những sách địa dư, địa chí của nhà Nguyễn sau này, phần lớn dựa theo Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn mà viết, thẳng như:

”...Xã Yên Vĩnh, thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa. Về hướng đông bắc, ngoài biển có nhiều đảo cát vàng (tức đảo Hoàng Sa), chiều dài ước chừng hơn ba mươi dặm, bằng phẳng và rộng lớn, nước trong veo nhìn suốt đáy. Ở bên các hòn đảo, có vô số tổ yến, còn các thứ chim thì kể đến hàng nghìn con, hề thấy người chúng vẫn đậu quanh người, không hề tránh né. Kề bên bên, có rất nhiều hải vật lạ lùng. Có thứ ốc nhiều rần mang tên là ốc tai voi, lớn như chiếc nong. Vỏ ốc ấy, nếu người ta vót đều, có thể làm thành bia, cũng như dùng vỏ ốc làm thành vôi để sơn quét nhà cửa...”.

(Theo Phủ biên tạp lục, ốc tai voi ở đảo *Ốc Tai Voi* nằm phía nam Hoàng Sa, trong bụng có nhiều hạt châu to như ngón chân cái lớn. Ốc không đồng loại với trai sò sinh ra ngọc trắng mà là đen. Nên được gọi là huyền Trân của người Chàmpa phương nam.

Theo như dân chài ra đảo tìm ngọc thì trong hàng trăm con ốc, may ra một con có ngọc tai voi to bằng quả trứng gà. Vua Lê, chúa Trịnh mỗi năm vào cuối mùa đông, đưa thuyền đến đảo gom nhặt sủng

đạn của tàu đắm trôi dạt vào. Chỗ bãi cát ấy cũng có đồi mồi, ốc tai voi. Năm 1780, vua Lê Chiêu Thống cống cho vua Thanh Cao Tông Càn Long hai viên trân châu ốc tai voi).

Trở lại với Sir John Crawford thất bại với Gia Long về Vạn Lý Trường Sa, sau tiếp xúc với Minh Mạng để thương lượng về Cù Lao Chàm làm trạm ngừng chân nhưng cuối cùng cũng không thành. Đến khi chiến tranh nha phiến, qua hiệp ước Nam Kinh, người Anh thuê được Hồng Kông thay vì Cù Lao Chàm.

Khi người Pháp đặt nền bảo hộ trên toàn cõi Đông Dương, vào thời Thành Thái, họ lãnh nhiệm vụ bảo vệ Hoàng Sa. Thời đó có hai chiếc tàu lâm nạn, chiếc tàu Bellona ở ven Bắc đảo vào năm 1895 và chiếc tàu kia có tên Nhật Iruenzi Maru chở đồng cho người Anh bị đắm tại nhóm đảo An Vĩnh vào năm 1896. Cả hai chiếc tàu này đã bị đắm và xác tàu đành bỏ lại đó. Một bọn người Hải Nam đã tới cướp mất số đồng họ vớt lên được đem về Hải Nam rồi đánh tiếng muốn bán lại cho chủ nhân hai chiếc tàu bị nạn. Đại diện người Anh tại Bắc Kinh đòi nhà Thanh phải bồi thường vì có một số đồng được đem về bán tại đảo Hải Nam. Tuy nhiên, chính quyền nhà Thanh không chịu bồi thường, viện cớ quần đảo Hoàng Sa không thuộc chủ quyền của Trung Hoa. Họ đưa ra *Đại Thanh đế quốc toàn đồ* xuất bản năm

1805, tái bản lần thứ tư năm 1810 chỉ vẽ đế quốc Đại Thanh chỉ đến đảo Hải Nam.

Năm 1909, Tổng Đốc Quảng Đông cho hai chiến thuyền tới thăm thú trộm quần đảo Hoàng Sa. Hai chiến thuyền này đã tới quần đảo ngày mùng 6 tháng 6, đậu lại ở đó 2 ngày để vẽ bản đồ địa thế của quần đảo.

Năm 1884, Hòa ước Patenôtre 1884 buộc triều đình Huế chấp nhận quy chế bảo hộ.

Năm 1920, chính quyền Pháp với danh nghĩa là nhà nước bảo hộ Đông Dương, dựa vào biên bản phân giới mặt biển tính theo đường ranh giới Brevié cũ của hiệp ước Pháp-Hoa năm 1887. Chính quyền Pháp đã tuyên bố chủ quyền trên cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1929, phái đoàn Perrier Rouville tiến hành khảo sát Hoàng Sa.



Hoàng Sa

Năm 1930, ba tàu Pháp, La Malicieuse, L'Alerte và L'Astrobale, tới chiếm quần đảo Trường Sa và cắm cờ Pháp trên quần đảo này và nhận Trường Sa là của Pháp.

Năm 1932, Pháp tuyên bố Việt Nam có chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa.

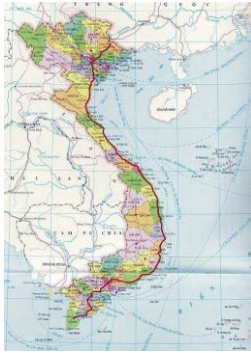
Vào thời này, có vài công ty Nhật xin phép chính quyền Pháp đến khai thác phốt-phát trên đảo Cam Tuyền (*Roberts Island*) và Lâm đảo (*Ile Boisée*). Vì có nhiều công ty ngoại quốc ở trên đảo, nhiều vấn đề hành chính đã được đặt ra, nên Pháp ra sắc lệnh ngày 15-6-1932 đặt quần đảo Paracels thuộc địa hạt hành chánh tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1935, lần đầu tiên Trung Hoa Dân Quốc chính thức công bố một bản đồ thể hiện cả 4 quần đảo trên biển phía đông là của Trung Hoa. Công hàm của Công sứ Trung Hoa ở Paris gửi Bộ Ngoại giao Pháp năm 1932 còn viết rằng: "Các đảo Tây Sa là bộ phận lãnh thổ Trung Hoa xa nhất về phía Nam". Tưởng Giới Thạch ký một sắc lệnh đặt tên Trung Hoa là Tây Sa và Nam Sa cho hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và đặt chúng thuộc lãnh thổ Trung Hoa.

Năm 1946, quân đội Pháp đưa quân kiểm soát Hoàng Sa.

Cùng năm 1946, quân đội Tưởng Giới Thạch đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc Hoàng Sa và đảo Itu Aba thuộc Trường Sa. Năm 1950 họ rút quân về.

Ngày 14.10.1950, theo Công pháp quốc tế, chính quyền Pháp chuyển giao Hoàng Sa, Trường Sa cho chính phủ Quốc Gia VN, khi này Bảo Đại là quốc trưởng. Dự số 10 ngày 30-3-1938 của Bảo Đại tái xác nhận sắc lệnh của Pháp ngày 15-6-1932.



Hoàng Sa

Trường Sa

Năm 1951, Mao Trạch Đông đặt vấn đề “bảo lưu chủ quyền” của Trung Hoa về hai quần đảo dưới đảo Hải Nam với chính phủ miền Bắc, đại diện là Hồ Chí Minh.

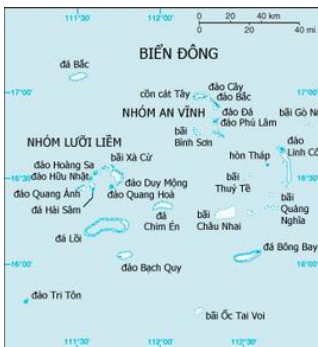
Vì tự biết yếu kém về phương diện pháp lý, Trung Hoa đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng vụ này. Họ đã cho ấn hành những bản đồ mới cùng những sách địa lý mới dựa vào bản đồ năm 1909, Tổng Đốc Quảng Đông cho hai chiến thuyền tới để vẽ bản đồ địa thế của quần đảo Hoàng Sa. Trong đó có các địa danh đã được sửa đổi như Hoàng Sa, Trường Sa, Paracels, Spratleys thường thấy được ghi trong các bản đồ cùng các sách địa lý phổ thông đã bị đổi ra là Nansha, Hsisha, Chungsha, Tungsha, v.v...

Năm 1954, theo Hiệp định Genève, Hoàng Sa thuộc phía nam vĩ tuyến 17, đương nhiên thuộc về chính phủ miền Nam dưới quyền Ngô Đình Diệm.

Ngày 1.6.1956, Ngô Đình Diệm xác nhận lại chủ quyền của VN.

Ngày 22.8.1956, một đơn vị hải quân ra tiếp quản đảo Hoàng Sa, thì hai đảo lớn nhất đã bị “quân giải phóng Trung Quốc” chiếm mất. Trên thực tế, chính quyền VN vẫn liên tục điều hành 4 đảo chính: Pattle (Hoàng Sa), Robert (Cam Tuyền), Ducan (Quang Hòa Đông) và Drummond (Duy Mộng). Sau ngày 26 tháng 10, Ngô Đình Diệm ra lệnh Hải quân VNCH cấm cò trên đảo Trường Sa và dựng bia chủ quyền.

Từ năm 1956, việc tranh chấp (****) hai đảo bị Trung Hoa chiếm đóng vẫn tiếp tục diễn ra giữa VNCH và Trung Hoa. Năm 1974, Hải quân VNCH phát hiện toán quân Trung Hoa trong hải phận đảo Ducan và Drummond. Ngày 19-1-1974 hải quân của chính phủ miền Nam khai hỏa vì Trung Hoa mang tàu chiến tới chiếm Hoàng Sa.



(Hoàng Sa cách Cù lao Ré 315 km và cách đảo Hải Nam 322 km)

“Hoàng sa tự, bích huyết Hoàng sa”. Trong miếu, phía trên là bức hoành phi có ghi: “Hải bất dương ba” có nghĩa là *biển không nổi sóng*.

(**) 1 hải lý = 1,852 km

(***) Theo *Trịnh Hoà hàng hải đồ* (1371-1435), nguyên danh *Tự Bảo thuyền xưởng khai thuyền tòng Long Giang Quan xuất thủy trực để ngoại quốc chư phiên*, thì:

Tháng 9 năm 2011, Thư viện Đại Học Oxford [Bodleian Library] công bố bản một địa đồ Trung Hoa với tiêu đề *The Selden Map of China*, phỏng định được thực hiện năm 1644 thuộc thời Minh, nội dung mang tính chất địa đồ hàng hải.

- Vạn Lý Thạch Đường là hòn đảo nằm ở phía đông đảo Ngoại La [tức đảo Lý Sơn], vượt qua Ngoại La là lục địa, hơi chéch về bắc là địa danh Quảng Nam, Thuận Hoá và hơi chéch về nam là địa danh Tân Châu [tức Quy Nhơn], Chiêm Thành.

- Vạn Lý Trường Sa, địa danh này được ghi kèm bốn chữ “*Tự thuyền phàm dạng*” [giống như hình cánh buồm], “*Vạn Lý Trường Sa, tự thuyền phàm dạng*” được viết thành hai hàng dọc liền nhau và đặt bên trong khung viền giống như mảnh vải bay lượn.

Về nguồn gốc, bản đồ nguyên thuộc sở hữu của luật sư người Anh John Selden (1584–1654), thể theo di nguyện của ông, gia đình đã tặng nó cho Thư viện Đại học Oxford vào năm 1659, từ đó

được cất giữ đến nay. Các ghi chú và hình vẽ trên bản đồ cho thấy rằng có thể bản đồ này đã chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các bản đồ Tây phương.

Về họa pháp, đường nét và cách tô màu trên bản đồ không mang phong cách/quy tắc vẽ địa đồ và phương pháp hội họa truyền thống Trung Hoa. Các điểm dễ nhận thấy là, trong cách biểu thị mặt biển, đường nét “thủy ba” (sóng nước) trên Hải đồ không đã định hình vốn là đặc trưng truyền thống, vật thể tự nhiên như cây, đá cùng vật thể kiến trúc đều vẽ không hợp cách. Đối với lời chú “giống như hình cánh bướm” đi kèm địa danh Vạn Lý Trường Sa cũng cho một bất ngờ, hầu hết các địa đồ cổ Trung Hoa, trước và sau đều không đính kèm lời chú giống như vậy cạnh nơi được tiêu danh Trường Sa hoặc Vạn Lý Trường Sa. (Nguồn: Phạm Hoàng Quân)

(****) Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội nghị San Francisco

Theo Hiệp ước đình chỉ kí kết tại San Francisco, vào tháng 9 năm 1951, khoản 2, nước Nhật Bản phải rút lui khỏi các nơi mà họ đã dùng vũ lực để chiếm đóng trong thời đệ nhị chiến, lẽ tất nhiên là trong đó có hai quần đảo Paracels và Spratley. Tại Hội nghị San Francisco, ngày 07/09/1951, Thủ Tướng Chính Phủ, Trưởng Phái đoàn Việt Nam, đã long trọng tuyên bố như sau: 'Et comme il faut franchement profiter de toutes occasion

pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles Spratley et Paracels qui, de tout temps, ont fait partie du Viet Nam'.

Xin tạm dịch là: 'Và vì chúng phải lợi dụng tất cả mọi cơ hội để chặn đứng những mầm xung đột, chúng tôi xác nhận chủ quyền của chúng tôi trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, đã luôn luôn từ xưa thuộc lãnh thổ Việt Nam.' Lời tuyên bố được Hội nghị San Francisco long trọng ghi vào biên bản và trong tất cả 51 phái đoàn phó hội, không có một phái đoàn nào phản đối gì cả. (Nguồn: Thái Văn Kiểm)

Tuy nhiên theo quy ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển hiện nay không cho phép bất cứ một quốc gia nào đòi xác định chủ quyền chỉ dựa trên lịch sử của họ. (Nguồn: Mai Loan)

Cái nôi ngòi trên cái cốc

Những năm gần đây, tôi thường gặp nhiều, rất nhiều “tuyển du học sinh”...du học hay “nghiên cứu sinh” sang đây tu nghiệp. Trong số đó, tôi quen biết một gã phó tiến sĩ tốt nghiệp ở Ukraine, một nước chư hầu của Nga làm việc cùng hãng với tôi: Gã có lối nói chuyện có vẻ dè chừng, xa cách. Chẳng phải vợ đũa cả nắm, dường như họ đều có một mẫu số chung: Khi giao tiếp, họ giữ một khoảng cách đến...*có khả năng* phát chán. Nhất là đụng chạm đến những nhân vật *có vấn đề nổi cộm* trong nước, họ tìm cách tránh né vì *nhậy cảm và tế nhị*. Hỏi tới nữa, họ sẽ có những bài bản giống nhau là *rất ít thật* và *rất nhiều giả*. Nhưng nếu có chuyện cần nhờ vả tôi như mua xe, “share phòng”, hoặc làm thế nào để có vợ “thật” với giấy tờ “giả” thì họ vòn vãi vò vập. Ít lâu sau nếu gặp nhau lại, thường là họ ngó lơ làm như chưa hề một lần quen biết.

Với thật và giả, với “chỉ có *bia* mới hiểu bụng...mênh mông nhường nào, chỉ có *bụng* mới biết...*bia* đi về đâu”. Bèn khuân đón chuyện của một người bạn cũ lên giấy khô mực nẻ để kể lể, mặc

dù có hơi nhếch nhác một chút...Chả là tiện nội tôi chỉ được ngắm nhà thờ Notre Dame, dòng sông Seine qua tôi...kể lại qua sách vở. Không thấy không tin, nên tôi đưa tiện nội qua Paris nhìn tận mắt. Một ngày hai vợ chồng lạc tới thị xã Duchkholyz héo lánh bên đường, thêm cơm Việt bèn dẫn xác vào...một tiệm Tàu để thành chuyện. Chuyện là quán hẹp, sâu thun thút, vài bộ bàn ghế nhếch nhác. Và dọc theo hai bên vách nhăm tấm ảnh nghệ thuật chụp cái ao với mấy con vịt con.



Nói dối phải tội là quán cũ mèm cũ rích như vài món đồ cổ chai lọ là mấy chai *bia 33*, chai *La de Con Cọp* bày tro khác trên kệ, cái còn

nguyên vẹn, cái có vết mẻ trên miệng cổ chai. Vừa nhai mấy cọng mì dai nhanh nhách, vừa lúc chủ nhà hàng, đầu đội mũ trắng cao nghệ bước ra, nghe tiếng Việt đầy hương đồng cỏ nội bèn nhận ra người đồng hương, tay bắt mặt mừng. Và “khuyến mãi” ở đây chỉ có món “đặc sản” dồi huyết, dồi xả và “bia của bồn tiệm” là nhất. Tôi tự giới thiệu tên tuổi, nhất là cái họ Tàu tàu, Lưu Bị chẳng ra Lưu Bị, Tào Tháo chẳng ra Tào Tháo, tào lao thì có và ngay sau đó là có cái màn hô hóan điem mặt chỉ tên nhận ra là bạn cũ trường xưa. Tiếp đến, sau hơn bao nhiêu năm với những kỷ niệm học trò rơi rớt theo mưa

nắng đánh ruồi chẳng đủ nuôi miệng cóc nên chẳng có bao nhiêu để hàn huyên.

Ăn xong, tôi ới cậu dọn bàn...*cái nồi ngồi trên cái cóc*. Về mặt lạnh tanh, lạnh ngắt như *tử lạnh chạy đầy đường*, cậu ta quay ngoắt vào trong bếp. Tôi rõ môm với bạn là không bị “phở mắng cháo chửi” là may, Bạn cũ nhanh môm cười đánh khịt một cái cho biết cậu là người Hà Nội, là tuyển du học sinh. Với tôi “tuyển du học sinh” hay “ngiên cứu sinh” của chữ Việt trong sáng nghe chôi tai sao ấy. Nhân đang rách chuyện, gà ba lần mới gáy, người ba lần nghĩ ngợi mới nói, tôi mới vạy vọ nói cho bạn nghe mấy cậu sinh viên du học mà tôi từng giúp mua xe, “share phòng” có những cái đầu eo sèo này kia kia nọ. Vay mượn Lâm Ngữ Đường, theo tôi họ có cái phong thái ần dật kiêu “giảo hoạt” của người Lão Tử, với cái tâm thái tiêu cực, xa vắng đầy hoài nghi, nghi hoặc trong cõi nhân sinh cùng thời thế, thời trước thế đấy, thời này thế đó vừa mới đảo qua ở trên.

Bạn dăm dăm nhìn mấy món đồ cô trên tường và dăm chiêu: “Giống như cái chai bia kia, có người chỉ nhìn cái khiếm khuyết ấy như một một vết sẹo với một quên hai nhớ. Có người lại thích ngó nhãn hiệu chai bia như một dấu ấn nằm ần khuật trong tâm khảm của những ngày tháng cũ. Như chuyện của *tôi* đây chẳng hạn, thừa ông”.

Bạn như gái lữ thì gặp quan tri goá vợ, giận đứn ngu quên ngủ, mê vận lú quên ăn Và bạn cũ đông dài với “Chuyện của tôi đây chẳng hạn, thưa ông” như thế này đây:



“Tôi cũng chỉ là một người đi tản buồn, buồn thảm thiết vì số ruồi được tàu Đức vớt nên đành chọn

nơi đây làm quê hương thứ hai. Vì dân tộc này từng nổi tiếng với câu: *Người Đức như viên gạch...nung*. Như ông biết đấy, giống dân vốn dĩ...khô sặc gạch, không chữ nghĩa nào trên thế gian này tả sao cho hết. Ngôn ngữ của họ cũng vậy, phụ âm nhiều hơn nguyên âm nên nghe ì ộp như ếch nhái kêu mưa. Năm đầu, thằng hàng xóm *như viên gạch nung* khùng khắng qua mời thằng “Vietnamesiche” chơi mục “Hanukkah” (ăn lễ Giáng sinh). Nó nói đến gần chót tôi mới vô được chữ “essen”. Bỏ khi, đòi thườ nhà ai động từ chúng nhét tuốt luốt ở cuối câu, nghe lòi nhĩ mới hiểu ra “essen” nghĩa là “ăn”, nói chung thì khó nhai lắm, thưa ông.

Ông (là thằng tôi đang nghe chuyện đây) chép miệng: “Cũng vô tư thôi”. Vô tư thế quái nào được, vì nơi chốn tôi...tạm dung, tôi đặt tên là “Thị trấn bên đàng buồn hiu”. Vì đường phố chỉ có mỗi một

ngã tư đèn xanh đèn đỏ đã được tắt ngúm từ đệ nhất thế chiến. Thêm một cái rạp hát, cũng chẳng sáng sủa gì hơn, nó đã được “phục mê bu tích” từ cuối đệ nhị thế chiến. Có một cây xăng chết tiệt phải khom lưng bơm bằng tay mệt nghỉ. Cũng có một quán cà phê phát phơ với mấy cái quạt trần hai cánh, lừ đừ quay làm cảnh đuổi ruồi. Trước cửa ra vào, dọc theo hành lang là một dãy ghế ngựa gập gù (rocking chair), khách thường ngày là ông già bà cả. Hôm nào ông thấy có ghế không gập gù nữa, lơ đễnh cách mấy ông cố hiểu dùm tôi là: Mới có một con chiến vừa được ông thánh “Phê rô” vui vẻ gọi về châu nước Chúa. Lẽ dĩ nhiên xứ tôi chẳng thể thiếu cái nghĩa địa, mà nghĩa địa thì có quái gì ngoài cái hàng rào sắt. Ngẫm chuyện thế gian thì nghĩa địa đâu cần phải có... hàng rào, thế nên chẳng đầu gì, tôi cứ phoi bụng ra với ông. Điều tôi muốn thưa với ông là, dân cư ở đây không được đông đảo gì cho mấy. Tôi cũng chẳng rỗi hơi đâu mà đếm, đoán chừng đâu đó cũng chỉ khoảng gần nghìn người là hết đất. Sầu bi hơn nữa, trong đó lại có tôi. Mà ở cái thị trấn đèo heo hút gió này lại không có cái màn bán bia bọt và sách báo hờ hang linh kinh, thế mới...hồ.



Tôi biết thế nào ông sẽ nói vuốt đuôi: “Cũng thỏa mái thôi”. Thỏa mái cái con khi! Vì lũ

chúng tôi đây là ba gia đình Việt Nam thê thảm gì đâu! Như trạch bỏ giỏ cua, mắt trắng dã như phường mù dờ với quần sần móng lợn, kẻ lột da, người lóc xương, bỏ nháo bỏ nhào làm thợ mổ bụng, sẻ thịt cho cái lò...lợn gần nhà. Chiều về mệt lử cò bợ, ngủ vùi. Ấy vậy mà còn nằm mơ nghe tiếng in in của lợn mới đẻ, hết tiếng ịt ịt lợn con đòi ăn, đến í éc lợn kêu vì bị dí dây điện vào người về châu ông bà ông vải. Cuối tuần ngủ nướng cho thơm râu, nên ít khi gặp nhau. Cái lò lợn tênh hênh giữa... “.

Ông nheo mắt dăm dờ hỏi: “Vậy có gì vui chẳng?”. Ấy là ông hỏi tôi đấy nhá:

“...Bước ra khỏi nhà là gặp ngay nỗi buồn chạm mặt, nèo neo là bìa ruộng của cái thị xã hoang vắng, nỏ mắt bấy ngày không mò ra bò với trâu, chỉ thấy máy cày, xe ủi đất. Đi mấy chục cây số có một làng Việt Nam có từ cuối thế chiến thứ hai. Cái lò lợn tênh hênh giữa ruộng nước đây, thủ lợn, móng lợn cứ ối ra cả đấy. Vì theo lệ cứ cuối tuần tụi tôi xách tới làng đầy *bản sắc dân tộc* để bán buôn, vừa để có tiền tiêu vặt, vừa để đàn đúm và ăn uống. Nói chung được mỗi món thịt nướng của cụ Neugen là ngậy mùi, còn món phở của lão Nouyen, lũng bống nước, thịt nỏ lều bều. Ông lờ tống vào họng, ông cứ mặc tình hư cấu và hoang tưởng đó bánh canh giò heo hay bún bò Huế cũng chẳng chết thằng Tây đen nào. Ông muốn biết mấy người họ Neu, họ Nou trên là ai?. Ông chịu khó ráng mà nghe chữ Tây chữ u, vì chuyện ở xứ tôi thì buồn nhiều hơn vui, chuyện để

mà cười được khí... hơi bị hiêm, thưa ông. Ấy đấy, họ là lính thợ từ quê nhà qua giúp mẫu quốc. Chiến tranh chấm dứt, một số ở lại lập gia đình với người bản địa, để rồi nhớ quê cha đất tổ lập nên cái làng hẻo lánh vừa rồi, thưa ông.

Tôi biết ông chả thích chuyện làng mạc với lợn kêu. Hay là kể chuyện thị xã tôi nha:

“...Từ thị xã tôi ở lên tỉnh có một con lộ duy nhất, có hai “lên” (lane)...lên xuống vắng ngắt, ông muốn lái xe chạy “lên” nào cũng được. Một buổi sáng, tôi nhòm ra thấy mấy chiếc xe ô tô con đậu sếp hàng, có ông bố hí hửng dẫn ông con xuống chỉ trở ra cái điều như có gì đó lạ lẫm lẫm. Nếu có thì ấy là...đàn vịt của tôi nuôi đang nhớn nhơ qua đường ấy thôi. Thế là tôi vác cái Nikon D70 ra nháy lia lia. Ha! Ông hỏi tôi cái máy ảnh đâu ra mà oách thế. Oách khỉ gì, vì ấy là cái máy ống kính 18-70mm có từ thời Bảo Đại về nước làm vua nên nó là món đồ cổ thì đúng hơn. Và tôi không quên kể ông nghe chuyện gà cỏ trở mỏ về rừng: Sô là mớ ruột non, ruột già mà cái lò lợn nó vớt đi, tôi gom lại mang về. Bất chước tụi Đức vùng Braufels làm xúc-xích, tôi làm dồi trường, dồi huyết, dồi xả, hun lên rồi nướng văng vẳng nghe điếc mũi để bán cho làng Việt Nam nên tậu được “con Nikon” của cụ đội Neugen với giá “mềm” là vậy đấy.

Một ngày thấy gần nhà có một vũng nước to gần bằng...cái ao. Một buổi trời đất im ả, im ắng, chợt độc chung nhớ nhà trong điều thuốc nhìn khói

huyền bay lên cây. Đang ngồi hồng người ra lò đờ như gà ban hôm, đột biến nghe thấy tiếng ì ọp của sóng nước, tiếng ì ọp ếch nhái kêu. Thế là tôi bật ra ý đồ nuôi...vịt để chiêu hiền đãi sĩ. Cuối tuần tôi thết một con làm tiết canh, rồi ới tụi bạn trước lạ sau quen tứ phương tám hướng tới. Mà giờ ạ, đầu cũng vậy: *Náo thị u lâm mạc luận, cổ kim hiền hữu năng tầm*, nói xa chẳng qua nói gần là tôi đang bó rọ nên thềm...bạn. Một thằng bạn đúng nghĩa.

Hắn cũng sắp xuất hiện, tôi biết thừa bừa ông sẽ chịu đền hắn như tôi.

Vì như con tôm, con tép nằm trong rọ nơi xó đồng nên tôi lân la với nhóm “Cánh Én” để họ gửi báo cho tôi đọc. Qua họ, tôi mới hiểu cái tận cùng của nhóm người mà một mảng chữ nghĩa trong nước gọi là “hợp tác lao động”, là nhân công xuất khẩu miền Bắc qua Đông Âu và Nga Sô. Họ bị kiểm soát qua đám “chú sứ” của...”sứ”. Ông nhướng mắt ra điều như muốn hỏi “sứ” là gì ấy hả? Dạ thưa “sứ” đây không phải là sứ cùi Thái Lan mà là...tòa đại sứ “ta” đấy. Nhờ họ tôi mới ăn mày chữ nghĩa của người Việt ta ở Đông Âu như *chú sứ* là cách gọi chung cán bộ, nhân viên sứ, *phun thuốc sâu* là cách gọi lái đi của cụm từ “phó tiến sĩ” như hắn. Thêm nữa *Khu PKS* hay “đường tàu” là tên khu chợ của người Việt ở Ba Lan. Hoặc *soái* để ám chỉ những chủ hàng người Việt, *tắc-xi* ám chỉ những người làm chở hàng thuê ngoài chợ.

Bức tường Bá Linh sụp đổ, những người hợp tác lao động bị bỏ rơi cùng cái nợ áo com với ba cái nghề vất vả như “công” thuốc lá, “cửu vạn” dầu thơm, xà phòng. Nói đến xà phòng, tôi lại nhớ đến truyện họ viết về nhóm đàn bà con gái trong cảnh sống “chật hẹp”, chật hẹp đến độ cả năm lông nách không cạo. Và xin lỗi ông, tôi chỉ kể những gì họ viết: Đến ngày có tháng thấy...*mưa sa trên mầu cờ đỏ*, không có băng vệ sinh, đàn bà con gái phải lấy giấy đi cầu nhét vào để bịt mồm lão... Fidel Catro cho yên thân.

Còn đám đàn ông con trai, quanh quẩn với nhau như đèn cù trong những ngày cuối tuần. Thừa được con cừu bỏ vào bao bố, khiêng về treo trong phòng tắm, cất tiết, cạo lông rồi ngả thịt. Cả nam lẫn nữ ngồi bó gối dưới sàn ăn uống nhồm nhòam, rượu Voka hay...*những giọt nước mắt quê hương* đỏ ra. Tàn canh gió lạnh, người này gác chân lên người kia khoèo một giác, tỉnh dậy thấy con bò đang ôm thẳng bạn mình ngủ vùi. Sáng hôm sau, như một lũ chuột thành phố, khi ẩn khi hiện với mấy tút thuốc lá quấn dưới ống quần, dầu thơm lẫn trong nịt vú. Giản dị có thể nói họ là những tay giác đấu cô đơn trong đấu trường. Những người vô tổ quốc bám cứng vào mảnh đất chẳng có ngày mai.

Một ngày cuối tuần nằm khênh đọc báo và tôi hoa mắt như không tin ở mắt mình. Tôi bắt gặp một tay viết với một mẩu chuyện thật giản dị: Truyện viết về một cậu bé theo gia đình tản cư một thời

gian rồi hồi cư về Hà Nội sau năm 54. Nhà bị chiếm nên tạm trú ở căn nhà số 7A ngõ Phan Huy Chú. Ở đây, chiều chiều cậu nhìn qua bên kia vườn. *Căn nhà số 7B*. Cậu yêu thầm nhớ trộm cô hàng xóm đứng thẩn thờ dưới gốc cây. Truyện viết chỉ có vậy thôi. Nhưng đọc xong tim tôi thắt lại, băng khuâng pha lẫn những bồi hồi. Vì điều ngẫu nhiên đến kỳ lạ là...là...căn nhà *số 7B* chính là căn nhà ông cụ tôi để lại người chị cùng cha khác mẹ của tôi khi di cư vào Nam. Lặng người đi một lúc lâu, tôi viết thư cho tờ Cánh Én. Tháng sau, tác giả của bài viết có mặt trước ngưỡng cửa nhà tôi mà tôi nhầm chừng hơn tôi một, hai tuổi. Hiểu theo nghĩa là cùng tuổi với chị tôi, hay cô hàng xóm bên kia vườn của một thời, một thuở...

Tôi gặp hấn, như gặp lại một người Hà Nội, lại là “ông anh rẻ hột” của tôi... Và đập chát vào mắt tôi là chiếc xe “Vóc-oa-gân” vàng tróc sơn và rỉ sét, loại xe thùng, như cái hộp biết đi. Với hấn, điều tôi ngạc nhiên là khuôn mặt sạch nước cần, chỉ thiếu cặp kính trắng gọng vàng, cái bút máy “Pác-ke”, hình ảnh của người Hà Nội trước 54 còn rơi rớt lại trong tôi. Với hấn, tôi thấy khác hấn với dân Bắc Kỳ hai nút sau năm 75 mặt mày bàu bậu, nói chuyện thối inh. Vì vậy tôi có cảm tình với hấn ngay cái buổi đầu gặp gỡ ấy. Sau những hỏi han xa gần về căn nhà thân yêu tuổi ấu thời. Riêng chuyện bà chị tôi, hấn có vẻ tránh né vì một lý do nào đó chưa tiện nói ra nên tôi đành đợi một dịp khác. Rồi bữa rượu tây trần cũng được bày ra với đĩa lòng, tim gan phôi

phèo đủ cả và chả thể thiếu vali bia Krueger. Có thể vì trồn mây nắp gió tình cũ hay sao ấy, cầm chai bia hấn tu cả chai cái một ngon ơ. Xong, hấn vỗ vai tôi thân mật ra cái điều tử phùng tri kỷ thiên bôi tửu, để rồi càng về khuya, câu chuyện càng đậm đà hơn.

Ông biết không, có một chuyện chả hay hóm cho mấy mà tôi khựng lại khi hấn khoe mẽ là “Phó tiến sĩ cấp I khoa văn Nga ngữ”. Tôi hỏi mắc mớ gì hấn “lưu vong” tới đây để xô...tiếng Đức thì hấn thuyết minh chuyện một quãng đời của hấn:

Đề xuất ngoại du học lấy tiến sĩ toàn là con cháu bàn cố nông, trong giảng đường bao giờ cũng phải có thông dịch viên của “sứ” đi kèm, nên “thu hoạch” chẳng là bao. Vì vậy đều đi trượt cả lũ, nhưng mỗi người đều được cấp một chứng chỉ “thông suốt giáo trình”. Về nước, với mảnh giấy lộn này, đương nhiên được gọi là...“phó tiến sĩ”. Sau mấy thầy Nga Sô, ông kênh Trung Cộng đòi tụi “áy ái uông” phải có cơ sở văn hóa cao, nên con cháu tiểu tư sản mới len chân vào được, trong đó có hấn.

Thế là tôi sống sít với hấn về mấy quan chức, cây đa cây đề...Được gãi đúng chỗ ngứa, hấn tung tây *quốc loạn tri trung thân, gia bản chi hiếu tử*. Hấn thở ra: Chán lắm, trong cung đình thiếu hiền tài, lùn trí tuệ, thiếu nhân đức. Đức ít mà ân sủng nhiều, tài thấp mà địa vị cao, công nhỏ mà bổng lộc lớn là tam đại họa, để đi đến quốc phá gia vong, lòng dân ly tán, hiền tài bỏ nước mà đi, cơ đồ đã đến hồi mạt vận. Hấn tiếc cho cái thời Nghiêu Thuấn,

của bá tánh đánh rơi ngoài đường không ai nhặt, ngũ nghệ không cần cửa đóng then cài, còn bây giờ trộm cắp như rươi ấy.

Càng lúc tôi càng gần gũi với hấn, dầu gì hấn cũng là nhà văn lưu vong, có bài viết trên sách báo với sự hiểu biết rộng như trời biển. Nói xa chẳng qua nói gần, hấn là một...nhân tài đấy, với địa linh nhân kiệt như Thăng Long nghìn năm văn vật thì nhân tài thời nào chẳng có. Bỗng dưng hấn cảm...chai bia lắc lắc và ư hử *lắc bầu rượu, dốc nghiêng non nước lại, chén tiếu đàm, mời mọc trích tiên*. Hóa ra tôi và hấn cũng bị biếm trích như...Lý Bạch, Tô Đông Pha chứ đâu có đùa. Sau đây, tôi cứ mặc sức ngồi trơ thủ địa nghe hấn tầm chương trích cú từ Hán Sở Tranh Hùng đến thời Tam Quốc, cùng điển tích này, điển cố kia, luận cổ suy kim đâu ra đó. Như hấn...thuyết khách về Tần Thủy Hoàng với Mao Trạch Đông, cả mấy nghìn năm chỉ có hai nhân vật này thống nhất được nước Tàu...để rử nhau đốt sách thánh hiền. Đậu đổ bìm leo, hấn luận về Mạc Đăng Dung với Hồ Chí Minh, với khoảng cách cả mấy trăm năm. Vậy mà cùng gốc dân ven biển, cùng đầu dây mối nhợ cho chuyện cắt đất ở Ai Nam Quan. Ừ hết vali bia, hấn vỗ vai tôi chí chát và ngậm ngùi xa vắng *cổ lai danh lợi nhân, bôn tẩu lộ đồ trung, phong tiền tửu điểm hữu mỹ tửu, tỉnh giả thường thiếu, túy giả đồng diễn* nôm là xưa nay phường danh lợi, bôn tẩu trên đường đời, gió thoảng hơi men trong quán rượu, say cả hỏi tỉnh được mấy

người?. Khiến tôi cũng...tỉnh người ra vì ngồi trong nhà ực bia, cứ ngỡ là ngồi ngoài quán uống rượu như Cao Bá Quát, Phạm Thái. Thế đấy, thưa ông.

Nói thật cho ông hay, ông giận tôi chịu, nếu so với đám sĩ phu Bắc hà cỡ tuổi ông và tôi thì mình thua họ xa. Tôi đã gặp rồi. Chính hấn. Ngoài ra, hấn mê hoặc tôi với giọng nói đậm âm của người Hà Nội, mà lâu lắm rồi tôi mới được nghe. Qua hấn, tôi bắt gặp lại cái cốt cách thanh tao lịch lãm, nhạy cảm và tinh tế, nhưng cũng không thể thiếu cái lãng mạn, thâm trầm mà điển hình là hấn. Và cũng xin thưa với ông, cứt người thì thối, cứt đầu gối thì thom, mặc dù hấn cũng có đôi lúc...vồn vã với ăn uống quá lắm, thiếu hấn cái khí khái tính, cái khách sáo của người Hà Thành thanh lịch trước kia. Nhưng hấn đúng là một kỳ nhân dị sĩ mà tôi ít gặp. Đúng là duyên kỳ ngộ ít thấy, ông ạ.

Bình cạn rượu khô chiều nắng tắt, bỗng hấn hò trường *giai nhân, hề, vẫn chiêm bao. thất phu, hề, biết chỗ nào dung thân*. Ông nghe đã không ông. Thì như tôi đã thưa với ông vừa rồi: Hấn và tôi đều là ...thất phu cả đấy. Bỗng khi không, không hỏi mà khai, hấn bắt qua chuyện vợ con hấn. Hấn lập gia đình với con của một thứ trưởng thân Nga, nhờ ông bố vợ với “nhất phe, nhì đảng”, hấn được cử sang làm việc ở tòa sứ Đông Đức. Hấn lần khân ai chả biết chúng khôn như rắn, hấn tự biết là đồ tể, chơi với dao có ngày chết vì dao. Nghe đến đây, tôi nhìn trộm hấn, vì như ông đã biết: Lúc đó, tôi cũng đang

là...đồ tể như ai. Đang giang giang câu chuyện đến đây, phải gió cắn răng gì đâu chả biết nữa, hấn lè mề với cái mề vịt: “Ai không biết chứ...chứ *nhân tâm nan mô áp đôn nan bác* là tâm người khó rờ, mề vịt khó lột”. Và tôi cũng hiểu ra ngay hấn đang thềm ăn thịt vịt.

Hấn chép miệng xóng xả, lương sứ là cái lương chả bỏ nhét răng lại dai nhanh nhách như mề vịt, ngu lâu dần dai cách mấy, tôi cũng hiểu ra hấn thích ăn tiết canh với mề vịt băm nhỏ. Với lương lậu như mề vịt băm cám ấy vậy mà hàng năm hấn phải cúng một phần ba lương cho các quan chức bộ ngoại giao. Tết đến về thăm nhà, các quan sứ nhờ vả mua sắm, nhiều khi toại cả tháng lương. Bức tường Bá Linh sụp đổ, thế là hấn xin tị nạn. Tôi vội chặn hấn lại để hỏi cho ra nhẽ, vì qua những chuyện từ báo Đông Âu của người Việt, sở di trú và cảnh sát làm khó dễ họ đủ điều. Hấn cười buồn trả lời, với hấn thì cũng vậy thế thôi, chỉ đau một cái là trên cái hộ chiếu, bộ Nội vụ Đông Đức đóng cái dấu xanh màu lá mạ:”Uprehlik”, nghĩa là...“Kẻ đào tẩu”.

Cực kỳ hơn cả cực kỳ nữa là một sớm hai sương vợ hấn bỏ...kẻ đào tẩu lấy ngay “sếp” cơ quan của hấn. Thế có kỳ không? Hấn hỏi tôi vậy thì ông cố nội tôi cũng không trả lời nổi! Thấy tôi im như thóc ngậm, hấn bèn ngậm thơ cụ Nguyễn Công Trứ mặc dù đang nốc bia: *rượu với sầu như gió mã ngu, trong lai lảng biết đâu tránh khỏi*. Rồi thì chuyện trâu ngựa là ông bố vợ hấn bị thất sủng,

thằng con hấn “được trúng tuyển nghĩa vụ quân sự” lên vùng mạn ngược và hiện đang...*đầu đội nón cối vai mang súng dài, chẻ tre đốn gỗ biết phân nân cùng ai*. Rang rức gì đâu chả biết nữa, như Lý Bạch, chỉ mong mượn rượu say lúy túy để quên thói đời, hấn âm ỉ *đản nguyện trường túy bất nguyệt tình*. Vừa u hử xong, chơi nguyên chai bia đầy còn lại thì hấn vật ra...bất tỉnh luôn.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, hấn khật khừ ra xe khiêng vào linh kính một đồng đồ nghề. Trơ mắt chầu ra nhòm: Giời đất ạ, ông giời có mắt xuống đây mà xem, bộ hết chuyện hay sao mà hấn dậy tôi...“nấu” bia. Cứ theo hấn kể thì khi là công nhân nấu bia, hấn sơ sịa được từ nhà máy bia Hà Nội, tức nhà máy bia Hommel cũ trước năm 54, thừa ông.

Và đồ nghề hấn là hai cái thùng nhôm chồng lên nhau như hai cái chõ hấp sôi mà hấn kêu là...cái gầu. Một từ “chuyên ngành” của rượu cuộc lùi, rượu chui. Chỉ khác một nhẽ chõ trên có gắn một cái nõ ngắn cũn như cái khăng con. Vung chõ có ống thoát hơi như ống khói cao lều bều, vì có “nắp” nên trông rất hiện đại...Nhìn thoáng qua, y trang...cái nôi ngồi trên cái cốc. Hấn bắt tôi ghi ra giấy là: “Để nấu một gầu bia cần hoa houblon. Lúa mạch ngâm nước dội lên mầm thành mạch nha tạo *mẫu vàng* cho bia”. Nhìn cái khăng con dài cỡ gang tay ngựa mắt, tôi ngựa miệng hỏi. Hấn cười toe ấy là cái “chọt gỗ”, đun lửa để nước bốc hơi thành bia chảy...ra ngoài để uống. Dễ hiểu vậy thôi.

Hắn đọc tiếp: “Sau đó đun để chất đường trong mạch nha hoà ra...*đường*. Vì *đường* sẽ biến thành *bia*. Đó cũng chính là “bã bia”. Khi sôi, bỏ hoa houblon vào. *Hoa bia* này tạo vị *đắng* cho bia. Nhìn cái ống khói có cái “nắp” xón xang, lại ngừng ngoảnh, hẳn cho hay rượu khác bia. Vì bia cần không khí qua “ống khói” để cho bia có...“gaz”. Cái nắp mở ra đóng vào theo thời gian đủ cho CO2 vào nòi để bia...”*sui bọt*”.

Lúc này tôi mới vỡ òa tại sao bia có gaz và đắng với bia bọt lại có...bọt. Tôi lẩm bẩm thêm là sao hắn biết chỗ tôi ở không bán bia? Lại nữa, “bã bia” nào có dễ soi. Hắn “hợp đồng” với tôi bã bia hắn có cả đóng, khi nào cần hắn sẽ gửi cho với...*giá hữu nghị*. Nghe vậy, tôi nghĩ xa hơn nữa, nay mai tôi dám phát lên với bia ở thị xã Duchkholyz lắm ạ. Chuyện đời ai học được chữ ngờ, làm chơi ăn thật, ai dè tôi lại dính dáng đến...”củ lừa” với bia bọt. Giờ ngẫm lại, hóa ra có mở hàng ăn, nay tôi mới gặp ông ở đây.

Trước khi hắn về lấy “bã rượu” cho tôi. Tôi ngày ngật với hắn, kỳ tới qua mang theo ít “gầu”. Tôi sẽ dẫn đến làng Việt Nam, chém chết cũng quai được một mớ. Tôi biết hắn sẽ trở lại, vì hắn đã “kinh tế”, kinh qua hết rồi. Hắn trở lại thật đầy một xe với gầu to gầu nhỏ. Dẫn tới gặp mấy lão Neugen, Nougen và hắn đẩy được cả chục cái...“gầu” bia.

Ở nhà tôi, hết thịt vịt luộc chọt với “Mely”, đến dôi chiên quẹt với “Mostaza” bù nhìn nịch. No căng rồi hẳn thành thoi thơ túi rượu bầu qua Lý Bạch *quân nhược bất ẩm tửu, tích nhân an tại lai* và an nhiên tự tại...uống tiếp. Hẳn “kinh qua” nhân sinh qua kinh Di Giáo, Bụt đã dạy: *Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử cực lạc, diệc bất xưng ý.* Hẳn diễn nghĩa là biết thế nào là đủ, có người nằm dưới lòng đất cũng thấy an vui. Người không biết đủ, luôn luôn chạy theo khổ lụy, có lên miền cực lạc cũng chẳng bao giờ toại ý. Hẳn còn lời cả đức Lạt Ma ra dạy khôn tôi là nhiều người sống không hưởng mùi đời nên cứ như đức Lạt Ma thì họ đã chết khi còn đang sống. Thế nên tôi tâm phục khẩu phục nỗi niềm “tư duy logic” của hẳn quá sức. Tối đến, hai thằng gác đùi lên nhau nói chuyện nổ như gạo rang, chuyện dai như rẻ rách, chuyện đổ bốn chân giường, chuyện long ba bức vách. Hơ! Hạt muối mặn ba năm còn mặn, củ gừng cay chín tháng còn cay, tình nghĩa hẳn và tôi đậm đà thế đấy, thưa ông.

Thêm một lần với cái tình đậm đặc như thế đó, họ nhà khoai không ngứa cũng lẫn tăn như cái nõ ngắn cũn gàu rượu chảy lẫn tăn mà lâu như mưa lâm thâm. Tôi lâm thâm với hẳn trên tỉnh có nhà hàng xúc-xích, đi với bia Kronenbourg thì mả lắ. Cạnh lại có tiệm đồ cổ, có một gian trưng bày rất nhiều chai bia cũ từ đời Tam hoàng Ngũ đế.

Thế là hẳn rủ tôi đi “tham quan” nay mai.

Trong khi chờ đợi một ngày mai sắp đến, tôi tung tẩy với hấn, rằng hồi còn nhỏ, năm tám tuổi, ở Hà Nội tôi đã từng uống trộm bia 33 của ông cụ tôi và ngã cái đùng, say nhớ đời. Chưa hết, vào đến Sài Gòn, nhằm vào cái tuổi tập tành làm người nhớn, tôi cũng một đồng ba điều Ryby với...bia 33. Tôi tung hê với hấn về một nhà văn nữ đã phóng bút về *bia đá, bia ôm, bia nào cũng vậy, làm sao em biết bia đá không say*: “...Nàng thấy cái cảm giác lâng lâng chạy suốt từ phía dưới chạy lên. Ngày còn trẻ nàng cũng có những lúc nàng lâng lâng một kinh khoái phần phật sau những hơi hướm của giống đực ếm vào môi và tai. Nhưng lúc trẻ nó chạy xuôi, xuôi qua cổ họng, xuôi xuống háng. Còn bây giờ nàng già, nàng lại thấy nó chạy ngược...”. Sau đấy, dựa vào...bia bô tôi đã đọc qua, tôi...hoa bia, hoa hòe với hấn những cái tên từ gốc Đức là “Bier”, qua Pháp là “Bière”, Anh Mỹ là “Beer”. Và ngoài Bắc tên “*bia*” có từ năm 1939 qua...*Bière 33 Export*. Tiếp đến, năm 1875 ở trong Nam, người thành lập hãng BGI để làm...*nước đá* là người Anh tên Victor Larue. Sau làm thêm bia, và chỉ duy nhất bia lớn vẽ đầu con cạp màu vàng. Tết đến in lịch, một ông Tây của hãng đã viết tên của người sáng lập ra hãng nước đá và bia với hai chữ Việt - Pháp đề huề “Lave - Larue”.

Từ chuyện chèo ngoe ấy mới có...”La ve” và tên... “La de trái thơm”.

Năm 1973, ở hai bên nhãn hiệu đầu con cạp vẽ thêm hai tràng hoa houblon. Nhưng vì họa sĩ là

người Việt Nam chưa bao giờ nhìn thấy “hoa bia” tươi mà chỉ nhìn thấy hoa khô héo nên vẽ lộn ra...trái dưa nên có tên là...“La de trái thơm”. Vì vẽ...lộn, sản xuất ít, mỗi thùng La de con cạp chỉ thêm vào một chai. Người ực bia cứ nghĩ là La de trái thơm là...chai đặc biệt. Và tôi muốn lắng nghe với hẳn là miền Nam mưa nắng hai mùa đã nuôi dưỡng tôi từ cái tuổi thiếu thời, nếu bây giờ tôi có hoài đồng vọng về một Sài Gòn đầu đường cuối ngõ thì chẳng hẳn là bia 33 Hà Nội mà là..La de trái thơm Sài Gòn.

Khi không hẳn lâu bầu với tôi: *Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân. Tương phùng hà tất tăng tương thức*, và tôi hiểu lôm côm ra là cùng một lứa bên trời lận đận, gặp gỡ nhau lọ đã quen nhau. Nên tôi cảm khái quá lắm, “cảm giác” hơn nữa hẳn hỏi tôi còn uống bia 33 nữa không? Thì đây là khúc nhà văn nữ khám phá ra cái khoái cảm *chỉ có bia mới hiểu bụng...mênh mộng nương nào, chỉ có bụng mới biết...bia đi về đâu*, cái cảm giác kinh khoái chạy xuôi, chạy ngược: “...Tại sao và tại sao mình cứ du đời mình vào những phút giây này. Ba phút hạnh phúc. Ba phút run rẩy. Ba phút rạo rức. Ba phút bia 33. La ze con cạp say ngà ngà. Nàng chưa bao giờ uống một tợp bia 33 này chỉ nghe người ta tả nhưng nàng thích nghĩ là khi hai kẻ mới bị con ma yêu tinh dẫn mỗi, mới khám phá về nhau, mới mê mê tìm hơi ấm, tìm linh hồn, tìm thân xác nhau, thì con say

ngâm ngâm thịt da linh hồn và trí óc cũng ngà ngà tựa như say bia 33 nó ếm vào môi, vào ngực...”.

Trên đường lên tỉnh, hấn nhắc nhóm tôi, chuyện này để hấn đi chợ vì mới đẩy được mấy cái gàu, tôi nhủ thầm, thằng này đúng là dân chơi cầu ba cẳng nên chơi được. Vào tiệm bia, cái thằng mắt bò hay sao ấy chơi theo kiểu Đức làm nguyên “Một mét bia”. À! Ông hỏi *Một mét bia* là giống giuộc gì ấy hả? Ấy là khay bia dài một mét, hai hàng bia dựng đứng từ đầu này đến đầu kia, uống mết nghỉ. Còn xúc-xích, hấn ăn như tằm ăn rỗi. No say xong, hấn kêu tức bụng và phải mò vào...chuồng xí. Đợi mãi không thấy ra, tôi tự nhủ cái thằng ăn thùng bất chi thành như thế bị Tào Tháo đuổi là phải. Nhà hàng ra tính tiền, tôi móc túi trả, chẳng phải một tác tận giờ gì vì một lần hấn buông xả với tôi: *Hữu bằng tự viễn phương. Bất diệc lai hồ*, và tôi hiểu là bằng hữu từ xa tới, không vui sao. Ấy đấy, tôi không vui sao được khi gặp người chơi với bạn chí tình như hấn là nhất. Nhất hấn đấy, thưa ông.

Tôi hôm ấy, hấn âm ỉ trong một cõi đi về *hãy uống cho say trời sắp sáng, mai này hai đũa đã hai phương* khiến tôi cứ nẫu người ra. Ngày về, hấn để lại cho tôi ba cái gàu hiện đại và dặn dò nhờ tôi đẩy dùm cho mấy gia đình quanh đây, rồi hấn lấy tiền sau. Bước ra cửa, hấn bịn rịn cả một lúc lâu, vì giao động, mắt tôi như chắn ngang một màn sương mờ nhân ảnh và trong đầu tôi nghĩ quân có thể chẳng bao giờ gặp lại hấn nữa, một thằng bạn chí cốt, mới

gặp nhưng như quen nhau từ tám kiếp nào. Ngồi trong xe, tay vẫy tay chào tạm biệt, mắt lom lom nhìn gì ấy, hấn bước xuống, mặt mày lùng nhùng là xe gằn hết xăng và hỏi tôi có thể “cán” cho hấn ít tiền vào ba cái gàu của hấn được chăng. Đúng là cái thẳng khí, có cái bình xăng cạn cũng lơ đễnh thì còn làm ăn buôn bán gì được.

Hấn đi rồi, trong một thoáng cùng những hoài cảm lâng lâng, tôi nhớ lại câu nho nhe của hấn: *Tuế bất hàn vô dĩ tri tòng bách. Sự bất nan vô dĩ tri bằng hữu*, hiểu theo nghĩa trong cơn họa nạn, mới biết thế nào là bạn. Ấy là chưa kể hấn có một thời cũng là quan cách của “sứ”, thế là được thể tôi vỡ bụng cú t nhỏ táo theo hấn: Bất thị quan trường, vi đạo tặc. Bất tri tửu đạo, bất hiện nhân mà tôi hiểu lơ mơ lỗ mỗ là *có thể không làm quan mà vẫn là kẻ cướp, nhưng nếu không hiểu đạo lý của rượu, thì không phải bậc hiện nhân*. Để rồi cái đầu tôi như đêm, dày như đất của tôi đưa đẩy tiếp với kẻ sĩ bách vi, thâm nho và hiện triết như hấn, trên đời dễ có mấy tay. Thầy tôi đẩy ông ơi...Thoáng như ông đang lụi đụi: “Thì cũng tốt thôi mà”. Tôi cũng nghĩ như ông, hình như cuộc sống đến một lúc nào đó phải chấp nhận những gì...không tốt lắm và cứ xem nó như một cuộc chơi thôi. Chấp nhận những gì mà mình đã có, đang có được hay sẽ có hoặc không, để chịu đựng qua cơn bão, để làm sao để biết tìm nơi trú ẩn dưới cơn mưa. Và hấn thì đang cần một mái hiên trong

những lúc nhiều mưa ít nắng, mà tôi là...cái mái hiên, thưa ông.

Còn lại một mình, tôi đàn đờ rằng nấu bia mà hần dẫn giải đầu có gì hay ho! Nào có khác gì nấu rượu nếp của các cụ ta xưa? Thì cứ lấy nếp “hấp” không chín hẳn. Xong vớt ra ủ với men rượu nhằm bữa. Nấu lại thật chín. Rồi trải nếp đều lên rá, met, nước chảy ...”tong, tong” xuống bát canh là thành rượu nếp chứ đâu cần “cái chọt gỗ” ngăn ngọn ngọn như...“cái củ cải” để bia nhỏ giọt như chó đái giắt ấy. Chưa hết, một lần hần còn chữ nghĩa về bia tươi, bia hơi của ta lẫn bia “bock”, bia “draft” của Tây. Sự hiểu biết quá đà của hần đến độ tôi có ý ngờ ngờ cái cơ sở văn hóa quá mạng của hần từ bia vàng nhờ mạch lúa, tới bia đắng nhờ hoa bia, đến bia bọt...sủi bọt nhưng chưa tiện hỏi cho ra nhẽ...Ừ thì chuyện đầu vẫn còn đấy, hỏi cho có chuyện vậy thôi.

Và hần ghé tôi nữa, và tôi hầu hần như hầu bố tôi không bằng, cơm bưng nước rót, quanh đi quẩn lại chỉ vẹt luộc, lợn luộc. Trong bữa tửu lạc vong bản, vì đã có ý ngả ngón thế nọ, thế kia từ trước. Tôi dọ dẫm kiến thức đóng hộp của hần về gốc gác của bia. Hần đáp ngay là qua công trình khảo cổ ở Ai Cập cho thấy khi những người nô lệ bị đi đày tới đây vác đá xây kim tự tháp. Họ được nuôi bằng *cháo trái cây*, không dè dề qua đêm thành...bia. Từ đấy, tôi tin thẳng Bắc kỳ Hà Nội hết biết, tin...chết luôn.

Nhắc đến chuyện đi đày. Hấn khẽ khàng chuyện thằng con đang vất vưởng ở Cao Bằng nên hấn đang tìm cách mang qua đây nhưng phải qua thủ tục...đầu tiên. Sáng hôm sau, tôi đang cho vịt ăn thì hấn tới nói nhỏ là hấn...mất cái ví, vì rõ ràng để trong túi xách mà không thấy. Hấn nói tiếp là có mất cũng không sao, của đi thay người ấy mà. Nghe lạ, ai lại của đau con xót mà vẫn tỉnh như ruồi vậy. Tôi bò vào cả gầm giường vẫn không thấy gì. Đang rối tinh, lại nghe hấn nói cho hấn lên tỉnh ngắm...mấy chai bia cổ. Tôi lắc đầu chịu không hiểu nổi, ve lọ gì trong cái lúc đang ngừng ngoảnh như thế, cuối cùng tôi cũng phải cõng hấn đi. Ngồi trên xe, tôi chẳng mấy vui, và cũng đã nghĩ đến chuyện phải bù đắp cho cái thằng chết tiệt vô tâm, vô tứ để đâu quên đó này, vì dù sao tôi cũng là chủ nhà. Ông thấy tôi xử sự như vậy có phải nhẽ chẳng?

Đến tiệm đồ cổ của một lão Đức già, hấn cứ xum xoe với mấy cái chai mốc meo không biết chán. Hình như chai lọ có duyên với hấn vì đủ loại cách đây cả 100 năm. Lạ nhất là có cả một dàn bia của mình với bia 33, La ve Con Cọp, La ve Trái Thơm. Ra về, hấn ngỏ ý với tôi là muốn mượn cái máy hình để chụp mấy...cái chai ấy. Vì nào có khác gì chuyện lòng lợn của tôi mà tậu được “con Nikon”, ít nữa về lại thành phố, hấn “khuyến mãi” với khách hàng về “bia ngoại” để lo thủ tục...”đầu tiên” cho thằng con. Tôi nghĩ cái thằng này hơi chướng và ám quẻ tôi quá thể. Hồn ma nát thần tính,

tôi hình dung đến một tương lai chẳng mấy sáng sủa là thằng ôn vật này ăn vạ ở nhà tôi cả tháng nữa thì...

Thì về nhà, trong khi tôi đang bán búa lòi trong ngăn kéo ra cái Nikon D70 ống kính 18-70mm từ thời Bảo Đại, hấn lộ mọ tới, và cười bẹt là vừa tìm thấy tiền rồi. Mừng quá đỗi. Hỏi thấy ở đâu. Hấn nói ở trong...gầm giường. Tôi nặn óc nghĩ không ra. Như ông đã biết đấy, tôi bò như kiến bò gầm giường năm thì bầy thọt rồi. Hay là nhà có ma.

Trở lại tỉnh, ngồi trên xe hấn rọ rạ câu cổ thi: “Chỉ có *bia* mới hiểu bụng...mệnh mông nhường nào, chỉ có *bụng* mới biết...bia đi về đâu”. Tiếp đến nhành mồm ra: “Ngày mai...bia đá cũng cần có nhau” khiến tôi chả hiểu gì sất. Sau khi chụp hình mấy cái chai thổ tả. Không biết hấn “nhất trí” với lão già Đức bán cho gã mấy chai bia cô với giá “mềm” lúc nào chả biết nữa. Nhưng tôi nom ròm thấy hấn ở góc tiệm, quay lưng phía tôi. Hấn móc ví sau lưng quần, tay giấu mớ tiền lẻ vào túi áo. Đầu quay vội đằng sau. Mắt nhìn quanh, vẻ không tự nhiên cho lắm. Diễn tả cho thật: Nói cho ngay, trông mặt hấn không...thật chút nào. Tôi biết ý quay đi, tự hỏi sao hấn phải làm như vậy, để làm gì, có giới mới hiểu được cái bụng...mệnh mông của hấn sẽ đi về đâu. Thừa ông.

Chiều hôm ấy về đến nhà, tôi không dấu được nổi ngán ngẩm và ghẻ lạnh của tôi với hấn. Sáng

hôm sau muốn tiễn hấn đi cho khuất mắt, nhưng phải đợi cái xe của hấn chờ lũ vịt của tôi đang nhón nha lững thững qua đường cái đã. Rồi cái xe cũng khuất bóng ở cuối tỉnh lộ có hai chiều lên xuống. Tôi thở phào như trút được gánh nặng và tự thẳm nhủ: Cánh cửa của quá khứ đã đóng lại. Cánh cửa này đóng lại thì cánh cửa kia mở ra: Bỗng dưng có linh tính ập đến với tôi đến thốn người. Bèn nhảy bổ vào trong phòng...

Thôi rồi, cái máy ảnh không còn trong ngăn kéo nữa!

Chuyện của tôi là như vậy đây! Chuyện là bây giờ ông với tôi ngồi đây, người thì nhìn vết mề trên miệng cổ chai, người thì ngắm cái nhãn hiệu bia. Tuy...thưa ông.

Vừa lúc cậu nghiên cứu sinh người Hà Nội, mang cái nôi ngồi trên cái cốc ra.

Thạch trúc gia trang
Đông tàng, Canh Dân 2010

Nguồn: Phan Văn Song, Trần Hoài Vân, Lưu Thủy Hương, và một, hai tác giả khác nữa nhưng sơ sót không lưu giữ danh tính Người viết xin cáo lỗi và chân thành cảm tạ.

Bà Đoàn Thị Điềm truyền kỳ tân phá

Văn chuyện bên đường với văn chương quán nhậu liêu xiêu bên vỉa hè, ông Tô Hoài thường ngồi ở ngõ Văn Chương, uống bia hơi, nói chuyện Thăng Long ngàn năm văn vật rằng xưa thật là xưa Tú Uyên gặp Giáng Kiều ở phường Bích Câu. Nghe vậy nhưng ít người hay biết tích này từ ai mà có? Cũng vậy, hồi nhớ lại năm 2000, mò về Hà Nội ngồi đồng ở đấy, ngộ chữ tôi lớ ngớ gặp cụ Tản Đà nói chuyện quán ăn ngon, chỗ ngồi ngon, người ăn ngon. Về lại theo đất tạm dung, ngộ chữ tôi kỳ óc ra bài *Giấc mộng con* và *Chuyện kể ở quán nhậu*.

Vói chuyện kể ở quán nhậu, vì chả là nhà văn nhưng chót mang cái tâm thái liêu xiêu vói nhập thế cục bất khả vô văn tự thế này thế nọ. Thế là năm ấy ngộ chữ tôi lọ mọ tới ngõ Văn Chương hóng hót chuyện văn học thì số ruồi, gặp ngay ông Tàu già bán phá-xa. Về lại đất tạm dung, tôi cứ hồ nghi mình có gặp ông Tàu thật chẳng?! Rồi lần gần tới thời hậu hiện đại vói chuyện tha nhân rơi tồm vào lỗ hồng thời gian gặp người muôn năm cũ, thiên hạ sự mang về làm bằng một đồng nôi niêu song chảo! Rồi tự ngầm ngợi sao mình không vác vài gói phá-xa về để tửu lạc vong bản, để làm chứng từ là chuyện có...thật, chứ chả phải là hư cấu.

Vói thật và giả, từ đấy tôi mang cái bệnh giới bò là...bất nghi bất ngộ. Thế nên “bất nghi bất ngộ tôi” cũng muốn bán một bài văn khảo thuộc thể loại tân biên cô lục đề hú họa đi tấp vào chốn làng văn xóm chữ. Khi không bị xiềng vào chữ nghĩa như anh tù văn, vì vậy ngày rày tôi lại lụi đụi tới ngã ba đường nơi phố xưa nhà cổ, mái ngói thân yêu, và ới một cối bia hơi to đùng.

Vừa ngửa cổ tợp một ngụm thì...thì cẩu vào mắt tôi có một giả nhân lững thững đi tới.

Giả nhân đây tướng rất bạm, mặt mày nham cổ, chít khăn đầu riu, quần xắn móng lợn và gật gù hạ xuống ngay trước mặt. Bỏ bu! Hay giả nhân, giả hình đây là bác đô tỳ khiêng vác quan tài ở phố Hàng Hòm sau đây nảy sinh quán mọc tồn. Cứ như

ông để mèn thì xưa thật là xưa, ở đây mấy bác phu nhà quàn ngồi xôm trên chõng tre tí tí đánh chén với rượu Kẻ Mơ. Tịch bắt tọa rồi, giả nhân há mồm gọi ngay đĩa tiết canh đông lạnh. Làm như không có tôi ngồi đây. Giả nhân lời trong bị cói tói ra hai hòn đá kỳ và cái điều cày, ve ve mắt dòm cối bia của tôi mà rằng:

- Bỉ nho là Quỳnh Công!

Chợt nhìn cái điều cày với hòn đá kỳ để... kỳ cọ, khi không ngộ chữ tôi lây lát qua “da trắng vố bì bạch”. Được thể lại hoài cô cựa với cảnh cũ người xưa đâu tá? Nên đành ớ ra:

- Tôn ông với bà...bà...

“Tôn ông” vo nhúm thuốc lào bằng con nhặng xanh nhét vào nõ điều và nhả nhúm:

- Tôn ông với Tôn Ngộ Không khi gì. Cứ gọi ông là xong tất.

Và “ông” vẫn dĩ tải đạo rằng thời buổi này nói năng dẻo lắt, bụi bụi một chút cho có nhang đèn hương khói. Xong, *ông* quẹt quẹt hai viên đá tóa ra lửa và môi thuốc, thở ra khói...

Bắn một bi thuốc lào kêu khanh khách xong, trong khi ông nhả khói um lên...Tôi bèn ớ ra thêm nữa bởi nhẽ trước 75, nhằm vào cái tuổi nhằng nhằng, nhà lại nhè ở gần đường Cổng Quỳnh có tiệm sách, một trong những quyển sách mà tôi giữ như giữ mả tổ là *Truyện Trạng Quỳnh*. Vì vậy ngay buổi sơ kiến đây, trong cái đầu đậu phụng tôi đùn ra

bao nhiêu là truyện: Hết hàm đậu phụng chấm với nước... “đại phong” với phong là gió, đại là lớn, gió lớn thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo... Đến nói lái với truyện Quỳnh đi chơi gặp kiệu bà Chúa, gần đây có cái ao bèo, Quỳnh chạy xuống cầu ao đứng đá nước lung tung. Bà chúa biết Quỳnh, thấy vậy mới hỏi “Ông làm gì đó? Quỳnh ngẩng lên thưa “Tôi buồn quá” rồi tiếp... đá bèo chơi!”.

Thêm ông Công Quỳnh và bà Đoàn Thị Diễm tiếp sứ nhà Thanh:

Năm ấy, được tin sứ nhà Thanh khét tiếng hồng hách sắp sang nước ta, vua Lê chúa Trịnh tỏ ý lo ngại. Tin vào tài ứng đối của Quỳnh, bèn giao cho Quỳnh và bà Diễm giữ việc tiếp sứ. Quỳnh cho dựng một ngôi quán nhỏ bên bờ sông, bà Diễm ra đó ngồi bán hàng. Còn mình nhận một chiếc đò, nhận đón chở sứ bộ qua sông. Mấy tên trong sứ bộ Tàu ngồi quán bà Diễm, nhắc trông cô hàng nước xinh tươi, liền thả lời bỡn cợt. Một tên lú lờ đọc băng quơ:

- *Nam bang nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.*

(một tác đất nước Nam không biết bao nhiêu người cày).

Bà Diễm đang nhai trầu, nhỏ toẹt một bãi nước cốt xuống đất, nói trống không:

- *Bắc quốc chư đại phu, giai do thử đồ xuất.*

(bọn quan to ở nước phương Bắc đều từ chỗ ấy mà chui ra cả).

Bọn sứ bộ giật mình vì dè dàu bà hàng bán nước mà tài hoa đến thế!

Tiếp Quỳnh đang chèo, vạch quần đái xuống nước nói mưa qua bể Bắc, nhưng tôi chưa vội kể ra đây. Vì chuyện bà họ Đoàn mà ngộ chữ tôi góp nhặt soi đá qua sách vở thì:

Bà Đoàn Thị Điềm sinh năm 1705, mất năm 1748, tổ quán ở Bắc Ninh. Thân phụ mất, cùng anh là Đoàn Doãn Lâm tới Hưng Yên là nơi anh mở trường dạy học. Có lần Đoàn Doãn Luân thấy Đoàn Thị Điềm đang ngồi soi gương, bèn ra một vế rằng: *Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.* nghĩa là “soi gương vẽ mày, một nét hóa thành hai nét”; song chữ điểm còn là tên bà Điềm, thành ra có nghĩa nữa là “một bà Điềm hóa hai bà Điềm”. Lúc ấy, ông Luân đang ngồi trên cầu ao rửa tay, bà liền đối rằng: *Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân,* nghĩa là “ra ao ngắm trăng, một vàng chuyển hóa hai vàng”; song chữ luân còn là tên của ông Luân, thành ra lại có nghĩa khác nữa là “một ông Luân hóa hai ông Luân.”

Vì bà là người dầy chữ, lại tài hoa như trên nên bất nghi bất ngộ tôi có ý hồ nghi qua giai thoại tam sao thất bản, bà chả có những gàn gũ, giao tiếp sô bồ với ông. Đại thể như truyện:

Một tối, Quỳnh vào phòng bà Điềm và leo lên giường nằm trước. Lúc quay vào, vì trời đất um thùm nên bà Điềm không thấy và quờ tay trúng phải

cái...của Quỳnh. Bà thắp sáng đèn và đọc một câu đối rồi dọa rằng nếu đối không được sẽ mách cha về tội sàm sỡ. Bà đọc:

- *Trướng nội vô phong phàm tự lập*

(trong màn không có gió mà tự nhiên buồm dựng lên).

Quỳnh xuất khẩu ngay tức khắc:

- *Hung trung bất vũ thủy trường lưu.*

(trong bụng không có mưa mà nước vẫn chảy).

Câu đối khá chỉnh, nhờ vậy mà bà Điểm thôi không mách chuyện với cha nữa.

Từ những giai thoại “đéo bà chơi”, “từ chỗ ấy mà chui ra”, “buồm dựng lên” nghe trần ai khoai củ sao ấy nên càng nghi tợn. Bất nghi bất ngộ tôi đang *lỳ một lam*, học thói nói lái của ông “bỉ nho” là đang...*làm một ly*, mặc dù có ó ra đây nhưng lậm với tận tín thư bất như vô thư thì ngộ chữ tôi bòn gio đãi sạn tiểu sử của ông “bỉ nho” thế này đây:

Nguyễn Quỳnh là một danh sĩ thời Lê-Trịnh. Quê tại làng Bột Thượng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thi Hương đỗ đầu bảng, nhưng thi Hội nhiều lần bị hỏng, nhưng vẫn nổi tiếng là tài danh. Sách *Đăng khoa lục sưu giảng* có ghi: “Tuấn Cung, Tuấn Di, thiên hạ hữu nhị. Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Nham, thiên hạ vô tam”. *Nam thiên lịch đại tư lược sử* có trích một số thơ Nôm của Nguyễn Quỳnh vào đời Lê Dụ Tông, khi nói đến Nguyễn Quỳnh, trong văn học sử có ghi chép: “Quỳnh, Hoàng Hóa Bột thái nhân, từ chương minh thế, đàm thuyết kinh

nhân, trường ư quốc âm”. Nghĩa là: Quỳnh người Bột Thái, Hoàng Hóa, từ chương nổi tiếng ở đời, nói năng bàn luận kinh người, sở trường về văn thơ Nôm...”

Nhưng bất nghi bất ngộ tôi nghĩ chắc gì ông “bỉ nhơ” đây là Cống Quỳnh?!

Bèn lười đá miệng:

- Nghe nói ông là Nguyễn Quỳnh, người gốc Thanh Hóa, sinh ngày 26.10.1677, mất ngày 26.2.1748. Vì đỗ đỗ hương cống nên còn gọi là Cống Quỳnh?

Thản nhiên múc mặng tiết canh vào bát và ông vén mồm cảm râm:

- Cậu nói gì vậy.

Không dùng đũa, nghiêng bát húp tiết canh cái rột, miệng lụng bụng:

- Tớ cũng nghe nói vậy.

Vừa ngòm ngòm, ông vừa ba điều bốn chuyện ăn uống phải trở về với dân tộc tính, phải ngồi đầu gối quá mang tai, phải xụp xọp như heo xục cám, nhai xương phải nhai rau ráu như chó gặm. Uống bằm rồi, ông gọi cối bia và gật đầu tấp lự:

- Cậu chỉ được cái hoẵng lên thôi. Mà cậu hỏi đêch gì mà hỏi khó thế, thì tớ đang sống nhăn răng cạp đất đây chứ chết hời nào đâu!

Trộm vía ông “bỉ nhơ” chứ...chứ gì mà “tớ với cậu” chả nhơ phong sĩ khí ra đáng ông Cống Tây Đô bình văn luận phú cho mây. Bởi bắt buồm coi gió,

cầm lái dõ sông nên bắt nghi bắt ngộ tôi vun chuyện ông với bà Diêm hư thực thế nào?! Bắn vào giai thoại sông nước với gió máy...

Ở bến đò đón sứ bộ nhà Thanh, Quỳnh mặc giả làm chú lái, cầm sào đợi sẵn... Đò ra giữa dòng sông xuôi theo con nước cứ thế mà đi. Đi được nửa đường một tên trong đoàn sứ bộ hồng ruột, lỗ xổng ra một tiếng "bùm". Hắn ta sợng mặt, đọc một câu chữa thẹn:

- *Lôi động Nam bang.*

(sấm động nước Nam).

Quỳnh đang chèo, liền đứng thẳng, vạch quần đáí vòng càn câu xuống nước mà nói:

- *Vũ qua Bắc hải*

(mưa qua bể Bắc).

Cả đoàn sứ bộ sững sốt nhìn nhau, vì câu đối đáp của anh lái đò.

Kể lại giai thoại trên, lý do củ chuỗi của bắt nghi bắt ngộ tôi thì ông có là Cống Quỳnh thật đi chẳng nữa, từ đời nhà Lê chỉ làm quan cao nhất chỉ đến quan huyện là hết đất. Nên ông không thể nào được cử đi sứ để vẽ mười con giun đất, hoặc đón sứ Tàu. Vì từ thưở khai quốc đến giờ, chỉ duy nhất tri huyện Phù Dung đi sứ hai lần. Lần thứ nhất Cần Chánh điện đại học sĩ lên ải Nam Quan nhận bộ trà Giáp Tý 1804 cho Gia Long. Lần thứ hai ngao du sơn thủy tới Yên Kinh để viết *Bắc hành tạp lục*. Bởi nhẽ cụ Nguyễn Du là chú ruột vợ...cụ vua Gia Long.

Nghe thủng xong, mặt ông như bát tiết canh sũng nước và đờ đẫn cười:

- Cậu chỉ nói nhăng cho lấy được mà chả biết đêch gì sất.

Thế là tởm rồi, bị đay cho ù đầu, ngộ chữ tôi chưa kịp sấm nắm sử sách rành rành như canh nấu hẹ thế đấy. Thế là ông lấy cái đũa quẹt ngang mồm chùi miệng và miệng khô rong róc:

- Để tớ nói cho cậu nghe nhá...

Nhá nhem xong, ông rị mọ với phong thổ địa lý thế này đây:

- Bọn sứ bộ Tàu từ ải Nam Quan qua nước ta có con sông nào đâu để cho tớ chèo đò, trừ con sông Kỳ Cùng đã có cầu...Kỳ Lừa. Muốn đi đường thủy phải qua Chi Lăng có sông Thương đổ vào sông Lục Nam xuôi dòng về đồng bằng. Thế nhưng phải qua Quỷ môn quan là một địa điểm hiểm trở, nhỏ hẹp trong ải Chi Lăng. Ngạn ngữ Tàu có câu: “Quý môn quan, Quỷ môn quan! Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn”. Vì tha ma mộ địa vậy nên phải đi đường bộ qua trấn Lạng Sơn. Ở đây có Biện sự sứ là nơi sứ thần phương Bắc trước khi đến Thăng Long dừng ở đây chờ người mình đưa đường. Cậu không biết chứ, chứ người mình tiếp sứ Tàu cũng nhiều khê lắm, trên đường phải cáng võng cho tụi nó, phải lo nhà trạm nghỉ ngơi hay dịch trạm để phục dịch cơm nước, tắm rửa với bến (nhà xí) này nọ.

Rồi ông sông đuột là con sông Kỳ Cùng...kỳ cục là chảy ngược lên phía bắc, chèo thuyền xuôi

nam là bè tre, thuyền độc mộc...hộc máu mồm chứ đâu có đứng khơi khơi trên thuyền...vũ qua biển bắc. Ông hành ngôn hành tỏi với một nhà sử học viết bài (*) về ông, ký “tiên sĩ” cho chắc cú. Nhà sử học thành danh bị một nữ độc giả (**) phản hồi:

“Người đọc rất ngạc nhiên bởi bài viết của một vị tiên Sĩ, diễn dịch sai lầm (đến độ kỳ quặc) như câu “An Nam nhất thốn thổ bất tri kỷ nhân canh” được ông tiên sĩ sử học giảng là "Một tác đất An Nam cũng không có lấy một người cầu tri kỷ". Chữ “kỷ” ở đây ai cũng biết nghĩa là nhiều, chứ không có nghĩa là “tri kỷ”!

Thêm nữa, theo các giai thoại, nguyên câu nói của sứ Tàu là “Lôi động Nam bang”, ông đổi câu ấy thành “Sấm động Nam bang,” có lẽ ông đã không để ý đến chi tiết trong một câu toàn từ Hán Việt, không thể có từ “sấm” (sứ Tàu chắc cũng không biết đến từ ấy). Không hiểu sao một vị tiên sĩ mà có sự hiểu biết và nhầm lẫn ấu trĩ tai hại như thế? Thật đáng tiếc!”

Chuyện chả đâu vào đâu với nhà sử học vì rồi hoi chuyện văn chương phú lục để mang cái vạ vệt mà theo bất nghi bất ngộ tôi là không có trong...lich sử. Nghe ra hai chữ “tắm rửa”, để xem sự thể phải quấy ra sao, ngộ chữ tôi bèn len chân vào chuyện nhân lúc bà Diễm đang tắm, ông Cống đứng ngoài cứ nằng nặc đòi vào xem cho bằng được. Bà Diễm ra câu đối nếu ông đối đâu vào đấy câu *Da trắng vô bì bạch* thì cho vào. Nhưng may quá là may là ông

bí lù để...lưu danh thiên cổ với giai thoại ấy qua văn học sử bấy lâu nay.

Mặt ông bừng chửng một hồi lâu như có gì suy nghĩ lung lăm. Rồi lậu bậu:

- Cậu biết quái gì! Chỉ nói bừa là giỏi.

Nghe chối tai thật, chưa kịp cãi inh lên thì mắt ông đảo tít như lạc rang...

Và khụng miệng:

- Tất cả vì văn học sử của các cậu...bịa ra tít!

Mắt ông đảo tít như lạc rang rồi kêu thêm hai còi bia hơi nữa. Hơ! Tai như tai đất tôi nghe “bịa” như “bia”, bèn nhấp bia từng ngụm một cho đã điệu. Được thể ông dạy tôi phải ề à nâng lên hạ xuống, nhấp nhấp rồi lau mép, xúc miệng vài câu rồi mới khà một tiếng...

- Giả thử tớ là Nguyễn Quỳnh thật và sinh năm 1677. Nhưng bà Điểm sinh năm 1705, khi ấy tớ 28, bà ta chưa sinh ra đời thì...thì bì bạch ở cái khổ nào! Cậu nói cho tớ nghe?

Làm như ông đồ chữ nghĩa như trấu trát... ông “bỉ nho” hòm hồm rằng các cụ nhà nho ta xưa thần thơ nên chỉ có cái thú thơ thần. Thời ấy chưa có máy in, làm thơ xong các cụ chuyền tay nhau đọc. Hết thơ qua câu đối, mà câu đối là cái thú “chơi chữ”. Các cụ gọt chữ để câu như gọt củ thủy tiên với câu đối “con cá đối nằm trên cối đá”, thế là câu đối được truyền miệng từ làng lên huyện thành ca dao. Gặp câu đối thuộc thể loại phong tình cổ lục “da trắng vỗ

bì bạch” chẳng hạn, để tránh va miệng các cụ gán ghép cho người khác để trở thành giai thoại.

Thế nên tôi ngọng trông thấy, vì lóng ngóng với cái “cối đá” mất bu nó...cối bia. Bất nghi bất ngộ tôi bèn mang chuyện thiên cổ sự để đàm trường viễn kiến với ông “bỉ nho”. Rằng nếu như Nguyễn Du có *Truyện kỳ mạn lục*, hay cùng thời với Phạm Đình Hồ có *Tang thương ngẫu lục* thì bà Đoàn Thị Điểm với *Truyện kỳ tân phả*. Tập truyện (1) có truyện bà chúa Liễu Hạnh xướng họa với Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan ở Tây Hồ, sau có Phủ Tây Hồ ở Hồ Tây, lễ hội Phủ Giày ở Nam Định. Truyện Tú Uyên gặp Giáng Tiên (Phụ đính 1). ở chùa Bích Câu, để sau này có lễ hội Bích Câu đạo quán ở Quốc Tử Giám. Nhờ vậy bất nghi bất ngộ tôi mới khai mê phá ngộ ra Bích Câu là tên tự, chữ Hán là Ngọc Hồ tự, tên Nôm là chùa Bà Ngộ (Phụ đính 1). nay ở phố Sinh Từ. Tương truyền, chùa do một bà có chồng người nước Ngô ở bên...Tàu. Tiêu pha chữ nghĩa bao nả đến như vậy, vậy mà ông mặt nhăn quéo lại. Ngộ chữ tôi đành thừa thốt rằng ông “bỉ nho” là người trăm năm cũ, ông đâu có hay trong văn học sử xưa nay còn nhiều việc cần rị mọ lăm: Như dịch giả *Bích Câu kỳ ngộ* là Vũ Quốc Trân? Hồ Quốc Lộc? Hay vô danh?. Ấy là chưa kể, gần một trăm năm sau, bà Hồ Xuân Hương cảm tác từ Giáng Kiều trong tranh, bà làm bài *Tranh tố nữ*. Rồi đến từ nơi nào thờ cúng bà chúa Liễu Hạnh gọi là đền, nước ao mà tát lên hồ

nơi nào bà hiện ra được kêu là phủ nên mới có Phủ Tây Hồ.

Được thể ngộ chữ tôi vẫn hai dài một chuyện
Trả ơn chúa Liễu Hạnh...

Gặp khoa thi, trên đường đi qua đền Sòng Nghệ An, Quỳnh vào yết bà chúa Liễu, xin bà phù hộ cho, đỗ thì xin trả lễ. Quả nhiên đỗ thật, trên đường về, Quỳnh mua một con bò mẹ, một con bò con đến lễ, Quỳnh quỳ lạy, rồi dắt con bò mẹ đến buộc vào tay ngai mà khấn rằng:

- Bà Chúa có lòng thương phù hộ cho Quỳnh được đỗ, nay gọi là có một con bò để trả lễ. Xin bà nhận cho em. Bà là chị, em xin lễ con lớn, còn con nhỏ, em xin đem về ăn khao làng xã.

Nói rồi, dắt con bò về. Con bò mẹ thấy dắt mất con đi, lồng lên chạy theo, làm ngai bà Chúa Liễu Hạnh đổ lồng chồng, long gãy cả. Quỳnh cười nói:

- Chị thương em nghèo, trả không lấy, thì em xin đem về vậy.

Nói rồi dắt cả hai mẹ con bò...bò về...Thanh Hóa.

Bất nghi bất ngộ tôi chẻ câu vót chữ cho nhọn hoắt là không được như bà Hồ Xuân Hương với cả trăm bài thơ, bà Đoàn Thị Điểm giống bà Huyện Thanh Quan, vì tác phẩm không nhiều, không ngoài *Truyện kỳ tân phá* và *Chinh phụ ngâm khúc*. Nhưng với *khách má hồng nhiều nổi truân chuyên* thì mộ

phần của cả ba bà đều được an táng ở làng Nghi Tàm bên Tây Hồ. Riêng với *xanh kia thăm thăm từng trên*, vì ai gây dựng cho nên nổi này với bà Hồ Xuân Hương, bà Đoàn Thị Điểm mất ở đất khách quê người. Trong khi ngộ chữ tôi đang trôi sông lạc chợ với sinh ký tử quy đến đây, tay cầm miếng bánh đa, mặt ông như bánh đa nhúng nước, ông vay mượn nhời tựa trong *Nam hải dị nhân* của Phan Kế Bính để giải bày: “Nước ta vì sách biên sót mà không tường. Nhưng ngặt vì sách thì ít, lưu truyền không rộng, giai thoại truyền khẩu cho nhau, người nhớ khúc này, kẻ nhớ khúc kia, hóa ra nhầm lẫn sai cả sự thực của người xưa”.

Để dẫn chứng, ông kể giai thoại *Trạng chết chúa cũng băng hà*:

Sau này chúa Trịnh có bụng ghét Quỳnh. Một hôm chúa đòi Quỳnh vào thị yến, định đánh thuốc độc cho chết. Quỳnh biết là có chuyện. Lúc đi dặn vợ con rằng:

- Hôm nay ta vào hầu yến chúa, lành ít, dữ nhiều. Ta có mệnh hệ nào không được phát tang ngay, cứ để ta vào võng, đợi bao giờ phủ chúa phát tang thì ở ngoài hãy phát tang.

Dặn xong, Quỳnh vào đến cung đã thấy chúa ngồi đấy rồi. Chúa bảo:

- Lâu nay không thấy mặt, lòng ta khát khao lắm. Vừa rồi, có người tiến hải vị, ta nhớ đến ngươi, cho đòi vào ăn yến, ngươi không được từ. Vừa ném

một miếng thì nhà chúa hỏi:

- Bao giờ Quỳnh chết?

Quỳnh thưa:

- Bao giờ chúa chết thì Quỳnh cũng chết.

Ăn xong, Quỳnh thấy trong người khang khác, cáo xin về. Vừa về đến nhà thì tắt thở. Vợ con cứ theo lời Quỳnh dặn mà làm. Chúa sai người dò xem Quỳnh có việc gì không, thấy Quỳnh đang nằm võng nghe nhà trò hát, mà người nhà thì đi lại vui vẻ như thường, về tâu với chúa. Chúa liền đòi đầu bếp lên và ăn thử, được một chốc thì Chúa lăn ra chết.

Kể có gốc có ngọn xong, thấy tôi cảm như thóc ngâm, ông cười hích một cái:

- Ha! Cậu dốt như me dốt thật. Như văn học của cậu đổ vấy cho tớ là Nguyễn Quỳnh đi. Vậy chứ có chúa Trịnh nào ngòm củ tỏi cùng một ngày với tớ không? Cậu thử nói cho tớ nghe...

Thế là tét hết! Bởi dân gian dựng lên nhân vật Cống Quỳnh, có tích mới dịch nên tuồng nên nhà biên khảo nào đó gán ghép “tiểu sử” của ông Nguyễn Quỳnh có thật, vì không cân đo đong đếm ngày tháng nên mới rách chuyện. Cũng như nhà biên khảo cổ thụ ở Paris năm 1952 khi viết *Hồ Xuân Hương tiểu sử* văn bản ông đùm đậu cho là: “Toàn bộ thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương, tất cả đều không có thật mà là “thơ dân gian” của một ông đồ nào đó nhuận sắc cùng thời với truyện *Trạng Quỳnh, Trạng Lợn*”.

Cứ rằng có vợ rằng không với ông Đỗ Lai Thúy ở Hà Nội khùng khăng cọ đít nòi viết *Trạng Quỳnh, Trạng Lợn với hai kiểu cười của người Việt* qua một số giai thoại Trạng Lợn với vua Lê, Trạng Quỳnh với chúa Trịnh. Từ văn bài này ngộ chữ tôi bắt cua được ếch hai ông trạng này vất vương vào thời Lê Mạt, với Lê Dục Tông, Lê Hiến Tông, với Trịnh Doanh, Trịnh Khả.

Chưa kịp tâm chương trích cú tiếp, ông đã trở lại với chuyện xưa tích cũ:

- Với các nữ sĩ, chỉ vì sách biên sót mà không hay nên nhầm lẫn. Trăm sự do Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến (Phụ đính 2), năm 1915, xuất bản tập biên khảo về nữ sĩ Hồ Xuân Hương với tựa đề *Giai nhân di mặc*. Năm 1920, Phan Kế Bính trong *Nam hải dị nhân* với *Giai thoại bà Đoàn Thị Điểm*. Trong những trang biên khảo ấy kể lại những giai thoại về các nữ sĩ nhưng không dẫn chứng nguồn tài liệu chuẩn mực nào. Nên được coi như truyện ký hơn là một biên khảo có giá trị. Phan Kế Bính là người có công trong việc sưu tầm thư tịch, chuyên dịch sang chữ quốc ngữ các giai thoại về bà Đoàn Thị Điểm. Tuy nhiên, cũng còn một số chi tiết hoặc...“đôi liên” mà Phan Kế Bính đã bỏ qua vì khó tin, hoặc vì câu chữ...“bất thông” do sao chép nhầm lẫn.

Ông vừa ăn như cũ ngủ như xưa xong, ngộ chữ tôi định khoe chữ là cùng vào thời vua Lê chúa Trịnh: Giai thoại tên “Câu đố” với “Trời sinh ông

Tú Cát – Đắt nút con bọ hung”, với sách này chép của ông Trọng Lợn, sách kia ghi của ông Trọng Quỳnh. Chưa kịp thừa chuyện vừa lúc nghe ông gọi thêm một đĩa tiết canh nữa, thế là lại toi tiền. Thêm một lần lòng dạ như xát muối, bất nghi bất ngộ tôi bèn mang truyện Chinh phụ ngâm khúc ra để thông hanh, thông điều với ông. Rằng ông đâu hay biết trong mảng văn học miền Bắc với Xuân Diệu thì: Nguyễn Trãi, bà Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, bà Hồ Xuân Hương và Tú Xương là năm nhà thơ lớn nhất trong văn học cổ điển Việt Nam. Ấy vậy mà gần đây, cũng nhà văn học, nhà biên khảo ở Paris là ông Hoàng Xuân Hãn, năm 1952 với cuốn *Chinh Phụ Ngâm bị khảo* khẳng định rằng: Bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* mà nhiều người cho là của Đoàn Thị Điểm. Theo nhà biên khảo thâm căn cố đế đích thực là của Phan Huy Ích. Ông dựa vào tài liệu của Phan Huy Chiêm có những chứng từ gia phả dòng họ Phan ở phủ Quốc Oai, từ thời Tây Sơn với bản chép tay.

Nhưng bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh đưa ra ý kiến phản bác luận cứ ông Hoàng Xuân Hãn.

“...Bác Hoàng Xuân Hãn viết: Từ năm 1926 ông Phan Huy Chiêm gửi thư cho báo *Nam Phong*, nói rằng bản *Chinh Phụ Ngâm* là "Cụ Phan Huy Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ Hán vừa chữ Nôm". Nhưng từ đó, mặc dầu nhiều nhà khảo cứu yêu cầu, ông Phan Huy Chiêm chưa từng đưa ra văn bản ấy. Bởi lẽ ông

Phan Huy Chiêm nghĩ rằng bản diễn ca của cụ tổ mình chính là bản đã in khắp nơi rồi.

Mùa hè năm nay tôi được ông Phan Huy Chiêm nhờ người em họ gửi cho một bản nhưng tài liệu ấy lại không có văn bản gốc (nguyên văn thủ bút hay bản khắc ván chữ Nôm đầu tiên của dịch giả) mà đó chỉ là bản dịch *Chinh Phục Ngâm* chữ Latinh (chữ Quốc ngữ) mà thôi! Hình như bản chữ Nho và chữ Nôm cho đến nay chưa tìm lại được. Tôi thắc mắc là cho đến khi bác Hoàng Xuân Hãn viết xong bài "Tựa", vậy mà nhà họ Phan vẫn chưa đưa ra được bản chính chữ Nôm của Phan Huy Ích, hóa ra bác đã khởi sự viết *Chinh Phục Ngâm bị khảo* từ năm 1952 chứng minh rằng bản dịch xưa nay người đời gán ghép cho bà Đoàn Thị Điểm là của Phan Huy Ích ngay từ khi trong tay...chưa có bản chữ Nôm của nhà họ Phan làm bằng chứng?

Cho đến nay vẫn chưa ai được thấy nó. Sau này ông Nguyễn Văn Xuân tìm ra bản ở Huế tên là *Chinh Phục Ngâm Diễn Ám Tân Khúc* mà ông và bác Hoàng Xuân Hãn...đoán là bản của Phan Huy Ích dịch. Tôi dùng chữ "đoán" vì trang cuối bài "Tựa" chỗ đề tên tác giả (hay dịch giả) "bị mất" nên bằng chứng này chưa thể kê là "bằng chứng" đích xác, mà chỉ là phỏng đoán...".

Nghe bất nghi bất ngộ tôi thông hanh, thông điều xong. Ông xoẹt hai hòn đá kỳ nham nhám lòi tói ra lửa mỗi cái đóm nan. Nâng oáng điều cày để ngang miệng như khẩu "ba-dzô-ca", ông bắn thêm

một bi nữa, tiếng điều cây kê eng éc như lợn kê, rồi ngựa cỏ đùn khói mù mịt.

Gà gà mắt lên như người say thuốc lào, ông ăn mấm ngấm về sau mà rắng...

Rằng theo gia phả họ Đoàn là *Đoàn thị thực lục*, tổ tiên bà vốn họ Lê, đến đời ông nội là Doãn Nghi mới đổi ra họ Đoàn (2). Lúc trẻ, bà có tiếng đẹp người, đẹp nét, có tài văn sách. Năm 16 tuổi, bà được Thượng thư Lê Anh Tuấn nhận làm con nuôi, khi ở nhà của dưỡng phụ ở phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long....

Đến tao đoạn này, bất nghi bất ngộ tôi bèn cáo mực đề văn, giác ngoại biệt truyền bất lập văn tự: Theo *Đoàn thị thực lục*, lúc sinh thời bà thường xướng họa với cha nuôi có cả chục bài. Di cao trước tác của bà ở nhà quan thượng thư có đầy đủ hơn cả. Chính bà là tác giả bản dịch chữ Nôm Chinh Phụ ngâm khúc đang hiện hành vì năm 1902, bản *Long Hoà* có ghi: “Thanh Trì nhân mục Đặng Trần tiên sinh Côn trú, Văn giang trung phú Đoàn phu nhân Điềm điển âm”. (***)

Nghe ngộ chữ tôi vắn vẹo với chữ nghĩa xong. Ông Công câu thừa chữ thiếu...

Khi ở phường Bích Câu, Thăng Long, bà có dịp gặp Đặng Trần Côn. Họ Đặng quý mến tài văn chương của bà Điềm, nên có gởi đến bà một bài thơ tỏ ý cầu hôn.

Bà Điềm không trả lời nhưng có nói đùa với các chị em bạn:

- Ông Công Đặng, miệng còn hôi sữa, làm thơ chưa xong mà lại đi nói chuyện vợ chồng.

Đặng Trần Côn nghe thuật lại thì tức lắm, nên cố gắng miệt kỳ đèn sách, cố đầu cho được tiến sĩ trong kỳ thi Hội. Đầu niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê Trung Hưng, gặp buổi chiến tranh ly loạn, trai tráng bị bắt đi lính đàng giặc phương xa, gây cảnh biệt ly cho nhiều gia đình, Đặng Trần Côn đem hết tài học bình sinh viết nên tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* bằng Hán văn theo thể thơ xưa Cổ Nhạc phủ. Khi viết xong, Đặng Trần Côn đưa tác phẩm cho Ngô Thời Sĩ xem. Ngô Thời Sĩ xem xong lấy làm thán phục nói rằng: “Văn chương tới mức này thì Lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi”. Đặng Trần Côn sau đó gửi tác phẩm cho bà Đoàn Thị Điểm xem, ngụ ý cho bà Điểm biết trước đây bà đã xem thường ông.

Lúc này bà đã lấy Nguyễn Kiều, chồng đang đi sứ sang Tàu, bị kẹt ở lại bên đó vì giặc giã. Bà Điểm xem xong tác phẩm rất phục tài văn chương của họ Đặng, lại thấy tâm sự của nàng chinh phụ trong tác phẩm giống tâm sự của bà lúc đó: Chồng đi sứ sang Tàu giống như đi lính thú chinh chiến ngoài biên thùy. Với tâm hồn của một người nữ sĩ cùng những cảm hoài, và cũng muốn đáp lại tình cảm của Đặng Trần Côn khi trước, bà đem xúc cảm của tâm hồn, diễn Nôm từ Hán tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn sang *Chinh phụ ngâm khúc* qua thể song thất lục bát như thể với *hồn tử sĩ gió ù ù thổi, mặt chinh phu trắng dôi dôi soi*, v...v...

Đến tao đoạn này, bỗng không ông Cống hăm hụi rằng bài văn khảo *Thứ nhất đi sứ, thứ nhì di quan* của “cụ nào đó” viết về cái khổ nạn đi sứ của các cụ ta xưa. Với chuyện là thường thì đi sứ một hai năm. Thảng như Nguyễn Kiều chồng bà Đoàn Thị Điểm được cử làm chánh sứ sang Tàu tuế cống ba năm cũng thường thôi. Vì vào thời nhà Mạc, Hoàng giáp Lê Quang Bí đi sứ bị nhà Minh làm khó dễ giữ lại tới 18 năm, vì giống như Tô Vũ thời Hán, nên khi về nước Hoàng giáp Lê Quang Bí được triều thần gọi là Tô Công. Ấy là chưa kể thời Lê-Mạc, Trạng nguyên Đỗ Lý Khiêm làm chánh sứ, mới tới ải Nam Quan ở Bằng Tường đã mất tại đây.

Với “cụ nào đó”...ăn ngay nói thật, cụ này ngộ chữ tôi cũng thân quen và gần gũi: Ấy là cụ Ngô Không. Nhưng ngộ chữ tôi rửa óc nghĩ không ra ông Cống đưa bài sưu khảo “Thứ nhất đi sứ, thứ nhì di quan” của cụ Ngô Không vào chuyện làm khỉ gì chả biết nữa.

Nói cho ngay, *tôi đang muốn nói với ông một chuyện nhưng chưa biết ăn nói ra sao...*

Thì ông cầm cối bia ực một cái như uống nước rau luộc. Xong, ông gọt cốt vừa giầy: Phan Huy Ích là thân phụ Phan Huy Chú, được Ngô Thời Nhậm tiến cử với Quang Trung trông coi việc giao dịch với nhà Thanh. Tiếp, ông làm chánh sứ sang Tàu với giả vương Phạm Công Trị để cầu phong, ông làm đến chức Thị trung Ngự sử. Sau Gia Long mang Nguyễn Thế Lịch, Ngô Thời Nhậm và Phan Huy Ích ra đánh trước Văn Miếu. Vì vậy có thuyết cho rằng Chinh

Phụ Ngâm do Phan Huy Ích diễn Nôm để diễn tả tâm sự u uẩn của mình.

Chuyện tôi sắp nói với ông đây là chuyện ăn đong ăn vay...thì va vào mắt cái điều cày nằm trên bàn. Bởi cái oáng điều cày chỉ dài hơn một gang tay, và chỉ to bằng cái cán dao phay, tôi muốn làm thử một điều lại ngại...”điều kêu tốn thuốc”. Thì vừa lúc bắt gặp ông thở ra...

Thảng như cụ Nguyễn với *Truyện Kiều*, bà Huyện với *Thăng Long thành hoài cổ* với tâm cảm hoài Lê. Ngay như bà họ Đoàn qua *Truyện kỳ tân phả*, nhờ sống với dưỡng phụ ở phường Bích Câu mới sáng tác được truyện truyền kỳ *Bích Câu kỳ ngộ*. Như theo chồng tới Nghệ An viếng đền Sòng thờ bà chúa Liễu Hạnh, bà mới có cảm hứng viết chuyện lên đồng, cùng tục hóa vàng hóa bạc. Nhưng chẳng mấy ai thấy ông Phan Huy Ích gửi gắm tâm trạng...”chinh phụ” gì qua tác phẩm của Đặng Trần Côn. Lại nữa, nữ sĩ mượn *Truyện kỳ tân phả* để viết toàn những nữ nhi anh kiệt, nên bà vay mượn Chinh Phụ Ngâm để trang trải tâm sự của *thườ tròi đất nổi cơn gió bụi, khách má hồng nhiều nổi truân chuyên* là đúng ngẫu sự, ngẫu hứng quá rồi. Vì trong ba năm vắng chồng, Đoàn Thị Điểm sống chẳng khác nào người...”chinh phụ”. Và ngay như hai câu mở của Chinh phụ ngâm khúc mang cái tâm thái thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân dường như nghiệm vào cả cuộc đời bà ngay từ khi còn đang ở cái tuổi thanh xuân.

Chuyện này giờ tôi muốn thưa với ông là...là nói cho lắm tám cõi truồng vì có nhà thơ “thần đồng” trong nước lại thích viết văn. Ông viết rằng: “Nhiều học giả cho rằng Nguyễn Quỳnh là nhân vật lịch sử hiện thực. Cống Quỳnh là nhân vật dân gian hư cấu. Nhưng phải nói rạch ròi điều này, người đời vẫn thích Cống Quỳnh dân gian hư cấu hơn mặc dù không hiện hữu”. Tất cả những chuyện tôi muốn quấy hôi bôi lọ với ông, tôi chỉ là con bò nhai lại và không hơn.

Ấy vậy mà khi không ông Cống thờ ra *há như ai hôn say bóng lãn, bồng thơ thơ thần thần hư không...*(trích Chinh phụ ngâm khúc). Vì ngoài họ Đặng, nhiều khoa bảng nghe tiếng bà hương sắc vẹn toàn, văn chương lỗi lạc, tới câu hôn, nhưng họ đều chịu thua. Như Hoàng giáp Vũ Diệm đến viếng thăm bà, biết được dụng ý của người khách tài hoa này, bà bảo người nhà bưng khay trà mời khách, rồi bà sẽ ra sau. Trên khay trà bà để sẵn một câu đối nhờ khách đối giúp: *Đình tiền thiếu nữ khuyên tân lang*. Nghĩa đen là trước sân gió thoảng phát cây cau. Thiếu nữ là con gió nhẹ, tân lang là cây cau. Nghĩa bóng của câu này là trước sân, người con gái mời chàng rể mới. Cái hóc hiểm của đối chữ với con gái là thiếu nữ, chàng rể là tân lang. Ông Vũ Diệm thấy câu đối khó quá, không thể đối nổi nên đành rút lui.

Ông Cống nói gì cứ nói, đập vào mắt tôi là hai hòn đá kỳ nằm trên bàn như voi áp trứng. Thế là bắt chước ông Cống đi thi thừa giấy vẽ voi, tôi vẽ chuyện rằng đã có nhà thơ trong nước viết về ông thì chẳng thể không nói đến một ông nhà văn ngoài nước viết với những ngộ nhận vì có hai bà Hồ Xuân Hương. Một thật một giả, nhưng ông “thống khoái” bà Hồ Xuân Hương giả hơn. Và với hai Cống Quỳnh, một giả, một thật, ông lại “chịu” với giả. Từ nãy đến giờ, tất cả những chuyện lọng cọng trong đầu mà ngộ chữ tôi ngụp lặn với chữ nghĩa là thế đấy.

Hốt nhiên ông Cống lại thở ra *trời hôm tựa cửa ngẩn ngơ, trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai...* (Chinh phụ ngâm khúc) bởi lẽ ít lâu sau anh mất, bà nhận lời vào ở trong cung cấm dây cung tần, vì bị một ông cậu của chúa Trịnh tố tình nên bà về quê mở trường dạy học. Sau vì tuổi trẻ trăng, 37 tuổi bà lấy (kế thất) với quan Thị lang Nguyễn Kiều. Nguyễn Kiều hiệu là Hạo Hiên, người làng Phú Xá, Tây Hồ. Từ nhỏ Nguyễn Kiều đã nổi danh học giỏi. Năm 18 tuổi, đi thi lần đầu đỗ ngay giải nguyên. Năm 21 tuổi đậu tiến sĩ. Sau đó là đi sứ...

Châm lửa cái điều cà, thở ra khói xong... Với không có lửa sao có khói, ông tiếp:

Chuyện là trước khi đi sứ, Nguyễn Kiều đến cầu hôn bà Đoàn Thị Điểm. Đương thời cho là ông có số phải lấy nhiều vợ. Bà vợ đầu là con gái đại thần Tham tụng Lê Anh Tuấn. Bà này mất sớm, ông lấy

con gái đại thần Thượng thư Nguyễn Quý Đức. Bà sau cũng sớm qua đời. Nguyễn Kiều nhờ người mới mai đến với bà Điểm. Ban đầu bị từ chối, Nguyễn Kiều không nản, tiếp tục qua lại. Cuối cùng trong thư chính thức cầu hôn, ông khấn khoản trình bày: “Tôi rất bận việc quan. Vó ngựa hoàng hoa (đi sứ) đã gần ngày lên đường. Việc nhà không ai coi sóc và cai quản, tôi nghĩ rằng phu nhân cùng nội trợ tôi xưa có tình chị em, có phận keo sơn (người vợ trước là con gái Lê Anh Tuấn, vị đại thần từng đã nhận Đoàn Thị Điểm là con nuôi). Nếu phu nhân bằng lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thực là may cho cả nhà tôi đó”. Có lẽ vì cảm động về quyết tâm của Nguyễn Kiều, và có lẽ còn là “vì cây dây quấn” nên bà Điểm chấp nhận.

Lấy nhau chưa được một tháng, Nguyễn Kiều được cử làm chánh sứ sang Tàu tuế cống ba năm mới trở về. Nguyễn Kiều đi sứ về, ba năm sau ông được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Bà cùng đi với chồng, nhưng trên đường đi, bà bị cảm nặng, chạy chữa không khỏi, bà mất ở Nghệ An ngày 11-9-1748 khi bà 43 tuổi. Thi hài bà mang về Văn Giang, xứ Kinh Bắc. Nhưng đến Thăng Long, cũng vì chiến chinh, giặc giã nên không đưa về được quê bà, nên đành phải an táng ở Tây Hồ. Mộ chí bà sau bị đất lở, đất chùi nên nay không còn dấu tích.

Thương cảm người bạn đời văn số, ông Nguyễn Kiều viết bài văn tế, hết lời ca tụng văn tài và đức hạnh của bà. Trong đó có câu:

Đào chưa tươi đã khô
Quế đang thơm đã rũ
Rừng sâu bể rộng nàng hỡi đi đâu
Ngọc nát châu chìm lòng tôi quận nhớ...



Mộ bà Đoàn Thị Diễm được ông Nguyễn Kiều an táng ở Tây Hồ. Mộ chí bà sau bị đất lở, đất chùi nên nay không còn dấu tích..Năm 1982, khi quay phân ngoại cảnh phim *Hà Nội trong mắt ai* phân đoạn phim về bà

Huyện Thanh Quan ở làng Nghi Tàm. Vì có đồng rác nên phải rời đi, ông đạo diễn Trần Văn Thủy tình cờ tìm được mộ bà Đoàn Thị Diễm. Nơi chôn cất bà Đoàn Thọ Diễm sau này được xây thành lăng, có tường bao, mái che.



Trước đó, năm 1936, theo gia phả dòng họ Nguyễn, khi ông Nguyễn Kiều mất, nhà Hậu Lê cấp đất và đưa thi hài ông về đây an táng. Mộ bia ghi dựng năm 1931, với hàng chữ “Hạo Hiên tiên sinh chi mộ chí” với đầy đủ năm sinh và năm mất (vì ông có tập thơ Hạo Hiên

thi tập). Mộ ông ở đất Phú Thượng của dòng họ, được dân làng Phú Xá tôn là thành hoàng làng và đã trải qua 260 năm. Vào thiên niên kỷ 2000, các nhà khảo cổ đào lên thấy có kim tĩnh trồng năm ngay

bên cạnh huyết ông Nguyễn Kiều. Vì cách đó không xa là mộ phần bà Đoàn Thị Diễm, vì vậy bà Nguyễn Thị Sơn, hậu duệ đời thứ 9 của ông Nguyễn Kiều, ngày 24-7-2011 đã rời mộ phần bà Đoàn Thị Diễm về đây để hai ông bà gần nhau.

Ừ thì chuyện sinh ký tử quy là vậy, là hết chuyện, nói cho ngay ngộ chữ tôi có “cảm giác” uống bia với ông “bỉ nho” như uống với phu huyết, sau xẻng đất, sau cối bia hơi, bảo những hồn ma cũ *Huyết đã chôn rồi lấp đã xong* (thơ Mai Thảo). Hồi nhớ lại năm 2010, vì chung hóng hót chuyện văn chương ở ngõ Văn Chương có quán liêu xiêu bên vỉa hè...Thế nên với hồn ma cũ, ngộ chữ tôi có túc duyên gặp ông Tàu già, cụ Tản Đà và ông Tô Hoài như những bóng ma nên ngộ chữ tôi không...*đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ* nữa

Đang như Từ Thức về trần đến đây, chợt có một cái bóng lẩn ngẩn đi tới...Bèn đoán chừng là lão Tàu già, bụng bảo dạ sẽ ới nhằm gói phá-xa mang về để làm chứng tích chuyện có thật. Hoặc là cụ Tản Đà, vừa thấy mặt ngộ chữ tôi, thế nào cụ cũng hỏi sao cứ...kỳ óc ra viết văn, sợ cụ mắng cho rát mặt là không tư duy văn hóa nhậu! Ngộ chữ tôi định bụng sẽ chỉ trên bàn có hai hòn đá kỳ đề...kỳ cọ, chứ chả phải kỳ óc ra để viết chuyện hư cấu. Nhưng ngẩng đầu lên để nom dòm cho kỹ hơn, lỡ gặp ông Tô Hoài chỉ thích uống bia hơi thì sao đây.

Thì cầu vào mắt là cái bóng có tướng rất bạm, mặt mày nham cổ, chít khăn đầu rìu, quần xắn móng lợn và gậy gù đứng ngay trước mặt... Cái bóng ve vé mắt dòm cỏi bia mà rằng:

- Bỉ nho là Quỳnh Công đây!

Rồi cái bóng “bỉ nho” quơ hai hòn đá kỳ bỏ vào bị cỏi...

Thạch trúc gia trang
Lập thu, Bính Thân 2016

Nguồn: Nguyễn Đức Hiền, Trịnh Văn Thành, Nguyễn Gia Lộc, Bùi Thị Thiên Thai, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Ngọc Kha, Hoàng Yên Lưu, Trần Đăng Khoa, Phan Lạc Tiếp, Trần Nhuận Minh, Nguyễn Vĩnh Phúc, và Nguyễn Hưng Quốc.

(*) *Phạm Cao Dương, TS*

(**) Lê Việt Hà

(***) Giai phẩm Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm

Chú thích:

(1) Truyền kỳ tân phả in mộc bản năm Tân Mùi 1811. Năm Gia Long thứ 10, có ghi rõ tên tác giả là Hồng Hà Đoàn phu nhân. Phan Huy Chú cho biết Truyền kỳ tân phả, gồm sáu truyện: Bích Câu kỳ ngộ - Hải Khẩu linh từ - Vân Cát thần nữ - Hoành Sơn tiên cục - An Ấp liệt nữ - Yển anh đối thoại - Mai Huyền. Có bốn truyện ông Nguyễn Kiêu nói đến trong bài văn tế bà: Làm tỏ chuyện Ché thắng xưa (*Hải Khẩu linh từ*) Nêu cao danh trinh liệt mới (*An Ấp liệt nữ*) Ngụ đầu tiên trong *Vân Cát thần nữ* Thuận tình nhà trong *Đối thoại Yển anh*.

Theo Đoàn thị thực lục ngoài Chinh phụ ngâm khúc (*), Truyền kỳ tân phả, bà còn có một ít thơ văn gồm chữ Hán, chữ Nôm trong tập *Hồng Hà phu nhân di văn*. (*)

(*) Chinh Phụ Ngâm , nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn có nhiều (7) bản diễn ca thơ nôm như bản của Đoàn Thị Điểm (1705-1748), Nguyễn Khản , Phan Huy Ích (1782-1840), v...v...

Hiện nay Hồng Hà phu nhân di văn (*) có hàng trăm bài thơ Đoàn Thị Điểm trong đó có 28 bài thơ trào phúng. Bà Nguyễn Kim Hưng, phu nhân GS Nguyễn Huệ Chi tìm ra từ năm 1978 nhưng hiện nay nhiều chữ vẫn chưa ai đọc đư ợc. (Nguồn: Phạm Trọng Chánh)

(2) Đoàn từ đường ở Hưng Yên nghe nói còn câu đối ghi lại tông tích họ Đoàn: “Vũ liệt văn khôi quang thế phả, Lê tiền Đoàn hậu kí thần ngôn” (Võ giỏi văn tài, làm sáng ngời gia phả - Trước là họ Lê, sau đời họ Đoàn, để ghi nhớ lời nói của thần). Theo Đoàn thị thực lục nhà này vốn trước họ Lê, tổ phụ là Lê Công Năm làm quan võ đời Lê, tước quận công. Cháu của Công Năm là Doãn Nghi thi đỗ hương cống, nhưng sau thi hội không đỗ bèn đi dạy học. Nhân trong một giấc mộng, có “thần nhân” bảo đổi sang họ Đoàn thì sẽ đỗ, ông bèn làm theo. Con Doãn Nghi là Doãn Sỹ khi trọ học ở Thăng Long, phải qua lại hàng ngày phường Hà Khẩu (nay là khu vực phố Hàng Buồm) ông thường gặp một người con gái họ Vũ, là con một võ quan tước Thái lĩnh bá. Sau thành vợ chồng sinh được hai con, trai là Đoàn Doãn Luân, gái là Đoàn Thị Điểm.

Phụ đính 1

Chúng ta đã được biết về tích truyện lãng mạn đa tình Bích Câu Kỳ Ngộ, qua bản quốc ngữ của Thi Nham Đình Gia Thuyết, dịch và chú giải từ nguyên tác chữ Hán của Đoàn Thị Điểm (1705-1748) trong Truyền Kỳ Tân Phả. Nguyên bản của nữ sĩ họ Đoàn có 6 truyện, “cuộc gặp mặt lạ lùng ở suối biếc” (Bích Câu Kỳ Ngộ) là một trong 6 truyện ấy. Chùa Bích Câu có thật, thuộc

làng Yên Trạch huyện Thọ Xương, nơi hiện nay vẫn còn ngôi đền ở gần Văn Miếu Hà Nội.

Truyện ca dài 648 câu, kể ngọn ngành thi sĩ Tú Uyên thời Lê - [Nhà Tiền Lê (1428-1527), nhà Hậu Lê (1533-1788), khoảng 6 năm giữa 1527-1532 một hôm đi thăm Chùa Bà Ngô ở phố Sinh Từ, nhác thấy một thiếu nữ đẹp tuyệt trần đi ngang qua phía trước cổng tam quan, chàng chạy theo, lẻo đẻo phía sau ước hỏi này kia mãi cho tới gần Cửa Nam.

Nàng biến mất, trông lên chỉ còn thấy bóng dáng thấp thoáng trên cành cây. Thế là về nhà ốm tương tư, có phần sắp chết. Bạn chàng tội nghiệp, mách hay là tới đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm xin một quả bói xem sao. Quả nói: sáng mai ra đợi ở cây cầu gỗ ở phố Hàng Đường thế nào cũng gặp. Gặp thật, nhưng không phải gặp người, mà chỉ gặp một kẻ bán tranh tố nữ, diện mạo người trong tranh nhìn đúng là tiên nữ đã gặp mấy ngày trước. Tú Uyên mang tranh về treo lên tường, ra cũng nhìn, vào cũng ngắm, ngày hai bữa khi ăn thì để thêm bát đĩa mời người trong tranh ra ăn với mình. Nói mời là nhẹ, thực ra là cầu khẩn...

Và nàng đã hiện ra. Đó là những nét chính của Bích Câu Kỳ Ngộ, nàng thơ của thi sĩ Tú Uyên.

Năm 1957 nhà văn Vũ Khắc Khoan đã do cuốn cổ văn này mà viết thành truyện ngắn nổi tiếng

Người đẹp trong tranh.
(Nguồn: Viên Linh)

Phụ đính 2:

Từ khi nào mới có dư luận bản dịch Chinh phụ ngâm là do Phan Huy Ích dịch? Câu chuyện xảy ra vào năm 1926, khi *một tay bỉnh bút của tờ Nam Phong là học giả Nguyễn Hữu Tiến nhận được một lá thư của một hậu duệ Phan Huy Ích là Phan Huy Chiêm.*

Ông Chiêm khẳng định bản dịch Chinh phụ ngâm mà ngày nay truyền tụng là do ông tổ năm đời của mình dịch và người sau ngộ nhận Đoàn Thị Điểm là dịch giả. Tuy nhiên, dù được Nguyễn Hữu Tiến bênh vực, giả thuyết chưa được phân đông giới nghiên cứu văn học vì chứng cứ ông Chiêm đưa ra không đầy đủ.

(không đưa ra bản dịch Chinh phụ ngâm, bản chữ Nôm, coi như gia bảo nhà họ Phan).



Nguyễn Hữu Tiến sinh năm 1875 quán làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà đông, tạ thế 1941 tại quê hương. Ông thi hương đậu tú tài nhưng không theo hoạn lộ mà chuyển sang con đường báo chí và biên khảo.

Khi Nam Phong ra đời, ông đã được mời cộng tác và đã hỗ trợ chủ bút Phạm Quỳnh, gia nhập

làng báo, Nguyễn Hữu Tiến đóng góp đều bài vở, vừa biên khảo vừa dịch thuật và sáng tác, cho tờ Nam Phong trong hơn 17 năm trời. Năm 1915, ông đã xuất bản tập biên khảo nổi tiếng về nữ sĩ Hồ Xuân Hương với cái tên Giai nhân di mặc (Nét mực giai nhân để lại).

Câu chuyện rơi dần vào quên lãng cho tới khi Hoàng Xuân Hãn xuất bản bộ “bị khảo” (khảo cứu đầy đủ) để chứng minh bản dịch Chinh phụ ngâm do Phan Huy Ích là tác giả.
(Nguồn: Hoàng Yên Lưu)

Xuân, hạ, thu, đông...

Về lại quê nhà cả tuần nay, lu bu hết rựa bận phố Hàng Lược đến sĩ tử Văn Miếu, bây giờ gã mới đảo qua nơi chôn của cái tuổi ấu thời.

Trở về Hà Nội sau mấy chục năm, từ bên ngoài hai cánh cổng gỗ của căn nhà số 123, phố Bà Triệu. Gã đứng thẩn thờ nhìn vào bên trong, cánh cửa mở ra với “bát tri hà xứ thị hương nhân” qua mảnh sân gạch. Như đoạn phim đen trắng quay chậm, cả một chuỗi ký ức không lớp lang...*thoáng hiện em về trong đáy cốc, nói cười như chuyện một đêm mơ* (Quang Dũng). Trong mê hoang, gã bắt gặp thấp thoáng hình bóng người xưa năm ấy đang nhảy dây hay chơi ô quan nhập nhòa rồi tan biến trong phù pha.

Xế chiều, gã đứng ở sân ga tại một thị trấn vắng gió đìu hiu bên đường đợi tàu xuôi Nam vào lại Sài Gòn để trở về mảnh đất tạm dung. Một chuyến đi hững hờ vô định.

Chợt nhớ lại con phố cũ, cánh cửa đóng lại ở cái tuổi tịch dương vô hạn hảo im lìm như *tôi một bữa ngòi yên như bàn ghế* (thơ Cao Đông Khánh). Gã lặng lẽ đốt điếu thuốc để đốt lò hương cũ vì thời gian qua nhanh, mới ngày nào đu tàu há mồm vào Nam. Hai mươi năm sau đeo máy bay qua đất tạm dung. Gã tần ngần nhìn hai con đường sắt chạy song song xa tắp chẳng bao giờ gặp nhau. Gã cảm thấy bồi hồi, trống vắng...

Thóang bắt gặp một ngôi chùa nấp sau rặng cây bên kia đường, gã lội bộ qua Quốc Lộ 1 và bước vào cổng tam quan, gã lặng ngắm vệt nắng cuối ngày xuyên qua tàng lá động trên sân. Chợt gã nhớ lại dòng thơ ngủ yên ắng trong tàng thức bấy lâu, nay thông thả gọi nhau ra rong chơi. Tại sao lúc này, chỉ có trời biết và người thơ biết...

Nhìn nắng động sân chùa...

Khách có biết mấy lần dâu bể?

Lắng chuông ngân đầu cỏ

Người không hay một thóang vô vi?

Vật vờ với câu mở *nhìn nắng động sân chùa...*, thật ra câu tả cảnh này chẳng có gì hay hóm hóm, nắng sân chùa trong thơ văn đầy ắp. Nhưng câu thơ ấy dẫn gã tới vệt nắng đang lung linh, mà chữ “nhìn” ẩn dụ bóng dáng ai đó lặng lẽ cùng với nắng

chiều. Ai đó nhìn nắng u hoài về một ai. *Khách có biết mấy lần dâu bể?* Thì cứ cho gã là “khách” đi, mà mảnh đời gã ngỡ như có thật cũng qua nhanh, đổi thay trong thoáng chốc. Bao lần dâu bể là bấy nhiêu luân hồi, ấy là gã chấp vá chữ nghĩa của nhà Phật có bấy nhiêu trong một ngày nhạt nắng...

Ai đó còn từ bi lắng đọng, hãy nghe tiếng chuông ngân trên đầu cổ ngáp trong hư không. Mà có phải là tiếng chuông chùa? Hay chỉ là tiếng chuông gọi nhớ của đời tục lụy. Chỉ khi nào ngừng lại ở một cõi đi về, mới có thể bước qua ngã chấp lần mò về chân ngã. Tâm đã lặng, ý đã trong, khách hay gã cũng vậy thôi, có thể rời con thuyền bát nhã bước lên bờ đi vào một cõi thông dong. Ngóanh lại nhìn bờ bên kia bụi mờ gió lốc, có bao giờ lắng đọng một cõi vô minh hay chăng?

Ừ thì vậy đấy, gàn như cuối đời, gã bị vật vã bởi những tiếng chuông. Thân thờ cả một hồi lâu, tia nắng đã tàn, đã mất, bóng chiều ập xuống lúc nào gã cũng chẳng hay. Bụi ngùi bước qua con lộ để trở về sân ga, gã không quay lại nhìn theo đất bên kia chỉ thấy thoáng chốc một khoảng không gian im ắng đến cô tịch.

Sân ga chìm trong chiều tối thâm u. Cột điện bên đường đã lên đèn, mấy bà bán hàng rong ngồi ngủ gà ngủ gật. Gã ngả lưng lên chiếc ghế dài, chân đi giày gác lên túi xách. Trước khi đi vào giấc ngủ đường xa, gã thở ra một tiếng nhẹ, hững hờ về một

chuyển đi như một thóang mây trôi của đất trời...Gã chập chờn thao thức....

Vừa lúc ấy, sau bức tường khuất có một cậu bé chân bước như lướt trên mặt đất tới chiếc ghế, miệng cười ranh mãnh và tháo...đôi giầy của gã ra. Gã choàng dậy, vô tình hất cái túi xuống đất làm cái bánh khúc rơi ra và gã cúi kính: “Thằng ranh con này, mà...”. Cậu bé cúi lượm cái bánh, bóc lớp lá gói bánh, thông thả cho vào miệng nhai và hỏi gã: “Ông làm gì ở đây hở?”. Hỏi xong, cậu bé lẳng lẳng móc trong túi ra một...cái lá vàng và tiếp: “Ông muốn trở về với quá khứ không? Vé đây ông”.

Gã há hốc mồm ra, ú ớ hỏi lại: “Là sao...”.

Trong gã lan man tới câu thơ ban nãy với *người không hay một thóang vô vi*. Còn ai trồng khoai đất này “*người*” đây là gã chứ ai. Gã sẫm soi ngắm nghĩa chiếc lá vàng và nheo mắt cười cũng đầy...vô vi không kém. Chợt nhớ lại căn phố cũ, nhìn vào bên trong nhà, cánh cửa mở về quá khứ với *bát tri hà xứ thị hương nhân*. Vì chung gã cũng muốn trở về quá khứ tìm lại người xưa năm ấy...

Gã tặc lưỡi: “Thôi được...”. Và gã mân mê chiếc lá vàng.

Xa xa có tiếng còi vọng lại, con tàu dừng ở sân ga. Cậu bé dắt gã lên tàu. Quay lại nhìn sân trống hoác, gã giật mình khi thấy mình nằm kia già đi cả chục tuổi như ông...”lão” đang ngủ vùi trên băng ghế dài ngoài hiên ga xép. Sau đấy, mọi thứ chập

chập tan dần. Cả hai ngồi xuống, lão ngắm chừng thẳng oắt tì thấy quen quen, như đã gặp ở đâu đâu đâu rồi thì phải? Thêm một lần, lão giật mình vì bắt gặp lại thẳng ranh con này là hình ảnh của lão ngày nào còn tắm trường bên chum nước mưa. Lão vội xua đuổi cái ý nghĩ không tưởng ấy ngay đi và lập cập hỏi: “Thế mày tên gì?”. Cậu bé nháy mắt láu lỉnh: “Như tên...cụ vậy”. Tàu âm ỉ chạy...Lão chìm vào giấc hòe...

Qua giấc hòe với buổi thiếu thời, lão là...“*nó*”.

Là đứa con cầu tự. Thầy u nó ăn ở với nhau cả mấy năm nhưng chẳng đẻ đái gì, bác cả nó tức sư ông chùa làng bắt sắp một mâm xôi cúng quả. Y như rằng năm sau nó i oe chào đời, con trời con Bụt có khác, có nhau trằng quăn cổ, nó *ngộ nghĩnh* nên được gọi là *thằng Ngộ*. Vào trong Nam, u nó mất. Chả hiểu vì thầy nó gá nghĩa tào khàng với dì nó hay chẳng mà suốt ngày nó ngồi xếp bằng trên giường, ngựa cổ lên trần nhà nhìn con thạch sùng đực đuổi con thạch sùng cái, miệng lầu bầu như đọc kinh. Áng chừng nó có căn tu, một ngày cuối tuần, cả nhà kéo nhau đi thăm bác cả nó nay là sư cụ trụ trì ở chùa gần Bà Rịa. Sau bữa thọ trai, dì nó len lén đi về, bỏ thẳng Ngộ ở lại...chùa!

Từ đấy thẳng Ngộ là chú tiêu và...“*chú*” như con bướm nâu chập chững biết bay...

Còn lại một mình đứng giữa đại hùng bảo điện, chú thấy đức Phật Tổ Như Lai như đang mỉm cười tinh quái nhìn chú...lạc vào đất Phật. Chú được sư

huynh dẫn ra sau chùa, chỉ cho bên hông trái là dãy hậu liêu cho các sư nam, có một dòng thác nhỏ để các chú tiểu bơi lội với sóng nước. Phía hông phải là dãy nhà cho các sư nữ, nơi này có một dòng suối nông hiền hòa dành cho các tiểu ni tắm tấp. Bọc quanh đồi là mấy cái cốc, am nhỏ mái thấp lè tè dành cho người già tu tĩnh hay cho chú để vào đó...sám hối.

Cũng từ dòng suối êm ả ấy, cái tịnh cốc ấy, quãng đời chú sau này chao đảo đầy biến động như dòng thác đổ và đầy đưa qua một khúc quanh khác.

Những cốc, am nhỏ khuất nẻo quanh đồi. Đó là thế giới của chú sắp bước vào. Bởi vì làm con bướm đuổi theo mùi hương. Chuyện sảy ra tất phải sảy ra. Chú hay ai cũng vậy thôi, mẫn giác bướm, mẫn chuyện nhân sinh. Như áng mây bay qua mái chùa. Chẳng qua là cái nghiệp *thọ tướng hành thức diệt phục như thị* của câu kinh Bát Nhã còn kia. Chú...nhập thế, như thế cũng tốt thôi, như ở, như đi với xuân, hạ, thu, đông.

Nghe thầy và di dặn dò trên xe đò, mặc dù ông bác là người trong nhà nhưng nay đã thụ bồ tát, nên phải gọi là sư cụ, ai thụ giới thanh văn là sư ông, trẻ hơn thì kêu là sư bác. Quen thói ở nhà với ông, với bác, nên gặp sư lớn tuổi, chú cứ gật đầu bừa với một điều sư bác, hai điều sư ông. Sư thầy nghe vậy dạy rằng, sư ông tuân tự được gọi là đại đức, thượng tọa và hòa thượng. Bên ni bộ cũng y hệt vậy, theo thời

gian được gọi là sư cô, ni sư và sư bà. Cùng tông môn đồng đạo, gọi nhau bằng sư huynh, sư đệ, sư tỷ, sư muội. Còn chú, chưa được tu tâm tu tính ra cái hồn người nên kêu là...Sa di.

Chú tiểu Ngộ thấy...ngộ thật và lảm nhảm học cái tên mới: Sa di, Sa di...

Một ngày chú đang lui cui quét sân chùa, gặp một..."cô sư" trạc tuổi chú, cũng cầm chổi giống chú nhưng chẳng quét tước quái gì. Cô tới cây đa đằng góc sân, quăng cái chổi một bên, móc trong vạt áo ra mẫu giấy chữ nghĩa như con lãng quăng. Cô sư thủ thủ với gốc cây: "Đa ơi, giúp Ni mau thuộc nghe Đa" và bắt đầu học, cô lấy cái que viết ba chữ ngoằn ngoèo trên mặt đất như...giun bò.

Chả là mấy chữ bò lồm ngồm này cũng làm khổ chú không ít. Chú đánh bạo hỏi thầy bốn sư, thầy là người ngày đầu bõm đầu chú làm lễ xuất gia và truyền dạy giáo lý cho chú. Thầy bốn sư trả lời: "Đức Thích Ca là người xứ Tây Trúc, Phật tổ đâu có biết chữ Hán. Chúa Giê Su nào biết tiếng La Tinh. Cậu cứ đọc cho nhiều rồi sẽ nhập tâm để đi vào con đường giải thoát". Xong, thầy hỏi lại chú: "Sao cậu không đi học ra đời làm việc, khi nào chán về đây tu cũng không muộn". Thầy bốn sư tiếp: "Chẳng lẽ cứ đi tu là bỏ việc đời. Cậu nên nhớ tu hành thì cũng có lúc xuất thế, nhập thế chứ...".

Chuyện thầy bốn sư...*xuất thế* còn dài, hãy tạm gác qua một bên để *nhập thế* với "cô sư". Cô rì rầm với cây đa: "Đa ơi, Đa còn có bình vôi là bạn, Ni

chả có ai”. Chú thấy lạ vì người lại đi nói chuyện với...cây và lối ngớ buột miệng làm quen: “Chào...Sa di”. Cô chun chun cái mũi héch, hất cái đầu nhâm nhẳng: “Ta là tiểu ni. Người mới là sa di”. Cô cười khúc khích, ngoe nguẩy bỏ đi.

Từ cái hôm đó, tối tối trong chú mang bên mình hình bóng của tiểu ni.

Chú được thầy bổn sư truyền dạy giáo lý qua bộ luật Sa di tới lịch sử nhà Phật. Đến tuổi 20, chú được thụ giới “cụ túc” hay “tỳ kheo” để được gọi là “thầy”. Nhưng khách thập phương cứ nhè chú gọi là sư trẻ. Thế là chú...hóa thân thành sư trẻ. Sáng chiều sư trẻ ngồi xếp bằng, tay cầm dùi gõ mõ, miệng tụng trên trang kinh để trên giá. Vậy mà cái *thiện nghiệp duyên mai hậu* lù lù có mặt trong một ngày không có mây sao có mưa. Số là một ngày gió rùng im tiếng, sư trẻ bỏ giấc ngủ trưa một mình hết thơ thần bên bờ suối, ngả lưng trên phiến đá thô nhìn lên trời xanh, mây trắng, nắng vàng.

Trong những giây phút xuất thần, sư trẻ để hồn bay bổng hòa lẫn tiếng thác đổ, cành lá xào xạc. Trên phiến đá bên bờ suối ấy, cái bóng màu nâu thả hồn đi hoang, bay lên, bay lên mãi. Bất chợt sư lồm cồm ngồi dậy và cất bước lang thang...*từ bên này núi non sông nước qua bờ bên kia của một thế giới chẳng ai biết*. Đó là thế giới của sư trẻ sắp bước vào, *sư đã là con bướm đuổi theo mùi hương*. Vừa đi sư trẻ vừa ngẫm nghĩ, ai mà chẳng có lúc buông lời

bồng bênh thả hồn theo mây khói vậ thôi. Tương chuyện gì. Chuyện đó cũng bình thường thôi. Và sự bậm bậm buông xả...

Nếu tôi “Không buông nó ra”.
Thì nó cũng “Buông tôi ra”
(*khuyết danh*)

Nhưng chả phải vậy, vì “nó” không buông sự ra. Vì sự sắp vương nghiệp rồi.

Cái nghiệp đẩy đưa sự lên lỏi lên thượng nguồn, ngược dòng suối và tự hỏi mình đang đi đâu đây? Khóm róm bờ lên triền dốc, sự thoáng nghe tiếng cười nói đùa nghịch với sóng nước. Đang lưỡng lự định quay về, vì sự biết rằng giờ này nóng nực, các tiểu ni đang ngấm mình dưới dòng suối cạn.



Sự vội chấp tay niệm chú trong Bát Nhã Tâm Kinh *Đi qua, đi qua! Qua bờ bên kia! Qua bờ bên kia!*. Câu niệm sự dựa vào tích đức Bồ Đề Đạt Ma khi ông sang sông trên một cọng lau nhỏ để về một bên giác... Bên giác đâu chẳng thấy, chỉ thấy cái nghiệp của nhà Phật không hẹn mà gặp nó ì ạch đến với sự...

Vì rằng bỗng dưng không đâu có hòn đá to bằng cái đầu sự ì âm lẫn theo triền dốc xuống dòng suối. Dưới nguồn có tiếng la chói lói. Sự đảo mắt nhìn về phía bụi cây gần đây, nơi hòn đá của cái nghiệp xuất phát. Chưa hiểu khi mốc gì

thì...Thì có “người” từ trong bụi rậm nhảy bổ ra, áo quần nhàu nát dính đầy cỏ gai, mắt mở trắng dã dòm sư. “Người” không nắm đầu sư mà túm vạt áo nâu sòng của sư. Người không dẫn sư về chùa quỳ cho hết một cây nhang dưới Phật đài, mà hùng hổ kéo thóc sư về am, cốc đẽ...sám hối.

Và chuyện không bình thường tí nào: Vì *Người* không ai khác hơn là...*thầy bốn sư*.

Nơi chốn tịnh cốc, trong bóng tối âm u, nào sư có sám hối gì được, vì tối nay có bão từ biển xa về...Sư miên man về dòng đời và biển. Chưa có giông bão, mặt biển im ắng lạ lùng, nhưng chính lúc ấy, làn sóng ngầm đang chuyển động ở dưới sâu. Đời các nhà sư cũng vậy, chỉ phẳng lặng ở bên ngoài và chỉ đợi một cơn giông. Nhìn bức vách đá vô vị mãi cũng hóa thân thành...vô vị cũng chán, sư dựa vào vách thiếp đi. Trong giấc miên du, sư bắt gặp bóng dáng lả loi của mấy cô gái đi trẩy hội, mùi phấn, mùi hương ngây ngất, ngần ấy thứ thừa sức cám dỗ người và người bao giờ cũng yếu đuối.

Trong giấc mơ, sư gặp lại khuôn mặt của thầy bốn sư, mắt sâu, má hóp, vẻ khắc khổ của một kẻ tu hành với những đợt sóng ngầm đang âm ỉ chòng chát...Cái tâm địa của thầy, mơ địa chất nóng hôi hôi nằm dưới lòng biển đang nhấp nhô đợi bùng lên. Nào có khác gì sư lúc này đâu...Vì sư vừa nhớ lại...Thóang bắt gặp...một nụ non mới nhú. Sư mang mang nhớ tiêu ni nay là...sư cô.

Bình thường thôi... Sư thâm nghĩ thế, cho là như thế. Nhưng nghiệp rồi.

Cái nghiệp theo gió thốc qua am đánh thức sư dậy, ngắm chùng ra ngoài, sư thấy có bóng lửa lập lòe dưới bậc tam cấp. Nhướng mắt nhìn kỹ hóa ra... sư cô, tay cầm cái đèn dầu tây cao cổ đỏ kịch, tay cấp bó chiếu. Sư vội nhòem dậy, miệng định “Mô Phật”, thì lấp bắp bật ra hai tiếng: “Sư cô..”. Thế là bị sư cô lườm một cái và giọng lạnh ngắt như đồng: “Gọi là Ni được rồi”. Dưới ánh đèn, sư thoáng nhìn nét mặt ni cô nhiệm một vẻ huyền hoặc. Còn ni cô từ nãy đến giờ vẫn ngồi yên, chẳng nói nửa lời, mắt nhìn xuống triền dốc xa vắng, nghĩ ngợi mông lung. Từ giờ mẹo trèo qua giờ tý, ni cô đứng dậy nói trống không, như không có mặt của sư: “Thôi về, tắt đèn đi, nhờ người ta trông thấy” và ni cô quay quả đi ra... Bình thường sao được! Còn một mình, sư cười thâm, mang đèn tới rồi tắt tắt đèn đi. Và sư kỳ óc nghĩ không ra: Người gì... quái.

Tối hôm sau trong bóng đêm, sư thâm mong ni cô đến, như người khát vộc nước suối trong. Sư chẳng sấm hồi nữa, dựa lưng vào tường, đánh một giấc. Bỗng có tiếng đập vào vai: “Dậy...”. Ni cô dí vào tay sư một quyển sách và nói: “Này...” làm sư giật bắn người lên, ngỡ kinh kệ. Hóa ra quyển truyện *Hồn bướm mơ tiên*. Sư tự hỏi: “Chuyện gì đây!” và trải chiếu cho hai người ngồi. Ni cô mặt choành hoảnh, mũi chun chun: “Đọc đi...” và đợi. Vạy thôi. Trong cái đầu chầy giảnh của sư rồi như

con rồi, rằng giữa đêm khuya thanh vắng lại đi “tụng” chuyện tiên mơ bướm ở đây. Sư quên khuấy con bão biển lẫn con bão lòng đang rình rập quanh đây. Nói gì thì nói, cái chạm tay vô tình, vô tâm, vô tính vừa rồi, sư thấy người ngợm cứng như bụi giời, tat chân tê rần và cái đầu như cục vôi sống của sư sôi lên sùng sục những tà ma ám chướng.

Đọc thì đọc, sư chậm rãi ê a như tụng kinh:
...trên con đường đi Đông Triều, chiếc ô tô hàng bon bon chạy. Bỗng người khách nhìn thấy nóc chùa Long Vân ở xa xa và kêu: cho tôi xuống đây....
Trong khi ấy, ni cô nhìn ra cái bệ cửa theo đuối qua chuyện kể ông Ngọc xuống xe và sẽ gặp ni cô giả trai tên Lan. Chỉ là chuyện bên ngoài cửa chùa vì chú tiểu Lan nào có khác gì ni cô lúc này với những tục lụy ở cái tuổi chớm dậy thì. Cô bị thầy bu đưa vào chùa nương cửa Phật. Tiếng chuông chùa chỉ gọi cho cô những lạnh lẽo, khô khan, hòa lẫn những mộng mơ, mơ mộng vẫn vợ, vợ vẫn...

Chả hiểu ni cô nghĩ gì, nhìn cái gáy trắng lôm lốp của ni cô, sư nuốt nước bọt và ngừng đọc để thả hồn theo...bướm và thiên định như một thiên sư:

Xuống tóc, vì em khép cửa đời
Vào thiên để chỉ thấy viền môi
Yêu em, ai bảo tâm không ngộ
Quên hết, nhìn nhau nhất quán rồi
(*Du Tử Lê*)

Xong, sư bình thản đọc tiếp, như không có gì xảy ra trong chốn ta bà này... *được sư bác dẫn trước, Ngọc biết đây là chú tiểu Lan đến đón mình, chú xách cái va li lên và hai tay chạm vào nhau....* Sư thót người lại vì giống i hệt như cái chạm tay ban nãy.

Sư thăm xa vắng về những ngày tháng sắp tới cùng những đêm dài mộng lung:

Đêm đêm tôi nhớ bàn tay cũ
Và thấy trong kính đủ bóng hình
Bé quan tọa thị, tôi và vách
Tôi tụng kinh gì, em nghe đi
(*Du Tử Lê*)

Mưa nặng hạt, gió rít lên ào ào, đèn lập lòe muốn tắt. Ni cô hóng mắt ra ngoài. Mưa tạt, gió lộng, kéo theo một con bướm nằm ngay đơ bên bệ cửa. Thấy con bướm lạ, cô nhòai người đặt nó lên mu bàn tay nhìn kỹ hơn. Cánh bướm điểm những đốm màu nâu rêu rĩ, u tối. Cô mừng tượng đến một mảnh đời khác hẳn cảnh đời cô đọng ở cái am vắng này. Cái cảnh đời mà thay cho tiếng đàn, tiếng phách là tiếng chuông, tiếng mõ. Đang miên man với những bật rật để cô có linh cảm như có ai đó đang lặng đọng nhìn cô như con bướm ma cánh nâu. Đôi mắt ấy lạng lờ, không nài xin, cái con người ấy cũng nửa nâu, nửa rêu rĩ. Đôi mắt ấy đẩy đưa cô vào khoảng không, cô bị cuốn hút theo người. Cánh con bướm động đập, dường như những phấn bướm, phấn hương đậu trên da, trên thịt khiến cô ngứa ngáy, bần thần, rạo rục. Giọng đọc của sư rì rầm như tiếng gió

rì rào ngoài am. Như tiếng gọi của gọi nhớ chẳng thể dập tắt được. Tiếng gọi của đời tục lụy trước kia cô muốn lánh xa, và ngay cả chính cô đang tìm hãm những ham muốn... *khiến Lan ôn lại những mảnh đời dĩ vãng, khi mới tới chùa Long Vân...*

Nói vãi thì hay nói vợ là cô đang trộn lẫn hiện tại với dĩ vãng...

Chuyện là bố mẹ cô bắt đi tu vì đi xem bói thấy số cô nặng căn. Vì đào hoa chiếu mệnh nên phải gửi thân, ép xác dưới cửa thiền cho tròn quả phúc. Mà việc chùa nào phải là ít. Hết thỉnh chuông, tụng kinh mỗi ngày bốn thời, đến quét sân, tưới cây, nấu cơm, giặt rũ. Ấy vậy mà quanh năm chỉ gạo hẩm với rau muống già chằm tương. Thỉnh thoảng có “cá” kho. Ấy là trái khồ qua, cắt khoanh om tương, ăn đắng từ trong ruột đắng ra. Thịt mỡ dính trên miệng mép đã lâu, khồ qua thành...*khồ quá*. Con gái tuổi dậy thì, thân xác cô như thối thúc, cứ hùng hực như bốc lửa, lửa bốc từ trong bốc ra, đọc bao nhiêu kinh Di Lạc cứu nhân độ thế của một thời mạt pháp cũng không dập tắt được lửa lòng. Nhiều đêm lửa âm ty thiêu đốt cả kinh kệ, chữ nghĩa của nhà Phật. Cầm cái chày giã đậu làm tương, hay đóng oản vào khuôn, lửa trong cô càng bốc cao vì cái chày hình thù cổ quái to bằng cổ chai...Ba bốn giờ sáng, trời lạnh cửa da cửa thịt, cô ngâm mình xuống dòng suối mong dập tắt ngọn lửa của đời thường đang đốt cháy trong cô.

Và cô liếc trộm sư, đôi gò má cô ửng lên đỏ ửng...*Lan thì thâm đợc kinh, thỉnh thoảng lại đặt quyển sách ngơ ngác nhìn, như sợ ai...nhìn trộm mình....*Sư cũng đang ngơ ngác nhìn, như sợ ai bắt gặp mình đang nhìn trộm ni cô...Chao ơi, mặt mày cô như lá chuối hơi lửa đang bùng bùng thiêu đốt sư. Mặt nước biển đang lặng sóng, sư hiểu đợc đôi điều qua thầy bôn sư với khuôn mặt vô cảm, phẳng lặng. Cuộc đời ông bình lặng quá. Nhưng thực sự ngọn lửa trong ông đang âm ỉ, chỉ đợi một cơn gió nồm, gió nam. Cũng như sư vậy. Bờ vai khẽ nhại, nụ hoa mới nhú bên bờ suối là giọt dầu thêm vào lửa đang cháy trong sư. Chuyện không bình thường đây! Sư nghĩ thế.

Sư biết là tâm động, tà niệm đã khơi. Sư lắc đầu sua đuôi cái ý tưởng tà ma ấy đi. Sư pháp tọa và nhiếp mình vào chính niệm, mắt nhìn bức tường đá, tay chấp lên ngực. Sư suy tưởng bài tĩnh tâm của đức Bồ Đề Đạt Ma xưa đuôi ám chúơng. Xong, sư đợc tiếp, giọng như lạc đi: *...có không suy tưởng nữa, học theo sư bác ngồi tĩnh tọa và nhắm mắt lại...Bị ám ảnh với ý nghĩ của tục lụy là tưởng tượng cái ngày Ngọc đạp xe lên thăm Lan. Lan buộp miệng: “Không đợc, không đợc....Sư nhắm mắt, không suy tưởng nữa nhưng tâm ý sư không ngủ yên. Theo bản năng, bàn tay sư mò mẫm nắm lấy cổ tay tròn lẳn của cô. Cô co rúm lại, thảng thốt kêu: “Không đợc, không đợc...”*

Sư nhón nha: Vậy là không bình thường thật...Hình như cuộc sống đến một lúc nào đó phải

chấp nhận những gì...không bình thường và cứ xem nó như...bình thường thôi. Hãy chấp nhận những gì mà mình đang có được hay sẽ có hoặc không, để chịu đựng qua cơn bão, để làm sao biết tìm nơi trú ẩn dưới cơn mưa. Nhưng chuyện đời thường ấy, dường như sư đã biết rồi. Sư thân nhiên, chẳng nói một lời.

Nói gì, có gì để mà nói, bình thường như xuân hạ thu đông trôi qua mái chùa...

Chợt có cơn gió mạnh ào vào am. Ngọn đèn lao chao tắt ngúm. Một tia chớp lóe qua khung cửa. Tiếp đến là những tiếng sấm ầm ầm vang dội trời đất...

Cô thất thần ôm chòang lấy sư. Cả hai lăn ra chiếu. Trời đất lung liêng, am thâm u cả một lúc lâu. Lâu lắm. Trong chôn không, đất trời như trùng hẳn xuống, gió thổi xoắn tít. Sư cũng đang xoắn xuyết những lao xao và đang bơi trong biển động. Sư cong lưng xuống. Sư thấy những cái cuống chiếu rách bươm toi tả. Cô oằn người ngửa mặt lên. Cô thấy cái mái rạ lũng bùng nhấp nhô theo gió, theo mưa. Trong hư không u tịch có tiếng chuông chùa lạc lõng của chú tiểu nào đó rên rĩ như tiếng gọi của đời tục lụy trong khuya vắng...hòa lẫn tiếng hân hân rời rạc tan loãng vào hư vô:

- Thầy.
- Ni

Im ắng...Đằng góc am...Bất động...Dưới đất
thô...

Không ngoài chỉ có hai tấm áo nâu sồng nằm
vắt lên nhau.

Sáng tinh mơ hôm sau. Một bóng người lấm lũi men
theo triền dốc xuống núi. Dáng đi tưởng sắp đổ gục
xuống, như cây chuối hột bị một nhát dao sắc chém
ngang lưng. Bóng người mờ nhạt dần vào thôn xóm
trong sương sớm. Cửa chùa khép lại. Bóng người ấy
rong ruổi trong một cõi có đi, nhưng chẳng có về.
Chẳng ai nắm bắt được nỗi niềm của chuyện đời cũ
rích, rằng có mấy ai trở về tắm lại hai lần
cùng...một dòng suối. Nhất là lại là một ông sư.
Bằng xáo động và tĩnh lặng...cảnh nói thay người,
người chẳng có gì để nói. Chẳng có gì để nói giữa
mưa gió và sấm chớp.

*Nói gì? Có gì để nói giữa sư và ni cô? Chuyện
sảy ra là lẽ tất nhiên của đất trời với xuân hạ thu
đông có bốn mùa.*

Vòng luân chuyển với dòng đời ngược xuôi,
bánh xe luân hồi quay theo thời gian. Ngày mai hạ
đến, thu sang, đông tàn và chẳng ai nghĩ mai kia ở
cái tuổi lá vàng với xuân tận chẳng trở về nữa. Thế
nhưng chuyện không bình thường là vào một ngày,
ngày qua tháng lại với nắng trưa mưa tối. Như hôm
nay đây: Lão đang trở về chôn cũ...

Qua khỏi thị trấn Long Thành, tới rặng núi Thị Vải, xe dừng lại để lão Ngô xuống. Khung cảnh nơi đây đã xa lạ, bên trái là con đường mòn dẫn vào trong dãy núi, con đường ngày nào với lão chỉ hai lần...*đến* và *đi*. Lão hỏi thăm chị bán củi. Chị kể về sự bà trụ trì, rằng rằng chẳng còn chiếc nào, bữa cơm bữa vục chỉ ăn khổ qua dầm tương. Chị tiếp, sự bà tịnh khẩu cả mấy chục năm nay, chả biết chuyện gì. Mặc chị râm rả, lão cùng có nỗi niềm qua sông ai nữ quên đò. Chuyện là thỉnh thoảng ở đất tạm dung, lão nghe phong phanh về chùa xưa, người cũ cùng..."nhân quả" này nọ. Mà dễ gì hỏi chuyện nghe hơi nõi chỗ với người lạ. Nên lão đợi lát nữa hỏi sự bà mà trước kia là ni cô nào đó. Bởi chung đến năm tao bảy tiết này, lão chẳng may nghĩ rằng có thể gặp lại người xưa ở chùa nữa, chỉ vì chuyện ... này kia ở trên.

Triền dốc núi không còn cây cỏ thụ hai ba người ôm, thoáng từ xa, lão đã thấy ẩn hiện mái ngói cong của nóc chùa quen thuộc, lòng rộn ràng lão vội bước vào, cảnh xưa đang hiện ra ngay trước mắt lão. Ngay bên đống củi cao là một thềm đất nhỏ trồng hoa, có năm bảy ngọn tháp nằm chơ vơ. Theo chị gánh củi, ấy là mộ phần người nhà chùa đã viên tịch. Hỏi nghĩa địa nhỏ ấy có từ hồi nào. Chị cho hay năm 75, vì tên rơi đặc lạc, người nhà chùa đành gửi thân xác nơi đây. Trong khi đợi chị bán củi sắm sắm đi kiếm sự bà. Lão lọ mọ ra dãy hậu liêu và tìm ra phiến đá thô xưa kia và ngồi xuống. Lão rong ruổi

trở về với quá khứ, bên kia triền đồi, có một cái am.
Đề có nhân với quả.

Lão bước vào trai phòng nhìn thấy sư bà ngồi
đợi lão ở cuối dãy. Sư bà lặng lẽ ngắm lão từ xa đi
tới, gật đầu chào lão khi đến gần và chỉ vào cái ghé
ngay trước mặt. Lão ngồi xuống với những giao
động và dăm dăm nhìn sư bà như thể tìm lại một
thoáng hương xưa nhưng chẳng thấy đâu, mà chỉ
thấy những nếp nhăn của năm tháng. Thở ra để lấy
hơi nói chữ, lão bóng gió xa xôi về lão đề dò chừng:

“Bạch sư bà, nhờ ngọn đèn tỏ dẫn dắt chúng tôi
trở lại đây vẫn cảnh chùa cũ...”.

Lão đặng hắng dọ dẫm một hơi:

“Chẳng dẫu gì...Mô Phật, chẳng là xưa kia hồi
còn trai trẻ chúng tôi cũng ăn mày cửa Phật nơi đây
nhiều năm...Bạch sư bà...”.

Sư bà lặng lẽ chỉ bài thơ nét chữ thảo treo đằng
sau lưng:

Ngộ bất ngộ

Phùng bất phùng

Nguyệt trần hải đế

Nhân tại mộng trung

Nhân tại mộng trung...với ngộ bất ngộ, lão chợt
nhớ ra sư bà đây đã tịnh khâu tự lâu lắm rồi. Vừa lúc
bà vãi mang trà vào, sư bà lặng lẽ ngồi dậy, khoan
thai đi lại bàn thờ gần đây thấp nhang. Đợi đầu
nhang cháy đỏ, phẩy nhẹ một cái, sư bà đưa lên
ngang mặt, cúi đầu vái, miệng lâm râm khấn. Từng

làn khói mỏng loãng dần, trên bàn thờ không có ảnh tượng, bài vị. Ngòai ngọn đèn dầu. Ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn tạo thành những hình bóng chập chờn trên bức vách. Những sợi khói xanh của hương đèn bay lên tạo một khoảng không đầy ảm đạm.

Với lão, cái đèn dầu tây cao cổ, màu đỏ ketch có dáng quen quen...như sư bà vậy.

Trở về chỗ ngồi, sư bà nhíu mày háp háy nhìn lão. Lão lẩn mẩn ngó cái âm tích vẽ ông tiên bế cậu bé, cậu bé ôm trái đào non. Từ trái đào, lão bòn chòn cùng...*nhân* với *quả*. Số là “quả” đây qua thư từ bên nhà gửi sang với bóng gió xa xôi nên lão càng mù mờ thêm. Dẫn đo trong giây lát, nhòai mình qua gần nửa cái bàn.

Lão lập cập từng tiếng một chẳng ra hơi:

- Bạch cụ...tôi...tôi hỏi khí không phải...xin cụ thứ lỗi...

Lão ngập ngừng, ngọng nghịu đến líu lưỡi và tiếp:

- Bạch cụ...con...con...của...của...có còn không?

Sư bà nhắm mắt lại, tâm trí sư bà dường như đang gửi gắm về một nơi xa xăm nào đó. Một cơn gió nhẹ của ngày xưa cũ len lỏi qua cánh cửa sổ đưa sư bà về với thực tại. Mở chòang mắt, dưới ánh sáng mờ mờ đôi mắt già nua long lanh ngấn lệ.

Sư bà cúi người xuống, nửa cái lưng còng chóan gần nửa cái bàn bên kia.

Hai mái đầu già chụm vào nhau. Sư bà giọng dứt quãng:

- Thừa cụ...còn...còn...ạ.
- Bạch cụ...trai hay...gái...gái...
- Thừa cụ...trai...trai...ạ.
- Bạch cụ...thừa...thừa...tôi muốn...muốn gặp...con...con...
- Bẩm cụ....được...được...ạ.

Lão lắng tai lắng nghe...Nhưng thấy sư bà hóng mắt ra ngoài cửa sổ. Va vào mắt lão là ngôi mộ nhỏ trong nghĩa địa cạnh vườn hoa.

Và lão thốt lên một tiếng:

- Ni.

Trời đất hay ai cũng vậy thôi, nói gì, có gì để mà nói. Với những ngày sáng nắng chiều mưa chỉ là chuyện bất biến của đất trời. Giữa lão và sư bà ẩn hiện một mái chùa mà nét động duy nhất là cái chuông. Giữa khuya thanh vắng, tiếng chuông nói thay người vì người chẳng có gì để nói. Có chẳng khác không. Không chẳng khác có.

Bình lặng như áng mây hững hờ bay qua mái chùa mỗi xuân, hạ, thu, đông.

Vì một tiếng “Ni”...Gã chòang tỉnh ngớ ra ấy là chỉ là một giấc mơ với...hồn bướm mơ hoa. Mới tỉnh giấc, vậy mà gã đã loay hoay chuyện Trang Tử hóa bướm với mấy ai hiểu Trang Tử là bướm hay bướm là Trang Tử. Trong nửa tỉnh nửa mê, gã chập chờn với mộng hay thực? Nói cho ngay qua chuyện

đi này, gã cũng có ý tìm gặp người xưa của một thời một thuở. Hóa ra hồn ma bóng quế xưa cũ nằm ngủ trong tâm khảm ngộ nguậy để có giấc mơ vừa rồi qua tiếng chuông, tiếng mõ cùng bờ mê, bên ngộ với thằng bé ngộ nghĩnh được gọi là...Ngộ. Gã bần thần đến bài viết *Trồng cây trên đá* đang nằm trong túi xách với ý định mang về cho người xưa như một món quà tao ngộ.

Và gã nhớ lại hồi chiều trong khoảnh khắc với ai đó còn từ bi lắng đọng, hãy nghe tiếng chuông ngân trong hư không. Mà có phải là tiếng chuông chùa? Hay chỉ là tiếng chuông gọi nhớ của đời tục lụy. Chẳng là bấy lâu nay trên lưng gã mang dáng dấp một hình bóng của vạt áo nâu sồng, người đi qua đời gã xuống tóc nương cửa thiền môn. Hình ảnh ấy lắng đọng trong gã từ những ngày mới lớn, mới biết yêu lần đầu. Những dấu ấn lần khuất trong những ngày nắng quái chiều hôm, gã chẳng thể thoát tục với: *tình cũ trong nhau có niết bàn, người xưa như thoáng bóng từ bi (Du Tử Lê)*. Sau những tháng năm với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông qua đi. Đang ở cái tuổi nhi nhĩ thuận, và cho rằng gì rồi cũng cho nó qua. Nên năm nào năm nào không nhớ, gặp ngày trời hết nắng thì mưa gã đã ngồi xuống cái bàn gỗ, qua mõ sớm chuông chiều bằng vào bài viết về một mảnh đời qua kinh Bát Nhã và có cái tựa đề: *Trồng cây trên đá*.

Bằng vào câu dẫn nhập trong bài viết: *Nói gì? Có gì để nói? Biết nói gì giữa hòn đá và áo nâu*

sông. Bình thường như xuân hạ thu đông có bốn mùa.

Và truyện được thu vén ngắn gọn như thể dưới đây trong một ngày nhạt nắng:

“...Ngược về Hà Nội trước năm 54, ông cụ bà cụ nó ở chung với một gia đình trong một căn biệt thự có cái sân gạch, có cô bé ngày xưa chơi trò chơi vợ chồng với gã (...). Vào Sài Gòn, giữa nó và cô bé ngày xưa, tạm gọi là tình đầu. Cứ vậy, cứ mơ hồ, cứ nhạt nhòa như đám mây trôi, ngu ngơ theo năm tháng. Một ngày nó vừa tới đầu ngõ, bà mẹ bước ra, với hương đèn, hoa quả. Chưa kịp chào, thấy nó, bà vội vàng nói ngay:

- Bác lên chùa...Hôm nay em nó xuống tóc xuất gia.

Nó ngỡ ngàng và lặng người đi cả một hồi lâu. Miệng áp úng, lập bập đòi đi theo.

Bà mẹ ngân ngữ:

- Em nó nhắn: Anh Hùng quên em nó đi và về tìm đọc...

Rồi bà ngập ngừng:

- Hồn bướm mơ tiên...”

Gã lồm cồm ngồi dậy, chột bồi hồi đến bên kia con lộ. Gã đứng trong sân chùa nhìn tia nắng men theo bờ tường, leo qua hàng giậu, và rồi tắt nắng ở vườn sau. Gã mơ hồ nghe như có tiếng còi tàu của chuyến xe lửa trở về quá khứ. Gã hoang tưởng đến rặng mỏng toi xanh rờn có con bướm lặng lẽ bên hàng giậu thưa. Nỗi trống vắng đến với gã để gã

chợt thềm một hơi thuốc, để *nhớ người trong điều thuốc khói huyền bay lên cây*. Gã hoang vắng người xưa theo khói thuốc bay đi rồi tan loãng. Gã phân vân tự hỏi có nên tìm gặp lại người xưa vào cái tuổi nhạt nắng ở đâu đó chẳng.

Hồi nhớ lại con phố cũ, cánh cửa đóng lại ở cái tuổi tịch dương vô hạn hảo, gã lầm lũi bước ra lề đường và đứng thu lu cạnh cái cột đèn hắt xuống đường một khoảng vàng ảng, vàng ệch. Trong mờ nhân ảnh với *yêu em đốt cháy cuộc đời, vàng tay khói thuốc vẫn còn yêu em*, gã thò tay vào túi quần tìm những thiếu vắng của những ngày tháng cũ nhằm vào cái tuổi mới lớn nhưng chẳng thấy...bao thuốc lá đâu?

Mà chỉ thấy...chiếc lá.

Và...

Và gã mê mê chiếc lá vàng.

Trúc gia trang

Lập đông, Bính Tuất 2006

Nguồn:

Diệu Trân Như, Vĩnh Hảo, Dương Duy Ngũ Robert Rojdestvensky, Thị Am. Phim Đại Hàn: “Spring, Summer, Fall, Winter...and Spring”.

Cao đàm khoát luận

Của đáng tội, bài viết lúc đầu có tên *Lang thang với chữ nghĩa*, đang lách thép với chữ là nghĩa vớ được mảng chữ trong bài phiếm nhằm lúc “ông” nói chuyện với bạn mà *ông* gọi là “cao đàm khoát luận”. Rất ngay tình, người viết chả hiểu nghĩa lý gì? Nhưng nghe chữ nghĩa rất hàn nho phong vị phú nên quá đã, bèn tra tự điển mới hay cao đàm khoát luận là bàn luận thanh cao, *không câu thúc*, hoặc là bàn phiếm, *không luận suông*.

Thêm trong mảng chữ ấy có chữ “luận”, trộm nghĩ có dây mơ rễ má đến cái quan định luận để sau này người viết mang vào phần...kết luận để tống tiền “ông”. Với lý do rất củ chuối vì *không câu thúc*, tức cứ viết lung tung trống kèn nên bài viết tên nôm *Lang thang với chữ nghĩa* được đổi tên rất ư hàn lâm *Cao đàm khoát luận*. Bằng vào những lý sự trên, làm như lược cả con trâu trong nồi nên người viết tự nhận mình là...mụ chữ.

Bạn đọc mặt mày nhăn quéo như táo tàu khô ra ý hỏi “Ông đây là ai?”. Rất thật với bạn đọc, mục chữ tôi không biết ông là ai? Tên “cúng cơm” là gì?. Mà chỉ hay biết rằng bằng vào một khoảng trống với những trống vắng nào đó, bằng hữu ông ngụp lặn với giấy khô mực cạn miêu tả “ông” như Trần Dần ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngỡ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của ông với những hệ lụy... Có lẽ từ dáng ngồi này mà có huyền thoại: Khi “ông” mất đi, trên bức tường góc nhà như vẫn còn bóng ông ngồi đó! Để một nhà thơ có được câu thơ xuất thần: *Bao năm tháng thân chìm vào bóng – Thân về trời bóng vẫn ngồi im.*

Thôi thì cứ để cái bóng ngồi đó, với hàng ngày, hàng năm, qua từng khúc, từng đoạn. Mục chữ tôi đi tìm “ông” qua hình bóng của những người vừa mới về với đất.

Bạn đọc gật gựa gì mà khó vậy với từng mẩu văn qua năm tháng? Bịa chăng!.

Dạ thưa số là hàng ngày mục chữ tôi ngồi trước bàn gõ, thỉnh thoảng bỗng dừng bí chữ. Bèn ra vườn ngồi đực ra hít thuốc lá để tìm chữ. Bỗng nó bật ra. Bước vào nhà thì nó biến mất tiêu. Hoá ra đánh rơi chữ trên những bước đi lang thang với chữ nghĩa hồi nào không hay. Khi thế đấy! Tiếp đến với từng khúc, từng đoạn trên, ăn dối nói thật mục chữ tôi

nặng nhật chặt bị từng ngày, vì trước đó, mục chữ tôi không biết gì về “ông”.

Chẳng dấu gì bạn đọc, tất cả chỉ là tình cờ của...8 năm trước. Khi mục chữ tôi lục đục với mỗi năm hoa đào nở, lại thấy ông đồ già qua một bài viết ngắn...

(...) Mỗi năm khi hoa đào nở, tôi (Hà Sĩ Phu) lại đến thăm nhà thơ Tú Sốt, một ông đồ. Trong cái thanh tịnh của một sớm đầu xuân, nhà thơ kể lại cho tôi nghe buổi "hầu chuyện" thơ của ông với cụ Vũ Đình Liên. Đây cũng là buổi "hầu chuyện" cuối cùng của Tú Sốt với tác giả Ông đồ vì sau đó vài năm, thi sĩ tài hoa này đã về nơi vĩnh hằng. Một buổi chiều nhạt nắng, sau khi thắp hương viếng mộ nhà văn Vũ Trọng Phụng, nhà thơ Tú Sốt đã mời nhà thơ Vũ Đình Liên lại nhà mình để được "hầu chuyện".

Kể lại kỷ niệm này, ông rung rung: "Rất ít người biết bài thơ Ông đồ của cụ Vũ Đình Liên nặng kỷ niệm về người vợ tảo tần của nhà thơ. Cụ gọi đó là cái tình tri âm, tri kỷ đã theo cụ trọn cuộc đời. Bà chỉ là cô hàng xén ở phố Hàng Bò. Cụ Liên khi đó là anh chàng thư sinh học trường Bưởi, ngày nào cũng đi qua con phố có cô hàng xén dễ thương đó và chẳng biết tự bao giờ, chàng trai trẻ thi sĩ này đã phải lòng. Phải lòng gánh hàng chỉ có kim, chỉ, đèn dầu, phải lòng người bán hàng nhu mì, đôi má ửng hồng e thẹn mà sau này là vợ. Nhưng chàng thanh niên Vũ Đình Liên còn phải lòng cả cái khung cảnh

bình dị mà chỉ có trái tim thi sĩ mới rung lên được sợi tơ tình cảm đó.

Vì bên cạnh cô hàng xén còn có một ông đồ già ngồi viết chữ. Ông đồ nghèo đến nỗi phải ngồi ở vỉa hè để “hàn nho mãi tụi”, mà không có cả tiền mua giấy nên phải ngồi bên cô hàng xén. Để khi có khách đến thuê viết, ông đồ chỉ cần với tay về phía cô hàng xén: "Này, này, cô cho tôi nhờ tờ giấy, nhờ cái bút", vậy là được cả đôi bên! Họ cứ dung dị sống, dung dị gắn bó mưu sinh với nhau trên một góc vỉa hè chật chội mà đâu có biết rằng, có một anh chàng thư sinh nho nhã đã khắc ghi hình ảnh đó trong lòng.

Sau này, khi bài thơ Ông đồ đã trở thành một tác phẩm văn học về niềm hoài cổ thì có người cho rằng, nếu Vũ Trọng Phụng là ông "vua cười", cười bật máu ra đầu ngòi bút thì nhà thơ Vũ Đình Liên phải là ông "vua khóc", khóc tuôn ra đầu ngòi bút những dòng nước mắt, tiếng khóc lay động cả những tâm hồn vô cảm nhất. Tâm sự lại điều này với người bạn thơ già Tú Sốt, cụ Vũ Đình Liên mắt ngấn nước: "Nhưng bạn ạ, có lúc tôi cảm giác bài thơ Ông đồ hình như không phải của mình mà là tiếng nói từ ngàn xưa vọng lại"... Câu chuyện này được nhà thơ Tú Sốt ghi lại vào một chiếc băng cassette cũ kỹ, thi thoảng, nhớ bạn nhớ cảnh, nhớ tình, ông lại mang ra nghe để ngâm ngợi, đủ thấy mối thâm tình của hai tâm hồn hoài cổ đồng điệu như thế nào. (...)

Đến tao đoạn này, bạn đọc lậu bậu cụ “ông” mà mục chữ tôi đi tìm có gốc gác từ “ông đồ” là... ông đồ Vũ Đình Liên hay ông Tú Sốt chứ còn ai nữa. Với ông Tú Sốt. ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối khi ấy, mục chữ tôi kỳ óc nghĩ không ông đây là ai. Mục chữ tôi...mục chữ “sốt” có nghĩa là bị bỏ...sốt. Học theo cụ Nguyễn Du thi nhân bất đắc kiến, kiến thi như kiến nhân, tức *khách thơ nào thấy được, đọc thơ như thấy người*. Bèn đi tìm ông Tú Sốt (1) thì...Thì lại gặp cụ Bùi Hiền để thành chuyện.

Chuyện là cụ Bùi Hiền bị Xuân Sách mắng như vật thịt trong khi Chế Lan Viên với cụ thì kính nhi viễn chi, thảng như: “Với những người hậu sinh như tôi, Khi ông nhâm nhi chút rượu ngon là trò chuyện rất rôm rả, tôi là hàng con cháu mà ông rôm rả vui như bạn bè. Ông rất cởi mở và chân tình”. Bởi không có mây sao có mưa, thế là mục chữ tôi mò mẫm tìm kiếm xem cụ có “ma chê cười trách” gì chẳng để...hàng con cháu Xuân Sách “mắng chó chửi mèo” như thế. Đứng đoảng thế nào chả biết nữa gặp “ông đồ” tên Phồn bên phố đông người qua. Ông cũng bị Xuân Sách chửi người sống mắng người chết in hệt như cụ Bùi Hiền. Nhưng ấy là chuyện sau, thưa bạn đọc.

Gặp buổi nắng không ưa mưa không chịu, lại tới tuổi tịch dương vô hạn hảo, bỗng dung mang cái tâm trạng sĩ tử Văn Miếu của một thời văn học. Trong cái tâm thái *đập cổ kính ra tìm lấy bóng, xếp tàn y*

lại để dành hơi qua một thời nghiên bút. Hoặc tìm về với nghìn năm gương cũ soi kim cổ, cảnh đây người đây luống đoạn trường cùng nước còn cau mặt với tang thương... Cùng tang thương ngẫu lục, bên ngọ đầu không thấy chỉ thấy bờ mê bên lú, nên mù chữ tôi...lú lần đi tìm đi tìm khoảnh thời gian đã mất với chi, hò, giả, đã qua những ông đồ sa cơ lỡ vận. Sau đó tìm ra ông Tú Sốt. Sau đây viết thành văn bài có tên khó hiểu một cách vừa phải: *Những chiếc thuyền giấy*. Trong đó có những người xưa năm cũ như Phạm Thái, Nguyễn Bá Trác....Hoặc giả như những người muôn năm cũ bị lãng quên trong văn học như Chu Thiên, Thiệu Chử.

Dài dòng thì trong “*Những chiếc thuyền giấy*”, mù chữ tôi lại mù mẫm, lại...”sót” tên “ông đồ” chữ nghĩa như trâu chát với...thơ tục...Nhu trên vừa vấn hai dài một, cụ Bùi Hiễn cùng một lứa bên trời lận đận với “ông đồ” thế nên bèn đi tìm “ông”...Vì vậy mù chữ tôi mới bụng mang dạ chửa bài tạp bút *Cao đàm khoáng luận* này đây, thưa bạn đọc.

Chuyện là đầu năm 2008, với mù chữ tôi ông chỉ là cái bóng bên đường...Thế rồi tuần trước, đang lang thang với chữ nghĩa trên đường cái quan thì nhặt được bài viết chả dây dưa gì đến “ông”. Nhưng lại quanh quéo đến “ông” với chèo cỏ. Thêm lầy ngẩn nuôi dài từ những người muôn năm cũ bị lãng quên trong văn học thì có người lai mang “Cành đào Nguyễn Huệ” vào văn học sử.

(...) Lòng dạ lòng không gây sự thị phi các loại, nhưng mà cứ ngứa mồm! Số là vào khoảng một tháng trước, Nhà sử học Lê Văn Lan có một bài giới thiệu về chùa Bộc ở Hà Nội. Bài viết này là được chép lại i sị trên *trang Wiki*. Trước giờ, tôi cứ tưởng Wiki phải tham khảo bài viết của nhà chuyên môn, không dè lại là ngược lại!

Nhưng cái đáng nói là ở đoạn kết bài viết của nhà sử học:

“Cảnh vật chùa làm tôi nhớ đến chuyện tình cảm động của công chúa Thăng Long Lê Ngọc Hân với Hoàng đế Quang Trung, sau chiến thắng quân Thanh, nhà vua cho mang cành đào về báo tin thắng trận cho vợ, mang cả mùa xuân Thăng Long về Phú Xuân”.

Đoạn này của nhà sử học cho thấy ông có sự sai lầm không đáng có ở trong Viện sử học. Trong văn học cũng vậy, Chế Lan Viên cũng đã nhầm lẫn nên làm bài thơ...

Hắn nhớ Thăng Long
hắn nhớ đào
Mai vàng xứ Huế có khuây đâu
Đào phi theo ngựa về cung nhé
Nở cạnh đài gương sắc chiến bào

Tôi (Trần Nhuận Minh – Nói dối trong sử học) đành phải thừa lại với hai ông nhà thơ, nhà sử học về cành đào này vậy.

Mùng 5 Tết 1789, đại quân Tây Sơn quét sạch Mãn Thanh tiến vào Thăng Long. Chiến thắng này mang

lại không ít khoái cảm tự hào dân tộc. Từ đó sinh ra nhiều giai thoại về nhà Tây Sơn, và giai thoại “Cành đào Quang Trung” là lãng mạn nhất trong số đó.



Tranh vẽ phu trạm thời xưa.

Chuyện kể rằng: Hoa đào Thăng Long năm ấy nở rộ, Huệ thấy vậy nên chọn cành đào Nhật Tân đang nụ, sai phu trạm mang vào Phú Xuân tặng Ngọc Hân. Cành đào được buộc chéo bằng lát giang mềm, ngoài phủ gấm vàng. Dịch trạm thay nhau *hỏa tốc* đưa cành đào, chỉ hai ngày sau, mùng 7 tháng Giêng, là đã đến tay người nhận. (...)

Đến đây mục chữ muốn khoe chữ với bạn đọc là phu trạm tay cầm đuốc, cưỡi ngựa chạy suốt đêm được gọi là...*hoả đầu quân*. Vậy mà bạn đọc im như con chim, dòm phu trạm cưỡi trên, mặc khổ nên đành quay quả trở lại với “Cành đào Quang Trung”... (...). Chi tiết ngon lành cành đào này đắt giá đến nỗi đã được chính thức đưa vào lễ hội Đống Đa hàng năm. Được các văn nghệ sĩ khai thác tối đa sau này, lâu ngày chày tháng, nó được nhìn nhận là sự thật trong tâm tưởng của không ít người dễ tin.

Sách sử trước kia không hề có ghi chép nào về “cảnh đào Nguyễn Huệ”, vậy chi tiết này từ đâu ra? Thừa rằng, từ trí tưởng tượng bay bổng của một kịch tác gia miền Bắc xã hội chủ nghĩa viết về tuồng chèo. Nghệ thuật tuồng, chèo ở ta gần như mai một, việc tìm kịch bản chèo về “Quang Trung” là vô phương. Tuy nhiên, nhờ chi tiết cảnh đào Quang Trung tặng vợ quá “đắt”, nên vẫn còn có người ghi nhớ và chứng thực. Nhưng Nguyễn Đình Thi, Văn Chỉnh, ...v...v cho rằng nó do ai đó hư cấu nên.

Giờ ta thử kiểm nghiệm bằng thực tiễn. Khoảng cách Hà Nội-Huế là 659 km, cho rằng vận tốc ngựa trạm bằng vận tốc trung bình của vận động viên xe đạp là 50 km/giờ. Không kể thời gian đổi người thay ngựa, sớm nhất cũng phải 13 ngày mới đến nơi. Qua mười mấy ngày đó, đào sẽ trụi sạch cả lá, chứ đừng nói đến hoa, dù nụ hay bung.

Vậy mà tất cả những “sử liệu” có nêu cảnh đào Nguyễn Huệ...tất cả đều được viết từ sau thời điểm vỡ chèo *Quang Trung* ra đời năm 1964.

Đồng tình với Nguyễn Đình Thi, Văn Chỉnh, nhà thơ Trần Đăng Khoa viết:

“Một lần tôi nói chuyện với nhà văn Văn Chỉnh về cảnh đào Nguyễn Huệ gửi tặng công chúa Ngọc Hân. Tôi nói đã nghe chính nhà viết chèo, *hình như là Việt Dung thì phải*, tôi nhớ tên tác giả chưa hẳn đã chính xác, nhưng ý kiến của tác giả thì tôi chắc là mình không nhầm, rằng, chi tiết ấy là do ông (*Việt*

Dung) bịa ra trong vở chèo chứ không có chuyện đó trong thực tế. Phải ghi nhận sáng tạo rất có ý nghĩa này, nhưng ghép nó vào lịch sử thì tôi e là mình lại nhầm lẫn đây”.. (...)

Bỗng không bạn đọc mặt mày tấp lự...



Phụ trạm thời Nguyễn

Mụ chữ tôi nhầm chừng bạn đọc nom dòm thấy người phụ trạm An Nam ngồi trên con ngựa thồ lùn tịt như con la nên chẳng thể phóng ngựa chạy như bay như mấy chàng cao bồi trong “ci-nê-ma” tí nào. Thế là được thể mụ chữ tôi tiêu pha chữ nghĩa chuyện “Cảnh đào Nguyễn Huệ” nào khác gì chuyện *Con đường thiên lý* của cụ Nguyễn Hiến Lê kể chuyện một người Việt tên Lê Kim cưỡi ngựa rong ruổi về miền Viễn Tây tìm vàng và khai phá ra thành phố Cựu Kim Sơn. Cứ theo cụ Nguyễn Hiến Lê, ông Lê Kim đã qua Mỹ trước Bùi Viện 20 năm. Thế nhưng với mụ chữ tôi chuyện “Bùi Viện là người đầu tiên tới Mỹ” là của ai đó dàn dựng nên

đấy thôi. Thôi thi tất cả chỉ là nghi vấn trong văn học sử nên chẳng là sử liệu khả tín, thưa bạn đọc.

Trở lại người đọc sử viết sử trên...trên xe đạp là 50 km/giờ (...) 13 ngày mới tới.... Trộm nghĩ người đọc sử viết sử đây dài hơi dày chữ chỉ làm bạn đọc càng rối trí thêm. Mặc dù mục chữ tôi văn hoá quá mỏng, nhưng đơn giản như đan rổ thì các cụ ta xưa chả bao giờ có trò tặng hoa hoét gì sất. Nếu có là ở bên Tàu với phong thủy khi xa nhau họ...kiêng đụng chạm đến hoa đào. Bởi thế Thôi Hộ mới có câu...nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cụ tiểu đông phong là thế đấy, thưa bạn đọc.

Qua nhà thơ Trần Đăng Khoa, mục chữ tôi lại léch thếch với chữ nghĩa đi tìm nhà viết chèo Việt Dung đã “bịa” ra vở chèo cảnh đào Nguyễn Huệ. Ý đồ là mai này ngày rộng tháng dài, mục chữ tôi sẽ viết ngành chèo cổ đang mai một. Thảng như hàng ngày, hàng năm, qua từng khúc, từng đoạn, mục chữ tôi năng nhặt chặt bị đước thế này đây....

Chèo có lịch sử hình thành từ thế kỷ X, dưới thời nhà Đinh với Hoa Lư là đất tổ của sân khấu chèo. Đến thế kỷ 14, trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm, sau nhờ bắt được một tù binh Mông Cổ, ông tù binh này đưa “Kinh kịch” vào chèo nên chèo có thêm phần hát. Tới thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông không cho diễn chèo trong cung đình, vì ảnh hưởng đạo Khổng. Chèo trở về với đình làng với Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, v...v....

Chèo sân đình sân khấu chèo chỉ là một chiếc chiếu trải ngoài sân, đằng sau treo chiếc màn nhỏ, diễn viên và nhạc công ngồi hai bên mép chiếu tạo dàn đế. Vì vậy mới có “chiếu chèo” chỉ gánh hát chèo (hay phường chèo). "Hề chèo" là vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Các cảnh diễn có vai hề là nơi để cho người dân bóng gió xa gần những thói hư tật xấu của vua quan, những nhố nhăng của người có quyền, có của trong làng xã. Từ nhố nhăng, dân gian mới có câu “đồ phường chèo”.

Chèo cụ là đàn nguyệt, đàn nhị và đàn bầu. Ngoài ra, còn thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Vì chũm mới có câu nói "phi trống bắt thành chèo" chỉ việc quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo.

Chèo khác tuồng vì tuồng chỉ ca tụng những anh hùng vua quan của triều đình, chèo miêu tả cuộc sống bình dị của dân quê. Các làn điệu chèo chịu những ảnh hưởng từ hát chầu văn, hát xẩm, hát ca trù, hát xoan, hát quan họ. Chèo không cố định năm hồi một kịch như kịch hay tuồng, người diễn chèo được ngẫu hứng bề lạn, nắn điệu để thể hiện cá tính của nhân vật. Đặc điểm của chèo là trò nhại từ thế kỷ 10, nhại từ các truyện cổ tích, điển cố, vì dựa trên các trò nhại này nên các vở diễn dài hơn. Đặc điểm nữa của chèo là yếu tố kịch tính với tự sự, vì vậy ngôn ngữ chèo có những đoạn từ câu thơ chữ Hán, ca dao thể lục bát phóng khoáng về câu chữ. Do vậy,

chèo kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người trình diễn hay đòi hỏi của khán giả.

Ây vạy mà cả đời mù chữ tôi chả thấy “chiều chèo” ở sân đình đâu. Trong tâm thái nhĩ văn mục đồ nôm là *tai nghe mắt thấy*... lại thấy cụ Nguyễn Đăng Thục viết ở đâu đó: “Những đóng góp của *Tào Mạt* đã tạo nên một sức sống mới cho nghệ thuật chèo trên cả ba mặt: triết học, nghệ thuật và nhân văn”. Thế là mù chữ tôi lặn lội tìm kiếm người viết chèo tên Tào Mạt. Đang lò dò như cò ăn đêm thì vớ bẫm được cái thú xem chèo...

Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo vỗ bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo

(...) Tào Mạt (2), người cùng làng, cùng thời với tôi (Phan Lạc Tiếp), vừa mới lớn đã hăng say theo mặt trận Việt Minh chống Pháp. Nhưng khi mặt trận Việt Minh ra lệnh phá ngôi chùa Vĩnh Phúc của làng theo chủ trương vườn không nhà trống thì cán bộ huyện Tào Mạt ngậm ra tay ngăn cản. Ngôi chùa được giữ nguyên nhưng Tào Mạt bị đi học tập một thời gian dài. Năm 1950, Việt Minh ra mặt tận diệt những ai không phải là người của họ, một đêm bên bờ sông Thao, Tào Mạt nói với anh em tôi: “Các anh đi đi. Đây không phải là đất của các anh đâu. Đi ngay trước khi quá trễ”. Anh em tôi sau đó di cư vào

Nam chống lại cộng sản, trong đó có người bạn thân, người ân nghĩa Tào Mạt. (...)

Phải gió phải giăng gì đâu chả biết nữa, bạn đọc gò gáy rằng ông Tào Mạt này ắt hẳn là...mạt vận nên chả dây mơ rễ má đến cảnh đào gì sát. Ấy đấy, thưa bạn đọc, chuyện dây cà ra dây muống ở ngay đây, số là mù chữ tôi đang lang thang với chữ nghĩa thì vớ được câu: “Vớ Tào Mạt và một vài tác giả hát chèo khác như *Đồ Phôn*, chèo có thêm mảnh đất vô cùng phong phú lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc...”.

Vì chung là người mẫn cảm với hơi hám nên thấy ai đánh rắm to ở đâu là tìm đến. Mù chữ tôi tìm đến làng Đình, quê ông đồ, từ câu hát dân gian về làng chèo từ xa xưa...

Bữa ấy mùa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng voi đây
Hội chèo làng Đình đi ngang ngõ
Mẹ bảo thôn Đoàn hát tối nay

Dựa vào câu “*Đồ Phôn*, chèo có thêm một mảnh đất (...) lịch sử bốn ngàn năm (...). Ở đất địa linh nhân kiệt, lại được người ngự sử văn đàn ở trên công thêm câu: “Nghệ thuật tuồng chèo ở ta gần như mai một, việc tìm kịch bản chèo về Quang Trung là vô phương”, vì vậy trộm nghĩ bất thế kỳ nhân phải là ông. Vì vậy mù chữ tôi...mù mẫm như đinh đóng

cột người viết chèo lịch sử, là người *bao năm tháng thân chìm vào bóng, thân về trời bóng vẫn ngồi im*. Thêm nữa, ông viết “Trần Hưng Đạo diễn ca”, vì vậy còn ai trông khoai đất này: Ông là người đã viết vở chèo kịch “Cành đào Nguyễn Huệ”.

Sau đây mục chữ tôi sưu tầm được ông đồ của làng chèo từ một thời xa xưa:

Ông Đồ Phồn tên thật là Bùi Huy Phồn, sinh ngày 16-12-1911 tại Phố Đàm, tỉnh Bắc Giang. Ông mất ngày 31-10-1990 tại Hà Nội, hưởng thọ 78 tuổi. Cha ông là một nhà nho, chi trưởng họ "Đại Bùi". Ông thi cử không đỗ, bỏ làng phiêu bạt lên Bắc Giang làm thầy giáo. Ông học chữ Hán hết chương trình tú tài và thông thạo tiếng Pháp. Ông dạy học, viết văn, làm thơ, cộng tác với báo *Hà Nội báo*, *Phong hóa*, *Tiểu thuyết thứ năm*... Đề bước được vào làng văn và có được một bề dày văn phẩm, thi phẩm, thì những ngày đầu “chập chững” vào làng văn, ông phải bỏ làng ra đi...

Năm ấy, khi ông mới 15, 16 tuổi, thấy mẹ đi chợ mua giấy hồng điều mang sang nhà cụ đồ Hai trong làng nhờ viết cho dăm câu đối bằng chữ nho mấy ngày Tết. Thấy có giấy hồng điều, ông tự nghĩ ra đôi câu đối dán vào hai cột cổng ngoài nhà thờ họ "Đại Bùi". Những chức sắc làng không nổi giận sao được khi đọc câu đối ông viết thế này:

Mồng một Tết người đội mũ cánh chuồn khoe mẽ

Ba ngày xuân tứ trùm nom mẹ đi ngâm thơ

Mặc dù chưa có vợ nhưng Bùi Huy Phồn vẫn “mượn tạm” cái nơm mẹ để đối với mũ cánh chuồn. Thật là há hê quá, mũ cánh chuồn đối với cái váy đàn bà.

Nhân ngày giỗ tổ họ Bùi là dịp để cụ tuần Anh nói với mẹ Phồn: “Phải đưa thằng Phồn ra nhà thờ họ ngay”. Phồn vừa bước đến cửa, cụ tuần Anh quay sang nói với mọi người trong họ: “Mồng một Tết, tôi vận phẩm phục triều đình đi hành ngời trong thôn, xóm, cho dân làng được ra bái yết lấy may. Thế mà thằng này dám làm câu đối nói láo”.

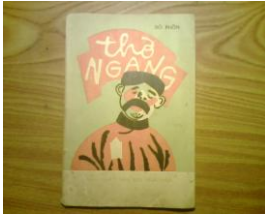
Phồn lấp bắp định cãi thì cụ tuần Anh đập tay xuống tráp, thét lớn:

- Câm! Tao lại sai nó nọc cổ mày xuống trước từ đường, đánh cho tan xác bây giờ. Mày muốn làm cộng sản thì mày ra Hà Nội. Thôi cút!

Vẫn cái tật đến chết không chừa là thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào. Mụ chửi tôi đào xới khi ông làm hiệu trưởng đầu tiên của trường viết văn Nguyễn Du. Một lần ông đăng đàn nói chuyện phiếm và ngâm thơ

Khi vui đọc truyện Đò Phồn
Khi buồn lại giở (bỏ 2 chữ) ra xem

Mọi người bò lăn ra cười, ngồi ở dưới, Quang Dũng sửa lại là... “lọ còn” để đưa vào làng văn xóm chũ. Rồi cái vạ văn chương đến với ông từ đây.



Bìa tập “Thơ ngang”
tranh Bùi Xuân Phái

Năm 1961 ông viết tiểu thuyết “Phát” hưởng ứng phong trào cải tạo tư doanh ở Hà Nội. Trong vụ Nhân văn Giai phẩm ông viết bài “đánh” Trương Tửu. Xuân Sách viết chân dung ông gọi trịch “đồ phồn” thành “đồ phấn”, “đồ vôi”:

“Phát” rồi ông mới ăn “Khao”
“Thơ ngang” chạy dọc bán rao một thời
Ông đồ phấn, ông đồ vôi
Bao giờ xé xác cho tôi ăn mừng

Mụ chữ tôi học theo “cao đàm khoáng luận” là viết phiếm *không câu thúc*, không luận suông, nên cứ lung tung trống kèn với Nguyễn Tuân, Bùi Hiên qua tập thơ *Chân Dung nhà văn* của Xuân Sách. Nguyễn Tuân trước nổi đình đám với “Vang bóng một thời”, nhưng sau ông tự tước bỏ gai góc, xù xì để trở thành một nhà văn chỉ “ngợi ca chế độ”:

“Vang bóng một thời” đâu dễ quên
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên
“Chén rượu” tình rừng cay đắng lắm
“Tờ hoa” lại chút lệ ưu phiền

Người bị Xuân Sách “đánh” ngang ngựa với ông Đồ Phồn là nhà văn Bùi Hiền với truyện ngắn *Nằm vạ* và tập *Trong gió cát*. Suốt trong nhiều năm, ông công tác trong Hội nhà văn VN nên bị Xuân Sách giễu cợt:

Sinh ra “trong gió cát”
Đất Nghệ An khô cằn
Bao nhiêu năm “nằm vạ”
Trước cửa hội Nhà văn

Ừ thì chuyện đánh đấm của đám sĩ phu Bắc Hà đông như quân Nguyên. Thảng như qua bài viết *Nhớ và nghĩ về Vũ Trọng Phụng* của ông Đồ Phồn dưới đây:

(...) Tôi hơn Vũ Trọng Phụng một tuổi, nhưng vào làng văn sau anh vài ba năm. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp anh ở một tiệm thuốc phiện của cụ Đốc Trịnh, sau đền Bà Kiệu, bờ hồ Hoàn Kiếm, do một người bạn giới thiệu: “Vũ Trọng Phụng nó nói tới mày luôn sau khi đọc mấy bài thơ và truyện ngắn của mày. Hôm nào, tao dẫn đến gặp nó”.

Năm 1962, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật tổ chức cuộc hội thảo về nhà văn Vũ Trọng Phụng mà về sau này tôi mới biết những cuộc họp này do Hoàng Văn Hoan đứng giạt dây bên trong. Có người tâu với Hoàng Văn Hoan rằng Vũ Trọng Phụng viết bài “chửi cộng sản” ở *Đông Dương tạp chí*. Thật ra, đấy chỉ là một bài báo khen chê lung tung cả đê tam,

đệ tứ. Hoàng Văn Hoan đọc bài báo này, đánh Vũ Trọng Phụng là “văn gian”.

Phe thứ nhất có Tố Hữu, đánh Vũ Trọng Phụng là tay sai đế quốc thực dân, là tởrôtkit. Phe thứ hai chống lại có Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, và tôi...(…)

Trong chôn làng văn ông có những người bạn chữ nghĩa như Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng...Đến như Bùi Xuân Phái cũng vẽ tranh bìa thơ cho ông. Theo mục chữ tôi ông và Bùi Hiền chẳng đến nỗi nào để mang cái vạ văn chương nên mục chữ tôi búi bán cho là với định mệnh tại thiên thư. Vì thư kinh có câu tùy ngộ nhi an mà mục chữ tôi hiểu là *tùy hoàn cảnh sống sao cho yên ổn* với thời thời thế thế, thế thời phải thế..

Thế nên mục chữ tôi hăm hui bắt qua cụ Nguyễn Tuân...

Một ngày, cụ Nguyễn Tuân uống rượu với ông Đồ Phồn và nói: “Ừ thì như bác biết đấy. Chẳng ai có dũng khí đợc đâu, kể cả Phan Khôi. Chẳng sợ rượu vào nói cà khịa, phiến, nên tôi đã nói với bác: “Không phải tôi sợ nói sai mà sợ nói đúng mới gay. Tôi vẫn đợc tiếng là ngang bướng”.

Lần uống rượu với ông Đồ Phồn ấy, cụ Nguyễn Tuân đã khóc:

- *Tôi đợc như thế này là vì biết sợ.*

Vì vậy mới có chuyện thời trước thế đấy, thời nay thế đó với Nguyễn Khải: “Tôi nhất lăm”. Với Tô Hải: “Tôi là thằng hèn”. Thêm nhật ký “Ghi

1954-1960”, cụ Trần Dần thổ lộ những chuyện chẳng đáng đùng của mình (như Tô Hải) thời Nhân văn Giai phẩm.

Sau đó có ai đó đã viết:

- *Không ai có quyền bắt người khác làm anh hùng...thay mình với cái chết.*

Với cái chết, với khôn vãn tể đại văn bia thì mục chữ không phải cứ đội ông Đồ Phồn lên đầu mà vái...vái lấy vái để ví với câu đối về cụ Nguyễn Tuân, hay ông Vũ Trọng Phụng của ông Đồ Phồn có thể chỉ là giai thoại văn học.

Vì cứ theo ông Vũ Trọng Khanh con trai ông Vũ Trọng Phụng kể lại:

(...) Do lao tâm quá sức bố tôi mắc phải chứng lao phổi và lìa đời vào lúc 2 giờ sáng ngày 13-10-1939. Thời bấy giờ ai mắc phải bệnh lao đều bắt buộc phải chôn cất ngay trong ngày. Bởi lẽ đó mà 7 giờ sáng cùng ngày, bà nội và kẻ mẫu tôi phải đem xác bố tôi đi chôn tại nghĩa trang Quảng Thiện thuộc huyện Ngã Tư Sở tỉnh Hà Đông. (...)

Vẫn chưa hết, theo cụ Nguyễn Tuân thì:

(...) Người bạn tội nghiệp của chúng tôi chết. Ngày hôm sau, đưa đám buổi sớm. Nhận cái tin buồn ấy, chúng tôi đi hút thuốc phiện. Đêm ấy, nhà hát lạnh như nhà mồ...Ngọn đèn dầu lạc giống ngọn đèn thờ. Anh kếp hát như nhạc công phường bát âm cho nổi lên một bản nhạc chết khi người ta dâng cơm

cúng...Khoảng 5 giờ sáng bọn tôi từ Thượng Cát kéo bộ về Hà Nội. Qua cầu Bồ Đề, tôi nói:

- Đám đi sớm quá nhỉ. 7 giờ đã cất đám rồi. Đi hết cầu, về đến bờ bên kia sông ít ra mất 45 phút. Và từ đấy vào Cầu Mới. Nhanh bước lên! Các anh.

Thế mà cả bọn đến nơi, nhà đám đã khởi hành được mấy phút. (...)

Bởi nhẽ đó theo mục chữ tôi nghĩ hẳn không có chuyện Vũ Trọng Phụng mất, lúc hạ huyết, Lưu Trọng Lư thay mặt giới nhà văn, đọc lời ai điếu: “Anh là một nhà văn xứng đáng với sự tôn sùng của tất cả văn hữu. Những người hôm qua đây, còn *không ưa anh, còn thù ghét anh, nhưng hôm nay họ cũng phải cúi đầu trước mộ anh*”

Bài điếu văn chấm dứt, ông Đồ Phồn ứa hai hàng lệ đọc đôi câu đối:

“*Cạm bẫy người* tạo hóa khéo căng chi, qua “*Giông tố*” tưởng nên “*Số đở*”.

“*Số độc đắc*” văn chương vừa trúng thế, bỗng “*Dứt tình*”, “*Không một tiếng vang*”.

Sau với nhà văn "xê dịch" Nguyễn Tuân, ông cũng có câu đối về cụ Nguyễn:

“*Vang bóng một thời*” tàn, khéo gọi thêm nao lòng lãng tử.

“*Quê hương*” đâu hẳn *thiếu*, mãi đi cho trọn kiếp giang hồ.

Theo mục chữ tôi một sách ăn giấy với đưa “tác phẩm” vào câu đối thì trong chôn làng văn chỉ có cụ Vũ Hoàng Chương trong đám tang tiền biệt nhà văn Nhật Linh:

Người quay tơ, Đôi bạn, Tới tằm, Anh phải sống chứ sao *Đoạn tuyệt*

Đời mưa gió, Lạnh lòng, Bướm trắng, Buổi chiều vàng đâu nhĩ *Nắng thu*

Tiếp đến Lưu Trọng Lư cũng bị Xuân Sách đưa vào Chân dung nhà văn, bởi “con nai vằn “ đã thành “vờ ngơ ngác” để leo lên tới chức Vụ trưởng vụ văn nghệ :

Em không nghe mùa thu
Mùa thu chỉ có lá
Em không nghe rừng thu
Rừng mưa to gió cả
Em thích nghe mùa xuân
Con nai vờ ngơ ngác
Nó ca bài cải lương...

Với những chuyện chữ người sống mắng người chết trong làng văn xóm chữ của sĩ phu Bắc Hà ở trên...Thôi thì đành phải nhờ vả sĩ phu Nam Hà là cụ Vũ Hoàng Chương với câu thơ thuộc dạng cái quan định luận...

Dấu hỏi vầy quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thắm rơi
Chiều nay một dấu than buông xuống
Đình đóng vào sãng tiếng trả lời

Mụ chữ tôi kỳ óc nghĩ không ra “Sên bò nát óc...” là lý sự gì? Hốt nhiên con chuột di động của máy “còm-piu-to” đụng vào cái nút nào đó, màn ảnh hiện lên bài viết của một nhà phê bình văn học trong nước chỉ rõ một số điểm chưa hoàn thiện ngay ở kịch bản chèo vốn được coi là tiêu biểu về lịch sử. Đơn cử là: “Có thể lấy chuyện vua Quang Trung đánh tan quân Mãn Thanh và tiến vào Thăng Long làm ví dụ”. Và nhận xét:

“Khi viết kịch bản chèo, tác giả *Trúc Đường* đã hư cấu chi tiết vua Quang Trung qua làng Ngọc Hà, thân hành lấy một cành đào đây nụ để sai người chuyển về Phú Xuân cho công chúa Ngọc Hân. Chi tiết này vừa đẹp, vừa mang nhiều lớp nghĩa nên được đề cao tới mức *nhiều nhà sử học coi đó là chuyện thật*”.

Vậy là đi tuốt, hoá ra chả phải ông Đồ Phôn mà là ông Trúc Đường viết *Cành đào Nguyễn Huệ*. Thế là mụ chữ tôi lại lếch thếch với chữ nghĩa...

Ông Trúc Đường tên thật Nguyễn Mạnh Phác (1911-1983), quê ở Vụ Bản, Nam Định. Mồ côi cha mẹ sớm, nhà nghèo, ông cùng em trai Nguyễn Bính ra Hà Nội mưu sinh. Ông chuyên soạn kịch về đề tài lịch sử. Những vở kịch chèo nổi tiếng là *Tám vóc đại hồng*, *Thái hậu Dương Vân Nga*, *Quang Trung*, *Hoàng Diệu*. Ông mất năm 1983.

Đến trần ai khoai củ này, mụ chữ tôi hết chữ... hát chèo, cũng có thể vì nên đành vay mượn văn chương thiên cô sự từ một ông “phó giáo sư” Hà Nội khác qua bài viết: “Trúc Đường - Sống với lịch sử ngàn năm của dân tộc”.

(...) Năm 1962, sau thành công vở Quang Trung trên sân khấu kịch chèo hiện thực, Trúc Đường chuyển hẳn sang viết kịch bản về đề tài lịch sử. Trong số những vở về đề tài lịch sử có giá trị của kịch hiện đại, ta thấy hiện diện vở kịch: Quang Trung.

Gương mặt ông với thời Quang Trung... ấn tượng sâu nhất của tôi (Trịnh Thanh Sơn) về Trúc Đường là sự mê say của ông, đúng hơn: đó là sự chìm đắm vào lịch sử. Với Trúc Đường, lịch sử là đời sống. Lần nào gặp tôi, ông cũng say sưa nói về lịch sử, về quá khứ, về những hình bóng xa xưa mà vô cùng gần gũi, thân thuộc với ông.

Những nhà sáng tác về đề tài lịch sử, dường như họ hơn hẳn chúng ta về cuộc sống. Họ vừa sống cuộc sống hiện thời hôm nay, vừa sống cuộc sống quá khứ hôm qua. Họ có thể không "thuộc" sử, không "sành" sử bằng các nhà sử học, nhưng, dường như, họ hơn hẳn các sử gia một sách ở sự sống, cuộc sống lịch sử. Và chính từ sự sống đó, ở họ đã nảy sinh nguồn cảm hứng sáng tạo, từ lịch sử. Từ hôm nay mà suy nghĩ về hôm qua để phát hiện những mới mẻ cần thiết cho hôm nay. Có lẽ trong Trúc Đường, từ chỗ giao thoa của hai luồng suy nghĩ về lịch sử và

về hiện thời ấy đã bật lên, loé lên những sáng tác, cái mà Pau-tốp-ski gọi là những "tia chớp", nó soi rọi cho ông. Trúc Đường không tái hiện lịch sử một cách đơn thuần. Ông tái hiện nó trong hơi thở của thời đại hôm nay.

Trong kịch của Trúc Đường, nhiều tình tiết, nhiều chi tiết, được tác giả hư cấu theo tinh thần đó. Một chi tiết mà sinh thời Trúc Đường rất tâm đắc: *Cành đào tết trong vở Quang Trung*. Giữa ngày xuân đại thắng, từ Hà thành, Nguyễn Huệ đã gửi một cành đào tết làm quà chúc tết Ngọc Hân lúc đó còn đang ở Phú Xuân. Người anh hùng áo vải thét ra lửa ấy gửi cho cô gái Hà thành một món quà tết, rất tết, rất Hà thành.

Tôi nhớ, Trúc Đường vốn là người khiêm nhường, giản dị, nói ít, nghĩ nhiều, và kín đáo, tế nhị. Phải chăng, những đức tính đó là nguyên nhân sâu xa khiến cho cảnh vật và con

người ông hư cấu, tái tạo,...từ lịch sử trở nên "ngọt" và êm, không "chối".

Trúc Đường đã có đóng góp vào sự phát triển của kịch hiện đại, nhất là đóng góp về phương diện đề tài lịch sử. Điều đó đã rõ. Song, riêng với kịch hát dân tộc, với sân khấu chèo, thì đóng góp ấy lại càng đáng kể hơn. Với Trúc Đường và Tào Mạt, chèo lại có thêm một mảnh đất đưa chèo đến một bến bờ mới ở thời đại chúng ta. (...)

Tiếp theo,...theo như nhà văn “O chuột” Tô Hoài thì:

(...) Ngày ấy, kịch chỉ là một nghề chơi, chỉ Hà Nội là chính, người ta chơi kịch chứ làm gì có nghề kịch. Mà nghề chơi thì đến tay chơi lọc lõi như Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ còn chật vật, huống chi chân chỉ hạt bột như Trúc Đường, mọc mũi sủi tăm làm sao được.

Ngày xưa mỗi năm, những đêm mở đầu mùa kịch, (như mùa thu bên Tây) các tác giả kịch mời bè bạn đi xem diễn tập, không phán khởi sao được! Tôi cũng là bè bạn một vài tác giả như Vũ Hoàng Chương, Vũ Trọng Can, có được hưởng ít nhiều cái “hân hoan” ấy trong đêm mở đầu mùa kịch. Nhưng tôi cũng phải kể thêm là không phải “ngày xưa” mở màn mùa kịch chỉ có náo nức, rồi rủ nhau “xuống xóm”. Mà còn phải kể đến một việc tày đình phải lo, đấy là Tây có nhòm ngó tới và có cho qua hay không.

Năm ấy, ở sân đình diễn vở “Không một tiếng vang” của Vũ Trọng Phụng. Đêm ấy mà không buông phong sớm rồi chuồn đi, nếu nhân vật lão già lòe mắt lại óm nặng của Vũ Trọng Phụng cứ nằm còng queo giữa sân khấu mà chửi rủa Tây thêm lúc nữa, thì chắc bọn chúng tôi cũng phải vào đồn đêm ấy. Chỉ là lão giám binh đồn khố xanh có thể tóm cổ mình được. Ấy, mặt nọ còn có mặt kia là thế đấy. (...)

Rất ngay tình với bạn đọc, phần kết của bài viết, học lóm từ Đường luật, đường mòn có “mở, thực, luận, kết”. Song “kết” mà chỉ đơn giản là kết thúc

thì...khó hiểu quá. Kết làm sao như “luận” để bạn đọc dễ hiểu hơn, như luận lý học với mở ra là...đóng lại.

Đóng lại như sĩ phu Nam Hà Vũ Hoàng Chương với *đinh đóng vào sãng tiếng trả lời* để cái quan định luận về ông Đồ Phồn và chèo cở. Qua chuyện phiếm của ông Đồ Phồn có câu cao đàm khoát luận, với luận chả phải...luận lý học. Mà là *không câu thúc* nên lung tung trống kèn, sóng dầu đèn chết kèn trống với ông Tú Sốt, ông đồ Vũ Đình Liên. Thêm viết phiếm là *không luận suông*, nên với tang thương ngẫu lục bắt qua sĩ phu Bắc Hà như Nguyễn Tuân, Bùi Hiên, Thế Lữ.

Bạn đọc mặt mày nhăn quéo lại...Ừ thì chuyện đâu vẫn còn đó vì chung lỉnh đĩnh thế nào chả biết nữa lại dằng dênh đến kịch chèo *Cành đào Nguyễn Huệ* với Trúc Đường, Tào Mạt để bạn đọc...đa thư loạn mục, nôm là *đọc nhiều quá đâm...rối mắt*. Nào mục chữ tôi đâu có hơn gì bạn đọc, bởi chung bòn gio dãi sạn với chữ là nghĩa nên mục chữ tôi cũng rối chữ, để rối rắm chả biết đặt tên tựa đề bài phiếm văn này là...là “Cao đàm khoát luận” hay...hay là “Lang thang với chữ nghĩa” đây?

Bạn đọc mặt mày nhăn quéo như táo tàu khô, dường như ai đó thờ ra thao thiết.

Ừ thì như đã bảo mục chữ tôi...mục chữ mà. Thừa bạn đọc.

Thạch trúc gia trang
Bính Thân 2016

Nguồn: Vân Long, Tất Thắng, Lê Vĩnh Thụy, Ngô Thảo. Nguyễn Duy Chính, Lê Hồng Bảo.

(1) Nhà thơ Tú Sốt tức Chu Thành, hay Chu Thành Thi vừa tạ thế ngày 27-3-2006, thọ 77 tuổi. Không thể kịp ra Hà Nội tiễn đưa người bạn quý, tôi (Hà Sĩ Phu) ngồi ở Đà Lạt, bùi ngùi tiếc thương. Thơ ông ngay cả khi châm biếm sâu cay vẫn cứ nhân ái. Trong những lúc trà dư tửu hậu, Tú Sốt thường đọc “tếu”, hóm hỉnh, Tú Sốt đấy. Tú Sốt không tô vẽ, đẽo gọt cùng thời thế với với thế thái nhân tình...

Cổ eo, thân rộng, mồm loe
Nhóp như cái bụng, lại khoe cái mồm
Bị người phỉ nhổ luôn luôn
Thế mà vẫn cứ giờ mồm ra khoe!

Tú Sốt Chu Thành đồng thanh tương khí với ông Tú Sơn Phan Khôi qua *Ông bình vôi*. Bài này Phan Khôi đồng khí tương cầu với bài thơ *Cái bình vôi* của Lê Đạt... Cũng như ông Tú Sơn Phan Khôi có bài *Cái loa*, thì ông Tú Sốt Chu Thành có bài *Cục tẩy*...

Càng ăn lắm, càng bé đi
Mềm như cái lưỡi chuyên nghề sửa sai
Người sai mình cọ mình mài
Khi mình khuyết phạm đổ ai sửa mình?

Năm 1988, lúc ấy những người có chút lòng ưu thời mãn thế tự nhiên cứ tìm đến nhau, rất hồn nhiên và vì trong nhóm chưa ai bị gậy khó khăn. Tú Sốt đến tôi (Hà Sĩ Phu) chơi. Ông thử tôi bằng một vé đối: *Bác bơi tôi, không bằng tôi bơi bác.*

Ông chơi chữ thật hóm ở hai chữ cuối: *bôi bác*. Bôi bác là hai chữ rời thì nghĩa khác, là một từ kép thì lại nghĩa khác, *bác* là *bác* nọ lại là *bác* kia. Tôi hỏi đã ai đối chưa. Tú Sốt bảo Hữu Loan đối rồi, và đọc: *Mày ăn dân hết nước, dân ăn mày.*

Thú thật nghe xong tôi khoái trá lạ lùng. Quan hệ *bác với tôi* đã được Hữu Loan chuyển thành *mày với dân*. Dem chữ *mày* (ông Hồ) đối lại với chữ *bác* (ông Hồ). Chữ *hết nước* đã tài, nhưng “*mày ăn dân, dân ăn mày*” khiếp quá. Chữ *ăn mày* là thần bút, *ăn mày* là một từ kép thì nghĩa đã hay, nhưng là hai chữ rời thì quá tuyệt. Quan hệ ăn thịt nhau (*Œil pour œil, dent pour dent* mà!) thì chính là quan hệ kẻ thù. Tôi giữ mãi hình ảnh cuối cùng của ông trong lần tôi đến bệnh viện Hữu nghị thăm ông trước ngày ông mất ba tuần. Được tin ông mất tôi buồn, vừa buồn, vừa nhớ, vừa tiếc. Thi hài ông được hoá táng theo đúng nguyện vọng của ông: “Thác làm than củi cho đời ấm thêm!”. Ông thành than củi cho đời ấm thêm. Vĩnh biệt Tú Sốt, hằng mong non sông mình còn để “sốt” lại những ông “tú”

như thế, những cậu tú, cô tú trên khắp non sông cầm tú này.

(2) Tào Mạt tên thật là Nguyễn Duy Thục, sinh ngày 23-11-1930, tại huyện Thạch Thất, Sơn Tây. Ông đặc biệt yêu thích văn học Hán-Nôm và tự học để nghiên cứu. Cuộc đời của ông đã gắn bó với nghệ thuật chèo. Ông tâm huyết với nền nghệ thuật dân gian truyền thống của dân tộc và thổi hồn thời đại vào trong từng vở diễn. Các tác phẩm của ông kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực với dân gian. Với chèo truyền thống, ông sáng tạo ra những làn điệu mới để chuyển tải một cách hiện đại hơn nội dung tư tưởng... tạo cho tác phẩm những giá trị trên cả ba mặt: triết học, nghệ thuật và nhân văn.

Những đóng góp của Tào Mạt đã tạo nên một sức sống mới cho nghệ thuật chèo. Ông để lại khoảng 20 kịch bản, chính là chèo. Các tác phẩm chính: “Cái ba lô” (kịch, 1958); “Chị Tâm bên Cốc” (chèo, 1960); Bộ chèo “Bài ca giữ nước” (1979-1985); “Những lời tâm huyết” (tiểu luận, 1993); “Thơ chữ Hán Tào Mạt” (1994). Ông mất ngày 13-4-1993, tại Hà Nội.

Trồng cây trên đá

Gã không nhớ gần gũi với cây cỏ cỏ tự khi nào...

Lâu lắm rồi thì phải, một ngày mới chân ướt chân ráo qua đây, ghé miền đất ẩm tình nồng, và ngừng chân ở một thành phố nhỏ, nhỏ lắm, cạnh bãi biển... Trong cái tâm thái mưa thương nắng nhớ, cùng biển xa bãi vắng, gã hết lặng ngắm thân cây già cỗi trên bãi vắng, gốc cây sần sùi, lưa thưa vài chiếc lá lạc lững. Đền nhìn ra biển, nhưng không xa lắm, ngay trước mắt gã, trên hòn đảo đá thô kèch, trơ trọi một thân cây chơ vơ mọc từ hốc đá, lác đác quanh đây dăm bụi cây khô cằn. Gần thân cây đơn độc, có một giải nước lững lờ như mặt nước ao thu...

Mây vẫn bay, ngày vẫn qua đi, thoáng chốc ẩn nấp trong gã từ ngày đó hình ảnh thân cây đơn độc soi mình qua bóng nước... làm như nước còn cau mặt với tang thương. Sau đấy với bonsai, gã cũng soi “kim cô” với... Với ngày trời tháng Bụt nấp cửa thiên môn, góp nhặt sỏi đá qua chữ nghĩa qua cùng ba châu cây cảnh, rồi lây dây với phá chấp và buông xả, để cỏ hoa lạc lối đến ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau với cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

Một ngày, gã tản mạn trồng cây trên đá... Không phải *một* mà là... *hai*.

Vừa mây mờ, vừa có những cảm nghĩ vụn vặt về bonsai, ngoài tìm về thiên với bất biến từ tĩnh qua động, theo nghịch lý của thời gian từ màu xanh non qua màu vàng úa. Thì bonsai, nếu có thể được, hãy hoang tưởng như một người tình câm với cỏ xót xa đưa cỏ xót xa người. Thủ thi tâm tình những khi buồn vui có nhau, vui với cái vui của người tình cũ, trong những ngày lập xuân đầy nắng ấm. Và cũng buồn với cái buồn khi những lúc trái nắng trở trời, gió đông hiu hắt.

Gần nửa buổi, cây cảnh cũng được uốn éo cắt tỉa, o bé chiu cho rể bám vào hòn đá.

Với không có mây sao có mưa, lại hồi nhớ đến năm nào bắt gặp thân cây già chơ vơ trên tảng đá, bên cạnh vũng nước tang thương nước lộn trời. Thế nên lay lắt đến văn phi sơn thủy vô kỳ khí, nhân bất phong sương vị lão tài, hiểu nôm la không có "núi" và "nước," văn không có khí lạ, không trải qua sương gió, người hay cây cỏ chưa già dặn. Trong một sát na, gã bắt gặp chốn hỗn mang của vô thức, vang vọng âm hưởng của một dòng nhạc như có ai đấy hỏi gã...đá biết thờ dài xa xôi. Và như có ai đó hỏi gã...đá có ngậm ngùi chia phối.

“Người xưa...” như đang len lén tìm về. Không phải...hai mà là...một.

Chuyện đâu còn có đó, hãy tạm gác đường xưa lối cũ với con đường tình ta đi qua một bên. Gã nâng niu đặt cả khối đá và cây vào trong chậu gốm nâu. Trái đều thêm ít sỏi trên mặt đất, như thêm chút phấn hương, làm đẹp cho đời, làm đẹp cho người. Miệng nhâm đầy đưa theo dòng nhạc quen thuộc, tự nhủ thầm với chính mình ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...

Hàn thành xong một tác phẩm, thì cứ tạm cho là sáng tạo trong những giây phút yên sĩ phi lý thuần, nếu cần khỏa cho cái áo nghệ thuật vị... nhân sinh cũng có sao đâu. Xong, bản thân ngắm và tự nhủ thầm “nhân sinh” là ai đây cái đã? Và thấy vẫn không quên được chuyện cũ, tình đầu như lảng vảng đâu đây: Chẳng phải hồ hững đâu xa, ngay trước mặt là hai cụm cây mà gốc rễ, tàn cây hình tượng qua một bức họa trên giá vẽ vẫn chưa hoàn tất. Hòn đá là một tác phẩm điêu khắc vẫn còn dở dang, dang dở, Từ Thức còn đang lên non tìm động hoa vàng. Tú Uyên vẫn còn mãi mê tìm người đẹp trong tranh.

T toàn bộ tác phẩm cây và đá, mai này sẽ còn đổi thay theo thời gian và ngoại cảnh, nào có khác gì một cuộc tình không trọn vẹn. Thôi thì đành vay mượn đôi dòng thơ của người họ Hàn:

Người đi một nửa hòn già chết
Một nửa hòn kia bỗng đại khờ

Cùng sinh ký tử quy, buồn vui với cỏ cây, đành cúi đầu với số mạng có dưỡng có triệt, hữu hình hữu hoại. Ít mùa sau, với phong ba bão táp dập vùi, nếu lá có tiền người đi cũng như cơn gió thoảng, cát bụi chân ai cùng một cõi tử sinh nay áo đã cuốn về thiên cổ, lá vàng bay lạnh nổi

niềm không. Thêm một chút nhạt nhòa qua chân không, vô ưu, nhuốm chút thiền quán, thiền tính...nhuộc thử sinh tắc bị sinh, nhuộc thử diệt tắc bị diệt, nhuộc thử vô tắc bị vô.

Nhuộc tử hữu, tắc bị hữu, tạm hiểu theo nghĩa...có gã là có hòn đá. Hay nói khác đi: Gã chính là hòn đá...vô ưu, như vừa được vẽ vôi và đục đẽo ở trên.

Cây trồng trên đá, cứ hoang tưởng, viễn kiến cây là rừng, đá là núi, núi rừng thu gọn vào mảnh đất con con như đẽ...tận thu tứ hải sơn hà. Hà là sông, hãy thêm một giòng sông lặng lẽ, một cái cầu chênh vênh, vắn vợ thả hồn với trời đất bao la xanh um cỏ thụ tròn xoe tán, trắng xóa trường giang phẳng lặng lẽ. Lại nữa, vốn dĩ đã tự cho mình là hòn đá vô thức, vô vi. Thì...

Thì hãy cứ một lần nhập thế, phá chấp như một kiếm sĩ Phạm Thái ngoài vòng cương tỏa, đêm đêm bên bờ suối, mài gươm dưới trăng về một Quỳnh Như:

Ta mượn nâu sòng che kiếm bạc
Mười năm gió núi lộng thư phòng
Rượu cạn bình khô chiều nắng tắt
Nhớ người tê buốt ngọn thu phong

Mới là kiếm sĩ, thêm một lần hóa thân, buông xả là một sư ông Phạm Thiên Thu, trút bỏ bộ nâu sòng, xa rời tục lụy, với sắc sắc không không. Nay tuổi đời còm cõi, tóc bạc da mồi, ôm một hai cây si, cắt tỉa những sợi tóc mây, nụ non lá vàng, thả hồn về một cõi hư không:

Ai khoác áo nâu sòng
Ai chân trời biển biệt
Tên ai còn tha thiết
Trong tiếng chuông chiều đưa

- Nói gì? Có gì để nói? Biết nói gì giữa hòn đá và tiếng chuông chiều đưa. Bình thường như xuân hạ thu đông có bốn mùa.

Ngay tình mà nói, gã có một đôi chút ngại ngùng khi mang thơ và nhạc vào đây làm cảnh với cỏ cây, cùng chút bông bênh với vài ba cụm mây lặng lờ qua mái chùa, hay giăng giăng vắt ngang đầu núi. Thật tình mà giải bày, mẩu chuyện “Người xưa...” của gã không đẹp như một bài thơ, không lãng đãng như một dòng nhạc. Mà êm ả qua tiếng mõ, tiếng chuông chiều cô liêu. Đơn thuần chỉ là một khúc, một đoạn nối tiếp của nhân với quả. Tiếp nối là “Người đi qua đời gã” với tình chị duyên

em. Thế nhưng chẳng hẳn là vậy, con chỉ nó đi con đi nó lớn chỉ là những ràng buộc ở một khoảng thời gian nào đó. Duyên em chơ vơ đầu sông cuối bãi, thoát một cái đã hơn năm mươi năm, hơn nửa thế kỷ. Năm mươi năm thì ngắn, nhưng nửa thế kỷ lại quá dài. Thoáng như vẫn còn đang lênh bênh nổi trôi đầu đây.

Đâu đó với chuyện là gã có người bạn chăm lo đi chùa để thiền định. Bạn kể gã nghe cây Nhật lùn của ông sư trụ trì: Ấy chỉ là một khúc cây vừa thô vừa mốc meo, trơ trụi loe ngoe một hai nhánh lá. Ban đêm sư mang ra ngoài sân hứng sương, ban sáng bê vào đặt bên cửa sổ, hóng một chút nắng ngày. Nghe vậy, gã hình dung bóng chùa về khuya, hình ảnh đơn côi của bờ vai gầy, cô quả ôm khúc cây lẻ loi, như hình với bóng qua những năm tháng. Anh bạn gã tò mò hỏi sao sư ông không tìm một cây khác, đẹp và tươi mát hơn.

Trong giây phút mênh mang của đời thường lẫn tục lụy. Sư ông từ tôn trả lời như gửi gắm mảnh áo nâu sòng vào một nẻo không:

 Gió thông đưa kệ tan niềm tục
 Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời
(Trần Nhân Tông và ni cô)

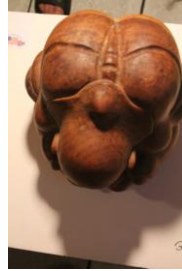
- *Chuyện gì xảy ra tất phải xảy ra, ni cô hay ai cũng vậy thôi. Nói gì, có gì để nói. Chỉ là xuân hạ thu đông, có con bướm trắng lặng lẽ qua mái chùa.*

Nghe xong, trong gã có một chút vấn vương của chuyện người chuyện ta, chuyện dây dưa đến bức tượng gã đang có ở nhà. Cách đây mấy năm, một lần đi săn đồ cổ, trời đổ mưa, đường mưa ướt đất và cuối ngày gã lủi cũi vác về được một ông thiền sư.

Ông thiền sư Nhật về nhà gã trong một ngày mưa gió bão bùng, tha hương ngộ cố tri, sau này ông là một người bạn đồng hành với gã trong những ngày tháng trống vắng. Tượng không có nét khắc thanh thoát. Ngược lại...lại cục mịch: Thiền sư ngồi bó gối ôm đầu trong thế sám hối hay tĩnh tâm. Mặc dù là tượng điêu khắc nhưng ẩn tàng với chữ nghĩa...tu từ tức ẩn dụ ở chỗ, người thường ngoạn không nhìn thấy khuôn mặt, nhưng vẫn nhìn thấy những khổ đau qua vùng trán khắc khổ mông lung. Bức tượng gỗ ấy được thể hiện với đường nét, vết khắc hằn rõ mồn một hằn trên lưng thiền sư mà nghệ nhân đã gói ghém, và ẩn hiện cùng ẩn nấp qua một

khuôn mặt nhẹ nhàng, thanh tú, đẽ nặng
trên vai thiền sư là...

Là khuôn mặt của...*một người tình cũ.*



Vô hình chung, ông thiền sư người Nhật là hình ảnh của một gã, cả hai đều mang chung một dấu ấn. Đều đi chung trên chiếc thuyền cỏ lau của Bồ Đề Đạt Ma mà Tây Trúc thì xa vợi vợi. Lên non tìm động hoa vàng lối mòn mắt dấu và ông lạc nẻo đường trần, nên ngồi một chỗ, ôm đầu bó gối, ôm mối sầu vạn cổ chẳng nguôi ngoai.

Còn lại mình gã dậm trường mê mãi bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ, trên hai vai ta đôi vàng nhật nguyệt, rọi suốt trăm năm một cõi đi về... Và rồi cũng đành ngồi đây với nghìn trùng xa cách. Đang ở phiên chợ chiều heo hắt, một chiều tóc trắng như vôi lúc nào không hay, tháng này qua năm khác, làm bạn với cỏ cây để ngăn ngo, ngo

ngắn...Từ những vết hằn của người tình cũ trên lưng bức tượng thiền sư. Trên lưng gã cũng mang dáng dấp một hình bóng vạt áo nâu sòng trong cái tuổi tà tà bóng ngả về tây. Tây đây ắt hẳn là Tây trúc, để quên đi bản ngã vô thường, vô minh. Cũng chẳng thể thoát tục để rồi ôm đồm: *tình cũ trong nhau có niết bàn, người xưa như thóng bóng từ bi* (Du Tử Lê).

Và lại lần thân, rì mọ đến hai cây si trồng trên hòn đá năm nào, cũng trên hai chục năm rồi chứ đâu có ít ỏi gì. Như một dấu tích, một thời để yêu, một thời để nhớ. Không biết gió đổi mùa hay sao ấy, để một cây “lá úa tiền người đi”. Mà cỏ cây cũng lạ như tre, trúc, cây này phải chết đi để dành đất cho cây khác sống.

Trở về với cây trồng trên đá. Cây còn lại gần như trơ trụi, sau một mùa đông trong sầu miên. Sang xuân, vừa nâng niu cắt với tia, vừa thì thầm với người xưa *xuống tóc vì ai khép cửa đời, vào thiền chỉ thấy nhớ và thương*. Sau đây moi đất, rễ vẫn còn bám cứng vào hòn đá. Hòn đá nay đã rêu xanh ẩm mốc, và bồi hồi, thầm thì với người đi qua đời *tôi biết cùng ai nói câu tâm sự, đá ngủ bên thềm gọi chẳng thưa*.

- Ai mà biết chuyện gì giữa ông thiền sư và người tình cũ. Nói gì, có gì để mà nói. Bình thường chỉ là xuân hạ thu đông bốn mùa trôi qua.

Và “Người xưa...” như đang có mặt, âm ỉ vọng về qua dòng thơ của một Vũ Hoàng Chương trong *Tâm hương đốt nén kinh cầu*:

Lang thang từ độ luân hồi
Vô minh nẻo trước xa xôi vọng về
Trông ra bến nước, bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương
Ta vun cát bụi bên đường

Lúc này chẳng còn nằm ở cái tuổi lãng đãng với thoáng hiện em về trong đáy cốc, nói cười như chuyện một đêm mơ. Lang thang từ độ luân hồi, gã cũng lui cui vun cát bụi bên đường với ngày là lá tháng là mây... Qua ký ức chỗ còn chỗ mất, lò mờ như khói, lãng đãng như sương vẫn còn phảng phất trong trí nhớ như sương khói bây giờ của gã...

Ngày tháng đập đôi, ở cái tuổi nhàng nhàng, theo thời gian gã trở lại với gã là...“nó”.

(....) Ngược về Hà Nội trước năm 54, ông cụ bà cụ nó ở chung với một hai gia đình trong một căn biệt thự gần như hoang phế ở phố Bà Triệu. Trong đó có một gia đình với hai cô con gái trạc tuổi nó. Hai chị em thường mặc quần áo giống nhau, mùa đông áo len "cổ lọ" màu tím than, mùa hè với chiếc "jupe" ngắn cũn cỡn "ca-rô" xanh đỏ. Chiều chiều, cô em, cô chị nhẩy dây trên cái sân gạch gần bể nước mưa, dưới gốc cây bàng. Lâu lâu nó cũng có mặt với hai chị em cô ấy, với bát đĩa, nồi niêu soong chảo nấu nướng để chơi trò mỳ làm...vợ, tao làm... chồng, sinh lễ, hội môn là mấy hòn bi, mấy cái nút chai cứ không cánh rú nhau mà đi...

Ở cái tuổi ấy, trí nhớ mù sương của nó chỉ có bấy nhiêu và không hơn, vì có những chuyện nằm tịt trong ký ức chẳng bao giờ quên, nhưng có những chuyện đáng nhớ lại sương khói mờ nhân ảo như tên của hai chị em cô bé này chẳng hạn. Mãi đến khi vào trong Nam, hai gia đình qua lại, bà cụ nó gọi bà bạn là "mẹ cái Hạnh", từ đó nó mới biết tên cô em, còn cô chị hơn nó ít tuổi tên Hường. Có một lúc nó lẫn gần với người Bắc, tên Hồng mới phải, nghĩ thì nghĩ vậy nhưng ấy không phải là chuyện của nó. Vì lúc này

thằng nó còn đang lu bu với chiếc đầu húi cua, súng cao su cầm tay, lồng vòng quanh mấy cây xoài, cây vú sữa. Cuối tuần, miệt mài o bế chiếc xe đạp mà ông cụ, bà cụ mua cho vì vừa mới thừa được cái bằng tiểu học.

Bán họ hàng xa, mua láng giềng gần, hai gia đình càng ngày càng khắng khít qua lại trong những dịp tết nhất. Và không thể thiếu mục biểu xén, cùng một thoi hương xưa với bánh chưng, giò chả. Cả một trời Hà Nội đất bắc thu vén trong ba ngày Tết, giọng cười rôm rả trước cửa nhà: "Dạ, quý hoá quá, tết với nhất, bác lại bày vẽ...". Ngay sau đó sì sầm to nhỏ sợ ai nghe thấy "Ấy, chứ người Bắc mình. Ai lại thế...". Trong khi ba đứa nó đứng một góc nhà, nháy nhó ra dấu cho nhau đợi tiền mừng tuổi, lâu lâu hai chị em khum miệng cười rúc rích như chuột rúc trong cát thóc. Bà mẹ nhìn nó, nhìn Hạnh: "Thằng Hùng, con Hạnh lớn như phồng, mới ngày nào...". Nó loáng thoáng ngộ được một nhẽ, mấy cụ đã móc ngoéo thông gia, thông điều mai này hai đứa... đâu đó từ căn nhà phố Bà Triệu năm xưa năm xưa.

Không hiểu tại sao, đứng ở đây, nó cứ nhìn trộm Hường, cổ đeo kiềng vàng, tóc kết bím, chiếc áo dài hạt hăng ngang đầu gối. Và tần ngần....

It lâu sau này, nó bỗng vụt lớn tồng ngồng, nhỏ giò nhỏ căng trông thấy mà các cụ gọi là tuổi lông ben. Thế nên bề ngoài cũng đổi thay, tóc sậy cho có nề có nếp, tay áo cài khuy “mãng-sét”, quần “dra-gông”, giày bôi si “ki-uy” bóng nhẫy. Trong khi đám bạn đang đội trời đạp đất, hùng hục dành nhau quả bóng ở sân đá banh, hoặc bì bõm với sông rạch...thì nó nhàn tản, một mình nổi trôi trên biển nhớ và thương, với trời đất bao la cùng gió và mây.

Sau đấy, nó mòn mỏi đêm từng tuần từng tháng, Tết năm sau cũng từng ấy tập tục. Các cụ chỉ đợi dịp này để mang chuyện nhớ cố hương, hoài cố quận như mọi năm. Mấy năm rày nó đã là người "nhón", nên được ngồi hóng chuyện các cụ, còn Hường đi lên đi xuống với khay nước, bình trà. Hình như cũng có một chút nào khác lạ, mảnh dẻ, tha thướt qua chiếc áo dài màu xanh dương, nửa người lớn, nửa chớm thiếu nữ. Có một lúc nó bắt gặp thoáng liếc nó cười mỉm chi, nó bỗng đứng có những băng khuâng, những cảm nghĩ băng quơ ...

Hết băng khuâng đến băng quơ với những dấu ấn nhớ đời...

Một ngày đạp xe tới đầu ngõ trời lấm lấm mưa, Hường mở cửa, nhúu mày nửa trách móc, nửa thương...yêu. Sau đó lấy khăn, lược cho nó, hai bàn tay vô tình chạm nhau, Hường rụt về như điện giật. Trong nó có một cái gì xốn xang khó tả, cùng những lao xao êm ả. Mưa bắt đầu nặng hạt, bà mẹ giữ nó ở lại ăn cơm. Thịnh thoảng đợi bà lơ đãng, Hường nhìn nó, liếc vào đĩa thức ăn, như ngẫm ra dấu "Ăn đi...". Cái tình mới lớn nó...lệnh bèn như thế, lảng đãng như vậy. Nó cảm nhận được một điều, với nó hình như Hường giữ một khoảng cách khi có mặt bà mẹ, vì bà có tất con yêu con ghét. Hai chị em cũng có nhiều khác biệt, Hường nhỏ nhắn, ít nói như cam chịu. Hạnh ong óng giống mẹ, mái tóc "búp-bê" Nhật, má lúm đồng tiền, mỗi lần gặp nó lý lắc, sáng sẻ như hai anh em.

Trở lại chuyện bà mẹ, có thể vì Hường lớn tuổi hơn nó nên bà muốn Hạnh gần bó với nó cùng những tính toán riêng tư của bà. Hồi tưởng lại mấy ngày trước khi nó ra nước ngoài tầm sư học đạo. Bà và Hạnh mang quà lên nhà nó, bà nói với hàm ý khoe ngẫm, nào là em Hạnh chọn cho anh Hùng cái này, lựa cho anh Hùng cái kia. Chưa hết, ngay tuần đầu tiên nó vừa rời khỏi nước, Hạnh lên nhà nó làm như..."ăn

va”. Nó nghĩ là đằng sau có bàn tay của bà mẹ, làm như có chuyện...“sự đã rồi”. Ai hỏi cũng chỉ sụi sùi, ầm ức không nói. Cả nhà chung hững, bà cụ nó phải giữ Hạnh lại cả tuần để vỗ về, an ủi, để cố tìm ra...đưa cháu nội của bà. Ít lâu, Hạnh lên nhà nó một, hai lần nữa, không ngoài i ôi với bà cụ nó *ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông...*

Qua những giây phút giao động nhất thời, bình tâm lại nó nhớ mang máng ngày đó Hạnh có nốt ruồi son gần đuôi mắt. Cho đến lúc nó làm quen với bói toán thì biết rằng nốt ruồi ấy như vận vào người để có những khoảng thời gian dài trôi sông lạc chợ, như cái số của thương phu trích lệ với hồng nhan đa truân nên lận đận đường chồng con. Có một dạo, sau khi vợ nó mất, nó cũng có ý đi tìm Hạnh nối lại mối tơ vương tình chị duyên em. Những ngày ra phố chợ, nó dáo dác mong tình cờ gặp lại người cũ của một thời mới lớn. Mặc dù Hạnh, người chỉ đôi ba lần đi qua đời nó. Như một cái bóng. Cái bóng ngả bên này, dúm bên kia, như một nổi ám ảnh khôn nguôi trong những ngày cô quạnh tối lửa tắt đèn. Nói cho ngay, ai chẳng có những tiếc nuối khôn nguôi qua một thoáng mây bay, trong những ngày lặng gió.

Giữa nó và Hường, nếu có thể được cứ vay mượn chữ nghĩa, tạm gọi là tình đầu. Cứ vậy, cứ mơ hồ, cứ ngu ngơ theo năm tháng qua ánh mắt, nụ cười thâm gửi. Thời gian lấp lửng ấy, một lần nó “dúi” vào tay Hường món quà nhỏ mà nó vụng về gói ghém cả buổi. Hường ngập ngừng, mắt chớp chớp, niềm vui thoáng qua ánh mắt. Tuần lễ kế tiếp tới nhà, khi về Hường tần ngần đưa nó cái phong bì và nói thật nhanh: "Mang về đi..." vì sợ bà mẹ bắt gặp. Nó ngỡ thư xanh mực tím, về đến nhà vội vàng mở ra thì hoá ra là một cái khăn tay, góc có thêu hai chữ "H" quấn quýt vào nhau không rời. Để rồi nó lại có những tối thao thức,...trở mình, lặn qua lặn lại, để biết rằng mình đang thấp thỏm yêu thầm nhớ trộm.

Khoảng thời gian này, hai mẹ con Hạnh cuối tuần ít khi có nhà, Hạnh bắt đầu đi hát ở đài phát thanh vì ông cụ làm quản đốc ở đài, nên nó tới với Hường nhiều hơn. Cái khoảng thời gian chập chạng ấy, nó và Hường hay ngồi ở cái bàn bên cạnh cửa sổ, chuyện trò vãn vợ, vợ vãn. Một ngày, bất chợt Hường nói: "Hùng gầy đấy, ăn nhiều đi...", âm hưởng thật nhẹ và cũng thật ám của hai chữ..."đấy" và..."đi". Những trù mến, chăm sóc khiến nó dờ dẩn

cả buổi, chẳng biết nói gì, chen vào giữa bằng vào những trống vắng, tư lự.

Ngay lúc ấy, nó bắt gặp Hường đang lơ đãng nhìn cái tổ chim lưng chừng ở trên tàn cây. Nó chẳng thấy gì, ngoài cặp vợ chồng chim bay đi tha về cọng cỏ, cọng rác. Cả một lúc lâu, hai đứa cứ ngây người nhìn cái tổ chim làm dở dang. Riêng Hường, có thể đang hình dung đến những bước chân chim mong có một chút đổi thay. Như cơn gió đổi mùa trong những ngày cuối đông, và nó không hiểu được Hường thả hồn về đâu, ở một góc trời nào đó. Đó là suy diễn của nó sau này, cùng những năm tháng tóc đã ngả màu: Nói cho ngay, Hường hơn nó ít tuổi, con gái bao giờ cũng nhạy cảm hơn con trai. Và cũng nói cho cùng, ngày đó, bằng ngần ấy tuổi đầu, nó chưa đủ trí khôn cũng như chưa đủ ngôn từ, để nói về một tổ ấm ở trên cao và ngoài khung cửa... Nó ra về, chẳng có gì khác lạ ngoài những vấn vương, vương vấn.

Băng đi một thời gian. Cuối tuần, nó vừa mới tới đầu ngõ, cũng vừa lúc bà mẹ buong bả đi ra, tay xách nách mang với hương đèn, hoa quả.

Chưa kịp chào, thấy nó bà vội vàng nói ngay:

- Bác lên chùa...

Rồi bà ngập ngừng:

- Hôm nay em Hường xuống tóc...

Nó lặng người đi cả một lúc lâu. Vừa lúc bà quay quả định gọi xe, phản ứng bất chợt ngay lúc ấy là miệng nó áp úng, lập bập đòi đi theo. Bà nhú mày suy nghĩ và thoái thác tuần sau, vì bà phải hỏi Hường trước đã. Cả một tuần dài ngóng từng ngày, đợi từng đêm với những xáo động, dày đặc trong đầu. Trong nó hình dung đến ngày lên chùa tuần tới. Nó mừng tượng Hạnh ngồi ở chính điện, áo nâu sòng, tay lần tràng hạt. Và ngược mắt nhìn lên. Cùng lúc nó nhìn xuống...Tuần sau, gặp nó bà cụ nói...câu nói đeo đuôi nó tự ngày nào...:

- Em Hường nhắn: Anh Hùng quên em nó đi và về tìm đọc...

Rồi bà ngần ngừ tiếp: Đọc...

Qua bao nhiêu năm tháng, câu nói *ngần ngừ tiếp* của bà là...(…)

Là của Hường, chỉ bốn chữ gửi gắm không thôi trong ngõ nhỏ thâm u của ký ức đã đeo đuôi ông không rời đến tuổi thọ lặn ác tà. Như hôm nay chẳng hạn, khi viết những dòng chữ này. Và ông cúi xuống

viết bốn chữ nhất tự bất dịch của người xưa...

- Hồn bướm mơ tiên

- *Nói gì? Có gì để nói? Biết nói gì dưới mái chùa và áo nâu sòng. Bình thường như xuân hạ thu đông có bốn mùa.*

Lớn lên, truyện *Hồn bướm mơ tiên* ông cũng đã đọc, ông chỉ lãng đãng với chùa Long Giác khuất nẻo cuối đường. Bóng ngả đường chiều, lặn đạn với tuổi tác, ông vẫn thường u hoài, bám víu vào quá vãng. Vì rằng càng có tuổi, càng tìm cách quay về một nơi chốn, chìm đắm trong khoảng không gian nào đó với người xưa năm cũ. Như đi tìm lá diêu bông. Như ai đây với niềm sâu kín, cất kỹ dưới đáy rương, mòn mỏi gặm nhấm. Chẳng phải đợi đến cái tuổi tứ thập nhi bất hoặc, hay thất thập cổ lai hy, chẳng có gì huyền hoặc về uân khúc của người xưa xuống tóc, mặc áo nâu sòng.



Sau đấy ít lâu biết, qua bà cụ ông thì Hường xuống tóc vì bà mẹ ép lấy một anh giáo trong xóm. Ngày là gió tháng là mây, ông không nhớ Hường tu ở chùa nào. Nghe loáng thoáng như ở bên Gia Định thì phải. Còn pháp danh ông nhớ như in chữ đầu là “Diệu”, chữ sau là “H...”.

Tất cả chỉ bằng bạc với xa vắng, ngậm ngùi trong hương khói với thương hoài nghìn năm...

Trở về Hà Nội mười năm về trước, từ bên ngoài hai cánh cổng gỗ, cửa này mở ra thì cửa kia đóng lại của căn nhà cũ vẫn số 123, vẫn phố Bà Triệu. Ông đứng thẫn thờ một lúc khá lâu. Nhìn vào bên trong, cánh cửa mở ra với bát tri hà xứ thị hương nhân qua khoảng trống, gần bức tường với vầng loang lổ là bể nước mưa, là mảnh sân gạch vuông. Như đoạn phim câm quay chậm, cả một chuỗi ký ức không lớp lang thoáng hiện về. Trong một khoảnh khắc thương hoài nghìn năm, ông thấp thoáng bắt gặp hình bóng hai chị em đang nhảy dây hay chơi ô quan nhập nhòa rồi tan biến trong phù phiếm.

Cánh cửa đóng lại ở cái tuổi tịch dương vô hạn hảo im lìm như *tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế* (thơ Cao Đông Khánh). Ông lặng lẽ đốt điếu thuốc để đốt lò hương cũ cho *người xưa...* với đuôi tóc thắt bím với tóc mai sợi ngắn sợi dài, lẩy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm. Hay nói khác đi ông cũng chỉ là người của thể tục, với bọt trong bẻ khô, bèo là bển mê. Nên sau này, có những lúc nửa đêm về sáng lại ngập chìm trong tục lụy: *đêm đêm tôi nhớ khuôn mặt cũ, và thấy trong kính đủ bóng hình* (Du Tử Lê).

Và cũng chẳng quên hoài cố nhân đến cô em.

Người đi qua đời ông với những ngày tháng ngắn ngủi, cùng một vài ký ức lấp lửng, đã từ lâu nằm ngủ quên trong tâm khảm. Bây giờ không biết cô em lưu lạc ở phương nao.

Trong một cơn gió thoảng, *người đi qua đời ông* hiện về.

Gần hết điếu thuốc, nhìn lần cuối cùng qua cánh cửa mở ra... Ông bắt gặp cây bàng bên bể nước mưa chũu cành, vắt ngang qua mái âm dương, lá to gần bằng chiếc quạt nan đầy gọi nhớ trước kia.

Những năm tháng của lá giao mùa, từ màu xanh cuối hạ chuyển qua màu vàng rơm, có khi qua màu đất đỏ nâu sậm để lià cành theo gió bay xa...lá rơi tường bắc lá sang đông, hồng bay mấy lá năm hồ hết, thơ thần kì ai vẫn đứng trông. Bất chợt cùng những cảm hoài mang mang, ông gửi gió cho mây ngàn bay qua khúc thơ *Không đề* của Quang Dũng:

Oi, con đường xưa
Những mùa trút lá
Cành bàng mờ côi
Cổng cũ rêu phong
Ý đợi người...

Qua mái âm dương rêu phong với thời gian còn lẩn quẩn đâu đây, đến lúc trở lại thành phố đang ngụ cư. “Ý đợi người...” phải đợi đến một ngày sáng nắng chiều mưa qua bác Chí, anh trai của bà mẹ, mới qua Mỹ và từ tiểu bang miền tây qua thăm ông cụ ông. Nói cho rõ hơn, bác cũng là người chủ hôn đám cưới của ông trước 75.

Chưa hết tuần trà, bác cáo lỗi ông cụ ông và kéo ông ra ngoài vườn sau.

Bác Chí thân mật khoác vai, nói nhỏ làm như vừa đủ một mình ông nghe: "Bác biết chuyện cháu". Rồi như ngại ngùng: "Bác hiểu cháu..". Trong cảm xúc đứt quãng, giọng nhỏ hơn và thì thầm:

"Bác muốn cho cháu biết một tin buồn...Ngay sau 75, vì quân trí, cả hai mẹ con...con Hạnh đều tự tử...chết. Chết hết cả rồi.....".

Ông bàng hoàng nhìn ra vườn, đất trời mang mang, hàng cây nghiêng ngả, u ám chiều tiễn biệt trong một cõi đi về qua âm vọng của một dòng nhạc...người đi qua đời tôi, trong những chiều đông sầu, mưa mù lên mấy vai, gió mù lên mấy trời. Người đi qua đời tôi, hồn lung miềm rét mướt, vàng xưa đầy dấu chân, đen tối vùng lãng quên, đường xưa đầy lá úa...".

Và ai qua đời tôi
Chiều âm vang ngàn sóng
Hồn lung miềm rét mướt
Trên lối về nghĩa trang
(*Thanh Tâm Tuyên?*)

Chuyện được tiếp nối viết về ai đó trước khi có hiện tại đều có quá khứ, quá khứ nhiều lúc muốn cởi bỏ nó không phải là dễ. Như chuyện con ốc nhỏ sống cô quạnh trong một vũng đầm lầy với chuỗi tháng ngày, cứ day dứt nó mãi. Cứ mỗi một ngày, trả một ngày cho quá khứ, quá khứ vì thế chồng chất nặng nề trên lưng con ốc. Một hôm nó nhất định mang quá khứ đi chôn, nó nghĩ chỉ có thể mới có được những nhẹ nhàng thanh thản. Khi con

ốc chở quá khứ đến mé đường, bên kia là nghĩa địa, nó thấy băng qua bên kia không phải là dễ. Dòng xe như mắc cửi trong buổi tan tâm, không chừa một khoảng trống chậm như nó có thể vượt qua. Cuối cùng con ốc tự thấy rằng, nó sẽ bị những bánh xe vô tình nghiền nát trước khi đào được cái lỗ. Vì thế nó đành cõng quá khứ trở về nơi đầm lầy nước đọng xưa kia, nó cũng thâm nhủ là suốt quãng đời còn lại, đành lẫn quẩn ôm những quá khứ của riêng mình và chờ...chết.

Đề rồi truyện viết được nối tiếp với con ốc qua một ông già chập choạng ở cái tuổi thất thập cổ lai hi...Sáng trưa chiều tối cùng ngày trời tháng Bụt, khi trưa phơi sách khi chiều tưới cây, ông già còm cõi đi ra đi vào *đã đi đã đến cuối trời, đã về như vẫn muôn đời đã đi* (Bùi Giáng) và ông thì thâm to nhỏ với cái cây chơ vơ còn lại với hòn đá, ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau ...

Ông như lặng lẽ thâm thì với chính mình trong một ngày nhạt nắng vắng gió đều hiu..

Nhìn đá, ta định chùng đá ngủ
Phải chăng đá giú mộng trong lòng
Tại đây, đá sống lâu đời nhất
Đá rõ điều ta muốn rõ không
(*Tô Thùy Yên*)

*- Sỏi đá cũng biết, nói gì thì nói, chỉ là
xuân hạ thu đông...*

Trúc gia trang
Thu điệu, Kỷ Sửu 2009

Phụ chú:

Bài Trồng cây trên đá cảm tác
qua phim “Spring, Summer, Fall,
Winter...and Spring...” của Đại Hàn

Sử quan

*sử lịch phai trang
chạy quàng
là lịch sử...
(Lá hoa cò, trg 55)*

Chạy quáng quàng thế nào chả biết nữa, vấp chân phải “sử lịch...sai trang” của cụ Bùi Giáng, lại đụng đầu với cổ sử Việt qua một nhà sử học cổ thụ miền Nam đã bậm bạch:

“Trong những giai đoạn lịch sử của nước nhà, thời cổ sử là thời ít được nghiên cứu hơn cả và cũng là thời gian u ám nhất. Nếu không đào xới, moi móc thì người đọc khó mà thấy sự thực huy hoàng, đẹp đẽ của buổi hùng đông”...

Sự thật đâu chả thấy, chỉ thấy nguyên nhân gì “bà Âu Cơ lại đẻ ra trứng”, vì vậy có ông lang ta ở bên Tây đã vật vã với...cái trứng. Chuyện là khi có chúng tích ắt có nguyên ủy, và ông giải bày ông học Nam sử bằng chữ Nho từ tám bé, bỏ tiền túi sang tận bên Tàu năm lần mười lượt. Lọ mọ lên tận núi Ngũ Lĩnh, láo quáo xuống tận Động Đình hồ có con sông Tương tìm ra một nhánh sông tên Âu Giang. Ở đây có một giống chim là chim...hải âu. Thế là chuyện ông Lạc Long quân và bà Âu Cơ được giải mã: Chim phải đẻ ra...trứng. Hay nói khác đi từ...“hải âu” ở sông Âu mới có...Âu Cơ.

Với đẻ đái, thêm ông lang Tây ở miền đất ẩm tình nồng viết rất thử nghiệm, rất bệnh lý:

Để hiểu rõ cổ sử Việt ta, hãy đi tìm “mã số di truyền học” (genetic code) hay mã số DNA của vua Hùng Vương. Muốn thế ta phải dựa vào bản thể của tế bào gốc của Tổ Hùng, tức là ta phải dựa vào tế bào công nhau, tế bào màng nhau, tế bào bọc con của vua Hùng. Mẹ của vua Hùng là U cò tức con cò gió, cò lả, cò lang. Cò lang tức cò trắng vì “lang” là trắng như bị chứng lang da (chứng vitiligo). Hay nói cho đúng có con cò mới có...vua Hùng.

Thêm truyện đẻ trăm trứng nở trăm con có nguồn gốc từ nước Phật.

Trong quyển *Lục độ tập kinh* và *lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta* của ông thiền sư nào đấy trích truyện thứ 23 trong *Lục độ tập kinh* có nói tới “người mẹ đẻ ra 100 cái trứng” của kinh Phật. Theo *Lục độ tập kinh* truyện 100 cái trứng xuất hiện trước

đức Phật khoảng 2.300 năm. Do vậy, nói như ông thiền sư “Truyện trăm trứng từ kinh Phật sang Việt Nam để thành truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân...vào thời vua Hùng”.

Thôi thì cứ để hai ông lang và ông thiền sư rậm rịch với chim cò đẻ ra trứng. Vì thiên cổ chi mê tôi đang thả hồn quan san, quan hoài đến các sử quan, sử gia hành ngôn, hành tởi rất ư hàn lâm này kia, kia nọ. Bởi bị giới xiềng vào chữ nghĩa như anh tù vãn, nên thiên cổ chi mê tôi nhìn cổ sử Việt như một người cuồng sử, mù sử với thời Hồng Bàng từ truyền thuyết đến chính sử qua bài tạp sử dưới đây, thưa bạn đọc.

Bởi có một sử nhân ở ngoài nước cho rằng: “Chuyện Hồng Bàng là chuyện vớ vẩn khó tin!”. Thế nên thiên cổ chi mê tôi được thể vọ vạy với những sử gia trong nước...

Sử gia Đặng Văn Lung cho rằng một số tác giả: “Họ thường lấy truyền thuyết làm lịch sử, thậm chí có người đã sửa lịch sử lại cho đúng với truyền thuyết. Truyền thuyết là truyền thuyết, lịch sử là lịch sử, không thể đồng nhất được”. Theo ông ngay trong sử thời Hồng Bàng dường như cũng có hiện tượng này: “Theo tôi truyền thuyết cái bọc trăm trứng đoạn đầu nói Lạc Long Quân là con Lộc Tục, và Lộc Tục là con vua Thần Nông, một vị vua mở đầu lịch sử Trung Quốc, theo sử cũ, thì đó là do các

sử gia thêm thắt vào. Lại lối đặt tên như Hùng Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ, v...v... cũng là do các sử gia ấy bịa ra”.

Ông gằn gặt: “Nói chung, những người nghiên cứu sử đều biết”.

Giáo sư sử học Trần Quốc Vượng cũng đã từng khẳng định: “Truyền thuyết không phải là lịch sử, không ít truyền thuyết được chuyển thành chính sử. Ví dụ lịch sử thời Hồng Bàng, Lạc Long Quân, Âu Cơ đã từ truyền thuyết dân gian đi vào chính sử. Ông cho lịch sử là câu chuyện: “Kể lại những bước đi của con người, sự việc thực được ghi lại bằng chữ viết”. Với ông chức năng của sử là tác phẩm viết về các sự kiện và nhân vật lịch sử”.

Nhà sử học bòn mót: ”Mục đích của sử là ghi chép sự thật, không hư cấu”.

Với hư cấu, với “sử ký” về vua Hùng lần đầu tiên xuất hiện trong *Việt điện u linh tập* qua truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh* của Lý Tế Xuyên. Theo nhà bác cổ, bác vật Hoàng Xuân Hãn:

Lý Tế Xuyên là quan Thủ Đại Tạng Kinh Trung Phẩm Phụng Ngự nhà Trần, ông giữ hương hoả bất tuyệt, ghi chứng tích các vị thần qua đèn miếu, khảo dị qua *Giao Châu Ký* của Tăng Cổn là Thứ sử Giao Châu vào đời Đường, Qua chức vụ ấy, ông ghi lại trong *Việt điện u minh tập* với hậu ý

mong trừ dân thần, tà quái, yêu ma, vọng quỷ trong dân gian.

Trong Việt điện u linh tập, Tăng Cồn diễn tả vua Hùng chỉ là nhân vật phụ trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh dài không hơn một trang giấy khổ nhỏ với hai ba đoạn ngắn ngủi như:

Vương và Sơn Tinh, Thủy Tinh làm bạn rất thân thiết ở ẩn tại động Châu Phong, Hùng vương có người con gái tên là My Nương, dung mạo tuyệt luân, nhan sắc khuynh thành. Thục Vương Phán sai sứ sang cầu hôn, vua muốn gả. Quan Lạc hầu can rằng: Ông ấy muốn dòm dò nước ta đó. Hùng vương sợ sinh ra hiềm khích.

Qua *Giao Châu ký*, một nhà biên khảo, khảo sử qua văn sử đã hăm hụt:

Nhưng linh động và hồn nhiên nhất là giai thoại giữa Hùng vương và quan Lạc hầu. Hùng vương trong chuyện này là ông nhu nhược và ba phải. Qua đối thoại với quan Lạc hầu, nói lời nào chỉ thấy “vua muốn gả”, “vua sợ”, “vua cả mừng”, “Hùng vương mừng lắm” và “Hùng vương cho là phải”..v..v..Tài viết truyện của Lý Tế Xuyên là ở chỗ ấy. Ông làm cho người đọc mê theo dõi câu chuyện từng chi tiết nhỏ nhất, càng đọc càng thấy thích thú (1).

Việt điện u linh tập được Lý Tế Xuyên viết năm 1329, vua Hùng không được nhắc đến nhiều, phải đợi *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp với những truyền thuyết và thần tích trong dân gian để chứng tỏ

nước ta cũng có quá trình “truyền kỳ” như người phương Bắc (2).

Thế kỷ 15, người tới sau xuất hiện gốc tích mù mờ tên là Trần Thế Pháp. Ông không phụng mệnh vua, vì chuyện “vua Hùng”, “Lạc hầu” của Việt điện u linh tập, ông viết *Cội nguồn tộc Việt*. Ông chấp vá truyện cổ tích ở vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh của Tàu như *Tài quý ký* hay *Nam Hải cổ tích ký* để thành truyện. Tuy nhiên lưu danh thiên cổ vẫn là truyện...”người lấy cá để ra trứng”. Đồi Lê, cụ Vũ Quỳnh góp nhặt những truyện ấy thành tập đặt tên: *Lĩnh Nam Chích Quái liệt truyện*. Trong lời Tựa (Tựa), cụ viết:

(...) Nước Việt tạ tự cổ vốn là đất hoang, cho nên những truyện ghi chép được rất là sơ lược. Những truyện chép ở đây, là sử trong truyện chẳng, lai lịch ra sao, có từ thời nào, tên họ người hoàn thành không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý Trần. Còn những người nhuệ sắc là các bậc quen tử bác cổ hiểu nhã ngày nay (...)

Theo những bước chim di với quan lộ, quan san cùng chiều dài, chiều dày của lịch sử qua *Tài quý ký*, *Nam Hải cổ tích ký* với truyện... cổ tích ở bên Tàu. Vây mà Trần Thế Pháp than: “Than ôi! Lĩnh Nam chích quái sao không khắc vào đá, viết vào tre mà chỉ truyền tụng ở ngoài bia miệng...”. Rồi từ “bia miệng”, ông viết truyện hư cấu...”người lấy cá”, để

có con rồng cháu tiên ngày nay, để từ truyền thuyết thành chính sử như dưới đây, thưa bạn đọc:

Xưa cháu ba đời vua Thần Nông là Đế Minh, nhân tuân thú phương Nam rất “đế mèn phiêu lưu ký”: Ngài đi với người con vợ cả là Đế Nghi, đi bằng gì, đi năm nào, không thấy nói tới. Rồi đến núi Ngũ Lĩnh, gặp một nàng tiên sinh ra Lạc Tục. Ngài phong cho con bà cả là vua phương Bắc, con bà hai là vua phương Nam cho vẹn đôi bề. Con bà hai làm vua lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Ông xuống thủy phủ lấy con gái hồ Động Đình sinh ra Sùng Lãm. Một chiều chẳng biết vua cha đi đâu, vua con Sùng Lãm bèn lên ngôi, xưng Lạc Long quân để trị dân. Dân lúc nào có việc cần kêu vua con: *Bố ơi không đến mà cứu chúng tôi.*

Một ngày “Bố ơi” gặp nàng Âu Cơ ở một mình...Nguyên văn trong văn bản búi bán thì “Bố ơi” thấy *đẹp lạ lùng, yêu quá, nên lấy làm vợ.* Giáp một năm, sinh ra bọc trứng và nở ra trăm con. Chia đều làm hai, 50 theo mẹ lên núi, 50 theo Lạc Long quân trở về thủy phủ, Âu Cơ lại gọi như gọi đồ sang sông: *Bố ơi không về để mẹ con ta thương nhớ.* “Bố ơi” về thật và nói: *Ta là rồng ở thủy tộc. Nàng là giống tiên, ở trên đất. Thủy hỏa tương khắc khó mà ở cùng nhau.* Âu Cơ trở lại huyện Bạch Hạc, phong cho con trưởng là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, truyền được 18 đời và được gọi là thời Hồng Bàng.

Từ chuyện người núi đánh nhau với người nước của Lý Thế Xuyên, Trần Thế Pháp đã vay mượn

thêm truyện *Liễu Nghi* trong *Đường Kỷ* của Lý Triều “thuộc đời Tống” cùng “niên kỷ với đời Trần” về một thư sinh xông thủy cung gặp công chúa thủy tề lấy nhau đẻ con. Ông bèn dần dựng một nước Văn Lang, trải rộng tới hồ Động Đình, để sau này cái nhọt nẩy cái ung, học giả cũng như học thật, quai nhau chí chát như Sơn Tinh với Thủy Tinh. (3)

Lạc đường vào lịch sử với lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu, bộ sử đầu tiên đưa truyền thuyết vua Hùng vào sử sách là *Đại Việt sử lược*, là bộ biên niên sử xưa nhất nước ta. Sách được phát hiện và được vua biết mặt chúa biết tên nhờ một trong tứ trụ sử gia Hà Nội là giáo sư sử học Trần Quốc Vượng. *Đại Việt sử lược* thất lạc nhiều năm, nhưng sau nhờ học giả người Nhật tìm thấy ở bên Tàu và được xếp vào *Tứ khố toàn thư*, sách mang tên *Việt Sử lược*, không ghi tên tác giả. Về phần “sử ký” Hùng vương được Tiên Hi Tộ (đời Thanh) hiệu đính ghi một đoạn ngắn, vồn vẹn chỉ ba bốn hàng và không hơn (4):

(...) Đền đời Trang Vương nhà Châu (696-682 TCN), ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, đặt quốc hiệu là Văn Lang, phong tục thuần lương chơn chất, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương. (...)

Tiếp là *Việt Nam thế chí* của Hồ Tông Thốc (1324–1404), sách lại cũng bị mất khi quân Minh đô hộ. Nhưng may *Lời tựa* sách được Phan Huy Chú

chép trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết Việt Nam thế chí chép 18 đời vua Hùng giữa truyền thuyết và lịch sử (5):

(...) Đất Việt ta từ đời Hồng Bàng vào thời cõi xa, trong lúc sách vở chưa đủ, nếu cho là có thực thì “bởi đâu mà biết?”. Cho nên những chuyện chép nhất đều là lượm lặt ở chuyện đồn đại, trích lấy đầu đuôi để cho biết rõ về phả ký từng đời mà thôi, còn những sự tích lờ mờ khó xét, tạm giữ để đó, những chuyện quái đản không đời phá cũng vỡ. (...)

Trăm dâu đổ đầu tằm là cụ Ngô Sĩ Liên đã đưa vua Hùng từ *Đại Việt sử ký* vào *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhưng họ quên tiết: Một là sử quan Lê Văn Hưu sửa *Việt Sử lược* thành *Đại Việt sử ký* năm 1272 nhưng đã bị thất lạc. Hai là *Lê Văn Hưu mất năm 1332*, trước khi Việt Điện U Minh Tập và Lĩnh Nam Chích Quái xuất hiện.

Cụ Ngô Sĩ Liên hoàn thành bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* năm 1479 Hồng Đức thứ 10 thời vua Lê Thánh Tông. Cụ viết: “Trộm nghĩ may thịnh trị, tự thẹn không chút báo đền, nên không tự nghĩ sức học kém cỏi, lấy những bộ sách của tiên nhân trước đây và sửa sang lại. Thêm phần *Ngoại ký*”. Về phần *Ngoại ký* cụ chép là dã sử: “Vị vật thời đại mở nước mang tính chất nửa huyền thoại, nửa lịch sử như Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, An Dương Vương”.

Vì đọc *Ngoại ký* lời mất thiên cổ chi mê tôi trộm thấy cụ là sử quan chùng mực. Cụ cần nhắc không

đưa đoạn Âu Cơ...”dâm loạn” hai chồng như Trần Thế Pháp viết Âu Cơ trước kia là “vợ của Đế Lai, con của ông bác ruột, tức anh họ của Lạc Long quân”. Ông anh họ chu du khắp thiên hạ ham vui quá quên khuấy cả ngày về. Ở nhà, ông em họ thấy Âu Cơ *dung mạo đẹp lạ lùng và yêu quá*. Nàng cũng thấy chàng *nhì lang phong tú nên phải lòng ưng theo*. Trong phàm lệ, cụ ghi: *Cứ theo sự ghi chép ấy thì Kinh Dương Vương là em ruột Đế Nghi, thế mà kết hôn với nhau, có lẽ đời ấy còn hoang sơ, lễ nhạc chưa đặt mà như thế chăng?* Cụ làm ngơ bỏ qua một đoạn trong *Lĩnh Nam Chích Quái*: *Giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, Âu Cơ cho là điềm không hay, nên đem vất bỏ ngoài đồng nội, hơn bảy ngày sau, trong bọc nở ra một trăm trứng...*

Vì chuyện lờ tít này, một sử gia riết róng: “Có lẽ là do ít ai không nhận ra những hạt sạn nhỏ nhất. Hoặc nhiều người đã nhận ra rồi mà cho là nhỏ nên không bận tâm chăng?”.

Nhưng chả hiểu sao cụ Ngô Sĩ Liên lại đưa đất đai Văn Lang xa tít mù tới tận Động Đình Hồ. May mà cụ không tuồm luôm tới tên 18 đời vua Hùng, như con cả của vua Hùng, cụ chỉ ghi là “khuyết hứ”. Cụ tiếp với phần Ngoại kỷ:” Thảng có hay hoặc dở, nhưng may ra cũng có thể giúp ích phần nào cho việc tra cứu tìm hiểu đời sau”. Với *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* với họ Hồng Bàng, sử quan nhà Nguyễn hăm hụi bằng vào cũng hai chữ “trương truyền” và sao chép như sử nhà Lê

300 năm trước với câu “Nhưng hãy cứ chép lại để truyền nghi”. Riêng chuyện Âu Cơ đẻ ra 100 con trai, vua Tự Đức phê:

(...) Kinh thi có câu tắc bách tư nam, đó là lời chúc tụng cho nhiều con trai đầy thôi. Xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy. Huống chi lại nói đếm trăm trứng! Nếu quả vậy thì khác gì chim muông, sao khác gì loài người được. (...)

Với bắc giáp địa dư, tây giáp địa chí, bộ *Khâm Sử* nhà Nguyễn có phần cần án:

(...) Địa giới nước ta đông giáp Hợp Phố (phía biển), tây giáp Đại Lý (Vân Nam), bắc giáp Nghi Ung (Quảng Tây), nam giáp Chiêm Thành thì quả thực bờ cõi quá rộng rãi, chưa đời nào được như thế. Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được. Sử cũ lại chép quá xa, nào là hư truyền nước Văn Lang phía bắc giáp Động Đình hồ của nước Sở thì còn xa lắm, chẳng cũng xa sự thực lắm ru. (...)

Các sử gia sau lợ mọ với nước Văn Lang và vua Hùng đã quên tuốt nhời dặn dò của cụ Ngô Sĩ Liên: “Nước ta thiếu sử sách biên khảo, mà đều do truyền văn. Sao chép có phần quái đản, phiên tạp, chỉ làm loạn mắt”. Mà *lợn mắt*, *phiên tạp* và *quái đản* thật...

Thật ra chuyện là thế này đây:

Theo Keith Weller Taylor (*The Birth of Vietnam*) cho hay qua thư tịch cổ của Tàu hoàn toàn không có ghi nước nào mang tên Văn Lang hết. Tên

Văn Lang lần đầu tiên xuất hiện trong Đại Việt sử lược, có lẽ sách “cóp” theo thư tịch Tàu vào thời nhà Đường 618-907. Tức tên Văn Lang được ghi vào sử sách ít lắm 800 năm sau khi nước đó ở bên Tàu “biến mất”, ít nhất trên danh hiệu. Và lại *tên hiệu bằng tiếng Hán* vào lúc “nước” Văn Lang *không biết một chút gì về chữ Hán*, điều này ít ai chú tâm đến. (6)

Chấn trau nhân thể dặt ghé với đài BBC phỏng vấn Keith Weller Taylor với 5 năm nghiên cứu sử Việt ở Hà Nội và giảng dạy môn lịch sử Việt Nam tại đại học Cornell:

Trước thế kỷ 20, những người mà hiện nay gọi là người Mường trước kia không bị phân biệt . Vì nhiều nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng , Đinh Bộ Lĩnh, Lê Lợi đã ở vùng đất của người Mường . Cũng theo Keith Taylor: “Năm 1925, tạp chí Nam Phong đã in hai bài về người Mường . Một là do một người Mường viết về những thế hệ lãnh đạo gọi Quan lang bao gồm Hùng Vương , Hai Bà Trưng . Quan lang là tước hiệu của thủ lĩnh người Mường”.

Hay nói khác đi theo Keith Weller Taylor: *Vua Hùng gốc gác là...người Mường*.

“Móc nối” cùng sử gia phương Tây, sử gia tân đương đại miền Nam bòn vót...

Thời Hùng Vương cùng lắm chỉ là một liên minh 15 bộ lạc, hoặc cùng lắm là một nhà nước sơ khai" với "Địa bàn hoạt động chỉ ở đồng bằng sông Hồng" và "thời gian hình thành chỉ khoảng thế kỷ thứ VII trước Công nguyên".

“Liên hệ” với Taylor có nhà sử học thâm căn cố đế Trần Quốc Vượng cho rằng...

Thời Hùng vương là một thời kỳ khuyết sử để dẫn đến sự khẳng định, phủ định sử Việt. Qua bài báo *Từ Hoa Lư đến Thăng Long*, giáo sư khảo cổ, cổ học viết: “Thời đại các vua Hùng không nên xem là một thời đại của vương triều. Văn Lang là cái tên xuất hiện trong sử một cách muộn màng (Thời nhà Đường, thế kỷ thứ VII - IX). Tôi đã chứng minh rằng vua Hùng là một Pò Khun – thủ lĩnh mạnh nhất của một phức thể Khun (Vua = Bua = Pò, Hùng = Khun) tức hệ thủ lĩnh địa phương chiếm cứ vùng đỉnh châu thổ sông Hồng (Việt Trì)”.

Dàng dênh theo một nhà biên khảo, khảo sử miền Nam sau này...

Điều đó cho ta suy gẫm là nội dung của truyện được ghi chép bởi Trần Thế Pháp, *người Hoa*. Chuyện của Trần Thế Pháp chỉ muốn gán ghép *nguồn gốc Hoa* cho Lạc Long quân. Thành ra chúng ta chỉ nên coi chuyện Hùng vương trong Lĩnh Nam chích quái như dựa trên chuyện dân gian nào đó, thêm thắt tình tiết cho có vẻ ly kỳ. Các nhà viết sử thời cận đại chỉ tin vào những gì do Trung Hoa ghi chép nên lập lại gần như nguyên văn những ý kiến cũ. Trần Thế Pháp không không nói tới Hùng vương bắt đầu lên làm vua từ khi nào? Và vương vực của đất nước mà Hùng vương thành lập mở rộng đến đâu? (8)

Lấy ngắn nuôi dài theo một nhà chép sử công phu, dài hơi đang ở ngoài nước thì:

Vua Hùng bắt đầu từ năm 2879 và kết thúc vào 258 TCN. Tổng cộng 2622 năm. Nếu chia ra 18 đời thì mỗi một đời vua kéo dài trung bình 146 năm. Một chuyện hết sức hoang đường. Đại Việt Sử ký toàn thư sao chép 18 đời vua Hùng rập y khuôn 18 đời vua nhà Hạ, triều đại Hồng Bàng ở bên Tàu. Khổ nỗi tất cả đều viết tên hiệu bằng...chữ Hán rỗng. Thí dụ, Hùng Huệ Vương, Hùng Tấn Vương, v.v. Và vua Hùng này có lẽ nói với thần dân bằng tiếng Tàu, trước khi người Tàu đến nước ta cả ngàn năm (9).

Vẽ rết thêm chân thì sử gia tân đương đại vừa rồi đã...ngôn sử như vậy:

Họ có thói quen lười nhác, lặp lại lời kẻ khác. Nói nghiêm chỉnh hơn, đó là do tác động đến tận tiềm thức của thành kiến, để nô lệ một cách vô thức. Họ trích dẫn chủ quan sai lạc từ các sự kiện trong sách sử từ xưa tới nay để viết về sử Việt Nam.

Và chẳng thể ngô vôn bất tận trước đó với sử quan Ngô Thì Sĩ là người đầu tiên tỏ rõ thái độ ngờ vực qua *Việt sử tiêu án*:

(...) Họ Hồng Bàng khởi đầu từ năm Nhâm Tuất và kết thúc vào năm Quý Mão thì Hùng vương mất nước: Nhiều ít bù trừ lẫn nhau, mỗi vua ở ngôi hơn 120 năm. Người ta không ai là vàng đá, sao lại sống lâu như thế. Điều này không thể hiểu và tin được. (...) (10)

Như thiên cổ chi mê tôi đã đùm đậu cụ Ngô Sĩ Liên là sử quan cần trọng nên trong Đại Việt sử ký toàn thư, cụ chỉ gọi các vua Hùng theo thứ tự số, như Hùng vương thứ 6, thứ 12, v...v...18 đời vua Hùng được Nguyễn Bính (1572) vâng lệnh vua làm sáng tỏ hơn với các tên Hùng Dịch, Hùng Thông, v...v...(sau có tới 3 bản húy hiệu khác nhau). Thêm nữa với My Châu là cháu thứ 14 đời Kinh Dương vương, và Hai Bà Trưng là cháu vua Hùng thứ 18.

Thế nhưng không sử Tàu nào nhúc nhúc đến...18 đời vua Hùng ta. Vợ bèo gạt tép với *Sử Ký*, sử quan Tư Mã Thiên không chép về vua Phục Hy, Thần Nông *thời kỳ Hồng Bàng của họ* vì ông cho là huyền thoại. Với Thần Nông của họ, một triết gia, linh mục ta đã...“minh triết”, đã bắt quàng làm họ là người Việt mình. Với Phục Hy, sử gia miền Bắc quơ cao là người làng Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, nằm dưới chân núi chùa Tây Phương. Thời kỳ Hồng Bàng của họ được người Pháp khiêng từ Bắc Kinh về Hà Nội cất trong Viện Viễn Đông Bác Cổ, sử gia ta sau này lôi ra và dùng sử liệu Tàu để viết tiền sử Việt. Cho đến nay, thực ra người Tàu cũng chả biết gì nhiều về tổ tiên gốc gác họ, vậy thì sao có thể tìm tổ tiên gốc gác Việt từ Sử ký, Hán thư? Vì sử Tàu khi nói đến Bách Việt, họ nói tổng thể, không hẳn lúc nào cũng ám chỉ người Việt ta ở Giao Chỉ.

Chìm đắm hỏa mù dòng Bách Việt, sử gia Phạm Văn Sơn trong *Việt Sử Toàn Thư* viết:

(...) Lấy gì để căn cứ nói rằng chúng ta là một trong nhóm Bách Việt và dẫn chứng bằng hình dáng, tính tình, phong tục và văn hóa để ấn định nguồn gốc và dòng giống ấy. (...)

Và rồi từ huyền sử đến hiện thực qua...giác Nam Kha...

Tôi rày, canh khuya trần trọc vì hồi hôm phăm phở với “Việt Sử toàn thư”: *Lấy gì để căn cứ nói rằng chúng ta là một trong nhóm Bách Việt...* khiến người đọc như thiên cổ chi mê tôi quá đọa trông thấy. Rồi thiếp đi lúc nào không hay, và lạc vào cõi trên để có túc duyên gặp người trăm năm cũ là cụ Phan Thanh Giản. Cụ đồng thời là Quốc sử viện giám tu thời Minh Mạng, là người đã soạn thảo bộ *Đại Nam nhất thống chí*. Khi này cụ đang nhòm tôi muồn...dò hỏi chuyện gì đang rồi trí đây. Thiên cổ chi mê tôi bèn thưa gửi với cụ là...

Là một ngày tôi thừa được quyền *Sử Việt*, đọc *một quyển* của sử gia tân đương đại than rằng các sử gia chỉ chép sử qua một quyển sách gối đầu giường là quyển *Đại Việt sử ký toàn thư* để tán rộng ra càng thêm rối rắm. Các sử gia sau sửa lại người trước, thêm bớt, chêm vào luận điểm của mình. Ấy vậy mà người thời đương đại căn cứ vào quyển sách cũ, tán rộng, chấp thêm chữ và vá thêm những triết lý thần học mông lung cho có vẻ uyên bác.

18 vua Hùng vào thời đương đại...

Nghe thủng rồi, trong một thoáng mây bay cu nom ròm mười trang tạp sử tên “Sứ quan” của thiên cổ chi mê tôi bằng nửa con mắt rùa và dậy rằng tôi viết tạp nham nhưng lại làm ra *có vẻ uyên bác* nên cụ lạc vào mê hồn trận với 18 đời vua Hùng. Tiếp đến cụ dậy vì tôi lung tung trống kèn *tán rộng, chấp thêm chữ* với Đại Việt sử lược thất lạc tìm thấy ở bên Tàu mang tên *Việt Sử lược*, không ghi tên tác giả. Cụ lụm cụm:

“Có ông thiên sư nào đó viết trước kia, Việt Nam còn một cuốn sử mà ngay cả sử gia Ngô Sĩ Liên cũng không biết, đó là cuốn *Đại Việt Sử Lược*. Ông giải thích khi giặc Minh vợ vét mọi sách vở, bia đá, bản gỗ có chữ mang về Tàu, đã mang theo cuốn sử này. Cuối cùng năm 1776 nó lọt vào tay vua Càn Long nhà Thanh, và được chép lại phần *vua Hùng*, và bỏ đi một chữ *Đại* trong nhan đề, chỉ còn là “Việt sử lược”. Đó là bộ sử Việt viết vào đời Trần mà người Việt đương thời không biết, mãi vài thế kỷ sau mới nghe đến tên nó”.

Rồi cụ dấm dẩn khi không ông thiên sư loại bỏ là *Việt sử lược*, cuốn sử đầu tiên của người Việt. Vì sách này viết: “Cuối đời Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay. Phán đắp thành Cổ loa, do đó Cổ Loa chẳng qua là một tên gọi được Ngô Sĩ Liên lấy từ truyền thuyết của Lĩnh Nam chích quái để đưa vào Đại Việt sử ký toàn thư gắn vào An Dương Vương mà thôi. Vì với ông thiên sư: “Truyền thuyết An Dương Vương không có thật,

nó là phiên bản của một câu chuyện Ấn Độ trong *Lục độ tập kinh*”.

Bỗng không cụ nói dón dừng quên Việt sử lược là bộ sử đầu tiên viết về vua Hùng...

(...) Xưa Hoàng đế dựng muôn nước thấy Giao Chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt, không thể thống thuộc được bèn chia giới hạn ở góc Tây Nam. Năm Tân Mão (1109 TTC), đời Thành Vương nhà Chu có nước Việt Thường ở phía Nam xứ Giao Chỉ, sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống, Nhà Chu phải tìm người thông ngôn đến ba lần mới hiểu được tiếng và ông Chu Công Đán phải chế ra xe chỉ nam đưa sứ Việt Thường về nước.

Ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, đặt quốc hiệu là Văn Lang, phong tục thuần lương chơn chất, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương. (...)

Cụ khùng khăng, nhờ tìm ra Việt sử lược mới biết vua Hùng lập quốc vào khoảng 700 năm trước CN. Cộng chung cho đến nay là 2700 năm chứ không phải là 4000 năm.

Với không có mây sao có mưa, cụ giục giặc chuyện người Việt Thường đem chim bạch trĩ sang cống như thế đấy. Thế mà có sử gia thời đương đại cắt bếng chữ “Thường” thành người Việt là “cống sứ”. Chưa hết, lại có sử gia đương đại khác nguýt ngoác: “Đời Đào Đường, nam di Việt Thường thị qua nhiều lần thông dịch đã biểu *một con rùa thần*,

rùa ước được ngàn tuổi, rộng hơn 3 thước, trên lưng có chữ Khoa đầu, chép việc từ lúc khai thiên lập địa đến ngày nay. Vua Nghiêu cho chép lấy gọi là *Quy lịch*”.



Mai rùa tượng hình cho Quy lịch
Đá khắc chữ khoa đầu ở bãi đá Nam Đâu

Ông sử gia đương đại này còn sấm nếm: “Khác với chữ Hán tượng hình, khoa đầu của người Việt cổ là thứ chữ tượng thanh gồm nhiều ký âm viết thành hàng ngang 47 chữ cái cùng *phép chính tả* và *vài niêm luật* (sic) như chữ Quốc ngữ ngày nay”.

Buồn môi ngựa miệng, thiên cổ chi mê tôi vấn
cụ ta có chữ Việt cổ chẳng? Cự bầu bầu:

Ít lâu nay có nhiều nhà biên khảo cho rằng chữ Việt cổ (chữ nòng nọc) có từ thời lập quốc. Qua tích thần thoại vua Hùng Vương mang quân đến núi Khả Lao, Thanh Hóa được thần báo mộng cho trồng đồng thúc quân mà thắng trận. Sau khi thắng, vua ban sắc phong là *Đông cổ đại vương* và lập đền thờ *Đông cổ thần từ*. Theo Lê Văn Siêu qua *Việt Nam văn minh sử cương* dẫn đoạn truyện cổ tích trên rồi

chú thích: “Xin lưu ý hồi này chữ Hán chưa truyền vào Giao Chỉ làm sao vua Hùng Vương có chữ để phong cho thần là *Đông cổ đại vương* hay *Áp Lãng chân nhân* hoặc *Đông cổ thần từ*. Việc đặt duệ hiệu theo những tiếng Nôm nào đó, còn sự phong tặng chỉ là thêm thắt của người đời sau”. Như thế theo Lê Văn Siêu đã gián tiếp khẳng định nước ta chưa có chữ viết vào thời Hùng Vương.

Thêm một lần làm như răng cắn phải lưỡi, thiên cổ chi mê tôi nhành mồm ra lụi đụi với cụ rằng tác phẩm Nguyễn Bình Khiêm thế kỷ 16, trang mở đầu tập *Trình tiên sinh quốc ngữ* có câu: "Việt Nam khởi tổ xây nền...". Ý đồ của tôi là “tên nước Việt Nam” đã có từ thời cụ trạng Trình chứ chả phải thời cụ vua Gia long. Nghe rồi...rồi cụ chép miệng cái bép là thiên cổ chi mê tôi chả biết Nho táo gi sắt. Rằng:

Chữ Tàu *không viết hoa* 2 chữ "Việt Nam" mà là “việt nam”, người sau nên hiểu theo chữ quốc ngữ là đất đai nằm ở *phía nam đất Việt*. Cũng như Hồ Tông Thốc viết *Việt nam thế chí* thì nên hiểu là sách *ghi chép các đời vua phía nam đất Việt*. Vì rằng các vua triều Lý (1010-1225), Trần (1226-1400), và Lê (1428-1527) rõ ra tên nước ta là Đại Việt.

18 vua Hùng vào năm 1954...

Trở lại thời đương đại, bỗng không cụ cười tũn mà rằng...rằng năm 54, ông Hồ tới đền Hùng báo cáo anh, báo cáo chị công chiến thắng Điện Biên Phủ vừa mới xong và bảo đám bộ đội đi theo: “Vua Hùng có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước”. Vì lịch sử chỉ là công cụ của chế độ

nên sử gia miền Bắc “nhất trí”: Chỉ có Hùng Vương thôi, vì *bác đã nói như thế*. Và họ như con bò nhai lại với âm bản của sử quan nhà Nguyễn:

“Hùng Triệu Vương, huý Cảnh Chiêu Lang làm vua 94 năm, sống 286 tuổi có 60 vợ, sinh 40 con trai & 16 con gái, có 56 chi và sinh ra 399 cháu chắt”.

Tiếp đến họ vẽ ra đường hướng nghiên cứu cổ sử Việt qua ngành khảo cổ đào xới. Các nhà khảo cổ lập ra chuỗi tiền sử Phùng Nguyên, Đồng Đậu phù hợp với một thời Hùng Vương rực rỡ. Họ đào xới thế quái nào chả biết nữa nè moi lên được...xác chết da đen Phi Châu mới rách chuyện. Chuyện là tại di chỉ Mán Bạc tỉnh Ninh Bình phát hiện khu mộ táng với 30 thi hài người Australoid và Mongoloid. Đây là chứng cứ vững chắc cho thấy người Mongoloid từ phía bắc xuống chung sống với người bản địa Australoid để rồi chuyển hóa di truyền toàn bộ dân cư sang Mongoloid phương Nam. Tạm hiểu theo họ người Mongoloid từ phía bắc (tổ tiên người Tàu) là: *Tổ tiên người Việt ta hiện đại*.



Người Mongoloid



Bộ xương thời tiền sử

Nhưng không may cho họ vì Liam Kelley, giáo sư Đại học Manoa công bố:

Vào ngày định mệnh 29 tháng 9 năm 1998, thuyết *Quan hệ di truyền của dân cư Trung Quốc* (Genetic Relationship of population in China) đã sụp đổ. Liam Kelley khẳng định:

Người hiện đại Homo sapiens sinh ra tại châu Phi 180.000 năm trước. 70.000 năm cách nay, người tiền sử theo bờ biển Nam Á tới Việt Nam. 40.000 năm trước, do khí hậu phương bắc, người từ Việt Nam đi lên khai phá vùng đất ngày nay có tên là... "Trung Hoa". (11)

Thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào, tôi đeo theo một sử gia ngoài nước:

“Dựa vào khảo cổ học, nhân chủng học chấp vá, họ trình bày thời tiền sử tộc Việt một cách đầu Ngô mình Sở khiến người đọc bị lạc đường. Lại nữa họ dùng nguồn tư liệu Tàu để viết tiền sử Việt. Vô hình chung, họ đi con đường vô vọng tìm cá trên cây. Cho đến nay, thực ra người Tàu cũng chẳng biết gì nhiều về tổ tiên gốc gác của họ, vậy thì làm sao có thể tìm tổ tiên gốc gác Việt từ Sử ký, Hán thư? Chỉ có điều sự việc rốt lại giống như bày cua bỏ trong cái giỏ, que càng cứ quắp vào nhau, loay hoay vạy vẹo rộn cả người”.

Trộm nghĩ chưa đủ, tôi bám vào sử gia tân đương đại như đĩa bám dãi trâu:

“Thế là có những bằng chứng đào xới từ trong lòng đất, vẽ ra một lịch sử hàng chục vạn năm kéo

dài đến ngày nay. Nói ra thì có vẻ khôi hài nhưng chính nó đã làm nên tảng tin tưởng cho những người hùng hổ mắng mỏ những ai có chút hoài nghi về sự lâu dài của đất nước. Thế nhưng ngoài sự vẽ vời, ông Hùng Vương dù được các sử gia, các học giả cho mang mũ áo đai hia, cũng không có dạng hình cụ thể để họ đội lên đầu mà vái”.

Qua đào xới khô khan quá lại “hơi bị” khó hiểu, cụ bắt qua cái nhìn của một nhà sử học mà theo cụ với bất ngôn nhi dụ, hiểu nôm là...là *không nói ra cũng hiểu được* như vậy:

Chả là người phương Bắc muốn đồng hóa người Việt bằng cách cho rằng cả hai là một dòng của người Tàu, sau một ngàn năm đô hộ, họ để lại rơi rớt một ông con lai là Trần Thế Pháp với hai dòng máu Tàu-Việt. Vì vậy, qua Lĩnh Nam chích quái, ông gán ghép nguồn gốc Hán tộc cho Lạc Long quân. Các nhà chép sử Hà Nội, với xu hướng lệ thuộc vào người phương Bắc nên cũng lập lại gần như nguyên văn những huyền thoại, huyền sử ấy.

Cụ rề ràng:

Sử thần Ngô Sĩ Liên cũng như bất cứ ai, viết sử nhưng không có đủ tư liệu để mà viết, nhất là hơn “12 thế kỷ sau thời vua Hùng”. Chỉ vì sau nhiều năm bị đô hộ bởi Hán tộc, cụ sử thần mượn truyền thuyết *Tam vương ngũ đế* với 18 vua Hùng để quân bình ngôi thứ, hai chủng tộc mang cùng một huyết thống, hầu mong tránh cảnh nôi da xáo thịt.

Lịch sử thêm một lần lặp lại với ông Hồ ở Việt Bắc, sau trận Điện Biên Phủ ghé thăm đền Hùng cho có chuyện nước non trước khi về “tiếp thu” Hà Nội. Thế là sử gia Hà Nội hoá thân thành sử thần Ngô Sĩ Liên “bảo vệ” 18 vua Hùng để *quân bình ngôi thứ, hai chủng tộc mang cùng một huyết thống xưa kia cả hai là một dòng của người Hoa*. Vì vậy với tập sử “Sử quan” của thiên cổ chi mê tôi với tích mặc như kim, là *việc viết lách, không phí bút mực vì mực như vàng*. Tuy nhiên cụ xúi dại tôi đưa khúc văn này vào tập sử ...

Ở Hà Nội, tờ *Nhân Dân cuối tuần* đăng một bài nói về Phục Hy, cụ tổ Trung Quốc chính là người làng Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Ngay dưới chân núi chùa Tây Phương còn có miếu của Tổ là nơi ời “bác Hồ” rút khỏi Hà Nội về Chùa Thầy. Mỗi lần bác tập xe đạp đều ghé miếu lạy Tổ ta với hẹ (sic) và com trắng. Trước khi “bác” vượt Trung Hà lên Phú Thọ phát cờ khởi nghĩa thành công trên đất Bắc.

18 vua Hùng “ngụ cư” ở đất Bắc...

Đền Hùng thờ 18 đời Hùng vương ở núi Nghĩa Lĩnh, thuộc huyện Phong Châu, Phú Thọ. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, sau khi Hùng vương mất, theo văn bia, thần tích, ngọc phả: *Chính An Dương Vương vì cảm kích được Hùng vương nhường ngôi, đã lên núi Nghĩa Lĩnh dựng miếu thờ*. Những thần tích, ngọc phả được viết lại bởi những nhà nho biến chế theo quan điểm lễ giáo thời sau, tí như ngọc phả

đền Hùng ghi chép đủ 18 đời vua Hùng Vương với đầy đủ duệ hiệu với tên tuổi và thời gian trị vì được viết lại vào khoảng thế kỷ 18 dưới đời Lê Trung Hưng. Vì vậy yếu tố Nho giáo đã ảnh hưởng rất nhiều vào những văn bản đó. Lại nữa, các hiệu của các vua Hùng Vương trong ngọc phả lại viết bằng chữ Hán Việt, một điều không thể xảy ra được khi vào thời đó chúng ta chưa hoàn toàn tiếp xúc với người Hán.

Cho đến nay, không có sử phạm khả tín dẫn chúng đền Hùng dựng năm nào?

Cụ thử ra mà rằng: *Lĩnh Nam chích quái* cho 50 người con của Lạc Long quân ngụ lặn quanh Động Đình hồ phía nam núi Ngũ Lĩnh. *Đại Việt sử ký toàn thư* mới in năm 1697 thời Lê Trịnh cho 50 con của Âu Cơ an cư lạc nghiệp ở Việt Trì. Tiếp đến sử quan nhà Nguyễn cãi nhau ôm tởi nên đặt Lạc Long quân là “vua mở đầu nước Việt” hay là Hùng vương? Ông vua Hùng thắng thế nhờ Tự Đức: *Vua Hùng là quốc tổ... là tổ tiên chung của dân tộc Việt Nam*. Với núi Nghĩa Lĩnh ở Phú Thọ, sử quan nhà Nguyễn như xâm vớ được gậy với chữ “Lĩnh” giống núi Ngũ Lĩnh bên Tàu nên đền Hùng được dựng lên. (theo nguồn khác đền Hùng có thờ thời Lê Thái Tổ)

Cụ nhằm chừng đền Hùng chỉ có mới có đâu đây.

Bằng chứng dấu vết tấm bia đá năm 1923, bia “Hùng miếu kỷ niệm bi” khắc chữ Hán Nôm ghi rõ chuyện trùng tu năm 1915 khi đang xảy ra Thế chiến I do Công sứ M.G. Guillard, Khâm sai đại thần

Hoàng Cao Khải, và Tuần phủ Phú Thọ Hoàng Mạnh Trí dựng lên. Còn toàn thể đền Hùng ngày nay được người Pháp xây cất lại năm 1930.

Chợt bồi rồi nhìn trời nhìn đất, cụ mập mờ nhân ảnh mịt mù gió mây...

Quả thật người Pháp trong viện Viễn Đông Bác Cổ đã cố công đào bới đất đai, phát hiện các nền văn hoá đá cũ và đồ đồng nên tên được giữ lại về sau: Hoà Bình, Đông Sơn. Họ đã đi sâu vào thời sơ sử Hùng Vương. Qua đến thế kỷ XX, quyền thông sử có ảnh hưởng rộng rãi là *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim đã ý thức được khuyết điểm của những sử gia đi trước: “Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cấp quyền sách đi học thì chỉ học sử Tàu, thơ phú văn chương gì cũng lấy điển tích ở sử Tàu, chứ chuyện nước mình là nhất thiết không nói đến”. Với sự phổ biến chữ quốc ngữ, ông “lấy tiếng nước nhà mà kể chuyện nước nhà...để cho ai ai cũng có thể xem được sử..”. Mặc dù năm 1928 thời Bảo Đại, sử thần Trần Trọng Kim dựa vào Đại Việt sử ký toàn thư với truyền thuyết Hồng Bàng. Ông đưa truyền thuyết này vào sử sách. Sau sách được đưa vào học đường làm sách giáo khoa, khiến truyền thuyết thành chính sử, rồi thâm nhập lâu ngày nên không đổi được nữa...Mặc dù là sử thần cuối triều Nguyễn, nhưng ông cũng đã đem nhà Tây Sơn vào chính sử với lời phân trần về sự công bình lịch sử qua các triều đại trước. Trong đó có triều Hồ, triều Mạc. (12)

18 vua Hùng di cư vào Nam...

Đến tao đoạn này, thiên cổ chi mê tôi...thì mà là với cụ...là ở miền Nam, vì chiến tranh lan rộng cùng khắp, không có cơ hội cho những khảo sát thực địa. Trong khi ở miền Bắc, nơi có Hùng Vương khởi phát, sử học và khảo cổ học có ưu thế hơn về địa vực với sự ủng hộ của chính quyền, chính trị thúc đẩy. Tác giả đã hấp dẫn miền Nam qua một số sách hiếm hoi mang vào, thường bằng con đường Pháp, Phnom Penh hay Ủy hội quốc tế đình chiến. Vì vậy ở miền Nam, sử phẩm về vua Hùng cũng có đầy nhưng không nhiều.



Nếu có là có đền Hùng vất vương trong sở thú tại Sài Gòn, trước kia là “Đền kỷ niệm Âu chiến” đánh nhau với Đức trong trận Thế chiến thứ I ở Âu châu. Ngôi đền kỷ niệm chỉ mới được xây sau này, là món quà của người Pháp trả ơn cho lính thuộc địa An Nam đã sang mẫu quốc. Tôi thừa gửi với cụ trước kia ngoài Bắc không có lễ hội giỗ Tổ, mọi sự do cụ vua Khải Định dựa vào ngày giỗ tổ dân gian của dân bản địa rồi lùi lại...một ngày.

Về ngày lễ, bia 1923 ở đền Thượng ghi rõ: “Tục lệ dân xã Hi Cương, phủ Lâm Thao lấy ngày 11-3 là ngày thờ thổ kì, tức *thổ địa*”. Cụ vua Khải Định ra

chiếu chỉ: *Từ nay lấy ngày 10-3 làm lễ Hùng Vương...* Túc lùi lại... một ngày trước khi đi Tây dự “Hội chợ thuộc địa Marseile” năm 1922. Từ đây câu ca dao: “Nhớ ngày mồng Mười tháng Ba...” có từ ngày ấy.

Ở miền Nam ngày lễ giỗ tổ 10-3 trôi qua như những ngày kỷ niệm khác, hoài đồng vọng đến vua Hùng là những người gốc Bắc di cư hồi cố quận về nơi chốn xa cách với quá khứ. Bởi lẽ ấy, vua Hùng ở miền Nam đã rẽ sang chiều hướng không phải sử học nhưng lại có dáng sử học, kết hợp với tình tự quê hương dân tộc thành một niềm hãnh diện tự kiêu.

18 vua Hùng di tản ra nước ngoài...

75 đứt phim, thiên cổ chi mê tôi là thuyền nhân, phải giăng phải gió gì đâu chả biết nữa dòm thấy 18 vua Hùng cũng chèo thuyền theo. Trong cơn bão biển, tôi nghe loáng thoáng vua Hùng nhận nơi này là đất tạm dung. Cứ theo thiên cổ chi mê tôi khua khoáng nguên ngoàng như xâm bị mất gậy thì 18 vua Hùng không có đất dung thân vì tôi non ròm thấy ngồi cùng thuyền với các vua Hùng có hai hậu duệ của bà Âu Cơ là hai nữ sử nhân.

Hai sử nhân này ôm theo sử sách: “Về chuyện mới cũ” và “Từ huyền sử đến sự thật”.

Học mót nhà văn Nguyễn Huy Thiệp trong truyện ngắn *Vàng lửa* có tới ba kết luận khác nhau. Thiên cổ chi mê tôi vay mượn một khúc văn trong bài văn khảo *Từ huyền sử đến sự thật* của một sử nữ, cũng là nhà văn ty nạn gốc gác đất Hưng Yên:

Kết luận I:

(...) Thật sự, những người quan tâm tới tới lịch sử, văn hoá nói chung không nhiều. Một số người còn tỏ vẻ coi thường, cho *Hồng Bàng là chuyện vớ vẩn khó tin*. Ngay cả với trống đồng nếu không xác nhận được địa bàn của tộc Việt, loại tranh cãi tử như ai là chủ nhân trống đồng, kinh Dịch, các nền văn hóa Đông Nam Á, văn minh lúa nước, tiếng Việt/tiếng Tàu...chỉ loanh quanh giữa các tác giả người Việt, những tấm lòng son cô quạnh giữa hoang phế miếu đường. Trái lại, một số bài viết/tác phẩm công phu/dài hơi, huyền thoại hóa thêm truyền thuyết, khiến truyền thuyết/lịch sử dường như chỉ dành cho giới...viễn tưởng. Những buổi nói chuyện về tiểu phẩm/tác phẩm lịch sử chỉ lôi cuốn được một số người lớn tuổi, hoặc các cựu giáo chức sử/địa/ngôn ngữ. Những *về nguồn, di sản văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc, 4000 năm văn hiến...* được lập đi lập lại trong các bài bình luận/diễn văn hiếm khi nêu rõ nguồn gì, di sản ấy là gì, bản sắc gì, giữ gìn thế nào, văn hiến tính từ hồi nào... (...)

Kết luận II:

Văn chương thiên cổ sự của người sử nữ trên có hơi tiêu cực so đo với bài viết *Về chuyện mới cũ* của nhà văn ngoài nước Nhược Trần có phần nào tích cực gần như cực đoan nên thiên cổ chi mê tôi vay mượn một đoạn văn để dùm đậu cho bài viết này đây.

(...) Con người, xã hội và văn hóa Việt Nam có vấn đề, lẩn cấn rất nhiều vấn đề. Tôi ví nó như một lọ mắm nêm, vừa ngon, vừa đậm đặc lại vừa có cái mùi thum thum khó ngửi. Ở đây, những điều được xem là “bản sắc”, là “cá tính dân tộc” hay “đặc thù văn hoá” cần phải được xét lại toàn bộ. Thử xem, sẽ trải bao thế hệ nữa, dân Việt mới thôi không còn ngửa mặt ngạo nghễ về những thành quả của những tự hào về các ý niệm mơ hồ như “bốn ngàn năm văn hiến”, “con rồng cháu tiên”, “dân tộc anh hùng”, v...v...đã thật sự thiếu cơ sở và trở nên vô cùng lố bịch. Việt Nam sẽ muôn đời không thể ngóc đầu lên được, nếu chúng ta mãi cứ tự mãn về cái nguồn gốc rồng chim của mình. Một dân tộc thấp kém mới phải thường xuyên bám víu vào huyền thoại, tự kỷ ám thị để làm cuộc “phong vương” cho mình. (...).

Thạch trúc gia trang
(viết xong Giáp thân 2004
thêm bớt Ất Mùi 2015)

Nguồn 1:

Việt Điện U Minh Tập – Lý Tế Xuyên
Lĩnh Nam Chích Quái - Trần Thế Pháp

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Ngô Sĩ Liên
Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim

Nguồn 2:

Trần Đại Sỹ, Hà Văn Thủy, Lê Mạnh Thát, Trần Bích San, Nguyễn Xuân Quang, Trần Đình, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Văn Hạc, Vĩnh Phúc, Trần Thị Vĩnh Tường.

Nguồn 3:

- (1) Việt Điện U Linh Tập 1960 : Lê Hữu Mục
- (2) Nhìn lại sử Việt : Lê Mạnh Hùng
- (3) Lĩnh Nam Chích Quái 1959 & Việt Điện U Linh Tập 1960 : Lê Hữu Mục
- (4) Việt Nam tinh hoa : Thái Văn Kiểm
- (5) Hồ Tông Thốc là người đưa thời đại Hùng Vương vào chính sử : Hồ Sĩ Hủy
- (6) Thử đọc lại truyền thuyết Hùng Vương - Nước Văn Lang : Nguyên Nguyên
- (7) Thử đọc lại truyền thuyết Hùng Vương : Nguyên Nguyên
- (8) Lĩnh Nam Chích Quái 1959 : Lê Hữu Mục
- (9) 18 đời vua Hùng Vương: Một ý niệm về liên tục : Nguyên Nguyên
- (10) Tiến trình văn hóa Việt Nam : Nguyễn Khắc Thuần
- (11) Học giả Mỹ viết gì về sử Việt : Hà Văn Thủy
- (12) Những bài văn sử : Tạ Chí Đại Trường

Vướng nghiệp

Trong cái nghiệp viết, khó nhai nhất là viết “Tựa”. Nếu nhờ người khác viết dùm “Thay lời tựa”. Số ruồi... Gặp người được gọi là viết “nháp”, họ viết thần sầu hơn tác giả mới đồ nợ. Nhưng lại có chuyện trái khoáy như Tô Hoài, ông đọc truyện có ai đấy viết tựa dùm, nhà văn um thùm với bạn: “Ông này hình như chưa đọc chuyện của tác giả thì phải”. Bởi đọc sách truyện có nỗi búi bán của người viết nháp, vì truyện hay đọc háu là xong. Chuyện nhạt đọc mờ người. Nếu vớ phải truyện vừa dài, vừa dở thì bán tử bất hoại, nôm là *từ chết đến bị thương*. Là người viết “nháp” để hưởng cà phê, thuốc lá, anh bạn bò bã với ngộ chữ tôi vậy, thưa bạn đọc.

Nếu tác giả tự viết “Tựa” còn trần ai khoai củ hơn nữa với bạn đọc. Nhất là dạng “hồi ký, hồi ức” hay “biên khảo, biên sử”. Bởi dưới bài biên khảo, tác giả làm như vô tình để hai chữ rất khiêm nhượng “tiến sĩ”, hay “bác sĩ” mặc dù học vị của họ chả dính dáng gì đến bài viết. Với hồi ký, một số tác giả làm như lơ đễnh ần dẫu ở dòng chữ nào đó, họ tự “đội mình lên đầu mà vái” rất...khiêm cung. Với nhà văn viết sách, ngộ chữ tôi cho ăn gan giò trứng trâu cũng chả dám bắc kiềng lên lưng ai mà đun vì trong “Tựa” chém chết có đôi nhời dẫn giải “Tại sao tôi viết? Tôi viết cho ai?”. Với từng ấy “cái tôi” bự sụ, nhà văn diễn tả nỗi niềm đam mê văn chương tới tận cùng nỗi thao thiết của mình. Tận cùng của cái nghiệp viết là cái khổ nạn ra mắt sách.

Bằng ấy những quá đọa trong cõi chữ vì vậy lay thánh mớ bái bạn đọc chứ...chứ *Đôi lời bộc bạch* này...dài dòng lắm. Vì chung truyện ngắn như thơ, phải chẻ chữ chặt câu, nên ngộ chữ tôi học theo ông A. France: “Tôi không có thì giờ viết truyện ngắn...ngắn hơn”. Với bất ngôn nhi dụ tức *không nói ra cũng hiểu được*, bạn đọc cũng hiểu là ngộ chữ tôi lạc nẻo đường trần, cỏ hoa lạc lối trong chôn làng văn xóm chữ nên có nhiều khúc hơi rối, hơi khúc mắc. Qua đường xưa lối cũ bài viết của ngộ chữ tôi không thể thiếu vắng dăm đoạn khó hiểu một cách vừa phải. Bởi những ngẫu sự ấy, ngộ chữ tôi một sách ăn giấy qua cái bàn gỗ, thì...

Thì “Đôi lời bộc bạch” bỗng không vương mắc thành bài tạp bút có tên: *Vương nghiệp*.

Vì vương nghiệp chữ nên đành đục chữ đẽo câu về cái nghiệp “văn rượu” của mình, thế nên ngộ chữ tôi đong chữ như đong thóc, rồi sàng chữ ra câu, sảy câu ra chữ thế này đây...

(...) Về góc gác của ngộ chữ tôi, cứ qua truyện ngắn *Cây gậy tre rút đất* thì ngộ chữ tôi là người quên cả họ và tên, quan tước, làng mạc, hồ đồ mình không biết mình là ai. Ngộ chữ tôi làm quan ba mươi tư năm, lui về đất Hiu Tân mà ở ẩn, nhà ba phòng, chôn tây viên có ao sen, dăm bụi trúc. Tuổi mới chớm già, chưa đến nổi lắm cảm. Tính thích rượu, văn phú. Bởi chưng: *Trời đất sinh ra rượu với văn - Không văn không rượu sống như thừa*. (...)

Như đã bộc bạch, trong “Tựa” chêm chết có đôi nhời phân bua “Tại sao viết? Viết cho ai?”. Ngộ chữ tôi không tránh được chuyện ruồi bu này! Với *tại sao viết*, có đầu có đũa thì đã từ lâu, vì vương nghiệp chữ, nên cũng muốn viết một tạp bút để lưu danh thiên cổ hay di xú vạn niên về văn hoá “Ra mắt sách” và trường phái “Văn chương ai điều”, thưa bạn đọc.

Còn *viết* cho ai thì... Thì lý do củ chuỗi thế này đây:

Năm tám, chín tuổi ngộ chữ tôi trốn học, bởi thượng thiên vô lộ, nhập địa vô môn là *lên giờ xuống đất không xong*, lạng quạng thế quái nào chả

biết nữa nè chui đầu vào Văn Miếu để làm thân với cửa Khổng sân Trình. Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối, rất ngay tình với bạn đọc đường như sách truyện ngộ chữ tôi đọc đầu tiên để khai tâm, khai chữ theo Nho gia là... Là ngày đầu tiên nhập môn, thầy đồ “mở bụng” chú âm sinh để nhét chữ vào bụng chú những “thiên, tích, thông, minh, thánh, phù, công, dụng” trong *Tam tự kinh*. Ngày ấy ngộ chữ tôi khai tâm, nhét chữ vào bụng thư kinh... *Vàng và máu* của Thế Lữ.

Bạn đọc im như con chim! Ngộ chữ tôi... ngộ ra rồi: Ý đồ bạn đọc sấm nếm ngộ chữ tôi chỉ “bịa” chứ khi gì nữa. Nếu như ngộ chữ tôi có bông phèng cũng chả bằng một nhà văn tâm sự ngắn dài qua chữ nghĩa với bạn đọc về cuộc đời viết văn của ông:

Tám, chín tuổi ở Hà Nội, ông đã đọc tứ đại kỳ thư của Tàu như *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân, *Thủy hử* của Thi Nại Am và *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần. Chuyện cảm giả linh giả thị, là *ai cảm người mang bị nói khoác* là chuyện của ông. Nhưng ở dưới bài văn ngoài tên họ, ông còn cẩn thận viết thêm bốn chữ: *Nhà văn Hà Nội*. Cũng vì cái tôi nhà văn to đùng của ông gây cảm hứng cho ngộ chữ tôi căng óc nặn chữ vắn óc véo câu về cái danh của nhà văn ở khúc sau, thưa bạn đọc.

Bạn đọc vẫn lạnh lùng con thạch sùng! Ừ thì đây với nhà văn Trần Doãn Nho:

(...) Đó là lúc cậu bắt đầu thích đọc, tập làm văn, cậu bắt chước những câu kéo hay ho trong

sách. Cậu có thể thêm thắt những điều không có hoặc có khi chẳng hề có. Chữ giúp cậu biến không thành có, biến có thành không. Tóm lại, bịa. Bịa, nói trắng ra là nói láo. Nhưng bịa chuyện của ai đó, có lớp có lang, có câu kéo thì nghe ra...chẳng bịa tí nào. Chẳng là, ngay từ lúc còn bé tí, khi chưa biết viết biết đọc, cậu đã sống trong không khí của chuyện bịa rồi như cô Tấm cô Cám, Thạch Sanh Lý Thông...Chuyện mang cậu vào một thế giới hoàn toàn khác, hư thực nhập nhằng. Để sau này cậu là nhà văn viết truyện hư cấu. (...)

Nghe thủng xong chuyện của nhà văn họ Trần, bạn đọc như xâm sờ voi dậy rằng “cậu Hùng” chạy trời không khỏi nắng hậu sự sẽ lên cơn đồng thiếp với...“hư cấu”, đồng cô bóng cậu với...“hoang tưởng”. Bạn đọc búng lưỡi cái tách: Nghiệp rồi. Vương nghiệp rồi.

Ừ thì chạy trời không khỏi số vì giày dép còn có số nữa là...là bằng vào...

Năm 54, mười tuổi đeo tàu há mồm vào Nam...

“Cậu” cũng vác ông nhà văn họ Trần theo với “tập làm văn, “cậu” bắt chước *những câu kéo hay ho trong sách*. “Cậu” *có thể thêm thắt những điều không có hoặc có khi chẳng hề có*. Số là nhà “cậu” ở đường Công Quỳnh có tiệm cho thuê truyện, dường như có túc duyên với chữ nghĩa, “cậu” ngẫu nhiên *Giai thoại trạng Quỳnh* nên con đường lạc vào văn học sử không khá giả lắm. Năm trung học đệ nhất

cấp, trường làm bích báo treo tường, nhờ gốc gác đọc “Vàng và máu” nên lân la làm quen với Thế Lữ với *Hồ nhớ rừng*. “Cậu” bèn làm thơ bích báo. Thằng khôn khổ, khôn nạn nào đó vì ghen tài “cậu” quẹt mấy chữ ngay bên cạnh “tác phẩm” đầu đời của “cậu”. Mà cái thằng dốt đặc cán mai này chả biết chữ “đạo văn”, “đạo thơ” nên nó quai nguyên con, nguyên câu: “Ăn cắp thơ... bà Huyện Thanh Quán”. Thế là mộng làm thi sĩ của “cậu” đành treo gác bút. “Cậu” chỉ tiếc hùi hụi hậu vận nếu thi tài không ngang hàng thi bá Vũ Hoàng Chương thì cũng ngang tầm thi bá Đinh Hùng chứ đâu có đùa.

Thế nhưng trong cái rủi có cái may,...may mà nhờ đọc Trọng Quỳnh nên nói dối như cuội, nhờ đó ngộ chữ tôi tới cái tuổi nhàng nhàng đã có bồ nhí. Thế trước bóng đèn hột vịt, chả hiểu sao cuõm được cái tú kếp. Thế là ngộ chữ tôi xuất dương tầm sư học đạo. Trong va li nhét hai tập cổ thư để viết thư tình: Ấy là *Thơ Nguyên Sa* chui rúc trong đầu ngộ nguây thế này đây...

Paris có gì lạ không em
Mai anh về mắt vẫn lánh đen
Vấn hỏi lòng mình là hương côm
Chả biết tay ai làm lá sen.

Và *Đời phi công* của nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh với mỗi chương là một lá thư tình bắt đầu với tên người tình của ông: *Phượng*. Đến tay ngộ chữ tôi bèn hư cấu thành: *Phượng em* hay *Phượng yêu*. Đúng là bị giới đây, ngộ chữ tôi số

ăn mày bị gậy phải mang nên có 4 (bốn) cô Phụng khác nhau. Ngày ấy Ga Lyon đèn vàng *cầm tay em muốn khóc* vì chưa có máy phô-tô-cop-py, vì vậy ngộ chữ tôi phải viết bốn cái thư giống in hệt nhau chỉ khác...cái tên. Và chép tay muốn...khóc luôn với trời mùa đông Paris, *chưa bao giờ buồn thế!*.

Năm 75 đứt phim, đu tàu hải quân qua Mỹ...

Ngộ chữ tôi thêm một lần cồng theo ông nhà văn họ Trần tên Nho...

(...) Thế mới hay, chữ không còn viết mực, viết máy, viết chì để viết mà là “đả tự”, là đánh (máy), là gõ (bàn phím), là sao chép và dán (copy & paste). Từ chữ thủ công lên đến chữ công nghiệp. Từ chữ thực đến chữ...ảo. Ảo hay thực thì chúng cũng đều có thể tạo ra chuyện.

Chữ nghĩa mang ít sáng tạo đầu tiên trong đời tôi là ...viết thư tình. Bị một cô hàng xóm ám ảnh, tôi sử dụng số vốn chữ ít ỏi của mình để bịa tình. Tôi bỏ món tình chữ vào cái hộp. Nàng mở hộp, lấy món tình ra và... đọc. Đọc nhiều lần quá, nàng (có lẽ) cảm động bèn gửi biểu lại tôi món tình nàng, cũng bằng ...chữ. Cuối cùng, bịa mà thành thực. *Nàng yêu tôi*. Ba chữ. (...)

Bỏ nước ra đi...Ra đi gặp vịt thì lừa, gặp duyên thì kết, gặp chùa thì tu như...vương nghiệp với chữ. Chuyện nhè vào cái tuổi tam thập nhi lập, thiên hạ sự lập nghiệp thì ngộ chữ tôi lập thân “tối dạ” thì văn chương khi gặp bạn cũ trường xưa nên nhập hồn

nhập vía vào chữ nghĩa. Rất thật với bạn đọc đưa nào nói láo đội nôi cơm là để...“khoe chữ”. Xuôi theo dòng đời, thế là “văn chương” tự cổ như danh tướng, bất hữu nhân gian kiến bạch đầu theo ngộ chữ tôi cho đến bạc đầu: Đầu tiên là kỳ óc ra viết truyện tình, viết hùng hực như trâu húc mả hết *Tình đầu*, tới gõ chữ lộp bộp như gà mổ mo đến *Tình giữa* và ngơ ngác như bò đòl nón tới *Tình cuối*.

Bạn đọc ngát ngây con gà tây vì đi Tây ề cỗ gánh vác tới bôn cuộc tình cùng một lúc không thấy nặng sao. Sau 75, bắm tàu Mỹ qua đây khuân thêm tình này tình kia! Bịa chăng! Ủ thì đành thê thốt rằng “ngoa ngữ” của bạn cũ trường xưa dưới đây không hẳn là...bịa tạc.

(...) Từ những ngày đầu, lúc đám bạn học cũ mới tìm lại được nhau, họ Phí hào hứng gửi những “Tình đầu...”, “Tình giữa...” “Tình cuối...” cũng đáng để ý vì gọi được sự tò mò của bạn cũ...Nhưng so với bây giờ thì những bài văn lúc đầu này chỉ như là những bài “tập làm văn...lớp 5 tiểu học”. Đề tài này hình như không gây được nhiều chú ý của bạn bè vì họ Phí không dụng công phu nhiều và chỉ viết như một cách “ghi nhớ kỷ niệm xưa”, dĩ nhiên họ Phí là kẻ “nồi tình”, chuyện kể lại là “kỷ niệm ..sống thực” của chính tác giả, với một chút mắm muối gia vị cho có vẻ “văn chương...lãng mạn”. Những chuyện tình yêu này được viết bằng lối văn “hoài niệm” nên lời văn trong sáng và hợp lý theo thứ tự thời gian ...Rồi đến những bài viết về chủ đề “cuộc

chiến” hay những chuyện có liên hệ đến “cuộc chiến đã phai tàn”...thì (...)

Thì bạn đọc ngần ngẫn rằng ông Tô Hoài kể chuyện người viết tựa dùm chả chịu đọc tác phẩm cứ viết bừa nên nghe chả tin được! Ừ thì những chuyện cóc cáy này thiếu giống. Như

(...) Trong một lần ra mắt sách, ông Vũ Thư Hiên kể Kim Lân có một truyện ngắn nhan đề *Thằng câm* và ông Vũ Thư Hiên so sánh Kim Lân với văn hào Nga Tourgueniev cho rằng *nhà văn Nga này khó vượt nổi được Kim Lân*. Nếu tôi (Đặng Trần Huân) không làm thì hình như Kim Lân chỉ có một tác phẩm khá hay có tên là *Vợ nhặt*. Bây giờ ông Vũ Thư Hiên ca tụng Kim Lân với truyện *Thằng câm*: Truyện này Kim Lân...chưa viết!. (...)

Thế mới kinh chứ! Vì vậy mới có chuyện ra mắt sách, thừa bạn đọc.

Đùng một cái 75 đứt phim, đu tàu Mỹ qua đây “ngụ cư”, trong khi ngộ chữ tôi đánh vật với cơm áo gạo tiền thì thiên hạ sự tiêu pha chữ nghĩa cùng *Những trận chiến cũ. Những mắt mắt đau thương. Những đất khách bơ vơ, Những hình bóng xưa, v.v...* Họ là những nhà văn lưu vong góp nhóp với “Tại sao viết? Viết cho ai?” qua mỗi ngữ cảnh, mỗi cảm khái khác nhau...

(...) Tôi là nhà văn sống và viết. Tôi tìm chất liệu ở con người thật của tôi. Khi tôi ở trong quân đội, tôi viết về người lính, khi tôi đào ngũ, tôi viết về kẻ đào ngũ, khi tôi trở lại đơn vị bị giáng lon, thì viết về tâm trạng của người lao công chiến trường... Khi tôi ở trong trại cải tạo, tôi viết về sự thật cảnh tôi vô chạp lấy thau cơm của bạn tù vì quá đói. (...)
- (Trần Hoài Thu)

Qua người cầm bút đứng bên lề cuộc chiến....

(...) Điên sâu có lẽ là động cơ để viết. Viết cho giết hết mọi hoang liêu? Mới đầu hăm hở viết. Trút tâm sự nhớ nước nhớ nhà vào trang giấy! Thấy đỡ đỡ... buồn. Bèn viết nữa. Ngày nọ qua tháng kia, nỗi buồn vẫn còn nguyên đó. Đọc lại văn, càng thêm ngao ngán. Bởi vì văn chương không chỉ là nỗi nhớ nhà. Tuy nhiên, điều cuối cùng vẫn là ý hướng muốn sống và muốn viết. Tôi tự hỏi "Sống để làm gì?". Câu hỏi ấy bám lấy tôi cho đến một hôm bật ra tiếng trả lời: "Sống để viết". Có lẽ, với tôi, bây giờ là câu tôi vừa ý nhất. (...) - (Tường Vũ Anh Thi)

Cùng chuyện người chuyện ta...

Thêm một cái “đoàng” nữa nhè vào một ngày...ngày qua tháng lại, nắng trưa mưa tối, ngộ chữ tôi tôi quáng quàng chuyện viết lách ở cái tuổi hơi trẻ nải. Vào lúc người khác đã bẻ bút, thông dong cùng ngày trời tháng Bụt thì ngộ chữ tôi lực đực với cái bàn gõ và gõ lóc cóc. Thoạt đầu trộm nghĩ chả phải là nhà văn, nên chả cùm nạm cùm nự với câu hỏi “Tại sao viết? Viết cho ai?”. Thú thực,

ngộ chữ tôi cảm thấy thích viết vậy thôi. Như đã thừa thốt ngộ chữ tôi viết thư tình rồi quen tay và viết cho bạn cũ trường xưa riết róng thành cái nghiệp.

Đề thai ghen và đang bụng mang dạ chứa bài tạp bút *Vương nghiệp* này đây.

Nếu như bạn đọc ngắt ngư con lạc đà và hỏi thật không? Nói cho ngay, ngộ chữ tôi lấy cái thật để làm cái giả, với chữ là nghĩa *hiện thực giả hư cấu thật*. Như gặp bạn bè trong lúc tửu lạc vong bản, rồi góp nhặt sỏi đá qua chuyện kể lể, hiểu chả là *như thị ngã văn*. Lại nữa, có một đạo ngộ chữ tôi cỏ hoa lạc lối dẫm lên con lộ chữ nghĩa của những người đi trước, và i xì như cái đèn cù xoay quanh những trận chiến cũ (bạn bè kể lại), những mắt mắt đau thương (vợ mắt), những đất khách bơ vơ (gà trống nuôi con), những hình bóng xưa (đang ở Sài Gòn).

Như bạn cũ trường xưa đã hòm hồm *những bài viết về cuộc chiến đã phai tàn*, ngộ chữ tôi đục chữ đẽo câu dựa hơi thằng bạn lính ở ngoài trận địa (ngộ chữ tôi ở trong...thành phố):

(...) Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn người mặc áo của tiểu đoàn 4. Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn. Cuộc bắn giết thừa dần rồi chấm dứt. Để rồi chấm dứt như trong

Vài *mẩu chuyện* mà thành gãy súng đã buông bút.

Vì: Chiến tranh đã hết rồi mà. (,,)

Với *những mắt mắt đau thương* thì gọt chữ đẽo câu về quê nhà (về Sài Gòn lấy vợ...trẻ):

(,,) Một nhẽ khác nữa là trào lưu văn học hôm nay, có hội chứng cho rằng người viết ngoài nước như bật ra khỏi cái góc, cái rẽ của cây đa bến cũ, con đò xưa, nên đánh mất bản sắc, chữ nghĩa đầy rẫy những tha hóa vong thân. Vì vậy tôi đành khăn gói giở đưa về quê nhà, nghe tận tai, nhìn tận mắt, hiểu theo nghĩa là mục sở thị chứ chẳng phải là dẹt *chuyện*". (,,)

Hoặc giả với biên khảo,...biên chép, chạy trời không khỏi nắng câu kết bao giờ cũng chẻ câu vót chữ cho nhọn hoắt (ngại bạn đọc chửi cho rỗ mặt):

(...) Người sưu tầm sàng chữ ra câu, sây câu ra chữ để có bài sưu khảo này. Nhưng cái sây nẩy cái ung là sàng lúa ra thóc, lại sây thóc ra trấu với những nguồn trích lục cứ “học hặc” nhau mà người sưu tầm thiên bắt đáo, địa bắt chi. Thế nên trăm sự nhờ bạn đọc thông thiên địa nhân viết nhỏ, thượng thông thiên văn, hạ thức *địa lý*, trung trí *nhân sự* trông giở bỏ thóc dùm. Xin ghi lòng tác dạ với muôn vàn cảm tạ - Nay *cần* thư. (...)

Sàng chữ sây câu đổ vào bồ chữ, thế là ngộ chữ tôi có...*Một chút dối già*.

Bỗng dưng bạn đọc hoảng huýt rằng “giỏi già” chứ chẳng phải...*dối già*. Lý sự này ngộ chữ tôi lụng bụng theo cụ Trần Dần: “Chữ là nghĩa”. Ngộ chữ

tôi...ngộ ra chữ cột với nghĩa. Mà nghĩa thì giới ạ, mông lung, bất định. Lắm khi chữ một đàng nghĩa một nẻo chả biết đâu mà lần. Bèn lần mò ăn mày chữ nghĩa trong *Chữ nghĩa làng văn* của cụ Ngộ Không. Cứ theo cụ một sách một chữ thì *giới*, biến thể ngữ âm của *trối*. Mà “trối già” là làm việc gì được coi như là lần cuối trong đời. Còn “dối già” là làm việc gì để nhân sinh quý thích chí trong tuổi già.

Vậy mà bạn đọc già như quả cà chả chịu hỏi bút danh ta đây gì sất, bèn đón chuyện rằng muốn có bút danh ngon cơm: Ta đây phải theo người thơ Nghiêu Minh lặn lội vào chùa hỏi sư, hỏi Phật *Vào chùa ta hỏi Phật - Phật nhắm mắt lặng thinh*. Cho đến một ngày thiên địa tù mù...

Ta lang thang vào tiệm
Gọi chai bia ngồi đồng
Chợt nhìn ông thổ địa
Cười nhìn ta: *Ngộ Không*

Nhưng không ngon như ăn óc chó vì bút danh đây mơ rề má đến cái tuổi thân chết tiệt với Tôn Ngộ Không. Theo Ôta Tatsuo, chữ “Không” trong Ngộ Không lấy từ câu “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” của Bát Nhã Tâm Kinh để giới răn đệ tính...háo sắc. Nghe không...xong!

Đành bám víu vào Isobe Akira cho biết trên thực tế có ông sư hiệu Ngộ Không, người đời Huyền Tông đi lấy kinh ở Tây Phương cực lạc, cực khổ khác gì con khỉ Tôn Hành Giả. Bởi nhẽ đó từ

ông sư hiệu Ngô Không. Ngô chữ tôi...ngô chứng ra mình là...thiền sư. Quá đã!

Ôi thôi gì mà óc ách từ thiền thật đến thiền giả nên bạn bè hỏi bút danh nghĩa lý gì đành bí rì: Ngô Không là...không ngô. (ra ý ngô đây tiếng Bắc là...hâm hâm, tiếng Nam là...mát mát).

Bút danh được hăm hụi chữ thư pháp trên bìa sách để in ấn *Một chút dối già*. Vì không là hàn nho mãi tự nên gửi bạn bè như một món qua chữ nghĩa. Đùng đoàng thế quái nào một bạn văn đưa lên mạng lưới bài văn thuộc dạng ngự sử văn đàn với tựa đề: *Từ chàng in sách*.

(Về người bạn văn này với trường phái “Văn chương ai điều”, xem *Một chút dối già – Tập 5*)

Ý đồ bạn văn là khộm rồi,...ra mắt với đời đi chứ trước khi về với ông bà. Nghe phát khiếp! Vì ra mắt sách như ra mắt cô dâu với khăn đóng áo dài, nẩy sinh tập tục áo thụng vái nhau cộp cộp như con bửa củi. Bởi nhẽ ấy, phán quan Đặng Trần Huân phang ngang bửa củi:

(...) Việc “ra mắt sách” đưa đẩy người viết xa rời thực tế. Trường hợp điển hình là nhà văn Hồ Trường An khi viết tựa cho tác phẩm của một nhà văn nữ, ca tụng tác phẩm chưa đủ, ông còn ca tụng cả nhan sắc của tác giả mặc dù ông chưa gặp mà chỉ nhìn qua ảnh. Ông viết:

“Ồ bìa sau quyển sách có in tám ảnh màu của chị...Có lẽ đem thơ của cụ Nguyễn Du khi mô tả Thúy Vân: “Vân xem trang trọng khác vời - Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”. Thì đúng diện mạo

chị...ngay. Khuôn mặt chị tròn nét mày hơi dày và đậm nhưng tia gọt thanh nhã. Thúy Vân có thêm *Hoa cười ngọc thốt đoan trang*. Trên tấm ảnh kia, nụ cười của tác giả...tươi ơi là tươi, phô bày đôi hàm răng ngọc trai khít khao và đều đặn: *Đoá hoa cười*". (...)

Cười không nổi, bèn lần dẫn chuyện ra mắt thơ ở thành phố Hút-tân.

Ông nhà thơ Hút-tân đăng đàn giới thiệu thơ và người thơ ngục tù Nguyễn Chí Thiện thì ít mà ông nói văng mạng về thơ và “cái tôi” của ông thì nhiều. Chuyện một ngày như mọi bữa tập tục ra mắt sách do nhà văn Duy Lam kể lại: Lần đầu tiên ông tham dự giới thiệu sách của bạn văn ông. Sau khi MC giới thiệu “thân thế sự nghiệp” bạn ông, ông ngỡ ngàng vì bạn ông trở nên...một người xa lạ. Từ đó, ông cách đến già không bén mảng đến...ra mắt sách nữa.

Gần đây có “hội chứng” mấy ông chủ trì hội thoại trên TV, đài phát thanh nhẩy bổ vào văn đàn ra mắt sách làm MC. Khổ nổi lại giống chuyện người viết tựa dùm không đọc tác phẩm của tác giả. Thế nên họ lang thang lếch thếch với văn hoá ra mắt sách một hồi với nhà không số phố không tên rồi...lạc đường vào văn hoá phố, văn hóa phường hồi nào không hay.

Bèn hình dung đến một ngày không có mây sao có mưa, một MC “trân trọng” giới thiệu tác giả là “một tôi” xong. Xong xuôi rồi xin một tràng pháo

tay thật to, “một tôi” mặt đực ra như ngỗng đực chả biết “một tôi” là ai. Và hoang tưởng tiếp đến phần tiệc trà, gặp “quan khách” ai nấy đều chào hỏi “một tôi” là: *Nhà văn*. Ấy là không tưởng thôi, thảng như có thật, ngộ chữ tôi lại ngỡ mình là nhà văn thật thì bỏ bu. Và chắc như gạch nung sau đây mắc chứng hoang tưởng văn mình vợ người (sau đó không đọc văn của ai khác). Thêm bệnh giới bò,...bò đi đâu gặp ai đó chỉ đợi hỏi có “tác phẩm” mới nào chưa? Đề nỏ bậy, nỏ như kho đạn Gò Vấp. Vì đâu phải có một hai tác phẩm là...nhà văn, nhà thơ. Thế mới rõ khi. Thế nên ai đây đã bòn vót...

(...) Một tác giả có nhiều tác phẩm xuất bản chưa chắc là tác giả nổi tiếng. Ngược lại, một tác giả không có tác phẩm xuất bản cũng chưa chắc là tác giả tầm thường. Một ví dụ là thơ Vũ Hữu Định. Ai lại không nhớ những câu thơ như *Em Pleiku má đỏ môi hồng*...(.)

Tác giả và tác phẩm bòn gio đãi sạn xong, ngộ chữ tôi lang thang như thành hoàng làng khó để rình rình...lang thang qua trường phái “Văn chương ai điều”. Với ai điều chết kèn trống, sống dầu đèn thì ra mắt sách cũng có kèn trống đầy đủ lễ bộ nên tốn kém cũng bộn. Mọi nhẽ chỉ thiên hạ sự mua danh ba vạn bán “văn” ba đồng vì cái danh: Nhà văn.

Bởi vì con người ta sống trên đời, vô danh thì dễ, thừa bạn đọc.

Nghe vậy bạn đọc giục giặc “Nhà văn là ai? Họ viết cho ai?”. Nói cho ngay, ngộ chữ tôi ăn mày chữ nghĩa của ai đó ...

(...) Những nhà văn, sở dĩ là nhà văn, bởi vì họ biết cách trình bày thế nào để những điều hết sức dễ hiểu thành...khó hiểu. (...)

Còn nhà văn viết cho ai ư? Theo ngộ chữ tôi đùm đậu:có nhà văn viết cho nhân sinh hôm nay. Thì có nhà văn viết cho mai hậu (khi rày người đọc một thước hai thước hết rồi), viết cho đám hậu bối (hậu sinh không rành tiếng Việt). Nói cho lảm tảm cõi trường hay là hãy vay mượn nhời nhẽ của người ngụ sử văn đàn Saint Beuve đã nhận dạng: *Họ viết cho...cái tên của họ.*

Bạn đọc lại chết kèn trống, sống dầu đèn với: Nhà văn là ai? Vì bạn đọc tịt mịt rằng muốn là nhà văn thành danh phải...chết trước đã. Với chết chóc thì: Nhà văn là...thượng đế!

Vì nếu bạn đọc là “nhân vật” trong tác phẩm của nhà văn. Sướng nhá. Nhưng vì nhà văn là thượng đế nên buồn tình cho bạn đọc (nhân vật chính) chết tức tưởi ngay ở...chương đầu.

Bạn đọc sợ chưa! Vì vậy mới có trường phái văn chương ai điếu, thừa bạn đọc.

Trước 75, ở miền Nam không có tập tục văn hoá “Ra mắt sách”. Qua đất tạm dung, một sớm một chiều có thêm văn chương lão hoá, kéo theo một số

nhà văn hải ngoại rơi rụng dần, với tre già măng mọc...mọc lên một nữ nhà văn trẻ măng xuất thân,...xuất thân từ trường phái “Văn chương ai điều”. Bạn văn nghiệp dư bộc bạch: “...tôi làm liều viết chơi một bài điều văn” qua bài phiếm *Một chón để về* và đầu trở xuống cuống trở lên thề này đây...

(...) Mấy năm trước khi tôi còn là tay mơ chưa quen biết ai thì nhờ vào cáo phó mà biết một vì sao vừa chợt tắt. Một lúc nào đó *tôi làm liều viết chơi một bài điều văn*, không ngờ rất được thưởng thức. Kể từ đó, dần dần người lạ mách người quen mà tôi được nhờ viết điều văn dài dài, bi zi nét ngày một khá. Ai không quen biết tôi tra tiểu sử liệt kê tất cả mọi chi tiết thành đạt của người ấy, tất cả những lời khen đã từng được trao ra. Với người tôi thích hay có quen biết thì tôi đổi giọng nỉ non ngậm ngùi thương tiếc.(...) Bây giờ tôi xông cả vào lãnh vực giới thiệu văn thơ. Kinh nghiệm điều văn giúp tôi viết được cả năm bảy trang giấy mà không cần rõ nghĩa, bởi tôi cũng đâu thực biết văn chương là gì. Tôi rất hài lòng về thành tích của mình, bởi viết lách mà được nhiều mối như vậy thì rõ ràng là chữ nghĩa của tôi phải rất có chiều sâu và trọng lượng. Tôi cũng nghĩ mình rất quan trọng, bởi một tên tuổi mất đi mà thiếu sự tiếc thương cần mẫn thì nó eo sèo nhân thế lắm, thế giới chữ nghĩa này làm sao có thể thiếu được tôi (...).

Nếu như ra mắt sách sinh sau để muện thì văn chương ai điều, theo ngộ chữ tôi tầm chương trích

cú xuất hiện từ thời Tản Đà, khi cụ về trời bán văn, ông Nguyễn Tuân đã viết *Chén rượu vĩnh biệt* để tiễn biệt cụ. Đến nay văn phái ai điều đông như quân Nguyên qua một số người chỉ đợi nhà văn, nhà thơ nào có danh phận, họ làm đám ma khô (vì chết ở xa) mâm cao cỗ đầy với ơn bằng cái đĩa, nghĩa bằng con ruồi và họ làm văn tế ruồi đại loại như...phở:

(...) Nhà thơ Hà Thượng Nhân viết bài khen bài *Bát phở đầu đời* của Nguyễn Tử Đóa như sau: “Chỉ với bài thơ nhỏ tôi dám nghĩ rằng Nguyễn Tử Đóa có cái phong cách của Bạch Cư Dị lẫn Đỗ Phủ. Bạch trong sáng và Đỗ thăm sâu”. (...)

Vì ông Bạch, ông Đỗ soi phở nên hai cụ Nguyễn Tuân, Vũ Bằng chạy te. Nên văn phái ai điều không thiếu những hí, nộ, ái, ố vì một người mới hai tám ngón bốn tám dài, chưa kịp cái quan định luận đã có người dựng quan tài dậy gõ...gõ như Trang Tử...gõ bôn. Thêm chuyện khi sinh tiền người làm thơ và người viết phiếm chửi người vắng như mắng người chết, nhưng khi người viết phiếm về với cõi thì người làm thơ...làm thơ ô hô ai tai như cha chết mẹ chết.

Ấy là trong chôn trường văn trận bút, văn chương ai điều có chuyện mà ngộ chữ tôi không đủ chữ nghĩa để dàn trải những ngậm ngùi bên bờ tử sinh với sinh lão tử bệnh...

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, trong đoạn văn viết về Nguyễn Tất Nhiên nhân cái chết của nhà thơ năm 1992, đã mở đầu như sau : “Sống trong sự quên

lãng và chết dưới những vòng hoa, chuyện đó vẫn diễn ra thường ngày. Ở đâu có con người, ở đó có sự quên lãng. Và, tất nhiên có cả những vòng hoa. . . “. Gặp buổi mưa chiều gió sớm một môn sinh gặp lại ông thầy cũ Nguyễn Xuân Hoàng khi ông đang bên bờ tử sinh và ông sẽ không rơi vào quên lãng. Vì với người môn sinh ngoài tình nghĩa giáo khoa thư. Còn cái tình chữ nghĩa, người môn sinh biết rằng mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi qua một kiếp phù sinh nên đang trần trở cho...một ngày.

Bạn đọc bồi rồi nhìn trời nhìn đất và bơ bãi làm nhà văn có khó khăn lắm chăng?

Ừ thì đề là nhà văn không khó lắm. Tất nhiên nhà văn phải biết cách...chăm câu. (Phùng Nguyễn). Nếu *chữ* là yếu tố của *câu*. Câu ngắn câu dài, hay chữ đẹp, chữ đắt. Câu, chữ, quán, nén, tạo ra một thế giới đơn giản, rất ít lời, lại nhiều việc. Hơi chữ bốc lên hăng hăng và cay không kém gì mùi ớt (hiếm).thì những câu mới tạo nên một bài văn có văn phong.

(...) Văn phong của Du Tử Lê và Mai Thảo có nét chung là cầu kỳ, trau chuốt. Cái khác nhau là trong lúc Du Tử Lê tiết chế, chọn lọc thì Mai Thảo phóng túng. Những con chữ óng chuốt, mượt mà được Mai Thảo thả rong trên trang giấy. Đọc Mai Thảo, tôi tưởng như chữ đẩy mình trôi, trôi mãi trôi hoài, không biết sẽ đến đâu. (...) – (Trần Doãn Nho)

Theo Mai Thảo: “Nhà văn nên biết chút ít chữ Hán. Nếu viết văn không có chữ Hán giống như ngòi ghè không có cái dựa lưng”. Ngòi chữ tôi với bất khả ngôn truyền, nôm là *không nói ra được* bấy lâu nay... Nay với Mai Thảo, dậu đổ bìm leo qua cuộc phỏng vấn giữa hai nhà văn

(...) *Trong truyện có những câu: "tốt số hơn bố giàu" hay "bắc bếp nấu ăn, nằm lăn đánh bạc". Có phải nhà văn Lê Minh Hà ảnh hưởng tiếng ru ca dao tục ngữ của mẹ và bà?*

- Bà nội tôi không biết chữ, nhưng nói mười câu là phải ba bốn câu ca dao tục ngữ. Và những bà lão nhà quê mà tôi có dịp hóng chuyện. Họ là một kho từ ngữ ca dao đầy biên ảo.

- *Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như ngòi, ngẫ ngẫ, to hó, nhảo, nhuôm nhuôm, chĩn chu. Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả không?*

- Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những ngòi, nhảo, nhuôm nhuôm, tôi học từ các bà, các chị ở quê tôi. To hó, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài trước năm 45. Ngẫ ngẫ tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. Chĩn chu thì có trong tự điển. Và nói chung, nhiều chữ tôi dùng hiện vẫn được sử dụng hàng ngày ở VN. Vậy thì đâu có cần chú thích. Vì đó là ngôn ngữ văn học không phải là ngôn ngữ thống kê học.

Nếu người đọc không nắm bắt được thì có thể là tôi đã không chọn từ đúng rồi. (...)

Từ hai nhà văn Hà Nội trên, ngộ chữ học mót chữ của ông Tô Hoài...

(...) Ông rất chú ý học chữ và chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì học được. Ông phân biệt cò nhà chùa thì phải gọi là cò “điều” chứ không phải là cò đỏ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”. (...) – (Nguyễn Đăng Mạnh)

Mượn lược thầy tu thì nhà văn phải biết chơi chữ như các cụ ta xưa chơi câu đối, thả thơ (chọn chữ). Với ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu nôm là *chữ dùng không làm thiên hạ giạt mình thì chết không... nhắm mắt*. Nhà văn tìm được chữ “cấu” vào hồn thì lạc bất khả ngôn, là *surong té người không nói được*. Như nhà văn Võ Phiến “lực đực” dưới đây, thưa bạn đọc...

(...) Tôi đang xun xoe khám phá ra địa phương tính trong cái mới thì chợt nghe bên tai một tiếng cười nghịch ngợm, ngang tàng, của Trần Dần. Bài *Thằng thịt* của ông viết năm 1962:

*Vũm vũm, đưa đẩy
Một cột thịt lực đực vọt đứng
thòn thốn ao thịt*

Vũm vũm, lực đực, thòn thốn, e khó bề gặp được trong tự điển. Lời giải đáp chưa thấy, nhưng hiểu đại

khái, cảm xúc mơ hồ. Không hiểu. Nhưng nghe thấy hay hay *lực đực*....

Xưa nay, trong quá trình tiến hóa vẫn có cái được giữ lại, lại có những cái bị đào thải, dần dần mất dạng. Đến nay đã có bao nhiêu thứ tiếng nói xấu số tàn rụi, chết đi, rồi mất tích? Từ ngữ la liệt. Ngôn ngữ vẫn còn táo bạo, vẫn còn sức sống. Mang trên đầu mấy nghìn tuổi thọ mà vẫn sinh động, vẫn mẫn con tới tấp những *thồn thồn* kháu khỉnh...*vũm vũm!* Thích nhá! (...)

Nằm gác đầu lên gói sách bấy lâu, vắt tay lên trán tự thấy mình nhuộm màu mực tàu giấy bản qua nhân sinh đầy rẫy những cửa tiên công xây đắp đỉnh chung với những bèo trôi xóc nổi. Một chiều ngộ chữ tôi...ngộ ra *vèo trông lá rụng đầy sân, công danh phù thế có ngân ấy thôi* nên cảm khái công danh phù thế chẳng qua là hư ảo của thế tục, chỉ là giấc mộng đầu hôm cuối bãi...nên ngộ chữ tôi viết cho nhân sinh quý thích chí, cứ ngay đơ là viết để đối già...

Một ngày bạn hỏi viết văn há? Nghiệp rồi! Từ ngày ấy ngộ ra hai chữ: Vương nghiệp.

Thế nhưng “chữ” không ngon soi như nhà văn Trần Doãn Nho vạt lộn với chữ nghĩa...

(...) Sau này, nghiện văn, tôi sa đà với chữ. Không từng con chữ một, mà là từng loạt chữ, nói cho văn hoa là ...sáng tác. Lúc đầu, tôi cố cố để chữ, chế chữ, vắn vẹo câu kéo với mục đích chuyên chở

chữ nghĩa. Mà chở nặng quá, chữ không bay được lên trời, không bơi được ra biển lớn. Không...văn chương. Thôi thì hãy đùa chơi với chữ. Nghiệm lại, những áng văn hay thường bịa nhiều hơn thực. Cái *hay* khó tách lìa khỏi cái *bịa*! Nói bịa, nghe bồi bác.

Xin nói lại: Hư cấu.

Hư cấu chẳng là bịa sao, nhưng nghe đã hơn nhiều! Vì sao? Có lẽ vì chúng là...chữ.

Chữ đuổi bắt nhau, vật lộn nhau ngay trước mắt nhưng ta không hề *thấy*. Ngược lại, ta *nghe*, ta *ngửi*. Y như những con chữ có thể bốc lên, tỏa ra. Nghe có hơi. Tôi gọi là hơi chữ (...)

Ấy vậy mà vẫn không thoát nợ với chữ, với nhà văn Phùng Nguyễn...

(...) Chữ không là những *cái xác nằm bẹp đi trên trang sách*, như chúng vốn nằm trong các cuốn từ điển, mà chúng trở thành *những sinh vật biết ngộ nguậy hay biết nhảy múa*. (...)

Ấy đấy khởi đầu ngộ nguậy viết thư tình, viết truyện tình. Đến cái tuổi quy khứ lai từ, những người tình lần lượt rủ rê nhau trốn vào quá vãng. Thất tình, ngộ chữ tôi tỏ tình với chữ nghĩa. Bây giờ ngộ chữ tôi chỉ còn “người tình chữ nghĩa”. Trăm tội ở nhà văn Henry Lewis Mencken súi dại: “Viết văn cũng như làm tình”. Bởi lý do thồn thồn ấy vào một ngày mây đơ đơ nắng ong ong, ngộ chữ tôi làm một đám cưới rất thương tâm với...*người tình chữ nghĩa*.

(...) Tôi mê muội chữ nghĩa đến độ nhìn cái gì tôi cũng thấy ra hình chữ. Ngay cả vợ tôi cũng xuất hiện dưới mắt tôi như một con chữ ngộ nguậy. Con chữ ấy nói chuyện với tôi, cơm nước cho tôi, săn sóc tôi, vuốt ve tôi, hờn giận tôi. Con chữ ấy quần quai và lâu lâu lại rên lên khe khẽ dưới bụng tôi. Đến khi con chữ ấy bỏ tôi ra đi, ngồi một mình trong căn nhà lặng ngắt, tôi mới thấy, thấp thoáng từ xa, thật xa, hình ảnh thật, bằng xương bằng thịt...

Lần đầu, tôi làm tình với chữ nghĩa. (...)

Ngày tháng như quạ bay *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, chợt hãi hùng hoàng hôn trở tới*: Ngộ chữ tôi hoá thân thành...lão. Đến niệm khúc cuối đây, lão mang nổi ám ảnh khôn nguôi: *Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bắt lực*.(Nguyễn Hưng Quốc). Cho đến ngày vợ lão vào chùa quy y ăn chay niệm Bụt, nhằm vào lão hong hanh ở cái tuổi bóng ngả đường chiều. Lão mới ngộ chứng ra: Nhà văn là gì. Nhà văn là “làm sương cho sáo”, nôm là *làm sao cho sương*, bằng cách *thủ dâm với chữ nghĩa*. (James Joyce)

Từ ngày hoá thân thành lão...Lão nhập hồn nhập vía cùng ngày trời tháng Bụt, khi trưa phơi sách khi chiều tưới cây, trong cối mụ mị lão gõ chữ như mõ sớm chuông chiều từng dấu phẩy, dấu chấm, để cho ngòi bút đầy đưa như bèo dạt nổi trôi về...một bến cô liêu.

Lão mừng tượng mười năm sau, chiều đến, cũng ở chỗ ngồi cũ, tay điều thuốc, tay ly rượu, lão ngồi rì mọ đọc lại dăm trang sách cũ vàng ố có tựa đề *Một chút đời già* để tìm thời gian đánh mắt. Cho đến lúc bóng ngả đường chiều phủ lên vườn nhà, nắng quái chiều hôm chụp xuống cái tuổi lá xanh lá vàng. Lão nhẹ dần theo mây khói với ngày qua tháng lại, không còn biết mình đang ngồi đây hay mây đang bay trên trời cao trong những ngày nhạt nắng...

Nay xin thưa.

**Thạch trúc gia trang
Lập xuân, Đinh Dậu 2017**



Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

**Một Chút
Dối Già**

Tập Năm



MỘT CHÚT DỐI GIÀ (TẬP 5) của Ngộ Không Phí Ngọc Hùng, là tác phẩm thứ 51 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu, được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học T.Vấn & Bạn Hữu (T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



Những Tác Phẩm của Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Đã Xuất bản



